**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 3 (52)**

**Năm học 2020 – 2021**

**Đà Nẵng, tháng 07 năm 2021**

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Tin học, quan hệ quốc tế, môi trường và công nghệ Hóa, công nghệ Sinh học, pháp luật, phát triển kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, ngôn ngữ, văn học, điện tử - viễn thông ...

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2020 - 2021 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 3
* Quan hệ quốc tế 7
* Phát triển kinh tế 23
* Tài chính 54
* Ngân hàng 73
* Chính trị 104
* Môi trường và Công nghệ Hóa 106
* Luật học 124
* Giáo dục 157
* Ngôn ngữ 160
* Công nghệ Sinh học 170
* Khoa học sức khỏe 172
* Điện tử - viễn thông 176
* Xây dựng 179
* Kế toán – Kiểm toán 198
* Quản trị kinh doanh 229
* Kiến trúc 321
* Nghiên cứu Văn học 326
* Du lịch 330

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. Automated continuous integration using circleci and firebase for android application development**/ Nguyen Thi Phuong Giang, Tran Thi Minh Khoa// Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- số 47 .- Tr. 81-89.

**Nội dung:** Tích hợp liên tục là cách phổ biến đế các nhà phát triển phần mềm đưa vào công việc thường xuyên của họ. Ngày nay có nhiều công cụ tích hợp liên tục được sử dụng rộng rãi để phát Triển phần mềm. Thảo luận triển khai Circle CI để phát triển ứng dụng Andriod.

**Từ khoá:** Tích hợp liên tục tự động, Andriod, CircleCI

**2. Cải thiện băng thông cho hệ thống ba anten vòng phân cực kép cho ứng dụng mạng WLAN 2.4 GHz**/ Võ Hồng Ngân, Nguyễn Xuân Toại// Khoa học & Đào tạo .- 2020 .- số 02 .- Tr. 5-11.

**Nội dung**: Trình bày hệ thống ba anten dạng vòng hình tròn, phân cực kép có băng thông tương đối rộng được tích hợp vào một Access Point MIMO 3x3, hoạt động ở dãi tần WLAN 2.4 GHz . Anten phù hợp cho các mạng không dây 2.4 GHz với hệ thống nhiều đầu vào và đầu ra MIMO 3x3.

**Từ khóa**: Anten vòng, cải thiện băng thông, WLAN, phân cực kép.MIMO.

**3. Cuộc đua 5G: Mạng thế hệ tiếp theo nào nhanh nhất**/ Nguyễn Văn Yên, Nguyên Quang Hưng// Thông tin và truyền thông .- 2021 .- số 3 .- Tr. 88-93.

**Nội dung:** Bài báo cung cấp thông tin giúp đọc giả hiểu về công nghệ 5G mọt cách tổng quát. Đồng thời cung cấp cho nhà đầu tư chi tiết so sánh cơ hội ở các khu vực , quóc gia trong bối cảnh các nhà mạng 5G đang nhanh chóng triển khai ở nhiều địa điểm trên Thế giới.

**Từ khoá:** Mạng 5G, mạng viễn thông

**4. Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu lớn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo**/ Lò Thị Phương Nhung, Nguyễn Mai Phương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.27-29.

**Nội dung**: Dữ liệu lớn là yếu tố góp phần tạo nên diện mạo mới, mang tính đặc thù của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong giáo dục và đào tạo, dữ liệu lớn có tác động và đem lại lợi ích to lớn như chương trình giảng dạy tùy chỉnh, cải thiện hệ thống đánh giá, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên và đề xuất phương pháp học phù hợp… Chính vì những lợi ích này, chúng ta cần có những giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng dữ liệu lớn trong giáo dục và đào tạo.

**Từ khóa**: Giáo dục và đào tạo, cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng dữ liệu lớn

**5.** **Hoàn thành các khoá tập huấn kỹ năng và phương pháp giảng dạy tin học theo chuần Mos, IC3, IC3 Spark quốc tế/**/ Newsletter .- 2021 .- số 4 .- Tr. 25.

**Nội dung:** Tổ chức giáo dục IIG Việt Nam đã tổ chức thành công các khoá tập huấn kỹ năng và phương pháp gaingr dạy tin học Mos, IC3, IC3 Spark quốc tế cho các trường THPT trên địa ban cả nước.

**Từ khoá:** Tin học, Mos, IIG Việt Nam, IC3 Spark quốc tế

**6. IIG Việt Nam bắt tay với NAL Solutions Đà Nẵng chuẩn hoá năng lực Tiếng Anh và kỹ năng tin học cho cán bộ nhân viên theo chuẩn Toeic và Mos quốc tế/**/ Newsletter .- 2021 .- số 4 .- Tr. 19.

**Nội dung**: Tổ chức giáo dục IIG Việt Nam và công ty NAL Solutions Đà Nẵng tiến hành ký kết hợp tác về việc chuẩn hoá kĩ năng công nghệ thông tin và năng lực ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế Mos và Toeic.

**Từ khoá**: Mos, Toeic, IIG Việt Nam, NAL Solutions Đà Nẵng

**7. Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Vncsirts Network – lực lượng lòng cốt trong bảo vệ an toàn mạng quốc gia của Việt Nam**/ Bùi Thanh Hà// Thông tin và truyền thông .- 2021 .- số 3 .- Tr. 130-132.

**Nội dung:** Trong những năm vừa qua, Chính phủ đã đưa ra hàng loạt các giải pháp quan trọng nhằm nâng cao năng lực đảm bảo an toàn thông tin trong mọi thành phần kinh tế xã hội. Ngay sau khi vụ tin tặc tấn công sân bay tại Việt Nam. Bộ Thông tin và truyền thông đã trình Chính phủ hệ thống phương án đảm bảo an toàn thông tin mạng quốc gia. Phương án sau đó đợc Chính phủ phê duyệt và ban hành.

**Từ khoá:** An toàn thông tin, an toàn mạng, Việt Nam

**8. Một số giải pháp phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ chính phủ số giai đoạn 2021-2025**/ Ngô Thanh Hiền// Thông tin và truyền thông .- 2021 .- số 3 .- Tr. 32-39.

**Nội dung:** Giới thiệu hạ tầng số phát triển chính phú số. Giải pháp phát triển mạng TSLCD giai đoạn 2021-2025 bao gồm: sử dụng công nghệ Segment Routing hướng tới mô hình hoạt động mang định nghĩa phần mềm SDN. Bảo đảm an toàn thông tin kết nối trung tâm dữ liệu. Tái cấu trúc hạ tầng thông tin của bộ ngành. Triền khai hệ thống giám sát kết nối mạng.

**Từ khoá**: Truyền số liệu, Mạng TSLCD, Chính phủ số.

**9. Phát triển thành công xe tự hành thông công cấp độ 4 “Made in Việt Nam”**/ Lê Sơn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.34-36.

**Nội dung**: Với mong muốn đưa công nghệ tự hành tới gần hơn với người Việt, góp phần vào sự phát triển đô thị thông minh nói riêng và cuộc sống của con người nói chung trong thời đại 4.0, lần đầu tiên tại Việt Nam mẫu xe tự hành thông minh cấp độ 4 đã được ra mắt. Đặc biệt, công nghệ này do chính đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia của Tập đoàn Phenikaa nghiên cứu phát triển và đưa vào ứng dụng theo tiêu chuẩn quốc tế.

**Từ khóa**: Xe tự hành thông minh cấp độ 4, Tập đoàn Phenikaa, thời đại 4.0

**10. Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu bảo hiểm: Kinh nghiệm của Hàn Quốc và đề xuất cho Việt Nam**/ Nguyễn Vũ Minh, Changsoo Lee// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 4(Tập 63) .- Tr.13-16.

**Nội dung**: Phân tích mô hình cơ sở dữ liệu (CSDL) bảo hiểm đã được triển khai thành công ở Hàn Quốc, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần sớm hiện thực hóa CSDL bảo hiểm chung tại Việt Nam. Khoản 1, Điều 33 Nghị định 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đã nêu rõ trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong việc xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo việc thống kê và cập nhật tình hình triển khai bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đảm bảo kết nối vào CSDL về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới cũng như trách nhiệm trong việc cung cấp các thông tin tối thiểu lên hệ thống CSDL này. Tuy nhiên trên thực tế, các doanh nghiệp bảo hiểm lại sử dụng hệ thống CSDL riêng của mình mà chưa sẵn sàng chia sẻ thông tin lên CSDL chung, gây khó khăn cho công tác quản lý.

**Từ khóa**: Dữ liệu bảo hiểm, trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới, hệ thống cơ sở dữ liệu bảo hiểm

**11. Tình hình an ninh mạng của Việt Nam và thế giới trong quý I – 2021**/ Quốc Trường// An toàn thông tin .- 2021 .- số 2(060) .- Tr. 48-50.

**Nội dung**: Tình hinh an ninh mạng tại Việt Nam. Tình hình an ninh mạng trên Thế giới. Dự báo xu hướng tấn công mạng trong các quý tiếp theo của năm 2021. Giải pháp phòng chống các nguy cơ tấn công an ninh mạng đang phát triển trong quý 1 – 2021.

**Từ khoá:** An ninh mạng, Việt Nam, Thế Giới

**12. Top 10 vụ vi phạm dữ liệu đáng chú ý đầu thế kỷ 21**/ Phạm Bình Dũng// An toàn thông tin .- 2021 .- số 2(060) .- Tr. 62-65.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu top 21 vụ vi phạm dữ liệu nổi bật đáng chú ý trong thế kỷ 21: Yahoo (2013-2014), target (2013), uber (2016), capital one (2019), equifax (2017), ebay (2014), adobe (2013), marriott international (2014), facebook (2019), whats app (2019).

**Từ khoá**: Vi phạm dữ liệu, Top 10 vụ vi phạm dữ liệu

**13. VNIX-Sứ mệnh kết nối các nền tảng số trong kỷ nguyên số**/ Nguyễn Trường Giang// Thông tin và truyền thông .- 2021 .- số 3 .- Tr. 20-25.

**Nội dung**: Hạ tầng mạng là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển hệ sinh thái số. IXP tương lai của internet tốc độ cao, chât lương tin cậy. IXP trong cuộc khủng hoảng COVID 19. VNIX với vai trò hạ tầng số kết nối các nên tảng số.

**Từ khoá**: Kỷ nguyên số, VNIX

**14. Xác thực và trao đổi khoá trong mạng di động 4G/** Trần Thị Ngà// An toàn thông tin .- 2021 .- số 2(060) .- Tr. 42-44.

**Nội dung**: Mạng 4G là công nghệ truyền thông không dây thế hệ thứ 4 và đang được sử dụng rất phổ biến trên Thế giới cũng như ở Việt Nam. Mạng 4G sử dụng giao thức EPS-AKA để xác thực giữa người dùng và mạng. Đồng thời dẫn xuất các khoá mật mã để bảo vệ tín hiệu và dữ liệu người dùng.

**Từ khoá**: Mạng di động. Mạng 4G

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. 10 năm triển khai ngoại giao văn hóa: để thế giới biết đến Đà Nẵng nhiều hơn**/ Nguyễn Công Tiến// Đối ngoại Đà Nẵng .- 2021 .- số 31 .- Tr.16-19.

**Nội dung**: Tăng cường gắn kết ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Đẩy mạnh gắn kết ngoại giao văn hóa và đối ngoại người việt ở nước ngoài. Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động ngoại giao văn hóa. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

**Từ khóa**: Ngoại giao văn hóa, Đà Nẵng.

**2. 65 năm quan hệ Việt Nam – In-Đô-Nê-Xi-A (1955-2020) nhìn lại và hướng tới/** Dương Văn Huy, Hoàng Thị Giang// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 29-56.

**Nội dung:** Nhìn lại quan hệ Việt Nam – In-đô-nê-xi-a trên các lĩnh vực khác. Từ đó, đưa ra đánh giá về triển vọng của mối quan hệ này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, quan hệ Việt Nam- In-đô-nê-xi-a, Đông Nam Á, ASEAN

**3.** **Ảnh hưởng của Covid-19 đến quan hệ kinh tế Việt - Trung/** Ngô Hiến Vinh, Đỗ Thị Ngân, Phạm Thị Hồng Giang// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 2(234) .- Tr. 67-83.

**Nội dung:** Phân tích ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến mối quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc. Covid-19 cũng là lời cảnh báo cho những vấn đề còn tồn đọng trong quan hệ kinh tế song phương, đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực khắc phục từ hai phía.

**Từ khóa:** Covid-19, quan hệ kinh tế Việt – Trung, thương mại, đầu tư

**4.** **Ảnh hưởng của Mahatma Gandhi với Ấn Độ từ năm 1947 đến nay/** Nguyễn Đắc Tùng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 3(100) .- Tr. 12-17.

**Nội dung:** Phân tích ảnh hưởng củaMahatma Gandhi đến Ấn Độ sau độc lập (từ 1947) đến nay, biểu hiện ở các phương diện: đối với Hiến pháp Ấn Độ, đối với Vinoba Bhave và phong trào cải cách ruộng đất; đối với Sunderlal Bahuguna và phong trào Chipko; đối với Vandama Shiva và phát triển nông nghiệp bền vững; đối với Anna Hazare và phong trào chống tham nhũng.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Covid-19, kinh tế, 2020-2021

**5. Bản sắc châu Âu và chủ nghĩa dân túy tại EU hiện nay/** Trần Thị Khánh Hà// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 2(245) .- Tr. 57-69.

**Nội dung:** Tìm hiểu về nổ lực tìm kiếm một bản sắc châu Âu cũng như cố gắng xây dựng và nâng cao sự gắn bó của người dân với châu Âu, từ đó lý giải chủ nghĩa dân túy tại Liên minh Châu Âu hiện nay từ góc độ văn hóa.

**Từ khóa:** Bản sắc văn hóa, bản sắc châu Âu, chủ nghĩa dân túy

**6. Bản sắc văn hóa Việt Nam trong quan hệ đối ngoại với các nước Asean từ năm 1995 đến nay/** Lê Xuân Thân, Phan Thị Hồng Xuân// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- Số 4(251) .- Tr. 41-48.

**Nội dung:** Bài viết gồm 3 nội dung chính : Định vị văn hóa Việt Nam; Vận dụng các yếu tố văn hóa Việt Nam trong quan hệ đối ngoại với các nước Asean; Một số ý kiến góp phần nâng cao giá trị bản sắc Việt Nam trong Cộng đồng Asean tầm nhìn năm 2025.

**Từ khóa:** Bản sắc văn hóa, quan hệ đối ngoại, Việt Nam, Asean

**7. Bia Ai Cập cổ đại : nguồn gôc và sự tài hoa của nghệ nhân sông Nile/** Bùi Thị Ánh Vân// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 2(186) .- Tr. 14-23.

**Nội dung:** Trình bày hai vấn đề chính: Nguồn gốc ra đời của bia Ai Cập cổ đại và quy trình sản xuất bia của người thợ tài hoa song Nile trước đây.

**Từ khóa:** Bia, Ai Cập cổ đại, nguồn gốc

**8. Các nhân tố chính tác động đến tiến trình giải quyết xung đột Israel-Palestine và triển vọng/** Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 1(185) .- Tr. 3-16.

**Nội dung:** Tập trung phân tích một số nổ lực, đề xuất đáng chú ý của cộng đồng quốc tế thời gian qua, đánh giá những nhân tố chính tác động đến tiến trình giải quyết xung đột Israel-Palestin và dự báo triển vọng thời gian tới.

**Từ khóa:** Israel, Palestine, Trung Đông, xung đột

**9. Chính sách chống tin tức giả của Liên minh Châu Âu/** Lý Thị Hải Yến, Ngô Ngọc Phương// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 187-204.

**Nội dung:** Trình bày chính sách chông tin tức giả của Liên minh Châu Âu. Tin tức giả là một vấn đề quan tâm không chỉ của các xã hội riêng lẻ, mà còn là mối quan tâm chung của nhiều quốc gia trên toàn cầu, ở nhiều cấp độ khác nhau.

**Từ khóa:** Liên minh Châu Âu, tin tức giả, thông tin xuyên tạc, mạng xã hội

**10. Chính sách của Mỹ đới với xung đột Israel – Palestine dưới thời Tổng thống Barack Obama/** Lê Thị Ánh Tuyết// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 4(101) .- Tr. 26-33.

**Nội dung:** Trình bày khái quát nguồn gốc, diễn biến của xung đột Israel – Palestine, chính sách của Mỹ đối với xung đột Israel – Palestine dưới thời Tổng thống Barack Obama và khả năng giải quyết xung đột này, qua đó góp phần bổ sung thêm nhận thức về chính sách của Mỹ đối với vấn đề Israel – Palestine thời kỳ từ tháng 1/2009-1/2017.

**Từ khóa:** Barack Obama, chính sách Mỹ, Trung Đông, xung đột Israel – Palestine

**11. Chủ nghĩa dân túy ở Liên Minh Châu Âu/** Nguyễn Thanh Lan, Đinh Thị Ngọc Linh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 2(245) .- Tr. 31-42.

**Nội dung:** Tìm hiểu một số định nghĩa về chủ nghĩa dân túy, đặc điểm cũng như tác động của chủ nghĩa dân túy ở Liên minh Châu Âu.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa dân túy, Liên minh Châu Âu

**12.** **Chủ trương bình thường hóa quan hệ với Mỹ của Việt Nam (1975 - 1995) và quan hệ Việt – Mỹ trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao (1995 - 2020)/** Nguyễn Văn Tuấn// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 3(100) .- Tr. 29-35.

**Nội dung:** Phân tích, làm rõ chủ trương của Việt Nam trong quá trình đàm phán bình thường hóa quan hệ với Mỹ từ năm 1975 đến năm 1995 và những thành tựu đạt được trong quan hệ chính trị và ngoại giao giữa hai nước từ năm 1995 đến nay.

**Từ khóa:** Bình thường hóa, Việt Nam, Mỹ, quan hệ Việt – Mỹ

**13. Đại dịch covid-19 : một số tác động đến Kinh tế - Xã hội của khu vực Trung Đông/** Phạm Kim Huế// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 1(185) .- Tr. 17-24.

**Nội dung:** Trình bày về tình hình Covid-19 hiện nay ở Trung Đông. Phân tích một số tác động đến kinh tế - xã hội.

**Từ khóa:** Trung Đông, đại dịch Covid-19, kinh tế, xã hội, tác động

**14. Đấu tranh về pháp lý xung quanh vấn đề Biển Đông/** G.M. Lokshin// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 57-78.

**Nội dung:** Tập trung phân tích tình hình ở khu vực Biển Đông trong nửa đầu năm 2020, Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng cường những hành động hiếu chiến bất chấp đại dịch Covid-19 bùng phát và khởi đầu một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp pháp lý giữa Trung Quốc và các quốc gia ven biển trong ASEAN.

**Từ khóa:** Đại dịch Covid-19, biển Đông, Công ước Liên Hợp Quốc tế về Luật Biển năm 1982, tranh chấp pháp lý

**15.** **Di sản tinh thần Huyền Trang : sức mạnh mềm trong quan hệ đối ngoại Trung Quốc/** Thích Thanh Tâm// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 2(234) .- Tr. 47-55.

**Nội dung:** Phân tích và đề cập đến di sản tinh thần Huyền Trang, được Trung Quốc xem là một sức mạnh mềm ngoại giao trong quan hệ đối ngoại ngày nay, đặc biệt trong quan hệ với Ấn Độ.

**Từ khóa:** Di sản tinh thần, Huyền Trang, dấu ấn văn hóa, sức mạnh mềm, quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ

**16.** **Đổi mới quản trị xã hội ở Trung Quốc : thực tiễn và kinh nghiệm/** Nguyễn Trọng Bình// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 2(234) .- Tr. 3-13.

**Nội dung:** Phân tích thực tiễn và kinh nghiệm về đổi mới quản trị xã hội trong quá trình cải cách, mở cuwat ở Trung Quốc.

**Từ khóa:** Quản trị xã hội, đổi mới, Trung Quốc

**17. Hiệp định Rcep và lợi ích của Trung Quốc/** Phạm Thị Thanh Bình// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 3(235) .- Tr. 76-83.

**Nội dung:** Đánh giá những tiềm năng của thị trường RCEP và cả những lợi ích địa chính trị, chiến lược của Trung Quốc. Từ đó bài viết đưa ra một số đánh giá và triển vọng của RCEP.

**Từ khóa:** RCEP, Trung Quốc, lợi ích

**18. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương Quốc Anh và những ảnh hưởng đến thương mại – Đầu tư của Việt Nam/** Hà Văn Hội, Phạm Xuân Hoan// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 3(246) .- Tr. 61-73.

**Nội dung:** Khái quát những nội dung cơ bản của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương Quốc Anh và những ảnh hưởng hiệp định này tới thương mại và đầu tư của Việt Nam. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương Quốc Anh.

**Từ khóa:** Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương Quốc Anh, thương mại, đầu tư

**19. Hiểu về chủ nghĩa dân túy Phương Tây/** Nguyễn Anh Cường// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 2(245) .- Tr. 4-16.

**Nội dung:** Khái quát sự định hình của nó trong lịch sử và từ cách tiếp cận lý thuyết cho tới hành động ở các nước phương Tây để hình dung ngày càng rõ ràng hơn về chủ nghĩa dân túy.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa dân túy, lịch sử dân túy, đặc điểm dân túy

**20. Hồ Chí Minh với việc vận dụng sáng tạo sức mạnh mềm trong hoạt động đối ngoại/** Trần Xuân Hiệp// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 4(101) .- Tr. 59-64.

**Nội dung:** Phân tích vai trò sức mạnh mềm trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam, sự vận dụng sức mạnh mềm trong hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Hoạt động đối ngoại, Hồ Chí Minh, sức mạnh mềm

**21. Hoạch định chiến lược đối ngoại : lý thuyết, thực tiễn và hàm ý nghiên cứu cho Việt Nam trong bối cảnh Hội nhập Quốc tế sâu rộng/** Võ Thị Thu Ngân, Lê Đình Tĩnh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 15-46.

**Nội dung:** Tập trung phân tích một số khía cạnh lý thuyết, tìm kiếm một mô hình đơn giản và hy vọng có hiệu quả cho việc hoạch định chiến lược đối ngoại, liên hệ với thực tiễn, từ đó đưa ra một số hàm ý về mặt nghiên cứu cho Việt Nam trong quá trình xây dựng chiến lược đối ngoại mới trong kỷ nguyên hội nhập quốc tế sâu rộng.

**Từ khóa:** Hoạch định chiến lược, lợi ích quốc gia, mô hình duy lý, nghiên cứu chiến lược, quốc gia tầm trung

**22. Hợp tác kinh tế Lào – Trung Quốc những năm gần đây và một số tác động chủ yếu đối với Lào/** Trương Duy Hòa// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- Số 4(251) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Phân tích một số nội dung của mối quan hệ này chủ yếu từ khía cạnh thương mại, đầu tư và viện trợ. Từ đó chỉ ra một số tác động tích cực và hậu quả tiêu cực và hậu quả tiêu cực của mối quan hệ này đối với sự phát triển của Lào hiện nay.

**Từ khóa:** Kinh tế Lào, hợp tác kinh tế Lào – Trung, Lào – Trung Quốc

**23.** **Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy của Việt Nam : thực trạng và giải pháp/** Bùi Nam Khánh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 3(100) .- Tr. 36-43.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy của Việt Nam và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** An ninh phi truyền thống, hợp tác quốc tế, chống tội phạm, tội phạm ma túy

**24. Hợp tác thương mại và đầu tư giữa Trung Quốc và các tiểu Vương Quốc Arab thống nhất/** Trương Hoàng Thùy Vân// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 3(187) .- Tr. 18-27.

**Nội dung:** Phân tích và chỉ ra những kết quả đã đạt được cũng như nguyên nhân của những kết quả đó trong mối quan hệ hợp tác giữa hai nước. Từ đó, đưa ra những triển vọng hợp tác về thương mại và đầu tư giữa hai nước trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Trung Quốc, UAE, hợp tác, thương mại, đầu tư

**25.** **Khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương : tiếp cận từ lý thuyết phức hệ an ninh khu vực/** Đỗ Khương Mạnh Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 3(100) .- Tr. 24-28.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng lý thuyết phức hệ an ninh khu vực để xem xét sự hình thành cũng như vai trò của siêu cường Mỹ trong việc định hình nên phức hệ an ninh khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

**Từ khóa:** Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, an ninh khu vực, lý thuyết phức hệ khu vực, siêu cường toàn cầu Mỹ

**26.** **Khuôn khổ pháp lý về kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ của Cộng hòa Pháp/** Nguyễn Văn Quân, Võ Thị Hoài// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 1(244) .- Tr. 37-45.

**Nội dung:** Giới thiệu khuôn khổ pháp lý kiểm soát xung đột lợi ích trong lịch sử nước Pháp và hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành về phòng ngừa, kiểm soát xung đột lợi ích tại Pháp.

**Từ khóa:** Xung đột lợi ích, tính công minh, tính vô tư, công chức, Cộng hòa Pháp

**27.** **Kinh nghiệm của Pháp về tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và một vài kiến nghị cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Hồng Nhung, Lê Thị Ngọc Yến// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 1(244) .- Tr. 72-82.

**Nội dung:** Giới thiệu mô hình tổ chức đại diện người lao động theo pháp luật Cộng hòa Pháp, và những quy định về quyền thương lượng tập thể của tổ chức này trong bối cảnh Bộ luật Lao động 2019 của Việt Nam còn mới và chưa được cụ thể hóa nhằm đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

**Từ khóa:** Tổ chức đại diện người lao động, Pháp, thành lập, thương lượng tập thể

**28. Liên minh vì chủ nghĩa đa phương: Thực tiễn, triển vọng và hàm ý chính sách đối với Việt Nam/** Phạm Diệu My// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 77-92.

**Nội dung:** Khái lược về quá trình ra đời và phát triển của Liên minh vì chủ nghĩa đa phương, các nguyên tắc và nội dung của Liên minh, sự tham gia của các nước, từ đó đánh giá về triển vọng của Liên minh trong thời gian tới và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Liên minh vì chủ nghĩa đa phương, Chủ nghĩa đa phương, Liên Hợp Quốc

**29.** **Một số xu thế chính trong phát triển quan hệ Việt Nam – EU tới 2030/** Nguyễn An Hà, Vũ Mai Phương// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 1(244) .- Tr. 3-15.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng quan hệ Việt Nam – EU giai đoạn 2010-2020, trên cơ sở đánh giá dự báo những tác động của bối cảnh mới, đưa ra một số xu thế chính trong phát triển quan hệ hợp tác Việt Nam – EU tới 2030 dựa trên những cơ sở pháp lý quan trọng là Hiệp định Đối tác và hợp tác toàn diện (PCA) được kí kết năm 2012 và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVIPA) được kí kết năm 2020, trong đó EVFTA đã có hiệu lực từ ngày 01/8/2020.

**Từ khóa:** Thực trạng, bối cảnh mới, quan hệ, phát triển, xu thế

**30.** **Nền tảng hợp tác quốc phòng Việt Nam – Hoa Kỳ/** Hoàng Cẩm Thanh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 2(99) .- Tr. 42-49.

**Nội dung:** Phân tích nền tảng cho việc hợp tác song phương quốc phòng kể từ những năm đầu tiên của giai đoạn bình thường hóa đến năm 2000.

**Từ khóa:** Hoa Kỳ, quan hệ quốc phòng, Việt Nam

**31. Ngoại giao công chúng mới hay ngoại giao công chúng kỹ thuật số/** Dương Văn Quảng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 139-162.

**Nội dung:** Ngoại giao công chúng mới dựa trên kỹ thuật số và quyền lực mềm là sự tương tác hai chiều từ quốc gia ra quốc tế và từ quốc tế vào quốc gia, thúc đẩy giao lưu văn hóa thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng góp phần thực hiện ba mục tiêu của đối ngoại: an ninh, hòa bình, phát triển và nâng cao vị thế.

**Từ khóa:** Ngoại giao công chúng kỹ thuật số, ngoại giao văn hóa, quyền lực mềm, thương hiệu quốc gia

**32. Ngoại giao số : góc nhìn từ Ấn Độ và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Thái Hoàng Hạnh Nguyên// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 4(101) .- Tr. 11-16.

**Nội dung:** Tóm lược thực trạng ứng dụng ngoại giao số vào đối ngoại của đất nước Ấn Độ. Từ đó, tác giả đưa ra một số khuyến nghị mà Việt Nam có thể cân nhắc áp dụng.

**Từ khóa:** Ấn Độ, ngoại giao số, Việt Nam

**33. Nguồn gốc ra đời, những biểu hiện của chủ nghĩa dân túy ở Châu Âu hiện nay và những cảnh báo cho Việt Nam/** Đinh Công Tuấn// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 2(245) .- Tr. 17-30.

**Nội dung:** Phân tích những cơ sở lý luận về sự ra đời, nguồn gốc lịch sử và thực tiễn hoạt động trên thế giới, ở châu Âu của chủ nghĩa dân túy. Từ đó bài viết đưa ra những nhận xét và cảnh báo nguy cơ của chủ nghĩa dân túy đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa dân túy, dân chủ cực đoan, mị dân

**34. Nhìn lại quá trình 10 năm đổi mới của ngành Logistics Trung Quốc (2009-2019) – bài học phát triển Logistics cho Việt Nam/** Nguyễn Mai Đức// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 3(235) .- Tr. 17-29.

**Nội dung:** Đánh giá bối cảnh ra đời cũng như những thành tựu và hạn chế của kế hoạch này sẽ giúp Việt Nam rút ra được những bài học để phát triển ngành Logistics của chúng ta.

**Từ khóa:** Logistics, Trung Quốc, kinh nghiệm phát triển Logistics, cải cách phát triển Logistics

**35. Nước Pháp trước những thách thức của Hồi giáo/** Trần Minh Hoàng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 3(246) .- Tr. 12-19.

**Nội dung:** Phân tích vai trò của Hồi giáo tại Pháp, những thách thức và cách xử lý của Nhà nước Pháp nhằm đảm bảo vai trò trung lập của nhà nước.

**Từ khóa:** Pháp, tôn giáo, Hồi giáo, thách thức

**36. Phát huy sức mạnh nhân văn trong ngoại giao Việt Nam/** Lê Hải Bình, Hoàng Oanh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 7-28.

**Nội dung:** Trình bày một số vấn đề lý luận về truyền thống ngoại giao nhân văn Việt Nam, tập trung vào tư tưởng và ngoại giao nhân văn Hồ Chí Minh. Phân tích cơ sở thực tiễn và một số thành tựu của ngoại giao nhân văn Việt Nam. Đưa ra một số gợi ý chính sách để phát huy hơn nửa ngoại giao nhân văn trong thời kỳ mới.

**Từ khóa:** Ngoại giao Việt Nam, ngoại giao nhân văn Hồ Chí Minh

**37.** **Phát triển các khu kinh tế ở chấu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** Nguyễn Việt Dũng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 2(99) .- Tr. 35-41.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng phát triển 3 KKT điển hình ở châu Á là: Đặc khu kinh tế Thâm Quyến, Trung Quốc; Khu kinh tế tự do Incheon, Hàn Quốc và Đặc khu kinh tế Iskandar, Malaysia. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm cho phát triển KKT ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Incheon, Iskandar, khu kinh tế, thâm quyến, Việt Nam

**38. Quan điểm và thích ứng của Đông Nam Á trước sự gia tăng ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc tại khu vực/** Trương Quang Hoàn// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 3(235) .- Tr. 30-47.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ một số nội dung cơ bản sau: Khái quát gia tăng ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á; Quan điểm của Đông Nam Á trước sự gia tăng ảnh hưởng kinh tế Trung Quốc tại khu vực; Thích ứng của Đồng Nam Á trước sự gia tăng ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc tại khu vực.

**Từ khóa:** Đông Nam Á, ASEAN, Trung Quốc, ảnh hưởng kinh tế

**39. Quan hệ Ấn Độ - Myanmar trong lĩnh vực thương mại và đầu tư vào thập niên đầu thế kỷ XXI/** Nguyễn Tấn Bình, Hoàng Thị Minh Hoa// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 4(101) .- Tr. 1-10.

**Nội dung:** Tập trung tìm hiểu quan hệ thương mại và hợp tác đầu tư giữa Ấn Độ và Myanmar trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, qua đó giúp người đọc hiểu rõ hơn về quan hệ kinh tế nói riêng và quan hệ hai nước nói chung trong giai đoạn nghiên cứu nói trên.

**Từ khóa:** Ấn Độ, đầu tư, quan hệ, thương mại, Myanmar

**40.** **Quan hệ chính trị, an ninh Ấn Độ - Myanmar : nhìn từ tác động của chính sách đối ngoại dưới thời Thủ tướng Narendra Modi/** Nguyễn Tấn Bình, Trần Xuân Hiệp// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 2(99) .- Tr. 1-8.

**Nội dung:** Trình bày tầm quan trọng của Myanmar trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Phân tích mối quan hệ chính trị, an ninh Ấn Độ - Myanmar thời Thủ tướng Narendra Modi.

**Từ khóa:** Ấn Độ, chính sách đối ngoại. Myanmar, Narendra Modi, quan hệ chính trị

**41. Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Australia giai đoạn 2018 – 2020 và triển vọng/** Nguyễn Trần Kim Ngọc// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- Số 4(251) .- Tr. 49-57.

**Nội dung:** Phân tích và điểm qua lịch sử phát triển quan hệ Đối tác Chiến lược từ năm 1973 để làm rõ hơn ý nghĩa của những thành tựu và triển vọng trong quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam – Australia từ năm 2018 đến 2020.

**Từ khóa:** Quan hệ, đối tác chiến lược, Việt Nam, Australia

**42. Quan hệ hữu nghị và hợp tác Quốc tế thời kỳ Covid-19**/ Lê Thị Thu Hạnh// Đối ngoại Đà Nẵng .- 2021 .- số 31 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Quá trình ký kết hợp tác đối ngoại, quan hệ hữu nghị trong nước và ngoài nước của thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ Covid 19. Trao đổi, hợp tác thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

**Từ khóa**: Quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế, Thời kỳ Covid – 19

**43. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức trong giai đoạn 1950-1975/** Lương Thị Hồng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 3(246) .- Tr. 74-81.

**Nội dung:** Tập trung phân tích quá trình hợp tác, giúp đỡ về kinh tế của Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Đức đối với Việt Nam trong giai đoạn 1950-1975 nhằm thể hiện mối quan hệ bền chặt giữa Chính phủ Việt Nam và Đức, đồng thời khẳng định đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng trong quá trình vận động, tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế.

**Từ khóa:** Cộng hòa Dân chủ Đức, Việt Nam, hợp tác, viện trợ, kinh tế

**44.** **Quan hệ Trung – Mỹ trong tháng đầu tiên tổng thống Joe Biden cầm quyền/** Trường Lưu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 2(234) .- Tr. 29-38.

**Nội dung:** Trong tháng đầu tiên tân Tổng thống Mỹ Joe Biden lên cầm quyền (20/1/2021-20/2/2021) quan hệ Trung – Mỹ đã có những động thái quan trọng thể hiện trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh quân sự, kinh tế - thương mại. Đó là những tín hiệu cho phép chúng ta dự báo xu thế quan hệ Trung – Mỹ trong thời gian tới đây.

**Từ khóa:** Quan hệ Trung – Mỹ, Trung Quốc, Mỹ, Joe Biden

**45. Quan niệm về Bun và Bạp được phản ứng trong tiếng Thái Lan/** Nguyễn Thị Thùy Châu// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- Số 4(251) .- Tr. 31-40.

**Nội dung:** Nhằm mục đích phân tích nghĩa của hai từ bun và bạp trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày và trong các thành ngữ, tục ngữ tiếng Thái Lan. Qua đó, người đọc sẽ hiểu hơn quan niệm về thiện và ác trong đời sống của người Thái.

**Từ khóa:** Bin và bạp, thiện và ác, tiếng Thái Lan

**46. Quy định hiến chương ASEAN về thực hiện nghĩa vụ thành viên ASEAN và một số khó khăn đối với Việt Nam**/ Hoàng Thị Quỳnh Trang// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- 121(181) .- Tr. 128-132

**Nội dung**: Nghiên cứu vấn đề đặt ra tiêu chí khả năng thực hiện nghĩa vụ thành viên ASEAN. Những khó khăn đặt ra đối với Việt Nam trong việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của ASEAN.

**Từ khoá:** ASEAN, nghĩa vụ thành viên

**47. Quyền lực cấu trúc của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình/** Trần Bảo Hoàng Bách, Đỗ Thị Thủy// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 205-232.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng quyền lực cấu trúc của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình, từ đó đánh giá thành tựu và hạn chế của nó trong nền kinh tế chính trị Quốc tế hiện nay.

**Từ khóa:** Quyền lực cấu trúc, Tập Cận Bình, kinh tế chính trị Quốc tế

**48. Sự điều chỉnh trong chính sách an ninh nước nhỏ của Thụy Sĩ sau Chiến tranh lạnh/** Đỗ Thị Thủy, Hà Văn Lực// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 3(246) .- Tr. 36-50.

**Nội dung:** So sánh đối chiếu với trường hợp Thụy Sĩ sau Chiến tranh Lạnh, từ đó đưa ra những đánh giá về tính hiệu quả của chính sách này.

**Từ khóa:** Thụy Sĩ, chính sách an ninh, trung lập

**49. Sự tham gia của Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Xin-Ga-Po tại Bắc cực và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Nguyễn Việt Lâm// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 103-122.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đánh giá về sự tham gia của Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Xin-Ga-Po tại Bắc cực và hàm ý chính sách cho Việt Nam. Từ đó, đề xuất chính sách tham chiếu đối với Việt Nam là rất cần thiết.

**Từ khóa:** Bắc cực, biến đổi khí hậu, tuyến đường Biển Bắc, Nam Cực

**50. Tác động của đại dịch Covid-19 đối với thế giới và quan hệ Quốc tế, gợi ý chình sách của Việt Nam/** Bùi Nam Khánh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 79-102.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đối với thế giới và quan hệ quốc tế, trên cơ sở đó kiến nghị một số chính sách đối với Việt Nam trong lĩnh vực đối ngoại và quan hệ quốc tế.

**Từ khóa:** An ninh phi truyền thống, Covid-19, quan hệ quốc tế, trật tự thế giới

**51. Tác động của quan hệ ASEAN – Trung Quốc đối với quan hệ Việt – Trung về tranh chấp chủ quyền trên biển giai đoạn 2013 đến nay/** Trương Công Vĩnh Khanh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 4(101) .- Tr. 51-58.

**Nội dung:** Trình bày quan hệ ASEAN – Truong Quốc đối với vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển giai đoạn 2013 đến nay. Đánh giá tác động của quan hệ ASEAN – Trung Quốc đối với vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển.

**Từ khóa:** ASEAN, Biển Đông,quan hệ Việt – Trung, tác động

**52.** **Thái độ của chính khách nước Pháp trước biến động chính trị trong đế chế Anh – Trường hợp cuộc đấu tranh của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775-1783)/** Lê Thành Nam// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 1(244) .- Tr. 16-27.

**Nội dung:** Phân tích thái độ của nhiều chính khách đang làm việc trong cung điện Versailles khi cuộc chiến tranh giữa Anh với các thuộc địa của họ ở Bắc Mỹ diễn ra. Những nhận thức từ phía chính giới Pháp về một sự kiện liên quan trong nội bộ đế chế Anh trở thành cơ sở cho người đứng đầu chế độ phong kiến nước Pháp quyết định lựa chọn phương án can thiệt vào cuộc đấu tranh đang xảy ra ở lục địa châu Mỹ.

**Từ khóa:** Đế chế Anh, nước Pháp, Bắc Mỹ, cách mạng Mỹ, chính khách

**53.** **Thế tiến thoái lưỡng nan trong tam giác quan hệ Mỹ - Trung Quốc – Đài Loan/** Chu Công Huy// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 2(234) .- Tr. 56-66.

**Nội dung:** Phân tích 3 nội dung sau: Những hiệp định ràng buộc giữa các cặp quan hệ đến nay; Hiện trạng mối quan hệ Mỹ - Trung – Đài Loan; Thế tiến thoái lưỡng nan trong tam giác quan hệ Mỹ - Trung Quốc – Đài Loan.

**Từ khóa:** Mối quan hệ ba bên, thế tiến thoái lưỡng nan, Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan

**54. Thực hiện chính sách giáo dục hòa nhập ở Ấn Độ và so sánh với Việt Nam/** Đỗ Thị Bích Thảo// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 4(101) .- Tr. 17-25.

**Nội dung:** Trình bày một số chính sách giáo dục hòa nhập ở Ấn Độ. Từ đó đưa ra một số sáng kiến cải cách giáo dục của Chính phủ Ấn Độ với mục đích đảm bảo môi trường giáo dục hòa nhập tốt nhất cho trẻ khuyết tật.

**Từ khóa:** Ấn Độ, chính sách, giáo dục hòa nhập, thực hiện chính sách

**55. Tìm hiểu Ngoại giao số : khái niệm và những phân tích ban đầu/** Lê Đình Tĩnh, Lại Anh Tú// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 137-160.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đánh giá làm rõ các điểm liên quan đến khái niệm ngoại giao số ở khía cạnh lý thuyết và đề xuất khung phân tích cho các nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa:** Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ số, không gian mạng, ngoại giao Việt Nam

**56.** **Tranh chấp biên giới, lãnh thổ giữa các nước ASEAN và một số khuyến nghị đối với Việt Nam/** Lê Thị Thúy Hiền// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 2(99) .- Tr. 26-34.

**Nội dung:** Khảo sát, đánh giá tình hình tranh chấp song phương và đa phương về biên giới, lãnh thổ trên bộ và trên biển giữa các nước Asean. Phân tích nguyên nhân và các biện pháp đã được các bên liên quan sử dụng để giải quyết vấn đề, đồng thời dự báo về xu hướng và khả năng giải quyết tranh chấp, bất đồng về biên giới, lãnh thổ trong nội bộ Asean thời gian tới. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị góp phần giúp Việt Nam có thể phát huy hiệu quả vai trò một thành viên Asean tích cực, chủ động tham gia bảo vệ hòa bình, ổn định tại khu vực cũng như bảo đảm lợi ích chính đáng của mình liên quan đến các tranh chấp, bất đồng về biên giới, lãnh thổ với các nước láng giềng.

**Từ khóa:** Asean, biên giới, Đông Nam Á, lãnh thổ, tranh chấp

**57. Tranh chấp chủ quyền trên biển Đông Địa Trung Hải giữa Hy Lạp, Cộng hòa Síp với Thổ Nhĩ Kỳ và một số vấn đề đặt ra/** Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 3(246) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Tìm hiểu bối cảnh, nội dung chính của tranh chấp này và những vấn đề đặt ra về bản chất, tác động và triển vọng giải quyết tranh chấp giữa các bên liên quan.

**Từ khóa:** Tranh chấp, Hy Lạp, Síp, Thổ Nhĩ Kỳ, Biển Đông Địa Trung Hải

**58. Trao đổi Thương mại Việt Nam – Đài Loan sau khi Việt Nam gia nhập WTO/** Mai Thanh Tú// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 3(235) .- Tr. 63-75.

**Nội dung:** Phân tích và so sánh quan hệ hợp tác thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Xuất khẩu, nhập khẩu, Đài Loan, Việt Nam, WTO

**59.** **Vai trò của ngoại giao nhân dân trong quan hệ Việt - Trung/** Giáp Thị Vịnh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 2(234) .- Tr. 39-46.

**Nội dung:** Phân tích vai trò quan trọng của ngoại giao nhân dân trong quan hệ Việt – Trung, từ đó đưa ra một số nhận xét và kiến nghị nhằm phát triển hình thức ngoại giao quan trọng này.

**Từ khóa:** Quan hệ Việt – Trung, ngoại giao nhân dân

**60. Vai trò và tác động qua lại giữa các nhân tố Quân sự - Kinh tế trong Quan hệ Quốc tế/** Đoàn Văn Thắng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 233-252.

**Nội dung:** Đề cập đến môi trường tương tác giữa quan hệ chính trị với các quan hệ kinh tế, quân sự. Tác giả cũng nêu rõ các tương tác chính trị phục vụ các mục tiêu an ninh và kinh tế và sự tác động qua lại của các nhân tố quân sự, kinh tế tới chính trị Quốc tế.

**Từ khóa:** Sức mạnh quân sự, chính trị Quốc tế, an ninh quốc tế, tư duy chính trị

**61. Vai trò và tác động quan lại giữa các nhân tố Luật pháp, văn hóa trong Quan hệ Quốc tế/** Đoàn Văn Thắng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 187-210.

**Nội dung:** Khái quát một số khái niệm về luật pháp Quốc tế. Tác giả nhấn mạnh trong quan hệ chính trị quốc tế, luật pháp quốc tế và văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng, đòi hỏi các nhà nghiên cứu quốc tế phải nắm vững và ứng dụng linh hoạt trong mọi hoạt động quốc tế.

**Từ khóa:** Luật Quốc tế, văn hóa, luật pháp và quan hệ quốc tế, văn hóa và đàm phán quốc tế

**62. Vấn đề giới trong Quan hệ Quốc tế và ngoại giao Việt Nam vì bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ/** Vũ Lê Thái Hoàng, Nguyễn Hoàng Như Thanh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 47-76.

**Nội dung:** Phân tích vấn đề bình đẳng giới trong quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại từ góc độ lý luận và thực tiễn một số nước. Từ đó bài viết đề xuất các hàm ý cho việc tiếp cận, xây dựng và triển khai lồng ghép giới cho ngoại giao Việt Nam.

**Từ khóa:** Bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ, lồng ghép giới, chủ nghĩa vị nữ, chính sách đối ngoại vị nữ

**63. Việt Nam và Liên Bang Nga trong hội nhập kinh tế Á – Âu và Châu Á – Thái Bình Dương/** Đỗ Hương Lan// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- Số 3(246) .- Tr. 82-90.

**Nội dung:** Phân tích vai trò và vị trí của hai nước trong tiến trình hợp tác và hội nhập kinh tế Á – Âu và Châu Á – Thái Bình Dương.

**Từ khóa:** Hội nhập kinh tế Á – Âu, Việt Nam, Liên Bang Nga, châu Á – Thái Bình Dương

**64. Xu hướng mở rộng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Myanmar sau khủng hoảng chính trị/** Trương Duy Hòa// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- Số 4(251) .- Tr. 12-19.

**Nội dung:** Phân tích và đưa ra nhận định những điều kiện thúc đẩy xu hướng mở rộng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Myanmar và hàm ý chính sách cho Asean, trong đó có Việt Nam.

**Từ khóa:** Trung Quốc, Myanmar, đầu tư trực tiếp

**65.** **Yếu tố Ấn giáo trong các tôn giáo trên đất Phù Nam xưa/** Lê Đức Hạnh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 2(99) .- Tr. 9-17.

**Nội dung:** Trình bày lược sử vương quốc cổ Phù Nam. Phân tích sự hiện diện của các tôn giáo từ Ấn Độ.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Hindu giáo, Phật giáo, Phù Nam, văn hóa Óc Eo

**66. Yếu tố bản sắc trong quan hệ Trung-Nhật-Hàn và tác động đến hợp tác khu vực Đông Bắc Á từ 2010 đến nay/** Đỗ Thị Thủy, Phùng Thị Hồng Nhung// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 4(123) .- Tr. 161-186.

**Nội dung:** Phân tích sự trỗi dậy của yếu tố bản sắc trong quan hệ giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc và tác động đến hợp tác khu vực Đông Bắc Á. Bài viết kết luận rằng quá trình tái định bản sắc quốc gia ở mỗi nước là một trong những nguyên nhân chính cản trở sự phát triển của quan hệ Trung-Nhật-Hàn cũng như hợp tác khu vực Đông Bắc Á từ 2010 đến nay và chưa có dấu hiệu cho thấy tình trạng này sẽ được cải thiện trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Bản sắc quốc gia, hợp tác Đông Bắc Á, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc

**67. Yếu tố đạo đức trong quan hệ Quốc tế hiện nay : một số vấn đề về lý luận và thực tiễn/** Lê Ngọc Hân// Nghiên cứu Quốc tế .- 2021 .- Số 3(122) .- Tr. 253-270.

**Nội dung:** Trình bày khái niệm đạo đức quốc tế được bàn luận chủ yếu trên góc độ chủ thể là Quốc gia, để xem xét hành vi của quốc gia trong quan hệ quốc tế.

**Từ khóa:** Đạo đức quốc tế, tiêu chuẩn, hành vi ứng xử, quy tắc

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Ảnh hưởng của công nghệ số tới phương pháp giảng dạy và đào tạo ngành kế toán**/ Mai Thị Sen // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 13 – 15.

**Nội dung:**Trình bày vai trò, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với phương pháp giảng dạy ngành kế toán và một số định hướng đổi mới phương pháp dạy và đào tạo ngành kế toán.

**Từ khóa:** Công nghệ số, phương pháp giảng dạy, đào tạo ngành kế toán, cách mạng nông nghiệp 4.0

**2. Các biện pháp phát triển công nghiệp theo hướng bền vững của Nhật Bản và Hàn Quốc**/ Tô Hiến Thà, Tô Đê Hạng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr.112 – 113.

**Nội dung:** Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững là phương thức phát triển công nghiệp theo yêu cầu phát triển bền vững, trong đó tốc độ và chất lượng tăng trưởng công nghiệp được duy trì cao và ổn định, đảm bảo yêu cầu về sự hài hoà giữa các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp theo hướng bền vững. Ở mỗi vùng, mỗi địa phương, do có những đặc điểm khác nhau nên sự tác động, ảnh hưởng của các nhân tố cũng khác nhau. Tuy nhiên, xét một cách chung nhất thì phát triển kinh tế nói chung, phát triển công nghiệp theo hướng bền vững nói riêng đều chịu sự tác động của các nhóm nhân tố.

**Từ khóa:** Phát triển công nghiệp, Nhật Bản, Hàn Quốc

**3. Các giải pháp TP. Hồ Chí Minh cần thực hiện khi xây dựng đô thị thông minh**/ Nguyễn Thị Quý// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 56-62.

**Nội dung**: Với việc Chính phủ Phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh bền vững VN giai đoạn 2018 -2025 và định hướng đến năm 2030, với xu thế chung của nhiều thành phố lớn trong khu vực và thế giới và đặc biệt với những lợi ích mà đô thị thông minh mang lại, TP.HCM đang quyết tâm xây dựng đô thị thông minh theo thương hiệu của chính mình. Vấn đề là TP.HCM sẽ xây dựng đô thị thông minh như thế nào và mô hình đô thị thông minh TP.HCM dự kiến sắp tới sẽ ra sao. Bài viết này tổng hợp một số kinh nghiệm xây dựng đô thị thông minh của các thành phố khác trong khu vực và thế giới, ý kiến một số chuyên gia về xây dựng đô thị thông minh, đánh giá thực trạng TP.HCM đang đối mặt và đưa ra một số giải pháp trọng yếu TP.HCM cần thực hiện để xây dựng đô thị thông minh đúng hướng, hiệu quả.

**Từ khoá**: Đô thị thông minh, công nghệ thông tin

**4. Các nhân tố ảnh hưởng đến công bố báo cáo bộ phận của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội**/ Nguyễn Ánh Hồng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 100 – 102.

**Nội dung:** Bài viết phân tích mức độ ảnh hưởng các nhân tố: Quy mô doanh nghiệp, độ phân tán quyền sở hữu, môi trường pháp lý,các công ty kiểm toán và khả năng sinh lời. Qua đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy việc công bố báo cáo bộ phận của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội.

**Từ khóa:** Thị trường chứng khoán, Hà Nội, quy mô doanh nghiệp

**5. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp theo hướng bền vững**/ Tô Hiến Thà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 106 – 108.

**Nội dung:** Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững là phương thức phát triển công nghiệp theo yêu cầu phát triển bền vững, trong đó tốc độ và chất lượng tăng trưởng công nghiệp được duy trì cao và ổn định, đảm bảo yêu cầu về sự hài hoà giữa các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp theo hướng bền vững. Ở mỗi vùng, mỗi địa phương, do có những đặc điểm khác nhau nên sự tác động, ảnh hưởng của các nhân tố cũng khác nhau. Tuy nhiên, xét một cách chung nhất thì phát triển kinh tế nói chung, phát triển công nghiệp theo hướng bền vững nói riêng đều chịu sự tác động của các nhóm nhân tố.

**Từ khóa:** Phát triển công nghiệp, kinh tế bền vững

**6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý phát triển kinh tế biển ở Việt Nam hiện nay**/ Hồ Việt Thanh, Tô Đê Hạng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.94 - 95.

**Nội dung:** Phát triển kinh tế biển là yêu cầu bức thiết của các quốc gia biển trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Căn cứ vào quy mô, mức độ lợi thế biển và tuỳ vào từng giai đoạn, các quốc gia biển có định hướng phát triển kinh tế biển cụ thể. Điểm chung của phát triển kinh tế biển là việc mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và gia tăng mức độ khai thác các nguồn lợi từ biển nhằm tăng tỷ trọng phát triển trong các ngành kinh tế biển, hướng tới một nền kinh tế biển bền vững, hiện đại.

**Từ khoá:** Phát triển kinh tế biển, kinh tế biển.

**7. Các yếu tố tác động đến việc làm có năng suất ở Việt Na**m/ Phạm Minh Thái, Vũ Hoàng Đạt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.61 - 63.

**Nội dung:** Quá trình tăng trưởng của Việt Nam đã tạo cơ hội việc làm cho phần lớn các nhóm dân số. Việc mở rộng các ngành thâm dụng lao động, định hướng xuất khẩu như giầy da, dệt may, chế biến thực phẩm đã tạo cơ hội cho một số lượng lớn lao động dịch chuyển từ nông nghiệp hay khu vực phi chính thức sang khu vực phi nông nghiệp và chính thức. Đồng thời, có sự dịch chuyển từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành kỹ thuật cao như điện tử, mặc dù vẫn ở mức gia công, lắp ráp tiếp tục là động lực cho việc nâng cao năng suất và thu nhập của người lao động.

**Từ khoá:** Việc làm, người lao động.

**8. Cách mạng công nghiệp 4.0: cơ hội và thách thức đối với nông nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Văn Chung, Nguyễn Thanh Hiệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 10 – 12.

**Nội dung:**Trình bày vài nét về cách mạng công nghiệp 4.0 và cách mạng nông nghiệp 4.0; cơ hội và thách thức; đề xuất một số giải pháp để xây dựng và hoàn thiện.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, cách mạng nông nghiệp, Việt Nam

**9. Cần tạo mọi điều kiện có thể cho sự phát triển kinh tế tư nhân**/ Phạm Thăng, Thái Văn Vinh, Trần Lê Khang, Nguyễn Ngọc An, Văn Tiến Đạt// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Vì nhiều lý do, từ đầu thập niên 50 đến giữa thập niên 80 của thế kỷ 20, kinh tế tư nhân ở VN không có điều kiện để phát triển. Điều đó có thể giúp giải quyết tốt hơn việc thực hiện những vấn đề chính trị lúc bấy giờ. Tuy nhiên, từ giữa thập niên 70, khi tình thế đã thay đổi, kinh tế tư nhân nói riêng và các thành phần kinh tế khác ngoài quốc doanh nói chung vẫn chưa được phát triển dẫn đến nhiều khó khăn về kinh tế và sau đó cả chính trị. Bối cảnh đó đã dẫn đến sự thay đổi tư duy kinh tế từ Đại hội lần thứ VI (1986). Kể từ đó đến nay, nhiều chính sách, luật lệ, nghị định, chủ trương mới ra đời tạo điều kiện không nhỏ cho kinh tế tư nhân nói riêng và nền kinh tế VN phát triển mạnh mẽ. Điều đó càng cho thấy tính cấp bách của việc đề xuất những chủ trương, chính sách hợp lý cho sự phát triển kinh tế tư nhân VN trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khoá**: Kinh tế tư nhân, thành phần kinh tế, quốc doanh, tư duy kinh tế

**10. Chất lượng tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam**/ Lưu Tiến Dũng// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 55-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích chất lượng tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 1990-2018, qua đó cung cấp các bằng chứng lý luận và thực tiễn hướng đến đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp trong những năm tới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm và phát triển bền vững

**Từ khoá**: chất lượng tăng trưởng ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp bền vững, TFP, nông nghiệp Việt Nam

**11. Chỉ số tiến bộ xã hội và mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**/ Trần Quang Tuyến, Lê Văn Đạo, Nguyễn Anh Tú// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Nghiên cứu này giới thiệu và phân tích sự phù hợp của chỉ số tiến bộ xã hội (SPI) cho mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Chỉ số tiến bộ xã hội đánh giá bao quát và toàn diện nhiều khía cạnh cho xây dựng phát triển đất nước. Theo đó, chỉ số này đo lường sự đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người, các nền tảng phúc lợi và cơ hội để phát triển trong dài hạn với 12 cấu phần và 51 chỉ tiêu cụ thể. Chỉ số này không những phù hợp với mục tiêu phát triển của đất nước, theo nghị quyết 432/QĐ-TTg, lấy con người làm trọng tâm, phát triển bao trùm đảm bảo mục tiêu dài hạn mà còn phù hợp với quy luật phát triển và bối cảnh cụ thể ở Việt Nam. Bài nghiên cứu cho rằng cần thiết phải xây dựng và triển khai bộ chỉ số này nhằm hướng đến phát triển bền vững của quốc gia.

**Từ khoá**: Tự do kinh tế, tiến bộ xã hội, kinh tế thị trường, phát triển bao trùm, Việt Nam

**12. Chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật ở Việt Nam: Kết quả thực hiện và giải pháp hoàn thiện**/ Lê Thị Anh Vân// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr.34-43.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật ở Việt Nam. Chính sách được phân tích trong giai đoạn 2016- 2019. Quá trình thực hiện các chính sách này đã góp phần quan trọng vào việc tạo cơ hội học nghề và việc làm cho người khuyết tật, nâng cao chất lượng đời sống của họ và gia đình. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy những hạn chế, bất cập từ việc hoạch định đến tổ chức thực thi chính sách này. Do đó, bài viết đề xuất 05 giải pháp chủ đạo, bao gồm các giải pháp về: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tuyên truyền chính sách; đánh giá việc thực hiện chính sách; phát huy vai trò của các trung tâm đào tạo nghề; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động.

**Từ khoá**: Chính sách; dạy nghề; tạo việc làm; người khuyết tật

**13. Chính sách phát triển ngành nghề nông thôn ở huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội hiện nay**/ Đỗ khắc Canh, Cấn Thị Thuỳ Linh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 61 – 63.

**Nội dung:** Bài viết chỉ ra tình hình phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn và những chính sách phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn ở huyện Thạch Thất. Trên cơ sở đó, tạo tiền đề để các cấp uỷ Đảng, chính quyền huyện Thạch Thất có những chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn phù hợp, khắc phục những hạn chế nêu trên.

**Từ khóa:** Phát triển ngành nghề nông thôn, Thạch Thất, Hà Nội

**14 Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp Hà Nội trong bối cảnh phát triển mới của Thủ đô**/ Phạm Văn Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.28 - 30.

**Nội dung:** Trong những năm qua, cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Nội đã chuyển dịch theo hướng tiến bộ, góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2019 - 2020 đã hoàn thành sứ mệnh của mình. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, nhiều nhân tố mới xuất hiện ảnh hưởng đến sự phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô. Đồng thời, Hà Nội vẫn còn những tiềm năng phát triển nông nghiệp rất lớn, chưa được khai thác. Do đó, việc cơ cấu lại, thực hiện chuyển dịch cơ cấu trong điều kiện phát triển mới của Thủ đô là rất cần thiết.

**Từ khoá:** Chuyển dịch cơ cấu, nông nghiệp.

**15. Cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ và thực trạng các nguồn vốn ảnh hưởng đến sinh kế người dân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp/** Lưu Văn Năng// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 14-17.

**Nội dung:** Khảo sát việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp và sinh kế người có đất nông nghiệp bị thu hồi tại một số dự án tại các tỉnh: Sơn La, Hưng Yên, Nghệ An, Khánh Hòa, Đắc Lắc và Long An nhằm tìm hiểu thực trạng một số nguồn vốn ảnh hưởng đến sinh kế người dân khi Nhà nước. thu hồi đất nông nghiệp, đề xuất một số khuyến nghị nhằm ổn định sinh kế, nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư bị thu hồi đất nông nghiệp.

**Từ khóa:** Nguồn vốn, sinh kế người dân,Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp

**16.** [**Di dân nhằm khơi thông tụ đọng lao động cho phát triển kinh tế - xã hội/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/4.pdf) **Nguyễn Văn Đắng, Thái Minh Quân// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 19-23.**

**Nội dung: Mối quan hệ giữa di dân và quá trình phát triển ngày càng được khẳng định chặt chẽ qua nhiều nghiên cứu và chính sách của Chính phủ. Di dân vừa là động lực thúc đẩy lại vừa là kết quả của sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia, đồng thời sự phát triển về kinh tế - xã hội tạo ra lực đẩy và hút cho quá trình di dân. Người di cư, với tư cách là một bộ phận đáng kể của lực lượng lao động, là nền tảng cơ sở cho sự phát triển kinh tế - xã hội lại là những người tạo ra sự tụ đọng dân số khi mà các luồng di dân không được khơi thông. Tình trạng tụ đọng quá lớn dân số ở nông thôn là một nguyên nhân làm cho năng suất lao động thấp, quá trình phân công lại lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hiệu quả diễn ra chậm chạp. Sự tụ đọng này đồng thời cũng diễn ra ở các thành phố lớn khi mà luồng di dân ‘đảo chiều’ còn yếu ớt và không được quan tâm đến. Bài viết này tác giả đi vào phân tích sự tụ đọng lao động tại nông thôn và thành thị, nguyên nhân của sự tụ đọng này là do sự chưa khơi thông cả hai dòng di dân là dòng di dân truyền thống và di dân đảo chiều từ đó tác giả có đề xuất Khuyến nghị.**

**Từ khóa: Di dân, tụ đọng lao động, phát triển kinh tế**

**17. Đặc điểm của nền kinh tế tri thức và vốn trí tuệ**/ Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Thủy, Hoàng Thị Mai Anh// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.49 - 55.

**Nội dung:** Sự ra đời của nền kinh tế tri thức là một xu thế tất yếu. Trong nền kinh tế này, lao động và vốn được thay thế bằng kiến thức - nguồn lực cơ bản của sản xuất. Sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức, là nền tảng cho sự phát triển của vốn trí tuệ. Bài báo tập trung phân tích các nền kinh tế tri thức và các quan điểm khác nhau về vốn trí tuệ.

**Từ khoá:** Kinh tế tri thức, vốn trí tuệ.

**18. Đánh giá các chính sách ứng phó với COVID-19 để hỗ trợ nền kinh tế và các khuyến nghị chính sách cho giai đoạn tiếp theo**/ Tô Trung Thành// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 10-20.

**Nội dung**: Kinh tế Việt Nam mặc dù có tăng trưởng khả quan so với thế giới, nhưng cũng bị tác động nặng nề bởi COVID-19. Chính phủ đã có hàng loạt chính sách hỗ trợ nền kinh tế để ứng phó với đại dịch. Tuy nhiên, một số chính sách còn chưa hiệu quả, chưa bao quát hết các đối tượng bị tác động, hoặc tỷ lệ giải ngân còn thấp. Các doanh nghiệp đang kỳ vọng vào gói hỗ trợ thứ hai và mong muốn hướng nhiều hơn vào hỗ trợ chi phí sản xuất và cải thiện thủ tục nhận hỗ trợ. Do dư địa chính sách thu hẹp, các chính sách hỗ trợ tiếp theo cần đảm bảo nguyên tắc ổn định kinh tế vĩ mô. Bên cạnh các chính sách ngắn hạn, Chính phủ cần duy trì các giải pháp dài hạn để kinh tế có thể phục hồi sau đại dịch và tiếp tục phát triển bền vững.

**Từ khoá**: COVID-19, chính sách ứng phó, gói hỗ trợ kinh tế, Việt Nam

**19. Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng tới mức độ áp dụng kỹ thuật canh tác lúa ""1 phải 5 giảm"" được chuyển giao tới nông hộ ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long**/ Trần Thu Hà, Mai Thanh Trúc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 584 .- Tr.60 - 62.

**Nội dung:** Từ năm 2009 tới nay, hệ thống khuyến nông nhà nước và các dự án quốc tế đã tích cực triển khai chuyển giao gói kỹ thuật đương đại 1 Phải 5 giảm như một giỏ kỹ thuật mang lại các hiệu quả về kinh tế qua việc giảm sử dụng vật tư đầu vào, giảm sử dụng nước tưới do vậy đạt đồng lợi ích giảm phát thải khí nhà kở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Các mô hình chuyển giao đã bước đầu chứng minhđược hiệu quả đối với sản xuất lúa. Tuy nhiên, diện tích và nông hộ áp dụng toàn phần các kỹ thuật được chuyển giao vẫn còn khiêm tốn và tỷ lệ áp dụng các kỹ thuật được chuyển giao chưa đồng đều dẫn tới hiệu quả của gói kỹ thuật. Mô hình kinh tế lượng Ologit được sử dụng để nghiên cứu phân tích những yếu tố khiến cho việc áp dụng 1P5G diễn ra không đồng bộ ở các hộ dân cùng nhận chuyển giao kỹ thuật 1P5G qua hệ thống khuyến nông nhà nước và dự án quốc tế. Các kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng để minh chứng tính thích hợp của kỹ thuật 1P5G trong sản xuất thâm canh lúa qui mô lớn và vai trò của hệ thống khuyến nông nhà nước và dự án quốc tế trong chuyển giao kỹ thuật 1P5G tới nông hộ sản xuất lúa ở ĐBSCL.

**Từ khoá:** Kỹ thuật 1P5G, kỹ thuật canh tác, kinh tế nông nghiệp

**20. Đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế tại Hà Tĩnh và một số giải pháp đề xuất**/ Cao Thị Lệ Quyên, Nguyễn Thị Dung// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 127-129.

**Nội dung**: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh giá trị mới tăng thêm của hàng hóa và dịch vụ được tạo ra trên địa bàn tỉnh/thành phố trong một thời gian nhất định (6 tháng hoặc một năm). Trong những năm qua, kinh tế Hà Tĩnh đạt tốc độ tăng trưởng cao nhờ hoạt động sản xuất công nghiệp (chủ yếu là Công ty Formosa và Bia Sài Gòn). Đặc biệt, về tốc độ tăng trưởng GRDP của Hà Tĩnh đã đạt 20,65% năm 2018. Tuy nhiên, đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng Hà Tĩnh ước chỉ đạt 0,1%, thấp nhất so với các tỉnh trong khu vực Bắc Trung Bộ. Bài viết đánh giá tốc độ tăng GRDP tại tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 2017-2019, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Hà Tĩnh trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tốc độ tăng trưởng, tổng sản phẩm trên địa bàn, Hà Tĩnh

**21. Đóng góp của Đảng Cộng sản Pháp trong phong trào cộng sản, công nhân Tây Âu thời kỳ chiến tranh lạnh**/ Nguyễn Thị Minh Thảo//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.45 - 47.

**Nội dung:** Ra đời trong phong trào công nhân (PTCN) và là một trong những đảng cộng sản (ĐCS) được thành lập sớm ở Châu Âu, trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh, ĐCS Pháp đã luôn kiên trung trong cuộc đấu tranh bảo vệ các lợi ích thiết thực của giai cấp công nhân (GCCN) và của các tầng lớp nhân dân lao động; phấn đấu vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Quá trình hoạt động, đấu tranh cách mạng của mình, ĐCS Pháp đã dành được sự tin tưởng của GCCN và quần chúng nhân dân Pháp và cho đến thập niên 70 của thế kỷ XX, ĐCS Pháp không chỉ nắm giữ vị trí đứng đầu lực lượng cánh tả Pháp, mà còn trở thành một trong những ĐCS hàng đầu khu vực với những đóng góp quan trọng cả về lý luận và thực tiễn đối với phong trào cộng sản và công nhân (PTCS&CN) Tây Âu.

**Từ khoá:** Đảng Cộng sản Pháp, chiến tranh lạnh, đóng góp.

**22. Điều hành kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kiểm soát đại dịch Covid-19**/ NguyễnTrọng Tài, Nguyễn Thị Huyền Trang // Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 2-7.

**Nội dung**: Đề cập đến điều hành kinh tế vĩ mô trước những khó khăn, thách thức trong kiểm soát đại dịch Covid-19 trên toàn cầu và đưa ra một số khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Kinh tế vĩ mô, kiểm soát đại dịch Covid-19

**23. Đô thị hóa có thực sự làm giảm tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam?/** Phan Thị Liệu, Bùi Hoàng Ngọc// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm phân tích tác động của tỉ lệ đô thị hóa, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và lạm phát đến tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam, giai đoạn 1991-2018. Ứng dụng phương pháp tự hồi quy phân phối trễ ARDL (Autoregressive Distributed Lag) do Pesaran và cộng sự (2001) đề xuất, nghiên cứu tìm được bằng chứng là tỷ lệ đô thị hóa chỉ làm giảm tình trạng thất nghiệp trong ngắn hạn, chứ không cải thiện trong dài hạn. Bên cạnh đó, cả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và lạm phát đều làm giảm tỷ lệ thất nghiệp trong dài hạn. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm giúp các cơ quan quản lý Nhà nước hoạch định chính sách và quản lý tốt hơn tình trạng thất nghiệp hiện nay.

**Từ khoá**: Đô thị hóa, tỷ lệ thất nghiệp, đầu tư trực tiếp nước ngoài, lạm phát, ARDL

**24. Đổi mới sáng tạo trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam/** Nguyễn Chí Hải, Huỳnh Thị Lý Na// Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của hoạt ddoongjddooir mới sáng tạo dựa vào dữ liệu đánh giá của 3 loại chỏ số gồm: chỉ số mới sáng taojtaonf cầu (GII), chỉ số năng lực cạnh tranh 4.0 (GCI 4.0) và chỉ số mức độ sẵng sàng cho tương lai của sản xuất (FOP), nghiên cứu sẽ phân tích những điểm sáng về đổi mới sáng tạo, đồng thời đánh giá những điểm hạn chế và bất cập, từ đó đưa ra một số giải pháp đảy mạnh đổi mới sáng tạo trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển nền kinh tế số, Việt Nam

**25. Giải pháp đẩy mạnh phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam**/ Phan Thị Ái// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Thực trạng phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam và giải pháp đẩy mạnh phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin

**26. Giải pháp góp phần phát triển bền vững ngành dệt may Việt Nam**/ Lê Thị Vân Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng phát triển ngành Dệt may Việt Nam; phát triển ngành Dệt may theo hướng bền vững tại Việt Nam; Giải pháp phát triển bền vững ngành Dệt may.

**Từ khoá**: Tiêu dùng xanh, hiệp định thương mại tự do, thời trang, Ngành Dệt may

**27. Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên**/ Phạm Thị Hồng Nhung// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 130-132.

Nội dung: Thái Nguyên là tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế trong phát triển ngành Nông nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và những khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra hiện nay, việc đẩy mạnh phát triển nông nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Thái Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Để đẩy mạnh phát triển ngành Nông nghiệp của Tỉnh trong giai đoạn tới, cần thực hiện một số giải pháp đồng bộ.

**Từ khoá**: Phát triển nông nghiệp, Thái Nguyên

**28. Giải pháp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030**/ Ngô Thị Lan Hương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 52-54.

**Nội dung**: Phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã là một trong bốn thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Để định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong 10 năm tới, ngày 12/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 340/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030, với mục tiêu được xác định rõ là thúc đẩy loại hình kinh tế này phù hợp với quy luật khách quan, dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...

**Từ khoá**: Kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế quốc dân, liên kết sản xuất

**29. Giải pháp thúc đẩy hình thành và phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Thu Hà// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 44-47.

**Nội dung**: Kinh tế tuần hoàn là mô hình tổ chức, vận hành kinh tế cho phép nâng cao tính bền vững, hiệu quả của tăng trưởng kinh tế, khi tiến bộ khoa học đạt tới trình độ cao, nhưng tài nguyên ngày càng cạn kiệt, ô nhiễm môi trường gia tăng, trong khi, nhu cầu của con người và xã hội lớn. Những yếu tố cấu thành mô hình kinh tế này đã xuất hiện ở nền kinh tế truyền thống các nước, trong đó có Việt Nam. Sức ép và những thách thức từ nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội đòi hỏi Việt Nam phải sớm chuyển đổi mô hình kinh tế truyền thống sang mô hình kinh tế tuần hoàn một cách chủ động với những bước đi thích hợp.

**Từ khoá**: Kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững, ô nhiễm môi trường

**30. Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam**/ Đàm Thanh Tú, Trần Trọng Nguyên// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 10-19.

**Nội dung**: Hiện nay, kinh tế số đã phát triển mạnh mẽ và làm thay đổi nhanh mọi mặt của đời sống xã hội, đóng góp rất đáng kể vào tổng thu nhập quốc dân của nhiều quốc gia. Hiểu biết một cách đúng đắn và toàn diện cả về lợi ích cũng như về thách thức đối với kinh tế số là một trong những điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế số theo con đường tối ưu nhất. Bài viết này cung cấp khái niệm về kinh tế số, cách đo lường kinh tế số và chỉ ra một số thách thức từ sự phát triển kinh tế số ở Việt Nam. Qua đó, bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp để thúc đẩy sự phát triển kinh tế số Việt Nam trong giai đoạn 2020 – 2030.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp, chuyển đổi số, công nghệ thông tin, kinh tế số

**31. Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025**/ Trần Thị Bình // Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.122 - 124.

**Nội dung:** Hà Tĩnh là tỉnh thuộc khu vực miền Trung Việt Nam. Những năm gần đây, kinh tế Hà Tĩnh dã có bước phát triển nổi bật, dần khẳng định được vị thế của mình, trở thành một trong những trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực miền Trung và là một trong những tỉnh đứng tốp đầu về thu hút đầu tư nước ngoài. Bài viết phân tích kết quả phát triển kinh tế của Hà Tĩnh thời gian qua và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát kinh tế Hà Tĩnh thời gian tới.

**Từ khoá:** Phát triển kinh tế, Hà Tĩnh, giải pháp, thực trạng.

**32. Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm**/ Phạm Thị Tường Vân// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.18 - 21.

**Nội dung:** Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang đẩy mạnh chính sách phát triển kinh tế ban đêm. Không nằm ngoài xu thế đó, trong những năm qua, hoạt động kinh tế ban đêm ở Việt Nam cũng mới chỉ khai thác ở qui mô nhỏ, hoạt động mang tính tự phát riêng lẻ, manh mún tại một số đô thị và trung tâm du lịch lớn ... Việt nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng phát triển kinh tế ban đêm, do đó, trong thời gia tới cần có định hướng giải pháp để phát triển kinh tế ban đêm nhằm tạo ra những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế đất nước.

**Từ khoá:** Kinh tế ban đêm, du lịch, kinh tế du lịch.

**33. Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế thu hút FDI của Trung Quốc và bài học cho tỉnh Thái Nguyên**/ Đỗ Thị Thu Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.51 - 53.

**Nội dung:** Trung Quốc luôn được xếp hạng là một trong những quốc gia dẫn đầu thế giới về thu hút đầu tư FDI. Bí quyết tạo nên sự thành công đó là chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương tập trung giải quyết đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích kinh tế giữa các chủ thể trong thu hút FDI. Bài viết bàn sâu thêm nội dung này làm bài học kinh nghiệm cho tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khoá:** Kinh tế, thu hút FDI.

**34. Giới tính và sự khác biệt trong tiền lương của người lao động tại thành thị và nông thôn Việt Nam**/ Quách Dương Tử, Trần Thị Anh Thư// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 25-33.

**Nội dung**: Bài viết áp dụng phương pháp phân rã Oaxaca dựa trên bộ số liệu khảo sát tình hình cư trú năm 2015 của Worldbank nhằm xác định sự khác biệt tiền lương giữa lao động nam và nữ tại thành thị và nông thôn ở 5 tỉnh thành của Việt Nam gồm: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương và Đắk Nông. Kết quả cho thấy có sự chênh lệch tiền lương về giới tính, cụ thể tiền lương của lao động nam cao hơn nhiều so với lao động nữ khi xét ở thành thị lẫn nông thôn. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh điểm xu hướng (PSM) cũng được áp dụng nhằm kiểm định độ tin cậy cho kết quả phân giải. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng, ở những phân vị tiền lương khác nhau thì chênh lệch tiền lương giữa nam và nữ cũng khác nhau, cụ thể khoảng cách tiền lương về giới sẽ nhỏ ở phân vị thấp và càng mở rộng ở phân vị cao hơn.

**Từ khoá**: Giới tính, phân rã Oaxaca, tiền lương

**35. Hiệu quả quản lý nợ nước ngoài của Nigeria, Malaysia và bài học cho Việt Nam**/ Đỗ Thị Kim Tiên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.25 - 27.

**Nội dung**: Vay nợ nước ngoài là một giải pháp khá hiệu quả và hợp lý để phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng cho các mục tiêu phát triển của các nước trên thế giới nói chung và những nước đang phát triển như Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, do đây là khoản đi vay, phải trả nên phải quản lý nợ nước ngoài hiệu quả. Bài viết tập trung phân tích là rõ hiệu quả trong công tác quản lý nợ nước ngoài của hai nước Nigeria và Malaysia, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong công tác này.

**Từ khoá:** Nợ nước ngoài, bài học kinh nghiệm.

**36. Hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh Vĩnh Phúc**/ Nguyễn Thị Thu Hương, Đỗ Thị Nâng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Tập trung phân tích chính sách phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh Vĩnh Phúc thời gian qua và đề xuất một số khuyến nghị hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh Vĩnh Phúc trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khóa:** Chính sách, phát triển, kinh tế tư nhân, tỉnh Vĩnh Phúc

**37. Hoàn thiện chính sách tái định cư đối với dân tộc thiểu số ở một số dự án thủy điện ở nước ta hiện nay/** TS. Nguyễn Anh Phong// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 21-23.

**Nội dung:** Một số kết quả khảo sát thực hiện chính sách tái định cư ở dự án thủy điện; Chính sách tái định cư và hậu tái định cư hiện nay; Một số giải pháp hoàn thiện chính sách.

**Từ khóa**: Tái định cư, dân tộc thiểu số, thủy điện, chính sách

**38. Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**/ Phạm Thị Thùy Dương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Trình bày thành tựu nối bật trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhận diện những hạn chế, thách thức, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy nhanh việc hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh tế thị trường, thành phần kinh tế, đồng bộ thể chế

**39. Khai thác tiềm năng phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhiều tiềm năng phát triển hoạt động kinh tế ban đêm nhờ có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, có đặc trưng văn hóa độc đáo, ẩm thực đặc sắc, hấp dẫn theo mỗi vùng miền, có mức độ hội nhập cao nhưng trên thực tế mới chỉ khai thác ở quy mô nhỏ, hoạt động mang tính tự phát riêng lẻ, manh mún... Do đó, trong thời gian tới cần nhận diện những điều kiện thuận lợi và những tồn tại, khó khăn trong phát triển kinh tế ban đêm, từ đó có giải pháp thúc đẩy kinh tế ban đêm phát triển, tạo ra những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế đất nước.

**Từ khoá**: kinh tế ban đêm, phát triển, tăng trưởng kinh tế

**40. Khảo sát dòng chảy thông tin từ các thị trường tài chính thế giới đến thị trường chứng khoán Việt Nam : Tiếp cận bằng Transfer Entropy**/ Trần Thị Tuấn Anh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 21-33.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng số liệu giá đóng cửa hàng ngày của thị trường dầu thô, thị trường vàng, thị trường chứng khoán Thượng Hải của Trung Quốc, thị trường chứng khoán Mỹ và các chỉ số chứng khoán của Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 2 năm 2012 đến tháng 6 năm 2019 để khảo sát dòng chảy thông tin từ các thị trường của thế giới đến Việt Nam bằng cách tính toán transfer entropy. Kết quả tính toán cho thấy thị trường chứng khoán Việt Nam, đại diện bằng chỉ số VN-index gần như không phản ứng với dòng thông tin từ thị trường dầu thô nhưng có phản ứng với thông tin từ thị trường vàng giao ngay với độ trễ 2 ngày. Bên cạnh đó, bằng chứng thống kê thông qua transfer entropy cho thấy thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp nhận thông tin nhanh và mạnh từ thị trường Mỹ, một thị trường vốn năng động và lớn nhất thế giới. Thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng có tác động đến thị trường Việt Nam nhưng yếu hơn và có độ trễ từ 3 ngày.

**Từ khoá**: Dòng chảy thông tin, thị trường dầu thô, thị trường vàng, thị trường chứng khoán Thượng Hải, thị trường chứng khoán Mỹ

**41. Khó Khăn trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Na**m/ Nguyễn Thị Tình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.48 - 50.

**Nội dung:** Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua việc tham gia một loạy các tổ chức khu vực và toàn cầu, ngành nông nghiệp cũng đón nhận cả những cơ hội và thách thức. Nhất là khi tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp thì Việt Nam được coi là điểm đến an toàn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Việc thu hút những nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực này sẽ giúp nền nông nghiệp Việt Nam tiếp công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch trong chuỗi giá trị sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng và giá trị gia tăng cao; đồng thời sẽ giúp Việt Nam sử dụng và bảo vệ tốt tài nguyên thiên nhiên, toại thêm nhiều việc làm và đưa cách thức quản lý tiên tiến ứng dụng vào nền công nghiệp.

**Từ khoá:** Nông nghiệp, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

**42. Khu pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh tế của Việt Nam**/ Phạm Tiến Đạt// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.10 - 13.

**Nội dung:** Kinh tế ban đêm được coi là một công cụ để phát triển các dịch vụ, văn hoá và tạo ra nhiều việc làm cho người dân, đóng góp đáng kế vào nguồn thu ngân sách của địa phương cũng như của quốc gia. Việc phát triển kinh tế ban đêm cũng mang lại nhiều thách thức và rủi ro, đặc biệt là vấn đề quản lý. Một trong những giải pháp để vượt qua thách thức đó là phải có một khung pháp lý điều chỉnh phù với hoạt động kinh tế ban đêm ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Kinh tế ban đêm, kinh tế dịch vụ.

**43. Kinh nghiệm phát triển kinh tế ban đêm tại một số quốc gia**/ Nguyễn Đức Bảo, Trần Đức Hiệp// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.25 - 29.

**Nội dung:** Để mở đường cho kinh tế ban đêm tại Việt Nam phát triển, việc nghiên cứu thực trạng, chính sách phát triển hoạt động kinh tế ban đêm tại một số quốc gia là hết sức cần thiết. Đi đầu trong phát triển kinh tế ban đêm trên thế giới, phải kể đến những mô hình phát triển rất thú vị và sáng tạo như: Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Australia, Pháp, Nhật Bản, Thái Lan hay Trung Quốc ... Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng phát triển và chính sách quản lý kinh tế ban đêm tại một số quốc gia bài viết rút ra những kinh nghiệm có thể nghiên cứu áp dụng vào bói cảnh thực tiễn phát triển kinh tế ban đêm tại Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá:** Kinh tế ban đêm, mô hình kinh tế, kinh tế du lịch.

**44. Kinh nghiệm phát triển kinh tế dữ liệu của Hàn Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam**/ Nguyễn Hải Đăng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 77-82.

**Nội dung**: Tại nhiều quốc gia trên thế giới, kinh tế dữ liệu đã hình thành, phát triển và đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam không nằm ngoài xu thế này. Qua kinh nghiệm của Hàn Quốc trong thực hiện chính sách xây dựng, phát triển các ngành kinh tế dữ liệu, bài viết đề xuất một số giải pháp cho Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế số thông qua xây dựng những ngành công nghiệp dựa vào dữ liệu.

**Từ khoá**: Kinh tế số, tăng trưởng kinh tế, kinh tế dữ liệu

**45. Kinh tế số và đo lường kinh tế số tại các nước và Việt Nam/** Đặng Thị Việt Đức// Thông tin & truyền thông .- 2021 .- số 3 .- Tr. 62-65.

**Nội dung**: Giới thiệu khái niệm kinh tế số và sự phát triển của khái niệm kinh tế số. Đo lường kinh tế số. Đo lường một vài khía cạnh của nên kinh tế số. Đo lường toàn diện nền kinh tế số. Kinh tế và đo lường kinh tế số tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế số, Việt Nam

**46. Kinh tế số Việt Nam - những điểm nghẽn cần tháo gỡ và các giải pháp phát triển theo hướng bền vững**/ PGS.TS. Trần Mai Ước// Ngân hàng .- 2021 .- Số 10(Tháng 05) .- Tr. 10-15.

**Nội dung**: Bài viết phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến kinh tế số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

**Từ khoá**: Kinh tế, kinh tế số

**47. Kinh tế số Việt Nam : những điểm nghẽn cần tháo gỡ và các giải pháp cơ bản phát triển kinh tế số theo hướng bền vững**/ Trần Mai Ước// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 8 (569) .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Bài viết phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến kinh tế số Việt Nam giai đoạn hiện nay.

**Từ khoá**: Kinh tế số, cách mạng công nghiệp lần thứ 4

**48. Kinh tế thế giới năm 2020 và triển vọng năm2021/ Thu Ngọc//** Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 3+4 (564+565) .- Tr. 64-68.

**Nội dung**: Tập trung đánh giá kinh tế toàn cầu suy giảm trên diện rộng; hoạt động sản xuất. Dịch vụ, thương mại, đầu tư trên toàn cầu giảm mạnh , đặc biệt trong nửa đầu năm 2020; lạm phát toàn cầu vẫn ở mức thấp; chính sách tiền tệ được nới lỏng để hỗ trợ vực dạy nên kinh tế trong đại dịch.

**Từ khoá**: Kinh tế thế giới

**49. Kinh tế thị trường hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay**/ Trần Đức Hiếu// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ một số nội dung liên quan đến kinh tế thị trường hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như đưa ra một số chủ trương để tiếp tục hoàn thiện nền kinh tế thị trường hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Từ khoá**: Kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa

**50. Kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế ở Việt Nam**/ **Chu Văn Cấp, Trần Hoàng Hiểu// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 7-12.**

**Nội dung: Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản VN đã chỉ rõ: “Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế”. Vậy, phát triển kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế có phải là tất yếu đối với VN không? Những đặc trưng của kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế trên thế giới và ở VN là gì? Bài viết này góp phần làm sáng tỏ các vấn đề nêu trên.**

**Từ khóa: Kinh tế thị trường, định hướng XHCN, hiện đại, hội nhập quốc tế, Việt Nam**

**51. Kinh tế tuần hoàn : cơ hội và thách thức đối với Việt Nam/** Nguyễn Đình Hòa, Ma Ngọc Ngà, Vũ Tuấn Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Ngày nay, Việt nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức về ô nhiemx mmoi trường cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu. Đây là những yếu tố đã và đang ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng đến sự phát triển kinht ế của nước ta. Do đó, theo các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước, để giải quyết các vấn đề trên, Việt nam cần phải chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính ( hay còn gọi là kinh tế truyền thống) sang mô hình kinh tế tuần hoàn. Đây là mô hình kinh tế phát triển bền vững, đáp ứng được nhiều mục tiêu, bao gồm: giảm ô nhiễm môi trường trong quá trình phát triển ở đầu ra, ứng phó với cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu.

**Từ khoá**: Kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững

**52. Kinh tế-xã hội VN năm 2020, hướng tới kế hoạch kinh tế-xã hội năm 2021 và những năm 2021-2025**/ Nguyễn Thanh Tuyền, Nguyễn Lê Anh, Nguyễn Thị Kim Loan, Hồ Mai Trúc & Võ Nguyễn Giang Tú// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 3-6.

**Nội dung**: Bước vào năm 2020, kinh tế-văn hóa VN chịu ảnh hưởng không nhỏ của dịch Covid-19. Nhiều chỉ tiêu kinh tế suy giảm. Dịch Covid còn diễn biến khó lường. Điều này đòi hỏi Chính phủ cần có đối sách thích ứng. Nội dung của bài viết này ngoài ý kiến tham vấn còn góp thêm các chính sách giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội VN trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới theo chiều sâu.

**Từ khoá**: Dịch Covid -19, các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, định hướng, giải pháp

**53. Lợi ích kinh tế của đầu tư nước ngoài vào nước sở tại để xuất khẩu**/ PGS.TS. Nguyễn Thường Lạng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 8(Tháng 04) .- Tr. 16-23.

**Nội dung**: Bài viết phân tích lợi ích kinh tế của đầu tư nước ngoài vào nước sở tại để xuất khẩu thông qua mô hình cung - cầu. Có 2 loại lợi ích kinh tế từ đầu tư nước ngoài vào xuất khẩu gồm lợi ích sản xuất và lợi ích thương mại. Việc nhận dạng đầy đủ các loại lợi ích là căn cứ đáng tin cậy để đưa ra hàm ý chính sách phù hợp thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy xuất khẩu

**Từ khoá**: Lợi ích kinh tế, đầu tư nước ngoài, nước sở tại, xuất khẩu

**54. Mối quan hệ giữa đổi mới công nghệ với tăng trưởng kinh tế và phát triển thị trường chứng khoán**/ Nguyễn Thị Nga Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa phát triển thị trường chứng khoán (TTCK), tăng trưởng kinh tế và đổi mới công nghệ tại Việt Nam trong dài hạn và ngắn hạn. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu theo quý từ quý I/2001 đến quý IV/2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong dài hạn, tăng trưởng kinh tế có tác động cùng chiều đến sự phát triển TTCK, trong khi đó các yếu tố đổi mới công nghệ, lạm phát và tăng trưởng cung tiền tác động ngược chiều đến sự phát triển TTCK. Trong ngắn hạn thì sự phát triển TTCK tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế, biến đổi công nghệ, lạm phát và cung tiền giải thích được 30,96% sự thay đổi của sự phát triển TTCK.

**Từ khoá**: Phát triển thị trường chứng khoán, đổi mới công nghệ, cung tiền, lạm phát

**55. Mở rộng cơ sở y tế giá trị gia tăng đối với dịch vụ kỹ thuật số**/ Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Tiến Kiên// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.45 - 51.

**Nội dung:** Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật số hay còn gọi thương mại số dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng và chiếm tỷ lệ cao, cụ thể đến năm 2025, giá trị thương mại số dự kiến chiếm 50% tổng giá trị thương mại điện tử toàn cầu. Điều này đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công tác quản lý nhà nước nói chung, việc triển khai các chính sách thuế quốc gia của các nước nói riêng, nhất là đối với nước đang phát triển như Việt Nam. Bài viết nghiên cứu thực trạng mở rộng cơ sở thuế giá trị gia tăng đối với kỹ thuật số ở một số nước, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và giải pháp cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Thuế giá trị gia tăng, kỹ thuật số.

**56. Một số giải pháp phát triển hệ thống cảng Hải Phòng trong mối liên hệ đến phát triển kinh tế Hải Phòng**/ Phạm Tuyết Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 584 .- Tr.72 - 74.

**Nội dung:** Bài báo sử dụng một số kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, khuyến khích các giải pháp nhằm đẩy mạnh mối liên hệ giữa phát triển cảng biển và phát triển kinh tế thành phố; đồng thời, căn cứ tình hình thực tiễn tại các Tp Hải Phòng, tác giả đề xuất 02 nhóm giải pháp cơ bản nhằm phát triển hệ thống cảng Hải Phòng trong mối liên hệ đến phát triển kinh tế Hải Phòng. Đó là nhóm giải pháp tăng sản lượng hàng hoá thông qua cảng và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

**Từ khoá:** Hệ thống cảng, sản lượng hàng hoá, phát triển kinh tế.

**57. Một số nét chính về thị trường tài chính thế giới năm 2020 và kỳ vọng năm 2021/** Vũ Xuân Thanh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 5 (566) .- Tr. 40-43,48.

**Nội dung**: Một số nét chính trên thị trường tài chính thế giới năm 2020; những vấn đề lớn cần lưu tâm; triển vọng chính sách trong năm 2021.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính thế giới năm 2020, kỳ vọng năm 2021

**58. Một số vấn đề lý luận và thực tiến chính trị về cái cách hành chính ở địa phương của Việt Nam hiện nay**/ Lê Văn Gấm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.19 - 21.

**Nội dung**: Cải cách hành chính (CCHC) ở địa phương là công việc phổ biến tất cả các quốc gia hiện đại, là cơ sở để nâng cao hiệu lực và hiệu quản lý/quản trị địa phương. Ở Việt Nam, kể từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ VI (12/1986) đề ra, hệ thống bộ máy hành chính đã góp phần tích cực vào những thành tựu trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong chính trị, kinh tế và xã hội. Cải cách hành chính nhà nước ở địa phương là tiêu chí căn bản tiến tới mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài viết đi sâu phân tích và làm rõ một số vấn đề lý luận chính trị về cải cách hành chính ở địa phương hiện nay làm cơ sở để đẩy mạnh tiến độ cải cách hành chính hiện nay ở địa phương của Việt Nam.

**Từ khoá:** Cải cách hành chính, quản lý, bộ máy hành chính.

**59. Nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Lào Cai**/ Hoàng Minh Anh // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.57 - 59.

**Nội dung:** Lào cai là một tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều tiềm năng, thế mạnh trong phát triển nông nghiệp. Những năm qua, tỉnh đã đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, còn những vấn đề cần tập trung giả quyết để nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

**Từ khoá:** Giá trị gia tăng, sản xuất nông nghiệp, Lào Cai.

**60. Nâng cao năng lực thích ứng với trạng thái bình thường mới của nền kinh tế Việt Nam sau đại dịch Covid -19**/ Đặng Thành Chung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 97 – 99.

**Nội dung:** Bài viết bàn về năng lực thích ứng với trạng thái bình thường mới của nền kinh tế Việt Nam sau đại dịch covid 19 trên hai nội dung: Đại dịch covid 19 và trạng thái bình thường mới và một số gợi ý chính sách nâng cao năng lực thích ứng với trạng thái bình thường mới của nền kinh tế Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế Việt Nam**,** tăng trưởng kinh tế, đại dịch Covid -19

**61. Nghiên cứu về phát triển kinh tế xanh nhằm hướng tới chiến lược tăng trưởng kinh tế bền vững: Trường hợp nghiên cứu điển hình tại tỉnh Thái Nguyên**/ Đinh Hồng Linh, Nguyễn Thị Hằng// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 46-57.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhấn mạnh đến việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược phát triển kinh tế xanh, từ đó gợi ý các chính sách phát triển kinh tế phù hợp trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Nghiên cứu thực hiện thử nghiệm các quan sát và phân tích điển hình tại Thái Nguyên - một tỉnh được coi là thủ đô xanh của vùng Trung du miền núi phía Bắc và sẽ trở thành một cực tăng trưởng mới của cả nước trong tương lai. Nghiên cứu là cơ sở cho việc đề xuất các nhóm giải pháp chiến lược nhằm phát triển nền kinh tế xanh theo hướng nâng cao hiệu quả, thân thiện, bền vững. Đây còn là cơ sở tham khảo cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách tại địa phương phát triển nền kinh tế có cơ cấu hiện đại, tốc độ tăng trưởng ổn định với các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh cao, hiệu quả và bền vững.

**Từ khoá**: Kinh tế xanh, xanh hóa nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng xanh, tăng trưởng kinh tế bền vững

**62. Nguyên nhân và những hệ quả của việc nông dân mất đất trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay**/ Nguyễn Thanh Xuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 587 .- Tr.76 - 78.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, quá trình công nghiệp, hiện đại hóa diễn ra nhanh chóng đã kéo theo quá trình đô thị hóa mạnh mẽ. Các đô thị mới được thành lập, những đô thị đang có được mở rộng về quy mô. Xu hướng này được thể hiện tính tích cực bắt nhịp với cuộc sống hiện đại, nâng cao một bộ phận đời sống nhân dân vừa có một số hệ lụy như diện tích đất nông nghiệp sẽ bị thu hẹp, người nông dân có xu hướng thất nghiệp và bị bần cùng hóa. Do vậy, trong khuôn khổ bài viết tác giả tập trung phân tích nguyên nhân và hệ quả của việc nông dân mất đất canh tác và gợi ý một số giải pháp phù hợp.

**Từ khoá**: Nông dân, đất canh tác.

**63. Phát triển kinh tế biển bền vững ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra**/ Quách Thị Hà, Nguyễn Thị Thanh// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 23-25.

**Nội dung**: Hiện nay, kinh tế biển có đóng góp to lớn và trở thành động lực quan trọng để phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, việc khai thác, sử dụng quá mức tài nguyên biển đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng tới môi trường sinh thái biển. Để thực hiện khai thác hiệu quả, lâu dài kinh tế biển gắn với bảo tồn tài nguyên biển ở Việt Nam, thời gian tới, cần đề ra những giải pháp đồng bộ để phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững.

**Từ khoá**: Kinh tế biển, môi trường, sinh học, tài nguyên biển, văn hoá

**64. Phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn 2030**/ Phùng Thế Đông, Nguyễn Thành Đồng, Phan Thị Thu Trang// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Ở Việt Nam, phát triển kinh tế bền vững là vấn đề được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm cùng quyết tâm đổi mới mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu gắn với năng suất lao động, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Bài viết tập trung phân tích thực trạng của một số chỉ tiêu phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam, trên cơ sở đó làm rõ một số hạn chế, nguyên nhân và đề xuất, khuyến nghị nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế bền vững trong giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

**Từ khoá**: Phát triển bền vững, kinh tế, tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động

**65. Phát triển kinh tế tư nhân ở Thành phố Hà Nội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Tuấn Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.27 - 28.

**Nội dung:** Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW (khoá XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thời gian qua, thành phố Hà Nội đã thực hiện nhiều giải pháp phát triển kinh tế tư nhân, đưa ra kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển thành phố Hà Nội.

**Từ khoá:** Kinh tế tư nhân, kinh tế thị trường, cách mạng công nghiệp 4.0.

**66. Phát triển kinh tế tư nhân trên thế giới, một số địa phương ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Vĩnh Phúc**/ Nguyễn Thị Thu Hương, Đỗ Thị Nâng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 212 .- Tr. 88-92.

**Nội dung**: Tập trung phân tích kinh nghiệm phát triển kinh tế tư nhân của một số quốc gia trên thế giới và một số quốc gia trên thế giới và một số địa phương ở Việt Nam, từ đó đề xuất một số bài học kinh nghiệm phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Vĩnh Phúc trong bối cảnh hooijn nhập kinh tế thế giới.

**Từ khoá**: Kinh tế tư nhân, phát triển, Vĩnh Phúc

**67. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao : giảm phụ thuộc, tăng giá trị vẫn khó nhân rộng/** [Minh Hoàng](https://sti.vista.gov.vn/Pages/danh-sach-tai-lieu-khcn-moi-nhat.aspx?datasearch=%5b%7b%22FieldSearch%22:%22TacGiaCaNhanNew%22,%22Keyword%22:%22Minh%20Ho%C3%A0ng%22,%22Operator%22:%22AND%22%7d%5d&Type_CSDL=TAILIEUKHCN)// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 34-35.

**Nội dung**: TS. Vũ Tiến Lộc - Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho rằng, để khoa học công nghệ thực sự thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp, trong thời gian tới, tiếp tục cần sự quan tâm của các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện chính sách khuyến khích, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, cùng với đó cần sự đồng bộ trong toàn hệ thống để đưa các chính sách vào thực tiễn một cách thực sự để thực thi hiệu quả, góp phần đưa nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Phát triển, Cà phê đặc sản, Thị trường nội địa, Nhu cầu, Chất lượng

**68. Phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020 và định hướng cho giai đoạn tới**/ Nguyễn Đình Luận// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 06-11.

**Nội dung**: Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2011- 2025 cũng được Đại hội đánh giá, kiểm điểm, chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu. Trên cơ sở đó, Đại hội đã nhất trí thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, trong đó xác định tầm nhìn và định hướng phát triển cụ thể, cũng như đề ra những giải pháp trọng tâm để Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội, sớm thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**Từ khoá**: Phát triển kinh tế-xã hội, Chiến lược phát triển, kinh tế - xã hội

**69. Phát triển nền kinh tế tuần hoàn: kinh nghiệm quốc tế và hàm ý đối với Việt Nam**/ Đặng Văn Sáng// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.56 - 58.

**Nội dung:** Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Trên thế giới, kinh tế tuần hoàn được coi là mô hình kinh tế đáp ứng yêu cầu về giải quyết ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Tại Việt Nam, việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững, với tăng trưởng xanh đang được quan tâm, đề cập nhiều hơn trong những năm gần đây. Bài viết trao đổi về xu thế phát triển nền kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững trên thế giới, từ đó đưa ra một số khuyết nghị cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, tài nguyên, doanh nghiệp.

**70. Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Khánh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 587 .- Tr.7 - 9.

**Nội dung**: Tại Việt Nam, ngành công nghiệp môi trường không phải là ngành công nghiệp mới xuất hiện, tuy nhiên, ngành công nghiệp môi trường còn non yếu hàng năm mới chỉ đáp ứng được 5% tổng nhu cầu xử lý nước thải đô thị, chế biến và tái chế khoảng 15% nhu cầu chất thải rắn và 14% nhu cầu xử lý chất thải nguy hại. Trong đó, tính đến thời 31/12/2018 số doanh nghiệp ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh 2347 doanh nghiệp. Tính cả giai đoạn 2010 - 2020 đã có tới 4.321 doanh nghiệp được thành lập đăng ký hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường, với tốc độ gia tăng mạn hàng năm.

**Từ khoá:** Công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, doanh nghiệp, môi trường.

**71. Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao ở Thái Bình**/ Lê Xuân Đại, Hồ Mai Ly// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.16 - 18.

**Nội dung:** Thái Bình là một tỉnh đồng bằng ven biển, thuộc phía nam đồng bằng châu thổ sông Hồng. Nơi đây, có truyền thồng phát triển nông nghiệp và những điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao. Từ khi đổi mới (1986) đến nay, cùng với cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất sự hỗ trợ của các cấp, các ngành ở Trung ương và sự cố gắng của Nhân dân nền công nghiệp Thái Bình có bước phát triển vượt bậc, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghiệp hiện đại.

**Từ khoá:** Phát triển nông nghiệp, ứng dụng công nghệ, công nghiệp hiện đại.

**72. Phân tích hiệu quả quy mô của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Phú Yên**/ Lê Kim Long// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 37-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu này trình bày tóm lược nền tảng lý thuyết kinh tế về hiệu quả quy mô và áp dụng phương pháp phi tham số để ước lượng chỉ số này cho các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Phú Yên trong năm sản xuất 2014. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bình quân, hiệu quả sản xuất của các hộ nuôi tôm có thể gia tăng 8% nếu lựa chọn được quy mô diện tích sản xuất tối ưu (0,97 ha/hộ). Hơn nữa, nghề nuôi tôm thâm canh tại Phú Yên vẫn có tới hơn 54,24% số hộ nuôi có quy mô diện tích sản xuất nhỏ hơn mức diện tích tối ưu và khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng chính thức của nông hộ vẫn rất hạn chế. Để hướng đến một nghề nuôi tôm thẻ công nghiệp và bền vững cho Phú Yên, các chính sách về đất đai và tiếp cận tín dụng chính thức cho nghề nuôi tôm thâm canh là rất quan trọng.

**Từ khoá**: Hiệu quả quy mô, DEA, nuôi tôm thẻ thâm canh, nuôi trồng thủy sản bền vững

**73. Phân tích vai trò của vốn đầu tư nước ngoài trong tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN giai đoạn 2015 - 2019**/ Nguyễn Thị Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 94 – 96.

**Nội dung:** Bài viết tiếp cận nghiên cứu theo phân tích sự đóng góp của vốn đầu tư nước ngoài vào quy mô và cấu trúc giá trị GDP mỗi nước thành viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy quy mô và giá trị gia tăng GDP theo lĩnh vực có sự đóng góp tích cực từ vốn đầu tư nước ngoài. Trong số các giải pháp được đề xuất thì việc khai thác lực hút từ lĩnh vực thế mạnh có ý nghĩa lớn ứng với từng thành viên.

**Từ khóa: V**ốn đầu tư nước ngoài, tăng trưởng kinh tế, các nước ASEAN

**74. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng kinh tế nhiều thành phần: giá trị lý luận và thực tiễn**/ Nguyễn Thị Thanh Xuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.54 - 56.

**Nội dung:** Tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô cùng quí báu của Đảng và dân tộc ta, trong đó tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế là một nội dung rất quan trọng của di sản tinh thần đó và quan điểm về xây dựng nền kinh tế nhièu thành phần có ý nghĩa rất lớn. Về mặt chính trị xã hội đó là sự củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Phát triển lực lượng sản xuất, phát huy mọi nguồn lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Suy cho cùng là để cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân. Xét về quan hệ gia cấp, phát huy kinh tế nhiều thành phần là nhằm tạo ra việc công tư đều lợi, chủ thợ đều lợi. Đó chính là sự thống nhất về lợi ích, điều chỉnh về lợi ích ...là cơ sở để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết.

**Từ khoá:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, kinh tế nhiều thành phần, giá trị lý luận.

**75. Sản xuất theo chuỗi giá trị: hướng phát triển mới cho hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên**/ Lê Xuân Đại, Hồ Mai Ly// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573 .- Tr.88 - 90.

**Nội dung:** Thúc đẩy chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp được xem là quan trọng để nâng cao giá trị sản phẩm một cách bền vững. Đặc biệt trong bối cảnh nông nghiệp Phú Yên đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay, thì việc liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu hàng hoá càng cần thiết, nhằm khắc phục những hạn chế trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (HTXDVNN).

**Từ khoá:** Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, hợp tác xã, chuỗi giá trị.

**76. Sự lan tỏa năng suất từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp Việt Nam: bằng chứng qua hoạt động xuất khẩu và khả năng hấp thụ**/ Phạm Thị Bích Ngọc, Huỳnh Quốc Vũ, Phạm Đình Long// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 12-21.

**Nội dung**: Sử dụng mô hình chọn mẫu Heckman cho dữ liệu doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015, trên cơ sở xem xét tác động qua các kênh liên kết ngang, liên kết ngược, liên kết xuôi và vai trò khả năng hấp thụ thông qua hoạt động xuất khẩu của DN nội địa. Kết quả cho thấy, khu vực FDI trong cùng ngành tác động gia tăng quyết định xuất khẩu của DN VN nhưng có lan tỏa năng suất tác động âm đến DN có hoạt động xuất khẩu; ngược lại, khu vực FDI khác ngành làm giảm sự tham gia xuất khẩu nhưng có lan tỏa năng suất tác động dương đến DN có hoạt động xuất khẩu. NGoài ra, khả năng hấp thụ của DN địa phương giúp làm tăng độ hấp thụ năng suất khi bán đầu ra cho khu vực FDI theo liên kết ngược nhưng hạn chế lan tỏa năng suất từ các liên kết khác có khả năng do yếu tố cạnh tranh cao.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, xuất khẩu, khả năng hấp thụ

**77. Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động tiêu dùng và giải pháp ứng phó của chính phủ/** Đặng Hoàng Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.27 - 29.

**Nội dung:** Trước những tác động của dịch bệnh đã thay đổi hành vi mua sắm của người tiêu dùng theo hình thức trực tuyến, để pháp triển kinh tế xã hội trong tình hình mới, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương triển khai kịp thời các chính sách cụ thể, trong đó có các biện pháp phát triển thương mại trong gia đoạn mới, trọng tâm là đẩy mạnh các hoạt động kích cầu tiêu dùng nội địa, mở rộng thị trường trong nước. Bài báo tập trung phân tích những thay đổi về hành vi mua sắm của người tiêu dùng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, đồng thời đề xuất một số giải pháp của Chính phủ nhằm ứng phó với những thay đổi đó.

**Từ khoá:** Covid-19, người tiêu dùng, hành vi mua sắm.

**78. Tác động của kinh tế chia sẻ tới sự cạnh tranh và tính minh bạch của thị trường**/ Lê Minh Thoa, Đặng Thị Thuý Duyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 4 – 6.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra đánh giá tác động của nền kinh tế chia sẽ tới sự cạnh tranh vàtinhs minh bạch của thị trường trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Kinh tế, mô hình kinh tế, kinh tế chia sẻ

**79. Tác động của lạm phát xu hướng tới tính hiệu quả của thực thi chính sách tại Việt Nam**/ Lê Thanh Hà, Vũ Thị Tuyết Nhung, Phạm Văn Minh, Vũ Mạnh Linh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 11-24.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi của lạm phát xu hướng tới tính hiệu quả trong thực thi chính sách bằng việc xây dựng mô hình cân bằng động tổng quát (DSGE). Tính hiệu quả được đánh giá qua ba kênh: phản ứng biến vĩ mô tới các cú sốc chính sách tiền tệ và tài khóa, chi phí sự phân tán giá được đo bằng năng suất tổng hợp hiệu quả, và vùng ổn định kinh tế vĩ mô. Chúng tôi giả định rằng SBV sử dụng hai công cụ: lãi suất danh nghĩa và cung tiền. Kết quả chỉ ra rằng lạm phát xu hướng làm tăng tác động tiêu cực của các cú sốc tới các biến vĩ mô, sự sụt giảm của năng suất tổng hợp hiệu quả, và sự thu hẹp của vùng ổn định vĩ mô. Các tác động tiêu cực này trở nên mạnh hơn khi SBV sử dụng công cụ cung tiền để quản lý nền kinh tế. Chúng tôi cũng chỉ ra SBV cần tập trung vào mục tiêu điều tiết lạm phát để nâng cao hiệu quả của chính sách tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Lạm phát xu hướng, hiệu quả chính sách, vùng ổn định, Việt Nam

**80. Tác động của lạm phát đến tăng trưởng kinh tế các nước Đông Nam Á và khuyến nghị với Việt Nam/** Nguyễn Minh Sáng, Hoàng Trọng Thắng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 5 (566) .- Tr. 33-39.

**Nội dung**: Phân tích nguyên nhân của sự khác biệt về tăng trưởng giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Nam Á và đề xuất một số gợi ý chinyhs sách nhằm nâng cao năng lực kiểm soát lạm phát ở mức độ phù hợp chướng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Lạm phát, ngưỡng lạm phát, tăng trưởng kinh tế

**81. Tác động đa ngành của dịch bệnh đến kinh tế và những gợi ý cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Quý// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 50-55.

**Nội dung**: Dịch bệnh tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Bằng phương pháp thống kê, mô tả và phân tích, tác giả làm rõ được tác động của dịch bệnh đối với nền kinh tế ở hai góc độ trực tiếp và gián tiếp. Tác động đó diễn ra trên nhiều lĩnh vực của hoạt động của nền kinh tế ở quy mô và mức độ khác nhau: y tế, nông nghiệp, du lịch, thương mại – dịch vụ và một số lĩnh vực khác. Tuy nhiên, về mặt tổng thể dịch bệnh đã làm kìm hãm sự tăng trưởng kinh tế ở mỗi quốc gia nói riêng và trên phạm vi toàn thế giới nói chung. Dựa trên cơ sở phân tích tác động đa ngành của dịch bệnh đến kinh tế với số liệu minh chứng cụ thể, tác giả đưa ra những gợi ý về mặt chính sách đối với VN nhằm đối phó hiệu quả đối với tình hình dịch bệnh đang diễn ra phực tạp hiện nay để đảm bảo ổn định và tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: Dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế, GDP, tác động đa ngành

**82. Tăng trưởng kinh tế và tiêu thụ năng lượng tại các quốc gia đang phát triển**/ Võ Hồng Đức, Nguyễn Công Thắng// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 44-58.

**Nội dung**: Tìm hiểu tác động của tiêu thụ năng lượng đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1990-2019. Ước lượng PMG (pooled mean group) được sử dụng trong nghiên cứu này nhằm mục đích khắc phục các vấn đề có liên quan đến sự phụ thuộc giữa các quan sát chéo trong dữ liệu bảng và hệ số không đồng nhất. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tiêu thụ năng lượng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong cả ngắn hạn và dài hạn tại các quốc gia đang phát triển. Hơn thế nữa, quan hệ nhân quả hai chiều giữa tiêu thụ năng lượng và tăng trưởng kinh tế cũng được tìm thấy trong nghiên cứu này. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực nghiệm, một số hàm ý chính sách có liên quan được đề xuất.

**Từ khoá**: Kỹ thuật ước lượng PMG, FMOLS, Quốc gia đang phát triển, Tăng trưởng, Tiêu thụ năng lượng

**83. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt 8% trong năm 2021**/ Tim Evans// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Chia sẻ với Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ trước thềm năm mới 2021, ông Tim Evans, Tổng Giám đốc HSBC Việt Nam tin ràng Việt Nam sẽ là một quốc gia có lợi thế thời kỳ hậu COVID-19. Các yếu tố chính có thể thúc đẩy nền kinh tế phát triển là hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài đang diễn ra, sự phát triển ngày càng tăng của các doanh nghiệp Việt Nam và tâng lớp trung lưu đang ngày càng gia tàng. Với những lợi thế đó, cộng với việc vắc-xin đang được thử nghiệm tiến tới mục tiêu phân phối rộng rãi trong thời gian tới, Việt Nam có thể quay trở lại tốc độ tăng trưởng kinh tế quanh mức 8% vào năm 2021.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, Thực trạng, Dự báo

**84. Thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản của Việt Nam vào Ả-rập Xê-út/ Trịnh Thị Lan Anh**// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.31 - 33.

**Nội dung:** Việt Nam và Ả-rập Xê-út thiết lập mối quan hệ ngoại giao 21/10/1999. Trải qua 20 năm, quan hệ song phương giữa hai nước đã đạt được nhiều thành công, trong đó có quan hệ thương mại hai chiều. Ả-rập Xê-út là quốc gia có GDP lớn thứ 18 trên thế giới, là thị trường tiềm năng tiêu thụ lượng lớn về các sản phẩm nông sản và thủy sản của Việt Nam. Tuy nhiên, một thời gian dài, hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản vào thị trường này Việt Nam bị tạm ngừng bởi các qui định khắt khe về kiểm dịch động vật và vệ sinh an toàn thực phẩm của Ả-rập Xê-út. Tháng 9 năm 2020, Tổng cục Thực phẩm và Dược phẩm Ả-rập Xê-út (SFDA) cho phép 12 doanh nghiệp của Việt Nam được xuất khẩu trở lại một số mặt hàng thủy sản đánh bắt vào thị trường Ả-rập Xê-út. Điều này đã mở ra nhữn cơ hội lớn cho các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp thủy sản, xuất nhập khẩu, thủy sản

**85. Thực tiễn quản lý và phát triển kinh tế ban đêm tại một số địa phương**/ Phạm Thiên Hoàng// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.14 - 17.

**Nội dung:** Đề án Phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam đã được chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020. Đề án là dấu mốc then chốt kích hoạt và mở đường cho kinh tế ban đêm phát triển bài bản như một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế Việt Nam, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Bên cạnh nhiều lợi ích tiềm năng có thể khai thác thì phát triển kinh tế ban đêm cũng đặt ra những thách thức, đòi hỏi các cấp chính quyền và cơ quan quản lý phải có tư duy ""mở"", quyết đoán, để xây dựng và thực thi các giải pháp cụ thể, đảm bảo hiệu quả kinh tế, đồng thời đảm bảo môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự, và các vấn đề về văn hoá và xã hội khác.

**Từ khoá:** Kinh tế ban đêm, an ninh trật tự, kinh tế du lịch, du lịch.

**86. Thực trạng lao động di cư đến địa bàn tỉnh Trà Vinh: trường hợp công nhân và lao động tự do**/ Nguyễn Thị Hồng Phúc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 43 – 44.

**Nội dung:** Bài viết giải quyết các mục tiêu: Thực trạng tiếp cận dịch vụ công của lao động là công nhân và lao động tự do; khuyến nghị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư đến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, còn có nhiều mặt tích cực rất cần được phát huy. Nếu có những chủ trương, chính sách hợp lý sẽ làm giảm sự di cư đến tự phát và phát huy tính hiệu quả của vấn đề di cư đến.

**Từ khóa:**Dịch vụ công, lao động di cư, lao động tự do, Trà Vinh

**87. Tiềm năng phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam**/ Trần Thị Thu Hương, Trần Thị Thu Thuỷ// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.6 - 9.

**Nội dung:** Phát triển kinh tế ban đêm là tất yếu, phù hợp với xu thế quốc tế, đồng thời mang lại cơ hội và động lực mới cho nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên, để thực hiện hoá được định hướng này, Việt nam cần có sự đánh giá, nhận diện tiểm năng phát triển, cũng như lường hết những tồn tại, thách thức, yếu tố tác động để từ đó có giải pháp khai thác và phát triển tối đa tiềm năng kinh tế ban đêm trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, du lịch.

**88. Tiếp cận thực thi chính sách giảm nghèo đa chiều: thực tiễn huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn/** Bế Hồng Cúc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.73 - 75.

**Nội dung**: Giảm nghèo bền vững là một nội dung trọng tâm của Chiến lược kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 ở Việt Nam nhằm cải thiện từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, trước hết ở khu vực miền núi, vùng đồng bằng dân tộc tiểu số (DTTS). Từ năm 2016 đến nay nước ta bắt đầu chuyển sang giai đoạn mới hướng tới giảm nghèo bền vững, đó là tiếp cận giảm nghèo đa chiều theo xu hướng chung của thế giới. Đây là cách tiếp cận có tác động toàn diện hơn đến người nghèo. Bài viết sẽ đề cập đến thực thi chính sách giảm nghèo tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn nhằm làm rõ những hạn chế trong chính sách giảm nghèo mà chính sách địa phương đã triển khai, từ đó đề xuất những giải pháp giảm nghèo đa chiều để góp phần đảm bảo mức sống tối thiểu cho người nghèo về thu nhập cũng như đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ xã hội cơ bản cho họ.

**Từ khoá:** Chính sách giảm nghèo, giảm nghèo bền vững, dân tộc tiểu số.

**89. Toàn cảnh kinh tế Việt Nam năm 2020 và triển vọng 2021**/ Phạm Thế Anh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 23-28.

**Nội dung**: Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế lan rộng toàn cầu, Việt Nam là một trong vài điểm sáng hiếm hoi khi đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 2,91% trong năm 2020. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ đầu tư công và xuất khẩu của khu vực FDI. Bên cạnh đó, lạm phát được kiểm soát ở mức khá thấp bất chấp những nỗ lực mở rộng cả tiền tệ và tài khóa. Tuy nhiên, bong bóng giá tài sản đang hình thành, thiếu hụt nguồn lực tài chính công và dư địa tiền tệ hạn hẹp là những thách thức mà Việt Nam có thể phải đối mặt để có thể đạt được mức tăng trưởng cao hơn nếu như đại dịch chưa thể hoàn toàn qua đi trong năm 2021.

**Từ khoá**: Covid-19; Tăng trưởng kinh tế; Lạm phát; Đầu tư công; Tiền tệ

**90. Tổng quan kinh tế vĩ mô của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển năm 2020, triển vọng năm 2021**/ Nguyễn Thị Thuỳ Linh, Hoàng Thị Hường// Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 52-58.

**Nội dung**: Trình bày đôi nét về kinh tế phục hồi nhưng có sự phân hoá rõ rệttyr lệ nợ công gia tăng đáng kể, xếp hạng tổng thể các quốc gia theo biểu đồ nhiệt - Heatmaps, dự báo một số xu hướng chính trong năm 2021, triển vọng kinh tế vĩ mô Việt nam năm 2021.

**Từ khoá**: Tổng quan kinh tế vĩ mô, các nước mới nổi và đang phát triển năm 2020, triển vọng năm 2021

**91. Tổng quan về Thế gới và Việt Nam năm 2020/** Lương Minh Cừ, Nguyễn Thị Mỹ Phượng// Khoa học Đại học Cửu Long .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 5-14.

**Nội dung**: Khái quát nền kinh tết Việt Nam và thế giới trong năm 2020. Năm 2020 la năm đánh dấu nhiều bất ổn, biến động đến nền kinh tế Việt Nam và Thế giới. Theo tổng cục Thống kê Việt Nam tăng trưởng GDP năm 2020 giảm so năm 2019 thấp nhất trong 10 năm gần đây. Các nước ASEAN GDP âm so với những năm trước, tuy nhiên có Việt Nam, Lào, Myanmar GDP dương.

**Từ khóa**: Kinh tế Việt Nam, thách thức và cơ hội, tình hình kinh tế - xã hội

**92. Triển khai giải pháp tổng thể thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, giai đoạn 2021-2030/** Nguyễn Ngọc Tú// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 19-20.

**Nội dung:** Trình bày các giải pháp tổng thể thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, giai đoạn 2021-2030.

**Từ khóa**: Kinh tế tuần hoàn, giải pháp

**93. Triển vọng kinh tế thế giới năm 2021**/ Nguyễn Thị Tường Anh, Phạm Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Minh Thư// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 61-64.

**Nội dung**: Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế toàn cầu, do những bất định của dịch Covid-19 chưa có hồi kết, kéo theo thị trường tài chính nhiều rủi ro gia tăng, thị trường dầu mỏ, giá vàng, đồng USD… có thể biến động thất thường, nền kinh tế thế giới sẽ đối diện với những thách thức đan xen.

**Từ khoá**: kinh tế thế giới, dịch Covid-19, thị trường tài chính

**94. Triển vọng kinh tế chia sẻ toàn cầu dưới tác động của đại dịch Covid-19**/ Bùi Nhật Quang, Phạm Anh Tuấn// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Khái quát về nền chia sẻ kinh tế toàn cầu; triển vọng kinh tế chia sẻ toàn cầu dưới tác động của đại dịch Covid-19; hàm ý cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế chia sẻ, kinh tế Việt Nam, kinh tế thế giới, Covid-19

**95. Ứng dụng mô hình dữ liệu hỗn hợp trong dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam**/ Hoàng Việt Phương, Trịnh Thị Thơm, Trần Thanh Hoa, Lê Hoàng Quân, Mai Thị Lan Hương, Phạm Đức Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Bài viết ứng dụng mô hình dữ liệu hỗn hợp dựa trên sự kết hợp các dữ liệu tần suất cao ( ngày, tuần, tháng) để dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam ở tần suất thấp (quý, năm). Dữ liệu đầu vào bao gồm các biến đại diện giá cả, cung cầu và thị trường tiền tệ - ngân hàng; trong khi dạng hàm ảnh hưởng tối ưu được lựa chọn từ quá trình kiểm định các phương trình hàm bước, trễ phân phối đa thức và MIDAS không ràng buộc. Kết quả cho thấy, tăng trưởng GDP của VN tiếp tục hồi phục trong giai đoạn quý IV/2020- quý I/2021 so với giai đoạn Quý 1/2020-quý 3/2020. Với mức sai số thấp thu được từ dự báo với mô hình MIDAS, bài viết khẳng định việc phát triển lớp mô hình này là đúng hướng, các thông tin đầu vào được lựa chọn phù hợp.

**Từ khoá**: Mô hình dữ liệu hỗn hợp, tăng trưởng GDP, Việt Nam

**96. Vai trò của công tác xã hội trong việc nâng cao nhận thức của dân tộc thiểu số về tác hại ma tuý: nghiên cứu tại xã Làng Mô, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu**/ Trần Thị Phương Thảo, Chu Thị Thu Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.34 - 36.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu về nhận thức của người dân tộc thiểu số về các tác hại của ma tuý: tác hại đối với người nghiện ma tuý, đối với gia đình, với cộng đồng và xã hội. Trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò công tác xã hội.

**Từ kho**á: Công tác xã hội, dân tộc thiểu số, ma tuý.

**97. Vai trò của kinh tế biển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam**/ Tô Đê Hạng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.82 - 84.

**Nội dung:** Kinh tế biển là lĩnh vực hoạt động và các quan hệ kinh tế diễn ra trên biển cùng với các hoạt động kinh tế khác có liên quan tới hoạt động khai thác biển. Việt Nam là một quốc gia ven biển có những ưu thế và vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với khu vực và trên thế giới. Cùng với xu hướng gia tốc độ tăng trưởng kinh tế và dân số hiện nay, nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên không tái tạo được trên đất liền, sẽ bị cạn kiệt trong vài ba thập kỷ tới. Để đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, các lĩnh vực kinh tế liên qua đến biển sẽ ngày càng có vai trò quan trọng.

**Từ khoá:** Kinh tế biển, kinh tế - xã hội, tài nguyên thiên nhiên

**98. Vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế các tỉnh miền Trung**/ Nguyễn Thị Chi// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 116-118.

**Nội dung**: Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh miền Trung trong giai đoạn 2016-2020 đạt 9%/năm; quy mô GRDP năm 2020 tăng gấp 2,2 lần so với năm 2010. Mặc dù vậy, khu vực này vẫn là vùng trũng của kinh tế đất nước. Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao, thiếu bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm...Bài viết nhận diện những điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn miền Trung, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy vai trò của kinh tế tư nhận vào phát triển kinh tế các tỉnh miền Trung.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, kinh tế địa phương, kinh tế, miền Trung

**99. Xây dựng mô hình nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành hệ thống thông tin quản lý tại các trường đại học Việt Nam**/ Lê Việt Hà // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 19 – 21.

**Nội dung:** Bài viết xây dựng mô hình xác định và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định chọn trường đại học của sinh viên để đưa ra giải pháp giúp hoạt động tuyển sinh ngành hệ thống thông tin quản lý ngày càng tốt hơn nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới.

**Từ khóa:** Hệ thống thông tin quản lý, nguồn nhân lực, trường đại học, Việt Nam

**100. Xuất khẩu nông sản Việt Nam: Ảnh hưởng từ các hiệp định thương mại tự do**/ Lê Quỳnh Hoa, Phan Tấn Lực// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 20-29.

**Nội dung**: Nông sản là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đến xuất khẩu nông sản Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng mô hình trọng lực với phương pháp ước lượng tối đa hóa khả năng Poisson (PPML) để khắc phục nhược điểm thương mại bằng 0. Kết quả nghiên cứu cho thấy FTA đem lại hiệu quả khác nhau và không phải hiệp định nào cũng đem lại tác động tích cực đến nông nghiệp. Cụ thể, các hiệp định (AFTA, ASEAN+6, VJEPA, VKFTA) và WTO giúp tạo điều kiện thuận lợi hơn trong thương mại nông sản, FTA VN-EAEU lại không có tác động và FTA VN-Chile lại làm giảm xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang các đối tác.

**Từ khoá**: Nông sản, Xuất khẩu, FTA, mô hình trọng lực

# TÀI CHÍNH

**1. Agency cost, firm performance and capital structure: The case of listed companies in Vietnam**/ Le Hoang Yen Khanh// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr.117-126.

**Nội dung**: Agency cost is a prevalent topic among academic society, however, this issue has not been fully examined in Vietnam which is a typical transitional economy with distinguished features from other developing countries. . Although most of these studies are based on qualitative research and confirm the existence of agency cost in Vietnamese companies, they cannot estimate specifically the agency cost. This study is carried out to determine the impact of agency cost (proxies are asset turnover ratio and general and administrative expense ratio) on firm performance (proxy is ROE) of 200 companies listed on Vietnam stock market during the 12 year period from 2008 to 2019, and to figure out the differences in agency cost of privatized corporations (currently dominated by state ownership) and private corporations (only private ownership). Furthermore, the role of capital structure on firm performance is also examined to test whether capital structure can control agency cost in two groups of companies. The research is conducted by using the mixture of quantitative method, and deductive approach. The research findings show that agency cost in privatized firms has more negative influence on firm performance than that of private firms. Furthermore, capital structure and state-ownership impact on firm performance negatively and significantly, while profit growth and country investment have a positive impact on firm performance. Moreover, the differently negative impact of capital structure on firm performance of two groups is also analyzed which can suggests further and intensive research in the future.

**Từ khoá**: Agency cost, firm performance, capital structure

**2. Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam: thực trạng và những vấn đề đặt ra**/ Bùi Kim Tú// Tài chính.- 2020 .- Số 573.- Tr.4 - 6.

**Nội dung:** Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS hiện đang được áp dụng phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam dự kiến sẽ áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế này vào năm 2025. Để áp dụng được chỉ tiêu chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế này đòi hỏi Việt Nam phải có sự chuẩn bị đầy đủ nhiều nội dung và có sự đầu tư kinh phí nhất định. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích thực trạng tiến trình áp dụng tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế IFRS tại Việt Nam và những vấn đề đặt ra trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn này.

**Từ khoá:** Báo cáo tài chính quốc tế IFRS, tài chính quốc tế, đầu tư kinh phí, kế toán quốc tế.

**3. Áp dụng trí tuệ nhân tạo để phòng, chống rửa tiền**/ Nguyễn Đoàn Châu Trinh// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 8 (569) .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Hoạt động rửa tiền ngày càng tinh vi, với hình thức mới xuyên biên giới khiến công tác phòng, chống tội phạm, chống rửa tiền gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo sẽ giúp công tác phòng, chống rửa tiền, ngan ngừa tội phạm hiệu quả hơn. Bài viết tập trung trình bày về áp dụng trí tuệ nhân tạo để phòng, chống tội phạm, chống rửa tiền.

**Từ khoá**: Trí tuệ nhân tạo, phòng chống rửa tiền, học máy

**4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam từ hoạt động điều hành chính sách tiền tệ lạm phát mục tiêu của Thái Lan**/ Bùi Thị Hạnh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.51 - 53.

**Nội dung**: Bài viết tập trung nghiên cứu hoạt động điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) của Thái Lan bắt đầu từ khi áp dụng khuôn khổ chính sách tiền tệ lạm pháp mục tiêu (5/2000) đến nay (2021). Trên cơ sở phân tích các hoạt động: xác định mục tiêu, sử dụng công cụ, lựa chọn cơ chế truyền dẫn và tổ chức điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) của Thái Lan, tác giả rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về điều hành chính sách tiền tệ trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chính sách tiền tệ, điều hành, Thái Lan.

**5. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực tự chủ tài chính tại các trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**/ Lê Xuân Đại, Hồ Mai Ly// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.60 - 62.

**Nội dung:** Để tăng cường tính tự chủ trong hoạt động, các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các trường cao đẳng công lập nói riêng cần phải năng động trong bối cảnh có nhiều biến động trên thị trường lao động để đạt được mục tiêu đặt ra và đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Kế thừa các nghiên cứu trước và sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, với 256 mẫu khảo sát, nghiên cứu này cho thấy có 4 nhân tố ảnh hưởng đến năng lực tự chủ tài chính (TCTC) của các trường Cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh gồm: Nguồn lực tài chính, Tổ chức bộ máy, Sử dụng tài chính, Cơ sở vật chất.

**Từ khoá:** Tự chủ tài chính, nguồn lực tài chính, Cao đẳng công lập.

**6. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế**/ Hoàng Lan Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.89 - 90.

**Nội dung:** Quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế là quá trình tác động của Nhà nước tới hệ thống quản trị đại học (bộ máy quản trị đại học) thông qua hệ thống các công cụ Nhà nước để thực hiện các chức năng cơ bản từ việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, thể chế tài chính, tổ chức bộ máy quản lý tài chính đến kiểm tra, giám sát nhằm đạt được những mục tiêu đề ra.

**Từ khoá:** Quản lý nhà nước, giáo dục đại học, quản trị đại học, tài chính.

**7. Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ PGS.TS. Đoàn Hương Quỳnh, ThS. Lê Thị Mai Liên// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 đã tác động tới mọi mặt của đời sống kinh tế- xã hội toàn cầu, trong đó, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Trước bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã kịp thời ban hành nhiều chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhằm giảm bớt khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước duy nhất trong khu vực Đông Nam Á và là số ít các nước trên thế giới đạt tăng trưởng dương trong năm 2020.

**Từ khoá**: tài chính doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ, đại dịch Covid-19

**8. Chính sách tỷ giá và quản lý ngoại hối ở Việt Nam**/ Nguyễn Đắc Hưng// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr.12-21.

**Nội dung**: Chính sách tỷ giá và quản lý ngoại hối là nội dung chủ yếu trong điều hành chính sách tiền tệ quốc gia và quản lý nhà nước về tiền tệ do Ngân hàng Nhà nước VN trực tiếp thực thi, triển khai. Trong giai đoạn hiện nay tác động của đại dịch Covid-19 tiếp tục sâu rộng và kéo dài đối với nền kinh tế VN cũng như thế giới. Bên cạnh đó căng thẳng quan hệ Mỹ - Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt là các năm 2016 - 2020 có nhiều diễn biến bất thường về thiên tai, dịch bệnh đối với sản xuất trong nước. Cùng với đó, giá vàng tăng cao, còn giá dầu thô giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 20 năm qua. Thị trường tài chính quốc tế cũng có rất nhiều biến động khó lường. Bài viết tập trung phân tích và đánh giá về diễn biến tỷ giá, quản lý ngoại hối, tác động đến hoạt động kinh tế đối ngoại, rút ra bài học kinh nghiệm và khuyến nghị giải pháp.

**Từ khoá**: Chính sách tỷ giá, điều hành, quản lý ngoại hối

**9. Đảm bảo an ninh tài chính quốc gia: Thách thức và khuyến nghị cho giai đoạn 2021-2030**/ Lê Thị Thùy Vân// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 6-10.

**Nội dung**: Bài viết phân tích, đánh giá về đảm bảo an ninh tài chính quốc gia ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020, nhận diện một số thách thức đặt ra và kiến nghị các giải pháp góp phần đảm bảo an ninh tài chính quốc gia giai đoạn 2021-2030.

**Từ khoá**: Đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, an ninh tài chính, thị trường tài chính

**10. Để đảm bảo an ninh thị trường tài chính ở Việt Nam trong bối cảnh mới**/ Nguyễn Minh Tân// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 19-22.

**Nội dung**: Trong những năm qua, việc đảm bảo an ninh thị trường tài chính ở Việt Nam đã được quan tâm với việc thường xuyên rà soát, kiện toàn hệ thống pháp luật đối với thị trường tài chính, phát triển mạnh các loại hình sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Theo đó, các sản phẩm hàng hóa trên thị trường tài chính phong phú về chủng loại, chất lượng và độ an toàn ngày được cải thiện… Tuy nhiên, so với yêu cầu đặt ra, hiện nay, thị trường tài chính ở Việt Nam cómức độ ổn định thấp, phát triển chưa vững chắc; cơ chế, chính sách đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để phù hợp hơn với tình hình thực tế. Bài viết này nhận diện những khó khăn, thách thức đối với việc đảm bảo an ninh thị trường tài chính ở Việt Nam, từ đó đưa ra giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

**Từ khoá**: An ninh thị trường tài chính, dịch vụ tài chính, thị trường tài chính, hội nhập quốc tế

**11. Đánh giá kết quả cơ cấu lại thị trường tài chính Việt Nam giai đoạn 2016-2020 vầ đề xuất giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030**/ Cấn Văn Lực và nhóm nghiên cứu// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 3+4 (564+565) .- Tr. 30-37.

**Nội dung**: Tập trung đánh giá cả những kết quả đạt được và những khó khăn, tồn tại của thị trường tài chính Việt Nam giai đoạn vừa qua. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần thực hiện hiệu quả hơn quá trình cơ cấu lại thị trường tài chính giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính, Cơ cấu lại, nợ xấu, tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng

**12. Định hướng phát triển thị trường tài chính Việt Nam giai đoạn 2021-2030**/ Vũ Nhữ Thăng// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Thị trường tài chính Việt Nam được đánh giá là vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, chưa hội nhập sâu rộng vào thị trường quốc tế và còn tiềm ẩn một số rủi ro, hạn chế cần sớm có định hướng giải quyết. Phân tích những tồn tại còn hạn chế, bài viết gợi ý một số định hướng phát triển thị trường tài chính Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030.

**Từ khoá**: thị trường tài chính, định hướng phát triển

**13. Định hướng quản lý, điều hành giá cả thị trường giai đoạn 2021-2025**/ TS. Nguyễn Anh Tuấn// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Công tác quản lý, điều hành giá trong năm 2020, cũng như trong giai đoạn 2016-2020 có thể thấy, chỉ số giá tiêu dùng ở mức thấp, ổn định qua các năm là một trong các yếu tố thuận lợi cho việc hoạch định các chính sách vĩ mô của Chính phủ. Bộ tài chính tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương theo dõi diễn biến cung - cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu, nhất là đối với một số mặt hàng thiết yếu có nhu cầu tiêu dùng cao vào dịp cuối năm; tiếp tục điều hành chính sách tài khoá chủ động, phối hợp chặt chẽ với chính sách tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra.

**Từ khoá**: giá cả thị trường, chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế vĩ mô

**14. Đổi mới phương thức giảng dạy kiến thức tài chính**/ Đinh Thị Thanh Vân, Nguyễn Mai Hương, Lê Thanh Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 162-164.

**Nội dung**: Bài viết phân tích một trong số những phương pháp đổi mới phổ biến nhất hiện nay là game hoá - Gamification và ứng dụng của nó trong việc giáo dục nói chung cũng như trong giảng dạy tài chính nói riêng

**Từ khoá**: Game hoá, giáo dục tài chính, Gamification, fintech

**15. Đồng bộ các giải pháp quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2021**/ Nguyễn Minh Tân// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 05-07.

**Nội dung**: Năm 2021, dự báo đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, kinh tế toàn cầu tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất trắc; căng thẳng bảo hộ thương mại dự kiến tiếp tục gia tăng; dịch chuyển dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong xu thế đa dạng hóa chuỗi giá trị toàn cầu... Những khó khăn, thách thức này đã, đang tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách nhà nước. Trong bối cảnh đó, ngành Tài chính đã đề ra các giải pháp trọng tâm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, nhằm tạo đà cho việc hoàn thành các mục tiêu tài chính – ngân sách giai đoạn 2021-2025.

**Từ khoá**: đại dịch Covid-19, ngành Tài chính, ngân sách nhà nước

**16. Entrepreneurship education in foreign countries and recommendations for Vietnam**/ Nguyễn Huỳnh Thơ// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr.127-135.

**Nội dung**: In combination with the development of society, the wave of business start-up has become a strong tendency all over the world. Following this trend, Vietnam is also gradually transforming on the path of developing start-up culture. However, according to Vietnam Startup Forum 2020, the survival rate of new business is still very low. According to the analysis from General Statistics Office’s Report on SocioEconomic Situation,1 the reason for this situation is: the adaptability of small-scale enterprises to the economic changing situation is still limited. It is the capacity of startups in Vietnam that raises the questions: how to help business overcome difficulties, as well as challenges, to withstand the fierce competition over the global economy. In this context, Entrepreneurship Education is considered as one of the effective solutions to overcome such situation. Thanks to this method, the instability of the economy is reduced and the vitality of industries is still maintained in many countries. Therefore, this study shall use the qualitative method and focus on secondary sources of information from documents, reports, analysis of entrepreneurship education models of developed start-up education in some foreign countries, such as the U.S., Israel and Malaysia. Since then, the author would like to recommend some effective experiences for entrepreneurship education in Vietnam.

**Từ khoá**: Entrepreneurship education, start-up, Vietnam

**17. Financial development and economic growth: A review of the literature**/ Pham Thi Thuy Diem, Nguyen Trong Hoai// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr.109-116.

**Nội dung**: This paper reviews theoretical perspectives and summarizes the systematic review of empirical evidence on the connection between financial development and economic growth. The theories implies that better developed financial system has a positive influence on savings and investment decisions and hence lead to economic growth. The empirical studies also show that an economy has a higher growth-enhancing effect closer to the well-developed financial market, hence provide strong support to the proposition that more finance lead to more growth. However, some empirical studies have pronounce.

**Từ khoá**: Financial development, economic growth, financial systems

**18. Giải pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp nhà nước**/ Đặng quyết Tiến// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 15-18.

**Nội dung**: Trong những năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước (DN) và DN có cổ phần, vốn góp của Nhà nước đều có sự tăng trưởng đáng kể về doanh thu, lợi nhuận và đóng góp ngày càng lớn vào ngân sách nhà nước (NSNN). Mặc dù vậy, tình hình thực thi pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước của một số DN còn chưa nghiêm, chưa đảm bảo nguyên tắc thị trường; công tác quản lý đầu tư, quản lý tài chính, quản lý rủi ro đạt hiệu quả chưa cao... Thực tiễn này đòi hỏi cần có giải pháp đồng bộ để nâng cao năng lực quản trị rủi ro tài chính tại các DNNN, đáp ứng yêu cầu bối cảnh mới.

**Từ khoá**: Quản trị rủi ro tài chính, doanh nghiệp nhà nước, cơ chế thị trường

**19. Giải pháp quản lý nguồn lực tài chính tại các quân khu trong Quân đội**/ Sử Trường Nam// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Quản lý nguồn lực tài chính ở quân khu cũng có những điểm khác so với các đơn vị chủ lực trực thuộc Bộ Quốc phòng. Nội dung bài viết đề cập một số giải pháp hoàn thiện quản lý nguồn lực tài chính ở các quân khu trong thời gian tới.

**Từ khoá**: quản lý tài chính, nguồn lực tài chính,quân khu, quân đội

**20. Gia tăng nợ hộ gia đình và ổn định tài chính tại Việt Nam-tiếp cận từ góc độ chính sách vĩ mô**/ TS. Đỗ Thị Hà Thương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 10(Tháng 05) .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu mối liên hệ giữa các chính sách vĩ mô của ngân hàng nhà nước và sự gia tăng nợ hộ gia đình, từ đó đề xuất một số khuyến nghị trong quản lý nợ hộ gia đình tại Việt Nam nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của gia tăng nợ hộ gia đình đến ổn định tài chính trong thời gian tới

**Từ khoá**: Nợ hộ gia đình, ổn định tài chính tại Việt Nam, ngân hàng nhà nước

**21. Hiệu quả quản lý tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh mới**/ Nguyễn Hồng Tuấn// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về một số tồn tại, hạn chế trong quản lý tài chính doanh nghiệp hiện nay, từ đó khuyến nghị giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: quản lý tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phân tích tài chính, kinh doanh

**22. Hoạt động của các tố chức tài chính vi mô Việt Nam trong bối cảnh phát triển tài chính toàn diện : 10 năm nhìn lại/** Lê Thanh Tâm, Ngô Thị Thu Mai// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 6 (567) .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng hoạt động của các tố chức tài chính vi mô Việt Nam trong 10 năm qua (2010-2019), tập trung vào hai hoạt động chủ chốt: tín dụng, hoạt động tiết kiệm, từ đó đề xuất các giải pháp để các tổ chức này tham gia sâu hơn vào thực hiện chiến lược tài chính toàn diện Việt Nam. Xuất phát từ những tồn tại, trong tương lai chiến lược phát triển tổ chức tài chính vi mô cần tập trung vào một số nội dung cụ thể như: mở rộng phạm vi địa lý tiếp cận ( đặc biệt tại vùng nông thôn và miền núi); đa dạng hóa sản phẩm; tăng cường các hoạt động nâng cao năng lực cho thành viên, đặc biệt về lĩnh vực công nghệ số.

**Từ khóa**: Tài chính vi mô, tài chính toàn diện, tín dụng vi mô, tiết kiệm vi mô

**23. Hoạt động thẩm định giá đối với tài sản vô hình tại Việt Nam và vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Thị Đoan Trang// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.75 - 77.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, có một số thương hiệu tại Việt Nam bán cho nhà đầu tư nước ngoài với giá cao hơn nhiều so với tổng giá trị tài sản hữu hình như: ICP (60 triệu USD) hay Diana (184 triệu USD), P/S (5 triệu USD), Phở 24(20 triệu USD) ... Điều này cho thấy, giá trị vô hình đã dần được ghi nhận khi định giá doanh nghiệp. Dù giá trị tài sản vô hình cao nhưng ở Việt Nam, hầu như chưa được phản ánh trong sổ sách kế toán. Thông tư số 06/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính về tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 đã xác định rõ cách thức định giá tài sản vô hình ở Việt Nam tương tự với các chuẩn mực thế giới, tuy nhiên trên thực tế, hoạt động thẩm định giá tài sản vô hình tại Việt Nam còn tương đối mới và gặp nhiều khó khăn.

**Từ khoá:** Thẩm định giá, tài sản vô hình.

**24. Hướng tới chính sách tài khóa bền vững nhằm phát triển kinh tế ở Việt Nam/** Hồ Thị Hoài Thu, Nguyễn Quỳnh Như// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Tổng hợp các lý thuyết về chính sách tài khóa, từ đó đánh giá thực trạng chính sách tài khóa của Việt Nam trong giai đoạn 2009-2019 và đưa ra các gợi ý hướng đến chính sách tài khóa bền vững để phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập.

**Từ khóa**: Chính sách tài khóa, bền vững

**25. Huy động vốn đầu tư cho ngành nước: kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo Việt Nam**/ Đào Chí Thành Nhân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.27 - 30.

**Nội dung**: Hiện nay nghuồn vốn đầu tư cho xây dựng hệ thống cấp thoát nước ở Việt Nam chủ yếu từ vốn nhà nước (ngân hàng sách nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước và vốn viện trợ phát triển chính thức - ODA) chiếm khoảng 2/3 tổng vốn đầu tư trong ngành. Trong khi vốn đầu tư từ khu vực tư nhân còn khá nhỏ bé, thậm chí trong lĩnh vực thoát nước gần như không có. Để gỡ vướng những khó khăn đặt ra cho đầu tư cho ngành nước ở Việt Nam, việc tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia huy động vón đầu tư cho hệ thống cấp thoát nước là rất cần thiết. Vì Vậy, bài viết này tập trung vào khảo cứu kinh nghiệm của một số quốc gia đối với đầu tư ngàng nước, từ đó rút ra một số bài học tham khảo cho thực tiễn nước ta.

**Từ khoá:** Vốn đầu tư, cấp thoát nước, ngành nước.

**26. Huy động nguồn lực tài chính cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam**/ Lê Thị Mai Liên, Đoàn Hương Quỳnh// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 08-12.

**Nội dung**: Bài viết tập trung xem xét các cơ chế, chính sách tài chính của Việt Nam trong huy động các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững

**Từ khoá**: phát triển bền vững, huy động nguồn lực, tài chính

**27. Kết quả thực hiện chiến lược tài chính giai đoạn 2011-2020 và những vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Thuý Quỳnh// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Bài viết nêu những kết quả thực hiện chiến lược tài chính giai đoạn 2011-2020, từ đó chỉ ra những vấn đề và đưa ra định hướng xây dựng chiến lược tài chính giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2045.

**Từ khoá**: chiến lược tài chính

**28. Khoa học dữ liệu và những ứng dụng trong ngành tài chính**/ Nguyễn Phan Tình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.46 - 48.

**Nội dung:** Tài chính là lĩnh vực rất quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia cũng như của thế giới. Quản lý tài chính trước đây đòi hỏi nhiều nỗ lực, thời gian và hơn thế nữa. Giờ đây, với việc áp dụng khoa học dữ liệu vào phát hiện gian lận hay phân tích rủi ro đế giao dịch theo thuật toán, người ta có thể nhanh chóng phân tích tài chính và đưa ra quyết định tốt hơn để quản lý tài chính. Khoa học dữ liệu thực sự đang thay đổi cách thức hoạt động của ngành tài chính. Bài viết sau đây sẽ giới thiệu về các cách mà khoa học dữ liệu đang sử dụng trong ngành tài chính.

**Từ Khóa:** Khoa học dữ liệu, tài chính.

**29. Kinh nghiệm của một số quốc gia về chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam**/ Ngô Xuân Thanh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia về chính sách tài chính, tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho VN sẽ giúp cho việc nghiên cứu, ban hành chính sách tài chính, tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam được thuận lợi.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa, bài học kinh nghiệm, một số quốc gia, Việt Nam

**30. Một số đánh giá về cáo buộc thao túng tiền tệ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam**/ Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Văn Tiến// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Ngày 16/12/2020, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã xác định Việt Nam là một trong những quốc gia thao túng tiền tệ trong đợt rà soát định kỳ. Tuy nhiên, thực tế những năm vừa qua cho thấy hoạt động điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nằm trong khuôn khổ chính sách tiền tệ nhất quán nhằm thực hiện mục tiêu là kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và không nhằm tạo lợi thế cạnh tranh thương mại quốc tế không công bằng. Kể từ năm 2016 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện cơ chế điều hành tỷ giá chủ động linh hoạt trên cơ sở đặc điểm kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng như biến động rổ tiền tệ của các đối tác kinh tế lớn. Vì vậy, việc Hoa Kỳ đưa ra quan điểm VND được định giá thấp nhằm tạo ra lợi thế xuất khẩu cho Việt Nam là chưa thực sự có cơ sở thuyết phục trên phương diện tài chính quốc tế và cần được đánh giá thấu đáo hơn.

**Từ khoá**: Thao túng tiền tệ, chính sách tỷ giá, chính sách thương mại, Việt Nam, Hoa Kỳ

**31. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách thương mại nhằm phát triển xuất khẩu bền vững sản phẩm da giày của Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phượng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.69 - 71.

**Nội dung:** Ngành công nghiệp da giày định hướng xuất khẩu đã phát triển khá nhanh trong thời gian qua. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu theo phương thức gia công, tỷ lệ nội địa hoá và giá trị gia tăng của SPXK còn thấp, năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của da giày còn hạn chế, quá trình sản xuất còn gây ô nhiễm môi trường, trình độ và thu nhập của người lao động trong ngành chưa cao. Để PTXK bền vững sản phẩm da giày, rấy cần sự hỗ trợ của hệ thống chính sách nhà nước, trong đó có CSTM. Vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách thương mại nhằm phát triển xuất khẩu bền vững sản phẩm da giày của Việt Nam là rất cấp thiết.

**Từ khoá:** Sản phẩm da giày, chính sách thương mại, xuất khẩu.

**32. Một số nét về chính sách tự chủ tài chính tại Báo An Giang**/ Phan Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.48 - 50.

**Nội dung:** Hiện nay hầu hết các tờ báo Đảng địa phương nói chung và báo An Giang nói riêng đều phải thực hiện chính sách tự chủ tài chính một phần hoặc toàn phần. Nhà nước trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao và phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho xã hội. Tuy nhiên, khi thực hiện chính sách tự chủ thì bên cạnh những thành tựu đã đạt được, các đơn vị vẫn gặp phải nhiều khó khăn. Bài viết này sẽ phân tích những thành tựu cũng như khó khăn hạn chế mà báo An Giang gặp phải khi thực hiện chính sách tự chủ tài chính.

**Từ khoá:** Tự chủ tài chính, chính sách, Báo An Giang.

**33. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính doanh nghiệp trong điều kiện mới**/ Dương Thu Minh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 103-105.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra một số vấn đề về quản lý tài chính doanh nghiệp, thực trạng quản lý trong bối cảnh hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính doanh nghiệp trong điều kiện mới

**Từ khoá**: quản lý tài chính, tài chính doanh nghiệp

**34. Ngành tài chính chuyển mình thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Đại Trí// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 38-52.

**Nội dung**: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành Tài chính luôn xác định, chuyển đổi số là cơ hội để Ngành đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá thực hiện cải cách quản lý, cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính – ngân sách, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

**Từ khoá**: tài chính – ngân sách, cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển kinh tế - xã hội

**35. Những điểm nhấn trong phân tích báo cáo tài chính chuyển đổi theo IFRS**/ Lê Đình Trực, Lê Đoàn Minh Đức// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.23 - 27.

**Nội dung:** Việt Nam đang tiến hành quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính (BCTC) theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) trong xu thế hòa nhập toàn cầu. Nhằm nghiên cứu những thay đổi chủ yếu ảnh hưởng đến việc thu thập, đánh giá, phân tích thông tin tài chính của người sử dụng khi BCTC chuyển đổi sang IFRS, chúng tôi đi sâu vào nghiên cứu những điểm thay đổi cơ bản khi BCTC chuyển đổi sang IFRS.

**Từ khoá:** Báo cáo tài chính, IFRS, phân tích báo cáo tài chính.

**36. Những vấn đề nổi bật của thị trường tài chính thế giới trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và một số lưu ý cho năm 2021**/ Hà Huy Tuấn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 79-83.

**Nội dung**: Bài viết điểm lại những vấn đề nổi bật của thị trường tài chính ngân hàng trong nước và quốc tế trong năm 2020, đồng thời đưa ra một số cảnh báo rủi ro trong năm 2021.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính, đại dịch COVID-19

**37. Ổn định tài chính vĩ mô kinh nghiệm quốc tế**/ Nguyễn Thị Hoài Phương// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 62-66.

**Nội dung**: Phân tích một số kinh nghiệm ổn định tài chính vĩ mô của các nước trên thế giới, từ đó đưa ra các hàm ý chính sách cần thiết.

**Từ khóa**: Ổn định tài chính vĩ mô, kinh nghiệm quốc tế

**38. Phát hiện gian lận thẻ tín dụng bằng học máy**/ Hoàng Thị Thúy, Lê Thị Xuân Thu// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 76-84.

**Nội dung**: Trong thời đại khoa học – công nghệ, khách hàng chỉ với một tấm thẻ tín dụng có thể thanh toán toàn bộ các hoạt động mua sắm của mình một cách nhanh chóng và tiện lợi bất kể đang ở vị trí nào. Tuy nhiên, bên cạnh sự tiện lợi thì cũng đi kèm theo lỗ hổng với các mối đe dọa về tổn thất tài chính. Người bán không thể kiểm tra người mua có phải chủ thẻ hay không bởi vì cả thẻ và chủ thẻ đều không cần thiết có mặt tại thời điểm giao dịch. Do đó mà việc gian lận thẻ tín dụng ngày càng trở nên phổ biến với nhiều cách thức khác nhau. Trong bài viết này các tác giả tập trung phát hiện gian lận thẻ tín dụng bằng các phương pháp của học máy là mô hình mạng nơ ron nhân tạo và mô hình máy vec-tơ hỗ trợ và so sánh mức độ hiệu quả của hai phương pháp với bộ dữ liệu Paysim. Kết quả cho thấy mô hình mạng nơ ron nhân tạo phát hiện với độ chính xác cao hơn ( 99%) .

**Từ khoá**: Gian lận thẻ tín dụng, học máy, mạng nơ ron nhân tạo, máy vec-tơ hỗ trợ

**39. Phát triển nguồn lực tài chính cho đào tạo nghề đối với lao động nông thôn tại tỉnh Phú Thọ** / Phạm Thu Hạnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.72 - 74.

Nội dung: Việc huy động thêm các nguồn lực tài chính trong xã hội để giảm sức ép lên ngân hàng nhà nước, cũng như công tác phân bố và sử dụng các nguồn tài chính cho đào tạo nghề đối với lao động nông thôn một cách có hiệu quả là một vấn đề rất bức thiết. Thời gian qua, tỉnh Phú Thọ cũng đã triển khai đẩy mạnh xã hội hoá, nhằm thu hút đầu tư tư doanh nghiệp vào đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa thấy mặn mà và chỉ một số ít đầu tư vào việc này. Thực tế có những trường hợp những trường nghề và doanh nghiệp dù cách địa lý khá gần nhau nhưng sự kết nối gần như không có. Do vậy, việc phát triển các nguồn lực tài chính

**Từ khoá:** nguồn lực tài chính cho đào tạo nghề đối với lao động nông thôn tại tỉnh Phú Thọ hiện còn gặp rất nhiều khó khăn .Từ khoá: Nguồn lực tài chính, nghề, lao động nông thôn.

**40. Phân tích và dự báo tài chính doanh nghiệp bằng các phương pháp thống kê cơ bản**/ Nguyễn Thị Tiến, Lê Phúc Minh Chuyên, Phạm Thị Uyên Thi// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.85 - 88.

**Nội dung:** Sử dụng các phương pháp thống kê trong phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp. Dùng công cụ thống kê hỗ trợ sẽ giúp doanh nghiệp phân tích đầy đủ và chính xác hơn các mặt hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Dựa vào đó, các nhà quản lý đưa ra các quyết định tài chính chính xác và hoàn thiện hơn giúp doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cao.

**Từ khoá:** Thống kê, tài chính, doanh nghiệp.

**41. Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ: Thành tựu năm 2020 và định hướng năm 2021**/ ThS. Phạm Thanh Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính đã phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành các chính sách kinh tế vĩ mô, ứng phó kịp thời với diễn biến bất lợi và các cú sốc thị trường, nhờ đó ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và phục hồi tăng trưởng kinh tế bền vững.

**Từ khoá**: chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ

**42. Quan điểm và đặc trưng quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế**/ Hoàng Lan Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.103 - 104.

**Nội dung:** Quản lý nhà nước về giáo dục đại học về cơ bản chính là quản lý của Nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ giáo duch nói chung. Ngày nay, với tư duy đổi mới và yêu cầu XHH dịch vụ công, có sự ra đời các chủ thể cung cấp giáo dục khác nhau (Nhà nước, tổ chức ngoài nhà nước, cá nhân). Với nhận thức cơ sở giáo dục là tế bào của nền giáo dục quốc dân, nơi trực tiếp quyết định chất lượng đào tạo của mỗi quốc gia, quản lý nhà nước hệ thống này phải tạo điều kiện cho nó phát triển, hoạt động đúng hướng, đúng pháp luật và mục tiêu đào tạo.

**Từ khoá:** Quản lý nhà nước, tài chính, giáo dục đại học.

**43. Tác động của hoạt động ngoại bảng đến tỷ suất sinh lời tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**/ Phan Thị Thu Hà,Trần Thị Thanh Diệu// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr.34-43.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu về tác động của các hoạt động ngoại bảng đến tỷ suất sinh lời tại 31 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam giai đoạn 2009 đến 2018. Các tác giả sử dụng phương pháp ước lượng lượng mô men tổng quát hệ thống hai bước (2-steps SGMM) đối với dữ liệu bảng không cân để xem xét mối quan hệ này. Kết quả ước lượng cho thấy các chỉ tiêu phản ánh hoạt động ngoại bảng có tác động thúc đẩy gia tăng mức sinh lời của các Ngân hàng thương mại, đồng thời nó mang lại rủi ro tín dụng và rủi ro tiềm ẩn này có tác động tiêu cực đối với tỷ suất sinh lời. Bên cạnh đó, bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp các Ngân hàng thương mại quan tâm hơn đến lợi nhuận cũng như rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng.

**Từ khoá**: Khoản mục ngoại bảng, tỷ suất sinh lời, Việt Nam

**44. Tác động của hoạt động ngoại bảng đến tỷ suất sinh lời tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**/ Phan Thị Thu Hà,Trần Thị Thanh Diệu// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr.34-43.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu về tác động của các hoạt động ngoại bảng đến tỷ suất sinh lời tại 31 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam giai đoạn 2009 đến 2018. Các tác giả sử dụng phương pháp ước lượng lượng mô men tổng quát hệ thống hai bước (2-steps SGMM) đối với dữ liệu bảng không cân để xem xét mối quan hệ này. Kết quả ước lượng cho thấy các chỉ tiêu phản ánh hoạt động ngoại bảng có tác động thúc đẩy gia tăng mức sinh lời của các Ngân hàng thương mại, đồng thời nó mang lại rủi ro tín dụng và rủi ro tiềm ẩn này có tác động tiêu cực đối với tỷ suất sinh lời. Bên cạnh đó, bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp các Ngân hàng thương mại quan tâm hơn đến lợi nhuận cũng như rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng.

**Từ khoá**: Khoản mục ngoại bảng, tỷ suất sinh lời, Việt Nam

**45. Tài chính toàn diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại một số quốc gia trên thế giới**/ Nguyễn Thị Huyền//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.66 - 68.

**Nội dung:** Khuyến khích sự năng động của doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) được coi là vấn đề ưu tiên trong số các mục tiêu của phát triển kinh tế, bởi vì SMEs là một trong những chủ thể kinh tế tạo công ăn việc làm và tăng trưởng GDP của quốc gia. Tuy nhiên sự thiếu khả năng tiếp cận tài chính cũng như tài chính toàn diện của các SMEs tại Việt Nam đang là một trong những trở ngại chính cho việc tăng trưởng của bản thân doanh nghiệp và nền kinh tế quốc gia. Bài viết tìm hiểu, phân tích vai trò của tài chính toàn diện của SMEs, nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới từ đó đưa ra một số giải pháp đẩy mạnh tài chính toàn diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tài chính, tài chính toàn diện.

**46. Tài chính toàn diện – nhận diện vị trí Việt Nam trong khu vực ASEAN**/ Nguyễn Đặng Hải Yến // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 5 (566) .- Tr. 26-32.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng dữ liệu có sẵn từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhằm đánh giá mức độ tài chính toàn diện của các nước trong khu vực ASEAN, từ đó xác định vị trí của VN trong khu vực trên 4 khía cạnh: sử dụng tài khoản ngân hàng, tiết kiệm, vay mượn, trả lương và các khoản có tính chất như tiền lương. Kết quả cho thấy, chỉ số tài chính toàn diện của Việt Nam đã được cải thiện dần nhưng vẫn ở mức thấp đặc biệt là tính sẵn có của dịch vụ tài chính. Chính phủ Việt Nam cần có những chinyhs sách phù hợp để nâng cao mức độ tài chính toàn diện trên các khía cạnh.

**Từ khoá**: Tài chính toàn diện, tài chính vĩ mô, khu vực ASEAN

**47. Tăng cường khả năng chống chịu, đảm bảo an ninh tài chính công, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững**/ Trương Bá Tuấn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 11-14.

**Nội dung**: Tăng cường khả năng chống chịu, đảm bảo an ninh nền tài chính công có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, thể chế về quản lý tài chính công liên tục được cập nhật, hoàn thiện và đổi mới trên nhiều phương diện, qua đó, hỗ trợ hiệu quả tiến trình cơ cấu lại hệ thống tài chính công theo hướng an toàn, bền vững. Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển bền vững đặt ra cho giai đoạn mới, Việt Nam cần tiếp tục có các giải pháp phù hợp để tăng cường khả năng chống chịu, đảm bảo an ninh, an toàn tài chính công.

**Từ khoá**: An ninh tài chính, tài chính công, quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

**48. Tăng cường quản lý các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước**/ Phạm Văn Nghĩa// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.116 - 118.

**Nội dung:** Quản lý các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có một vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Thông qua việc trao đổi về đặc điểm quản lý các dự án sử dụng vốn ngân sách và tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý các dự án đầu tư, bài viết nghiên cứu tình hình quản lý các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn từ năm 2016 - 2018 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, qua đó, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Từ khoá: Quản lý, ngân sách nhà nước.

**49. Tăng cường quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam**/ Trần Minh Hoàng, Lê Thế Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.49 - 51.

**Nội dung:** Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và hội nhập quốc tế của các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Trong bài viết tác giả tập trung xem xét thực trạng FDI ở Việt Nam trong giai đoạn 1991 - 2020, từ đó đánh giá những đóng góp của FDI đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế cũng như chỉ ra những vấn đề còn đặt ra trong việc thu hút và sử dụng FDI trong giai đoạn 1991 - 2020 ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết sẽ đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với FDI trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng và trước những khó khăn của kinh tế Việt Nam, thế giới khi đối mặt với đại dịch Covid - 19.

**Từ khoá:** Covid - 19, Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh tế, quản lý nhà nước. "

**50. Thanh tra thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Thái Nguyên**/ Nguyễn Thị Phương Hảo, Hoàng Thị Bách Thảo//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.21 - 23.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng công tác thanh tra thu chi ngân sách nhà nước tại Thành phố Thái Nguyên; chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế, bất cập và nguyên nhân của các tồn tại hạn chế đó . Từ đó đề xuất các giải pháp để hoàn thiện công tác này, góp phần nâng cao công tác thanh tra ở thành phố.

**Từ khoá:** Thanh tra, ngân sách nhà nước, Thái Nguyên

**51. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước Tràng Bàng, tỉnh Tây Ninh**/ Nguyễn Thanh Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.80 - 82.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp định tính, tác giả đã điều tra, thu thập các văn bản, tài liệu, các nguồn số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, tác giả đã kế thừa một số kết quả nghiên cứu trước đó, nhằm làm sáng tỏ hơn nội dụng nghiên cứu. Đồng thời nghiên cứu thăm dò thông qua phương pháp chuyên gia để thăm dò ý kiến các chuyên gia, các lãnh đạo, cán bộ quản lý các phòng, ban có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản (ĐTXDCB) thuộc kho bạc nhà nước (KBNN) Tây Ninh, KBNN Trảng Bàng, phòng Tài chính kế hoạch, Ban quản lý đầu tư xây dựng Thị xã Trảng Bàng ... nhằm học hỏi những kinh nghiệm thực tiễn, đảm bảo tính khách quan và độ chính xác cao cho nguồn dữ liệu nghiên cứu.

**Từ khoá:** Đầu tư xây dựng cơ bản, kho bạc nhà nước, ngân sách nhà nước.

**52. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tài chính hỗ trợ kinh tế hợp tác phát triển**/ Trần Trọng Triết // Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 8-13.

**Nội dung**: Phân tích những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là những vấn đề đặt ra từ phía chính sách tài chính để từ đó đưa ra các giải pháp, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách cho các hợp tác xã phát triển trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, chính sách tín dụng, hỗ trợ kinh tế, hợp tác phát triển

**53. Ước lượng phần bù kỳ hạn trên thị trường trái phiếu Việt Nam**/ Phạm Thế Anh, Nguyễn Thanh Hà// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 30-39.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm ước lượng phần bù kỳ hạn của trái phiếu dựa trên mô hình GARCH-M bằng cách sử dụng dữ liệu trái phiếu chính phủ Việt Nam trong giai đoạn 2009 – 2019. Kết quả chỉ ra rằng, thứ nhất, kể từ năm 2012, phần bù kỳ hạn có xu hướng giảm dần, thậm chí là số âm trong những năm gần đây. Thứ hai, phần bù kỳ hạn trung bình tăng theo kỳ hạn. Ngoài ra, nghiên cứu này còn cho thấy phần bù rủi ro biến đổi theo thời gian và giả thuyết kỳ vọng về cấu trúc kỳ hạn của lãi suất bị bác bỏ. Điều này hàm ý rằng nhà đầu tư có thể tìm kiếm lợi nhuận bằng cách dựa trên sự khác biệt về kỳ hạn khi đầu tư vào các loại trái phiếu.

**Từ khoá:** Lợi nhuận tăng thêm khi nắm giữ trái phiếu dài hạn; phần bù kỳ hạn; giả thuyết kỳ vọng

**54. Vai trò của các lá chắn thuế đối với cấu trúc vốn của công ty cổ phần viễn thông niên yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Kim Phượng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.19 - 20.

**Nội dung:** Trên dữ liệu nghiên cứu gồm 29 công ty cổ phần viễn thông niên yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ 2014 - 2019, bài báo đã phân tích ảnh hưởng của thuế đối với cấu trúc vốn của doanh nghiệp. Mối liên hệ thuận chiều giữa cơ cấu vốn và qui mô trong khi lá chắn thuế, tài sản cố định, quy mô được chỉ ra trong nghiên cứu. Ngoài ra các nhân tố có ảnh hưởng đến cấu trúc vốn gồm thuế xuất TNDN, thuế TNCN trên cổ tức, tăng trưởng và rủi ro.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán, thuế.

**55. Vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và giải pháp phát triển kinh tế Việt Nam**/ Lâm Thùy Dương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 48-51.

**Nội dung**: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được xác định là một thành phần kinh tế quan trọng đối với Việt Nam. Làm thế nào để phát huy tốt hơn nữa vai trò của FDI trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội là vấn đề đặt ra cần được nghiên cứu thỏa đáng. Bài viết này phân tích, đánh giá thực trạng thu hút FDI và hiệu quả của FDI đối với kinh tế Việt Nam, từ đó kiến nghị giải pháp phát huy vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế-xã hội trong thời gian tới.

**Từ khoá**: FDI, hiệu quả FDI, kinh tế Việt Nam, Công nghệ cao

**56. Vì sao nền kinh tế ở Đông Bắc Á phát triển tốt hơn Đông Nam Á/ Nguyễn Tiến Thành// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 13-18.**

**Nội dung: Ở châu Á, sự phát triển kinh tế của các quốc gia vùng Đông Bắc Á vượt trội hơn rất nhiều so với các quốc gia vùng Đông Nam Á. Lý do của sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các quốc gia thuộc hai khu vực này đã được nhà báo kinh tế Joe Studwell chỉ ra là do chính sách kinh tế khác nhau giữa hai khu vực. Có ba chính sách chủ yếu được đề cập đến là nông nghiệp, công nghiệp và tài chính. Các chính sách này đã được nhà báo Joe Studwell chứng minh liên quan mật thiết với nhau hết sức thuyết phục thông qua phân tích lịch sử kinh tế ở hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Và từ góc phân tích lịch sử ấy, là một trong những nước Đông Nam Á, VN chắc chắn sẽ rút ra được những bài học về thiết lập chính sách phù hợp hơn trên con đường phát triển kinh tế bền vững của đất nước.**

**Từ khóa:** Lịch sử kinh tế khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á, chính sách về nông nghiệp, công nghiệp và tài chính

**57. Vì sao trái phiếu chính phủ lợi suất âm được thị trường đón nhận – góc nhìn từ phía nhà đầu tư/** Trần Thanh Thu, Trần Sách Đông// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ những lý do khiến trái phiếu chính phủ lợi suất âm trở thành kênh đầu tư được thị trường đón nhận trong bối cảnh suy thoái kinh tế kéo dài như hiện nay; đồng thời chỉ ra những tín hiệu thị trường từ thương vụ phát hành thành công trái phiếu chính pgur Trung Quốc và những tác động tiêu cực của lợi suất âm đến nền kinh tế.

**Từ khóa**: Trái phiếu chính phủ, lợi tức ẩm, Covid-19, suy thoái kinh tế

**58. Xu hướng giám sát thị trường tài chính trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Thị Hải Bình, Dương Ngọc Sơn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 27-31.

**Nội dung**: Trong thời gian qua, kinh tế - tài chính thế giới trải qua một thời kỳ đầy biến động bởi tác động của đại dịch Covid-19. Các hoạt động của nền kinh tế thực như thương mại, đầu tư, du lịch, sản xuất - kinh doanh… bị đứt gãy, đình trệ và suy giảm mạnh trên quy mô toàn cầu do hoạt động giãn cách xã hội diễn ra rộng khắp. Thị trường tài chính thế giới có những biến động mạnh và hầu hết ngân hàng trung ương các nước phải giảm mạnh lãi suất điều hành. Để hạn chế các tác động tiêu cực, chống đổ vỡ và đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống tài chính, nhiều quốc gia đã điều chỉnh cơ chế quản lý, giám sát thị trường tài chính.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính, cơ chế quản lý, tài chính, giám sát thị trường tài chính

**59. Xuất khẩu nông sản và năng lực công nghệ của nông nghiệp Việt Nam**/ Phạm Duy Hiếu, Trang Vũ Phương// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr.22-27.

**Nội dung**: Thời gian gần đây kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và chuyển biến phức tạp do nhiều nguyên nhân như đại dịch Covid 19 bùng phát mạnh trên thế giới, chủ nghĩa bảo hộ trong thương mại, các thay đổi trong chính sách thương mại của Hoa Kỳ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, thiên tai xảy ra nhiều vùng trên thế giới trong đó có VN. Để khắc phục các khó khăn này VN đẩy mạnh hội nhập quốc tế để tăng cường xuất khẩu qua các hiệp định thương mại. Tuy nhiên khi cơ hội xuất khẩu sản phẩm VN tăng nhanh thì đổi lại các doanh nghiệp VN phải chấp nhận một môi trường cạnh tranh toàn cầu khốc liệt, nhiều rủi ro với các công ty đa quốc gia. Nông sản là một thế mạnh của VN với hơn 60% dân số tham gia sản xuất, tuy nhiên để phát triển xuất khẩu nhiều hơn thì nông sản VN phải thỏa mãn nhiều yêu cầu của các thị trường này và các nông dân, Hội nông dân địa phương phải có năng lực về công nghệ để thực hiện hiệu quả các yêu cầu của thị trường.

**Từ khoá**: Cạnh tranh toàn cầu, nông nghiệp VN, năng lực công nghệ

**60**. **Yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp thực phẩm, đồ uống niên yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Dương Thị Thanh Hương// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.81 - 84.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống Việt Nam niên yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2009 đến 2019. Kết quả cho thấy, tỷ lệ tài sản hữu hình, tỷ lệ khấu hao, tính thanh khoản, khả năng sinh lời, tuổi của doanh nghiệp là những yếu tố tác động đén cơ cấu vốn của các doanh nghiệp trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống. từ cơ sở lý thuyết và kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị để xác định cơ cấu vốn mục tiêu hợp lý.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán, thực phẩm, đồ uống, vốn.

**61. Yêu cầu và thách thức trong công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố của Việt Nam**/ Ngân hàng// Phạm Tiên Phong .- 2021 .- Số 3+4 .- Tr. 77-80.

**Nội dung**: Những thách thức và nỗ lực của Việt Nam trong công tác PCRT/TTKB tgowif gian qua; những công việc cần giải quyết trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, Việt Nam

**NGÂN HÀNG**

**1. Ảnh hưởng giữa năng lực cạnh tranh, hiệu quả và rủi ro**: Trường hợp của các ngân hàng thương mại Đông Nam Á/ Phạm Việt Hùng, Dương Thị Ánh Tiên// Khoa học & Công nghệ .- 2020 .- số 46 .- Tr. 86-97.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét ảnh hưởng giữa năng lực cạnh tranh, hiệu quả rủi ro của các ngân hàng Đông Nam Á trong bối cảnh hội nhập. Dữ liệu nghiên cứu gồm 118 ngân hàng thương mại Đông Nam từ nguồn Bankscope, giai đoạn 2002-2017.

**Từ khóa**: Năng lực cạnh tranh, ASEAN, Đông Nam Á, Ngân hàng thương mại.

**2. Bài toán cổ tức của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam - thực trạng và giải pháp**/ Trịnh Thanh Huyền, Nguyễn Thanh Hoài Thu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách cổ tức của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết (NHTMCP NY), bài viết đề xuất một số khuyến nghị về chính sách cổ tức cho các ngân hàng.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại cổ phần, chính sách cổ tức, chứng khoán

**3. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng 4.0/** Tạ Quang Đôn// Ngân hàng .- 2021.- Số 1 .- Tr. 17-23.

**Nội dung**: Trình bày bản chất của các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng 4.0; Trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà cung cấp sản phẩm , dịch vụ ngân hàng 4.0; Khuyến nghị.

**Từ khoá:** Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng 4.0

**4. Các điều kiện ảnh hưởng đến phát triển cho vay ngang hàng tại Việt Nam/** Trần Nguyễn Minh Hải, Tô Thị Hoàng Lộc, Trần Đình Gia Ngân, Mai Hoàng Bảo // Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 41-48.

**Nội dung**: Nghiên cứu tiến hành thực hiện phân tích định tính các điều kiện vĩ mô ảnh hưởng đến sự phát triển P2P Lending tại Việt Nam theo mô hình PESTLIED. Từ đó, nghiên cứu cho thấy các hàm ý chính sách quan trọng đến tù các yếu tố này đối với phát triển P2P Lending như chính sách khuyến khích phát triển, xây dựng hành lang phá lý riêng biệt, học hỏi kinh nghiệm phát triển, thúc đẩy ứng dụng công nghệ, thực thi trách nhiệm đối với xã hôi, môi trường và con người.

**Từ khoá**: Các điều kiện ảnh hưởng, phát triển cho vay ngang hàng, Việt Nam

**5. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng**./Võ Tiến Sĩ// .- 2021 .- số1 (44) .- Tr.111-123.

**Nội dung**: Nghiên cứu định lượng để đo lường tác động của từng nhân tố đến sự hài lòng của nhân viên ngân hàng. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu thu thập từ kết quả khảo sát 246 nhân viên đang làm việc tại ngân hàng. Kết quả có 7 nhóm nhân tố tác động đến sự hải lòng của nhân viên: Bản chất công việc, đào tạo, thăng tiến, tiền lương, phúc lợi, môi trường làm việc, quan hệ đồng nghiệp, lãnh đạo.

**Từ khóa**: Nhân viên ngân hàng, hài lòng trong công việc, ngân hàng thương mại.

**6. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định của khách hàng sử dụng dịch vụ Agribank E-Mobile Banking tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Huỳnh Quang Minh// Khoa học & Công nghệ .- 2020 .- số 46 .- Tr. 123-138.

**Nội dung**: Nghiên cứu định lượng nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của nhân tố đó đến ý định của khách hàng sử dụng dịch vụ emobile banking của ngân hàng Agribank tại TpHCM. Mô hình nghiên cứu gồm: nhân tố độc lập, nhận thức sự hữu ích, nhận thức dễ sử dụng, chuẩn chủ quan, chi phí, tín nhiệm, đa dạng dịch vụ, tính linh hoạt, khách hàng.

**Từ khóa**: E-mobile banking, ngân hàng Agribank, ý định sử dụng

**7. Các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của ngân hàng thương mại niên yết tại Việt Nam**/ Nguyễn Anh Hiền, Phạm Thị Diễm My// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.69 - 71.

**Nội dung:** Nhu cầu thông tin của nhà đầu tư không chỉ dừng lại ở các thông tin doanh nghiệp bắt buộc phải công bố theo qui định mà họ còn quan tâm đến nhiều thông tin khác có liên quan đến doanh nghiệp. Với dữ liệu được thu thập từ 154 quan sát, nghiên cứu này đã tiến hành xem xét các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin tự nguyện (CBTTTN) của các ngân hàng thương mại (NHTM) đang niên yết tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các NHTM Việt Nam CBTTTN ở mức tương đối thấp trong 10 năm nghiên cứu từ năm 2010 đến năm 2019 trung bình 46,47%. Đồng thời, các nhân tố: khả năng sinh lời, thời gian hoạt động, chất lượng của công ty kiểm toán có tác động thuận chiều với mức độ CBTTTN của các NHTM đang niên yết tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, công bố thông tin tự nguyện, thông tin.

**8. Các nhân tố tác động đến phát triển ngân hàng số tại Việt Nam**/ Nguyễn Trung Anh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 59-63.

**Nội dung**: Khái niệm và xu hướng phát triển ngân hàng số, các nhân tố tác động đến phát triển ngân hàng số, thực trạng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, Fintech, Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số

**9. Các yếu tố tác động đến cấu trúc vốn ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Ngô Hoàng Vũ// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 22-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu về các yếu tố tác động đến cấu trúc vốn của các NHTM VN từ 2010 đến 2018. Với số lượng mẫu 28 NHTM VN, kiểu dữ liệu bảng và biến phụ thuộc đại diện cho cấu trúc vốn NHTM là đòn bẩy tài chính, tác giả đã tiến hành các biện pháp hồi quy OLS, FEM, REM. Sau khi tiến hành kiểm định lựa chọn mô hình và kiểm định các khuyết tật, mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi, tự tương quan. Để khắc phục hiện tượng trên, tác giả tiến hành hồi quy hiệu chỉnh (FGLS). Kết quả, nghiên cứu đã xác định được các yếu tố tác động cùng chiều đến cấu trúc vốn ngân hàng thương mại gồm yếu tố quy mô ngân hàng (SIZE), giá trị tài sản thế chấp (COLL), tăng trưởng (GDP), tăng trưởng tài sản (GROWTH). Ngược lại, yếu tố tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (PROF), tài sản cố định (TANG), yếu tố các ngân hàng có vốn Nhà nước lớn (STATE) tác động ngược chiều đến cấu trúc vốn ngân hàng thương mại VN.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, ngân hàng thương mại, yếu tố

**10. Các yếu tố tác động đến thu nhập lãi cận biên của ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt (lienvietpostbank)/** Đặng Thị Lan Phương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 45-49.

**Nội dung**: Nghiên cứu về tố tác động đến thu nhập lãi cận biên của ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt (lienvietpostbank) trong giai đoạn từ quý 1 năm 2015 đến quý 3 năm 2020. Tác giả sử dụng phương pháp hồi quy theo mô hình bình phương bé nhất (OLS) dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản và tỷ suất sinh lời trên tài sản có ảnh hưởng thuận chiều có ý nghĩa thống kê đến thu nhập lãi cận biên. Bên cạnh đó, dư nợ tín dụng trên vốn huy động có mối quan hệ ngược chiều với thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại trong giai đoạn này.

**Từ khoá**: Thu nhập lãi cận biên, ngân hàng thương mại

**11. Các yếu tổ ảnh hưởng tới ý định sử dụng phương thức thanh toán điện tử tại Hà Nội dưới tác động của đại dịch Covid-19/** Nguyễn Thị Hà Thanh, Dương Thu Hương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 33-40.

**Nội dung**: Bài viết nhằm phát hiện các yếu tố tác động tới ý định sử dụng phương thức thanh toán điện tử tại Hà Nội dưới tác động của đại dịch Covid-19. Dựa trên khung mô hình chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT), kết quả nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc bình phương từng phần nhỏ nhất PLS-SEM chỉ ra rằng, các nhân tố ảnh hưởng tới ý định hành vi của người tiêu dùng là hiệu quả kỳ vọng (PE), nỗ lực kỳ vọng (EE), ảnh hưởng xã hội (SI) và điều kiện sử dụng (FC), trong đó nhân tố Hiệu quả kỳ vọng có tác động lớn nhất tới ý định hành vi và chịu tác động của nhân tố nỗi lực kỳ vọng. Nhận thức về rủi ro (PR) là nhân tố duy nhất trong mô hình đề xuất không đạt mức ý nghĩa thống kê.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, phương thức thanh toán điện tử, đại dịch Covid-19

**12. Các yếu tố vi mô ảnh hưởng đến tăng trưởng tiền gửi ở các ngân hàng thương mại tại Việt Nam/** Nguyễn Chí Đức, Trần Thái Nguyên, Phan Thị Lam// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 3+4 (564+565) .- Tr. 58-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu sự tác động của các yếu tố vĩ mô đến tăng trưởng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2019. Kết quả cho thấy lạm phát có tác động ngược chiều, còn lãi suất tái cấp vốn có tác động cùng chiều với tăng trưởng tiền gửi các NHTM tại Việt Nam và có ý nghĩa thống kê. Từ kết quả trên bài viết đã đưa ra một số khuyến nghị để hoạt động huy động vốn của các NHTM được phát triển ổn định.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, tăng trưởng tiền gửi, yếu tố vĩ mô, kinh tế vĩ mô

**13. Cần cơ chế đặc thù hỗ trợ khách hàng vay vốn tại VDB**/Nguyễn Hoàng Phương Thanh// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 8 (569) .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Tác động của dịch Covid-19, nhiều dự án đầu tư phát triển (ĐTPT) đang phải chịu áp lực rất lớn trong việc thu xếp nguồn vốn để trả nợ vay cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB), thậm chí có những dự án đã bắt đầu phát sinh nợ quá hạn hoặc kéo dài, tình trạng chậm thanh toán nợ gốc và lãi đã quá hạn từ trước đó. Do vậy, việc nghiên cứu áp dụng một số giải pháp đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn cho dự án các nay là cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Bài viết này chỉ rõ những vướng măc, khó khăn của các dự an vay vốn tại tại VDB, từ đó đề xuất một số biện pháp xử lý.

**Từ khoá**: Tín dụng, đầu tư phát triển, rủi ro tín dụng, Ngân hàng Phát triển Việt Nam

**14. Cần giải pháp cụ thể về huy động vốn để phát triển điện lực/** Phạm Thanh Hòe// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 6 (567) .- Tr. 32-35.

**Nội dung:** Bài viết chỉ ra những khó khăn của Việt Nam trong huy động vốn cho phát triển điện lực, đồng thời nêu rõ một số đề xuất, kiến nghị với giải pháp cụ thể về chính sách.

**Từ khóa:** Huy động vốn, vốn, phát triển điện lực

**15. Cấu trúc sở hữu đặc biệt trong huy động vốn quốc tế: kinh nghiệm từ Trung Quố**c/ Dương Ngân Hà, Ngô Thị Hằng// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.59 - 61.

**Nội dung:** Tiếp cận nguồn vốn từ các thị trường quốc tế đang trở thành xu hướng tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tuỳ thuộc vào mục đích huy động vốn và khả năng đáp ứng các điều kiện phát hành và niên yết, doanh nghiệp có thể lựa chọn phương thức chào bán cổ phiếu trực tiếp hoặc phát hành chứng chỉ lưu ký. Trên cơ sở nghiên cứu hình thức huy động vốn này, bài viết phân tích làm rõ những điển hình về cấu trúc sở hữu đặc biệt trong huy động vốn quốc tế của Trung Quốc, chỉ ra những rủi ro của cấu trúc sở hữu đặc biệt với các chủ thể khác nhau trên thị trường, từ đó rút ra những gợi ý cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Huy động vốn, thị trường chứng khoán, doanh nghiệp.

**16. Cấu trúc vốn của tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam – thay đổi để phát triển/** Trần Thế Sao, Phan Hồng Hạnh// Ngân hàng .- 2021.- Số 1 .- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng cấu trúc vốn của tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam giai đoạn 2011-2019, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị đối với Chính phủ và các bộ , ban, ngành, chính quyền địa phương nhằm giúp các TCTCVM phát triển được nguồn vốn trong tương lai.

**Từ khoá:** Cấu trúc vốn, tổ chức tài chính vi mô, Việt Nam

**17. Cấu trúc vốn và tính bền vững của các hoạt động tài chính vi mô – nghiên cứu trường hợp việt Nam/** Phan Thanh Bình, Trương Ánh MInh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 26-29.

**Nội dung**: Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc vốn và tính bền vững của các hoạt động tài chính vi mô Việt Nam.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, tính bền vững, hoạt động tài chính vi mô

**18. Chất lượng tín dụng qua cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp tại Agribank Bình Định**/ Nguyễn Trà Dương, Trịnh Thị Thúy Hồng// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 150-153.

**Nội dung**: Chất lượng tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp luôn là vấn đề được các ngân hàng quan tâm và việc nâng cao chất lượng tín dụng được thực hiện thường xuyên qua công tác giám sát tín dụng. Tuy nhiên, nhận diện các yếu tố làm giảm chất lượng tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp để có giải pháp nâng cao hiệu quả chất lượng tín dụng là điều cấp thiết hiện nay. Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả với trường hợp cụ thể hoạt động cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (Agribank Bình Định) cho thấy, việc tăng cường cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp là một trong những giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp.

**Từ khoá**: Cho vay theo chuỗi giá trị, chuỗi giá trị nông nghiệp, chất lượng tín dụng

**19. Chính sách tín dụng của ngành ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh đại dịch Covid-19/** Vũ Mai Chi// Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 23-27.

**Nội dung**: Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô và hoạt động doanh nghiệp nhỏ và vừa; các chính sách tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn đại dịch Covid-19; đánh giá kết quả thực hiện; đề xuất và kiến nghị.

**Từ khoá**: Chính sách tín dụng, ngành ngân hàng, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bối cảnh đại dịch Covid-19

**20. Chuyển đổi số ngân hàng không chỉ là thay đổi công nghệ**/ Nguyễn Anh Tuấn// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 9 (570) .- Tr. 66-68.

**Nội dung**: Chuyển đổi kỹ thuật số lf một trong những cụm từ phổ biến nhất trong lĩnh vực ngân hàng - thực sự đang được diễn ra một cách chậm chạp( ít nhất là đói với người tiêu dùng). Qua đại dịch, nhiều người nhận thấy nhà cung cấp dịc vụ ngân hàng hiện tại của họ không đáp ứng nhu cầu. Điều đó không làm họ bận tâm nhiều vì họ nhanh chóng tìm thấy những lựa chọn thay thế.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số ngân hàng

**21. Chuyển đối số thành công cần xây dựng được con người số, văn hóa số**/ Hải Vy// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 32-33.

**Nội dung**: Theo bờ Nguyễn Thủy Dương, Chủ tịch EY Consulting Việt Nam, chuyển đổi số không đơn thuần là thay đổi về công nghệ, chuyển đổi số thành công cần xây dựng được con người số, văn hóa số trong tổ chức - luôn luôn tư duy đổi mới, sáng tạo. Để đi vững trên con đường này, bên cạnh cải tiến công nghệ, các ngân hàng cân lưu ý tới bồi đắp hệ sinh thái và thực hiện đổi mới văn hóa số, xây dựng con người số.

**Từ khoá**: Con người, Văn hóa, Ngân hàng số

**22. Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng : nhìn từ triển khai ứng dụng Video banking**/ Nguyễn Đoàn Châu Trinh// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 98-100.

**Nội dung**: Bài viết thảo luận về video banking, các kênh của video banking, lợi ích mà nó mang lại, thách thức mà các ngân hàng VN phải đối mặt khi triển khai loại hình dịch vụ này trong tương lai.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, tổ chức tín dụng, video banking, công nghệ, ngân hàng ảo

**23. Đánh giá rủi ro cảm nhận của khách hàng đối với ý định sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng**/ Bảo Trung, Nguyễn Minh Trung// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.77 - 80.

**Nội dung:** Nghiên cứu này kiểm định các yếu tố thành phần của rủi ro cảm nhận ảnh hưởng đến ý định sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng. Nghiên cứu định tính thông qua thảo luận nhóm với 10 người để hiệu chỉnh thang đo. Nghiên cứu định lượng thực hiện khảo sát 289 khách hàng có giao dịch với ngân hàng tại TP.Hồ Chí Minh theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Kết quả nghiên cứu xác định 6 yếu tố thành phần của rủi ro cảm nhận đều có ảnh hưởng ngược chiều đến ý định sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, từ đó, nhóm tác giả đề xuất các hàm ý quản trị để hạn chế rủi ro cảm nhận của khách hàng khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng.

**Từ khoá:** Ngân hàng, thẻ tín dụng, rủi ro.

**24. Đẩy mạnh ứng dụng Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực ngân hàng**/ Nguyễn Thị Thuý Quỳnh, Lê Thu Hoài// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đã và đang tác động lớn đến mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội trong đó có lĩnh vực ngân hàng. Cuộc cách mạng này mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Trong bối cảnh đó, lĩnh vực ngân hàng cần có phương hướng đẩy mạng ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của ngành, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

**Từ khoá**: Công nghệ số, tài chính, ngân hàng, ứng dụng

**25. Điều hành chính sách tiền tệ hỗ trợ nền kinh tế chống đỡ với đại dịch Covid-19 và định hướng năm 2021/** Phạm Thanh Hà// Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Trình bày bối cảnh thế giới và trong nước năm 2020 và 2 tháng đầu năm 2021; dấu ấn điều hành CSTT của NHNN ứng phó với đại dịch Covid-19, triển vọng kinh tế năm 2021, định hướng điều hành CSTT năm 2021.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, hỗ trợ nền kinh tế, đại dịch Covid-19

**26. Điều kiện để áp dụng quản trị rủi ro thanh khoản theo Basel III tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Quốc Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 82-85.

**Nội dung**: Tác giả nghiên về những lợi ích, thách thức của các ngân hàng khi áp dụng Basel III trong quản trị rủi ro thanh khoản và điều kiện để các NHTM Việt Nam áp dụng quản trị rủi ro thanh khoản theo hiệp ước Basel III.

**Từ khoá**: Basel III, quản trị rủi ro thanh khoản

**27. Định vị hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong khối CPTPP qua chỉ số tài chính toàn diện và hệ thống xếp hạng Camels**/ Phạm Thủy Tú, Nguyễn Đặng Hải Yến// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 9 (570) .- Tr. 60-65.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng kết quả được tính toán, tổng hợp từ nguồn dữ liệu công bố tại Ngân hangd thế giói, báo cáo tài chính công bố của NHNN, báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2013-2019 làm cơ sở phân tích, đưa ra nhận định và đánh giá. Thông qua đó, bài viết đề xuất một số gợi ý cho các nhà hoạch định chính sách và quản trị ngân hàng giúp các hoạt động trong ngành ngân hàng gia tăng vị thế cạnh trạnh và ngày càng ổn định hơn trong thị trường quốc tế.

**Từ khoá**: Chỉ số tài chính toán diện, ngân hàng thương mại, Camels, CPTPP

**28. eKYC trong mở tài khoản thanh toán**/ Nguyễn Thị Thu// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 73-78.

**Nội dung**: Khái niệm KYC và eKYC là gì; kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng eKYC, ứng dụng EKYC trong mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam và một số gợi ý chính sách.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, mở tài khoản, định danh khách hàng trực tuyến eKYC

**29. Fintech và xu hướng hợp tác với hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam**/ Vũ Cẩm Nhung, Lại Cao Mai Phương// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 44-50.

**Nội dung**: Sơ lược thực trạng phát triển fintech thời gian qua; xu hướng hợp tác giữa Fintech và ngân hàng tại Việt Nam; Một số khuyến nghị thúc đẩy sựi hợp tác giữa các công ty Fintech và hệ thống NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Fintech, ngân hàng, công nghệ tài chính, hợp tác

**30. Giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Namtrong bối cảnh Covid-19**/ Đào Văn Chung// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 10 (571) .- Tr. 25-28.

**Nội dung**: Phân tích một số thực trạn, nguyên nhân chủ yếu về rủi ro tín dụng, công tác quản lý rủ ro tín dụng của các ngân hàng thương mại (NHTM) đồng thời đề xuất một số giải pháp hạn chế, giảm thiếu, quản lý rủi ro tín dụng của các NHTM trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

**Từ khoá**: Tín dụng, Covid-19, rủi ro tín dụng, phát triển tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại, kiểm soát rủi ro tín dụng

**31. Giải pháp nâng cao năng lực quản trị tài chính doanh nghiệp**/ Ngô Thị Kim Hòa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 91-96.

**Nội dung**: Trình bày và phân tích mục tiêu, vai trò và nguyên tắc của quản trị tài chính doanh nghiệp, qua đó phân tích các giải pháp nâng cao năng lực quản trị tài chính doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Quản trị tài chính, năng lực quản trị tài chính, tài chính doanh nghiệp

**32. Giải pháp phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2021-2025**/ Hà Duy Tuấn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 3+4 (564+565) .- Tr. 38-43.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ một số vướng mắc trong hoạt động ngân hàng hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**Từ khoá**: Nợ xấu, tổ chức tín dụng, ngân hàng, phát triển bền vững

**33. Giải pháp phát triển bền vững ngân hàng thương mại Việt Nam/** Bùi Khắc Hoài Phương // Ngân hàng .- 2021.- Số 1 .- Tr. 24-33 .

**Nội dung**: Trình bày quan điểm về phát triển Ngân hàng bền vững,những điều kiện phát triển bền vững ngân hàng thương mại; thực trạng phát triển bền vững ngân hàng thương mại Việt Nam, giải pháp phát triển bền vững ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Phát triển bền vững, Ngân hàng thương mại

**34. Giải pháp phát triển tín dụng doanh nghiệp đối với các ngân hàng thương mại**/ Nguyễn Thị Thuý Quỳnh, Vũ Thế Anh, Nguyễn Thị Thu Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Tín dụng doanh nghiệp là một bộ phận không thể thiếu trong hoạt động tín dụng, mang lại nguồn thu nhập lớn cho ngân hàng nhưng đây cũng chính là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các ngân hàng thương mại cần có các giải pháp tăng cường, phát triển tín dụng doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá**: Phát triển, tín dụng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại

**35. Giải pháp quản lý nợ quá hạn thẻ tín dụng tại các ngân hàng thương mại**/ Mai Thi Quỳnh Như// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.71 - 73.

**Nội dung:** Qua nhiều năm hình thành và phát triển, hệ thống ngân hàng thương mại đã không ngừng đổi mới, góp phần phát triển ngân hàng thương mại Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động nợ tín dụng của chi nhánh vẫn còn tìm ẩn những rủi ro nhất định, thể hiện ở khía cạnh nợ xấu. Hạn chế nợ ở mức thấp nhất là mục tiêu hàng đầu trong công tác quản lý tín dụng nói riêng cũng như điều hành kinh doanh tại các NHTM nói chung, đặc biệt trong công tác quản lý và ngăn chặn nợ quá hạn thẻ tín dụng.

**Từ khoá**: Thẻ tín dụng, ngân hàng thương mại, tín dụng.

**36. Giải pháp thúc đẩy thanh toán di động qua Mobile Money tại Việt Nam**/ Đào Lê Kiều Oanh, Hà Thị Ngọc Hải, Nguyễn Duy Khánh// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 8 (569) .- Tr. 25-31.

**Nội dung**: Trình bày những quan điểm khác nhâu về thanh toán di động một cách tổng thể cùng nhuwgx ảnh hưởng tích cực mà nó nang lại trong quá trình số hóa dịch vụ tai chính. Đồng thời nghiên cứu trình bày việc sử dụng Mobile Money trên thế giới, chỉ ra những cơ hội và thách thức tiềm ẩn khi triển khai dịch vụ Mobile Money. Bài viết đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy thanh toán di động tại Việt Nam, trong đó có dịch vụ Mobile Money.

**Từ khoá**: Thanh toán di động, Mobile Money

**37. Hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Ninh**/ Nguyễn Văn Tiến, Lâm Mai Yến// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 154-157.

**Nội dung**: Phân tích số liệu từ các báo cáo tài chính của Vietinbank Tây Ninh cho thấy, rủi ro tín dụng chưa được kiểm soát một cách toàn diện và hiệu quả, đang có xu hướng ngày một gia tăng. Từ đó, tác giả bài viết đưa ra một số đề xuất nhằm hạn chế rủi ro tín dụng của Vietinbank Tây Ninh trong thời gian tới

**Từ khoá**: hạn chế rủi ro tín dụng, báo cáo tài chính, Vietinbank Chi nhánh Tây Ninh

**38. Hệ số an toàn vốn và hoạt động cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Đặng Văn Dân, Huỳnh Japan // Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Bài viết tiến hành một khoả sát thực nghiệm nhằm kiểm tra hệ số vốn dựa trên rủi ro có hiệu quả hay không trong việc giảm rủi ro và thúc đẩy tăng trưởng cho vay của ngân hàng thương mại, trong bối cảnh các tranh luận gần đây bắt đầu đặt ra nghi ngờ về hiệu quả của các kỹ thuật ước tính vốn ngân hàng dựa trên rủi ro. Sử dụng các phương pháp hồi quy phù hợp, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, hệ số an toàn vốn tác động cùng chiều đến tăng trưởng cho vay của các NHTM, nhưng lại không gây ra bất kỳ tác động có ý nghĩa nào đối với chất lượng của các khoản cho vay. Từ đó, một số hàm ý quan trọng về xây dựng tiềm lực vốn, chú ý đến chất lượng thực sự và tính ổn định của vốn ngân hàng đã được chỉ ra.

**Từ khoá**: Hệ số vốn, hoạt động cho vay, ngân hàng thương mại

**39. Hệ thống ngân hàng thành phố Cần Thơ vượt qua khó khăn trong năm 2020, đóng góp tích cực phát triển kinh tế - xã hội địa phương /** Trần Quốc Hà, Lê Thị Kim Hằng // Ngân hàng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Trình bày những thách thức và nỗ lực của hệ thống ngân hàng thành phố Cần Thơ vượt qua khó khăn trong năm 2020 và định hướng hoạt động hệ thống ngân hàng thành phố Cần Thơ năm 2021.

**Từ khoá**: Hệ thống ngân hàng, thành phố Cần Thơ, phát triển kinh tế - xã hội địa phương

**40. Hệ thống tổ chức tín dụng tiếp tục phát triển bền vững sau một năm chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19**/ Trần Thế Sao, Phạm Thị Phương Thảo// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 5 (566) .- Tr. 14-19.

**Nội dung**: Sự phát triển bền vững của hệ thống tỏ chức tín dụng qua các chỉ tiêu cơ bản; thách thức về tăng vốn điều lệ và giữ thị phần tín dụng của các NHTM Nhà nước; cạnh tranh mạnh mẽ trong đầu tư chuyển đổi công nghệ ngân hàng số; dự báo và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Tổ chức tín dụng, phát triển bền vững, đại dịch COVID-19

**41. Hiệu quả sử dụng vốn sở hữu tại hệ thống ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam**/ Nguyễn Thị Tuyết Nga// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 89-92.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định sự tác động của các yếu tố đến hiệu quả sử dụng vốn sở hữu tại hệ thống ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam giai đoạn 2013-2019, thông qua sử dụng phương pháp định lượng phương pháp bình phương bé nhất tổng quát khả thi. Kết quả cho thấy, hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu (ROE) chịu sự tác động ngược chiều bởi các yếu tố: tỷ lệ chi phí hoạt động (COSR), tỷ lệ vốn chủ sở hữu (EA) và tác động cùng chiều bởi các yếu tố: qui mô ngân hàng thông qua tổng tài sản (SIZE), tỷ lệ thanh khoản (LIQ), rủi ro tín dụng (LIR). Đây là cơ sở để tác giả đưa ra một số khuyến nghị cho các nhà quản trị, hoạch định chính sách tại NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Hiệu quả sử dụng vốn sở hữu, ngân hàng Thương mại, Việt Nam

**42. Hiểu quả kỹ thuật và nhân tố tác động trong đánh giá hiệu quả hoạt động ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Bình// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.66 - 70.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm ra các nhân tố tác động đến hiệu quả kỹ thuật tại các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2009 - 2019 ( bằng phương pháp bao dữ liệu - DEA và hồi quy Tobit). Kết quả nghiên cứu cho thấy, các biến độc lập quy mô tài sản ngân hàng, tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản, số lượng chi nhánh có tác động đến hiệu quả kỹ thuật; riêng biến tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản, số lượng chi nhánh có tác động đến hiệu quả kỹ thuật; riêng biến tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản có tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động vẫn còn phụ thuộc nhiều vào quy mô cho vay. Với lợi thế sở hữu nhà nước, các ngân hàng thương mại nhà nước hoạt động hiệu quả hơn các ngân hàng thương mại cổ phần ...

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, lãi suất, thu nhập.

**43. Hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Vietinbank - chi nhánh Đắk Lắk**/ Nguyễn Ngọc Kiều Thanh, Phan Thanh Hải// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.120 - 123.

**Nội dung:** Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (Vietinbank Đắk Lắk) là một trong nhiều ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 1999, đến nay đã có hơn 2.050 khách hàng doanh nghiệp và 6.500 khách hàng cá nhân trực tiếp giao dịch.Thời gian qua, Vietinbank Đắk Lắk đặc biệt chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng và xem đây là công tác ưu tiên hàng đầu trong hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực, thành công thì công tác này vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập cần cải tiến và hoàn thiện trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chăm sóc khách hàng, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, tỉnh Đắk Lắk.

**44. Hoàn thiện quy định pháp luật về biện pháp bảo đảm để thúc đẩy quá trình xử lý nợ tại tổ chức tín dụng/** Nguyễn Thị Lương Trà// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 6 (567) .- Tr. 36-42.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nêu và phân tích một số nội dung quy định của pháp luật chưa phù hợp, đồng thời đề xuất một số biện pháp hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành, qua đó tạo điều kiện để xử lý nhanh, dứt điểm các khoản nợ xấu tại TCTD.

**Từ khóa:** Tổ chức tín dụng, nợ xấu, xử lý nợ xấu, biện pháp bảo đảm

**45. Kiểm định giả thuyết kỳ vọng trên thị trường trái phiếu Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Hà, Phạm Thế Anh// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu trên thị trường trái phiếu chính phủ Việt Nam trong giai đoạn 2009 – 2019 để nghiên cứu cấu trúc kỳ hạn của lãi suất và kiểm định giả thuyết kỳ vọng. Kết quả chỉ ra rằng độ chênh lệch giữa lãi suất ngắn hạn và dài hạn có khả năng dự báo lượng thay đổi của lãi suất dài hạn trong tương lai và lợi nhuận tăng thêm khi nắm giữ trái phiếu dài hạn. Điều này hàm ý rằng giả thuyết kỳ vọng bị bác bỏ ở thị trường trái phiếu Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu. Dựa trên các kết quả này, một số hàm ý quan trọng sẽ được rút ra đối với các nhà đầu tư và cơ quan hoạch định chính sách tiền tệ.

**Từ khoá**: Cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, giả thuyết kỳ vọng, đường cong lãi suất, lợi nhuận tăng thêm khi nắm giữ trái phiếu

**46. Kinh nghiệm về công nghệ tài chính thông qua ngân hàng mở trên thế giới và giải pháp cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Hồng Nhung, Hoàng Hải Yến// Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 54-58.

**Nội dung**: Giới thiệu về ngân hàng mở; hệ thống pháp lý về quản lý ngân hàng mở, phát triển ngân hàng mở trên thế giới, phát triển ngân hàng mở tại Việt Nam; một số thách thức và giải pháp phát triển ngân hàng mở tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Công nghệ tài chính, ngân hàng mở, thế giới

**47. Kinh nghiệm triển khai định danh khách hàng trực tuyến eKYC và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Duy Việt// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 64-72.

**Nội dung**: Khái niệm cơ bản về định danh khách hàng trực tuyến eKYC và bài học kinh nghiệm phát triển trên thế giới; thực tiễn áp dụng tại Việt Nam; một số giải pháp và kiển nghị để phát triển EKYC ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, chuyển đổi số, định danh khách hàng trực tuyến eKYC

**48. Lợi ích thanh toán không dùng tiền mặt : góc nhìn của các chuyên gia và một số khuyến nghị chính sách**/ Đặng Công Hoàn // Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 42-47.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến lợi ích, hiệu quả của dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đối với nền kinh tế từ góc nhìn của các chuyên gia, nhà quản lý, các doanh nghiẹp, ...; từ đó, đề xuất một số khuyến nghị chính sách đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

**Từ khoá**: Thanh toán không dùng tiền mặt

**49. Marketing ngân hàng hướng tới sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số/** Trần Thế Sao, Phan Hồng Hạnh // Ngân hàng .- 2021.- Số 1 .- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Trình bày một số quan điểm về tính đặc thù của Marketing ngân hàng; thực trạng phát triển bền vững hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện nay; một số đánh giá về hoạt động marketing thúc đẩy phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt nam trong kỷ nguyên số; khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động marketing ngân hàng trong kỷ nguyên số hiện nay.

**Từ khoá:** Marketing ngân hàng, phát triển bền vững, kỷ nguyên số

**50. Marketing số cho dịch vụ ngân hàng số của ngân hàng thương mại Việt Nam: thực trạng và giải pháp**/ Đinh Thủy Bích// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.73 - 78.

**Nội dung:** Sự bùng nổ của công nghệ thông tin đã làm thay đổi cách thức sống, làm việc, thói quen tiêu dùng, cách thức tìm kiếm thông tin của con người vì công nghệ đang được ứng dụng vào mọi mặt của cuộc sống. Do đó, chuyển đổi số trong lĩnh tài chính - ngân hàng tại Việt Nam là xu hướng tất yếu. Ứng dụng công nghệ số trong phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số và sử dụng digital marketing để phát triển và thu hút khách hàng. Do vậy việc sử dụng digital marketing để phát triển ngân hàng số hay các dịch vụ sử dụng công nghệ số của ngân hàng là điều hoàn toàn hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm ngân sách marketing.

**Từ khoá:** Digital marketing, dịch vụ ngân hàng số, ngân hàng thương mại, tài chính - ngân hàng, công nghệ số.

**51. Mô hình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng cho các ngân hàng thương mại/** Đào Thanh Bình, Cao Hồng Vân Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 93-97.

**Nội dung**: Tập trung phân tích các phương pháp cảnh báo sớm rủi ro phổ biến nhất cũng như điều kiện áp dụng hợp lý của từng phương pháp trong điều kiện cụ thể của hệ thống NHTM tại VN hiện nay. Tập trung phan tích các phương pháp cảnh báo sớm rủi ro phổ biến nhất cũng như điều kiện áp dụng hợp lý của từng phương pháp trong điều kiện cụ thể của hệ thống NHTM tại VN hiện nay.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, rủi ro tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro tín dụng

**52. Mối quan hệ giữa rủi ro tín dụng và lợi nhuận tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mỹ Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu này làm rõ mối quan hệ giữa rủi ro tín dụng và lợi nhuận của các ngân hàng thương mại qua việc sử dụng mẫu gồm 17 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2010 -2019. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng: Mô hình Pooled OLS (POOL), Mô hình tác động cố định (FEM) và mô hình tác động ngẫu nhiên (REM). Bên cạnh đó, phương pháp ước lượng tác động ngẫu nhiên FGLS cũng được sử dụng để đảm bảo tính hiệu quả cho mô hình nghiên cứu. Kết quả hồi quy cho thấy, rủi ro tín dụng có tác động ngược chiều đến lợi nhuận ngân hàng.

**Từ khoá**: rủi ro tín dụng, lợi nhuận ngân hàng, nợ xấu

**53. Mối tương quan giữa mục tiêu tăng vốn với khả năng tạo thanh khoản của ngân hàng/** Chu Thị Thanh Trang, Phạm Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Mỹ Linh, Nguyễn Thị Bảo Ngọc // Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 34-41.

**Nội dung**: Xác định mối tương quan hệ qua lại giữa mục tiêu tăng vốn với khả năng tạo thanh khoản trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu đã chứng minh có sự tồn tại mối quan hệ hai chiều, đánh đổi giữa hai biến số này. Áp lực từ việc theo đuổi mục tiêu tăng vốn đáp ứng chuẩn Basel II trong thời gian qua, đã làm hạn chế chức năng tạo thanh khoản cho nền kinh tế - một trong những chức năng quan trọng nhất của ngân hàng. Phát hiện nay, một mặt có ý nghĩa về mặt học thuật, đồng thời, có thể có ý nghĩa chính sách quan trọng liên quan đến việc xác định các mục tiêu vừa đảm bảo an toàn hệ thống, vừa phát huy được chức năng cung thanh khoản hệ thống ngân hàng.

**Từ khoá:** Mối tương quan, mục tiêu tăng vốn, khả năng tạo thanh khoản, ngân hàng

**54. Năm 2021: Nhiều thuận lợi để phát triển ngân hàng số**/ Hoàng Quang Phòng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 24-25.

**Nội dung**: Đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 đã xuất hiện và bùng phát trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng rất nặng nề đến tất cả các lĩnh vực, dẫn đến tình trạng suy thoái kinh tế thế giới nghiêm trọng. Chúng ta quyết tâm thực hiện mục tiêu kép: vừa quyết liệt phòng chống dịch với tinh thần chống dịch như chống giặc, vừa tập trung phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân. Cơ bản đã kiểm soát, khống che được dịch bệnh, không để lây lan, bùng phát trong cộng đồng, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Từ đó cho thấy năm 2021 là cơ hội rất lớn để các ngân hàng đẩy mạnh chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, Thuận lợi, Giải pháp

**55. Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Agribank - chi nhánh Phú Tân, tỉnh An Giang**/ Tô Thiện Hiền, Lê Thanh Tùng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Khảo sát, nghiên cứu từ kết quả ứng dụng, phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Phú Tân, An Giang giai đoạn 2016-2019, tác giả đã kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển trong thời gian tới

**Từ khoá**: Dịch vụ ngân hàng, chất lượng dịch vụ, ngân hàng điện tử, ngân hàng thương mại

**56. Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam**/ Đặng Vũ Khánh Vân, Đinh Thị Mỹ Hạnh// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Công tác quản trị rủi ro tín dụng của các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam hiện nay được đánh giá khá hiệu quả, nhờ có cơ cấu tổ chức, chính sách quản trị rủi ro tín dụng phù hợp, quá trình nhận diện, đánh giá rủi ro tốt và các biện pháp xử lý linh hoạt. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, việc quản trị rủi ro tín dụng của các tổ chức tín dụng vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Bài viết này đánh giá, phân tích thực trạng quản trị rủi ro một số tổ chức tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam và đưa ra một số giải pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng trong tổ chức tài chính vi mô.

**Từ khoá**: Quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro tín dụng, tổ chức tài chính vi mô, tài chính vi mô

**57. Nâng cao năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Quốc Việt// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 84-90.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực trạng năng lực tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại.

**Từ khóa**: Năng lực tài chính, ngân hàng thương mại

**58. Năng lực vay và vay để đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông: Trường hợp TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Huyền// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 55-59.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến năng lực vay và vay để đẩy mạnh đầu tư công ở TP.HCM, nơi đô thị phát triển bậc nhất và đóng góp nhiều cho sự tăng trưởng của VN, trong bối cảnh nền kinh tế xã hội chịu nhiều biến động từ đại dịch Covid và kinh tế địa phương mất đà tăng trưởng trong năm 2020. Bài viết đã xem xét bốn yếu tố về năng lực vay của TP.HCM: (1) Đầu tư công tạo đà cho tăng trưởng kinh tế; (2) Khoản vay chủ yếu từ nguồn ODA nên kỳ hạn vay dài và lãi suất thấp, giảm gánh nặng dịch vụ nợ và áp lực trả nợ gốc; (3) Quy mô nợ của TP.HCM không lớn so với tiềm lực ngân sách nếu tỷ lệ điều tiết về Trung ương được thay đổi; và (4) Khung thể chế và các giới hạn nợ do chính quyền cấp trên ràng buộc sẽ thỏa mãn nếu yếu tố thứ ba giải quyết được. Qua đó, bài viết đưa ra ba nhóm giải pháp nhằm giúp TP.HCM hấp thụ hiệu quả dòng vốn vay ODA cho đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông.

**Từ khoá**: Năng lực vay; ODA; Cơ sở hạ tầng giao thông; TP.HCM

**59. Ngân hàng số sẽ xóa khoảng cách địa lý khách hàng**/ Bảo Đăng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Việc các ngân hàng cho phép mở tài khoản thông qua định danh khách hàng trực tuyến (e-KYC) sẽ mở ra môi trường ngân hàng hoàn toàn mới. Ồng Trần Công Quỳnh Lân, Chủ nhiệm ủy ban Công nghệ thuộc Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (HHNH), Phó Tổng Giám đốc VietinBank đã chia sẻ với Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ những vấn đề chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ ở các ngân hàng.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, Khoảng cách địa lý, Khách hàng

**60. Nhân tố ảnh hưởng đến nợ công bền vững tại Việt Nam**/ Lê Thị Diệu Huyền, Nguyễn Diệu Linh// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 03-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu về tính bền vững của nợ công, những nhân tố ảnh hưởng đến tính bền vững của nợ công tại Việt Nam. Kết quả cho thấy, lạm phát và lãi suất các khoản vay có ảnh hưởng đến bền vững nợ công tại Việt Nam, từ đó, đề xuất kiến nghị nhằm tăng cường bền vững nợ công

**Từ khoá**: nợ công, bền vững nợ công, ngân sách

**61. Nhận định về những rủi ro của đồng tiền kỹ thuật số và hàm ý chính sách đối với Việt Nam/** Trần Thị Nguyệt Nga // Ngân hàng .- 2021.- Số 1 .- Tr. 60-65.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm tiền điện tử và tiền kỹ thuật số; lợi ích và những rủi ro của đồng tiền kỹ thuật số; hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

**Từ khoá:** Rủi ro của đồng tiền kỹ thuật số, hàm ý chính sách, tiền điện tử, đồng tiền kỹ thuật số

**62. Nghệ An nỗ lực thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt/** Nguyễn Thị Thu Thu// Ngân hàng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 30-32.

**Nội dung**: Trình bày những kết quả đạt được, một số hạn chế và nguyên nhân, một số giải pháp góp phần đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thanh toán không dùng tiền mặt, Nghệ An

**63. Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng trong sử dung dịch vụ ngân hàng số tại Việt Nam**/ Phan Thị Hoàng Yến, Nguyễn Thúy Hằng// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 9 (570) .- Tr. 46-52.

**Nội dung:** Nghiên cứu tập trung phân tích sự hài lòng của khách hàng trong việc sử dụng ngân hàng số tại Việt Nam, từ đó đưa ra nững khuyến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động ngân hàng số tại các NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, sự hài lòng, khách hàng, khuyến nghị

**64. Nghiên cứu về hiệu lực của chính sách tín dụng đối với sinh viên Việt Nam/** Nguyễn Mai Hương, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Nguyệt Nương// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 53-57.

**Nội dung**: Tín dụng sinh viên từ lâu đã được đánh giá là một trong những chính sách điểm nhấn của công cuộc phát triển bền vững, tối ưu hóa tài chính giáo dục, đặc biệt là đối với giáo dục đại học và thúc đẩy sự bình đẳng, gia tăng cơ hội tiếp cận giáo dục bậc cao của học sinh, sinh viên. Bài viết trình bày những khía cạnh quan trọng của chương trình tín dụng sinh viên tại Việt Nam đồng thời khảo sát tính hiệu quả và phân tích tiềm năng cũng như hạn chế, nhằm mục đích tìm ra hướng đi tối ưu nhất.

**Từ khoá**: Tín dụng sinh viên, giáo dục đại học, Việt Nam

**65. Nguồn vốn chính thức và không chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt nam quan các giai đoạn phát triển**/ Lê Thị Bích Ngọc// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 212 .- Tr. 64-69.

**Nội dung**: Tổng quan về tình hình sử dụng nguồn vốn chính thức và nguồn vốn không chính thức các doanh nghiệp nhỏ và vừa; phương pháp nghiên cứu; bình luận và kiến nghị.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nguồn vốn không chính thức

**66. Những khó khăn của ngành ngân hàng trong bôi cảnh đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Thị Thái Hưng// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 10 (571) .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Trình bày những khó khăn của ngành ngân hàng đó là vấn đề suy giảm tài sản, khả năng sinh lời giame, thực hiện số hóa hoạt động ngân hàng, tăng sự cạnh tranh và hợp tác với các công ty Fintech và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong bối cảnh mới trướ những tác động của đại dịch Covid-19.

**Từ khoá**: Ngành ngân hàng, khó khăn, đại dịch Covid-19

**67. Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam**/ Hoàng Thị Ngọc Thuý// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về vai trò của dịch vụ ngân hàng bán lẻ, thực trạng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam, đồng thời đưa ra một số kiến nghị để thúc đẩy dịch vụ này phát triển trong thời gian tới.

**Từ khoá**: ngân hàng thương mại, dịch vụ ngân hàng bán lẻ, doanh nghiệp

**68. Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Vietinbank - chi nhánh Đắk Lắ**k/ Nguyễn Phương Trâm, Phan Thanh Hải// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.110 - 113.

**Nội dung**: Trong những năm qua, Ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk ( Vietinbank Đắk Lắk) đã chú trọng phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử với chiến lược trở thành ngân hàng thương mại đi đầu trong thanh toán dịch vụ công trực tuyến, thu ngân sách nhà nước, thanh toán chứng khoán phát sinh, phát triển mạng lưới thanh toán điện tử và tiện ích thanh toán với chất lượng cao, nhiều tiện ích, hiện đại trên địa bàn. Tuy vậy, hoạt động phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử của đơn vị vẫn còn bất cập, hạn chế cần phải tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện.

**Từ khoá:** Dịch vụ ngân hàng điện tử, Vietinbank, Đắk Lắk.

**69. Phát triển dịch vụ ngân hàng số nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam**/ Phan Anh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.4 - 6.

**Nội dung:** Phát triển dịch vụ ngân hàng số là xu thế tất yếu của thời đại nhằm đáp ứng yêu cầu mới của cuộc Cách Mạng công nghiệp lần thứ tư và được coi là một biện pháp nhằm hỗ tợ và đảm bảo tính liên tục, thông suốt cho hoạt động giao dịch, thúc đẩy kinh doanh giữa các chủ thể trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu do đại dịch Covid-19. Xuất phát từ thực tiễn trên, bài viết tiến hành đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng số nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất kiến nghị. Bài viết gồm 3 phần: (i) khó khăn và thách thức trong phát triển dịch vụ ngân hàng; (ii) Thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng số nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam; (iii) Kết luận, đề xuất, kiến nghị.

**Từ khoá**: Dịch vụ ngân hàng, ngân hàng số, thanh toán."

**70. Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hướng tới nền kinh tế hiện đại**/ Trần Thị Thanh Vân, Hoàng Văn Thắng// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 107-110.

**Nội dung**: Trình bày kết quả phát riển dịch vụ tài chính - ngân hàng và một số yếu cầu đặt ra.

**Từ khoá**: Dịch vụ tài chính - ngân hàng, thị trường tài chính, khung khổ pháp lý

**71. Phát triển ngân hàng số tại ĐôngNam Á và bài học cho Việt Nam**/ Huỳnh Thu Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 104-106.

**Nội dung**: Phân tích kinh nghiệm phát triển ngân hàng số của một số ngân hàng khu vực ĐNÁ và rút ra bài học cho hệ thống NHTM Việt Nam trong việc triển khai thực hiện ngân hàng số.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, Cách mạng công nghiệp 4.0, ngân hàng thương mại

**72. Phát triển nguồn nhân lực nâng cao sức cạnh tranh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam**/ Nguyễn Đình Thiện// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.13 - 15.

**Nội dung:** Trong những năm qua, phát triển nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) luôn chú trọng. Tuy nhiên, hiện nay, những tiến bộ về kỹ thuật công nghệ đang làm thay đổi cấu trúc, phương thức hoạt động và cung cấp nhiều dịch vụ hiện đại của hệ thống ngân hàng, hình thành những sản phẩm dịch vụ tài chính mới như M-POS, Intenet banking, Mobile banking ... điều này đặt ra cho các ngân hàng nói chung và Agribank nói riêng những thách thức trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Agribank và đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực và nâng cao sức cạnh của Ngân hàng.

**Từ khoá:** Nguồn nhân lực, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Agribank.

**73. Phát triển tín dụng cho năng lượng tái tạo ở Việt Na**m/ Trần Quốc Việt// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.48 - 51.

**Nội dung:** Việt Nam là nước có nhiều tiềm năng về năng lượng để phát triển năng lượng tái tạo. Các dự án năng lượng tái tạo cần vốn đầu tư lớn trong thời gian dài nên tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong tài trợ vốn để thực hiện các dự án này. Phát triển tín dụng là cần thiết để phát triển các dự án năng lượng tái tạo, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, tuy nhiên, thực tế cho thấy, tín dụng cho năng lượng tái tạo trong những năm gần đây còn nhiều hạn chế và chưa đáp ứng được kỳ vọng. Bài viết này nghiên cứu thực trạng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển tín dụng đối với năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Tín dụng xanh, năng lượng tái tạo, ngân hàng thương mại, an ninh năng lượng.

**74. Phát triển tín dụng tiêu dùng của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc, Đinh Văn Hoàn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Phân biệt sự khác nhau giữa cho vay tiêu dùng không có bảo đảm bằng tài sản và cho vay tín chấp theo Bộ luật Dân sự (2015) và Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, đồng thời nêu bật vai trò của tín dụng tiêu dùng đối với tăng trưởng kinh tế cũng như góp phần đẩy lùi tín dụng phi chính thức, gợi ý một số khuyên nghị từ quan điểm chiến lược cho đến mô hình tổ chức và thiết kế sản phẩm, kể cả các biện pháp hỗ trợ, với mục đích giúp các TCTD VN phát triển được phân khúc tín dụng tiêu dùng còn rất nhiều tiềm năng trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tín dụng tiêu dùng, tín dụng phi chính thức, tổ chức tín dụng

**75. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của các ngân hàng thương mại theo mô hình PESTEL và một số đề xuất/** Vũ Hồng Thanh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng mô hình PESTEL để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của ngành ngân hàng nói chung, các ngân hàng thương mại nói riêng và nêu một số đề xuất khuyến nghị đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm tăng cường khả năng đương đầu với những khó khăn và thách thức trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, hoạt động của các ngân hàng thương mại, mô hình PESTEL

**76. Phân tích cơ chế phối hợp trong giám sát tài chính Việt Nam dựa trên mô hình lý thuyết trò chơi**/ Hồ Thúy Ái, Nguyễn Chí Đức// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 31-37.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng Lý thuyết trò chơi để phân tích hành vi phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong giám sát tài chính. Kết quả phân tích cho thấy việc phối hợp trong giám sát tài chính vẫn còn tồn tại hai vấn đề lớn: (i) Hiệu quả của cơ chế phối hợp trong giám sát tài chính không cao; (ii) Khi bắt đầu phối hợp, các chủ thể giám sát quan tâm đến lợi ích của việc hợp tác, điều đó ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chính sách của chủ thể giám sát. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất xây dựng cơ chế phối hợp giám sát tài chính thông qua Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia để tăng cường trao đổi thông tin giữa các bên và đề cao các biện pháp có tính pháp lý trong phối hợp giám sát tài chính, xây dựng cơ chế phù hợp để các cơ quan giám sát tài chính phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả.

**Từ khoá**: Giám sát tài chính, Cơ chế phối hợp, Lý thuyết trò chơi

**77. Phân tích Swot với chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại/ Lưu Phước Vẹn**// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.74 - 76.

**Nội dung:** bài viết khái quát về khách hàng cá nhân, nhiệm vụ chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân, công việc cụ thể của quan hệ khách hàng cá nhân, những điểm mạnh, điểm yếu những thời cơ và nguy cơ đối với quan hệ khách hàng cá nhân thông qua phân tích các yếu tố: Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (Swot). Trên cơ sở phân tích này giúp người đọc hiểu rõ hơn về vị trí này tại ngân hàng thương mại hiện nay.

**Từ khoá:** Khách hàng cá nhân, quan hệ khách hàng, ngân hàng thương mại.

**78. Phòng, chống rửa tiền trong hoạt động thanh toán quốc tế qua các ngân hàng thương mại tại Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Kim Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 8(Tháng 04) .- Tr. 24-29.

**Nội dung**: Bài viết tập trung thảo luận về các quy định của pháp luật về phòng, chống rủa tiền trong hoạt động thanh toán quốc tế qua các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này

**Từ khoá**: Rửa tiền, ngân hàng thương mại, thanh toán quốc tế

**79. Phòng ngừa tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư**/ Hà Lệ Thuỷ, Nguyễn Hoàng Anh Tuấn // Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Trình bày hành vi cho vay lãi nặng và pháp luật hình sự hiện hành quy định về tội phạm cho vay lãi nặng; thực trạng và nguyên nhân phát sinh tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; phòng ngừa tội phạm cho vay lãi nặng trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá**: Phòng ngừa tội phạm, cho vay lãi nặng,luật hình sự, cách mạng công nghiệp lần thứ tư

**80. Phương thức thanh toán BPO-sản phẩm thay thế L/C trong tương lai?**/ TS. Nguyễn Thị Cẩm Thuỷ, ThS. Hoàng Phương Dung// Ngân hàng .- 2021 .- Số 10(Tháng 05) .- Tr. 23-27.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu về phương thức thanh toán BPO và so sánh sự khác biệt giữa phương thức thanh toán BPO và thanh toán L/C, đề xuất một số giải pháp đối với các ngân hàng thương mại

**Từ khoá**: Thanh toán BPO, thanh toán L/C, ngân hàng thương mại

**81. Quản lý công tác lập kế hoạch và phân bổ đầu tư công tại thị xã phổ yên, tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Thị Nhung// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 158-161.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu thực trạng quản lý đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước tại thị xã Phổ Yên (Thái Nguyên), từ đó đề xuất giải pháp nhằm giúp địa phương quản lý hiệu quả công tác lập, kế hoạch và phân bổ đầu tư công

**Từ khoá**: Quản lý, đầu tư công, vốn đầu tư, ngân sách nhà nước

**82. Quản lý nhà nước đối với thị trường liên ngân hàng và một số bài học cho Việt Nam**/ Lê Minh Thu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Tập trung phân tích hoạt động quản lý thị trường liên ngân hàng của ngân hàng trung ương tại một số quốc gia, từ đó đề xuất bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Thị trường liên ngân hàng, ngân hàng trung ương

**83. Quản lý rủi ro và tuân thủ của các ngân hàng thương mại**/ Nguyễn Đức Trung, Trần Kim Long// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Trong suốt thập niên qua, hoạt động quản lý rủi ro và tuân thủ trên thế giới và tại Việt Nam đã có nhiều thay đổi, bắt nguồn từ sự thay đổi trong quy định và luật lệ, sự xuất hiện của các công nghệ và dịch vụ mới, sự cạnh tranh từ các công ty công nghệ tài chính (fintech). Bài viết tổng quát về xu hướng quản lý rủi ro và tuân thủ của các ngân hàng hiện nay; đồng thời, nhận diện thách thức, khó khăn trong ứng dụng công nghệ thông tin, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp giúp hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khoá:** Quản lý rủi ro và tuân thủ, ngân hàng thương mại, chuyển đổi số, xu hướng công nghệ

**84. Quản trị dữ liệu ngân hàng trong nền kinh tế số**/ Phạm Mạnh Hùng, Vương Linh Nhâm, Nguyễn Thanh Nhàn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Tập trung tìm hiểu về công tác quản trị dữ liệu hiện đại trong ngân hàng, thực trạng quản trị dữ liệu trong khu vực ngân hàng VN hiện nay cũng như cung cấp một số gợi ý về giải pháp quản trị dữ liệu thông minh cho các ngân hàng.

**Từ khoá**: Quản trị dữ liệu, ngân hàng, kinh tế số

**85. Rào cản sử dụng ngân hàng số của doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thế Anh, TS. Đào Thị Hương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 8(Tháng 04) .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ ra những nguyên nhân khiến các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa chưa thực sự muốn sử dụng ngân hàng số, từ đó, đề xuất các giải pháp để các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa vượt qua các rào cản trong việc sử dụng ngân hàng số

**Từ khoá**: ngân hàng số, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, ngân hàng

**86. Rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn hậu WTO : ảnh hưởng của các nhân tố vi mô và vĩ mô**/ Đặng Văn Dân // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 3+4 (564+565) .- Tr. 52-57.

**Nội dung**: Khảo sát thực nghiệm tác động của các nhân tố vi mô đặc thù ngân hàng và các nhân tố vĩ mô của nền kinh tế đối với rủi ro tín dụng của các ngân hàng Việt Nam. Sử dụng dữ liệu giai đoạn hậu WTO từ năm 2007 đến 2019, cùng với các phương pháp/mô hình ước lượng khác nhau, bài viết đã chỉ ra những kết quả quan trọng. Theo đó, các ngân hàng có nhiều vốn hơn, vị thế thanh khoản cao hơn, huy động tiền gửi nhiều hơn, hay hoạt động trong bối cảnh lạm phát cao hơn, có xu hướng có ít rủi ro tín dụng hơn các ngân hàng khác. Bên cạnh đó, các ngân hàng có tỷ trọng thu nhập ngoài lãi cao hơn, thuộc sở hữu nhà nước, hay hoạt động trong thời kỳ lãi suất chính sách cao hơn, có xu hướng gia tăng rủi ro tín dụng.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, nhân tố vi mô, nhân tố vĩ mô, rủi ro tín dụng

**87. Sử dụng công cụ phân tích tài chính trong việc ra quyết định tài chính : kinh nghiệm các nước và bài học cho Việt Nam**/ Trần Phương Thảo// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 88-91.

**Nội dung**: Nghiên cứu kinh nghiệm sử dụng công cụ phân tích tài chính tại các nước có nền kinh tế phát triển đại diện cho châu Á, châu Âu và châu Mỹ; từ đó rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Công cụ, phân tích tài chính, quản trị tài chính

**88. Tác động của đại dịch Covid-19 tới hoạt động cho vay của ngân hàng ở Việt Nam/** Nguyễn Văn Phương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 3+4 .- Tr. 84-88.

**Nội dung**: Trình bày chia sẻ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp để đồng hành phát triển; đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng gắn với kiểm soát chất lượng và xử lý nợ xấu; một số vấn đề đặt ra đối với các ngân hàng trong năm 2021.

**Từ khóa**: Đại dịch Covid-19, hoạt động cho vay của ngân hàng

**89. Tác động của đại dịch Covid-19 và đề xuất một số giải pháp đối với hoạt động ngân hàng/** Hà Thị Tuyết Minh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Đề cập đến những ảnh hưởng tiêu cực và những "điểm sáng" trong hoạt động ngân hàng trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy "điểm sáng", hạn chế "điểm tối", giúp ngành ngân hàng tận dụng cơ hội, phát huy vai trò tích cực trong việc hỗ trợ phục hooig và phát triển nền kinh tế.

**Từ khoá**: Hoạt động ngân hàng, Covid-19

**90. Tác động của Fintech tới hiệu quả hoạt động của NHTM**/ Vũ Cẩm Nhung, Lại Cao Mai Phương// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 51-58.

**Nội dung**: Đôi nét về hoạt động Fintech trên thế giới; sự phát triển của công ty Fintech ở Việt Nam; Ước lượng tác động sự gia tăng các công ty Fintech đến hiệu quả hoạt động NHTM ở Việt Nam; Kết luận và hàm ý chính sách.

**Từ khoá**: Fintech, ngân hàng thương mại, công nghệ tài chính

**91. Tác động của lãi suất đến khu vực đầu tư tư nhân**/ Đỗ Văn Tính// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.10 - 12.

**Nội dung:** Việc lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, lãi xuất nghiệp vụ thị trường mở hiện nay thấp hơn lãi suất huy động và cho vay trên thị trường tiền tệ, nên khi các ngân hàng thiếu vốn đều muốn tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng nhà nước. Điều này dẫn đến tình trạng lợi dụng các kênh hỗ trợ vốn từ Ngân hàng nhà nước, làm cho Ngân hàng nhà nước xác định tình hình dư thừa hay thiếu hụt vốn khả dụng của Ngân hàng thương mại qua hoạt động thị trường mở là khó khăn.

**Từ khoá:** Ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại

**92. Tác động của phát triển công nghệ đến hoạt động ngân hàng Việt Nam**/ Nguyễn Đức Trung, Trần Việt Dũng, Lữ Hữu Chí// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 10 (571) .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Dựa trên bộ dữ liệu của 12 ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam giai đọa 2011-2019, nhóm tác giả tiến hành điều tra thực nghiệm về tác động của việc chỉ tiêu công nghệ đến hiệu quả hoạt động cũng như sự ổn định của ngân hàng. Kết quả cho thấy đầu tư công nghệ ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) của ngân hàng. Tuy nhiên không tìm thấy bằng chứng về mối quan hệ giữa việc chỉ tiêu cho ngân sách công nghệ và độ ổn định ngân hàng. Nhóm tác giả tin rằng, nghiên cứu là hữu ích cho các nhà quản trị lẫn cơ quan quản lý trong việc quản trị, điều hành ngân hàng cũng như định hướng chính sách phát triển.

**Từ khoá**: Chỉ tiêu công nghệ, ngân hàng thương mại Việt Nam, sự ổn định, hiệu quả

**93. Tác động của triển khai tín dụng xanh đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Đặng Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thanh Phương, Phạm Thanh Trung// Ngân hàng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 40-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Apha, phân tích các nhân tố khám phá EFA và các biến được trích rút để phân tích hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các điều kiện thuận lợi tác động thuận chiều lên hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh, hiệu quả hoạt động, ngân hàng thương mại

**94. Tác động của vốn chủ hữu lên khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lê Văn Hợp// Ngân hàng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Tập trung đánh giá các nhân tố trong đó, trọng tâm là vốn chủ hữu lên khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn từ 2008 đến hết quý 3 năm 2020. Dựa trên mô hình REM, FEM, bài viết đã thực hiện kiểm định phù hợp, từ kết quả của mô hình, tác giả đưa ra một số khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Vốn chủ sở hữu, khả năng sinh lời, ngân hàng thương mại

**95. Tăng cường hiệu quả quản lý nợ công của Việt Nam trong giai đoạn tới**/ Huỳnh Quốc Khiêm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi tổng quan về nợ công, thực trạng nợ công và tác động của nợ công đối với một số biến số kinh tế vĩ mô, qua đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị đối với công tác quản lý nợ công tại Việt Nam trong giai đoạn tới

**Từ khoá**: Nợ công, quản lý nợ công, Ngân hàng Nhà nước

**96. Tăng cường kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại**/ Phạm Thanh Hà, Lê Thị Thu Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Hệ thống kiểm soát nội bộ có vị trí và vai trò quan trọng trong các tổ chức nói chung và ngân hàng thương mại nói riêng. Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ khoa học và hữu hiệu sẽ giúp các ngân hàng thương mại hạn chế được các rủi ro gặp phải, nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh, giúp đạt được mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

**Từ khoá**: phát triển, tín dụng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại

**97. Thách thức mới trong hệ thống ngân hàng toàn cầu**/ Vũ Xuân Thanh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 84-87.

**Nội dung**: Tác động của COVID-19 đến Hệ thống ngân hàng và định hướng chính sách.

**Từ khoá**: Hệ thống ngân hàng

**98. Thay đổi thói quen hướng tới sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt trước tác động của đại dịch Covid-19/** Lê Hữu Hưng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 30-32,44.

**Nội dung**: Trình bày Thanh toán không dùng tiền mặt và những tiện ích; thúc đẩy phát triển Thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam; những kết quả đạt được; một số hạn chế, thách thức; đề xuất và kiến nghị.

**Từ khoá**: Thanh toán không dùng tiền mặt, Covid-19

**99. Tháo gỡ khó khăn cho các dự án vay vốn tin dụng đầu tư phát triển của Nhà nước bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19/** Nguyễn Cảnh Hiệp// Ngân hàng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 45-47.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng áp dụng biện pháp tháo gỡ kho khăn đối với các dự án vay vốn tin dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và một số đề xuất nhằm tháo gỡ khó khăn cho các dự án vay vốn tin dụng đầu tư phát triển của Nhà nước bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19.

**Từ khoá**: Vay vốn tin dụng đầu tư phát triển, Nhà nước, đại dịch Covid-19

**100. Thông tư 03/2021 : giảm áp lực tài chính cho cả ngân hàng và doanh nghiệp**/ Hoàng Thị Hường// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 27-29.

Nội dung: Tìm hiểu những điểm mới đáng chủ ý tại Thông tư 03, có ảnh hưởng lớn cho cả ngân hàng và doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Thông tư 01/2020, Thông tư 03/2021, cơ cấu nợ, dự phòng rủi ro

**101. Thực trạng hệ thống pháp luật về giao dịch bảo đảm và những tác động tới quá trình xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng**/ Tạ Quang Đôn, Nguyễn Thị Lương Trà// Ngân hàng .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 29-33.

**Nội dung**: Thực trạng hệ thống pháp luật về giao dịch bảo đảm tại Việt Nam; những tác động tích cực của hệ thống pháp luật về giao dịch bảo đảm tới quá trình xử lý tài sản bảo đảm nói riêng và xử lý nợ xấu nói chung của các tổ chức tín dụng; Một số hạn chế, vướng mắc và đề xuất.

**Từ khoá**: Pháp luật, xử lý nợ xấu, tổ chức tín dụng, giao dịch bảo đảm

**102. Thực trạng hoạt động mua bán và sáp nhập ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lê Thị Thúy, Nguyễn Đình Anh Tú// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 77-82.

**Nội dung**: Đề cập và phân tích một số hoạt động M&A tiêu biểu của Việt Nam trong các giai đoạn thực hiện cũng như kết quả của các hoạt động. Hoạt động M&A ngân hàng thương mại, thực trạng M&A ngân hàng thương mại của Việt Nam, Kết luận.

**Từ khóa:** M&A, ngân hàng thương mại, sáp nhập, chuyển nhượng cổ phần

**103. Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt đối với các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ/** Trần Thế Sao, Phan Hồng Hạnh // Ngân hàng .- 2021.- Số 1 .- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt hiện nay trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và đưa ra giải pháp nhằm phát triển mạnh hình thức này trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công

**104. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các quỹ tín dụng nhân dân khu vực Đồng bằng sông Hồng**/ Thanh Kim Huệ, Nguyễn Kim Phượng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.75 - 77.

**Nội dung:** Nghiên cứu này đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động; phân tích, đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động tại các quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng. Với việc tiến hành thu thập thông tin thực trạng tình hình hoạt động của các quỹ tại báo cáo hàng năm và thông qua việc trả lời bảng hỏi xem xét đánh giá hiệu quả hoạt động của các QTDND thông qua 3 nhóm chỉ tiêu: đánh giá quản trị chiến lược, đánh giá công tác quản trị kinh doanh và đánh giá công tác quản trị nhân lực. Từ đó nhóm tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tại khu vực Đồng bằng sông Hồng.

**Từ khoá:** Tín dụng nhân dân, quản trị chiến lược, quản trị kinh doanh.

**105. Thực trạng và thách thức trong chuyển đổi số của ngành ngân hàng tại Việt Nam**/ Đoàn Thị Thanh Hoà// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr.36-42.

**Nội dung**: Công nghệ số mang đến những thay đổi lớn cho hệ thống ngân hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới khi từng bước chuyển dịch kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng truyền thống từ các chi nhánh, quầy giao dịch, ATM vật lý sang các kênh số hóa. Thời gian qua, các ngân hàng thương mại VN đang nỗ lực tìm kiếm, thử nghiệm và áp dụng các công nghệ mới như: Internet vạn vật kết nối, lưu trữ dữ liệu quy mô lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây,...vào thanh toán điện tử, quản trị và phân tích hành vi khách hàng nhằm từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ. Mặc dù đã và đang đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng trong quá trình chuyển đổi số, rất nhiều thách thức đặt ra cho ngành ngân hàng và cần phải có những giải pháp phù hợp để các ngân hàng VN nâng mình lên một tầm cao mới, phát triển và nâng cao sức cạnh tranh với các ngân hàng tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

**Từ khoá**: Thách thức, chuyển đổi số, ngân hàng VN

**106. Thực trạng xử lý nợ tại Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt nam và một số khuyến nghị chính sách/** Nguyễn Thị Kim Quỳnh, Đặng Đình Thích, Bùi Tín Nghị // Ngân hàng .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 17-22.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng xử lý nợ của VAMC trong giai đoạn 2013-2020, trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu tại VAMC trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Xử lý nợ, Công ty Quản lý tài sản, các tổ chức tín dụng, chính sách

**107. Tín dụng bất động sản tại Việt Nam giai đoạn 2010-2020 : thực trạng và khuyến nghị/** Phạm Thị Hoàng Anh, Trương Hoàng Diệp Hương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 16-20.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng tín dụng Bất động sản tại Việt Nam và khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Tín dụng, Bất động sản

**108. Tiếp thị số trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam : xu thế và khuyến nghị**/ Đặng Phương Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr.101-103.

**Nội dung**: Trình bày xu hướng tiếp thị số; tiếp thị số tại các ngân hàng thương mại VN; một số đề xuất.

**Từ khoá**: Tiếp thị số, tdịch vụ ngân hàng, tiếp thị ngân hàng, doanh nghiệp

**109. Tín dụng xanh tại Việt Nam : thực trạng và khuyến nghị chính sách**/ Đỗ Hoài Linh, Nguyễn Thị Thảo Vy, Đinh Thanh Tú, Hoàng Phương Hoa, Phạ Hoàng Phương Mai// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 9 (570) .- Tr. 53-59.

**Nội dung**: Bài viết tổng hợp thực trạng tín dụng xanh tại Việt Nam, từ đó, đề xuất khuyến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động tín dụng xanh của ngân hàng thương mại.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh, Ngân hàng thương mại

**110. Ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại**/ Phạm Thanh Nhật// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 90-92.

**Nội dung**: Có rất nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro tín dụng, trong đó ứng dụng công nghệ 4.0 như: Big Data (Dữ liệu lớn) và AI (Trí tuệ nhân tạo) được sử dụng phổ biến tại các nước phát triển vì các lợi ích mà nó mang lại. Ở Việt Nam, việc ứng dụng Big Data và AI tại các ngân hàng thương mại còn hạn chế, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Điều này làm cho việc mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của ngân hàng gặp nhiều khó khăn. Từ thực tế đó, bài viết phân tích những hạn chế trong ứng dụng Big Data và AI vào hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ này trong tương lai.

**Từ khoá**: Tín dụng, ngân hàng thương mại, Big data, Al

**111. Ứng dụng thẻ điểm cân bằng và chỉ số đo lường cốt lõi trong các ngân hàng thương mại/** Nguyễn Lê Nhân, Mai Thị Quỳnh Như// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.63 - 65.

**Nội dung:** Một hệ thống đo lường và quản lý thực thi công việc hiệu quả là vấn đề quan trọng trong quản lý hoạt động của một ngân hàng thương mại. Bài viết này trao đổi những vấn đề liên quan đến việc áp dụng thẻ điểm cân bằng và chỉ số đo lường cốt lõi trong triển khai kế hoạch và chiến lược tại các ngân hàng thương mại, từ đó, gợi ý hướng áp dụng thẻ điểm cân bằng và chỉ số đo lường cốt lõi tại các ngân hàng thương mại.

**Từ khoá:** Thẻ điểm cân bằng, ngân hàng thương mại, kế hoạch, chiến lược.

**112. Vai trò củ tín dụng vi mô đối với nền kinh tế**/ Trần Công Dũ// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 111-113.

**Nội dung**: Trình bày khái quát về đặc điểm, vai trò, những ưu điểm và hạn chế của hoạt động tín dụng vi mô đối với nền kinh tế.

**Từ khoá**: Tín dụng vi mô, kinh doanh, nguồn vốn, nền kinh tế

**113. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Internet Banking – Nghiên cứu điển hình tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**/ Hồ Tấn Tuyến, Lê Thị Khánh Ly// Khoa học trường Đại học Quy Nhơn .- 2020 .- số 14 (6) .- Tr. 18-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu khảo sát 180 khách hàng đang sử dụng dịch vụ Internet Banking tại các ngân hàng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự trung thành khi sử dụng dịch vụ Internet banking của khách hàng: chất lượng dịch vụ, sự tin tưởng, sự tiện lợi, danh tiếng.

**Từ khóa**: Internet banking, ngân hàng thương mại, lòng trung thành của khách hàng.

**114. Xây dựng bộ chỉ số minh bạch và công bố thông tin của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phạm Mạnh Hùng // Ngân hàng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 21-27.

**Nội dung**: Bài viết này thực hiện với mục tiêu xây dựng một bộ chỉ số để đánh giá tinyhf hình minh bạch và công bố thông tin của các ngân hàng thương Việt nam. Cơ sở xây dựng bộ chỉ số là nghiên cứu của một số học giả đi trước tại Ngân hàng Trung ương Anh và Ngân hàng Thế giới cũng như các quy định về công bố thông tin tại Việt Nam. Bộ tiêu chí được đề xuất gồm bốn nhóm nhân tố với 40 tiêu chí. Bên cạnh những ứng dụng để đánh giá vấn đề minh bạch và công bố thông tin của ngành Ngân hàng, bộ tiêu chí sẽ bổ sung thêm một biến số trong các mô hình kinh tế lượng khi cần đánh giá về các hoạt động của hệ thống NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Xây dựng bộ chỉ số minh bạch, công bố thông tin, ngân hàng thương mại Việt Nam

**115. Xu hướng mới trong hoạt động thanh toán**/ Nguyễn Thị Hải Bình, Nguyễn Hữu Đức, Đoàn Ngọc Chi // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 3+4 (564+565) .- Tr. 44-51.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu các xu hướng thanh toán trong kinh doanh ngân hàng và tiền tệ cũng như kinh nghiệm giám sát và quản lýcuar một số quốc gia, đánh giá thực trạng áp dụng tại Việt nam, đề xuất định hướng giám sát và quản lý thích hợp nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng cũng như thúc đẩy việc sử dụng các xu hướng thanh toán mới trong kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Thanh toán, tiền tệ, ngân hàng, thanh toán điện tử, thanh toán trực tuyến

# CHÍNH TRỊ

**1. Nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị tại các trường Đại học ở Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Mai Anh// Giáo dục và xã hội.- 2021 .- số120(181) .- Tr. 36-40.

**Nội dung**: Trình bày về phương pháp giảng dạy môn lý luận chính trị trong trường Đại học, đặc điểm, vai trò môn lý luận chính trị. Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị ở Đại học hiện nay.

**Từ khóa**: Lý luận chính trị, chất lượng giảng dạy, Đại học

**2. Kiên định con đường Chủ tich Hồ Chí Minh, Đảng và Nhân dân Việt Nam đã lựa chọn/** Nguyễn Duy Thụy// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 11-19.

**Nội dung:** Trình bày một số nội dung về cách mạng vô sản; con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Bài viết này bàn về sự kiên định con đường Chủ tich Hồ Chí Minh, Đảng và Nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

**Từ khóa:** Đảng cộng sản Việt Nam, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh

**3. Quan điểm của C.Mác, Ph.Ăng-ghen và V.I.Lê-nin về vai trò của giai cấp nông dân trong cách mạng/** Lê Văn Yên// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Nêu rõ quan điểm của V.I.Lê-nin về vị trí, vai trò và khả năng của giai cấp nông dân trong những thập niên đầu thế kỷ XX khi tham gia vào các cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo. Đồng thời luận giải rõ, giai cấp nông dân chỉ tham gia vào các cuộc cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo mới được bảo đảm về quyền và lợi ích hợp pháp.

**Từ khóa:** C.Mác, Ph.Ăng-ghen, V.I.Lê-nin, cách mạng, giai cấp nông dân, quan điểm

**4. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong sự nghiệp đổi mới ở nước tá hiện nay**/ Nguyễn Thuý Hoa// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- 121(182) .- Tr. 9-13 .- Tr. 19.

**Nội dung**: Nghiên cứu một số quan điểm Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Vận dụng sự sáng tạo tư tưởng đại đoàn kết dân tộc Hồ Chú Minh của Đảng vào sựu nghiệp xây dựng phát triển đất nước ta hiện nay.

**Từ khoá**: Hồ Chí Minh, Đại đoàn kết dân tộc

**5. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mac-Lênin trong quá trình thành lập và xây dựng Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh**/ Trần Thị Bảo Châu// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- 121(182) .- Tr. 41-44 .- Tr. 62.

**Nội dung**: Sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mac-Lênin trong quá trình thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự kết hợp nhân tố dân tộc và nhân tố giai cấp để thành lập Đảng. Sự sáng tạo trong việc đặt tên và giải quyết vấn đề. Sự vận dụng trong quá trình rèn luyện và xây dựng Đảng.Mối quan hệ giữa Đảng với phong trào yêu nước . Các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

**Từ khoá**: Chủ tịch Hồ Chí Minh ,Chủ nghĩa Mac-Lênin, Đảng Cộng Sản Việt Nam

**MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ HÓA**

**1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến chi Mấm tại vùng Biển Đông, tỉnh Cà Mau/** Hoàng Trọng Khiêm, Đinh Thị Nga, Hồ Thị Thanh Vân, Hà Bảo Châu// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 16-17.

**Nội dung:** Đánh giá lượng carbon đã thay đổi từ dạng cố định sang dạng tự do, phân tích xu hướng và sự tiến triển của quá trình tích tụ thông qua phân tích trữ lượng carbon bị mất do sạt lở đất và phân tích sự tích lũy tổng carbon hữu cơ phía Đông mũi Cà Mau.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, chi Mấm

**2. Áp dụng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong ứng phó biến đổi khí hậu/** Nguyễn Linh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 10(360) .- Tr. 49-50.

**Nội dung:** Những năm gần đây, các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được quan tâm đầu tư đã cung cấp những căn cứ khoa học, thực tiễn nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học được cơ quan quản lý, chính quyền địa phương tích cực áp dụng, triển khai trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, nghiên cứu khoa học

**3. Bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch/** Lê Anh Tú// Môi trường .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 44-45.

**Nội dung:** Thực trạng môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; Tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; Đề xuất giải pháp nâng cao công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, văn hóa, thể thao, du lịch

**4. Các giải pháp thiết kế và vận hành để phòng ngừa, xử lý sự cố các công trình xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp/** GS. TS. Trần Đức Hạ// Môi trường .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 24-28.

**Nội dung:** Phân tích các văn bản pháp lý về phòng ngừa và xử lý sự cố các hệ thống xử lý nước thải, từ đó đề xuất giải pháp tổng hợp quản lý chặt chẽ lượng nước thải chưa đảm bảo quy chuẩn xả thải ra môi trường.

**Từ khóa**: Xử lý nước thải, khu công nghiệp

**5. Các hợp chất dẫn xuất phenol phân lập từ cao ethyl acetate của thân cây Bứa đồng Garcinia schomburgkiana/** Đỗ Thị Mỹ Liên, Nguyễn Thị Mỹ Dung, Hồ Kỳ Quang Minh, Nguyễn Hoàng Minh, Lâm Lệ Tâm, Nguyễn Trung Hiếu, Đặng Thị Kim Dung// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 46-48.

**Nội dung:** Năm hợp chất cô lập từ cao ethyl acetate của thân cây Bứa đồng được xác định cấu trúc hóa học lần lượt là ethyl trans-4-methoxycinnamate, trans-4-methoxycinnamic acid, 4-methoxybenzoic acid, 4-hydroxybenzoic acid và 4 hydroxy-3-methoxybenzoic acid.

**Từ khóa:** Cây Bứa đồng, phenol, cao ethyl acetate

**6. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu/** TS. Lê Thu Trang// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 57-58.

**Nội dung:** Tập trung thực hiện Nghị quyết số 120; Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, nông nghiệp

**7. Cơ sở khoa học xác định tỷ lệ không gian cây xanh và mặt nước thích hợp cho quy hoạch đô thị sinh thái bằng ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS/** TS. Bùi Thị Thúy// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 49-53.

**Nội dung:** Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thông tin địa lý để trích xuất khách quan một số tham số bề mặt đô thị là nhiệt độ bề mặt, thực vật cây xanh và không gian sinh thái. Trên cơ sở đó, phát hiện mối quan hệ định lượng giữa nhiệt độ đô thị Ts và tỷ lệ diện tích cây xanh cũng như không gian sinh thái nhằm đưa ra cơ sở khoa học cho các nhà quy hoạch đô thị sinh thái trước áp lực biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Công nghệ viễn thám, quy hoạch đô thị sinh thái, cây xanh

**8. Đánh giá các mối nguy hại tác động đến chất lượng môi trường sống và đa dạng sinh học Vườn quốc gia Pù Mát, tỉnh Nghệ An/** Lại Văn Mạnh, Ngô Đăng Trí, Tô Ngọc Vũ, Đỗ Thị Thanh Ngà// Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 47-49.

**Nội dung:** Áp dụng mô hình đánh giá chất lượng môi trường sống của trường Đại học Standford (Mỹ) nhằm phân tích, thu thập, xây dựng các kịch bản phát triển, đề xuất giải pháp phù hợp bảo tồn cảnh quan, đa dạng sinh học Vườn quốc gia Pù Mát, tỉnh Nghệ An.

**Từ khóa:** Chất lượng môi trường sống, đa dạng sinh học

**9. Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt và nước ngầm tại các mô hình cây trồng, vật nuôi của tỉnh Bến Tre/** Lâm Văn Tân, Lâm Thái Hùng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 15-16.

**Nội dung:** Phân tích và đánh giá chất lượng môi trường nước mặt và nước ngầm – vốn phản ánh chính xác mức độ xâm nhập mặn và hiện trạng môi trường, từ đó làm cơ sở khoa học chọn lựa mô hình sản xuất của người dân phù hợp.

**Từ khóa**: Nước mặt, nước ngầm, mô hình cây trồng, vật nuôi, chất lượng môi trường

**10. Đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất một số giải pháp về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa/** Nguyễn Thị Nguyệt Hà// Môi trường .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 29-31.

**Nội dung:** Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường; Một số áp lực đối với môi trường địa phương; Đề xuất một số giải pháp về bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Môi trường, bảo vệ môi trường

**11. Đánh giá khả năng phân hủy rác thải hữu cơ của nhóm vi khuẩn bản địa/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Huy Hoàng Phi, TS. Nguyễn Xuân Dũ// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 35-37.

**Nội dung:** Đánh giá khả năng phân hủy của men vi sinh bản địa trong việc ủ compost từ phân bò và các phụ phẩm nông nghiệp địa phương, nhằm tạo sự nối kết của hệ thống giữa hộ chăn nuôi và hộ trồng rau an toàn.

**Từ khóa**: Rác thải hữu cơ, vi khuẩn bản địa

**12. Đánh giá nhu cầu tài chính cho hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam đến năm 2030/** Nguyễn Thị Minh Huệ, Lê Thu Hoa// Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 42-46.

**Nội dung:** Cung cấp đầu vào cho việc xây dựng kế hoạch tài chính cho đa dạng sinh học, gợi ý các kế hoạch hành động nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra cho bảo tồn đa dạng sinh học.

**Từ khóa:** Nhu cầu tài chính, đa dạng sinh học

**13. Đánh giá sự thích nghi một số loại thực vật bản địa trong môi trường độ mặn cao của nước thải ao nuôi tôm sú ở Đồng bằng sông Cửu Long/** Đinh Thị Nga, Lê Hữu Quỳnh Anh, Phan Đình Tuấn// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 27-29.

**Nội dung:** Đánh giá sự thích nghi với độ mặn cao trong nước thải ao nuôi tôm của một số loại thực vật bản địa ở Bạc Liêu gồm: rau muống biển, thủy trúc, cỏ nước mặn, năn tượng.

**Từ khóa**: Thực vật bản địa, độ mặn cao, nước thải ao nuôi tôm

**14. Đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí : quy trình thực hiện cho Việt Nam/** ThS. Dương Thị Phương Anh, TS. Nguyễn Trung Thắng, GS. TS. Hoàng Xuân Cơ// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Giới thiệu chi tiết về các bước trong quy trình đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí, những thuận lợi và khó khăn trong việc đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Môi trường không khí, sức chịu tải

**15. Đánh giá tính chất hóa học của đất nông nghiệp tại một số huyện thuộc khu vực hạ lưu sông Hồng/** TS. Trịnh Thị Thắm, ThS. Nguyễn Thành Trung, TS. Trịnh Thị Thủy// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhằm đánh giá tính chất hóa lý của đất nông nghiệp tại một số huyện khu vực hạ lưu sông Hồng như huyện Thanh Trì – Hà Nội, Duy Tiên – Hà Nam và Trực Ninh, Nam Trực – tỉnh Nam Định.

**Từ khóa:** Đất nông nghiệp, tính chất hóa học

**16. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về nước sạch và vệ sinh (SDG6) cho lưu vực sông Srepok**/ Đỗ Thị Ngọc Bích, Nguyễn Cao Đơn, Nguyễn Bảo Hoàng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 4(Tập 63) .- Tr. 44-49.

**Nội dung**: Nghiên cứu trình bày kết quả đánh giá việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về nước sạch và vệ sinh (SDG6) áp dụng cho lưu vực sông (LVS) Srepok của nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học Tài nguyên nước. Tiến trình thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên nước hiện nay ở Việt Nam nói chung và lưu vực sông Srepok nói riêng vẫn còn ở mức thấp. Bên cạnh đó, mức độ căng thẳng nguồn nước trên toàn cầu ngày một tăng cao đang đặt ra thách thức cho mỗi quốc gia và lưu vực sông trong tiến trình thực hiện mục tiêu cải thiện vấn đề này.

**Từ khóa**: Lưu vực sông Srepok, nước sạch, UNWater

**17. Đề xuất bộ chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng PTBV**/ Trịnh Thị Hải Yến, Tạ Đức Bình// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 4(Tập 63) .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Trình bày đề xuất bộ chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng phát triển bền vững. Việc quản lý quỹ đất ven biển của Việt Nam trong thời gian qua còn nhiều bất cập, hạn chế, chẳng hạn như công tác quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch chưa đáp ứng nhu cầu phát triển thực tế; thiếu không gian công cộng dành cho cộng đồng (do tập trung quá nhiều dự án ven biển); tình trạng ô nhiễm môi trường đất ngày càng trầm trọng…

**Từ khóa**: Đất ven biển, hiệu quả môi trường, phát triển bền vững

**18. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường hồ cấp nước sinh hoạt/** Lê Việt Thắng, Phan Hùng Việt// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 17-18.

**Nội dung:** Tổng quan các hồ cấp nước sinh hoạt tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Các nguồn thải ô nhiễm trên lưu vực hồ; Hiện trạng chất lượng môi trường nước; Các thách thức và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường.

**Từ khóa**: Hồ cấp nước sinh hoạt, bảo vệ môi trường

**19. Giải pháp kiểm soát khí bụi thải tại một số nhà máy thép liên hợp của ngành Thép Việt Nam/** TS. Nghiêm Gia, TS. Nguyễn Thúy Lan// Môi trường .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 39-42.

**Nội dung:** Nêu tóm tắt các giải pháp giảm thiểu khí thải bụi (tác nhân gây ô nhiễm và hiệu ứng khí nhà kính) của một số nhà máy thép liên hợp thuộc ngành Thép Việt Nam.

**Từ khóa**: Khí bụi thải, nhà máy thép liên hợp

**20. Hải Dương : giải quyết hiệu quả bài toán xử lý chất thải y tế lây nhiễm trong phòng, chống dịch Covid-19/** Mai Hương, Thu Hằng// Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 30-32.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng chất thải y tế lây nhiễm trên địa bàn tỉnh trong thời gian dịch bùng phát và đưa ra hướng giải quyết hiệu quả bài toán xử lý chất thải y tế lây nhiễm trong phòng, chống dịch Covid-19.

**Từ khóa:** Chất thải y tế, dịch Covid-19

**21. Hiện trạng quản lý chất thải rắn công nghiệp tại Khu công nghiệp Thăng Long (Hà Nội) và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp/** Phạm Minh Đức, PGS. TS. Hoàng Anh Huy, TS. Vũ Văn Doanh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 10(360) .- Tr. 17-20.

**Nội dung:** Khảo sát kết hợp xử lý số liệu nhằm đánh giá được hiện trạng phát sinh, thành phần tích chất, hiện trạng thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp bao gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn tại khu công nghiệp.

**Từ khóa:** Chất thải rắn, khu công nghiệp, giải pháp

**22. Hiện trạng sử dụng các sản phẩm nhựa, túi nilon tại Tp. Hồ Chí Minh đề xuất các giải pháp và cơ chế, chính sách/** TS. Nguyễn Văn Hồng// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Đưa ra các phân tích về hiện trạng sử dụng các sản phẩm nhựa, túi nilon tại Tp. Hồ Chí Minh, các chính sách pháp luật về các sản phẩm nhựa, túi nilon; đánh giá những tồn tại và phân tích các nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đề xuất một số phương án nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật về các sản phẩm nhựa, túi nilon.

**Từ khóa:** Nhựa, túi nilon, phế liệu

**23. Hợp tác quốc tế về biển và hải đảo trong giải quyết ô nhiễm nhựa và đại dương/** Nguyễn Quế Lâm// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 23-26.

**Nội dung:** Thách thức trong hợp tác quốc tế giải quyết ô nhiễm nhựa đại dương; Hợp tác quốc tế trong giải quyết ô nhiễm nhựa đại dương của Việt Nam; Một số đề xuất tăng cường hợp tác quốc tế trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hợp tác quốc tế, biển, hải đảo, ô nhiễm môi trường

**24. Hướng tới chuyển đổi số toàn diện ngành Tài nguyên và Môi trường/** Lê Phú Hà// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 58-59.

**Nội dung:** Nâng cao hiệu quả, tiết kiệm kinh phí cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin của Ngành; Hướng tới chuyển đổi số toàn diện.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, ngành Tài nguyên và Môi trường

**25. Kết nối liên thông, chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử/** Kiều Cao Thắng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 44-45.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng thu thập, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu môi trường; hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân; kiến nghị và đề xuất.

**Từ khóa**: Cơ sở dữ liệu, quản lý môi trường

**26. Khảo sát mức độ phù hợp các mô hình Geoid toàn cầu cho khu vực Thành phố Hồ Chí Minh trong đo cao bằng công nghệ GNSS/** Đỗ Công Hữu, Lê Văn Tình, Hồ Việt Dũng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 17-18.

**Nội dung:** Đo đạc lưới độ cao bằng công nghệ GNSS tĩnh và bình sai độ cao được khảo sát ở một số mô hình đang được sử dụng phổ biến cho khu vực Tp. Hồ Chí Minh như DMA10, OSU19A, EGM96, EGM2008.

**Từ khóa**: Các mô hình Geoid toàn cầu, đo cao, công nghệ GNSS

**27. Khảo sát thành phần hóa học và khả năng ức chế tế bào ung thư biểu mô KB từ cao methanol của cây Sâm đại hành Eleutherine bulbosa thu hái tại tỉnh An Giang/** Đỗ Thị Mỹ Liên, Tưởng Lâm Trường, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Huỳnh Ngọc Tuyết, Phan Văn Quy, Nguyễn Xuân Dũ// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Nghiên cứu vềthành phần hóa học và khả năng ức chế tế bào ung thư biểu mô KB của các hợp chất cô lập từ cao methanol của cây Sâm đại hành Eleutherine bulbosa để làm tăng giá trị ứng dụng của cây vào thực tế cuộc sống.

**Từ khóa**: Cây Sâm đại hành Eleutherine bulbosa, cao methanol, ung thư biểu mô KB, thành phần hóa học, khả năng ức chế

**28. Kiểm toán rác thải tại một số địa phương Việt Nam và đề xuất các giải pháp/** Nicole Portley, Marine Campaigner, Quách Thị Xuân, Trần Thị Hoa// Môi trường .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Trình bày về kết quả kiểm toán rác thải ở các địa phương ven biển Việt Nam và đề xuất một số giải pháp không rác thải.

**Từ khóa**: Kiểm toán rác thải, rác thải nhựa

**29. Kinh nghiệm quốc tế trong sử dụng hiệu quả không gian biển/** DiJi Chandrasekharan Behr, Nguyễn Thị Lệ Thu// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Chia sẻ một số kinh nghiệm và thông tin về xây dựng và thực hiện quy hoạch không gian biển của một số quốc gia trên thế giới.

**Từ khóa:** Không gian biển, quy hoạch không gian biển

**30. Kinh nghiệm quốc tế về chỉ số đổi mới sinh thái và bài học khuyến nghị cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Ngọc Tú// Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 44-47.

**Nội dung:** Khái quát chung về kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng triển khai áp dụng chỉ số đổi mới sinh thái trên thế giới và đưa ra khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Đổi mới sinh thái, chỉ số, kinh nghiệm

**31. Kinh nghiệm tái sử dụng nước thải trên thế giới và áp dụng đối với Việt Nam/** ThS. Phan Mai Linh, ThS. Nguyễn Đình Hùng// Môi trường .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 49-53.

**Nội dung:** Kinh nghiệm thế giới về tái sử dụng nước thải; Bài học về tái sử dụng nước thải đối với Việt Nam; Kết luận.

**Từ khóa**: Nước thải, kinh nghiệm, Việt Nam

**32. Lồng ghép biến đổi khí hậu vào chính sách phát triển : kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam hướng tới thực hiện đóng góp do quốc gia tự quyết định/** Lưu Lê Hường, Nguyễn Sỹ Linh, Vũ Hoàng Thùy Dương, Tăng Quỳnh Anh// Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 65-68.

**Nội dung:** Kinh nghiệm quốc tế về lồng ghép biến đổi khí hậu trong chính sách phát triển; Bài học cho Việt Nam trong lồng ghépđóng góp do quốc gia tự quyết định.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, chính sách phát triển

**33. Lồng ghép giảm phát thải khí nhà kính vào quy trình quản lý các dự án đầu tư/** Nguyễn Trung Thắng, Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Nam Thành// Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 36-38.

**Nội dung:** Thực trạng lồng ghép biến đổi khí hậu trong quy trình quản lý các dự án đầu tư ở Việt Nam; Kinh nghiệm quốc tế về lồng ghép biến đổi khí hậu trong các dự án đầu tư; Đề xuất lồng ghép yêu cầu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vào quy trình quản lý dự án đầu tư.

**Từ khóa:** Khí nhà kính, dự án đầu tư, biến đổi khí hậu

**34. Mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn của một số quốc gia trên thế giới/** Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thị Trà// Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 52-54.

**Nội dung:** Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang gia tăng, tăng trưởng xanh, thúc đẩy phát triển nền kinh tế xanh, trong đó có quản lý và triển khai mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn đang được thực hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

**Từ khóa:** Chất thải rắn, xử lý

**35. Một số định hướng lớn phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long/** Nguyễn Linh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 40-42.

**Nội dung:** Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách; Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng; Tăng cường điều tra cơ bản, năng lực quan trắc, dự báo, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu; Chuyển đổi quy mô lớn, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu hợp lý; Thúc đẩy khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

**Từ khóa:** Phát triển bền vững, đồng bằng sông Cửu Long

**36. Một số giải pháp phòng, chống bụi phát sinh trong hoạt động xây dựng cơ bản gây ô nhiễm môi trường/** Nguyễn Tiến Dũng, Đoàn Thị Thúy Loan, Trần Thị Thu Nga// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 9-11.

**Nội dung:** Thống kê báo cáo hiện trạng gây ô nhiễm môi trường từ các loại bụi phát sinh trong hoạt động xây dựng và các nguyên nhân từ quản lý nhà nước về xây dựng và các văn bản quy định về môi trường trong xây dựng và xu hướng diễn biến phức tạp của hoạt động quy hoạch xây dựng. Đồng thời, nêu ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường trong hoạt động xây dựng thời gian tới.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, bụi phát sinh, hoạt động xây dựng cơ bản

**37. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững/** Châu Trần Vĩnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 60-61.

**Nội dung:** Trình bày việc xây dựng hệ thống văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý tài nguyên nước năm 2021.

**Từ khóa**: Quản lý tài nguyên nước, phát triển bền vững

**38. Nâng cao năng lực cộng đồng, áp dụng các mô hình thích ứng biến đổi khí hậu/** Nguyên Hoàng Mạnh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 52-54.

**Nội dung:** Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trong tương lai ngày càng trầm trọng; Nâng cao năng lực, áp dụng các mô hình thức ứng.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, năng lực công đồng

**39. Nghiên cứu hiện trạng quản lý chất thải nguy hại tại Tây Ninh/** Tôn Hoàng Hổ, Phạm Đức Tiến, Nguyễn Thu Huyền, Nguyễn Tuấn Sơn// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 47-49.

**Nội dung:** Khảo sát hiện trạng phát sinh chất thải nguy hại tại khu vực Tây Ninh để từ đó đưa ra các đánh giá về hoạt động quản lý và đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường trên địa bàn.

**Từ khóa:** Chất thải nguy hại, Tây Ninh

**40. Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất quản lý chất thải rắn theo mô hình sinh thái cho một số khu công nghiệp ở Đồng Nai**/ Trần Thị Thuý, Nguyễn Tri Quang Hưng, Nguyễn Minh Kỳ, Lê Thị Lan Thảo// Khoa học và Công nghệ trường Đại học Công nghệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2018 .- số 36A .- Tr. 75-85.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất lượng chất thải rắn thao mô hình sinh thái cho một số khu công nghiệp ở Đồng Nai. Kết quả bước đầu cho thấy mô hình đề xuất có dòng nguyên vật liệu không nguy hại từ các khu công nghiệp. Tiết kiệm chi phí từ hoạt động tái chế thân thiện môi trường, thúc đẩy kinh tế.

**Từ khóa**: Chất thải rắn, sinh thái, Đồng Nai, khu công nghiệp

**41. Nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường/** Hoàng Nguyên// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 25-26.

**Nội dung:** Nghiên cứu, phát triển các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ cuộc sống; Cung cấp luận cứ khoa học, ứng dụng mô hình phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học

**42. Nghiên cứu sử dụng chất keo tụ tự nhiên từ cây xương rồng bà trong xử lý nước thải dệt nhuộm/** Trần Thành Đạt, Cao Thị Quỳnh Trâm, Thái Văn Nam// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả việc áp dụng chất keo tụ tự nhiên có sẵn đảm bảo an toàn nhưng không tốn quá nhiều chi phí và thân thiện với môi trường để thay thế các hóa chất keo tụ hiện nay.

**Từ khóa**: Chất keo tụ tự nhiên, cây xương rồng bà, nước thải dệt nhuộm

**43. Nghiên cứu thành phần hóa học của phân đoạn EA-03 của cao ethyl acetate cây sâm đại hành Eleutherine bulbosa/** Đỗ Thị Mỹ Liên, Phan Văn Quy, Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Xuân Dũ// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 44-45.

**Nội dung:** Từ phân đoạn EA-03 của cao ethyl acetate cây sâm đại hành Eleutherine bulbosa thu hái ở tỉnh An Giang, Việt Nam bằng các phương pháp sắc kí thường quy, hai hợp chất quinone aloe-emodin, 2,6-dimethoxybenzoquinone và một hợp chất dẫn xuất phenol là gallic acidđược cô lập. Cấu trúc của ba hợp chất tinh sạch được xác định bằng phổ cộng hưởng từ hạt nhân 1D và 2D-NMR.

**Từ khóa:** Phân đoạn EA-03, cây sâm đại hành, cao ethyl acetate, thành phần hóa học

**44. Nghiên cứu thiết lập mô hình quang sinh học màng kết hợp vi tảo thử nghiệm thích nghi và xử lý nước thải nuôi tôm/** Lâm Văn Tân, Trần Phi Long, Trần Thành// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 24-26.

**Nội dung:** Đánh giá khả năng thích nghi độ mặn và sự phát triển của tảo Chlorella Vulgaris trên các nguồn nước nuôi và thải sau nuôi tôm với mong muốn cải thiện môi trường, giảm ô nhiễm nguồn nước và phát triển nuôi trồng thủy sản.

**Từ khóa**: Quang sinh học, vi tảo, nước thải nuôi tôm

**45. Nghiên cứu tổng hợp và khảo sát hoạt tính quang xúc tác của ZnO biến tính bằng Mn phương pháp sốc nhiệt**/ Nguyễn Thị Thu Hiền, Trần Phương Huỳnh, Nguyễn Thế Luân, Phạm Nguyễn Hữu Thịnh// Khoa học & Đào tạo .- 2020 .- số 2 .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này phương pháp sốc nhiệt được sử dụng để biến tính vật liệu quang xúc tác bằng nhân Mn. Các tính chất của xúc tác sau khi biến tính được đánh giá bằng phương pháp xạ tia. Kết quả cho thấy biến tính thành công Mn vào trong cấu trúc của vật liệu ZnO ban đầu. Biến tính không ảnh hưởng đến kích thước và hình thái.

**Từ khóa**: Phương pháp sốc nhiệt, quang xúc tác, hóa học

**46. Nghiên cứu ứng dụng lục bình làm vật liệu xanh thân thiện môi trường/** Huỳnh Lê Huy Cường, Đào Minh Trung// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Sử dụng sợi từ cây lục bình, một nguồn nguyên liệu dồi dào, rẻ tiền từ thiên nhiên để gia cường cho vật liệu composite trên nề nhựa phenol formaldehyd dạng novolac, một hiệu ứng dụng mới giúp nâng cao giá trị kinh tế của cây lục bình với nhiều triển vọng phát triển vật liệu composite.

**Từ khóa:** Cây lục bình, vật liệu composite

**47. Nghiên cứu ứng dụng vi sinh trong xử lý Cellulose trên vật liệu vỏ trấu/** ThS. Nguyễn Văn Tuấn// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Nghiên cứu được bố trí thí nghiệm trên vật liệu nghiên cứu là vỏ trấu ở 3 mức khối lượng 100g, 200g và 300g, mỗi nghiệm thức được lặp lại ba lần và theo dõi 28 ngày. Kết quả cho thấy, hiệu suất xử lý cellulose ở thí nghiệm 1 (100g vật liệu) đạt cao nhất 70,59%, kế đến là thí nghiệm 2 (200g vật liệu) 62,36% và cuối cùng là thí nghiệm 3 (300g vật liệu) 55,46%.

**Từ khóa**: Vi sinh, xử lý cellulose, vỏ trấu

**48. Nghiên cứu về thành phần hóa học cao ethyl acetate của loài Scutellaria cochinchinensis Brip thu hái tại tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam/** Đỗ Thị Mỹ Liên, Tưởng Lâm Trường, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Huỳnh Ngọc Tuyết, Nguyễn Xuân Dũ, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Hồ Kỳ Quang Minh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Nghiên cứu về thành phần hóa học và khả năng ức chế tế bào ung thư cổ tử cung Hela – S3 và ung thư biểu mô KB của các hợp chất cô lập từ cao ethyl acetate của loài Scutellaria cochinchinensis Brip để làm tăng giá trị ứng dụng của cây vào thực tế cuộc sống.

**Từ khóa**: Loài Scutellaria cochinchinensis Brip, cao ethyl acetate, ung thư biểu mô KB, thành phần hóa học, khả năng ức chế

**49. Nghiên cứu về thành phần hóa học phân đoạn EA1 - cao ethyl acetate của loài địa y Lobaria orientalis thu hái tại núi Bidoup, Lâm Đồng, Việt Nam/** Đỗ Thị Mỹ Liên, Tưởng Lâm Trường, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Nguyễn Hoàng Minh, Nguyễn Xuân Dũ, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Lê Công Nhân, Nguyễn Thị Mỹ Dung// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 14-16.

**Nội dung:** Khảo sát thành phần hóa học cũng như tìm kiếm các hợp chất có hoạt tính ức chế tế bào ung thư từ những loài địa y thu hái tại Việt Nam, năm hợp chất đã được cô lập bao gồm ba hợp chất phenol và hai hợp chất depside. Đồng thời, đánh giá khả năng gây độc tế bào của các hợp chất cô lập được trên hai dòng tế bào ung thư trực tràng và ung thư phổi.

**Từ khóa**: Địa y Lobaria orientalis, phân đoạn EA1, cao ethyl acetate, thành phần hóa học

**50. Nghiên cứu xử lý nước thải ao nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh bằng đất ngập nước kiến tạo quy mô phòng thí nghiệm/** PGS. TS. Tôn Thất Lãng, Trần Thị Vân Trinh, TS. Lâm Văn Tân, Trần Thiện Tâm// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 38-40.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đánh giá công nghệ đất ngập nước kiến tạo trong xử lý nước thải ao nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh quy mô phòng thí nghiệm để xử lý nước thải các ao nuôi đạt tiêu chuẩn xả thải.

**Từ khóa**: Xử lý nước thải, tôm thẻ chân trắng, thí nghiệm

**51. Nhận thức và hành vi của người dân về phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh tại Thành phố Bắc Ninh/** GS. TS. Nguyễn Văn Song, Lại Xuân Dũng, TS. Trần Đức Thuận, Nguyễn Đức Bản// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 38-40.

**Nội dung:** Phân tích nhận thức và hành vi của người dân Tp. Bắc Ninh, từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh.

**Từ khóa:** Tăng trưởng xanh, đô thị

**52. Ô nhiễm rác thải nhựa tại các khu du lịch biển/** TS. Dư Văn Toán, Nguyễn Thùy Vân// Môi trường .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 32-34.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng về chất thải nhựa tại các khu du lịch biển, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp góp phần giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa, bảo vệ môi trường tại các khu du lịch biển trên cả nước.

**Từ khóa**: Ô nhiễm rác thải nhựa, khu du lịch biển

**53. Phát triển bền vững kinh tế biển xanh : xu hướng quốc tế và triển khai tại Việt Nam/** Caitlin Wiesen// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 16-18.

**Nội dung:** Xu hướng quốc tế; Việt Nam – khởi đầu quan trọng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế biển; Phương pháp luận nghiên cứu về kinh tế biển xanh của Chương trình phát triển Liên hợp quốc và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Kết quả sơ bộ và các khuyến nghị ban đầu.

**Từ khóa:** Kinh tế biển xanh, phát triển bền vững

**54. Phương pháp thu thập, xử lý và bảo quản mẫu vật côn trùng ở ngoài thực địa và trong phòng thí nghiệm**/ Bùi Anh Phong, Phan Quốc Toản, Ngô Quốc Phú// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân.- 2021 .- số1 (44) .- Tr. 16-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu này giới thiệu Phương pháp thu thập, xử lý và bảo quản mẫu vật côn trùng ở ngoài thực địa và trong phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn thế giới được sử dụng phổ biến rộng rãi. Tùy thuộc vào tập tính môi trường để sử dụng phương pháp khác nhau.

**Từ khóa**: Côn trùng, thu thập xử lý, phương pháp, bảo quản

**55. Quan điểm của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường trên góc nhìn công an nhân dân/** Nguyễn Tiến Dũng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 11-13.

**Nội dung:** Trình bày về thực trạng và các giải pháp bảo vệ môi trường theo quan điểm của Đảng và Nhà nước.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường

**56. Quản lý nước thải vì sự phát triển bền vững từ góc nhìn Kiểm toán nhà nước/** TS. Phan Trường Giang// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 52-53.

**Nội dung:** Thực trạng công tác kiểm toán nước thải công nghiệp; Giải pháp tăng cường vai trò của Kiểm toán nhà nước trong quản lý nước thải.

**Từ khóa:** Quản lý nước thải, phát triển bền vững

**57. Sử dụng sản phẩm bản đồ và dữ liệu không gian địa lý phục vụ nâng cao dân trí/** Nguyễn Văn Thảo// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 37-38.

**Nội dung:** Sản phẩm bản đồ có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, việc sử dụng sản phẩm bản đồ tại Việt Nam còn hạn chế trong những năm qua. Trong bối cảnh của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đo đạc và bản đồ, việc tăng cường sử dụng sản phẩm bản đồ càng có ý nghĩa quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

**Từ khóa**: Bản đồ, dữ liệu, không gian địa lý, dân trí

**58. Tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành và địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Nguyễn Văn Hồng, ThS. Võ Thị Nguyên// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 10(360) .- Tr. 36-39.

**Nội dung:** Trình bày kết quả đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, tác động

**59. Tạo dựng và giữ gìn môi trường chiến lược ổn định phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển/** Nguyễn Mạnh Đông// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 8(358) .- Tr. 10-12.

**Nội dung:** Thuận lợi và thách thức của việc triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Chủ trương, định hướng và giải pháp trong việc tạo dựng và gìn giữ môi trường chiến lược ổn định, phục vụ phát triển kinh tế biển bền vững.

**Từ khóa:** Kinh tế biển, phát triển bền vững

**60. Thành phần loài và đặc điểm phân bố sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh/** TS. Nguyễn Văn Hồng, ThS. Lê Xuân Hòa, ThS. Lâm Văn Xinh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 10-12.

**Nội dung:** Công bố kết quả điều tra tổng hợp về thành phần loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh bằng phương pháp khảo sát thực địa và phiếu khảo sát tại các vị trí có tính đa dạng sinh học cao.

**Từ khóa:** Sinh vật ngoại lai, Tây Ninh

**61. Thử nghiệm sản xuất rượu khoai lang sử dụng Amylomyces Rouxii và Saccharomyces Cerevisiae**/ Huỳnh Xuân Phong, Hồ Minh Thuấn, Nguyễn Ngọc Thạnh, Ngô Thị Phương Dung// Khoa học và Công nghệ trường Đại học Công nghệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2018 .- số 36A .- Tr. 66-74

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện nhằm lựa chọn nguồn nguyên liệu gạo và khoai lang. Khảo sát thể tích nước phù hợp qui trình lên men ở quy mô sản xuất thử và nông hộ. Kết quả cho thấy gạo tấm là nguyên liệu phù hợp cho sản xuất koji và khoai lang tím được lựa chọn bổ sung cho giai đoạn lên men lần 2.

**Từ khóa**: Rượu lên men, rượu khoai lang, Amylomyces Rouxii, Saccharomyces Cerevisiae

**62. Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp/** Hoàng Văn Vy// Môi trường .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 15-16.

**Nội dung:** Thực trạng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp; Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, cụm công nghiệp

**63. Tiếp cận trong đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí và hướng áp dụng cho Việt Nam/** ThS. Dương Thị Phương Anh, TS. Nguyễn Trung Thắng, ThS. Hoàng Thị Hiền, GS. TS. Hoàng Xuân Cơ// Môi trường .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 28-31.

**Nội dung:** Giới thiệu nội dung cơ bản của cách tiếp cận đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí.

**Từ khóa**: Môi trường không khí, sức chịu tải

**64. Tình hình quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và giải pháp thời gian tới/** Lê Văn Bình// Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 25-26.

**Nội dung:** Các hoạt động quản lý chất thải nguy hại; Tình hình hoạt động của các chủ xử lý chất thải nguy hại, chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại, chủ vận chuyển, chủ xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại; Một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

**Từ khóa:** Chất thải nguy hại, giải pháp

**65. Tổng hợp và đánh giá tính chất quang của Polymer cấu trúc liên hợp mới trên cơ sở Thiacalix[3]Triazine và 3-Hexylthiophene**/ Trương Thị Thanh Nhung, Lê Thành Dưỡng, Đoàn Kim Bảo, Nguyễn Trần Hà// Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- 18(3) .- Tr. 414-424.

**Nội dung:** Tổng hợp Polymer cấu trúc liên hợp mới dựa trên đơn vị Momomer Thiacalix[3]Triazine và 3-Hexylthiophene. Cấu trúc hoá học của Polymer được phân tích qua phương pháp phân tích hồng ngoại FTIR và phổ cộng hưởng từ hạt nhân.

**Từ khoá:** Phản ứng Polymer, Polymer cấu trúc liên hợp, Polymer

**66. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh/** Nguyễn Vũ Hoàng Phương, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Thanh Tú// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 13-15.

**Nội dung:** Khảo sát, thu thập số liệu từ đó xây dựng bản đồ chuyên đề rác thải sinh hoạt tại quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh sử dụng công cụ hệ thống thông tin địa lý GIS. Các loại bản đồ này sẽ giúp ích cho nhà quản lý nhìn tổng quan về tình hình phát thải và quản lý rác thải tại quận, đề xuất biện pháp cụ thể và hiệu quả hơn khi có sự gia tăng dân số trong tương lai gần.

**Từ khóa:** Hệ thống thông tin địa lý, GIS, chất thải rắn, rác thải sinh hoạt

**67. Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường/** PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 79-81.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu phục vụ công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, cung cấp cơ sở khoa học trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tiếp cận các hướng nghiên cứu mới trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

**Từ khóa**: Tài nguyên và môi trường, nghiên cứu khoa học

**68. Ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu : kỳ vọng trong giai đoạn mới/** TS. Tăng Thế Cường// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 55-57.

**Nội dung:** Nhiều dấu hiệu tích cực từ nỗ lực toàn cầu; Việt Nam đẩy mạnh ứng phó với biến đổi khí hậu trong nước và thực hiện cam kết quốc tế.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu

**69. Vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường/** TS. Phạm Thị Tố Oanh// Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 26-29.

**Nội dung:** Vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; Tình hình phát triển hợp tác xã môi trường; Một số giải pháp tổ chức thực hiện, phát huy vai trò của mô hình hợp tác xã trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, hợp tác xã

**70. Xây dựng chính sách pháp luật tài nguyên và môi trường : dấu ấn nhiệm kỳ 2016-2020 và định hướng giai đoạn tiếp theo/** Phan Tuấn Hùng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 52-54.

**Nội dung:** Nhìn lại kết quả nhiệm kỳ chính sách pháp luật tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020 và nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-205.

**Từ khóa**: Pháp luật, tài nguyên và môi trường

**71. Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian cho hệ thống thoát nước ở đô thị/** Lê Văn Tình, Bùi Duy Hưng, Hồ Việt Dũng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 30-31.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp GIS ứng dụng cho quản lý với dữ liệu chi tiết hơn nữa đối với mỗi đối tượng trong hệ thống tuyến cống, một số yếu tố rất cần thiết trong duy tu, bảo dưỡng và phát triển hệ thống thoát nước đô thị.

**Từ khóa**: Hệ thống thoát nước, đô thị, dữ liệu không gian

**72. Xây dựng cơ sở khoa học xác định nội dung thể hiện chủ quyền quốc gia trên các xuất bản phẩm bản đồ/** ThS. Lưu Văn Giang// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 43-44.

**Nội dung:** Mối quan hệ giữa bộ phận cấu thành chủ quyền quốc gia và đặc điểm phản ánh thông tin của các xuất bản phẩm bản đồ; Cơ sở xác định nội dung, độ chính xác thể hiện chủ quyền quốc gia trên các xuất bản phẩm bản đồ.

**Từ khóa:** Cơ sở khoa học, chủ quyền quốc gia, bản đồ

**73. Xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu và giám sát theo thời gian thực thông số môi trường nước thải, khí thải ở các khu công nghiệp và đô thị**/ Trịnh Trọng Chưởng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr. 39-40.

**Nội dung**: Thông qua việc thực hiện một nhiệm vụ cấp nhà nước, các nhà khoa học thuộc Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Công ty Cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương đã xây dựng thành công hệ thống thu thập và giám sát theo thời gian thực thông số môi trường nước thải, khí thải ở các khu công nghiệp và đô thị, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả công tác giám sát, quản lý môi trường ở nước ta.

**Từ khóa**: Môi trường nước thải, khí thải, quản lý môi trường, hệ thống thu thập dữ liệu và giám sát

**74. Xây dựng mô hình hệ thống quan trắc chỉ số ô nhiễm không khí trên nền tảng IoT/** Đỗ Quang Hiệp, Phạm Ngọc Minh, Ngô Mạnh Tiến// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 3+4 .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Trình bày về thực trạng ô nhiễm không khí trên thế giới và Việt Nam. Xây dựng mô hình hệ thống quan trắc một số chỉ số ô nhiễm không khí trên nền tảng IoT.

**Từ khóa**: Hệ thống quan trắc, ô nhiễm không khí, IoT

**75. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý biến đổi khí hậu/** Nguyễn Linh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 31-32.

**Nội dung:** Triển khai hiệu quả các nhiệm vụứng phó với biến đổi khí hậu; Giải pháp và nhiệm vụ trọng trong năm 2021.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, văn bản quy phạm pháp luật

**76. Xử lý dư lượng kim loại nặng trong đất trồng cây rau muống bằng vật liệu Nano Hydroxypatite khuyết canxi**/ Nguyễn Thị Lan Hương, Đoàn Văn Đạt, Mai Bích Dung, Nguyễn Hoài Thương, Trần Thị Diệu Thuần, Nguyễn Thị Nga, Lê Minh Thuận// Khoa học và Công nghệ trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2018 .- 36A .- Tr. 41-50.

**Nội dung**: Tinh thế hình que có kích thước Nano của vật liệu Hydroxypatite khuyết canxi đã được tổng hợp thành công bằng phương pháp kết tủa. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng vật liệu Hydroxypatite khuyết canxi tổng hợp được la đơn pha. Vật liệu Hydroxypatite khuyết canxi được khảo sát dư lượng kim loại nặng trong đất trồng rau muống bị nhiễm Fe, Cu, Ni, Cr.

**Từ khoá:** Hydroxypatite khuyết canxi, rau muống, xử lý kim loại nặng

**77. Xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh/** Nguyễn Văn Thắng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 51-52.

**Nội dung:** Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động quản lý rác thải và nước thải; Các giải pháp quản lý phù hợp.

**Từ khóa**: Rác thải, nước thải sinh hoạt, Quảng Ninh

**LUẬT HỌC**

**1. Án lệ, áp dụng án lệ trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam**/ Nguyễn Minh Tuấn, Lê Minh Thúy// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 96 - 103.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày, phân tích về án lệ, thực tiễn áp dụng án lệ ở các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức và rút ra một số gợi mở nhằm nâng cao chất lượng áp dụng án lệ ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Án lệ, áp dụng án lệ, vụ việc tương tự, giải thích pháp luật

**2.** **Ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với pháp luật nhượng quyền thương mại Việt Nam/** Nguyễn Bá Bình// Luật học.- 2020 .- Số 10 .- Tr. 59 - 71.

**Nội dung:** Để đáp ứng yêu cầu của việc gia nhập WTO, Việt Nam đã phải đổi mới và hiện đại hóa nhanh chóng và toàn diện khung pháp luật thương mại của mình. Trong quá trình chuẩn bị gia nhập WTO, một số hoạt động thương mại lần đầu tiên được pháp luật Việt Nam minh định đúng bản chất bằng những quy định gián tiếp và trực tiếp để tạo khuôn khổ pháp lí cho sự phát triển của hoạt động đó, tiêu biểu là nhượng quyền thương mại.

**Từ khóa**: Nhượng quyền thương mại, pháp luật thương mại, WTO

**3.** **Áp dụng các tiêu chuẩn kiểm dịch động – thực vật theo WTO và kiến nghị cho Việt Nam/** Lê Minh Nhựt, Lê Thị Thanh Bình// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 06 (430) .- Tr. 16 - 26.

**Nội dung:** Tác giả trình bày, phân tích các quy định của Tổ chức Thương mại mại thế giới (WTO) và thực tiễn áp dụng cũng như tranh chấp xoay quanh việc các quốc gia đặt ra các tiêu chuẩn kiểm soát động – thực vật nhập khẩu, và kiến nghị các biện pháp nhằm giúp Việt Nam xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia cao hơn nhưng phù hợp với quy định của WTO.

**Từ khóa**: SPS, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, WTO

**4.** **Áp dụng pháp luật nước ngoài trong tố tụng dân sự tại Vương Quốc Anh và một số bài học tham khảo cho Việt Nam/** Lê Xuân Tùng// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 78 - 84.

**Nội dung:** Vấn đề áp dụng pháp luật nước ngoài trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đều được thừa nhận rộng rãi trong tư pháp quốc tế của các quốc gia trên thế giới. Các nước Anh, Pháp, Mỹ đều có một điểm chung là mặc dù quy phạm xung đột dân chiêu đền việc áp dụng pháp luật nước ngoài, cơ quan xét xử của các nước trên vân có thê không áp dụng pháp luật trước ngoại nếu các bên đương sự không khởi xướng và chứng minh được việc áp dụng pháp luật nước ngoài là cần thiết, không đưa ra được nội dung pháp luật nước ngoài cũng như các chứng cứ có liên quan. Bài nghiên cứu này sẽ tập trung vào các khía cạnh của việc áp dụng pháp luật nước ngoài tại Vương quốc Anh và đưa ra một số kiến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Pháp luật nước ngoài, vương quốc Anh; Lexfori; Việt Nam

# 5. Bảo đảm an ninh nguồn nước ở Việt Nam/ **Nguyễn** Hồng Thao// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 2 (426) .- Tr. 9-13.

**Nội dung:** Nước được coi là một nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại của con người và sự phát triển kinh tế, xã hội của từng nước cũng như cộng đồng quốc tế. Vấn đề an ninh và quản lý nguồn nước ngày càng trở nên quan trọng trong một thế giới phẳng, phụ thuộc và cạnh tranh lẫn nhau. Việt Nam là quốc gia được ưu ái về nguồn nước. Tuy nhiên, với sự phát triển dân số và kinh tế, an ninh nguồn nước của Việt Nam cũng đang bị đe dọa và cần phải có các biện pháp quản lý hữu hiệu.

**Từ khóa:** An ninh nguồn nước, bảo đảm an ninh nguồn nước

**6. Bảo đảm quyền bình đẳng của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay**/ Võ Quốc Tuấn// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 26 - 31.

**Nội dung:** Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm bảo đảm quyền bình đẳng của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân.

**Từ khóa:** Bảo đảm quyền bình đẳng, tố tụng hình sự, xét xử sơ thẩm, vụ án hình sự

**7. Các nguyên lý xây dựng luật thuế thu nhập cá nhân hiệu quả và công bằng và khuyến nghị cho Việt Nam**/ Nguyễn Anh Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573 .- Tr.49 - 51.

**Nội dung:** Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là một trong những sắc thuế quan trọng trong nguồn thu ở các quốc gia phát triển nhưng có cũng là loại thuế gây tranh cãi nhiều bởi vì bản chất nó là thuế trực thu, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và phúc lợi của công dân. Thuế TNCN ở Việt Nam mặc dù ra đời và qua các lần chỉnh sửa nhưng vẫn còn bất cập nhất là làm sao đảm bảo được cả tính hiệu quả và công bằng. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến các nguyên lý để xây dựng luật thuế TNCN hướng đến tính hiệu quả, công bằng, phân tích những hạn chế và đưa ra các khuyến nghị để điều chỉnh luật thuế TNCN ở nước ta trong thời gian tới mục tiêu hướng đến là làm sao vừa đảm bảo được cả tính hiệu quả và vừa đảm bảo được cả tính công bằng.

**Từ khoá:** Thuế thu nhập cá nhân, tính hiệu quả, tính công bằng

**8.** **Các quy định của pháp luật về công an xã – Thực trạng và kiến nghị/** Trần Văn Trọng// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 08 (432) .- Tr. 60 - 64.

**Nội dung:** Công an xã là một cấp công an thuộc tổ chức của Công an nhân dân, có vai trò quan trọng trong bản đảm an ninh, trật tự nói chung và quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nói riêng ở địa bàn cơ sở. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn cũng như bảo đảm tương xứng giữa trọng trách, nhiệm vụ được giao với thẩm quyền của công an xã, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự của công an xã. Bài viết trình bày, phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về công an xã và đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa**: Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, công an xã

**9.** **Cam kết WTO của Việt Nam về giá trị thông thường thay thế trong điều tra chống bán phá giá/** Ngô Trọng Quân// Luật học.- 2020 .- Số 10 .- Tr. 72 - 86.

**Nội dung:** Bài viết phân tích nguyên tắc xác định giá trị thông thường trong pháp luật WTO và ảnh hưởng của việc hết hiệu lực điều khoản nền kinh tế phi thị trường đến cách xác định giá trị thông thường thay thế với Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy việc hết hiệu lực của điều khoản này không tự động chuyển đổi Việt Nam thành một nền kinh tế thị trường và các nước thành viên WTO vẫn còn cơ sở pháp lý theo Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại năm 1994 và Hiệp định Chống bán phá giá, đặc biệt là quy định về giao dịch trong điều kiện thương mại thông thường và điều kiện thị trường đặc biệt để tiếp tục cách xác định giá trị thông thường thay thế sau ngày 31/12/2018.

**Từ khóa**: Kinh tế phi thị trường, điều tra chống bán phá giá, giá trị thông thường, quốc gia thay thế

**10. Chế định bảo lĩnh trong tố tụng hình sự và hướng hoàn thiện**/ Nguyễn Thị Thu Hằng// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 74 - 79.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích các vấn đề pháp lý quan trọng về chế định bảo lĩnh trong tố tụng hình sự, bao gồm: (i) Căn cứ áp dụng biện pháp bảo lĩnh; (ii) Nghĩa vụ cam đoan của bị can, bị cáo và điều kiện nhận bảo lĩnh của cá nhân, cơ quan, tổ chức; (iii) Trách nhiệm pháp lý của các chủ thể; (iv) Thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo lĩnh; (v) Thủ tục áp dụng bảo lĩnh và các trường hợp huỷ bỏ áp dụng bảo lĩnh. Thông qua đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chế định bảo lĩnh.

**Từ khoá**: Tố tụng hình sự, biện pháp ngăn chặn, bảo lĩnh

# 11. Chế độ tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam/ Nguyễn Đình Huy, Bùi Thị Hằng Nga// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 2 (426) .- Tr. 23-32.

**Nội dung:** Do đối tượng của hoạt động kinh doanh là rủi ro, là sự không chắc chắn, nên thực chất hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm là bán các lời hứa trong tương lai. Các lời hứa này chính là các cam kết chi trả về tài chính từ phía doanh nghiệp bảo hiểm cho các tổn thất khi người được bảo hiểm gặp rủi ro trên thực tế. Năng lực tài chính là một yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp bảo hiểm đảm bảo được khả năng chi trả cho những người đã tham gia bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm hiệu quả, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng thì pháp luật cần có các quy định cụ thể về quản lý, giám sát để đảm bảo năng lực tài chính của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ khi rủi ro gắn liền với sức khỏe, tính mạng và tuổi thọ của người được bảo hiểm.

**Từ khóa:** Chế độ tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ

**12. Chính sách pháp luật về phòng, chống ma tuý trên địa bàn tỉnh Bình Dương hiện nay**/ Lê Văn Gấm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.79 - 81.

**Nội dung:** Vấn đề tệ nạn ma tuý - mại dâm - HIV/AIDS - trộm cướp - buôn lậu đang diễn ra khắp nơi trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đang ngày càng trở nên phức tạp, và ở địa bàn tỉnh Bình Dương cũng không ngoại lệ. Do đó, thời gian qua tỉnh Bình Dương đã có nhiều nổ lực trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma tuý để đảm bảo trật tự trị an cho xã hội. Tuy nhiên, tình hình tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn ma tuý nói riêng có sự diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến các quan hệ xã hội. Bài viết tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý của chính sách dự phòng, chống ma tuý; thực trạng và giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật về phòng, chống ma tuý ở tỉnh Bình Dương hiện nay.

**Từ khoá:** Tệ nạn ma tuý, chống ma tuý, pháp luật

**13.** **Chính sách phát triển nghề công chứng/** Hoàng Văn Hữu// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 47 - 54.

**Nội dung:** Sau khi Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, trong đó đáng lưu ý là bãi bỏ các quy định về “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng” đã dẫn đến tình trạng việc thành lập mới, chuyển địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng một cách tự do và cỏ xu hướng tập trung tại khu vực thành thị. Điều đó làm mất cân đổi trong việc phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng, ảnh hưởng tới việc tiếp cận dịch vụ công chứng của người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa; tạo ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gãy ảnh hưởng đến chất lượng và thanh danh của nghề công chứng, đi ngược lại với chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Đây là vấn để không chỉ những người hành nghề công chứng đặc biệt quan tâm mà còn thu hút được sự quan tâm của các cơ quan quản lý nhà nước về công chứng, giới nghiên cứu, những người đang theo học tại các khóa đào tạo nghề công chứng. Trong bài viết này, tác giả làm rõ khái niệm về chính sách phát triển nghề công chứng, phân tích những bất cập của thực trạng pháp luật và thực trạng thực thi chính sách phát triển nghề công chứng từ khỉ Luật công chứng năm 2006 có hiệu lực cho đèn nay. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những giải pháp để hoàn thiện pháp luật về chính sách phát triển nghề công chứng trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Nghề công chứng, Chính sách, Chính sách phát triển nghề công chứng

**14.** **Chức năng xã hội và nguyên tắc hành nghề luật sư ở Việt Nam/** Phan Trung Hoài, Ngô Thị Ngọc Vân// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 31 - 41.

**Nội dung:** Luật sư là một chủ thể xã hội có kiến thức và kỹ năng thực hành pháp luật thông qua các thiết chế, khuôn khổ pháp lý do Nhà nước quy định và tổ chức, được tiến hành các biện pháp pháp lý, thực hiện các quyền, nghĩa vụ khi cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng và bảo đảm sự áp dụng thống nhất pháp luật. Trong quá trình hành nghề, môi cá nhân luật sư cần nhận thức rõ chức năng xã hội của mình (bao gồm góp phần bảo vệ công lý, các quyền tự do, dân chủ của công dãn, quyền, lợi ích hợp pháp của cả nhân, cơ quan, tổ chức, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh) và tuân thủ các nguyên tắc hành nghề mà Luật luật sư đã quy định.

**Từ khóa**: Luật sư; Nghề luật sư, Chức năng xã hội của luật sư, Nguyên tắc hành nghề luật sư, Quy tắc đạo đức

**15.** **Chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp dưới góc độ so sánh/** Huỳnh Thiên Tứ// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 08 (432) .- Tr. 35 - 42.

**Nội dung:** Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi quy định về đối tượng ký kết hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp, đồng thời bổ sung quy định về chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng giữa các bên theo quy định của Bộ luật Dân sự. Quy định mới không chỉ thay đổi về cách nhìn nhận đối với tư cách chủ thể giao kết mà còn tạo cơ chế chịu trách nhiệm rõ ràng hơn cho các bên liên quan đến hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp. Trên cơ sở đánh giá lý thuyết về hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp và so sánh với hướng tiếp cận của pháp luật Trung Quốc, tác giả phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp, và đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa**: Hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp, chuyển giao quyền và nghĩa vụ, Luật Doanh nghiệp

**16. Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của WTO và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam sau 26 năm phát triển**/ Nguyễn Mai Linh// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 39 - 47.

**Nội dung:** Sau 26 năm hình thành và phát triển, cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của Tổ chức Thương mại thế giới (Word Trade Orgnaization – WTO) đã đạt được nhiều thành công. Bên cạnh đó, thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại của WTO đã đặt ra nhiều thách thức đòi hỏi WTO cần sớm hoàn thiện cơ chế này.

**Từ khóa:** Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế; Tổ chức Thương mại thế giới (WTO);quy tắc và thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp (DSU)

**17.** **Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức – Bất cập và hướng giải quyết/** Trần Thăng Long, Nguyễn Văn Nhân// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 06 (430) .- Tr. 27 - 34.

**Nội dung:** Tác giả trình bày, phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không tuân thủ hình thức của hợp đồng. Từ thực tiễn áp dụng, các tác giả chỉ ra những bất cập khi áp dụng quy định công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không tuân thủ hình thức của hợp đồng và đưa ra một số giải pháp khắc phục.

**Từ khóa**: Hợp đồng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vi phạm quy định về hình thức của hợp đồng

**18.** **Điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng trong Luật chứng khoán năm 2019/** Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 06 (430) .- Tr. 42 - 48.

**Nội dung:** Việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng không những có ý nghĩa to lớn đối với tổ chức phát hành mà còn ảnh hưởng, tác động đến thị trường chứng khoán. Vì vậy, để đảm bảo các cổ phiếu được đưa ra giao dịch an toàn, chất lượng, minh bạch và rõ ràng, cần có them điều kiện, thủ tục chặt chẽ hơn nữa.

**Từ khóa**: Chứng khoán, cổ phiếu, chào bán cổ phiếu lần đầu, nhà đầu tư, cổ đông, Luật Chứng khoán

**19.** **Điều kiện lao động và sử dụng lao động giúp việc gia đình theo Bộ luật lao động năm 2019/** Lữ Bỉnh Huy// Nghề luật .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 19 - 23.

**Nội dung:** Lao động giúp việc gia đình có những đặc thù riêng so với các đối tượng lao động khác. Vì vậy, bên cạnh những quy định chung pháp luật lao động thường có những quy định riêng điều chỉnh quan hệ lao động giúo việc gia đình. Bài viết trình bày, phân tích, bình luận một số quy định mới của Bộ luật lao động năm 2019 đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện Bộ luật lao động năm 2019 về điều kiện lao động và sử dụng lao động với lao động giúp việc gia đình cụ thể là các nội dung: Tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kỹ luật lao động, bồi thường thiệt hại vật chất.

**Từ khóa**: Lao động giúp việc gia đình, Bộ luật lao động, điều kiện lao động và sử dụng lao động

**20. Định mức việc thi hành án dân sự đối với chấp hành viên**/ Nguyễn Văn Nghĩa, Hoàng Thị Thanh Hoa// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 80 - 85.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích các vấn đề pháp lý quan trọng về chế định bảo lĩnh trong tố tụng hình sự, bao gồm: (i) Căn cứ áp dụng biện pháp bảo lĩnh; (ii) Nghĩa vụ cam đoan của bị can, bị cáo và điều kiện nhận bảo lĩnh của cá nhân, cơ quan, tổ chức; (iii) Trách nhiệm pháp lý của các chủ thể; (iv) Thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo lĩnh; (v) Thủ tục áp dụng bảo lĩnh và các trường hợp huỷ bỏ áp dụng bảo lĩnh. Thông qua đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chế định bảo lĩnh.

**Từ khoá**: Tố tụng hình sự, biện pháp ngăn chặn, bảo lĩnh.

**21.** **Đổi mới quy trình lập pháp ở Việt Nam trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư/** Lê Thị Thanh Huyền// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 07 (431) .- Tr. 3 - 8.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tạo ra những biến chuyển mạnh mẽ, chưa có tiền lệ trong đời sống kinh tế - xã hội, làm nảy sinh những vấn đề mới về pháp lý, tác động trực tiếp tới hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật của mỗi quốc gia. Trong quá trình này, hoạt động lập pháp ở Việt Nam cần thiết phải tiếp tục đổi mới toàn diện, trong đó phải được chú trọng hơn đối với quy trình lập pháp.

**Từ khóa**: Cuộc cách mạng lần thứ tư, quy trình lập pháp

**22.** **Đổi mới việc tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư tại học viện tư pháp/** Nguyễn Kim Chi// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 78 - 81.

**Nội dung:** Kỹ năng mềm là năng lực hay khả năng chuyên biệt của một cá nhân về một hoặc nhiều khía cạnh nào đó được sử dụng để giải quyết tình huống hay công việc phát sinh trong cuộc sống. Những kỹ năng này tuy không phải là kỹ năng chuyên môn/ kỹ thuật trực tiếp để xử lý công việc nhưng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để có thể thành công trong nghề nghiệp, nhất là accs nghề nghiệp đòi hỏi sự giao tiếp, tương tác trực tiếp với con người như nghề nghiệp của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư. Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo kỹ năng mềm cho học viên trong chương trình đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư và đưa ra những định hướng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

**Từ khóa**: Kỹ năng mềm, đào tạo, chương trình đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư

**23.** **Đối tượng thuê mua nhà ở xã hội theo pháp luật Việt Nam và kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới/** Phạm Yến Nhi// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 72 - 77.

**Nội dung:** Thuê mua nhà ở xã hội, dù vẫn chưa phải là hình thức giao dịch phổ biến tại Việt Nam, nhưng lại là cơ hội hầu như duy nhất để sở hữu một bất động sản đổi với rất nhiều hộ gia đình và cá nhân có thu nhập hạn chế. Trong điều kiện thực tế cung không đủ cầu, việc lựa chọn đúng đối tượng được thuê mua nhà ở xã hội là thật sự cần thiết. Bài viết giới thiệu những nội dung cơ bản về đối tượng được thuê mua nhà ở xã hội tại Việt Nam và so sánh với quy định của một số quốc gia trên thế giới về các nội dung như điều kiện về chủ thể, điều kiện về tình trạng nhà ở, điều kiện về nơi cư trú và điều kiện về thu nhập của chủ thể được thuê mua nhà ở xã hội. Từ đó, tác giá bài viết gợi mở một số kinh nghiệm nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về đối tượng được thuê mua nhà ở xã hội tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Nhà ở xã hội, thuê mua nhà ở xã hội, đối tượng thuê mua

**24.** **Giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực thi pháp luật về kiểm soát lợi ích nhóm ở Việt Nam/** Lê Đinh Mùi// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 20 - 25.

**Nội dung:** Lợi ích từ lâu đã được thừa nhận và là động lực cho sự phát triển của xã hội. Kiểm soát lợi ích luôn là vấn đề có tính thời sự nhằm bảo đảm sự công bằng xã hội. Trên thực tế bên cạnh tính tích cực của lợi ích nhóm, những tác động tiêu cực của lợi ích nhóm trong đỏ nhóm lợi ích đặc quyền, đặc lợi tác động tới quá trình hoạch định và thực thi chính sách của các cấp quản lý, của nhà nước gây không ít khó khăn, cản trở sự phát triển lành mạnh của đất nước. Kiểm soát lợi ích nhóm theo nghĩa tiêu cực này cần được pháp luật điều chỉnh, nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm minh, kịp thời và khắc phục những hậu quả gây ra của nhóm lợi ích.

**Từ khóa**: Lợi ích nhóm; Kiểm soát lợi ích nhóm; Hoàn thiện pháp luật

**25.** **Giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh của lực lượng cảnh sát kinh tế với tội phạm kinh tế, tham nhũng trong lĩnh vực quản lý đất đai/** Lại Sơn Tùng// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 60 - 63.

**Nội dung:** Đất đai là tài nguyên quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng. Trong bài viết này, tác giả nêu ra những thủ đoạn phổ biến của tội phạm lãnh tế, tham nhũng trong lĩnh vực quản lý đất đai trong thời gian vừa qua, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đấu tranh với tội phạm này trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh của lực lượng cảnh sát kinh tế với tội phạm kinh tế, tham nhũng trong lĩnh vực này trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Tội phạm kính tế, tham nhũng, quản lý đât đai

**26.** **Giới hạn trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp trong trường hợp tham vấn chuyên gia tại Việt Nam và một số nước trên thế giới/** Lê Ngọc Vân Nhi// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 06 (430) .- Tr. 53 - 57.

**Nội dung:** Tác giả trình bày, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật một số nước trên thế giới về giới hạn trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp trong trường hợp tham vấn chuyên gia, và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

**Từ khóa**: Người quản lý doanh nghiệp, giới hạn trách nhiệm, nghĩa vụ cẩn trọng

**27.** **Hành lang pháp lý đối với hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay/** Đào Lộc Bình, Lê Thị Hằng// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 3 - 7.

**Nội dung:** Thương mại điện tử ngày càng phát triển và là xu hướng tất yếu khách quan của hoạt động thương mại toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Để đảm bảo sự công bằng trong hoạt động thương mại, đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng, hệ thống các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử đã được Nhà nước Việt Nam ban hành tạo hành lang pháp lý cho hoạt động thương mại điện tử. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phát triển nhanh chóng của Internet ở Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ với quy mô và hình thức ngày càng đa dạng , phong phú.

**Từ khóa**: Hành lang pháp lý, khuyến nghị, thực trạng, thương mại điện tử

**28.** **Hành nghề luật sư một số nước trên thế giới/** Ngô Hoàng Oanh// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 85 - 90.

**Nội dung:** Cùng với tốc độ phát triển nhanh chóng về kinh tế, thương mại của các nước trên thế giới, đặc biệt sự phát triển kinh tế mang tính toàn cầu hiện nay, các nghề nghiệp mang tính hỗ trợ cho sự phát triên kinh tê toàn cầu cũng được phát triển theo, trong đó phải kể đến nghề luật. Tuy mỗi nước có một hệ thống pháp luật điều chỉnh riêng làm nên tính chất địa phương cao, nhưng việc hình thành và phát triển nghề luật của các nước lại có những đặc điểm mang tính khá tương đồng. Bài viết mô tả việc hành nghề luật sư của một số nước trên thế giới, trong đó nhấn mạnh các yếu tố như điều kiện để hành nghề luật, các hình thức hành nghề luật, luật điều chỉnh và các xu hướng phát triển nghề luật hiện nay tại một số nước.

**Từ khóa**: Tổ chức hành nghề luật sư, đào tạo luật sư, luật sư các nước, hành nghề luật sư tại Mỹ, hành nghê luật sư tại Pháp, hành nghề luật sư tại Đức, hành nghề luật sư tại Anh

**29. Hiệu lực của thỏa thuận bồi thường thiệt hại ước tính**/ Trương Nhật Quang// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 18 - 30.

**Nội dung:** Thoả thuận bồi thường thiệt hại ước tính là một biện pháp được áp dụng trong thực tiễn các giao dịch thương mại nhằm xử lý các vi phạm theo hợp đồng và/hoặc để phân bố rủi ro theo ý định thương mại giữa các bên. Dù vậy,theo pháp luật Việt Nam, cũng như trong thực tiễn xét xử của tòa án, hiệu lực của thỏa thuận này chưa được công nhận một cách rõ ràng. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày thực tiễn về thỏa thuận bồi thường thiệt hại ước tính trong một số loại hợp đồng thương mại, về các quy định của pháp luật và định hướng xét xử trong hai quyết định gần đây của Tòa án nhân dân tối cao. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị về cách tiếp cận đánh giá tính hiệu lực của thỏa thuận bồi thường thiệt hại ước tính.

**Từ khóa**: Bồi thường thiệt hại ước tính; hiệu lực của thỏa thuận bồi thường thiệt hại ước tính; nguyên tắc tự do thỏa thuận; Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Thương mại năm 2005.

**30. Hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến công tác thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế**/ Trần Văn Dũng// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 8 - 17.

**Nội dung:** Bài viết trình bày, đánh giá các quy định của pháp luật liên quan đến công tác thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế, trong đó chủ yếu tập trung phân tích các hạn chế, bất cập trên thực tế và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Thu hồi tài sản tham nhũng, các vụ án thang nhũng, kinh tế, phòng, chống tham nhũng

**31.** **Hoàn thiện các quy định của pháp luật về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chức danh đồn trưởng đồn biên phòng và các chức danh có thẩm quyền tương đương/** Phạm Thị Thanh Huế// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 07 (431) .- Tr. 34 - 42.

**Nội dung:** Tác giả phân tích, chỉ ra những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chinhscuar chức danh Đồn trưởng Đồn Biên phòng và các chức danh có thẩm quyền tương đương; đồng thời đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa**: Xử lý vi phạm hành chính, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, chức danh Đồn trưởng Đồn biên phòng, Luật Xử lý vi phạm hành chính

**32.** **Hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu**/ Lương Thị Bích Ngân// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 42 - 46.

**Nội dung:** Xử phạt vi phạm hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu trong đấu tranh, phòng chống vi phạm hành chính. Tuy nhiên, quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu vẫn còn tồn tại bất cập, gây khó khăn cho công tác xử phạt trong thực tiễn. Bài viết phân tích một số bất cập trong các quy định của phát luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buốn bán thuốc lá điếu nhập lậu và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa**: Xử phạt vi phạm hành chính, hàng cấm, thuốc lá điếu nhập lậu

**33.** **Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo quan điểm của Đại hội đại biểu của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng/** Hoàng Minh Hội// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 08 (432) .- Tr. 3 - 9.

**Nội dung:** Kiểm soát quyền lực nhà nước là chủ đề được đề cập nhiều lần trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Bài viết trình bày, phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước ở nước ta và đề xuất một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

**Từ khóa**: Kiểm soát quyền lực, cơ chế kiểm soát quyền lực, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

**34. Hoàn thiện hàng lang pháp lý về thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông**/ Đinh Văn Linh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Tình trạng sử dụng túi ni lông ở Việt Nam hiện nay vẫn diễn ra phổ biến và gây ra hệ lụy khôn lường cho môi trường. Đánh thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông được xác định là một trong những giải pháp thiết thực, góp phần nhằm hạn chế việc sản xuất và sử dụng túi ni lông. Luật Thuế bảo vệ môi trường được Quốc hội ban hành ngày 29/11/2010, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Nhà nước thu thuế bảo vệ môi trường. Sau 10 năm triển khai thực hiện, đến nay, Luật Thuế bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, để tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách tài chính về bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế... yêu cầu đặt ra là cần phải tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Thuế bảo vệ môi trường.

**Từ khoá**: Luật thuế bảo vệ môi trường, túi ni lonng, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường

**35. Hoàn thiện pháp luật về chuyển nhượng dự án bất động sản**/ Nguyễn Văn Nghĩa, Hoàng Thị Thanh Hoa// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 80 - 85.

**Nội dung:** Trải qua hơn 5 năm thực hiện Luật Kinh doanh bất động sản (BĐS)[[1]](file:///C:\\Users\\84903\\AppData\\Local\\Temp\\13.%20VTTin%20-%20Chuyen%20nhuong%20du%20an%20bat%20dong%20san,%20tam%20bt.HA%20(1).MT.doc" \l "_ftn1" \o "), thị trường BĐS đã có những khởi sắc và biến chuyển đáng kể, đặc biệt là hoạt động chuyển nhượng dự án BĐS diễn ra mạnh mẽ. Các dự án bị “trùm mền” được chuyển giao lại cho các chủ đầu tư có năng lực tiếp tục thực hiện bằng hoạt động chuyển nhượng dự án, đảm bảo sự phục hồi và phát triển của thị trường BĐS Việt Nam giai đoạn 2015-2020. Tuy nhiên, pháp luật về chuyển nhượng dự án BĐS vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập, tạo nên rào cản cho hoạt động này, đồng thời chưa cân bằng được lợi ích của các bên. Với vai trò là một nội dung chính của Luật Kinh doanh BĐS và chi phối, tác động trực tiếp đến hoạt động chuyển nhượng dự án BĐS, các quy định của Luật Kinh doanh BĐS và pháp luật có liên quan về chuyển nhượng dự án BĐS cần được tiếp tục đánh giá và hoàn thiện hơn trong bối cảnh mới, tạo nên một khung pháp lý hoàn chỉnh, mang lại hiệu quả và đóng góp vào sự phục hồi, phát triển của thị trường, của nền kinh tế.

**Từ khóa:** Bất động sản, kinh doanh bất động sản, nhà ở thương mại, chuyển nhượng dự án

**36. Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính**/ Phạm Quang Huy// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 9-12

**Nội dung**: Bài viết hệ thống hóa các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực tài chính, tổng kết tình hình thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính.

**Từ khoá**: Luật về xử lý vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, vi phạm hành chính

**37. Hoàn thiện pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước**/ Đinh Văn Linh// Tài chính  .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 20-22.  
**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các quy định về phân cấp quản lý ngân sách và nhận diện những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hàng lang pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước trong thời gian tới. **Từ khoá**: Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi

**38.** **Hoàn thiện quy định của Luật sở hữu trí tuệ về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đồng âm/** Nguyễn Thị Nguyệt// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 08 (432) .- Tr. 22 - 27.

**Nội dung:** Chỉ dẫn địa lý đồng âm là đối tượng được quan tâm trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA). Hiện nay, pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam không nhắc đến nhưng cũng không phủ nhận việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý đồng âm. Tuy nhiên do tính chất đặc biệt của chỉ dẫn địa lý đồng âm nên pháp luật cần có những quy định cụ thể hơn về đối tượng này. Bài viết tập trung phân tích khái niệm chỉ dẫn địa lý đồng âm, sự cần thiết đối với việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý đồng âm và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ về vấn đề bảo hộ chỉ dẫn địa lý đồng âm.

**Từ khóa**: Chỉ dẫn địa lý đồng âm, bảo hộ chỉ dẫn địa lý đồng âm, sở hữu trí tuệ

**39. Kết quả 5 năm thực hiện đề án "Giảm thiểu tình trạng Tảo hôn và Hôn nhân cận huyết thống" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và bài học kinh nghiệm**/ Phan Thị Thuý Hiển// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 584 .- Tr.33 - 35.

**Nội dung:** Thực hiện đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020" được ban hành kèm theo Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 498), tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm hiện thực hoá các mục tiêu của Đề án, nhất là giảm thiểu tình trạng tảo hôn.

**Từ khoá:** Tảo hôn, Hôn nhân cận huyết thống, Quảng Ngãi

**40. Khiếu nại, tố cáo trong bầu cử đại biểu quốc hội và địa biểu hội đồng nhân dân các cấp**/ Nguyễn Ngọc Bích// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 3 - 7.

**Nội dung:** Bầu cử, khiếu nại, tố cáo là những quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về khiếu nại, tố cáo trong bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và đề xuất kiến nghị nhằm bảo đảm tính khả thi của các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong bầu cử.

**Từ khóa:** Bầu cử; khiếu nại, tố cáo trong bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

**41. Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự 2015**/ Trần Lệ Loan// Khoa học Trường Đại học Quy Nhơn .- 2020 .- số 14 (6) .- Tr. 6-18.

**Nội dung**: Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại được pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận, trao quyền cho chính bị hại quyết định việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình thông qua cách thức lựa chọn giải quyết vụ án hình sự theo thủ tục chung. Bài viết chỉ ra hạn chế của chế định “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại” theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự 2015 và đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục các hạn chế đó.

**Từ khóa**: Khởi tố, bị hại, bộ luật tố tụng hình sự 2015

**42. Khỏi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự 2015**/ Trần Lệ Loan// Khoa học Trường Đại học Quy Nhơn .- 2020 .- số 14 (6) .- Tr. 6-18.

**Nội dung**: Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại được pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận, trao quyền cho chính bị hại quyết định việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình thông qua cách thức lựa chọn giải quyết vụ án hình sự theo thủ tục chung. Bài viết chỉ ra hạn chế của chế định “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại” theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự 2015 và đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục các hạn chế đó.

**Từ khóa**: Khởi tố, bị hại, bộ luật tố tụng hình sự 2015

**43. Kinh tế chia sẻ và quyền tự do kinh doanh**/ Chu Thị Hoa// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 12 - 19.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 dẫn đến sự ra đời của những ngành nghề kinh doanh mới dựa trên nền tảng kỹ thuật số theo mô hình kinh tế chia sẻ. Đây là những ngành nghề kinh doanh được đánh giá là có nhiều tiềm năng để phát triển tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế, các doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề mới này còn gặp phải nhiều khó khăn do sự hạn chế, bất cập của khung pháp lý hiện hành. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích việc hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh trong mô hình kinh tế chia sẻ, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển mô hình này ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế chia sẻ, quyền tự do kinh doanh, Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

**44.** **Lịch sử phát triển nghề luật sư ở Việt Nam/** Ngô Thị Ngọc Vân, Nguyễn Thị Thu Minh// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 72 - 77.

**Nội dung:** Nghề luật sư cũng như các nghề luật khác, bên cạnh kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, cần nhận thức đúng đắn về chức phận nghề nghiệp, được đặt trong sự vận hành thống nhất của các thể chế tư pháp, tố tụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, môi trường pháp lý và các yếu tố tác động đến hoạt động hành nghề luật sư ở Việt Nam.Để có thể tham gia cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng, từng bước xây dựng uy tín, hình ảnh, thương hiệu cá nhân của mỗi luật sư hay tổ chức hành nghề, điều quan trọng là cần hiểu biết sâu sắc về những đặc điểm và sự khác biệt trong hoạt động hành nghề luật sư ở Việt Nam trong mối tương quan về nghề luật sư ở một số nước phát triển.

**Từ khóa**: Luật sư, nghề luật sư, hành nghề luật sư, nguyên tắc hành nghề luật sư

**45. Luật quy hoạch 2017 và những nội dung về quy hoạch xây dựng trong quy hoạch tỉnh/** KTS. Vũ Anh Tuấn// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 233 .- Tr. 82-85.

**Nội dung:** Luật quy hoạch 2017 và vị trí của quy hoạch xây dựng trong hệ thống quy hoạch tại Việt Nam; Vai trò của quy hoạch xây dựng trong thực tiễn và yêu cầu về quy hoạch xây dựng trong nội dung quy hoạch tỉnh; Đề xuất đảm bảo tính khả thi của quy hoạch tỉnh.

**Từ khóa:** Quy hoạch xây dựng, quy hoạch tỉnh, Luật Quy hoạch 2017

**46. Một góc nhìn về thực tiễn phản biện xã hội tại Việt Nam hiện nay**/ Lê Thị Thiều Hoa// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 32 - 38.

**Nội dung:** Ở nước ta hiện nay, phản biện xã hội được xem là công cụ, kênh thông tin quan trọng và không thể thiếu trong phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá một số vấn đề thực tiễn phản biện xã hội tại Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Phản biện xã hội, dân chủ, quyền con người

**47.** **Một số đề xuất tiếp tục sửa đổi luật viên chức/** Nguyễn Phương Thảo// Nghề luật .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 12 - 18.

**Nội dung:** Sau gần 10 năm thi hành, Luật viên chức năm 2010 đã bộc lộ nhiều hạn chế. Mặc dù Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật viên chức năm 2019 đã khắc phục phần nào hạn chế này nhưng việc tiếp tục triển khai Nghệ quyết số 19 – NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, đặt ra nhiều yêu cầu quan trọng đối với đội ngũ viên chức. Vì vậy, bài viết đề xuất tiếp tục sửa đổi một số nội dung của Luật viên chức, nhằm góp phần để Luật này được hoàn thiện hơn.

**Từ khóa**: Luật viên chức, sửa đổi Luật viên chức

**48.** **Một số khó khăn, vướng mắc khi giải quyết các vụ án tai nạn giao thông đường bộ/** Nguyễn Thanh Mai, Nguyễn Bá Hưng// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 44 - 48.

**Nội dung:** Tai nạn giao thông luôn là nỗi kinh hoàng, là vấn nạn nhức nhối đối với toàn xã hội. Nó không chỉ gây tổn hại về thể chất, về vật chất mà còn để lại tổn thất về tinh thần lâu dài cho bản thân người tham gia giao thông cũng như gia đình họ. Để giảm thiểu tai nạn giao thông, khách quan, nghiêm minh các vụ án liên quan tới tai nạn giao thông, đặc biệt là những vụ án đối với tội phạm về giao thông đường bộ là một giải pháp quan trọng. Bài viết đề cập đến những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn giải quyết loại án này, từ đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết vụ án.

**Từ khóa**: Tai nạn giao thông, giao thông đường bộ, vụ án về tai nạn giao thông

**49. Một số quy định của pháp luật về tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn theo pháp luật Việt Nam/** Trần Ngọc Diệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 581.- Tr. 109 – 111.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện nay về kiểm soát loại tin nhắn này và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật. **Từ khóa:** Nhắn tin điện tử thương mại không mong muốn, pháp luật Việt Nam

**50.** **Một số vấn đề đặt ra đối với các nguyên tắc thi hành án hình sự theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019/** Lê Lan Chi// Luật học.- 2020 .- Số 11 .- Tr. 15 - 24.

**Nội dung:** Bài viết cho thấy còn nhiều vấn đề cần tiếp tục đặt ra để nghiên cứu, hoàn thiện chế định này, góp phần đem lại giá trị gia tăng cho ngành luật thi hành án hình sự còn tương đối non trẻ ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Phạm vi điều chỉnh, quan điểm định hướng, thi hành án

**51.** **Một số vấn đề hòa giải tranh chấp đất đai tại Việt Nam**/ Lương Thị Bích Ngân// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 38 - 41.

**Nội dung:** Tranh chấp đất đai là một trong những tranh chấp phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Xuất phát từ tính giá trị và tính lịch sử lâu dài của quyền sử dụng đất, những tranh chấp liên quan đều rất phức tạp và thường phải giải quyết bằng việc kết hợp nhiều phương thức khác nhau (bao gồm cả thỏa thuận và chấp hành). Trong đó, hòa giải được xem là phương pháp ôn hòa đặt ý chí các chủ thể trong tranh chấp là trọng tâm nhằm hạn chế một cách tối đa những thiệt haih có thể xảy ra trên thực tế. Bài viết phân tích các hình thức hòa giải tranh chấp đất đai và đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng phương thức này trong giải quyết tranh chấp đất đai hiện nay.

**Từ khóa**: Giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải, hòa giải trong tố tụng, hòa giải cơ sở, hòa giải tiền tố tụng

**52.** **Một số vấn đề pháp lý về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán/** Nguyễn Phương Thảo// Nghề luật .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 8 - 11.

**Nội dung:** Minh bạch và công khai thông tin là một trong những nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán. Chính vì vậy, ở bất kỳ quốc gia nào, công bố thông tin luôn được coi là một nghĩa vụ quan trọng mà các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán cần phải đảm bảo. Luật chứng khoán năm 2019 và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ra đời với rất nhiều quy định mới về công bố thông tin được kỳ vọng sẽ góp phần tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển bền vững hơn, minh bạch hơn. Thông qua bào viết, tác giả sẽ tập trung phân tích và đánh giá một số quy định mới nổi bật của hai văn bản này, đồng thời, đưa ra một số kiến nghị nhằm đảm bảo tính thực thi cho pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai gần.

**Từ khóa**: Công bố thông tin, thị trường chứng khoán, pháp luật chứng khoán

**53. Một số vần đề xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, nhằm bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, phát triển bền vững thị trường**/ Nguyễn Văn Tuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.44 - 46.

**Nội dung:** Vi phạm pháp luật chứng khoán là các hành vi của tổ chức, cá nhân vi phạm qui định của Luật chứng khoán và qui định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK). Mặc dù đã có nhiều chế tài, song trên thị trường chứng khoán Việt Nam, các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán khá đa dạng. Bài viết khái quát thực trạng vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, từ đó góp phần quan trọng trong bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, phát triển bền vững thị trường.

**Từ khoá:** Luật chứng khoán, thị trường chứng khoán, vi phạm hành chính

**54.** **Nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại/** Đào Minh Hiếu// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 55 - 59.

**Nội dung:** Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã có nhiều điểm mới quy định chặt chẽ hơn về trình tự, thủ tục tiến hành giải quyết vụ án hình sự so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Trong đó có quy định về khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nhằm bảo vệ cũng như tôn trọng các quyền của bị hại trong vụ án hình sự. Sau hơn 2 năm áp dụng quy định này trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bộc lộ một số những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. Trong phạm vi bài viết, tác giả nêu ra một số những khó khăn mà các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như bị hại gặp phải thời gian vừa qua, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Bộ luật tố tụng hình sự, Khởi tổ vụ án, Bị hại

**55.** **Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất, buôn bán hang giả ở nước ta hiện nay/** Phạm Xuân Việt// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 60 - 65.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ thực trạng, nguyên nhân của tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất, buôn bán hàng giả và một số giải pháp kiến nghị nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm này.

**Từ khóa**: Bảo hộ, pháp luật, quyền sở hữu trí tuệ, thực thi, xâm phạm

**56.** **Nguyên tắc bình đẳng quyền và nghĩa vụ trong tố tụng hành chính/** Tạ Quang Ngọc// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 37 - 43.

**Nội dung:** Bình đẳng là một trong những điểm tiến bộ của mỗi xã hội dân chủ, là mong ước, khát vọng của dân loại. Vì vậy bình đẳng trước pháp luật là nguyên tắc cơ bản, quan trọng không chỉ được ghi nhận trong Hiến pháp mà nó còn được thể hiện ngay trong lời mở đầu của Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền. Ở nước ta, ngay sau khi giành được độc lập, bình đẳng là quyền cơ bản, quan trọng được ghi nhận trong Tuyên ngôn độc lập và quy định trong các bản Hiến pháp, được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật. Ở đó, bình đẳng trước pháp luật nói chung và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ được thể hiện trong các luật tố tụng (hình sự, dân sự, hành chính…). Trong đó, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng hành chính là một trong những nguyên tắc nhằm bảo đảm quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân.

**Từ khóa**: Bình đẳng, nghĩa vụ, nguyên tắc, quyền, tố tụng hành chính

**57. Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra: Quy định của pháp luật một số nước và gợi mở cho Việt Nam**/ Nguyễn Tất Thành// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 104 - 108.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các quy định của pháp luật một số nước trên thế giới về cơ chế nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra, từ đó đưa ra các gợi ý, đề xuất để xây dựng cơ chế tương tự trong pháp luật Việt Nam nhằm đảm bảo hiệu quả bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra.

**Từ khoá:** Bồi thường thiệt hại, Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra, người bị hại, tố tụng hình sự

**58.** **Nhận diện tiền mã hóa, pháp luật Việt Nam về tiền mã hóa/** Lê Hồng Thái// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 08 (432) .- Tr. 43 - 50.

**Nội dung:** Hiện nay, vấn đề tiền mã hóa đang được nhiều người quan tâm với nhiều tên gọi khác nhau (tiền ảo, tài sản mã hóa …). Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế cũng như một số nghiên cứu tại Việt Nam, tác giả trình bày làm rõ bản chất của tiền mã hóa, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về tiền mã hóa và đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện các quy định này.

**Từ khóa**: Tiền ảo, tiền mã hóa, tài sản mã hóa

**59.** **Những điểm mới về chế độ quản lí, giam giữ phạm nhân trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019/** Nguyễn Hữu Duyện// Luật học.- 2020 .- Số 11 .- Tr. 25 - 34.

**Nội dung:** Một trong những nhiệm vụ chủ yếu và quan trọng nhất của các trại giam là quản lí, giam giữ phạm nhân đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ, không để phạm nhân bỏ trốn, chống phá, phạm tội mới… Bài viết phân tích các điểm mới về chế độ quản lí, giam giữ phạm nhân trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và đưa ra một số kiến nghị để triển khai thực hiện Luật Thi hành án hình sự năm 2019 cũng như hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này.

**Từ khóa**: Luật Thi hành án hình sự năm 2019, quản lí, giam giữ phạm nhân, phạm nhân

**60.** **Những điểm mới về thủ tục thi hành án phạt tù trong luật thi hành án hình sự năm 2019 và một số kiến nghị /** Trần Thị Liên// Luật học.- 2020 .- Số 11 .- Tr. 45 - 58.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, bình luận một số điểm mới của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 gồm: thủ tục thi hành án phạt tù, hoãn, giảm, tạm đình chỉ, miễn chấp hành hình phạt tù đối với một số đối tượng đặc biệt như người dưới 18 tuổi, người nước ngoài, người bị bệnh nặng…đồng thời phân tích quy định mới của Luật về quyền và nghĩa vụ của phạm nhân. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra những điểm còn bất cập và đề xuất kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về các vấn đề này.

**Từ khóa**: Điểm mới, Luật Thi hành án hình sự năm 2019, quyền và nghĩa vụ của phạm nhân, thi hành án phạt tù

**61. Những nội dung về xử phạt người chưa thành niên vi phạm hành chính cần được quy định chi tiết**/ Cao Vũ Minh// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 61 - 66.

**Nội dung:** Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020, người chưa thành niên vi phạm hành chính sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, việc xử phạt người chưa thành niên vi phạm hành chính chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích các nội dung về xử phạt người chưa thành niên vi phạm hành chính cần được quy định chi tiết.

**Từ khóa:** Vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, người chưa thành niên

**62.** **Những quy định mới về thi hành biện pháp tư pháp trong luật thi hành án hình sự năm 2019 và một số kiến nghị/** Vũ Hải Anh// Luật học.- 2020 .- Số 11 .- Tr. 3 - 14.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các điểm mới của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 so với Luật Thi hành án hình sự năm 2010 về biện pháp tư pháp hình sự bắt buộc chữa bệnh và giáo dục tại trường giáo dưỡng; chỉ ra một số bất cập, vướng mắc liên quan đến vấn đề nghiên cứu và đư ẩ một số kiến nghị góp phần hoàn thiện Luật có liên quan.

**Từ khóa**: Biện pháp tư pháp, bắt buộc chữa bệnh, trường giáo dưỡng

**63.** **Những thuận lợi và thách thức với việc xóa bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam/** Vũ Công Giao, Nguyễn Quang Đức// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 06 (430) .- Tr. 3 - 11.

**Nội dung:** Bài viết khái quát lịch sử phát triển và phân tích xu hướng diễn biến của hình phạt tử hình ở Việt Nam. Theo các tác giả, những yếu tố tác động tích cực đến việc xoá bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam bao gồm xu hướng xoá bỏ hình phạt tử hình trên thế giới, sự vận động của các cơ quan nhân quyền Liên hợp quốc và của EU, cũng như sự ủng hộ ngày càng tăng với vấn đề này trong giới học thuật và một số tầng lớp công chúng ở Việt Nam. Trong khi đó, những yếu tố tác động đến việc duy trì hình phạt này ởViệt Nam bao gồm định kiến của xã hội với một số loại tội phạm nghiêm trọngvà văn hoá trả thù . Cân nhắc những yếu tố đẩy-kéo đó, các tác giả nhận định, hình phạt tử hình sẽ tiếp tục xu hướng giảm ở Việt Nam trong thời gian tới nhưng sẽ chưa thể xoá bỏ trong ngắn hạn.

**Từ khóa**: Hình phạt tử hình, tội phạm, quyền sống, Việt Nam

**64.** **Những yêu cầu đảm bảo giá trị pháp lý và thời điểm có hiệu lực của văn bản công chứng/** Nguyễn Mạnh Cường, Đỗ Quốc Dũng// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 42 - 46.

**Nội dung:** Văn bản công chứng (VBCC) là hợp đồng, giao dịch, bản dịch đã được công chứng viên chứng nhận theo quy định của luật công chứng. Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng (TCHNCC), có hiệu lực thi hành đổi với các bên liên quan và có giá trị chứng cứ. Bài viết phân tích những yêu cầu nhằm đảm bảo giá trị pháp lý, hiệu lực của văn bản công chứng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về giá trị pháp lý và thời điểm có hiệu lực của văn bản công chứng là giao dịch dân sự.

**Từ khóa**: Văn bản công chứng, Hiệu lực, Giá trị pháp lý, Giao dịch dân sự

**65.** **Phân loại việc thi hành án dân sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/** Hoàng Thị Thanh Hoa// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 29 - 36.

**Nội dung:** Phân loại việc thi hành án dân sự có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thủ tục tổ chức thi hành án. Phân loại chính xác việc thi hành án không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành án mà còn làm cơ sở cho việc hoàn thiện chế độ thống kê, báo cáo trong thi hành án dân sự. Tuy nhiên, hiện nay công tác phân loại việc thi hành án vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phân loại việc thi hành án dân sự và đề xuất một số giải pháp liên quan, góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác này.

**Từ khóa**: Phân loại, việc thi hành án, bản án và quyết định của Tòa án, thi hành án dân sự

**66.** **Pháp luật Hoa Kỳ bảo vệ người mua căn hộ du lịch – Những gợi mở cho Việt Nam/** Đào Thu Hà// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 07 (431) .- Tr 54. - 64.

**Nội dung:** Quy định của pháp luật về căn hộ du lịch tại Hoa Kỳ đã được phát triển theo hướng bảo vệ người mua căn hộ du lịch và cũng đã góp phần tạo ra sự thành công của mô hình khách sạn kiểu mới ở đất nước này. Mô hình kinh doanh này được phổ biến và phát triển nhanh chóng ở nhiều quốc gia khác, trong đó có Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật Hoa Kỳ về bảo vệ người mua căn hộ du lịch sẽ là rất hữu ích, để rút ra những gợi mở cho việc xây dựng pháp luật nhằm phát triển và vận hành tổ hợp căn hộ du lịch ở nước ta trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Căn hộ du lịch, pháp luật về căn hộ du lịch, người mua căn hộ du lịch, bảo vệ người mua căn hộ du lịch

**67. Pháp luật quan trắc môi trường ở một số nước ASEAN và Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Hải Bình// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 49-51.

**Nội dung:** Giới thiệu về pháp luật quan trắc môi trường ở các quốc gia như Singapore, Thái Lan, Malaixia và có liên hệ ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Pháp luật, quan trắc môi trường, ASEAN, Việt Nam

**68. Pháp luật tố tụng hình sự Đức về biện pháp tạm giam và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Nguyễn Phương Thảo// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 2 (426) .- Tr. 50 - 58.

**Nội dung:** Bài viết so sánh một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức về biện pháp tạm giam được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; qua đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

**Từ khóa:** Tạm giam, vụ án hình sự, pháp luật tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức

**69.** **Pháp luật về điện toán đám mây trong thương mại điện tử ở một số quốc gia và Việt Nam**/ Nguyễn Mai Linh, Ngô Thị Hương Giang, Nguyễn Quý Cảnh, Nguyễn Phương Anh// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 53 - 59.

**Nội dung:** Cùng với sự phát triển của Internet, điện toán đám mây (cloud computing) ngày càng khẳng định vị trí của mình trong việc cung cấp cho người dùng một khoảng không gian mạng để lưu trữ dữ liệu cá nhân. Bên cạnh những lợi ích mà điện toán đám mây mang lại, còn tồn tại nhiều vấn đề pháp lý bất cập liên quan đến việc đảm bảo an toàn dữ liệu cá nhân và vấn đề của các cơ quan có thẩm quyền có quyền can thiệp, truy cập, kiểm soát các hoạt động liên quan đến dữ liệu. Bài viết này sẽ phân tích các quy định của pháp luật điều chỉnh đến điện toán đám mây trong thương mại điện tử ở một số quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc và từ đó có một số gợi mở đối với Việt Nam theo quy định pháp luật về thương mại điện tử và Luật an ninh mạng 2018.

**Từ khóa**: điện toán đám mây, thương mại điện tử, Luật an ninh mạng 2018

**70.** **Pháp luật về thương mại điện tử, một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện/** Lê Đinh Mùi// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 26 - 30.

**Nội dung:** Thương mại điện từ, hay còn gọi là E — commerce (EC), là hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa và dịch vụ thông qua các phương tiện điện từ và Internet. Hoạt động này đã và đang mang lại nhiều lợi ích giúp thúc đẩy tăng trưởng kình tể, nhưng đồng thời cũng đang đặt ra những thách thức cho các cơ quan quản lý ưong việc xây dựng khung pháp lý điều chỉnh các hoạt động thương mại điện tử. Hiện nay, hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử còn chưa đồng bộ, vân còn một số bất cập, hạn chế. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề cập đến tình hình phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam, hệ thống pháp luật về thương mại điện tử hiện nay tại Việt Nam và một số bất cập, hạn chế, đề xuất, giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý về thương mại điện tử, cũng như ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật ưong hoạt động thương mại điện từ.

**Từ khóa**: Thương mại điện từ; Pháp luật; Tăng trưởng kinh tế

**71. Pháp quyền và chủ nghĩa Hiến pháp**/ Nguyễn Dăng Dung, Vũ Thành Cự// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 5 - 11.

**Nội dung:** Những năm gần đây, trên các diễn đàn khoa học, chủ nghĩa hiến pháp/chủ nghĩa hợp hiến được bàn luận nhiều, nhưng thực ra chủ nghĩa này có mối quan hệ mật thiết với pháp quyền. Trong bài viết này, các tác giả phân tích mối quan hệ khăng khít giữa nhà nước pháp quyền và chủ nghĩa hiến pháp/chủ nghĩa hợp hiến.

**Từ khóa:** Pháp quyền; pháp luật; hiến pháp; chủ nghĩa hiến pháp

**72. Quản lý, sử dụng tài sản công ở cấp chính quyền địa phương trong chế độ sở hữu toàn dân ở Việt Nam**/ Trần Thị Quang Hồng// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 117 - 124.

**Nội dung:** Tài sản thuộc sở hữu toàn dân chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng tài sản quốc gia ở Việt Nam. Vì vậy, thực thi hiệu quả chế độ sở hữu toàn dân ở Việt Nam là yêu cầu cốt lõi để bảo vệ và phát huy giá trị của các nguồn lực của quốc gia, đảm bảo phúc lợi xã hội cơ bản cho người dân, đảm bảo hạ tầng cho hoạt động kinh tế và từ đó, thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung trình bày, phân tích vấn đề pháp lý về quản lý và sử dụng tài sản công ở cấp chính quyền địa phương nhằm góp phần hoàn thiện chế độ pháp lý về sở hữu toàn dân nói chung ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Tài sản công, chính quyền địa phương, sở hữu toàn dân, trách nhiệm chính trị

**73. Qui định mới về khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài**/ Mai Hoàng Hạnh// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.37 - 40.

**Nội dung:** Thuế là một khoản ngân sách Nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo qui định của các luật thuế. Làm cách nào để khai thuế và nộp thuế đúng qui định là một vấn đề được rất nhiều doanh nghiệp được quan tâm. Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định 126/2020/NĐ-CP vừa được ban hành, đã có nhiều thay đổi trong qui định về khai thuế. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung trình bày những thay đổi nổi bật trong qui định về hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế Thu nhập cá nhân(TNCN) và lệ phí môn bài.

**Từ khoá:** Luật Quản lý thuế, thuế Thu nhập cá nhân, thuế Giá trị gia tăng, lệ phí môn bài

**74.** **Quỹ đầu tư phát triển địa phương**/ Phạm Tuấn Kiệt// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 60 - 64.

**Nội dung:** Hệ thống Quỹ đầu tư phát triển địa phương góp phần không nhỏ vào việc tạo ra cơ hội tiếp cận nguồn vốn giá rẽ cho các doanh nghiệp đầu tư tại địa phương cụ thể, cải thiện bộ mặt đô thị bằng những dự án được ưu tiên đầu tư, thúc đẩy phát triển các tổ chức kinh tế. Nghị định số 147/2020/NĐ – CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư có nhiều điểm tích cực, linh hoạt và khá rõ ràng đã tạo hành lang pháp lý cho các Quý đầu tư hoạt động. Tuy nhiên, một số quy định của Nghị định này cần được tiếp tục làm rõ nhằm tạo cơ sở cho các Quỹ đầu tư hoạt động có hiệu quả.

**Từ khóa**: Quỹ đầu tư, Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ đầu tư tài chính nhà nước ngoài ngân sách

**75. Quy định của Bộ luật hình sự về dấu hiệu định tội đối với tội nhận hối lộ**/ Đào Phương Thanh// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 2 (426) .- Tr. 38-43.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những điểm mới trong quy định Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 (BLHS năm 2015) về dấu hiệu định tội của tội nhận hối lộ. Bài viết cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập và đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, bấp cập trong quy định của BLHS năm 2015 về vấn đề này.

**Từ khóa:** Bộ luật hình sự 2015, tội nhận hối lộ, người có chức vụ quyền hạn, hối lộ trong lĩnh vực tư

**76.** **Quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019 về tái hòa nhập cộng đồng và một số đề xuất tiếp tục hoàn thiện/** Cao Thị Oanh// Luật học.- 2020 .- Số 11 .- Tr. 69 - 80.

**Nội dung:** Trên cơ sở làm rõ khái niệm và ý nghĩa của tái hòa nhập cộng đồng, bài viết phân tích quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về vấn đề này và nêu các đề xuất tăng cường hiệu quả của tái hòa nhập cộng đồng gồm: tăng số lần và thời gian phạm nhân được gặp thân nhân, không sử dụng biện pháp giảm số lần thăm gặp đối với phạm nhân vi phạm kỉ luật…; quy định trách nhiệm của trại giamtrong việc dạy cho phạm nhân những nghề phổ thông, quy định rõ trong luật khoản kinh phí tối thiểu mà người chấp hành xong hình phạt tù được nhận trên cơ sở tính đến chi phí tàu xe và chi phí ăn ở trong thời gian nhất định.

**Từ khóa**: Cộng đồng, luật thi hành án hình sự, tái hòa nhập cộng đồng

**77. Quy định của pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê bất động sản và một số kiến nghị hoàn thiện**/ Trịnh Tuấn Anh, Lê Khánh Tâm// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 2 (426) .- Tr. 44 - 49.

**Nội dung:** Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 đã dành một điều quy định về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê bất động sản của các bên. Quy định này đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy hoạt động đầu tư, minh bạch hóa thị trường kinh doanh bất động sản gắn liền với đảm bảo lợi ích hợp pháp và chính đáng của nhà đầu tư. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê bất động sản vẫn còn tồn tại một số bất cập cần hoàn thiện.

**Từ khóa:** Hợp đồng thuê bất động sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng

**78.** **Quy định về thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội /** Đinh Thị Mai// Luật học.- 2020 .- Số 11 .- Tr. 59 - 68.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các vấn đề về thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội; đưa ra nhận xét, đánh giá quy định của Luật Thi hành án hình sự về nguyên tắc, chủ thể, thẩm quyền, thủ tục và hậu quả pháp lí đối với thi hành án đối với pháp nhân thương mại phạm tội, trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị và giải pháp mang tính nguyên tắc, tiếp cận ở tầm chính sách.

**Từ khóa**: Điểm mới, pháp nhân thương mại, thi hành án hình sự

**79.** **Quyền của chủ tịch nước trong ân giảm án tử hình và đặc xá/** Lê Tuy Tường// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 06 (430) .- Tr. 12 - 15.

**Nội dung:** Tác giả trình bày, làm rõ vai trò, thẩm quyền của Chủ tịch nước trong ân giảm án tử hình và đặc xá theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và pháp luật hiện hành nhằm góp phần tạo nhận thức thống nhất về ân giảm án tử hình và đặc xá.

**Từ khóa**: Chủ tịch nước, ân giảm án tử hình, đặc xá

**80.** **Quyền được bảo trợ xã hội của người khuyết tật ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Hường// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 9 - 13.

**Nội dung:** Pháp luật Việt Nam đã tạo cơ sở pháp lý ghi nhận và bảo đảm quyền được được bảo trợ xã hội của người khuyết tật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số quy định trở nên mâu thuẫn, không khả thi làm ảnh hưởng đến quyền được bảo trợ xã hội của người khuyết tật. Trên cơ sở phân tích và chỉ ra những hạn chế của pháp luật, tác giả kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tốt hơn quyền được bảo trợ xã hội của người khuyết tật.

**Từ khóa**: Bảo trợ xã hội, người khuyết tật, an sinh xã hội

**81.** **Quyền lợi có thể được bảo hiểm trong pháp luật kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Thu Hường// Nghề luật.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 9 - 13.

**Nội dung:** Điều kiện bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hiệu lực pháp lý của hợp đóng bảo hiểm. Mục đích của bảo hiểm chỉ đạt được nếu bên mua bảo hiểm có lợi ích bảo hiểm, tránh tình trạng trục lợi bảo hiểm. Điều kiện này trở thành một nguyên tắc trong hoạt động bảo hiếm trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Mặc dù Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 đã có những quy định về vấn đề này nhưng thực tiễn áp dụng trọng thời gian qua đã chỉ ra một sổ điểm còn hạn chê, bât cập. Bài viết tập trung phân tích bản chất quyền lợi có thể được bảo hiểm và làm rõ mối quan hệ giữa chủng với hiệu lực pháp lý của hợp đồng bảo hiểm nói chung và hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nói riêng. Từ đó chỉ ra những hạn chê, bât cập và đưa ra một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật kinh doanh bảo hiểm, qua đó góp phần hạn chế tình dạng trục lợi bảo hiểm hiện nay.

**Từ khóa**: Quyền lợi có thê được bảo hiểm; Luật kinh doanh bảo hiểm; Hợp đông bảo hiểm; Hiệu lực pháp lý của hợp đồng bảo hiểm

**82.** **Quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên theo Luật doanh nghiệp năm 2020/** Nguyễn Thị Phương Hà// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 06 (430) .- Tr. 49 - 52.

**Nội dung:** Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp được xem là một cách thức giúp thành viên rút vốn khỏi công ty, bảo vệ lợi ích của mình trước các quyết định bất lợi từ công ty. Bài viết trình bày, phân tích quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp, chỉ ra một số bất cập và đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy định này.

**Từ khóa**: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, quyền yêu cầu của thành viên công ty TNHH mua lại phần vốn góp, Luật Doanh nghiệp năm 2020

**83. Quyền, nghã vụ của người khía nại, người bị khiếu nại theo luật khiếu nại năm 2011**/ Bùi Thị Đào// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 2 (426) .- Tr. 32-37.

**Nội dung:** Theo Luật Khiếu nại năm 2011, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị người có thẩm quyền xem xét lại tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính; cán bộ, công chức có quyền đề nghị người có thẩm quyền xem xét lại tính hợp pháp của quyết định kỷ luật khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Việc khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức (gọi chung là người khiếu nại) sẽ làm phát sinh các quan hệ pháp luật giữa người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại với người khiếu nại, người có quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức bị khiếu nại (gọi chung là người bị khiếu nại). Trong các quan hệ đó, mỗi bên đều có những quyền, nghĩa vụ nhất định. Trong phạm vi bài viết này, tác giả bàn về quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại trong giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính và trong giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, đồng thời có so sánh với quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện, người bị kiện trong vụ án hành chính.

**Từ khóa:** Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại; người khiếu nại; người bị khiếu nại

**84.** **Sử dụng án lệ trong đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư tại học viện tư pháp /** Lê Thị Thúy Nga// Nghề luật.- 2021 .- Số 3 .- Tr. 82 - 86.

**Nội dung:** Sự ra đời của án lệ đã tác động tích cực đến hoạt động giải quyết vụ án và việc sử dụng án lệ trong đào tạo luật nói chung, đào tạo nghề luật nói riêng, đã được đặc biệt quan tâm. Dù còn những quan điểm khác nhau song việc sử dụng án lệ trong đào tạo các chức danh tư pháp đặc biệt là đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư đã được khẳng định và coi là xu thế tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Bài viết đề cập đến thực trạng và một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng án lệ trong đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư tại Học viện tư pháp.

**Từ khóa**: Án lệ, sử dụng án lệ, đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, phương pháp đào tạo

**85.** **Sự tham gia của người dân ở Đức và Việt Nam trong hoạt động quy hoạch/** Roland Fritz, Vũ Hoài Đức// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 08 (432) .- Tr. 51 - 59.

**Nội dung:** Tác giả giới thiệu về tầm quan trọng và vị trí của hoạt động tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người dân trong hoạt động quy hoạch ngày nay tại Đức, đồng thời hướng cái nhìn tới tình hình về hoạt động này ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Sự tham gia của người dân, hoạt động tham vấn – xin ý kiến cộng đồng

**86.** **Tác động của Covid 19 đến hệ thống thương mại đa phương dưới góc nhìn của các quốc gia đang phát triển và Việt Nam /** Đào Gia Phúc// Luật học.- 2020 .- Số 10 .- Tr. 30 - 44.

**Nội dung:** Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) sau 25 năm hình thành và phát triển, bên cạnh những thành tựu được ghi nhận, đang đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu thế kỉ XXI. Tình hình còn trầm trọng hơn khi đại dịch COVID 19 xuất hiện vào cuối năm 2019 gây ra những vấn đề toàn cầu cả về nhân đạo, y tế và thương mại. Với việc nhìn nhận sự thông suốt trong thương mại quốc tế đóng vai trò cốt lõi nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ dịch bệnh, điều này đặt ra vấn đề liệu tổ chức thương mại đa phương như WTO có thể đóng vai trò thiết yếu trong việc duy trì toàn cầu hóa kinh tế, giảm thiểu thiệt hại và đặt nền tảng cho sự hồi phục kinh tế thế giới bền vững trong tương lai.

**Từ khóa**: COVID 19, chủ nghĩa bảo hộ, thương mại đa phương, tổ chức quốc tế, WTO

**87. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến hoạt động lập pháp**/ Trương Hồ Hải, Đặng Viết Đạt// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 20 - 25.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng công nghiệp lần thức tư (the Fourth Industrial Revolution) đã và đang tác động đến mọi khía cạnh của đời sống xã hội; trong đó, có những tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cũng có những tác động tiêu cực cản trở sự phát triển bền vững của đất nước. Vì thế, Việt Nam cần phải chủ động, tích cực đổi mới hoạt động lập pháp nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị nhà nước; trong đó, cần đổi mới tư duy lập pháp, phương thức lập pháp và tiếp tục hoàn thiện các nội dung pháp luật phù hợp với yêu cầu mới hiện nay.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hoạt động lập pháp

**88.** **Thông tin trong giao kết hợp đồng lao động: Một góc nhìn từ Cộng hòa Liên bang Đức**/ Lê Nguyễn Gia Thiện// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 47 - 52.

**Nội dung:** Ở Cộng hòa liên bang Đức, vấn đề thông tin trong giao kết hợp đồng lao động được dự liệu theo hướng chặt chẽ và nhân văn. Mặc dù người sử dụng lao động được quyền thu thập các thông tin về khả năng thực hiện công việc của người lao động như xem các giấy tờ có liên quan, phỏng vấn hay khảo thí năng lực làm việc của người lao động, người lao động vẫn là bên yếu thế hơn và do đó cần được pháp luật bảo vệ một cách hữu hiệu.

**Từ khóa**: Hợp đồng lao động, thông tin, người lao động, người sử dụng lao động

**89. Thực hiện chính sách, pháp luật liên kết vùng trong phát triển du lịch ở các tỉnh Bắc Trung Bộ**/ Bùi Thị Quỳnh Thơ// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 52 - 60.

**Nội dung:** Liên kết vùng là một trong những giải pháp phát triển du lịch tiết kiệm nhưng hiệu quả khi mà biên giới du lịch giữa các địa phương đã không còn hiện hữu, thay vào đó là một điểm đến chung thống nhất với sự đa dạng sản phẩm dựa trên lợi thế riêng biệt vùng miền. Thông qua khảo sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về liên kết vùng trong phát triển bền vững du lịch tại các tỉnh Bắc Miền Trung từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế, tác giả đánh giá việc thực hiện chính sách pháp luật về liên kết vùng trong phát triển du lịch và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Liên kết vùng trong phát triển du lịch, Bắc Trung Bộ

**90. Thực trạng chính sách, pháp luật và một số giải pháp thúc đẩy lồng ghép nội dung Đóng góp do quốc gia tự quyết định trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch ở Việt Nam/** Nguyễn Trung Thắng, Lưu Lê Hường, Nguyễn Sỹ Linh, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Cảnh Tùng// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Rà soát các chính sách, quy định pháp luật về lồng ghép biến đổi khí hậu, thực trạng lồng ghép biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch, kết quả đạt được và những tồn tại, khó khăn khi triển khai lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu, từ đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy việc lồng ghép nội dung Đóng góp do quốc gia tự quyết định trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phù hợp với điều kiện nước ta.

**Từ khóa:** Pháp luật, chính sách

**91. Thực trạng và các giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm bồi thường tai nạn lao động**/ Nguyễn Thế Mừng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 587 .- Tr.40 - 42.

**Nội dung**: Tại Việt Nam, pháp luật về trách nhiệm bồi thường tai nạn lao động được qui định tại Bộ luật Lao động năm 2012 và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Thực trạng các qui định pháp luật và thực tiễn áp dụng qui định pháp luật về trách nhiệm bồi thường tai nạn lao động cho thấy đã có nhiều lần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, vướng mắc trong nội dung các qui định của pháp luật, còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, mức bồi thường thấp, chưa có cơ sở phòng ngừa tai nạn lai động hiệu quả.

**Từ khoá:** Bồi thường tai nạn lao động, pháp luật, Bộ luật Lao động

**92. Tiếp tục hoàn thiện Luật kinh doanh bảo hiểm**/ Phan Phương Nam// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 48 - 51.

**Nội dung:** Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 đã lần lượt được Quốc hội thông qua và có những tác động tích cực vào cuộc sống, góp phần quan trọng cho quá trình phát triển của hoạt động kinh doanh bảo hiểm cũng như bảo vệ hợp lý quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia vào hoạt động này. Tuy nhiên, một số quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm (Luật KDBH) vẫn còn bất cập cần được tiếp tục hoàn thiện. **Từ khoá:**Hợp đồng bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chuyển giao quyền yêu cầu bồi hoàn, Luật Kinh doanh bảo hiểm

**93.** **Tổ chức thương mại thế giới: Những thành tựu và thách thức đang đặt ra /** Trần Anh Tuấn// Luật học.- 2020 .- Số 10 .- Tr. 3 - 14.

**Nội dung:** Tổ chức Thương mại thế giới được thành lập ngày 01/01/1995. Trong 25 năm qua, Tổ chức Thương mại thế giới đã có nhiều đóng góp to lớn cho tự do hóa thương mại trên phạm vi toàn cầu, góp phần cải thiện luật lệ quốc tế và thúc đẩy sự phát triển của các hệ thống pháp luật nội địa của quốc gia. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Tổ chức Thương mại thế giới ngày càng nảy sinh nhiều bất cập trong tổ chức và hoạt động. Trước thực trạng đó, nhìn nhận lại vai trò cũng như đánh giá khách quan, chính xác những thành tựu đã đạt được và thách thức của Tổ chức Thương mại thế giới trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết.

**Từ khóa**: Thành tựu và thách thức, tổng quan, tổ chức Thương mại thế giới

**94. Tranh chấp về nguyên tắc đối xử công bằng và thoả đáng trong luật Đầu tư Quốc tế - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/Phạm Thanh Hằng// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- Tr. 111-117.

**Nội dung**: Khái quát về nguyên tắc công bằng và thoả đáng trong Luật Đầu tư Quốc tế. Những tranh chấp lập luận, kết luận, bình luận về vụ tranh chấp.

**Từ khoá**: Luật Đầu tư Quốc tế, tranh chấp và nguyên tắc

**95. Tranh chấp về nguyên tắc đối xử công bằng và thoả đáng trong luật Đầu tư Quốc tế - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Phạm Thanh Hằng// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- Tr. 111-117.

**Nội dung**: Khái quát về nguyên tắc công bằng và thoả đáng trong Luật Đầu tư Quốc tế. Những tranh chấp lập luận, kết luận, bình luận về vụ tranh chấp.

**Từ khoá**: Luật Đầu tư Quốc tế, tranh chấp và nguyên tắc

# 96. Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng trong chuẩn đoán bệnh: sản phẩm hay dịch vụ?/ Nguyễn Trà My, Nguyễn Hoàng Linh Đan// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 2 (426) .- Tr. 14-22.

**Nội dung*:***Bài viết phân tích các quy định của pháp luật hiện hành và lý thuyết về trí tuệ nhân tạo (AI); đưa ra khái niệm về “chẩn đoán bệnh”; làm rõ bản chất, chức năng của AI được ứng dụng trong chẩn đoán bệnh; đưa ra các tiêu chí để xác định một AI chẩn đoán bệnh là “sản phẩm” hay “dịch vụ” và nêu một số quy định về “trách nhiệm sản phẩm”, “trách nhiệm dịch vụ”; và phân tích việc áp dụng “IBM Watson for Oncology” trong chẩn đoán ung thư tại Việt Nam, xác định bản chất loại AI này nhằm tạo điều kiện cho việc quy trách nhiệm pháp lý khi có thiệt hại phát sinh trong tương lai.

**Từ khóa:**Trí tuệ nhân tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán bệnh

**97**. **Ứng dụng mô hình lý thuyết hành vi dự định (TPB) nghiên cứu sự hài lòng của khách du lịch và nhân tố ảnh hưởng tới quyết định du lịch Hạ Long**/ Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Minh Trâm, Tạ Long Vũ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 114 - 116  
**Nội dung:** Đánh giá sự ảnh hưởng của 3 nhân tố: Sự cung cấp dịch vụ và sản phẩm; cảnh quan môi trường, thiên nhiên và chất lượng đời sống đến quyết định du lịch Hạ Long của du khách. Cuộc khảo sát 253 khách du lịch nội địa và quốc tế đã được thực hiện dựa trên bảng câu hỏi. Kết quả cho thấy với nhân tố cảnh quan môi trường, thiên nhiên là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất tới quyết định ghé thăm Hạ Long. Từ đó nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hình ảnh thành phố và các chiến lược quảng bá thương hiệu du lịch Hạ Long.  
**Từ khóa:** Du lịch Hạ Long, khách du lịch, sự hài lòng

**98. Ứng dụng mô hình lý thuyết hành vi dự định (TPB) nghiên cứu sự hài lòng của khách du lịch và nhân tố ảnh hưởng tới quyết định du lịch Hạ Long**/ Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Minh Trâm, Tạ Long Vũ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 114 - 116  
**Nội dung:** Đánh giá sự ảnh hưởng của 3 nhân tố: Sự cung cấp dịch vụ và sản phẩm; cảnh quan môi trường, thiên nhiên và chất lượng đời sống đến quyết định du lịch Hạ Long của du khách. Cuộc khảo sát 253 khách du lịch nội địa và quốc tế đã được thực hiện dựa trên bảng câu hỏi. Kết quả cho thấy với nhân tố cảnh quan môi trường, thiên nhiên là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất tới quyết định ghé thăm Hạ Long. Từ đó nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hình ảnh thành phố và các chiến lược quảng bá thương hiệu du lịch Hạ Long.  
**Từ khóa:** Du lịch Hạ Long, khách du lịch, sự hài lòng

**99. Ưu tiên hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai/** Quang Minh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 50-51.

**Nội dung:** Trình bày Cơ bản hoàn thành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tập trung tổng kết thi hành Luật Đất đai năm 2013 và xây dựng Dự án Luật Đất đai (sửa đổi).

**Từ khóa**: Đất đai, pháp luật

**100. Về người bị buộc tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015**/ Ngô Văn Vịnh, Hồ Việt Phương// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 67 - 73.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích làm rõ khái niệm về người bị buộc tội, một số quyền của người bị buộc tội, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và vướng mắc trong quy định về quyền của người bị buộc tội trong Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) năm 2015;trên cơ sở đó, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 cho phù hợp.

**Từ khóa:** Người bị buộc tội, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, Bộ luật Tố tụng hình sự

**101. Vụ VNG kiện Tiktok: Kinh nghiệm cho Việt Nam từ cơ chế “safe harbor” của Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu và New Zealand**/ Nguyễn Lương Sỹ, Nguyễn Thị Lan Anh// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 3+4 (427+428) .- Tr. 109 - 116.

**Nội dung:** Vụ việc VNG Corporation khởi kiện TikTok đã đặt ra thách thức pháp lý cho hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam. Nhiều quốc gia đã xây dựng cơ chế miễn trách nhiệm dành cho các nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả của bên thứ ba. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích cơ chế miễn trách nhiệm ở Hoa Kỳ, EU và New Zealand; đồng thời, so sánh với pháp luật Việt Nam hiện hành để đưa ra một vài nhận định cơ bản về vụ kiện giữa VNG và TikTok. **Từ khóa:** VNG, TikTok, nhà cung cấp dịch vụ trung gian trên Internet, quyền tác giả

**102. Xác định giá trị thương hiệu của tổ chức tín dụng trong quá trình tái cơ cấu**/ Nguyễn Ngọc Yến// Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 5 (429) .- Tr. 31 - 37.

**Nội dung:** Thương hiệu là một loại tài sản quan trọng trong cơ cấu tài sản của tổ chức tín dụng. Tuy nhiên các cơ sở pháp lý thừa nhận sự tồn tại của tài sản này hiện nay vẫn chưa rõ ràng, gây khó khăn cho việc xác định đúng, đủ giá trị thương hiệu của tổ chức tín dụng. Trong bối cảnh tương lai, khi hoạt động tái cơ cấu các tổ chức tín dụng diễn ra một cách sôi nổi, chủ động dưới các hình thức mua lại, sáp nhập, hợp nhất… những khó khăn trong việc xác định giá trị thương hiệu, xuất phát từ góc độ pháp lý cho tới thực tiễn thực hiện sã tạo nên những trở ngại lớn cho các bên khi tham gia giao dịch.

**Từ khóa**: Xác định giá trị thương hiệu, xác định giá trị thương hiệu của tổ chức tín dụng, tái cơ cấu tổ chức tín dụng

**103.** **Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn tại Việt Nam/** Phạm Công Tùng// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 08 (432) .- Tr. 10 - 15.

**Nội dung:** Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia là xu thế chung của thế giới, là nhiệm vụ chính trị quan trọng của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Bài viết tập trung phân tích vai trò, các yêu cầu đặt ra trong quá trình xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn và đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Cơ sở dữ liệu quốc gia, người có chức vụ, quyền hạn, kiểm soát tài sản, thu nhập

**104.** **Xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ/** Nguyễn Văn Quân// Nghiên cứu lập pháp.- 2021 .- Số 07 (431) .- Tr. 9 - 14.

**Nội dung:** Xung đột lợi ích tồn tại phổ biến trong đời sống xã hội, chịu sự điều chỉnh của nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau, cả luật công và luật tư.Trong hoạt động công vụ, xung đột lợi ích có thể làm tổn hại đến sự vô tư, công bằng và liêm chính của người thực thi công vụ. Điều này có thể dẫn đến tham nhũng.

**Từ khóa**: Xung đột lợi ích, công vụ, tham nhũng

**GIÁO DỤC**

**1. Áp dụng dạy và học trực tuyến trong trường Đại học ưu - nhược điểm và một số lưu ý/** Phạm Thị Xuân Hà// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- kì 1 tháng 5 .- Tr. 13-15 .- Tr. 20.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung đánh giá cách học online đối với sinh viên Đại học.Vai trò việc học onilne, ưu điểm, nhược điểm, thực trạng của việc học online. Cách thức quan điểm của sinh viên Đại học Thương mại về việc học online. Một số kiến nghị về việc dạy và học online.

**Từ khoá**: Dạy online, dạy và học online, giáo dục Đại học

**2. Cách mạng công nghiệp 4.0 và ảnh hưởng cúa nó đến giáo dục Đại học**/ Nguyễn Vĩnh An// Thông tin và truyền thông .- 2021 .- số 3 .- Tr. 123-126.

**Nội dung**: Trình bày cách mạng công nghiệp 4.0 kỷ nguyên cách mạng công nghiệp và chuyển đổi số. Mô hình Đại học 4.0, giảng dạy trong Đại học 4.0, nghiên cứu trong Đại học 4.0, quản lý trong các Đại học 4.0, chiến lược phát triển Đại học 4.0.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp 4.0, Đại học

**3. Đổi mới quản lý – đòn bẩy nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục Đại học ở Việt Nam**/ Đặng Minh Tiến// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- số 121(182) .- Tr. 168-172.

**Nội dung**: Nếu ra những hạn chế trong quản lý giáo dục Đại học. Đưa ra nhưng phương pháp đổi mới quản lý – đòn bẩy nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục Đại học ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Giáo dục Đại học, Đổi mới quản lý

**4. Giải pháp tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực**/ Nguyễn Thị Xuân// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- kì 1 tháng 4.- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Trình bày về thực trạng và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp. Những bất cập, hạn chế ảnh hưởng đến mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp.Giải pháp xây dựng mối liên hệ bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Đào tạo chất lượng, Nguồn nhân lực.

**5. Mô hình tự chủ Đại học tại Vương quốc Anh: Nghiên cứu trường hợp của Đại học Cambridge**/ Lê Thị Lan Ngọc, Nguyễn Thị Thuỳ Dương, Trần Thị Ngân// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- số 121(182) .- Tr. 206-213.

**Nội dung:** Giới thiệu về Đại học Cambridge tự chủ trong bọ máy, tự chủ trong cơ chế cấp ngân sách, tự chủ nhân sự. Đặc điểm mô hình quản trị Đại học Cambridge, cơ chế trao quyền tự chủ. Đánh giá và kiến nghị cho mô hình quản trị Đại học ở Việt Nam (tự chủ trong bộ máy, tự chủ nhân sự, tự chủ tài chính…).

**Từ khoá**: Đại học Cambridge, United Kingdom, University Autonomy

**6. Một số giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo ở trường Đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay**/ Nguyễn Thị Kiều Oanh// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- kì 1 tháng 4.- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Giới thiệu sơ lược về lịch sử giáo dục Đại học Việt Nam, thực trạng và hạn chế đào tạo chất lượng giáo dục Đại học. Những nguyên nhân chất lượng đào tạo Đại học chưa đạt được kết quả. Một số giải pháp để đảm bảo chất lượng đào tạo tại các trường Đại học ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa**: Đào tạo, Đại học, chất lượng đào tạo, đổi mới.

**7. Phương pháp giảng dạy phát triển tư duy – nhận thức qua trải nghiệm thực tế của người học**/ Nguyễn Thị Dung// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- kì 1 tháng 4 .- Tr. 59 .- Tr. 63.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp giảng dạy qua trải nghiệm thực tế của người học. Những ưu điểm và hạn chế khi triển khai phương pháp giảng dạy quá trải nghiệm thực tế.

**Từ khóa**: Phương pháp giảng dạy, tư duy nhận thức,trải nghiệm thực tế.

**8. Phương pháp giảng dạy và học tập trong bối cảnh cách mạng công nghệ lần thứ 4**/ Triệu Thị Trang// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- kì 1 tháng 4.- Tr. 5-6.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng dạy và học tại các trường Đại học hiện nay. Phương pháp dạy và học thời đại công nghệ 4.0.

**Từ khóa**: Giáo dục, phương pháp dạy và học, cách mạng công nghệ 4.0

**9. Sáu định hướng năng lực phẩm chất của người giáo viên trong tiến trình đổi mới giáo dục Việt Nam**/ Nguyễn Duy Khang, Phan Thị Tuyết Vân// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- kì 1 tháng 5 .- Tr. 8-10.

**Nội dung**: Giáo viên cần điều chỉnh đối với công tác chuyên môn, thiết kế bài giảng có nội dung phù hợp. Giáo viên cần có định hướng chuyên môn, định hướng năng lực giao tiếp và phương pháp trao đổi thông tin phù hợp.

**Từ khoá**: Phẩm chất giáo viên, Chất lượng dạy học

**10. Sinh viên Đại học và những yếu tố nội tại ảnh hưởng đến việc học phát âm Tiếng Anh**/ Lê Thị Hồng Phúc// Giáo dục và xã hội .- 2021 .- số 120(181) .- Tr. 148-152.

**Nội dung:** Những yếu tố nội tại từ phía sinh viên Đại học tác động đến quá trình học phát âm Tiếng Anh như: tuổi tác, động lực, thái độ, tính cách, khả năng tiếp cận. Đề xuất một số giải pháp nâng cao việc học phát âm tiếng Anh của sinh viên Đại học.

**Từ khóa**: Phát âm, Tiếng Anh, sinh viên Đại học, thử thách trong học tập

**11. Thực trạng và xu hướng kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục Đại học Việt Nam**/ Nguyễn Quang Vinh// Khoa học & Công nghệ .- 2020 .- số 46 .- Tr. 249-260.

**Nội dung**: Kiểm định chương trình đào tạo ở cơ sở giáo dục Đại học tính đến 30/6/2020 có tổng cộng 307 chương trinh đào tạo tham gia kiểm định và được đánh giá công nhận đạt chất lượng theo tiêu chuẩn trong và ngoài nước.

**Từ khóa**: Chương trình đào tạo, kiểm định chất lượng, giáo dục đại học.

**NGÔN NGỮ**

**1. A study on peers positive feedback in group work by Vietnamese EFL university student**/ Nguyễn Lê Quỳnh My, Lê Phạm Hoài Hương// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hoá .- 2020 .- tập 4 số 3 .- Tr. 355-368.

**Nội dung**: Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 100 sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành Tiếng Anh. Kết quả cho thấy hầu hết sinh viên có nhân thức cao về ý nghĩa phản hồi tích cực từ bạn học khi làm việc theo nhóm.

**Từ khóa**: Làm việc nhóm, Tiếng Anh, Đại học

**2. Ẩn dụ ý niệm bậc thấp tình yêu là một hợp đồng thương mại và những người độc thân là hàng hóa trong văn học lãng mạn Anh/** Đinh Thị Hương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 46-54.

**Nội dung:** Nghiên cứu này tập trung vào tường giải lược đồ chiếu xạ cũng như là các thuộc tính chiếu xạ của ẩn dụ ý niệm cấu trúc tình yêu là một hợp đồng thương mại và những người độc thân là hàng hóa.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, ánh xạ, hợp đồng thương mại

**3. Ẩn dụ ý niệm miền nguồn “đồ vật” trong tục ngữ tiếng Hán/** Liêu Thị Thanh Nhàn// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 154-165.

**Nội dung:** Khảo sát, thống kê những ẩn dụ ý niệm miền nguồn “đồ vật” trên ngữ liệu tục ngữ - nơi lưu giữ quan niệm sống, tri thức văn hóa dân gian của người Hán từ bộ công trình có uy tín hiện nay tại Trung Quốc, đó là Từ Tông Tài (2006).

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, đồ vật, tục ngữ, tiếng Hán

**4. Ảnh hưởng của giao thoa ngôn ngữ đến việc học ngoại ngữ hai Tiếng Pháp của sinh viên khoa Tiếng Anh**/ Nguyễn ĐinhNgọc Trân// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hoá .- 2020 .- tập 4 số 3 .- Tr. 460-472

**Nội dung**: Tiếng Pháp và Tiếng Anh có cùng loại hình có đặc điểm giống nhau. Dựa vào so sánh hai ngôn ngữ khảo sát từ sinh viên rút ra được những kinh nghiệm giảng dạy và học tập cho người học dễ dàng tiếp thu.

**Từ khoá**: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Ngoại ngữ, Giao thoa ngôn ngữ

**5. Biện pháp tu từ nhân hóa trong thơ Trần Đăng Khoa/** Nguyễn Tú Quyên, Nguyễn Thị Hoa// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 4(310) .- Tr. 82-87.

**Nội dung:** Phân tích những biểu hiện của biện pháp tu từ nhân hóa trong thơ Trần Đăng Khoa. Nhân hóa là biện pháp tu từ gọi hoặc tả sự vật bằng những từ ngữ sử dụng cho con người.

**Từ khóa:** Nhân hóa, biện pháp tu từ, từ ngữ, thiên nhiên, phong cách

**6. Các loại câu quảng cáo tiếng Việt phân chia theo ngữ nghĩa/** Bùi Diễm Hạnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 36-45.

**Nội dung:** Tìm hiểu cách dùng câu như thế nào trong ngôn ngữ quảng cáo nhằm mục đích thuyết phục người tiêu dùng, rất cần được quan tâm, nghiên cứu để đem đến hiệu quả cao cho quản cáo.

**Từ khóa:** Các loại câu, ngữ nghĩa, quảng cáo, tiếng Việt

**7. Các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh (nhóm gợi ý) trong nguyên bản tác phẩm “Gone with the wind” của Margaret Mitchell/** Trần Thị Trung Hiếu// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 4(310) .- Tr. 36-43.

**Nội dung:** Tổng hợp và phân loại các phát ngôn cầu khiến tiếng Anh nhóm gợi ý trong nguyên bản tác phẩm “Gone with the wind” theo sự khác biệt về mức độ đe dọa thể hiện và mức độ trực tiếp – gián tiếp.

**Từ khóa:** Phát ngôn cầu khiến, hành động, trực tiếp, gián tiếp

**8. Dấu ấn văn hóa trong thành ngữ có chứa từ chỉ thực vật tiếng Việt và tiếng Anh/** Nguyễn Mai Hoa// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 81-87.

**Nội dung:** Tìm hiểu về ý nghĩa của một số thành ngữ có chứa từ chỉ thực vật (cây, hoa, rau, củ, quả) cũng là tìm hiểu về sự giống nhau và khác nhau trong văn hóa hai nước để giúp người học hiểu và vận dụng đúng đắn các thành ngữ đó.

**Từ khóa:** Thành ngữ, tiếng Anh, tiếng Việt, từ chỉ thực vật, phân tích đối chiếu

**9. Điểm nhìn trần thuật – diễn ngôn về giới trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại/** Lê Thị Thanh Xuân// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 272-279.

**Nội dung:** Đi sâu phân tích những đặc trưng nghệ thuật về điểm nhìn trần thuật để thấy rõ dấu ấn đặc biệt về xu hướng “nũ quyền hóa”, một chủ đề đang được quan tâm hiện nay.

**Từ khóa:** Điểm nhìn trần thuật, nhà văn nữ, diễn ngôn

**10. Đối sánh thành ngữ tiếng Việt và tiếng Anh biểu thị cảm xúc vui từ lý thuyết hoán dụ ý niệm của ngữ nghĩa học tri nhận/** Trần Thế Phi// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 166-175.

**Nội dung:** Phân tích và đối sánh 77 thành ngữ tiếng Việt và 91 thành ngữ tiếng Anh biểu thị cảm xúc vui, dựa trên nguyên lý hoán dụ phổ quát: Hiệu ứng sinh lý của cảm xúc đại diện cho cảm xúc với ba miền nguồn cụ thể là phản ứng sinh lý, phản ứng hành vi, phản ứng biểu lộ nét mặt.

**Từ khóa:** Hoán dụ ý niệm, hoán dụ phổ quát, ngữ nghĩa học tri nhận, thành ngữ biểu thị cảm xúc vui

**11. Hành động ngôn từ trong các đoạn hội thoại của giáo trình “English for international tourism” (Pre-intermediate)/** Lê Hữu Lộc, Nguyễn Thị Nga, Võ Nhật Tân, Nguyễn Thị Tố Như// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 67-73.

**Nội dung:** Tìm hiểu việc sử dụng các loại hành động ngôn từ trong những đoạn hội thoại của giáo trình tiếng Anh Du lịch “English for international tourism”, cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate) và từ đó có cái nhìn khái quát về sự đóng góp hành động ngôn từ trong tương tác ở lĩnh vực du lịch.

**Từ khóa:** Hành động ngôn từ, hội thoại, ngữ dụng học, tiếng anh Du lịch, phân tích diễn ngôn

**12. Hình tượng con chuột trong thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt/** Lại Thị Mỹ Hướng// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 109-113.

**Nội dung:** Thông qua việc sử dụng những phương pháp thống kê, miêu tả, so sánh đối chiếu những thành ngữ chứa thành tố chỉ con chuột trong tiếng Hán và tiếng Việt, trên cơ sở đó làm nổi bật mối liên hệ giữa ngôn ngữ và những đặc trưng văn hóa – tư duy dân tộc trong bức tranh ngôn ngữ về thế giới của thành ngữ có yếu tố chỉ loài chuột trong tiếng Hán và tiếng Việt.

**Từ khóa:** Chuột, thành ngữ, so sánh đối chiếu, tiếng Hán, tiếng Việt

**13. Kết cấu văn bản “lượn”, “quan lang” và “then” trong dân ca Tày ở Việt Nam/** Lê Thị Như Nguyệt// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 95-101.

**Nội dung:** Trình bày đặc điểm kết cấu văn bản của ba loại tiêu biểu và đặc sắc nhất trong dân ca Tày là: lượn, quan lang, then. Từ đó, giúp hình dung rõ hơn, đầy đủ hơn về bố cục, cấu trúc của từng văn bản trong việc xây dựng nội dung, ý nghĩa thẩm mĩ của từng loại dân ca.

**Từ khóa:** Dân tộc Tày, kết cấu văn bản, lượn, quan lang, then, văn hóa cổ truyền

**14. Khảo sát cách đặt tiêu đề trên báo mạng điện tử tiếng Việt và Tiếng Anh**/ Ngô Thị Khai Nguyên// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hoá .- 2020 .- tập 4 số 3 .- Tr. 369-381.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu đi sâu khảo sát 100 tiêu đề báo mạng điện tử tiếng Việt và 100 tiêu đề báo mạng tiếng Anh trên 2 bình diện cấu trúc ngữ pháp và cahs sử dụng từ ngữ. Bài viết phân loại các tiêu đề dựa vào mục đích chức năng của hành động nó. Từ việc so sánh cách đặt tiêu đề trên báo tìm ra điểm đồng nhất và khác biệt trong cách đặt.

**Từ khóa**: tiếng Anh, tiếng Việt, báo điện tử, tiêu đề

**15. Không gian đô thị Hà Nội và tác động đối với Ngôn ngữ, ứng xử ngôn ngữ đô thị (nhìn từ góc độ ngôn ngữ học xã hội đô thị)/** Đặng Thị Thanh Thúy// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 4(310) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Phân tích những phát ngôn về tiếng Hà Nội và về không gian đô thị Hà Nội với mong muốn làm rõ đặc thù của không gian đô thị Hà Nội đối với việc hình thành các chuẩn mực và sự tác động của các chuẩn mực mang tính đô thị đối với ngôn ngữ và cách ứng xử ngôn ngữ của các cộng đồng cùng sinh sống tại Hà Nội.

**Từ khóa:** Đô thị Hà Nội, ngôn ngữ đô thị, không gian đô thị, ứng xử ngôn ngữ đô thị

**16. Lục Thư – Bốn phương pháp tạo chữ và hai cách dùng chữ Hán/** Hoàng Thanh Hương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 3(235) .- Tr. 48-56.

**Nội dung:** Trình bày khái niệm Lục Thư. Tìm hiểu “Lục thư” theo thuyết bốn phương pháp tạo chữ và hai cách dùng chữ Hán, trở thành căn cứ lý luận quan trọng cho nhiều công trình nghiên cứu về cấu tạo chữ Hán và dạy học chữ Hán.

**Từ khóa:** Lục Thư, phương pháp tạo chữ, phương pháp dùng chữ

**17. Môt số đặc điểm ngữ nghĩa của liên từ đẳng lập “而**” **trong tiếng Hán và “mà” trong tiếng Việt/** Nguyễn Thị Ngọc Hiền// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 62-66.

**Nội dung:** Trên cơ sở so sánh đối chiếu Hán – Việt, bài viết dự kiến các lỗi sai mà người học thường mắc phải khi sử dụng liên từ “玩”do chịu ảnh hưởng của tiếng Việt, từ đó giúp nâng cao hiệu quả học tiếng Hán nói chung và liên từ nói riêng của người Việt Nam.

**Từ khóa:** 而, mà, ngữ nghĩa, đối chiếu, tiếng Hán, tiếng Việt

**18. Nét đặc trưng văn hóa qua thành ngữ, tục ngữ chứa từ chỉ thời tiết trong tiếng Anh và tiếng Việt/** Ngô Thị Khánh Ngọc// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 88-94.

**Nội dung:** Tìm hiểu về ý nghĩa của một số thành ngữ có chứa từ chỉ thực vật (cây, hoa, rau, củ, quả) cũng là tìm hiểu về sự giống nhau và khác nhau trong văn hóa hai nước để giúp người học hiểu và vận dụng đúng đắn các thành ngữ đó.

**Từ khóa:** Nét văn hóa, thành ngữ tục ngữ thời tiết, tiếng Anh, tiếng Việt, phân tích đối chiếu

**19. Nét văn hóa tín ngưỡng nhìn từ cấu tạo và ngữ nghĩa của chữ 奠 điện/** Phạm Ngọc Hàm, Bùi Thị Hằng Nga// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 4(310) .- Tr. 62-66.

**Nội dung:** Thống kê và phân tích về phương thức cấu tạo và quá trình phát triển nghĩa, nhằm làm sáng tỏ nét văn hóa tín ngưỡng qua nghi thức cúng tế của người xưa thể hiện ở tính chất biểu ý của chữ 奠 điện.

**Từ khóa:** Tín ngưỡng, 奠 điện, chữ, nghĩa, văn hóa

**20. Phân loại thuật ngữ chuyên ngành An ninh bằng tiếng Nga/** Nguyễn Thị Hà Đông// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 55-60.

**Nội dung:** Nghiên cứu và phân loại thuật ngữ chuyên ngành an ninh dựa trên các đặc điểm khác nhau của thuật ngữ như nội dung, hình thức, chức năng, các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Từ đó có thể giúp cho công tác biên phiên dịch chính xác và dễ hiểu và cũng như đóng góp vào công việc nghiên cứu các vấn đề chung về an ninh quốc gia.

**Từ khóa:** Thuật ngữ, tiếng Nga, chuyên ngành an ninh

**21. Phân tích ngữ nghĩa tri nhận của động từ “玩**”**trong tiếng Hán và động từ “chơi” trong tiếng Việt/** Mai Thị Ngọc Anh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 53-61.

**Nội dung:** Vận dụng lý luận ẩn dụ tri nhận và lý luận trường ngữ nghĩa, thông qua phương pháp khảo sát, phân tích, đối chiếu tiến hành phân tích ngữ nghĩa tri nhận của các trường nghĩa liên quan đến động từ 玩 ngoạn (choiwa0 trong tiếng Hán và :chơi” trong tiếng Việt.

**Từ khóa:** 玩 ngoạn (chơi), ngữ nghĩa tri nhận, ẩn dụ, trường ngữ nghĩa, tiếng Hán, tiếng Việt

**22. Phép lịch sự và phương châm giữ thể diện trong phỏng vấn báo chí/** Trần Anh Thư// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 33-40.

**Nội dung:** Khảo sát những hành vi, động thái, những nguy cơ đe dọa thể diện và những phương châm giữ thể diện của các thoại nhân trong phỏng vấn báo chí.

**Từ khóa:** Phương châm hội thoại, phép lịch sự, lịch sự giao tiếp, quy tắc giữ thể diện; lịch sự dương tính, lịch sự âm tính

**23. Phương thức phủ định bằng ẩn dụ trong tiếng Việt/** Nguyễn Hoàng Thịnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 31-35.

**Nội dung:** Khảo sát, phân tích các ẩn dụ phủ định phổ biến trong giao tiếp hàng ngày của người Việt. Từ đó giúp làm rõ một số đặc trưng cơ bản trong lối tư duy ngôn ngữ - văn hóa rất riêng của người Việt.

**Từ khóa:** Phủ định, ẩn dụ, không gian, sự vật

**24. Sử dụng các bài đọc trộn ngữ trong việc dạy và học từ vựng tiếng Anh/** Nguyễn Thị Ngọc Hiền// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 62-66.

**Nội dung:** Tìm hiểu tác động của phương pháp trên đến nhận thức từ vựng sản sinh và nhận thức từ vựng lĩnh hội của người học, cũng như nghiên cứu hiệu quả của nó trong việc giúp người học gợi nhớ lại từ vựng.

**Từ khóa:** Trộn ngữ, nhận thức từ vựng lĩnh hội, gợi nhớ từ vựng, người học song ngữ

**25. Tìm hiểu biểu thức ngôn định danh các resort ở Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thị Hồng Ngân// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 100-108.

**Nội dung:** Nghiên cứu biểu thức ngôn ngữ định danh các resort ở Việt Nam hiện nay từ góc độ cấu tạo, phương thức định danh, ý nghĩa văn hóa xã hội. Bài viết cũng đặt vấn đề cần giải quyết trong việc đặt tên các resort nói riêng và các sự vật mới nói chung cho các cơ quan hữu quan.

**Từ khóa:** Biểu thức ngôn ngữ, cấu tạo, cụm danh từ, phương thức định danh, chuẩn hóa

**26. Tìm hiểu một số phong tục dân gian Hàn Quốc trong bối cảnh hiện nay**/ Nguyễn Thị Minh Phương// Khoa học .- 2020 .- Vol 6 (No.2) .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Bài viết xoay quanh một số phong tục dân gian được người Hàn Quốc giữ gìn và giới thiệu nhiều trong các giáo trình dạy tiếng Hàn cho người nước ngoài.

**Từ khóa**: Phong tục dân gian, Hàn Quốc.

**27. Tìm hiểu ngữ nghĩa của hai từ “chạy” – “nhảy”/** Nguyễn Thị Hai// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 3-16.

**Nội dung:** Tìm hiểu, phân tích ngữ nghĩa của cặp từ “chạy – nhảy”, đồng thời xây dựng mô hình cấu trúc ngữ nghĩa của chúng. Trên cơ sở phân tích ngữ nghĩa của cặp từ “chạy – nhảy”, người viết tiến hành so sánh ngữ nghĩa giữa chúng nhằm đưa ra những gợi ý cho việc giảng dạy từ ngữ cho học viên nước ngoài học tiếng Việt.

**Từ khóa:** Chạy, nhảy, ẩn dụ, chức năng

**28. Tìm hiểu sự đa dạng ngôn ngữ ở Châu Phi/** Vũ Thị Thanh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 3(187) .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Nghiên cứu sự đa dạng ngôn ngữ ở Châu Phi thông qua việc tìm hiểu ngôn ngữ bản địa, ngôn ngữ ngoại lai ở Châu Phi. Từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá vị thế của ngôn ngữ bản địa và ngôn ngữ ngoại lai ở khu vực này.

**Từ khóa:** Đa dạng ngôn ngữ, Châu Phi

**29. Tìm hiểu về cấu trúc “V1-eo V2” trong tiếng Hàn/** Lê Anh Phương// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 191-197.

**Nội dung:** Tập trung giới thiệu và phân tích về bốn loại cấu trúc câu động từ ghép “V1-eo V2” thông dụng và được biết đến nhiều nhất trong tiếng Hàn.

**Từ khóa:** V1-eo V2, ngữ pháp tiếng Hàn, ngữ nghĩa

**30. Tình hình sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số Tây Nam Bộ (qua một số địa bàn)/** Nguyễn Văn Khang// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 3-14.

**Nội dung:** Nghiên cứu, khảo sát thực trạng việc sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số Tây Nam Bộ. Tư liệu của bài viết là từ kết quả điền dã ngôn ngữ học xã hội năm 2019 tại một số địa bàn thuộc các tỉnh Bạc Liêu, Vĩnh Long, Cà Mau.

**Từ khóa:** Năng lực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ, dân tộc thiểu số, ngôn ngữ học

**31. Tổ hợp thành ngữ tính tiếng Anh mang thành tố tên riêng và việc dịch chúng sang tiếng Việt/** Nguyễn Việt Khoa// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 4(310) .- Tr. 12-20.

**Nội dung:** Tìm hiểu các tổ hợp thành ngữ tính tiếng Anh có chứa các thành tố tên riêng (bất kể là tên người, tên đất, tên dân tộc… hay các dạng phái sinh của chúng) và từ đó đề xuất hướng dịch các tổ hợp thành ngữ tính này sang tiếng Việt.

**Từ khóa:** Tên riêng, danh xưng học, tổ hợp thành ngữ tính, cụm từ cố định, thành ngữ

**32. Tương lai ngành báo chí – truyền thông Thế giới nhìn từ cuộc chiến Facebook-Australia**/ P.Mai// Thông tin và truyền thông .- 2021 .- số 3 .- Tr. 83-87

**Nội dung**: Sau cuộc đối đầu đầy căng thẳng giữa chính phủ Australia và Facebook, nhiều quốc gia đang tìm cách siết chặt quản lý công nghệ để đảm bảo quyền lợi cơ quan báo chí trong nước. Tương lai ngành báo chí Thế giới sẽ có những ngã rẽ mới, báo chí và các tập đoàn công nghệ cần mối quan hệ cộng sinh để cùng phát triển.

**Từ khoá**: Facebook, Australia, báo chí, truyền thông

**33. Trạng ngữ - thành phần phụ mở rộng vị ngữ (khảo sát trên cứu liệu các văn bản văn xuôi được dạy học ở Trung học cơ sở/** Nguyễn Mạnh Tiến, Nguyễn Hoài Thương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 17-25.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến 3 nội dung: Xác định bản chất của mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ và bộ phận còn lại của câu. Chỉ ra đặc điểm của trạng ngữ. Miêu tả hai kiểu trạng ngữ phổ biến về các mặt ý nghĩa và hình thức.

**Từ khóa:** Trạng ngữ, thành phần câu, thành phần phụ của câu, vị ngữ, kết trị

**34. Ứng dụng của cách mạng xã hội học tập Edmodo trong quá trình giao – nộp bài tập về nhà đối với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết/** Trần Thị Thùy Linh// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 142-153.

**Nội dung:** Nghiên cứu đánh giá về hiệu quả ứng dụng của Edmodo trong quá trình giao – nộp bài tập đối với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của sinh viên. Việc ứng dụng Edmodo góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng trong việc kiểm tra đánh giá kỹ năng ngoại ngữ của sinh viên.

**Từ khóa:** Edmodo, giao – nộp bài tập, kỹ năng

**35. Ứng dụng lí thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống trong phân tích diễn ngôn khẩu hiệu Chính trị - Xã hội/** Đỗ Thị Xuân Dung// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 15-23.

**Nội dung:** Trình bày việc ứng dụng lí thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống trong phân tích diễn ngôn khẩu hiệu chính trị - xã hội. Từ đó thảo luận vấn đề hệ tư tưởng của người phát ngôn cũng như làm rõ các giá trị tuyên truyền, thuyết phục, vận động của khẩu hiệu qua việc lựa chọn từ ngữ, ngữ pháp và cấu trúc diễn ngôn.

**Từ khóa:** Diễn ngôn, phân tích diễn ngôn, diễn ngôn phê phán

**36. Uyển ngữ trong diễn ngôn quân sự tiếng Anh/** Nguyễn Thu Hạnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 47-52.

**Nội dung:** Đề cập đến khái niệm, phương thức tạo uyển ngữ tiếng Anh và những chức năng giao tiếp của chúng. Khái quát về thuật ngữ quân sự tiếng Anh. Phân tích sữ liệu được thu thập từ một số bài báo tiếng Anh có chứa các từ và cụm từ uyển ngữ nhằm làm sáng tỏ cách chúng được sử dụng với mục đích thuyết phục hoặc che dấu thông tin về sự tàn khốc của chiến tranh hay sự hủy diệt của một số loại vũ khí.

**Từ khóa:** Uyển ngữ, thuật ngữ quân sự tiếng Anh, chiến tranh, chức năng giao tiếp

**37. Vai trò biểu hiện nghĩa tình thái của quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt/** La Thị Mỹ Quỳnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 4(310) .- Tr. 12-20.

**Nội dung:** Tập trung miêu tả chi tiết vai trò của quan hệ từ phụ thuộc trong việc thể hiện hai loại nghĩa tình thái chủ quan: Thể hiện những đánh giá về lượng đối với sự tình và thể hiện những đánh giá về chất đối với sự tình. Từ đó, khẳng định thêm một vai trò mới của quan hệ từ phụ thuộc trong tiếng Việt trên bình diện nghĩa học, đồng thời cũng góp phần thể hiện một cách nhìn nhận khác về vị thế, vai trò của quan hệ từ phụ thuộc trong hệ thống từ loại tiếng Việt.

**Từ khóa:** Quan hệ từ phụ thuộc, nghĩa tình thái, bình diện nghĩa học, sự tình

**38. Vai trò của cấu trúc thông tin trong văn bản/** Đoàn Tiến Lực// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 5a(311) .- Tr. 24-30.

**Nội dung:** Nghiên cứu về vai trò của cấu trúc thông tin của câu trong văn bản. Theo đó, các vai trò của cấu trúc thông tin của câu trong văn bản được chỉ ra là góp phần thể hiện “thông tin nổi bật” của câu, văn bản; đảm bảo tính mạch lạc trong văn bản; thiết lập quan hệ giữa các câu trong văn bản.

**Từ khóa:** Cấu trúc thông tin, mạch lạc, liên kết

**39. Vai trò của từ vựng trong việc dạy và học ngoại ngữ/** Lương Bá Phương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 3(309) .- Tr. 41-46.

**Nội dung:** Nêu lên tầm quan trọng của từ vựng, gợi ý các chiến lược và phương pháp học từ vựng tiếng Anh để tìm ra cách học từ vựng tiếng Anh hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, bài viết cũng thể hiện quan điểm cá nhân của tác giả về những vấn đề này và ứng dụng khi giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên của các trường đại học nói chung.

**Từ khóa:** Chiến lược học từ vựng, phát triển từ vựng, dạy từ vựng, học từ vựng

**40. Việc dạy ngôn ngữ phi thông dụng tại Trường Đại học, Cao đẳng ở Trung Quốc/** Thượng Phong, Vũ Minh Hải// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 4(236) .- Tr. 78-86.

**Nội dung:** Phân tích những vấn đề đang tồn tại trong việc dạy học ngôn ngữ phi thông dụng trên giảng đường, rồi tham khảo kinh nghiệm nghiên cứu của các nước phát triển về mặt dạy học ngôn ngữ phi thông dụng Từ đó đề xuất một vài giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học ngôn ngữ phi thông dụng.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ phi thông dụng, giảng dạy

**41. Việc sử dụng động từ thường ở thì hiện tại đơn ngôi thứ ba số ít của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh khi thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp/** Nguyễn Thị Bảo Trang// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2020 .- Số 2 .- Tr. 246-259.

**Nội dung:** Tìm hiểu sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh sử dụng (use) 3SG-s như thế nào khi thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp và góp phần mở rộng kiến thức liên quan đến việc người học sử dụng 3SG-s ở bối cảnh giảng dạy tiếng Anh là ngoại ngữ.

**Từ khóa:** Thủ đắc ngôn ngữ, thì hiện tại đơn ngôi thứ ba số ít, hình vị, nhiệm vụ giao tiếp

**CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

**1. Đa dạng sinh học và nguồn lợi rong biển Việt Nam**/ Đàm Đức Tiến// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.14-17.

**Nội dung**: Với nguồn rong biển tự nhiên phong phú và bước đầu chủ động đầu tư phát triển nuôi trồng rong biển, đến nay lĩnh vực này ở nước ta đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước, song so với tiềm năng thì vẫn còn hạn chế. Sắp tới, chúng ta cần tăng cường đầu tư nguồn lực phát triển một số nhóm/loài có giá trị kinh tế cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, trong đó tập trung vào các nhóm/loài sinh sản hữu tính, dễ thu hoạch và bảo quản như: rong Giấy (Monostroma), rong Cải biển (Ulva), rong Chủn (Grateloupia)…, chú trọng đầu tư công nghệ phục vụ bảo quản, chế biến nhằm nâng cao giá trị của nguồn lợi này trong tương lai.

**Từ khóa**: Sinh học, rong biển, nuôi trồng rong biển

**2. Những ứng dụng tiềm năng của công nghệ sinh học thực vật trong đối phó với SARS-CoV-2**/ Chu Đức Hà, Phạm Công Tuyên Ánh, Lê Thị Ngọc Quỳnh, Phạm Phương Thu, Nguyễn Quốc Trung, Lê Thị Hiên, Lê Huy Hàm// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.57-60.

**Nội dung**: Các quốc gia trên thế giới đang nỗ lực phát triển những sản phẩm thuốc thử chẩn đoán, vắc xin và thuốc kháng virus nhằm bảo vệ tính mạng con người cũng như làm chậm sự lây lan của đại dịch COVID-19 gây ra bởi virus SARS-CoV-2. Một phần của nỗ lực quốc tế đó được tập trung trên đối tượng thực vật, các nghiên cứu này đã góp phần cung cấp kháng nguyên protein, kháng thể cho sản phẩm kít chẩn đoán cũng như hệ thống sản xuất, từ đó có thể mở rộng quy mô để cung ứng khẩn cấp vắc xin và thuốc kháng virus. Điều này cho thấy tiềm năng rất lớn của công nghệ sinh học thực vật trong đối phó với đại dịch COVID-19.

**Từ khóa**: Công nghệ sinh học, đại dịch COVID-19, virus SARS-CoV-2, sản phẩm kít chẩn đoán

**3. Phát triển mô hình quản lý chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn trong xây dựng nông thôn mới**/ Đào Thế Anh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.18-20.

**Nội dung**: Trình bày việc phát triển mô hình quản lý chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn trong xây dựng nông thôn mới. Quản lý an toàn thực phẩm là một trong những thách thức của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Do vậy, trong giai đoạn 2021-2030, phát triển mô hình quản lý chuỗi nông sản thực phẩm an toàn là một định hướng quan trọng của Chương trình nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các mặt hàng nông sản và thu nhập của người dân nông thôn… Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn ở nước ta, bài viết đề xuất mô hình và giải pháp quản lý chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Chuỗi giá trị nông sản, thực phẩm an toàn, nông thôn mới

**4. Phát triển protein trị liệu**/ Phan Văn Chi, Bùi Thị Huyền, Lê Thị Bích Thảo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.61-64.

**Nội dung**: Protein trị liệu được sản xuất bằng công nghệ/kỹ thuật sinh học, là một dược phẩm quan trọng có tiềm năng rất lớn để cải thiện sức khỏe con người. Những phân tử protein này về cơ bản là bản sao hoặc phiên bản tối ưu của protein người nội sinh. Chúng có thể được phân lập như các chất xuất hiện tự nhiên từ động vật, thực vật, hoặc vi sinh vật, hoặc được tạo ra bằng công nghệ DNA tái tổ hợp. Có nhiều loại thuốc protein khác nhau, bao gồm kháng thể đơn dòng, vắc xin, hormon peptide, các yếu tố máu, cytokine, kháng sinh peptide, các loại enzym trị liệu… Nhiều loại protein tái tổ hợp được phê duyệt gần đây đã được phát triển và sử dụng để điều trị rộng rãi trong lâm sàng, bao gồm cả những bệnh nan giải như ung thư, bệnh tự miễn/viêm nhiễm, hay rối loạn di truyền. Trong tổng quan này, các tác giả nhấn mạnh các xu hướng và phương pháp tiếp cận mới trong nghiên cứu và phát triển thuốc protein, chủ yếu trên cơ sở công nghệ/công nghiệp protein.

**Từ khóa**: Protein trị liệu, công nghệ DNA tái tổ hợp, thuốc protein, công nghệ/công nghiệp protein

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1. Biến đổi khí hậu và dịch bệnh: Mối liên hệ, tác động và giải pháp tiếp cận mới**/ Nguyễn Minh Quang// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.10-13.

**Nội dung**: Bài viết nhằm làm sáng tỏ mối liên hệ giữa dịch bệnh và biến đối khí hậu (BĐKH). Dựa trên kết quả phỏng vấn các nghiên cứu sinh đến từ 10 quốc gia ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latin, tác giả đã nhận diện được những tác động của dịch bệnh trong sự cộng hưởng với biến đối đổi khí hậu đối với an ninh lương thực. Kết quả phân tích lý thuyết và phỏng vấn chuyên gia đã cung cấp một số cơ sở về nguyên tắc tiếp cận cho việc điều chỉnh kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh lương thực

**2. Đánh giá tác dụng của cao lỏng tăng dịch chỉ huyết HN trong điều trị sốt xuất huyết Dengue và sốt xuất huyết Dengue có dấu hiệu cảnh báo**/ Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hằng// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.40-47.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của cao lỏng tăng dịch chỉ huyết HN trong điều trị sốt xuất huyết Dengue trên lâm sàng. Các vị thuốc trong cao lỏng Tăng dịch chỉ huyết HN có tác dụng thanh nhiệt hạ sốt sẽ làm giảm thiểu tình trạng mất mồ hôi đồng thời sinh tân dịch. Điều trị phối hợp cao lỏng Tăng dịch chỉ huyết HN cùng phác đồ y học hiện đại có hiệu quả tốt trên bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue.

**Từ khóa**: Cao lỏng Tăng dịch chỉ huyết HN, sốt xuất huyết Dengue

**3. Đánh giá tác dụng của nhĩ châm kết hợp với phương pháp thở 4 thì của bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng trong điều trị mất ngủ không thực tổn**/ Phùng Đức Đạt, Nguyễn Văn Toại/ Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.48-57.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của nhĩ châm kết hợp với phương pháp thở 4 thì của bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng trong điều trị mất ngủ không thực tổn. Theo dõi các tác dụng không mong muốn của phương pháp can thiệp trên lâm sàng. Theo YHCT: Bệnh tật phát sinh ra làm rối loạn hoạt động bình thường của hệ kinh lạc. Phương pháp điều trị này giúp lập lại cân bằng âm dương và điều hòa hoạt động của hệ kinh lạc. Âm dương bình hòa thì thần yên mà ngủ được.

**Từ khóa**: Mất ngủ, nhĩ châm, thở 4 thì

**4. Đánh giá tác dụng của viên “Dạ dày HĐ” qua một số triệu chứng lâm sàng trên bệnh nhân trào ngược dạ dày – thực quản**/ Nguyễn Anh Chiến, Ngô Quỳnh Hoa, Trần Phương Thủy, Nghiêm Thị Thanh Hường// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.31-39.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của viên “Dạ dày HĐ” qua một số triệu chứng lâm sàng trên bệnh nhân trào ngược dạ dày – thực quản (GERD). Tiêu chuẩn loại trừ bệnh nhân đang điều trị bằng phương pháp khác, không tuân thủ quy trình điều trị, phụ nữ có thai và cho con bú, mắc các bệnh khác trong thời gian nghiên cứu: viêm dạ dày Hp (+), xuất huyết tiêu hóa… Kết quả nghiên cứu cho thấy viên “Dạ dày HĐ” có hiệu quả trong việc làm giảm các triệu chứng nóng rát, ợ chua, đau vùng thượng vị, buồn nôn trên bệnh nhân trào ngược dạ dày, thực quản.

**Từ khóa**: Viên “Dạ dày HĐ”, trào ngược dạ dày thực quản

**5. Đánh giá tác dụng điều trị của điện châm, xoa bóp bấm huyệt kết hợp với thủy châm Mecolabamin trên bệnh nhân đau dây thần kinh hông to**/ Cồ Bá Tuấn, Dương Trọng Nghĩa, Hoàng Lê Hải Yến// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.79-86.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng điều trị của điện châm, xoa bóp bấm huyệt kết hợp với thủy châm Mecolabamin trên bệnh nhân đau dây thần kinh hông to. Theo Y học cổ truyền, đau thần kinh hông to được mô tả trong chứng Tọa cốt phong, Yêu cước thống,… do các nguyên nhân ngoại tà, chấn thương, nội thương gây nên. Thủy châm là phương pháp thông qua tác dụng của thuốc và châm cứu để duy trì thời gian kích thích lên huyệt vị nhằm nâng cao hiệu quả điều trị.

**Từ khóa**: Đau thần kinh hông to, điện châm, xoa bóp bấm huyệt, thủy châm

**6. Đánh giá tác dụng điều trị thoái hóa khớp gối của súng ngắn kết hợp viên hoàn cứng Độc hoạt tang ký sinh**/ Phạm Văn Tâm, Dương Trọng Nghĩa// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.10-19.

**Nội dung**: Trình bày bài thuốc Độc hoạt tang ký sinh, là bài thuốc đã được ứng dụng điều trị rộng rãi trên lâm sàng, có tác dụng giảm đau nhờ các thành phần gồm các vị thuốc có tác dụng khu phong trừ thấp như Độc hoạt, Tang kí sinh. Phương pháp sóng ngắn trị liệu kết hợp viên hoàn cứng Độc hoạt tang kí sinh có hiệu quả trong điều trị thoái hóa khớp gối.

**Từ khóa**: Thoái hóa khớp gối, sóng ngắn điều trị, Độc hoạt tang ký sinh

**7. Hiệu quả của điện châm xoa bóp kết hợp bài tập Williams trên bệnh nhân đau thắt lưng do thoái hóa cột sống**/ Ngô Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thanh Tỳ// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.20-30.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng của phương pháp điện châm, xoa bóp bấm huyệt kết hợp bài tập Williams trên bệnh nhân đau thắt lưng do thoái hóa cột sống. Hai phương pháp điện châm và xoa bóp bấm huyệt tác dụng hiệp đồng tạo nên hiệu quả điều trị tốt hơn. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu kết hợp thêm bài tập Williams nên làm tăng tính linh động của cột sống nên có hiệu quả cải thiện độ giãn cột sống, chức năng sinh hoạt hàng ngày tốt hơn nhóm chứng.

**Từ khóa**: Đau thắt lưng, thoái hóa cột sống thắt lưng, bài tập Williams

**8. Hiệu quả điều trị táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em bằng cốm tan CTB**/ Mai Văn Dũng, Lại Thanh Hiền, Trần Thị Phương Linh// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.58-69.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả điều trị táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em bằng cốm tan CTB. Điều trị táo bón bằng Y học hiện đại thường dùng thuốc nhuận tràng, thụt tháo hoặc đôi khi phải phẫu thuật. Các thuốc hóa dược tuy có hiệu quả nhưng khi dừng thuốc thì bệnh nhân thường táo bón trở lại, nếu lạm dụng có thể gây ra những tác dụng không mong muốn như mất nước, lệ thuộc thuốc, giảm hấp thu, rối loạn phản xạ đại tiện… Cốm tan CTB được bào chế từ bài thuốc “Tăng dịch thừa khí thang” là bài thuốc cổ phương có nguồn gốc từ Ôn bệnh điều biện, có hiệu quả trong điều trị táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em.

**Từ khóa**: Táo bón trẻ em, cốm tan CTB, tăng dịch thừa khí thang

**9. Hiệu quả giảm đau của liệu pháp tiêm huyết tương giàu tiểu cầu tự thân kết hợp với điện châm trên bệnh nhân thoái hóa khớp gối nguyên phát**/ Nguyễn Thị Thúy, Trần Thị Hải Vân, Nguyễn Thanh Giang// Tạp chí nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2020 .- Số 67 .- Tr.70-78.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả giảm đau của liệu pháp tiêm huyết tương giàu tiểu cầu tự thân kết hợp với điện châm trên bệnh nhân thoái hóa khớp gối nguyên phát. Châm cứu là phương pháp điều trị không dùng thuốc của Y học cổ truyền đã và đang có hiệu quả trong điều trị thoái hóa khớp gối và ít gây biến chứng. Việc kết hợp hai phương pháp điện châm và tiêm PRP nhằm nâng cao hiệu quả điều trị cho bệnh nhân thoái hóa khớp gối.

**Từ khóa**: Thoái hóa khớp gối nguyên phát, liệu pháp huyết tương tươi giàu tiểu cầu tự thân, điện châm

**10. Tiêu diệt ung thư với liệu pháp miễn dịch interleukin-2 (IL-2)**/ Nguyễn Thái Minh Trận, Phạm Đức Hùng, Võ Đức Duy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.51-53.

**Nội dung**: Interleukin-2 (IL-2), hay còn gọi là yếu tố kích thích sinh trưởng dòng tế bào T, được chứng minh là có hiệu quả trong điều trị các bệnh ung thư như phổi, buồng trứng, vú, máu, thận… Những kết quả nghiên cứu tiền lâm sàng và lâm sàng đều cho thấy, IL-2 có khả năng kích thích phát triển các tế bào miễn dịch, tăng khả năng tiêu diệt các tế bào ung thư, đặc biệt là ung thư biểu mô tế bào thận và u hắc tố ác tính. Sau một khoảng thời gian dài bị lãng quên, IL-2 đã một lần nữa quay lại vị trí dẫn đầu trong cuộc đua phát triển liệu pháp miễn dịch chống ung thư.

**Từ khóa**: Liệu pháp miễn dịch chống ung thư, IL-2, tế bào ung thư, Interleukin-2 (IL-2), ung thư

**11. Văc xin và công nghệ nền sản xuất văc xin axit nucleic**/ Đinh Đoàn Long// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 4(745) .- Tr.54-56.

**Nội dung**: Nghiên cứu văc xin và công nghệ nền sản xuất văc xin axit nucleic. Một trong những thành tựu lớn nhất của y tế toàn cầu thế kỷ XX là đã đẩy lùi được nhiều dịch bệnh lây nhiễm nguy hiểm nhờ sáng chế ra hai dòng dược phẩm chính là thuốc kháng sinh và văc xin. Tuy vậy, thuốc kháng sinh chủ yếu hiệu quả cho điều trị bệnh lây nhiễm do vi khuẩn, còn với các bệnh lây nhiễm do virut thì giải pháp y học dự phòng từ dãn cách xã hội, cách ly nguồn bệnh đến tiêm văc xin tạo miễn dịch cộng đồng là giải pháp căn cơ, hệ thống nhất giúp ngăn ngừa dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe mỗi người dân. Các nhà khoa học đã phát triển nhiều công nghệ sản xuất văc xin khác nhau, nhưng công nghệ sản xuất văc xin axit nucleic đang được hướng đến như một ưu tiên, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

**Từ khóa**: Covid-19, văc xin, văc xin axit nucleic, bệnh lây nhiễm do virut, dịch bệnh

**ĐIỆN TỬ - VIẾN THÔNG**

**1. Ảnh hưởng của tần số dòng điện xoay chiều đến sự biến đổi hàm lượng vitamin C trong nước ép bưởi**/ Đoàn Như Khuê, Lê Nhất Tâm// Khoa học và công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2018 .- số 36A .- Tr. 5-12.

**Nội dung**: Ảnh hưởng của tần số suốt quá trình gia nhiệt Ohm được khảo sát. Kết quả

chỉ ra sự suy giảm Vitamin C phụ thuộc vào tần số, tại tần số 50Hz howcj trên 1kHz,

hàm lượng vitamin C suy giảm so với mẫu đối chứng. Mẫu nước ép bưởi giảm, gia nhiệt Ohm có hiệu quả để thanh trùng nước ép bưởi.

**Từ khoá**: Vitamin C, tần số dòng điện, nước ép bưởi, gia nhiệt Ohm

**2. Corona Viewer MK-760 công nghệ mới hiển thị nhanh hiện tượng phóng điện một phần đáp ứng yêu cầu của các trạm phân phối điện/** Take Toshiaki, Nguyen Nhu Thang// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 243+244 .- Tr. 31-33.

**Nội dung:** Trình bày nguyên lý của thiết bị cầm tay “Corona Viewer MK-760” hiển thị sự xuất hiện hiện tượng phóng điện một phần, ứng dụng công nghiệp “Ultrasonic Beamforming”.

**Từ khóa:** Corona Viewer MK-760, phóng điện một phần

**3. Design and manufacturing of a terrain Robot for mining assistance and data acquisition**/ Tran Huu Toan// Khoa học và công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- số 47 .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Trình bày việc nghiên cứu, thiết kế chế tạo một mẫu Robot vượt địa hình hỗ trợ dò tìm khoáng sản và thu thập dữ liệu. Dựa vào những yêu cầu về mặt công suất và hỗ trợ tải các phương án truyền động và các lựa chọn cơ cấu, nguồn truyền động được đưa ra, chúng tôi phát triển một nguyên mẫu của Robot địa hình có tên gọi là MATROB.

**Từ khóa**: Robot di động, Robot địa hình, điều khiển từ xa

**4. Điều khiển bám quỹ đạo tay máy robot hai khâu T-R đàn hồi/** ThS. Đinh Công Đạt// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp điều khiển bám quỹ tay máy robot hai khâu có khâu đàn hồi dựa trên lý thuyết điều khiển PD. Đưa ra mô hình động lực của robot hai khâu đàn hồi bằng cách sử dụng phương trình Lagarange loại 2 và phương pháp Ritz-Galerkin.

**Từ khóa**: Robot, đàn hồi, điều khiển

**5. Giảm chi phí và nâng cao hiệu suất nhà máy với IoT và Industry 4.0/** Đặng Minh Tú, Trịnh Lương Miên// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 3+4 .- Tr. 27-29.

**Nội dung:** IoT, industry 4.0 và quản lý năng lượng được kết hợp với nhau để giảm chi phí và nâng cao hiệu suất nhà máy đang trở thành xu thế được áp dụng ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, việc chọn lựa công nghệ và thiết bị với kinh phí đầu tư giới hạn luôn là một thách thức cho các nhà thiết kế kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: cần xác định công nghệ và thiết bị thích hợp để mang lại lợi tức đầu tư tích cực ngay lập tức cho nhà máy.

**Từ khóa**: IoT,kỹ thuật điều khiển, tự động hóa

**6. Kiểm tra độ cứng vật liệu bằng máy đo siêu âm cầm tay Sonohard/** Take Toshiaki, Nguyen Nhu Thang// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 3+4 .- Tr. 23-26.

**Nội dung:** Giới thiệu nguyên lý, tính năng của máy kiểm tra độ cứng cầm tay bằng phương pháp siêu âm Sonohard và một vài áp dụng kiểm tra bộ phận xe ô tô, điển hình cho các sản phẩm sản xuất hàng loạt.

**Từ khóa**: Độ cứng, vật liệu, phương pháp siêu âm Sonohard

**7. Performance evaluatione of data transport over different – note density of zigbee sensor network – an opnet simulation study**/ Ong Mau Dung// Khoa học và công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- 47 .- Tr. 90-99.

**Nội dung**: Phân tích hiệu suất của mạng cảm biến không dây có số lượng note khác nhau. Phân tích dự trên mô hình chính xác trong mô phỏng OPNET hỗ trợ quy chế đa truy cập tránh xung đột và khe thời gian được đảm bảo.

**Từ khóa**: Mạng cảm biến không dây, hiệu suất mạng

**8. Phương pháp logic để mô phỏng khí cụ điện từ và thiết lập nguyên lý hoạt động của máy nhiệt điện “mới”/** Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thanh Hùng// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 243+244 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Trình bày quy trình sử dụng phương pháp logic cho quá trình tạo ra một máy điện tổng hợp mới mà nó dựa trên các hiện tượng nhiệt và điện từ.

**Từ khóa:** Logic, khí cụ điện từ, máy nhiệt điện

**9. Thực hiện quỹ đạo và hình dạng chuyển động của các điện tích ở quá trình phóng điện trong không khí giữa hai điện cực/** Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thanh Hùng// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 3+4 .- Tr. 30-33, 36.

**Nội dung:** Trình bày kết quả thực nghiệm quan sát quỹ đạo và hình thái chuyển động của các điện tích trong luồng điện quang trong không khí.

**Từ khóa**: Quỹ đạo, điện tích, điện cực

**10. Sử dụng tối ưu hóa toán học và chương trình giải trong sản xuất, kinh doanh năng lượng nhiệt điện/** Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thanh Hùng// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 243+244 .- Tr. 27-30.

**Nội dung:** Trình bày về vị trí của công nghệ tối ưu hóa toán học, dàn dựng bài toán tối ưu hóa cho doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh năng lượng nhiệt điện, bộ giải và ứng dụng nó khi giải bài toán tối ưu hóa, giải bài toán tối ưu hóa chế độ làm việc của doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh năng lượng nhiệt điện.

**Từ khóa:** Tối ưu hóa toán học, nhiệt điện, sản xuất

**11. Tìm hiểu về phương pháp phản hồi lặp trong tự động cài đặt tham số cho bộ PID : bài 1/** PGS. Nguyễn Hồng Quang, KS. Nguyễn Hữu Thọ, KS. Nguyễn Khoa Nam// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 243+244 .- Tr. 46-49.

**Nội dung:** Thực hiện dò thông số bộ điều khiển PID để tối ưu đáp ứng của hệ thống và mục tiêu đề ra là độ dự trữ pha và tần số cắt của hệ thống tại giá trị mong muốn theo như lý thuyết điều khiển tự động cho hệ tuyến tính.

**Từ khóa:** Bộ điều khiển PID, phương pháp phản hồi lặp

**12. Ứng dụng viễn thám và GIS đánh giá biến động nhiệt độ bề mặt đất ở huyện EaSup, Đắc Lắc trong giai đoạn 2015-2020/** Nguyễn Thanh Hòa, Phan Văn Thoại// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 44-46.

**Nội dung:** Sử dụng ảnh vệ tinh đa thời gian để đánh giá diễn biến nhiệt độ bề mặt đất trong giai đoạn 2015-2020. Đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu những hậu quả của biến đổi khí hậu tác động lên khu vực, giảm thiểu thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân địa phương.

**Từ khóa:** Nhiệt độ bề mặt, ảnh vệ tinh, viễn thám, GIS

**XÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của một số phế phẩm công nghiệp đến cường độ chịu nén của bê tông Geopolymer/** TS. Phạm Đức Thiện, PGS. TS. Phan Đức Hùng, Nguyễn Trọng Nam// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 113-120.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực nghiệm về ảnh hưởng của một số phế phẩm công nghiệp như bùn đỏ, xỉ thép và xúc tác thải dầu khí đến cường độ chịu nén của bê tông Geopolymer. Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố như thời gian dưỡng hộ nhiệt, nồng độ dung dịch NaOH và tỷ lệ sodium silicat/ sodium hydroxit đến khả năng chịu nén của bê tông geopolumer sử dụng phế phẩm công nghiệp.

**Từ khóa**: Bê tông geopolumer, tro bay, bùn đỏ, xỉ thép, xúc tác thải dầu khí, phế phẩm công nghiệp

**2. Ảnh hưởng của tải trọng lặp đến tuổi thọ của kết cấu bê tông sử dụng bê tông tính năng cao ở môi trường biển/** TS. Hồ Văn Quân, TS. Nguyễn Văn Tươi// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 87-91.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng của tải trọng nén lặp đến tuổi thọ của các kết cấu bê tông sử dụng bê tông tính năng cao chịu tác dụng của 1, 3 và 5 chu kỳ ở các mức 55%, 70% và 85% cường độ nén cuối cùng.

**Từ khóa**: Kết cấu bê tông, hệ số khuếch tán clorua, bê tông tính năng cao, tuổi thọ, tải trọng lặp

**3. Ảnh hưởng độ cong ban đầu đến ổn định cột chịu nén đúng tâm/** ThS. Nguyễn Đăng Điềm// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 10-12.

**Nội dung:** Xây dựng phương trình đường đàn hồi của cột chịu nén đúng tâm ở trạng thái lệch bằng phương pháp thiết lập phương trình vi phân.

**Từ khóa**: Ổn định, cột chịu nén, độ cong ban đầu, chuyển vị ngang, phương trình vi phân

**4. Áp dụng BIM trong quản lý vận hành tòa nhà ở Việt Nam : thuận lợi và khó khăn/** ThS. Hoàng Vân Giang// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 58-59.

**Nội dung:** BIM trong quản lý vận hành tòa nhà; Tình trạng quản lý và vận hành tòa nhà của Việt Nam có phù hợp để áp dụng BIM.

**Từ khóa**: Quản lý vận hành tòa nhà, BIM

**5. Áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) để lựa chọn phương án thi công xây dựng/** ThS. Lê Hải Quân// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 16-20.

**Nội dung:** Giới thiệu nội dung phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) và đề xuất giải pháp áp dụng để lựa chọn phương án thi công xây dựng.

**Từ khóa**: Phương pháp phân tích thứ bậc (AHP), thi công xây dựng

**6. BIM : nhân tố then chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với ngành Xây dựng/** TS. Lê Văn Cư, TS. Nguyễn Phạm Quang Tú// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 38-41.

**Nội dung:** Công nghiệp 4.0 và xu hướng phát triển ngành xây dựng; BIM trong xu hướng Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với ngành Xây dựng; Áp dụng BIM tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành Xây dựng, BIM

**7. Các loại vật liệu phù hợp làm lớp móng cho mặt đường bê tông xi măng/** ThS. Nguyễn Văn Lập// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 27-31.

**Nội dung:** Lớp móng nhân tạo dưới tấm bê tông xi măng có ý nghĩa rất quan trọng trong kết cấu mặt đường cứng, lớp móng có thể sử dụng từ các vật liệu rất đa dạng. Bài báo phân tích, lựa chọn các loại vật liệu phù hợp để làm lớp móng cho kết cấu mặt đường cứng được sử dụng phổ biến hiện nay.

**Từ khóa**: Vật liệu, lớp móng, mặt đường bê tông xi măng

**8. Các phương pháp xác định sức chịu tải của cọc trong nền đất theo TCVN 10304:2014/** Phú Thị Tuyết Nga, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Viết Hùng, TS. Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 76-78.

**Nội dung:** Trình bày các phương pháp thông dụng và áp dụng theo quy trình xác định sức chịu tải của đất nền để thiết kế cọc và móng cọc cho công trình hiệu quả kinh tế.

**Từ khóa**: Khả năng chịu lực của cọc, nền đất yếu, nhà cao tầng, móng cọc, tải trọng tĩnh

**9. Cấu trúc của hỗn hợp bê tông nhựa và khả năng chống biến dạng không hồi phục/** ThS. Đỗ Vương Vinh, PGS. TS. Nguyễn Hữu Trí// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 124-128.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp và kết quả xác định cấu trúc của hỗn hợp bê tông nhựa 12,5 sử dụng phần mềm IPAS-2. Mối quan hệ giữa các thông số cấu trúc của hỗn hợp bê tông nhựa như số lượng tiếp xúc, chỉ số cấu trúc ISI với các thông số thể hiện khả năng chống biến dạng không hồi phục.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, kỹ thuật xử lý ảnh, chỉ số cấu trúc, lún vệt bánh xe, biến dạng không hồi phục

**10. Chính sách và giải pháp thúc đẩy liên kết phát triển vùng đô thị : tổng quan từ kinh nghiệm quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Thanh Hà, PGS. TS. Lưu Bích Ngọc// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 74-81.

**Nội dung:** Hệ thống hóa lại cơ sở lý thuyết về phát triển liên kết vùng đô thị, tổng quan chính sách phát triển vùng đô thị của Thái Lan, Nhật Bản và một số quốc gia ở châu Âu. Đưa ra một số gợi ý chính sách cho Việt Nam nhằm thúc đẩy liên kết phát triển vùng đô thị trong tương lai.

**Từ khóa**: Liên kết vùng, chính sách phát triển đô thị, kinh nghiệm quốc tế

**11. Chuyển đổi cơ sở dữ liệu CAD sang môi trường GIS/** TS. Lê Thị Minh Phương// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 26-29.

**Nội dung:** Trình bày về vai trò của GIS trong quá trình chuyển đổi số; tổ chức dữ liệu trong CAD và GIS; chuyển đổi bản vẽ CAD sang môi trường GIS trên phần mềm ARCGIS.

**Từ khóa**: Cơ sở dữ liệu CAD, môi trường GIS

**12. Đặc điểm độ lún nền đất theo các phương pháp khác nhau/** ThS. NCS. Lâm Ngọc Quý, PGS. TS. Bùi Trường Sơn// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 101-105.

**Nội dung:** Trình bày kết quả độ lún dự tính trên cơ sở các phương pháp tính khác nhau ứng với các đặc trưng biến dạng khác nhau.

**Từ khóa**: Độ lún nền đất, đặc trưng biến dạng, sơ đồ bài toán phẳng

**13. Đánh giá độ chính xác kết quả quan trắc nghiên nhà cao tầng bằng máy toàn đạc điện tử không gương/** Lê Thị Hà// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 7(357) .- Tr. 25-27.

**Nội dung:** Xác định các giá trị biến dạng để đánh giá độ ổn định của kết cấu và đưa ra biện pháp ngăn chặn kịp thời để đảm bảo kết cấu hoạt động bình thường.

**Từ khóa:** Nhà cao tầng, máy toàn đạc điện tử không gương, quan trắc

**14. Đánh giá hư hỏng cho nhà khung bê tông cốt thép thấp tầng chịu động đất bằng đồ thị trạng thái phá hủy/** TS. Ngô Văn Thuyết// Xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 60-63.

**Nội dung:** Đánh giá hư hỏng cho nhà khung bê tông cốt thép thấp tầng chịu động đất bằng đồ thị trạng thái phá hủy được khảo sát bằng phân tích số.

**Từ khóa**: Nhà khung bê tông cốt thép, đồ thị trạng thái phá hủy, đánh giá hư hỏng, trạng thái hư hỏng

**15. Đánh giá khả năng kháng cắt của cầu dầm bê tông cốt thép nhịp giản đơn theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823-2017/** PGS. TS. Hoàng Hà, TS. Nguyễn Đức Thị Thu Định, TS. Hoàng Vũ// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 35-39.

**Nội dung:** Giới thiệu tóm tắt phương pháp tính toán đánh giá sức kháng cắt của cầu dầm bê tông cốt thép theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823-2017; so sánh phương pháp tính toán sức kháng cắt của dầm bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn hiện hành này với một số tiêu chuẩn thiết kế đã ban hành trước đây. Một số ví dụ tính toán đối chứng được thực hiện làm cơ sở cho đề xuất quy trình tính toán phù hợp với thực tế thiết kế.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, mô hình đánh giá sức kháng cắt, TCVN 11823-2017

**16. Đánh giá rủi ro trong quá trình thực hiện các dự án xây dựng Công trình Xanh tại Việt Nam/** Nguyễn Duy Hưng, Đỗ Hữu Nhật Quang// Xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 64-69.

**Nội dung:** Xác định và đánh giá các yếu tố rủi ro xuyên suốt các giai đoạn của một dự án xây dựng công trình xanh.

**Từ khóa**: Rủi ro, công trình xanh, xây dựng bền vững, Việt Nam

**17. Đánh giá sức chịu tải của cọc bê tông cốt thép xử lý nền đất yếu khu vực Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang/** TS. Đỗ Hữu Đạo, KS. Nguyễn Thanh Tùng// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 110-115.

**Nội dung:** Dùng phương pháp phân tích PCA để phân tích ảnh hưởng của một số tham số kích thước hình học, cơ học vật liệu cọc, độ lún và thời gian thí nghiệm nén tĩnh đến sức chịu tải cho cọc. Trên cơ sở đó xây dựng một số phương trình hồi quy để xác định các hàm ảnh hưởng của các tham số trên đến sức chịu tải của cọc.

**Từ khóa**: Cọc bê tông cốt thép, nền đất yếu, phương pháp thí nghiệm nén tĩnh, sức chịu tải cọc, Principle Component Analysis

**18. Đánh giá thực trạng công tác quan trắc đường đắp trên nền đất yếu trong điều kiện Việt Nam/** ThS. Trần Thị Thảo// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 10(360) .- Tr. 21-22.

**Nội dung:** Phân tích và đánh giá thực trạng công tác quan trắc độ lún nền đường đắp trên đất yếu với mong muốn các nhà thầu sẽ quan tâm hơn nữa đến khâu quan trắc độ lún khi thi công các công trình giao thông nói chung và với các tuyến đường đắp trên nền đất yếu nói riêng.

**Từ khóa:** Công tác quan trắc, nền đất yếu, thực trạng

**19. Đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro trong triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại Đà Nẵng/** Phạm Thị Trang// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 79-85.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư tại Đà Nẵng. Đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro trong triển khai thực hiện dự án PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện cho các dự án được phát triển bền vững trong điều kiện môi trường không chắc chắn như hiện nay.

**Từ khóa**: Hình thức đối tác công tư, quản lý rủi ro, giải pháp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật

**20. Đô thị khả năng phục hồi hậu thảm họa và khủng hoảng/** TS. Trần Minh Hùng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 20-23.

**Nội dung:** Đại dịch Covid-19 cho thấy khả năng phản ứng kịp thời của các đô thị Việt Nam. Là dấu hiệu để chúng ta bắt buộc thay đổi tư duy “làm đô thị” với một số yếu tố cần được xem xét dưới góc độ quy hoạch, xây dựng và phát triển các đô thị Việt Nam từ đây về sau, nhằm giúp các thành phố trở nên nhân văn hơn, con người hơn để phục hồi mạnh mẽ hơn và thích ứng hơn cho một tương lai đầy biến động.

**Từ khóa**: Thảm họa, khủng hoảng, đô thị, Covid-19

**21. Dự báo tuổi thọ của kết cấu bê tông cốt thép trong môi trường biển bằng phần mềm Life-365/** ThS. NCS. Nguyễn Long Khánh, PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 92-95.

**Nội dung:** Trình bày kết quả dự báo tuổi thọ công trình bê tông cốt thép tại vùng biển Hải Phòng bằng phần mềm Life-365, kết quả ban đầu cho thấy thời gian khởi đầu ăn mòn của công trình bê tông cốt thép tại vùng biển Hải Phòng là khá sớm. Nghiên cứu cũng đề xuất việc sử dụng phần mềm Life-365 làm công cụ để dự báo tuổi thọ công trình.

**Từ khóa**: Tuổi thọ, bê tông cốt thép, hệ số khuếch tán do nồng độ clo tích lũy, phần mềm Life-365

**22. Giải pháp đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ/** TS. Phạm Phú Cường// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 171-173.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng về công tác giải ngân vốn đầu tư công trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông trong thời gian qua, qua đó thấy được các nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác giải ngân vốn đầu tư công trong quá trình triển khai thực hiện dự án và đề xuất các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

**Từ khóa**: Giải ngân, vốn đầu tư công, cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ

**23. Giải pháp nâng cao tính dính bám giữa hai lớp vật liệu bê tông và vữa qua thí nghiệm cắt hai mặt/** TS. Vũ Ngọc Linh, PGS. TS. Lương Xuân Bính// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 46-50.

**Nội dung:** Nghiên cứu về khả năng dính bám giữa hai lớp vật liệu bê tông cũ và lớp vữa sửa chữa thông qua thí nghiệm cắt hai mặt.

**Từ khóa**: Sữa chữa tăng cường, dính bám giữa hai vật liệu, thí nghiệm cắt hai mặt

**24. Giải phương trình vi phân phi tuyến cấp ba bằng phương pháp phân tích Adomian/** ThS. Trần Thị Trâm// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 67-69.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp phân tích Adomian cải tiến để đạt được nghiệm của phương trình vi phân phi tuyến cấp ba. Chứng minh nghiệm chuỗi đạt được hội tụ nhanh hơn so với chuỗi đạt được bởi phương pháp ADM thông thường. Đưa ra ví dụ mô phỏng.

**Từ khóa**: Phương trình vi phân, phi tuyến, Adomian

**25. Giới thiệu về cọc dạng hình nêm/** TS. Nguyễn Kế Trường, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Thị Hằng, Phú Thị Tuyết Nga// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 112-114.

**Nội dung:** Giới thiệu loại cọc nêm sử dụng trong móng công trình vào nền đất để tăng độ chặt của nền – giảm lỗ rỗng, tăng khả năng chịu lực cho nền – tăng góc ma sát của đất và giảm độ lún.

**Từ khóa**: Địa kỹ thuật xây dựng, cọc dạng nêm, xử lý nền đất, móng nông

**26. Hoàn thiện quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị hiện nay ở Việt Nam/** Lê Thị Phương Lan// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 62-66.

**Nội dung:** Tổng kết những thành tựu và hạn chế trong công tác quy hoạch đô thị hiện nay và đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao nhận thức cũng như hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị hiện nay ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thi, đô thị, quản lý nhà nước, giải pháp

**27. Khả năng ứng dụng bê tông xi măng đầm lăn sử dụng cốt liệu tái chế trong xây dựng đường ô tô ở Việt Nam/** ThS. NCS. Nguyễn Thị Hương Giang, GS. TS. Bùi Xuân Cậy, ThS. Lê Quang Huy// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 32-37.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu khả năng ứng dụng của bê tông đầm lăn sử dụng cốt liệu tái chế trong xây dựng đường ô tô ở Việt Nam. Kết quả cho thấy bê tông đầm lăn sử dụng cốt liệu tái chế đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật trong xây dựng đường ô tô.

**Từ khóa**: Bê tông đầm lăn, cốt liệu tái chế, đường ô tô

**28. Kinh nghiệm thành công trong quá trình chuẩn bị triển khai BIM của các doanh nghiệp Việt Nam/** ThS. Tống Thị Nguyệt, TS. Phùng Anh Quân// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 50-53.

**Nội dung:** Đưa ra 6 yếu tố cơ bản trong việc chuẩn bị triển khai BIM của 12 doanh nghiệp đã thành công áp dụng BIM là chiến lược phát triển, cơ cấu điều hành doanh nghiệp, quy trình quản lý, nhân sự, công nghệ và quản lý thông tin.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp Việt Nam, BIM

**29. Lựa chọn phương pháp bình sai lưới quan trắc lún công trình dựa vào dãy chênh cao đo/** ThS. Tạ Thanh Loan// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 9(359) .- Tr. 29-31.

**Nội dung:** Tóm tắt nội dung phương pháp bình sai gián tiếp và điều kiện lưới quan trắc lún công trình dựa vào dãy chênh cao đo.

**Từ khóa:** Phương pháp bình sai, lưới quan trắc lún

**30. Một nghiên cứu thực nghiệm bê tông hàm lượng tro bay cao có cường độ cao làm mặt đường ô tô ở Việt Nam/** TS. Thái Minh Quân, PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang, ThS. Lê Thu Trang, ThS. NCS. Hoàng Tiến Văn// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 105-109.

**Nội dung:** Trình bày về thiết kế thành phần bê tông xi măng hàm lượng tro bay cao làm đường theo Tiêu chuẩn ACI1211.1 với tỷ lệ thay thế xi măng từ 30-50% theo khối lượng với cường độ mục tiêu là 45 MPa.

**Từ khóa**: Bê tông hàm lượng tro bay cao, tro bay, tính chất cơ học, bê tông mặt đường

**31. Nghiên cứu ảnh hưởng của chênh lệch nhiệt độ giữa mặt cầu và đáy dầm đến nội lực kết cấu nhịp cầu bản rộng bê tông cốt thép, nhịp liên tục, dạng khung cứng đổ toàn khối tại mố/** PGS.TS. Phạm Văn Thoan// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 5-9.

**Nội dung:** Trình bày cấu tạo, mô hình tính toán loại cầu này bằng việc ứng dụng phần mềm phân tích kết cấu cầu MIDAS/ civil.

**Từ khóa**: Cầu khung bê tông cốt thép, đáy dầm, chênh lệch nhiệt độ, mặt cầu

**32. Nghiên cứu ảnh hưởng của tro xỉ nhiệt điện đến khả năng chống thấm ion Clo của bê tông hạt nhỏ/** PGS. TS. Lê Thanh Hà// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 29-34.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng tro xỉ đến khả năng chống thấm ion Clo của bê tông hạt nhỏ tính năng cao.

**Từ khóa**: Tro bay, xỉ đáy lò, bê tông hạt nhỏ tính năng cao, độ chống thấm ion Clo

**33. Nghiên cứu ảnh hưởng của tro xỉ nhiệt điện đến tính chất của bê tông hạt nhỏ tính năng cao/** Lê Thanh Hà, Vũ Tố Hồng Nga// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 26-31.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng của hàm lượng tro bay và xỉ đáy lò nghiền mịn đến tính chất của hỗn hợp bê tông và bê tông hạt nhỏ tính năng cao.

**Từ khóa**: Tro bay, xỉ đáy lò, bê tông hạt nhỏ tính năng cao, cường độ chịu nén

**34. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tính bền vững của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ/** ThS. Lã Ngọc Minh// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 120-123.

**Nội dung:** Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến tính bền vững của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, trong đó phân tích nhân tố có ảnh hưởng quan trong trong nhóm các trụ cột bền vững gồm môi trường, kinh tế, xã hội, thiết kế và kỹ thuật, thực hiện các chính sách và quy định của Nhà nước.

**Từ khóa**: Phát triển bền vững, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nhân tố ảnh hưởng

**35. Nghiên cứu chế tạo vật liệu làm kết cấu móng mặt đường sử dụng cát đỏ Bình Thuận và tro bay Vĩnh Tân/** TS. Thái Minh Quân, PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang, ThS. NCS. Vũ Hoàng Giang, ThS. Nguyễn Ngọc Nghĩa// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 21-25.

**Nội dung:** Đề cập đến việc chế tạo vật liệu gốc xi măng sử dụng cát đỏ Bình Thuận và tro bay Vĩnh Tân làm kết cấu móng mặt đường.

**Từ khóa**: Kết cấu móng mặt đường, cát đỏ, tro bay

**36. Nghiên cứu đề xuất kết cấu bản bê tông cốt liệu nhẹ thay thế cho tà vẹt gỗ trên cầu đường sắt/** Trần Thế Truyền, Đoàn Bảo Quốc, Từ Sỹ Quân, Phạm Văn Hùng// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 32-36.

**Nội dung:** Phân tích và đánh giá các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của phương án thiết kế bản bê tông nhẹ sử dụng cốt thép thường, cốt composite sợi thủy tinh so với trường hợp bản sử dụng bê tông thường cốt thép thường trên các phương diện khác nhau nhằm đánh giá khả năng sử dụng thay thế cho tà vẹt gỗ trên cầu đường sắt.

**Từ khóa**: Bê tông cốt liệu nhẹ, cầu đường sắt, tà vẹt gỗ, GFRP

**37. Nghiên cứu độ võng uốn-xoắn của dầm giản đơn chịu tác dụng của tải trọng di động/** Đặng Thu Thủy// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 11-13.

**Nội dung:** Trình bày những nghiên cứu vềđộvõng động lực uốn-xoắn của dầm giản đơn chịu tác dụng của đoàn tải trọng di động.

**Từ khóa**: Dầm giản đơn, tải trọng di động, độ võng uốn xoắn

**38. Nghiên cứu giải pháp kết cấu và công nghệ chế tạo dầm bê tông dự ứng lực tiết diện chữ T nhịp lớn 50m/** TS. Phùng Bá Thắng, PGS. TS. Đặng Gia Nải, TS. Đặng Việt Đức// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 30-34.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu đề xuất giải pháp kết cấu và công nghệ chế tạo dầm bê tông dự ứng lực khẩu độ lớn nhịp 50m tiết diện chữ T trên cơ sở cải tiến dầm định hình bê tông dự ứng lực truyền thống.

**Từ khóa**: Dầm bê tông dự ứng lực, công nghệ chế tạo, dầm bê tông cốt cứng, dự ứng lực ngoài

**39. Nghiên cứu hiệu ứng cánh điều chỉnh gió FLAP trên mặt cắt ngang dầm hình chữ nhật có tỉ số tiết diện nhỏ thông qua mô phỏng CFD sử dụng mô hình RANS/** TS. Trần Anh Đạt// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu hiệu ứng của cánh điều chỉnh gió flap được gắn trên mặt cắt ngang hình chữ nhật có tỉ số tiết diện chiều rộng trên chiều cao nhỏ thông qua mô phỏng số động lực học chất lưu CFD ứng dụng mô hình RANS.

**Từ khóa**: Mặt cắt ngang cầu nhịp lớn, tải trọng gió, flap, RANS, dầm hình chữ nhật, khí động học

**40. Nghiên cứu khả năng gia cố kết cấu áo đường bằng Neo-Web so với phương pháp truyền thống/** ThS. Tạ Thị Huệ// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 25-28, 44.

**Nội dung:** Trình bày đặc điểm địa chất khu vực thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và tình hình sử dụng vật liệu xây dựng đường truyền thống so sánh với việc xây dựng đường có sử dụng “vật liệu Neo – web” về các trạng thái an toàn kiểm tra theo tiêu chuẩn độ võng đàn hồi, kiểm tra theo điều kiện kéo uốn để giới thiệu thêm vật liệu xây dựng đường mới đảm bảo đáp ứng nhu cầu về cường độ và tuổi thọ.

**Từ khóa**: Địa chất, vật liệu truyền thống, vật liệu Neo – web, trạng thái kéo uốn, độ võng đàn hồi

**41. Nghiên cứu sự làm việc của bản quá độ trong cầu toàn khối/** Nguyễn Mạnh Hà, Phạm Tuấn Thanh// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 5-9.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về việc sử dụng các dạng bản quá độ trong cầu toàn khối, vai trò của nó trong việc hạn chế độ lún đoạn nền đường đầu cầu. Nghiên cứu sự làm việc của bản quá độ trong quá trình khai thác sử dụng bằng chương trình PTHH Plaxis 2D, từ đó đưa ra các khuyến nghị thiết kế bản quá độ cho cầu toàn khối trong điều kiện Việt Nam.

**Từ khóa**: Bản quá độ, cầu toàn khối, độ lún, mô men, Plaxis

**42. Nghiên cứu thiết kế thành phần bê tông chất lượng cao đảm bảo cường độ nén và độ bền trong môi trường biển quần đảo Trường Sa Việt Nam/** GS. TSKH. Phạm Duy Hữu, NCS. Đặng Thị Thu Hiền// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 38-42.

**Nội dung:** Trình bày cơ sở lý thuyết để thiết kế thành phần bê tông chất lượng cao theo các phương pháp dựa trên cấp bê tông và độ bền của bê tông.

**Từ khóa**: Bê tông chất lượng cao, cường độ nén, môi trường biển

**43. Nghiên cứu thực nghiệm xác định đường cong ứng suất – biến dạng của bê tông cường độ cao từ 60Mpa đến 80Mpa sử dụng vật liệu khu vực Đông Nam Bộ/** ThS. Võ Vĩnh Bảo, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long, GS. TS. Trần Đức Nhiệm// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 40-45.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm xây dựng đường cong quan hệ ứng suất – biến dạng của 3 cấp phối bê tông cường độ cao sử dụng vật liệu khu vực Đông Nam bộ C60, C70, C80 nhằm phục vụ cho công tác tính toán sức kháng uốn của dầm cầu bê tông dự ứng lực khi sử dụng bê tông cường độ cao.

**Từ khóa**: Bê tông cường độ cao, vật liệu khu vực Đông Nam bộ, đường cong ứng suất biến dạng

**44. Nghiên cứu ứng dụng mạng nơ-ron nhân tạo để ứng xử bê tông trong thí nghiệm nén một trục/** Trần Văn Tiếng, Lê Ích Trọng// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 106-112.

**Nội dung:** Đề xuất sử dụng mạng nơ-ron nhân tạo để dự đoán cường độ chịu nén của bê tông từ các thành phần cấp phối khác nhau thông qua bộ dữ liệu nén mẫu thực nghiệm. Giá trị cường độ ghi nhận sau quá trình xấp xỉ sẽ làm thông số đầu vào cho hàm mục tiêu LIT.

**Từ khóa**: Thí nghiệm nén mẫu bê tông, mô hình ứng xử, giải thuật di truyền, mạng nơ-ron nhân tạo

**45. Nghiên cứu và áp dụng thuật toán siêu máy học xác định cường độ uốn của bê tông xỉ lò cao/** TS. Lý Hải Bằng, TS. Nguyễn Thùy Anh, ThS. Nguyễn Duy Hưng// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 35-39.

**Nội dung:** Đề xuất mô hình Extreme Learning Machine để dự đoán cường độ uốn của bê tông sử dụng xỉ lò cao với tỷ lệ thay thế xi măng khác nhau một cách nhanh chóng và đạt hiệu suất cao.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, bê tông xỉ lò cao, siêu máy học, cường độ uốn

**46. Nguyên tắc chung xác định sức chịu tải của cọc trong nền đất theo TCVN 10304:2014/** Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Minh Hùng, TS. Nguyễn Kế Tường, Nguyễn Thị Hằng// Xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 57-59.

**Nội dung:** Móng cọc – tiêu chuẩn thiết kế - TCVN 10304:2014 là tiêu chuẩn trình bày các tiêu chí tính toán xác định sức chịu tải của cọc trong đất nền của nước Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng có sử dụng cọc trong kết cấu móng.

**Từ khóa**: Móng cọc, cọc nhồi, đất nền, góc ma sát, sức chịu tải của cọc

**47. Những nét mới trong phát triển nhà ở xã hội trên thế giới và ở Việt Nam/** Lê Thị Thúy Hà// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 34-39.

**Nội dung:** Vai trò của nhà ở xã hội đối với thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế nói chung trong bối cảnh mới; Những nét mới trong các tiếp cận và chính sách về nhà ở xã hội tại Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Nhà ở xã hội, thị trường bất động sản

**48. Những thách thức trong phát triển hạ tầng xanh đô thị : bài học kinh nghiệm từ Hoa Kỳ/** NCS. Lê Thu Trang, NCS. Trần Ngô Đức Thọ// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 82-87.

**Nội dung:** Giới thiệu về khái niệm hạ tầng xanh, các nguyên tắc quy hoạch và một số ví dụ về quy hoạch hạ tầng xanh thành công ở Hoa Kỳ, sau đó tổng kết các khó khăn và thách thức mà chính quyền địa phương và người dân Hoa Kỳ gặp phải khi ứng dụng hạ tầng xanh. Đưa ra một số đề xuất để phát triển hạ tầng xanh ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Hạ tầng xanh, quy hoạch đô thị, Hoa Kỳ

**49. Ô nhiễm môi trường trong các công trình xây dựng/** Ngô Đức Trung// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 56-57.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng ô nhiễm môi trường tại các công trình xây dựng và các biện pháp phòng tránh ô nhiễm môi trường.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, công trình xây dựng

**50. Phân tích ổn định tới hạn của tấm phân lớp chức năng dưới tác dụng của tải trọng do nhiệt độ theo lý thuyết tiếp cận 3 chiều/** TS. Nguyễn Văn Hậu// Xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 47-51.

**Nội dung:** Trình bày lý thuyết tiếp cận 3 chiều cho phân tích ổn định tới hạn của tấm phân lớp chức năng dưới tác dụng của tải trọng do nhiệt độ.

**Từ khóa**: Tấm phân lớp chức năng, phân tích ổn định

**51. Phân tích sự làm việc của hệ giằng bản cánh trên trong cầu dầm hộp thép liên hợp bản bê tông cốt thép/** KS. Nguyễn Ngọc Khánh// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 10-15.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu phần tử hữu hạn về hệ thống giằng trên trong dầm hộp thép trong quá trình xây dựng. Kết quả cho thấy lực lớn có thể phát triển trong hệ giàn ngang do dầm hộp bị uốn dọc. Đối với hệ thống giàn có một đường chéo, lực trong các thanh chéo thay đổi lớn hơn đối với trường hợp dùng hệ thống giàn dạng chữ X.

**Từ khóa**: Hệ giằng bản cánh trên, hệ giằng chữ X, bê tông cốt thép, dầm thép

**52. Phân tích tính toán mỏi của bản mặt cầu bê tông cốt thép sử dụng chương trình Midas/** ThS. Nguyễn Công Thức, ThS. Vũ Đoàn Quân// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 129-132.

**Nội dung:** Dựa trên kết quả nghiên cứu về lý thuyết và thực nghiệm, đặc trưng về moit của cấu kiện chịu uốn dưới tác dụng của tải trọng lặp được phân tích tính toán. Quá trình tính toán được tiến hành trên phần mềm Midas 2011 để kiểm chứng độ tin cậy của đặc trưng kể trên.

**Từ khóa**: Bản mặt cầu, bê tông cốt thép, mỏi, mô phỏng số, phần mềm Midas

**53. Phân tích ứng xử của dầm bê tông được tăng cường dán bản thép/** ThS. Phùng Tăng Nghị// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 22-26.

**Nội dung:** Để đánh giá chi tiết sự làm việc của kết cấu sau khi được tăng cường bằng dán bản thép, bài báo phân tích chi tiết ứng xử của dầm sau khi dán bản thép.

**Từ khóa**: Dán bản thép, Polyme gia cố sợi, dự ứng lực ngoài

**54. Phân tích ứng xử của kết cấu bản bê tông nhẹ cốt composite sợi thủy tinh (GFRP) dùng thay thế tà vẹt gỗ trên cầu dầm thép đường sắt/** PGS. TS. Trần Thế Truyền, ThS. Phạm Văn Hùng, TS. Từ Sỹ Quân, ThS. Đoàn Bảo Quốc, TS. Hồ Xuân Ba// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 51-56.

**Nội dung:** Giới thiệu đề xuất thiết kế bản bê tông nhẹ cốt composite sợi thủy tinh dùng thay thế tà vẹt gỗ trên các cầu dầm thép đường sắt. Các tính toán phân tích ứng xử của kết cấu bản bê tông nhẹ - cốt GFRP dùng thay cho tà vẹt gỗ được thực hiện bằng mô phỏng số với bài toán gia tải tĩnh và gia tải động của tải trọng toàn cầu.

**Từ khóa**: Bê tông nhẹ, cốt composite sợi thủy tinh (GFRP), tà vẹt gỗ, cầu dầm thép đường sắt

**55. Phương pháp dự toán chi phí ứng phó rủi ro trong dự án đầu tư xây dựng/** ThS. Phạm Thúy Bình, PGS. TS. Nguyễn Thế Quân, ThS. Đỗ Hữu Khoa// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 74-80.

**Nội dung:** Xem xét việc phân loại các chi phí ứng phó rủi ro trong điều kiện dự án đầu tư xây dựng, dựa trên nền tảng các lý thuyết về quản lý rủi ro dự án để xác định các chiến lược đối phó rủi ro, từ đó vận dụng các phương pháp dự toán chi phí phù hợp để ước lượng các chi phí này.

**Từ khóa**: Rủi ro dự án đầu tư xây dựng, chi phí ứng phó rủi ro, chi phí dự phòng, kế hoạch quản lý rủi ro

**56. Quy hoạch đô thị tác động tới giá trị đất đai và thị trường bất động sản/** TS. Lý Văn Vinh// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Trình bày về lý thuyết và thực tế quy hoạch đô thị tác động tới giá trị đất đai và thị trường bất động sản để hiểu rõ hơn việc giá đất tăng hiện nay.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, bất động sản

**57. Quy hoạch đô thị Tp. Hồ Chí Minh và thị trường bất động sản/** Nguyễn Đăng Sơn// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 48-51.

**Nội dung:** Quy hoạch đô thị và thị trường bất động sản; Quan hệ giữa quy hoạch đô thị và thị trường bất động sản; Quy hoạch đô thị Tp. Hồ Chí Minh và thị trường bất động sản.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, thị trường bất động sản

**58. So sánh ứng xử ngang của gối cách chấn đàn hồi cốt sợi không liên kết hình khối hộp và hình trụ tròn có cùng diện tích mặt cắt ngang bằng phân tích mô hình số/** TS. Ngô Văn Thuyết// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 64-67.

**Nội dung:** Trình bày sosánh ứng xử ngang của các gối cách chấn đàn hồi cốt sợi không liên kết hình khối hộp và hình trụ tròn có cùng diện tích mặt cắt ngang chịu đồng thời tải trọng thẳng đứng và chuyển vị ngang vòng lặp bằng phân tích mô hình số.

**Từ khóa**: Gối cách chấn đáy, gối cách chấn đàn hồi cốt sợi không liên kết, độ cứng ngang hiệu dụng, chuyển vị ngang vòng lặp

**59. Sử dụng toán học hóa trong dạy học môn hình họa vẽ kỹ thuật/** TS. Vũ Hữu Tuyên, ThS. Đỗ Việt Anh// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 70-73.

**Nội dung:** Phân tích sự khác biệt giữa khái niệm toán học hóa và mô hình hóa, trong đó mô hình hóa là một giai đoạn của quá trình toán học hóa. Nghiên cứu đã xây dựng quy trình ứng dụng toán học hóa thông qua dạy học Hình học và Vẽ kỹ thuật, từ đó đưa ra một số ví dụ minh họa cho việc áp dụng các giai đoạn của quá trình toán học hóa trong dạy học.

**Từ khóa**: Toán học hóa, mô hình hóa, bài toán thực tiễn

**60. Sức chịu tải cọc dạng nêm theo chỉ tiêu cơ lý đất nền/** Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Phan Thành Nhân, TS. Nguyễn Kế Tường, Phú Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thị Hằng// Xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 44-46.

**Nội dung:** Giới thiệu phương pháp xác định sức chịu tải của loại cọc nêm theo đất nền theo phương pháp chỉ tiêu cơ lý của đất nền, sử dụng cho móng công trình để tăng hiệu quả kinh tế.

**Từ khóa**: Địa kỹ thuật xây dựng, cọc dạng nêm, sức chịu tải cọc nêm, móng nông

**61. Sức chịu tải cọc dạng nêm theo cường độ đất nền/** Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Viết Hùng, Võ Thanh Hùng, TS. Nguyễn Kế Tường, Phú Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thị Hằng// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 56-57.

**Nội dung:** Giới thiệu phương pháp xác định sức chịu tải của loại cọc nêm theo phương pháp cường độ của đất nền, sử dụng cho móng công trình để tăng hiệu quả kinh tế.

**Từ khóa**: Địa kỹ thuật xây dựng, cọc dạng nêm, sức chịu tải cọc nêm, cường độ đất

**62. Thành lập và quy hoạch liên kết đô thị ở Pháp/** TS. Vũ Chí Đồng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 64-73.

**Nội dung:** Đưa ra những nội dung về quy hoạch lãnh thổ quốc gia và quy hoạch vùng để nhìn nhận rõ hơn về hệ thống lãnh thổ - dù sơ lược nhưng cũng chỉ ra nét chính để mở hướng cho bạn đọc tìm hiểu kỹ hơn sau này.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, liên kết đô thị, Pháp

**63. Thi công cọc khoan nhồi tại trên nền hang castơ/** ThS. Trần Thị Phương Lan// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 30-33.

**Nội dung:** Trình bày một số các giải pháp ứng dụng thực tế từ kinh nghiệm thi công cọc khoan nhồi trên nền đá nói chung vàhang castơ nói riêng.

**Từ khóa**: Cọc khoan nhồi, hang castơ, sự cố thi công, giải pháp

**64. Thị trường bất động sản và chất lượng không gian đô thị/** TS. KTS. Trương Văn Quảng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 14-17.

**Nội dung:** Mối quan hệ giữa thị trường bất động sản và quy hoạch phát triển đô thị; Phát triển thị trường bất động sản không tách rời chất lượng không gian sống đô thị.

**Từ khóa**: Không gian đô thị, bất động sản

**65. Thiết kế thành phần và đặc tính kỹ thuật của bê tông đầm lăn hàm lượng tro bay cao làm lớp móng mặt đường ô tô/** PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang, ThS. Trương Văn Quyết, KS. Phạm Đình Huy Hoàng// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 72-75.

**Nội dung:** Giới thiệu một phương pháp thiết kế thành phần bê tông đầm lăn hàm lượng tro bay cao làm lớp móng mặt đường, ở tuổi 28 ngày, bê tông đầm lăn lớp móng đạt cường độ chịu nén 14-32 Mpa, cường độ chịu ép chẻ đạt 1,7-3,6 MPa, mô-đun đàn hồi đạt từ 24,8-38,8 Gpa tương ứng với tỷ lệ thay thế tro bay từ 60-80% theo khối lượng chất kết dính.

**Từ khóa**: Bê tông đầm lăn, hàm lượng tro bay cao, chất kết dính, cường độ

**66. Thực trạng và đề xuất mô hình quản lý hệ thống Cơ sở dữ liệu Nhà ở xã hội Việt Nam/** TS. Nguyễn Văn Tuyên// Xây dựng .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 76-80.

**Nội dung:** Bằng phương pháp phân tích tổng hợp tài liệu và thông tin thực trạng, nhận diện những vấn đề còn tồn tại của công tác quản lý nhà ở xã hội tại Việt Nam. Từ đó, đưa ra mô hình quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu nhà ở xã hội Việt Nam nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà ở xã hội nói riêng, ngành xây dựng nói chung.

**Từ khóa**: Nhà ở xã hội, cơ sở dữ liệu, quản lý

**67. Tìm đường tần suất lý luận phù hợp đặc điểm mưa ở vùng thiết kế khi xác định tham số mưa tính toán công trình thoát nước trên đường/** TS. Nguyễn Anh Tuấn// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Xây dựng phương pháp tìm hàm phân bố xác suất phù hợp với đặc điểm mưa vùng thiết kế cho tham số lượng mưa ngày tính toán.

**Từ khóa**: Đường tần suất, công trình thoát nước, đường giao thông, lượng mưa ngày

**68. Tính toán công trình chịu động đất theo tiêu chuẩn TCVN 9386:2012 có kể đến các đặc trưng bất định của các tham số, bằng cách số hóa các tham số của tiêu chuẩn và bằng thuật toán Monte – Carlo cải tiến để phân tích/** Nguyễn Văn Phó, Nguyễn Võ Thông, Vũ Trọng Huy// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 108-111.

**Nội dung:** Xác định đáp ứng mờ của công trình chịu tải trọng động đất, được tính toán theo tiêu chuẩn thiết kế kháng chấn Việt Nam TCVN 9386:2012. Các tham số mờ của tiêu chuẩn được số hóa bằng các biến mờ. Bài toán được giải bằng phương pháp Monte-Carlo cải tiến.

**Từ khóa**: Tập hợp mờ, mờ hóa, phương pháp Monte Carlo cải tiến

**69. Tính toán dao động phi tuyến của móng máy trên nền đàn nhớt cấp phân số chịu kích động lệch tâm/** TS. Bùi Thị Thúy// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Nghiên cứu và tìm ra nghiệm của phương trình vi phân dao động phi tuyến của móng máy trên nền đàn nhớt cấp phân số chịu kích động lệch tâm.

**Từ khóa**: Dao động phi tuyến, móng máy, cấp phân số, lệch tâm

**70. Tính toán kết cấu công trình chịu tải trong động đất theo phương pháp lịch sử thời gian, có xét đến tương tác phi tuyến kết cấu – đất nền/** TS. Phạm Tuấn Anh, ThS. Giáp Văn Lợi// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 89-93.

**Nội dung:** Đưa ra một số mô hình mới trong phân tích kết cấu công trình chịu tải trọng động đất bằng phương pháp lịch sử thời gian.

**Từ khóa**: Kết cấu khung, tải trọng động đất, lịch sử thời gian, kết cấu công trình

**71. Tính toán từ biến của bê tông theo các mô hình khác nhau**/ Trần Thu Hiền// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân.- 2021 .- Số1(44) .- Tr. 3-9.

**Nội dung**: Giới thiệu về hiện tượng từ biến của bê tông. Bốn mô hình gồm ACI-209R-92, Eurocode 2, CEB FIP 90-99 và GL 2000 được sử dụng để tính toán từ biến của một cột bê tông chịu nén bởi ứng suất không đổi. Kết quả mô hình GL 2000 cho giá trị biến lớn nhất so với 3 mô hình còn lại.

**Từ khóa**: Bê tông, tính toán từ biến

**72. Tổng quan sử dụng phương pháp phần tử rời rạc mô phỏng thí nghiệm ba trục với mô hình tiếp xúc đàn hồi phi tuyến/** Lương Nguyễn Hoàng Phương, Nguyễn Văn Linh// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 14-17.

**Nội dung:** Tìm hiểu ứng xử ở quy mô hạt. Ứng xử được mô phỏng bởi vật liệu hạt bằng phương pháp phần tử rời rạc thường được xác định một cách định tính. So sánh định tính kết quả mô phỏng do vật liệu hạt bằng phương pháp phần tử rời rạc thực hiện với các nghiên cứu thực nghiệm.

**Từ khóa**: Thí nghiệm ba trục, phương pháp phần tử rời rạc, mô phỏng

**73. Tổng quan về mối quan hệ giữa quy hoạch đô thị và bất động sản/** ThS. Sầm Minh Tuấn, ThS. Lê Đại Dương// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 6-9.

**Nội dung:** Nghiên cứu một số điểm chính về tác động của quy hoạch đô thị đối với thị trường bất động sản và các điểm quan trọng cần tập trung trong quy hoạch đô thị nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và cân bằng của thị trường bất động sản trong quá trình phát triển đô thị thông qua quy hoạch.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, bất động sản

**74. Tự động hóa việc bóc tách khối lượng và dự toán chi phí xây dựng trong dự án đầu tư xây dựng trên nền tảng BIM/** Nguyễn Thế Quân, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Thị Hoan// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 54-59.

**Nội dung:** Hệ thống lý thuyết về các giải pháp khai thác mô hình BIM cho công tác tính chi phí xây dựng được đề xuất thông qua việc phân tích quy trình tính toán chi phí xây dựng, sau đó kiểm định thông qua các kết quả nghiên cứu trước và các thông tin thực tiễn về hoạt động bóc tách khối lượng, tính chi phí xây dựng trên nền tảng BIM.

**Từ khóa**: Mô hình thông tin công trình, bóc tách khối lượng, chi phí xây dựng, dự toán chi phí, tự động hóa

**75. Ứng dụng BIM trong quản lý an toàn thi công xây dựng/** TS. Nguyễn Quốc Toản// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 46-49.

**Nội dung:** Ứng dụng BIM quản lý an toàn trong thi công xây dựng; Lựa chọn công cụ xây dựng mô hình BIM phù hợp cho quản lý an toàn thi công xây dựng; Thách thức khi ứng dụng BIM trong quản lý an toàn trong thi công xây dựng ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Thi công xây dựng, BIM

**76. Ứng dụng GIS trong quy hoạch xây dựng/** PGS. TS. KTS. Lưu Đức Cường, ThS. Trịnh Thị Phin// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 30-33.

**Nội dung:** Trình bày ứng dụng GIS và một số lợi ích cho quy hoạch xây dựng trong thời đại 4.0; quy hoạch xây dựng và ứng dụng GIS tại Việt Nam; cơ hội và thách thức về ứng dụng GIS trong công tác quy hoạch xây dựng; kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa**: Quy hoạch xây dựng, GIS

**77. Ứng dụng hệ thống trạm CORS trong việc quan trắc lún, hiệu chỉnh giá trị độ cao theo chu kỳ/** ThS. Vũ Tiến Quang// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 39-40.

**Nội dung:** Sự phát triển hệ thống trạm CORS ở Việt Nam; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống trọng lực Quốc gia.

**Từ khóa**: Hệ thống trạm CORS, quan trắc lún, giá trị độ cao, chu kỳ

**78. Ứng xử uốn của dầm bê tông sợi thép cấp độ bền B25 : thí nghiệm và mô hình/** Lê Thanh Long, Lê Anh Thắng, Nguyễn Quang Tùng// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 86-88.

**Nội dung:** Trình bày về thí nghiệm và mô hình mô phỏng dầm bê tông cốt sợi thép chịu uốn ba điểm theo EN 14651:2005.

**Từ khóa**: Bê tông sợi, sợi thép, mô phỏng bê tông sợi, ứng xử cơ học

**79. Xác định nhu cầu xây dựng cầu dân sinh sau khi triển khai thực hiện chương trình LRAMP tại các tỉnh vùng sâu vùng xa : nghiên cứu điển hình tại tỉnh Cao Bằng/** Vũ Quang Huy, TS. Nguyễn Hoàng Tùng// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 164-170.

**Nội dung:** Xác định nhu cầu của người dân thông qua đề xuất mô hình kết hợp với thu thập kết quả khảo sát thực địa để cho phép nhận định các mức độ ưu tiên trong hiện tại và tương lai về nhu cầu xây dựng cầu dân sinh tại địa phương.

**Từ khóa**: Chương trình LRAMP, cầu dân sinh Cao Bằng, xếp hạng lợi ích cầu

**80. Xác định sức chịu tải của cọc ép trong nền đất theo TCVN 10304:2014 phương pháp cường độ đất nền/** Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, TS. Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 60-61.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp xác định sức chịu tải theo chỉ tiêu cường độ đất nền của đất để thiế kế cọc và móng cọc cho công trình để so sánh các phương pháp tính đạt hiệu quả kinh tế.

**Từ khóa**: Khả năng chịu lực của cọc, nền đất yếu, nhà cao tầng, móng cọc, tải trọng tĩnh

**81. Xác định sức chịu tải của cọc ép trong nền đất theo TCVN 10304:2014 theo phương pháp chỉ tiêu cơ lý nền đất/** Phú Thị Tuyết Nga, Nguyễn Minh Hùng, TS. Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp xác định sức chịu tải theo chỉ tiêu cơ lý nền đất của đất để thiết kế cọc và móng cọc cho công trình để so sánh các phương pháp tính đạt hiệu quả kinh tế.

**Từ khóa**: Nền đất yếu, nhà cao tầng, móng cọc, tải trọng tĩnh, khả năng chịu lực của cọc

**82. Xây dựng phần mềm ứng dụng hỗ trợ công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị/** TS. Hán Minh Cường// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Những yêu cầu khi thực hiện lập và quản lý quy hoạch; Giải pháp quản lý quy hoạch xây dựng hướng tới mục tiêu phát triển thành phố thông minh; Xây dựng phần mềm ứng dụng hỗ trợ công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng – chuẩn hóa hệ thống hiện có.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, phần mềm ứng dụng

**83. Xu hướng phát triển giao thông xanh, thông minh và các tác động đến thị trường bất động sản/** TS. Nguyễn Văn Minh// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 44-47.

**Nội dung:** Đề cập về các khía cạnh trong phát triển giao thông xanh – thông minh tác động đến thị trường bất động sản tương lai, gợi ra những hướng đầu tư bất động sản mới, những cơ hội đón đầu cho các nhà đầu tư.

**Từ khóa**: Giao thông xanh, giao thông thông minh, thị trường bất động sản

**84. Xu hướng xây dựng đô thị trên thế giới ứng phó với đại dịch Covid-19/** ThS. KTS. Hoàng Anh// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 24-29.

**Nội dung:** Tổng hợp một số xu hướng xây dựng, điều chỉnh đô thị nhằm ứng phó với đại dịch Covid-19 mà hiện nay đang được nhiều nước trên thế giới khuyến khích như: Compact City, SuperBlocks, 15-Minute City, and Car-Free City.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, Covid-19

**KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**1. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính**/ Đỗ Thị THoa, Nguyễn Thị Hồng Hạnh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 66-69.

**Nội dung**: Đề cập tác động của Covid-19 đên các lĩnh vực kinh tế -xã hội, trong phạm vi bài viết, tác giả đề cập đến vấn đề ảnh hưởng của Covid-19 liên quan đến hoạt động kiểm toán nhưu lập kế hoạch và đánh giá rủi ro; thu thập bằng chứng kiểm toán; hoạt động liên tục; ý kiến của Kiểm toán viên trong kiểm toán báo cáo tài chính.

**Từ khóa:** Đại dịch Covid-19, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán viên

**2. Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở các nước và lộ trình thực hiện tại Việt Nam**/ Lê Thị Thu Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Trong xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) giúp cho thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp minh bạch và có độ tin cậy cao, tăng khả năng so sánh trên phạm vi toàn cầu và là cơ sở để nhà đầu tư trong và ngoài nước đưa ra các quyết định kinh doanh. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, bài viết nhận diện những vấn đề doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, doanh nghiệp, IFRS, chuẩn mực báo cáo tài chính

**3. Áp dụng chuẩn mực kế toán công ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Bộ Tài chính hiện đang lấy ý kiến góp ý của nhân dân đối với dự thảo Thông tư ban hành và công bố 5 chuẩn mực kế toán công Việt Nam theo lộ trình của Đề án công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam theo Quyết định số 1299/QĐ-BTC. Việc xây dựng và ban hành các chuẩn mực kế toán công của Việt Nam là tất yếu, cần thiết trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng. Việc xây dựng hệ thống các chuẩn mực kế toán công tạo ra một môi trường pháp lý quan trọng cho lĩnh vực kế toán nhà nước, góp phần quản lý, quản trị ngày càng hiệu quả nền tài chính quốc gia.

**Từ khoá**: tài chính quốc gia, kế toán công, chuẩn mực kế toán

**4.** **Áp dụng chuẩn mực kế toán công ước quốc tế trong việc trình bày báo cáo tài chính công tại Việt Nam**/ Bùi Quang Hùng, Mai Thị Hoàng Minh, Trần Hoàng Tâm// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.84 - 87.

**Nội dung:** Hiện nay, Việt Nam đã có những bước tiến trong việc nghiên cứu, xây dựng các quy định trong lĩnh vực kế toán công theo hướng hoà nhập và tiệm cận thông lệ quốc tế, song vẫn còn khoảng cánh nhất định về việc ghi nhận và trình bày các thông tin về thu, chi ngân sách nhà nước, kế toán các quỹ tài chính, kế toán thuế và kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong khi nhu cầu báo cáo tài chính phản ánh đầy đủ, chính xác và minh bạch theo thông lệ quốc tế là điều xã hội quan tâm. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế trong trình bày báo cáo tài chính công tại Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng.

**Từ khoá:** Kế toán công, báo cáo tài chính, chuẩn mực kế toán, hành chính sự nghiệp.

**5. Áp dụng chuẩn mực kế toán công ước quốc tế trong việc trình bày báo cáo tài chính công tại Việt Nam**/ Trần Anh Hoa, Mai Thị Hoàng Minh// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.98 - 101.

**Nội dung:** Hiện nay, theo xu thế của thế giới và chủ trương hội nhập kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, lĩnh vực kế toán và dịch vụ kế toán của Việt Nam cũng đã nhanh chóng mở cửa hội nhập. Bài viết trao đổi về các vấn đề: Những thách thức đối với kế toán và dịch vụ kế toán của Việt Nam hiện nay; Yêu cầu đối với kế toán và dịch vụ kế toán trong hội nhập kinh tế; Các cam kết cụ thể của Việt Nam trong quá trình hội nhập trong lĩnh vực kế toán và dịch vụ kế toán; Lộ trình mở cửa hội nhập của kế toán Việt Nam.

**Từ khoá:** Hội nhập quốc tế, báo cáo tài chính, dịch vụ kế toán.

**6. Áp dụng kế toán quản trị môi trường tại Việt Nam và vấn đề đặt ra**/ Lê Thị Thanh Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 127-129.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm về kế toán quản trị môi trường; lợi ích của ế toán quản trị môi trường; bất cập của ế toán quản trị môi trường khi áp dụng tại VN; kết luận.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị môi trường, Kế toán quản trị, báo cáo tài chính, doanh nghiệp

**7. Bàn về chuẩn mực kế toán tài chính môi trường**/ Trình Quốc Việt// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.73 - 77.

**Nội dung:** Sự gia tăng các hoạt động kinh tế và sự tác động của các hoạt động của doanh nghiệp đến môi trường tạo ra, đã làm cho vấn đề môi trường ngày càng trở nên quan trọng. Kế toán, với vai trò cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng, đang đững trước áp lực phải thể hiện được các thông tin về môi trường trong báo cáo của mình. Mục tiêu của bài báo này là để xem xét, liệu các chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) có thể đóng góp vào việc giám sát và bảo vệ môi trường hay không thông qua việc phân tích các nội dung của từng chuẩn mực. Nghiên cứu chỉ ra rằng, mặc dù không có chuẩn mực kế toán dành riêng cho các vấn đề về môi trường nhưng có nhiều lưu ý trực tiếp và gián tiếp về chủ đề này trong các chuẩn mực kế toán khác nhau.

**Từ khoá:** Kế toán môi trường, kế toán tài chính môi trường, IAS, IFRS.

**8. Bàn về thách thức trong quá trình hội tụ chuẩn mực kế toán quốc tế trong các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Đức Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 584 .- Tr.16 - 18.

**Nội dung:** Việt Nam đại diện cho một trường hợp nghiên cứu thú vị về sự đón nhận IFRS bởi các nền kinh tế mới nổi và đang chuyển đổi. Khi so sánh Việt Nam với các nước đang phát triển khác, có thể thấy khoảng cách kinh tế còn lớn. Chính vì thế quá trình hội tụ chuẩn mực kế toán quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam có nhiều vấn đề đáng quan tâm. Bài viết thực hiện giới thiệu nghiên cứu, tổng quan nghiên cứu, khảo sát dữ liệu 80 nhên viên kiểm toán đánh giá về những khó khăn thách thức trong quá trình hội tụ kế toán quốc tế tại các doanh nghiệp Việt Nam cả các yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Quan kết quả khảo sát tác giả đưa ra các khuyết nghị để thúc đẩy quá trình hội tụ kế toán quốc tế tại các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán, kế toán quốc tế.

**9. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị môi trường tại doanh nghiệp**/ Nguyễn Bích Ngọc, Nguyễn Phương Linh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 33-36.

**Nội dung**: Trình bày lý thuyết về kế toán quản trị môi trường,tổng quan nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị môi trường, các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị môi trường tại doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, kế toán quản trị môi trường, EMA

**10. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán trách nhiệm tại các trường đại học công lập tự chủ tài chính khu vực Đồng bằng sông Cửu Long**/ Nguyễn Thị Thanh Thuỷ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 31 – 33.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán trách nhiệm tại các trường Đại học công lập tự chủ tài chính khu vực Đồng bằng sông Cửu Long từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm vận dụng kế toán trách nhiệm phù hợp, hiệu quả tại các trường Đại học công lập tự chủ tài chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán tài chính tại các trường đại học công lập tự chủ tài chính khu vực đồng bằng sông cửu Long gồm: Năng lực quản trị của nhà quản lý, trình độ của nhân viên kế toán, thái độ cá nhân của nhân viên trong đơn vị, chi phí tổ chức kế toán tài chính và ứng dụng công nghệ thông tin.

**Từ khóa: K**ế toán trách nhiệm, trường đại học công lập tự chủ tài chính, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

**11. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cho các ban quản lý dự án trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh**/ Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.39 - 41.

**Nội dung:** Bài viết xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán (DNKT) cho các ban dự án (BQLDA) trên địa bàn TP.HCM. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội thể hiện mức độ ảnh hưởng của 5 nhân tố đến việc lựa chọn DNKT của BQLDA, đó là Chất lượng đội ngũ nhân viên kiểm toán; Lợi ích chuyên môn; chất lượng dịch vụ; giá phí dịch vụ; Uy tín của DNKT.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp kiểm toán, ban quản lý dự án, nhân viên kiểm toán.

**12. Các nhân tố tác động đến mức độ áp dụng kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội**/ Nguyễn Thị Hường // Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 35-39.

**Nội dung**: Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng đối với công tác quản trị doanh nghiệp, cung cấp những thông tin kinh tế tài chính toàn diện, chính xác, tin cậy và kịp thời cho nhà quản trị trong việc ra quyết định kinh tế tối ưu. Bài viết này nghiên cứu tác động ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ áp dụng kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội và đề xuất một số khuyến nghị.

**Từ khóa:** Nhân tố ảnh hưởng, kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

**13. Các yếu tố tác động đến sự phù hợp của hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp**/ Nguyễn Văn Dũng, Vũ Mạnh Chiến// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.16 - 22.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích các yếu tố tác động đến mức độ phù hợp cuả hệ thống thông tin kế toán (AIS) trong doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) ở Việt Nam. Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 634 giám đốc điều hành và kế toán trưởng của các doanh các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, sự ảnh hưởng cùng chiều của các yếu tố công nghệ hiện đang được sử dụng tại doanh nghiệp; Hiểu biết của các chủ sở hữu/ người quản lý và Quy mô về vốn của doanh nghiệp đến sự phù hợp AIS của các doanh nghiệp. Trong đó yếu tố hiểu biết của chủ sở hữu/ người quản lý có tác động mạnh nhất.

**Từ khoá:** Hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp vừa và nhỏ, sự phù hợp.

**14. Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động như thế nào đến nghề kế toán của Việt Nam**/ Phạm Thị Minh Thanh// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.66 - 68.

**Nội dung:** Trong vài năm lại đây, khái niệm "" Cách mạng công nghiệp 4.0 "" được nhắc đến nhiều trong truyền thông và mạng xã hội. Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) với sức ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu đã có nhiều tác động đến nghề kế toán Việt Nam. Các nghiên cứu trên thế giới mới đây cho thấy, CMCN 4.0 với các ứng dụng vạn vật, lưu trữ dữ liệu qui mô lớn, điện toán đám mây, việc phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối trên toàn thế giới ... sẽ mở ra cơ hội tốt cho lĩnh vực kế toán.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp 4.0, kế toán.

**15. Chi phí dự phòng và một số phương pháp xác định chi phí dự phòng trong dự án đầu tư xây dựng/** PGS. TS. Nguyễn Thế Quân, ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn, ThS. Thiều Thị Thanh Thúy// Xây dựng .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 94-100.

**Nội dung:** Giới thiệu quan điểm về chi phí dự phòng trên thế giới, so sánh với quan điểm về chi phí dự phòng ở Việt Nam thể hiện qua các quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Từ đó, đề xuất vận dụng các phương pháp xác định chi phí dự phòng được giới thiệu rộng rãi trên thế giới trong điều kiện Việt Nam.

**Từ khóa**: Chi phí dự phòng, phương pháp xác định chi phí dự phòng, dự án đầu tư

**16. Công bố thông tin kế toán môi trường tại các doanh nghiệp chế biến thuỷ sản xuất khẩu niêm yết trên thị trường chứng khoán**/ Lê Thị Loan// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 37 – 39.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng công bố thông tin kế toán môi trường tại 16 doanh nghiệp chế biến thuỷ sản xuất khẩu niêm yết trên thị trường chứng khoán từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa: K**ế toán môi trường, thị trường chứng khoán, doanh nghiệp chế biến thuỷ sản xuất khẩu

**17. Công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp siêu nhỏ nhìn từ kế toán các khoản nợ phải thu**/ Lê Thị Oanh// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 95-97.

**Nội dung**: Kế toán tài chính là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán. Trong hoạt động kế toán tài chính tại doanh nghiệp thì kế toán các khoản nợ phải thu là một trong nhiệm vụ hết sức quan trọng, nhằm đảm bảo an toàn tài chính doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu liên quan đến kế toán các khoản nợ phải thu, từ đó đưa ra một số kiến nghị đáng lưu ý về nghiệp vụ này tại các doanh nghiệp siêu nhỏ.

**Từ khoá**: Kế toán tài chính, khỏn nợ phải thu, thuế giá trị gia tăng

**18. Cơ hội và thách thức của ngành kế toán Việt Nam trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Diên Duẩn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.10 -12.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dự kiến đem lại sự thay đổi cho tất cả các ngành, các lĩnh vực, trong đó có ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam. Với áp dụng công nghệ hiện đại, ngành kế toán dự kiến sẽ có nhiều cơ hội để thay đổi và phát triển, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và dễ dàng hội nhập vào khu vực và thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội thì cách mạng 4.0 dự kiến sẽ đem lại nhiều thách thức không nhỏ đối với ngành kế toán nước ta.

**Từ khoá:** Kế toán, cách mạng công nghiệp 4.0, kiểm toán.

**19. Đánh giá tính trọng yếu và rủi ro trong kiểm toán báo cáo tài chính**/ Nguyễn Thị Thu Thư, Nguyễn Thị Ngọc Bích// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 94-96.

**Nội dung**: Trọng yếu và rủi ro kiểm toán là hai vấn đề cơ bản và quan trọng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó, kiểm toán viên cần xem xét kỹ các yếu tố khi tiến hành đánh giá tính trọng yếu và rủi ro kiểm toán trước khi tiến hành bất kỳ cuộc kiểm toán nào. Trong đó, cần xem xét đến mối quan hệ giữa trọng yếu và rủi ro kiểm toán để xác định nội dung, phạm vi và thời gian của các thủ tục kiểm toán một cách hợp lý.

**Từ khoá**: Trọng yếu, rủi ro, kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính

**20. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu tại viện Dầu khí Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 54 – 55.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng kế toán doanh thu tại viện Dầu khí Việt Nam và nêu lên một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu tại Viện Dầu khí Việt Nam.

**Từ khóa: K**ế toán doanh thu, viện Dầu khí Việt Nam

**21. Đào tạo kế toán trước yêu cầu hội nhập ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mỹ Trinh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573 .- Tr.52 - 54.

**Nội dung:** Hội nhập kinh tế sâu rộng đã và đang mang lại rất nhiều cơ hội việc làm cho các ngành nghề nói chung và kế toán nói riêng. Trong thời gian qua, công tác đào tạo kế toán ở nước ta đã được quan tâm đẩy mạnh, song chất lượng chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng. Điều này đòi hỏi việc nâng cao chất lượng tại các cơ sở đào tạo là một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay.

**Từ khoá:** Hội nhập kinh tế, đào tạo, kế toán.

**22. Đào tạo nhân lực kế toán theo hướng liên ngành trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Thị Hà An// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 100-103.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích yêu cầu cấp thiết phải áp dụng đào tạo liên ngành trong đào tạo nhân lực kế toán và đối sánh 3 chương trình đào tạo ngành kế toán của 3 cơ sở giáo dục khác nhau, từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo nhân lực kế toán theo hướng liên ngành trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, đào tạo hướng liên ngành, nhân lực kế toán

**23. Để áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế thành công trong doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Văn Hòa// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 71-74.

**Nội dung**: Việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) không chỉ đem lại lợi ích cho kinh tế Việt Nam mà còn đem lại lợi ích thiết thực cho các doanh nghiệp và người sử dụng báo cáo tài chính. Theo thống kê của Bộ Tài chính, hiện nay, trên thế giới có 131/143 quốc gia và vùng lãnh thổ (chiếm tỷ lệ 93%) tuyên bố chính thức về việc áp dụng IFRS với các hình thức khác nhau. Trong đó, 119/143 (chiếm tỷ lệ 83,2%) quốc gia và vùng lãnh thổ yêu cầu bắt buộc sử dụng các chuẩn mực của IFRS đối với tất cả hoặc hầu hết các đơn vị lợi ích công chúng trong nước.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, kế toán, kiểm toán

**24. Đổi mới quản lý nhà nước về tiền lương đối với bệnh viện công lập ở Việt Nam**/ Đỗ Thị Tươi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 103 – 105.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào các nội dung quản lý nhà nước tiền lương đối với bệnh viện công lập ở nước ta gồm: chính sách tiền lương, chính sách bảng lương và phụ cấp lương, chính sách quản lý tiền lương thu nhập.

**Từ khóa:** Chính sách tiền lương, bệnh viện công lập, Việt Nam

**25. Giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức kiểm tra trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp hiện nay**/ Nguyễn Thuỳ Dương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.25 - 26.

**Nội dung:** Kế toán với tư cách là một bộ phận cấu thành của hệ thống các công cụ quản lý kinh tế luôn đòi hỏi phải có sự đổi mới và hoàn thiện liên tục cho phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính bản thân doanh nghiệp trong quá trình đổi mới. Để phát huy chức năng, vai trò quan trọng của kế toán trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán tài chính khoa học, hợp lý nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và đáp ứng yêu cầu của cơ chế tự quản lý, tự kê khai, tự chịu trách nhiệm trong nền kinh tế thị trường. Bài viết tập trung vào vấn đề kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp dựa trên vấn đề đó.

**Từ khoá:** Kế toán, doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ.

**26. Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát và kiểm toán nội bộ quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang**/ ThS. Nguyễn Tuấn Dũng, ThS. Trần Trọng Triết// Ngân hàng .- 2021 .- Số 8(Tháng 04) .- Tr. 35-39.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang trong những năm qua, từ đó tác giả đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ quỹ tín dụng nhân dân, góp phần tái cơ cấu quỹ tín dụng nhân dân

**Từ khoá**: quỹ tín dụng nhân dân, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, ngân hàng

**27. Gian lận báo cáo tài chính trong tình hình đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Thị Bình// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 70-74.

**Nội dung**: Giới thiệu về lý luận về gian lận BCTC trong điều kiện bất thường, nguy cơ thao túng BCTC trong tình hình Covid-19 và cuối cùng là nhận xét về nguy cơ của các DN Việt Nam khi lập BCTC trong giai đoạn này.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, gian lận tài chính, Covid-19

**28. Hệ thống đo lường kết quả hoạt động trong doanh nghiệp ở Việt Nam dưới góc độ kế toán quản trị**/ Hoàng Thị Kim Ưng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 46-51.

**Nội dung**: Bài viết tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phát khảo sát các DN thuộc các ngành nghề lĩnh vực khác nhau và jinhf thức sở hữu khác nhau để thực hiện, trình bày, mô tả, phân tích thực trạng và đưa ra một số giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống đo lường kết quả hoạt động.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị, đo lường, kết quả hoạt động

**29. Hiệu quả công tác đánh giá tính trọng yếu và rủi ro trong kiểm toán báo cáo tài chính tại các công ty kiểm toán độc lập**/ Nguyễn Thị Thu Thư, Nguyễn Thu Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 101-103.

**Nội dung**: Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) được xem là dịch vụ mang lại doanh thu chủ yếu cho các công ty kiểm toán (CTKT) độc lập hiện nay. Tuy nhiên, xu thế hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán đòi hỏi các CTKT cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc kiểm toán. Và để nâng cao chất lượng kiểm toán thì rất cần thiết phải có những giải pháp để hoàn thiện hơn nữa công tác đánh giá tính trọng yếu và rủi ro trong kiểm toán BCTC.

**Từ khoá**: Kiểm toán báo cáo tài chính, rủi ro

**30. Hoàn thiện công tác kế toán ấn chỉ tại Tổng cục Hải quan**/ Trần Thị Luận// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 43-45.

**Nội dung**: Khảo sát thực trạng kế toán ấn chỉ tại Tổng cục Hải quan, bài viết đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác kế toán ấn chỉ tại Tổng cục Hải quan

**Từ khoá**: kế toán ấn chỉ, công tác kế toán, Hải quan

**31. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ quỹ tín dụng nhân dân**/ Trần Trọng Triết// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.59 - 65.

**Nội dung:** Đến nay, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) đã không ngừng lớn mạnh về quy mô và có những đóp góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, để hệ thống QTNDN phát triển ổn định và bền vững đi đúng tôn chỉ, mục đích, cần phải thiết lập hệ thống rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động. bài viết đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát, KTNB tại QTDND, góp phần thiết thực vào quá trình cơ cấu QTDND.

**Từ khoá:** Quỹ tín dụng nhân dân, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ.

**32. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát chu trình mua hàng tại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo**/ Nguyễn Thị Thanh Thuỷ// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 126-129.

**Nội dung**: Trong quá trình triển khai chu trình mua hàng, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gạo cũng gặp phải không ít khó khăn, bất cập như thực hiện kế hoạch thu mua hàng không có đơn đặt hàng, chưa có quy trình đánh giá rủi ro… Để khắc phục những tồn tại, hạn chế này, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo cần chú trọng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm soát chu trình mua hàng tại đơn vị nhằm đạt được kế hoạch, mục tiêu đã đề ra.

**Từ khoá**: kiểm soát nội bộ, kiểm soát chu trình mua hàng, doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo

**33. Hoàn thiện kế toán tài sản dài hạn nắm giữ để bán ở Việt Nam**/ Đỗ Minh Thoa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Trình bày một số nội dung cơ bản liên quan đến tài sản dài hạn nắm giữ để bán là điều cần thiết, cũng như việc đề xuất một số giải pháp cụ thể , sẽ có ý nghĩa cho việc hoàn thiện hệ thống khung pháp lý kế toán hiện hành tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Tài sản dài hạn để bán, kế toán, IFRS 05

**34. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần Sông Đà 4**/ Trần Phươg Thuý// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 34 – 36.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, công ty cổ phần sông Đà 4 đã không ngừng hoàn thiện công tác kế toán tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách cho đến bộ máy kế toán nhằm nâng cao tính hữu hiệu của thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuát và tính giá thành sản phẩm xây lắp chưa thực sự tuân thủ chế độ kế toán mà công ty đang áp dụng. Để hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuát và tính giá thành sản phẩm xây lấp, dưới góc độ kế toán tài chính, công ty cần thực hiện đồng bộ và nhất quán một số biện pháp.

**Từ khóa: K**ế toán chi phí, giá thành sản phẩm xây lắp, hạch toán chi phí sản xuất, Công ty cổ phần Sông Đà 4

**35**. **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình TP.HCM** Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo, Trần Phương Hải// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.28 - 32.

**Nội dung**: Các bệnh viện đã và đang chủ động cơ cấu lại bộ máy tổ chức, tăng cường công tác quản lý, trong đó chú trọng đến việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị mình. Trong bài viết này, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm tìm hiểu, đánh giá thực trạng tổ chức cơ sở đó đề xuất những giải pháp, nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của Bệnh viện.

**Từ khoá:** Kế toán, tổ chức công tác kế toán, Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình TP.HCM.

**36. Hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng**/ Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Minh Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu thực tiễn triển khai hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong thời gian tới.

**Từ khoá**: hệ thống thông tin, kế toán quản trị, quản trị chi phí, doanh nghiệp

**37. Kẽ hở trong cổ phần hóa DNNN và vai trò của kiểm toán**/ Trần Mạnh Tiến// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Bài viết nêu và phân tích những kẽ hở trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhỏ và vừa và vai trò của kiểm toán nhà nước.

**Từ khóa:** Cổ phần hóa doanh nghiệp, thoái vốn, kiểm toán nhà nước

**38. Kế toán các khoản doanh thu của hoạt động tài chính tại đơn vị hành chính sự nghiệp**/ Lê Thị Oanh// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.95 - 97.

**Nội dung:** Kế toán các khoản doanh thu của hoạt động tài chính tại đơn vị hành chính sự nghiệp là một trong những nội dung quan trọng, thu hút được sự quan tâm của các đối tượng liên quan thời gian qua. Bài viết trao đổi về những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ kế toán này; đồng thời, đưa ra một số vấn đề mà cán bộ làm công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp cần lưu ý trong quá trình hạch toán kế toán.

**Từ khoá:** Doanh thu, hoạt động tài chính, hành chính sự nghiệp.

**39. Kế toán chi phí tinh gọn trong các doanh nghiệp xây dựng dân dụng ở Việt Nam/** Trần Thị Ngọc Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 27-30.

**Nội dung:** Trình bày các bước sau: giai đoạn thiết kế và lên kế hoạch; giai đoạn thức hiện; giai đoạn lập báo cáo.

**Từ khóa:** Kế toán chi phí tinh gọn, doanh nghiệp xây dựng dân dụng

**40. Kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam : thực trạng và một số khuyến nghị**/ Ngô Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Mai Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Tổng quan về Kế toán quản trị chi phí môi trường; thực trạng Kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam; một số khuyến nghị về Kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị chi phí môi trường, sản xuất xi măng, tổ chức công tác kế toán

**41**. **Kế toán quản trị chi phí môi trường và thực tiễn vận dụng trong các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam**/ Nguyễn Đăng Học// Kế toán - Kiểm toán.- 2021 .- Số 210 .- Tr.41 - 47.

**Nội dung:** Bài viết hệ thống hóa nội dung của kế toán quản trị chi phí môi trường, thông qua việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu đã được công bố và phản ánh thực trạng vận dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam, nhằm giúp các doanh nghiệp có nhận định đầy đủ hơn về nghiệp vụ này.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị chi phí môi trường, chi phí môi trường, vận dụng, doanh nghiệp sản xuất.

**42. Kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Dệt sợi ĐamSan** / Trần Minh Trang// Kế toán - Kiểm toá.- 2021 .- Số 210 .- Tr.84 - 89.

**Nội dung:** Sản xuất sợi là công nghệ chế biến có tính liên tục, khép kín. Kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ cung cấp thông tin về chi phí cho các quyết định kinh tế, quyết định kinh doanh. Thông tin của kế toán quản trị qua phân tích cho thấy các biến động của chi phí, trong đó có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất sản phẩm sợi. Từ đó, xác định nguyên nhân do định mức kinh tế kỹ thuật, do tiêu hao thực tế, do sự biến động của giá cả hay do chất lượng công nghệ, ... Kế toán quản trị chi phí sẽ cung cấp thông tin để lãnh đạo công ty nắm được tình hình sản xuất thực tế, để kịp thời đưa ra những quyết định chính xác, những kế hoạch cụ thể để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật tin cậy phù hợp, có chính sách thị trường phù hợp, tạo dựng những quan hệ bền vững với các nhà cung cấp nguyên vật liệu.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, giá thành, chi phí, giá thành sản phẩm, sản xuất sợi

**43. Kế toán, kiểm toán trong cuộc chiến chống tham nhũng giữa đại dịch Covid 19** / Phan Văn Thanh// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.2 - 4.

**Nội dung:** Đại dịch Covid 19 đã diễn ra hơn 1 năm, vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường. Tất cả các Chính phủ đang rút ra bài học từ cuộc khủng hoảng này và nhu cầu hành động nhanh chóng đã đặt ra những thách thức cho tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, hầu hết các chính phủ sẽ sớm phải đối mặt với những thách thức không thể tránh khỏi xung quanh vấn đề tài chính khu vực công trong và sau cuộc khủng hoảng. Các chính phủ rất cần chi tiêu nhiều hơn để cứu mạng sống và cứu sinh kế cho nhân dân, nhưng khi chi tiêu cần đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của Chính phủ, hạn chế tối đa những gian lận.

**Từ khoá:** Covid 19, chống tham nhũng, mua sắm công, kế toán, kiểm toán.

**44. Kết quả cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 và định hướng cho giai đoạn mới**/ Trương Bá Tuấn// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 17-21.

**Nội dung**: Thực tiễn thực hiện các chính sách thuế, phí và lệ phí giai đoạn vừa qua đặt ra một số vấn đề cần được nhận diện và có các điều chỉnh phù hợp. Việt Nam cần xây dựng và vận hành hiệu quả một hệ thống thuế thân thiện với tăng trưởng, có cơ sở thuế rộng, cấu trúc thuế suất phù hợp và giảm thiểu được các tác động do thuế gây ra.

**Từ khoá**: thuế, chính sách thuế, phí và lệ phí, hệ thống thuế

**45. Khả năng áp dụng kế toán quản trị môi trường ở Việt Nam và một số khuyến nghị**/ Nguyễn Văn Hoà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 49-51.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về các quan điểm, lợi ích của kế toán quản trị môi trường, trên cơ sở đó, tác giả đánh giá khả năng áp dụng kế toán quản trị tại Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị

**Từ khoá**: Kế toán, kế toán quản trị

**46. Khả năng áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế vào kế toán tài sản cố định ở Việt Nam**/ Ngô Thanh Hoàng // Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 52-57.

**Nội dung**: Phân tích các nội dung của chuẩn mực kế toán công quốc tế về rài sản cố định như đối tượng áp dụng, phạm vi áp dụng, đối tượng ghi nhận, thời điểm ghi nhận, phương pháp xác định giá ghi sổ TSCĐ và thông tin cần trình bày trên báo cáo tài chính, từ đó so sánh với kế toán VN để chi ra khả năng áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế vào kế toán TSCĐ ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Chuẩn mực kế toán, tài sản cố định, kế toán công

**47. Khái quát quy trình kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại các đơn vị hành chính sự nghiệp**/ Hoàng Thị Hiền, Trần Thị Hương Trà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 58-59.

**Nội dung**: Bài viết có cái nhìn tổng quan từ tính toán đến hạch toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, qua bài viết nhận thấy điểm khác trong tính toán và hạch toán tiền lương của đơn vị hành chính sự nghiệp so với doanh nghiệp thực tế hiện nay

**Từ khoá**: hạch toán tiền lương, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp

**48. Kiểm soát nội bộ đối với các khoản thu của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp trong điều kiện phòng chống dịch bệnh Covid-19**/ Hoàng Thanh Hạnh, Hoàng Thị Minh Tú, Nguyễn Khánh Linh, Phạm Khánh Vân, Nguyễn Thị Vân TRang// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 75-78.

**Nội dung**: Trình bày kiểm soát nội bộ đối với các khản thu ở Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp; Các thay đổi trong kiểm soát nội bộ đối với các khản thu ở Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp trong mùa dịch Covid-19; Giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với các khản thu ở Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, ngân sách nhà nước, chi phí, xã hội hóa

**49. Kiểm toán báo cáo tài chính trong trường hợp đơn vị không hoạt động liên tục**/ Phí Thị Kiều Oanh, Vũ Thị Phương Liên// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.110 - 112.

**Nội dung:** Giả định hoạt động liên tục là một trong những nguyên tắc kế toán cơ bản trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, kiểm toán viên có trách nhiệm thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hợp lý của giả định hoạt động liên tục mà Ban Giám đốc đơn vị đã sử dụng khi lập và trình bày báo cáo tài chính. Đây là một trong những công việc khó khăn nhưng lại rất quan trọng để giúp kiểm toán viên đưa ra kết luận đúng đắn về báo cáo tài chính được kiểm toán. Bài viết đưa ra một số lưu ý đối với kiểm toán viên khi kiểm toán báo cáo tài chính trong trường hợp đơn vị không đáp ứng được giả định hoạt động liên tục.

**Từ khoá:** Hoạt động liên tục, báo cáo tài chính, chuẩn mực kiểm toán.

**50. Kiểm toán báo cáo tài chính trong trường hợp đơn vị có dấu hiệu vi phạm giả định hoạt động liên tục**/ Vũ Thị Phương Liên, Phí Thị Kiều Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Bài viết đi sâu phân tích thực trạng kiểm toán hiện nay và khuyến nghị một số thủ tục kiểm toán mà kiểm toán viên nên thực hiện trong trường hợp đơn vị có dấu hiệu vi phạm giả định hoạt động liên tục.

**Từ khóa:** Hoạt động liên tục, báo cáo tài chính, chuẩn mực kiểm toán, kiểm toán, Covid-19

**51. Kiểm toán nguồn nhân lực : khái niệm, vai trò và xu thế phát triển trên thế giới**/ Tạ Quang Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 07-09.

**Nội dung**: Bài viết phân tích khái niệm kiểm toán nguồn nhân lực; vai trò của kiểm toán nhân lực đối với doanh nghiệp, tổ chức; xu hướng phát triển của hoạt động kiểm toán nhân lực

**Từ khoá**: Kế toán, kiểm toán, kế toán doanh nghiệm, kiểm toán nhân lực

**52. Kinh nghiệm quốc tế về tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Xuân Hoàng// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 139-141.

**Nội dung**: Kế toán quản trị chi phí tại châu Âu, châu Á, tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiêp nước ngoài; kinh nghiệm cho các DN Việt Nam.

**Từ khoá**: Tổ chức, kế toán chi phí, doanh nghiệp

**53. Kinh nghiệm tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tại cơ quan, tổ chức nhà nước**/ Nguyễn Thị Tấm// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.101 - 103.

**Nội dung:** Để tổ chức kiểm toán nội bộ phát huy được vai trò, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình thì khâu tổ chức công tác kiểm toán nội bộ và tổ chức bộ máy nội bộ luôn giữ vị trí then chốt. Thực tế tại các quốc gia trên thế giới, các mô hình kiểm toán nội bộ trong các cơ quan, tổ chức nhà nước được tổ chức khoa học, hợp lý đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả của kiểm toán nội bộ. Bài viết đề cập đến một số mô hình tổ chức kiểm toán nội bộ tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Kểm toán, kiểm toán nội bộ.

**54. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp và điểm khác so với báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập theo phương pháp trực tiếp**/ Võ Thị Thanh Tú// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: bài viết trình bày một số nội dung cơ bản về báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp, mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp, từ sự so sánh với phương pháp trực tiếp để đưa ra các ưu điểm và tính ứng dụng của phương pháp lập này đối với kế toán tại các doanh nghiệp

**Từ khoá**: kế toán doanh nghiệp, lưu chuyển tiền tệ, thuế thu nhập doanh nghiệp

**55. Mối quan hệ giữa hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong doanh nghiệp**/ Bùi Thị Tiến// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 104-106.

**Nội dung**: Các tổ chức, các doanh nghiệp hiện nay đang phải đối diện với áp lực về việc phải nhận diện được hết các rủi ro mà họ phải đối mặt như rủi ro về xã hội, về đạo đức, về môi trường rủi ro về mặt tài chính, rủi ro hoạt động, cũng như quản trị chúng ở mức độ có thể chấp nhận được. Do đó, vai trò của quản trị rủi ro trong doanh nghiệp ngày càng được thừa nhận rộng rãi. Trong khi đó, việc sử dụng các khung quản trị rủi ro doanh nghiệp đã được mở rộng khi các tổ chức nhận ra được lợi ích của họ khi tiếp cận với việc quản trị rủi ro doanh nghiệp. Hệ thống kiểm soát nội bộ, cho dù dưới vai trò nào thì đều góp phần vào việc quản trị rủi ro doanh nghiệp theo nhiều cách khác nhau.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, doanh nghiệp

**56. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An**/ Dương Hoàng Anh, Phạm Thị Lan Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 584 .- Tr.24 - 26.

**Nội dung:** Đầu tư cho giáo dực là đầu tư cho phát triển. Với ý nghĩa đó, Diễn Châu đã có sự đầu tư thích đáng dành cho ngành giáo dục huyện, trong đó đầu tư cho giáo dục bậc trung học cơ sở (THCS) chiếm tỷ trọng khá lớn. Để sử dụng nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) hiệu quả, cần thực thi các giải pháp quản lý từ các cơ quan quản lý và các trường THCS (là đối tượng sử dụng ngân sách). Bài viết nghiên cứu và chỉ ra những tồn tại trong quản lý chi thường xuyên NSNN cho các trường THCS địa bàn huyện Diễn Châu giai đoạn 2015 - 2020. Từ đó, đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quản lý chi NSNN cho giáo dục THCS huyện Diễn Châu.

**Từ khoá:** Chi thường xuyên, ngân sách nhà nước, trung học cơ sở.

**57. Một số nội dung cần lưu ý trong kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán**/ Đào Thị Thuý Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 85-87.

**Nội dung**: Trong những năm qua, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán của Việt Nam có những bước phát triển tích cực cả về chất lượng dịch vụ và quy mô hoạt động, nhờ đó, đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, làm lành mạnh hóa và nâng cao tính công khai, minh bạch của các hoạt động kinh tế, tài chính của tất cả các đơn vị, tổ chức trong nền kinh tế - xã hội. Để thực hiện các mục tiêu đề ra tại Chiến lược phát triển kế toán, kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cũng như thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế, phát triển thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, đặc biệt là nâng cao hoạt động kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán là một trong các giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Luật kế toán, hoạt động dịch vụ kế toán, kiểm tra kế toán

**58. Một số vấn đề về kế toán dự phòng phải thu khó đòi tại Tổng công ty Đông Bắc**/ Nguyễn Thị Minh Thu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 53- 57.

**Nội dung**: Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá, tác giả tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về kế toán dự phòng phải thu khó đòi, làm rõ thực trạng kế toán dự phòng phải thu khó đòi tại Tổng công ty Đông Bắc, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán dự phòng phải thu khó đòi trong điều kiện cụ thể của Tổng công ty Đông Bắc.

**Từ khoá**: Kế toán dự phòng, phải thu khó đòi, dự phòng, Tổng công ty Đông Bắc

**59. Một số vấn đề về kế toán hàng hoá bị trả lại**/ Trần Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Hoa// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 56 – 57.

**Nội dung:** Bài viết nêu lên cách xử lý và hạch toán hàng bán trả lại ở cả hai đối tượng là người bán và người mua.

**Từ khóa: K**ế toán hàng hoá, người mua, người bán

**60. Một số vấn đề về tài khoản tạm thu và tài khoản tiền trong kế toán hành chính sự nghiệp**/ Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thanh Bằng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Trình bày tương quan giữa số dư của tài khoản tạm thu (TK 337) và tài khoản (TK 111, 112, 113) theo quy định của Thông tư 107/2017/TT-BTC, tác đọng qua lại giữa hai đối tượng kế toán này, tả lời cho câu hỏi liệu số dư tài khoản tiền có bằng số dư tài khoản tạm thu hay không? từ đó đưa ra nhận xét về mối liên hệ giữa các đối tượng kế toán này.

**Từ khoá**: Tài khoản tạm thu, tài khoản tiền, tài sản, nợ phải trả

**61. Một số vấn đề lý luận về kiểm toán kê khai tài sản - thu nhập do kiểm toán nhà nước thực hiện/** Hoàng Thanh Hạnh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 148-155.

**Nội dung**: Với mục tiêu đánh giá tính trung thực, hợp lý của việc kê khai tài sản - thu nhập, đặc biệt là tài sản - thu nhập của các cán bộ cấp cao hiện nay là một nội dung rất nóng và đang được dư luận xã hội quan tâm, bức xúc. Kiểm toán Nhà nước không thể đứng ngoài cuộc khi dư luận, báo chí đặt câu hỏi về sự trung thực của các cán bộ cấp cao trong kê khai tài sản - thu nhập hàng năm. Mặt khác, đây là loại hình kiểm toán, nội dung kiểm toán mới nhằm mục tiêu phòng chống tham nhũng, lãng phí và đang được Đảng và Nhà nước quan tâm. Do đó, tác giả xác định mục tiêu tổng quát và chủ yếu của bài viết này là phát triển lý luận về kiểm toán việc kê khai tài sản - thu nhập do Kiểm toán Nhà nước thực hiện.

**Từ khoá**: Kiểm toán, kê khai tài sản - thu nhập

**62. Nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán**/ Vũ Đức Chính// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 53-56.

**Nội dung**: Nhằm nâng cao chất lượng của các thông tin kinh tế, tài chính, ngân sách phục vụ công tác điều hành, ra quyết định của cơ quan Nhà nước; thúc đẩy các hoạt động sản xuất, thương mại - dịch vụ và đầu tư phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Để thực hiện các mục tiêu này, phát triển thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán là một trong các giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới.

**Từ khoá**: kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân sách, thương mại - dịch vụ, kinh tế - xã hội

**63. Nâng cao chất lượng đào tạo kế toán, kiểm toán đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới**/ Nguyễn Thị Ngọc Bích, Giang Thị Trang// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 98-100.

**Nội dung**: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng cùng với ảnh hưởng do Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại, ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam cần phải có những đổi mới nhất định để đáp ứng với yêu cầu mới đặt ra. Trong đó, chất lượng đào tạo kế toán, kiểm toán cần phải được chú trọng hàng đầu. Chỉ khi chất lượng đào tạo được nâng cao thì các kế toán, kiểm toán viên mới có thể thích ứng tốt nhất với những yêu cầu của bối cảnh mới.

**Từ khoá**: Chất lượng đào tạo, kế toán, kiểm toán

**64. Nâng cao chất lượng thông tin về tài sản công phục vụ lập báo cáo tài chính nhà nước**/ Nguyễn Tân Thịnh, Phan Hữu Nghị// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng cung cấp thông tin tài sản công phục vụ lập Báo cáo tài chính nhà nước hiện nay, từ đó nhận diện những vấn đề còn tồn tại, để có giải pháp góp phần nâng cao chất lượng thông tin về tài sản công phục vụ lập Báo cáo tài chính nhà nước.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính nhà nước, tài sản công, tổng kế toán nhà nước, tài chính quốc gia

**65. Nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam**/ Trịnh Ngọc Anh// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.78 - 83.

**Nội dung:** Mục tiêu của nghiên cứu là xác định và đo lường múc độ tác động của các nhân tố đến hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) tại các doanh nghiệp (DN) viễn thông Việt Nam theo hướng quản lý rủi ro, từ đó có những hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống KSNB, góp phần nâng cao sức cạnh tranh cho các DN. Tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã xác định có 8 nhân tố tác động đến hiệu quả hệ thống KSNB tại các DN viễn thông Việt Nam, đó là môi trường quản lý ; Thiết lập mục tiêu; nhận dạng sự kiện tiềm tàng; Đánh giá rủi ro; Phản ứng với rủi ro; Các hoạt động kiểm soát; Thông tin và truyền thông và Hoạt động giám sát.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, viễn thông.

**66. Nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh (HUTECH)**/ Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo, Nguyễn Thị Nguyệt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Sử dụng phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng, tác giả thực hiện nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại trường đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định có 5 nhân tố tác động: Hệ thống văn bản pháp lý; Quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ; Tổ chức bộ máy kiểm soát; Chất lượng cán bộ Kiểm soát; Sự hài lòng của CB-GV-NV và các bên liên quan

**Từ khoá**: kiểm soát nội bộ, hệ thống kiểm soát, kiểm định

**67. Nghiên cứu kế toán ngân sách nhà nước và đề xuất nội dung giảng dạy cho hệ đại học chính quy tại Học viện Tài chính**/ Ngô Thanh Hoàng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 20-27.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nội dung chủ yếu của chế độ kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc nhà nước hiện hành và nội dung, phương pháp giảng dạy cho hệ chính quy tại Học viện Tài chính.

**Từ khoá**: Kế toán ngân sách nhà nước, nội dung giảng dạy kế toán, nghiệp vụ kho bạc nhà nước

**68. Nghiên cứu vai trò của kế toán quản trị tại các doanh nghiệp trong khủng hoảng kinh tế**/ Nguyễn Ngọc Lan// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 33-39.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích lý luận và phỏng vấn chuyên gia cho thấy, trong khủng hoảng, KTQT càng khẳng định và phát huy vai trò trên cả năm nội dung: phân tích chi phí, hoạch định ngân sách, đánh giá hiệu quả, thông tin hỗ trợ ra quyết định và phân tích chiến lược; góp phần hỗ trợ các nhà quản trị DN hoạch định chiến lược kinh doanh một cách tối ưu nhất. Từ những đóng góp đó, bài viết đề xuất một số giải pháp tăng cường và hỗ trợ các DN Việt Nam triển khai áp dụng KTQT một cách có hiệu quả, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, khủng hoảng kinh tế, kế toán

**69. Nghiên cứu về tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam/** Trần Mạnh Dũng, Nguyễn Thị Thu Hoài// Kế toán - Kiểm toán.- 2021 .- Số 210 .- Tr.9 - 12.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm xem xét và phân tích tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Nghiên cứu đã đề xuất tiêu chí đo lường tính hữu hiệu của HTTTKT, trong các doanh nghiệp nói chung và trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói riêng. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra bốn thành phần đo lường tính hữu hiệu HTTTKT; đó là chất lượng hệ thống thông tin kế toán, chất lượng thông tin kế toán do HTTTKT tạo ra, những ảnh hưởng tích cực đối với cá nhân và tổ chức.

**Từ khoá:** Hệ thống kế toán, doanh nghiệp, tính hữu hiệu.

**70. Nguyên tắc áp dụng kế toán chi phí theo mức độ hoạt động tại các doanh nghiệp sản xuất sợi**/ Nguyễn Thị Hồng Sương// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.98 - 100.

**Nội dung:** Một trong những điểm yếu của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sợi tại Việt Nam hiện nay là khả năng kiểm soát chi phí theo phương thức quản lý truyền thống dẫn đến sự mất cạnh tranh về giá sản phẩm. Để cải thiện tình hình này, cần thay đổi phương thức quản lý và kiểm soát được cái chi phí, nhất là việc xác định được giá thành sản phẩm. Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy sự cần thiết của kế toán quản trị trong quản lý, điều hành doanh nghiệp, nhất là kế toán chi phí theo mức độ hoạt động là giải pháp quan trọng đã được nhiều nước vận dụng và đánh giá cao về hiệu quả.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, kế toán chi phí, doanh nghiệp.

**71. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo quyết toán của các đơn vị hành chính, sự nghiệp**/ Phan Thị Thu Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 88-90.

**Nội dung**: Bài viết hệ thống hóa và trao đổi về những quy định liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo quyết toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước dùng để tổng hợp tình hình tiếp nhận và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước của đơn vị hành chính, sự nghiệp, được trình bày chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước để cung cấp cho cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính và cơ quan có thẩm quyền khác.

**Từ khoá**: báo cáo quyết toán, đơn vị hành chính, sự nghiệp, ngân sách nhà nước

**72. Nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận sử dụng phần mềm kế toán tại các khách sạn ở Đà Nẵng**/ Nguyễn Thị Hồng Sương, Dương Thị Thanh Hiền// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.119 - 121.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp, cụ thể là các khách sạn trên địa bàn TP .Đà Nẵng. Trên cơ sở tìm hiểu tổng quan các nghiên cứu đã thực hiện liên quan đến các nhân tố đến việc chấp nhận sử dụng phầm mềm kế toán tại các doanh nghiệp nói chung và tại các khách sạn trên địa bàn TP. Đà Nẵng nói riêng.

**Từ khoá:** Phần mềm kế toán, khách sạn

**73. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp ngành may**/ Nguyễn Thị Hoài Thu, Nguyễn Thị Minh Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 133-135.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp ngành may VN là một vấn đề đáng quan tâm, giúp cho các DN may tìm ra được những nhân tố quan trọng để cải thiện hệ thống thông tin kế toán nói riêng và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp nói chung nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của người sử dụng hệ thống và phục vụ hiệu quả cho công tác quản trị.

**Từ khoá**: Chất lượng hệ thống thông tin kế toán, các nhân tố ảnh hưởng, doanh nghiệp may Việt Nam

**74. Nhân tố tác động đến trình bày và công bố kế toán công cụ tài chính phái sinh tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thu Thủy// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 92-94.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các nhân tố tác động đến việc trình bày và công bố kế toán công cụ tài chính phái sinh tại các doanh nghiệp Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng kèm với bảng câu hỏi có cấu trúc được thiết kế để có được sự đồng thuận liên quan đến vấn đề trình bày và công bố thông tin kế toán công cụ tài chính phái sinh. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy, các nhân tố: Pháp lý; Thị trường; Người làm kế toán; Nhà quản lý; Công nghệ thông tin, truyền thông tác động nhất định đến trình bày và công bố thông tin công cụ tài chính phái sinh.

**Từ khoá**: Công cụ tài chính phái sinh, kế toán, công cụ phòng ngừa rủi ro

**75. Nhận diện các nhân tố ảnh hưởng tới thực hiện kế toán quản trị môi trường tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hiên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.83 - 85.

**Nội dung:** Mục tiêu của bài viết là tổng hợp các kết quả nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới thực hiện kế toán quản trị môi trường. Dựa trên lược khảo từ các bài báo về chủ đề này, bài viết đã nhận diện xu hướng tác động của từng nhân tố như nhận thức sự hữu ích của EMA, áp lực cũng như rào cản từ các bên liên quan. Ngoài ra bài viết cũng đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo liên quan đến bối cảnh, các nhân tố mới như lợi ích nhóm và áp lực của sự thay đổi ảnh hưởng tới thực hiện kế toán quản trị môi trường trong doanh nghiệp. Nội dụng bài viết làm phong phú thêm tài liệu về dòng nghiên cứu có liên quan, là tài liệu tham khảo hữu ích cho các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý và nhà nghiên cứu.

**Từ khoá:** Nhận diện, kế toán quản trị môi trường, doanh nghiệp.

**76. Nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết thông qua kết quả kiểm toán**/ Lê Thị Thu Hà, Bùi Thị Thuỷ// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 58-66.

**Nội dung**: Thao túng lợi nhuận là hành vi của nhà quản lý doanh nghiệp nhằm trình bày sai lệch thông tin lợi nhuận trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Một trong những cơ sở nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận là ý kiến kiểm toán của kiểm toán viên độc lập đối với báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Căn cứ vào ý kiến kiểm toán và sự chênh lệch số liệu trên báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán, người sử dụng thông tin có thể nhận biết hành vi thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính. Nghiên cứu này quan sát thực tế nhằm nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trong thời kỳ từ năm 2015 đến năm 2019 dựa trên kết quả kiểm toán. Kết quả chỉ ra rằng có dấu hiệu của hành vi thao túng lợi nhuận trên các báo cáo tài chính nhận được ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần; và các báo cáo tài chính có chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán, thao túng lợi nhuận, ý kiến kiểm toán

**77. Những nhân tố tác động đến kế toán trong thời đại kỹ thuật số của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/** Cao Thị cẩm Vân, Lang Thị Minh Thảo// Khoa học & Công nghệ .- 2020 .- số 46 .- Tr. 46-61.

**Nội dung**: khái quát cấu trúc vận hành mới cho nền sản xuất dựa trên ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây. Nghiên cứu lý thuyết đánh giá thực trạng về nhân tố tác động đến lĩnh vực kế toán trong thời kỳ CMCN 4.0 và nhận diện những vấn đề đặt ra đối với kế toán Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, nhân tố tác động đến kế toán.

**78. Những quy định kế toán về trình bày thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp (phương pháp trực tiếp) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**/ Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Ngọc Hiền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 67-68.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi những quy định kế toán về cách trình bày thông tin thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp thông qua sự thay đổi của quy định kế toán từ Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp đến Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp

**Từ khoá**: kế toán doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, kết quả hoạt động kinh doanh

**79. Những rào cản đối với việc áp dụng kế toán quản trị môi trường ở các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam**/ Phạm Mỹ Quyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm tìm ra những rào cản và nguyên nhân gây trở ngại trong việc áp dụng kế toán quản trị môi trường ở các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục những khó khăn và đẩy nhanh tiến trình áp dụng kế toán quản trị môi trường cho các doanh nghiệp sản xuất nói riêng và các doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung

**Từ khoá**: kế toán quản trị, kế toán doanh nghiệp

**80. Những tác động của sự phát triển công nghệ thông tin đến vai trò của kế toán quản trị**/ Nguyễn Bích Ngọc// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.13 - 15.

**Nội dung:** Sự phát triển công nghệ thông tin (CNTT), đặc biệt là những phát triển to lớn gần đây như tự động hóa qui trình, trí tuệ nhân tạo (AI), trực quan hóa dữ liệu và Internet vạn vật đã có những tác động không nhỏ mọi góc ngách của đời sống kinh tế - xã hội, kế toán quản trị (KTQT) không phải là một ngoại lệ. Bài viết khái quát hóa một số thành tựu của công nghệ thông tin gần đây, cũng như xem xét tác động của sự phát triển đó đến vai trò và công việc của nhân viên kế toán quản trị. Từ đó, người quản lý doanh nghiệp, nhân viên kế toán quản trị có thể có những phán đoán và điều chỉnh về công việc quản trị trong tương lai.

**Từ khoá:** Công nghệ thông tin, kế toán quản trị, tác động.

**81. Phát triển dịch vụ kế toán Việt Nam theo cam kết hội nhập quốc tế**/ Mai Thị Hoàng Minh, Nguyễn Ngọc Bích// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 82-84.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về yêu cầu đối với kế toán và dịch vụ kế toán của Việt Nam hiện nay; Các cam kết cụ thể của Việt Nam trong quá trình hội nhập trong lĩnh vực kế toán và dịch vụ kế toán, đồng thời, đưa ra một số giải pháp trọng tâm nhằm đáp ứng với hội nhập quốc tế dịch vụ kế toán của Việt Nam thời gian tới.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính, dịch vụ kế toán, hội nhập kinh tế

**82. Phát triển lĩnh vực kế toán ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và công nghệ số/ Ngô Thế** Chi, Ngô Văn Lượng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Trình bày quá trình hình thành và phát triển Kế toán VN; kết quả đạt được; giải pháp phát triển lĩnh vực kế toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế và công nghệ số.

**Từ khoá**: Lĩnh vực kế toán Việt Nam, hội nhập quốc tế, công nghệ số

**83. Phương pháp định giá sản phẩm trên cơ sở chi phí trong các doanh nghiệp may trên địa bàn Hà Nội**/ Vũ Thùy Dương // Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Trình bày định giá sản phẩm trên cơ sở chi phí và định giá sản phẩm trên cơ sở chi phí trong các doanh nghiệp may trên địa bàn Hà Nội.

**Từ khóa**: Phương pháp định giá sản phẩm, chi phí, doanh nghiệp may, Hà Nội

**84. Phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động của các doanh nghiệp du lịch**/ Lê Thị Huyền Trâm// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 107-109.

**Nội dung**: Thông tin trên báo cáo tài chính được sử dụng trong nội bộ doanh nghiệp và cả các bên liên quan bên ngoài doanh nghiệp như: Các nhà đầu tư, các chủ nợ, các nhà quản lý và ban điều hành. Những người sử dụng báo cáo tài chính phải phân tích các thông tin để đưa ra quyết định kinh doanh, do đó, phương pháp phân tích báo cáo tài chính là quan trọng. Hiện nay, có nhiều phương pháp để phân tích báo cáo tài chính, bài viết nghiên cứu, tìm hiểu hai phương pháp phân tích báo cáo kết quả hoạt động tại các doanh nghiệp du lịch.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, du lịch, phương pháp, phân tích

**85. Phương pháp tiếp cận kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro trong doanh nghiệp: nghiên cứu tại các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản Việt Nam**/ Vũ Thị Kim Anh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 93-103.

**Nội dung**: Cách thức tiếp cận của kiểm toán nói chung cũng như Kiểm toán nội bộ (KTNB) nói riêng đã đang dần thay đổi từ tiếp cận hệ thống, tuân thủ chuyển sang tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro nhằm tăng thêm giá trị và hiệu quả cho các doanh nghiệp (DN). Thông qua phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro, KTNB luôn được xem là tai mắt của quản lý DN, giúp các nhà quản lý điều hành có thể kiểm soát hoạt động tốt hơn, quản lý rủi ro (QLRR) tốt hơn, nâng cao uy tín, thương hiệu, gia tăng niềm tin của các cổ đông, các nhà đầu tư, các đối tác, cơ quan chức năng về hệ thống quản trị của tổ chức. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này nhằm đánh giá khả năng áp dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB tại các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (DNKDBĐS) tại Việt Nam hiện nay và đề xuất một số khuyến nghị phù hợp để khuyến khích và định hướng cho việc áp dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro trong KTNB.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ; phương pháp, rủi ro, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản

**86. Quản lý thuế đối với hoạt động kinh tế ban đêm: những khó khăn và giải pháp khắc phục**/ Lê Xuân Trường// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.24 - 26.

**Nội dung:** Kinh tế ban đêm là loại kinh tế đặc thù gắn với các đô thị và trung tâm du lịch lớn. Bài viết phân tích những đặc điểm của kinh tế ban đêm và tác động của chúng đến hoạt động quản lý thuế; nhận diện tình hình phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam thời gian qua và những vấn đề đặt ra cho quản lý thuế. Từ đó, tác giả đề xuất mọt số khuyến nghị và giải pháp Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh ban đêm, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm theo định của Nhà nước.

**Từ khoá:** Kinh tế ban đêm, quản lý thuế, du lịch, vui chơi, giải trí.

**87. Quản lý thuế trong nền kinh tế số**/ Nguyễn Văn Thức// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.38 - 41.

**Nội dung**: Số hoá nền kinh tế tạo ra cơ hội phát triển vượt bậc cho nền kinh tế toàn cầu. Kinh tế số tạo ra những cách thức kinh doanh mới và tạo ra diện mạo mới cho toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Kinh tế số cũng tạo ra những cơ hội và đặt ra những thách thức cho quản lý thuế. Quản lý thuế buộc phải thay đổi để thích ứng với điều kiện kinh tế số. bài viết này bàn về những vấn đề trọng tâm của cải cách thuế trong điều kiện kinh tế số.

**Từ khoá:** Quản lý thuế, kinh tế số, thuế.

**88. Thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và một số khuyến nghị**/ Lê Văn Dụng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Qua các thời kỳ phát triển, chính sách bảo hiểm y tế Việt Nam, đã không ngừng đổi mới và ngày càng được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi, phục vụ tốt hơn cho người tham gia hiểm y tế. Những thay đổi này là minh chứng cho nỗ lực không ngừng của Bộ Y tế và cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, chính sách bảo hiểm y tế vẫn cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn, phù hợp với thực tiễn hiện nay. Bài viết phân tích thực trạng trong thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh hiện nay và đề xuất một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thanh toán chi phí, khám chữa bệnh

**89. Thể chế thị trường kế toán - kiểm toán tại một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Bùi Tố Quyên// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.102 - 105.

**Nội dung:** Hoàn thiện thể chế thị trường kế toán - kiểm toán tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao tính minh bạch thông tin tài chính trong nền kinh tế, qua đó, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. bài viết nghiên cứu thực trạng thể chế thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán tại Việt Nam hiện nay, đồng thời nghiên cứu qui trình xây dựng, quản lý thể chế thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán tại một số quốc gia trong khu vực ASEAN như Malaysia, Indonesia, Thái Lan. Trên cơ sở đó, một số bài học kinh nghiệm được rút ra nhằm hoàn thiện thể chế thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Thể chế thị trường, kế toán - kiểm toán, ngành nghề kế toán, kiểm toán.

**90. Thực hiện kiểm toán điều tra và những yêu cầu đặt ra đối với kiểm toán viên**/ Nguyễn Thuý Hằng// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.113 - 115.

**Nội dung:** Kiểm toán điều tra là việc kiểm tra và đánh giá hồ sơ tài chính của một công ty hoặc cá nhân để đưa ra các bằng chứng có thể được sử dụng tại toà án hoặc thủ tục tố tụng. Tuy đã xuất hiện khá lâu ở các nước phát triển, song đến nay kiểm toán điều tra vẫn xa lạ với những nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Bài viết nghiên cứu tổng quan về kiểm toán điều tra, thông qua phương pháp tìm hiểu các nghiên cứu trên thế giới, từ đó tổng hợp những kiến thức và kỹ năng cần có của một kiểm toán viên muốn hoàn thành tốt một cuộc kiểm toán điều tra.

**Từ khoá:** Kiểm toán, kiểm toán, kiểm toán viên.

**91. Thực trạng áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) ở Việt Nam và một số đề xuất** / Lê Cương Kiên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.35 - 37.

**Nội dung:** Theo Uỷ ban Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB), đến hết năm 2018 đã có 131/143 quốc gia và vùng lãnh thổ được IASB khảo sát tuyên bố cho phép áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc (IFRS) dưới các hình thức khác nhau. Trong khi IFRS đã trở thành luật chơi phổ biến trên toàn cầu, thì Việt Nam là một trong số ít các quốc gia chưa có tuyên bố về áp dụng IFRS. Điều này đòi hỏi trong thời gian tới, Việt nam cần có nhiều hơn nữa các nhà đầu tư quốc tế. Bài viết khái quát về IFRS và những lợi ích của nó với các doanh nghiệp (DN); đồng thời khái quát thực trạng áp dụng IFRS tại Việt Nam; từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm áp dụng hiệu quả IFRS ở các DN Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB), doanh nghiệp.

**92. Thực trạng phân loại tài sản tài chính tại các ngân hàng thương mại Việt Nam và các vấn đề trao đổi**/ Nguyễn Thị Quỳnh Hoa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 58-62.

**Nội dung**: ài viết tóm tắt thực trạng về việc phân loại TSTC tại các NHTM Việt Nam, từ đó đưa ra nhận xét và kiến nghị để hoàn thiện việc phân loại góp phần nâng cao chất lượng và tinh so sánh được của thông tin.

**Từ khoá**: Tài sản cố định, tài sản tài chính, ngân hàng thương mại

**93. Thực trạng phương pháp phân bổ chi phí tại công ty cổ phần Masso và giải pháp hoàn thiện**/ Nguyễn Thị Ngọc// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 43-48.

**Nội dung**: Bài viết này đề cập đến một phần nhỏ trong lĩnh vực quản trị chi phí, đó là phương pháp phân bổ chi phí phục vụ. Nội dung thông tin, các phân tích cũng như các ý kiến cá nhân của tác giả được thực hiện dựa trên dữ liệu tại công ty cổ phần Masso - là một công ty có bề dày hoạt động 20 năm trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ truyền thông, tiếp thị. Bài viết chỉ ra thực trạng trong việc ứng xử đối với chi phí ở bộ phận phục vụ tại doanh nghiệp, các hạn chế mang lại từ thực trạng này và đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác phân bổ chi phí ở bộ phận phục vụ cũng như phát huy các lợi ích mang lại từ việc quản trị loại chi phí này.

**Từ khoá**: Quản trị chi phí, phương pháp phân bổ chi phí phục vụ

**94. Thực trạng ý kiến kiểm toán của một số công ty niên yết theo ngành tại Việt Nam**/ Đỗ Quỳnh Chi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 587 .- Tr.37 - 39.

**Nội dung:** Nghiên cứu này so sánh ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và không phải dạng chấp nhận toàn phần của 188 công ty niên yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam từ 2010 - 2019. 188 công ty được thu thập từ mẫu của nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của các công ty niên yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và chia ý kiến kiểm toán thành hai loại: ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có xu hướng tăng dần qua các năm vầ chiếm một tỷ lệ lớn tại các ngành và cao nhất là ở ngành nguyên vật liệu và thấp nhất ở ngành dịch vụ.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán, kiểm toán.

**95. Trí tuệ nhân tạo và nghề kế toán trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Hồ Thị Vân Anh, Phạm Tú Anh// Khoa học & Công nghệ .- 2020 .- số 46 .- Tr. 21-31.

**Nội dung**: Phát triển về Robot và trí tuệ nhân tạo AI. Áp dụng AI trong kinh doanh và kế toán. Thảo luận một số tác động và một số xu hướng có thể phát triển trong tương lai đối với nghề kế toán trong bối cảnh AI hiện nay.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, Nghề kế toán, chuyên gia về trí tuệ nhân tạo.

**96. Tiếp cận hệ thống thông tin kế toán theo chu trình tại các doanh nghiệp xăng dầu miền Trung**/ Trần Thị Phương Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 130-132.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích chu trình doanh thu và chu trình cung ứng trong hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: hệ thống thông tin kế toán theo chu trình, doanh nghiệp, doanh nghiệp xăng dầu, miền Trung

**97. Tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp hiện nay**/ Nguyễn Thanh Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr.82-84.

**Nội dung**: Tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động kế toán tại doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải doanh nghiệp nào cũng nắm rõ các nội dung liên quan đến công tác này để triển khai một cách hiệu quả, phục vụ tốt nhất cho công tác quản trị điều hành của nhà quản trị doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về việc tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp và đưa ra một vài gợi ý để góp phần nâng cao hiệu quả của công tác này trong hoạt động thực tiễn.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, bộ máy kế toán, quản trị doanh nghiệp

**98. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại doanh nghiệp hiện nay**/ Nguyễn Thanh Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 71-73.

**Nội dung**: Vai trò của kế toán quản trị là cung cấp thông tin kế toán thích hợp cho các nhà quản lý để đưa ra các quyết định hợp lý. Các quyết định này liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các nhà quản lý dựa vào những thông tin được cung cấp để so sánh, đánh giá các phương án và ra các quyết định thích hợp. Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp thông tin kế toán cho các nhà quản lý doanh nghiệp lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định kinh tế.

**Từ khoá**: kế toán quản trị, Báo cáo kế toán, quản trị doanh nghiệp

**99. Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Hoàng Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Kim Oanh// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 155-157.

**Nội dung**: Công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và giải pháp hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin, kế toán quản trị, doanh nghiệp nhỏ và vừa, quyết định ngắn hạn, Thái Nguyên

**100. Trao đổi về quy định kiểm tra dịch vụ kế toán/** Nguyễn Khánh Thu Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 88-91.

**Nội dung**: Hoạt động dịch vụ kế toán tại Việt Nam ngày càng phát triển, các đối tượng cung cấp dịch vụ này phải được sự đồng ý, chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước. Từ ngày 01/4/2021, việc kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán được thực hiện theo quy định mới tại Thông tư số 09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán. Theo đó, việc kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán được thực hiện theo hình thức kiểm tra gián tiếp và kiểm tra trực tiếp.

**Từ khoá**: Dịch vụ kế toán, kế toán viên hành nghề

**101. Triển khai áp dụng IFRS ở Cộng Hoà IRAQ**/ Đặng Thanh Tùng// Kế toán - Kiểm toán.- 2021 .- Số 210 .- Tr.90 - 93.

**Nội dung:** Nước Cộng Hoà IRAQ (tên theo tiếng Ả rập là Al - Iraqiyah, tiếng Kurd là Komara Iraqê) là một quốc gia ở khu vực Trung Đông, với dân số 36-37 triệu người, trong đó khoảng 97% theo đạo Hồi. Thủ đô Baghdad của Iraq hết sức lừng lẫy trong lịch sử, nó từng được coi là trung tâm của nền văn minh lưỡng hà. Cộng hoà Iraq được thành lập năm 1958 và là thành viên sáng lập của Liên Hợp Quốc, Liên đoàn Ả Rập, Tổ chức Hợp tác Hồi giáo, Phong trào không liên kết và Quỹ Tiền tệ quốc tế. Iraq theo thể chế cộng hoà nghị viện liên bang, gồm 19 tỉnh và một vùng tự trị. Là đất nước nằm trong khu vực một trong những chiếc nội lớn của nền ăn minh nhân loại, Iraq từng trải qua nhiều thăng trầm, biến động những vẫn là quốc gia quan trọng trong khu vực và thế giới. Cho dù gặp nhiều khó khăn do chiến tranh, nhưng vào năm 2016 GDP của Iraq vẫn đứng thứ 56 thế giới, đứng thứ 20 Châu Á và đứng thứ 6 Trung Đông. Tìm hiểu về nghề kế toán ở Iraq, giúp ta hiểu thêm nhiều điều từ một đất nước đang đi ra khỏi chiến tranh.

**Từ khoá:** IFAC, IFRS, chi phí, giá thành sản phẩm, sản xuất sợi.

**102. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ Vũ Thị Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 136-138.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm chỉ ra sự khác biệt trong việc tổ chức công tác kế tóa khu ứng dụng CNTT ở các mức độ khác nhau. Đồng thời, đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào tổ chức công tác kế toán của DN.

**Từ khoá**: Công nghệ thông tin, kế toán, tổ chức, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**103. Ứng dụng kỹ thuật kế toán điều tra tại phòng Thanh tra Quận 10, TP. Hồ Chí Minh** /Đào Tuyết Lan, Phạm Thanh Phong// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.33 - 36.

**Nội dung:** Kế toán điều tra cung cấp các báo cáo xuất phát từ các yêu cầu pháp lý hoặc từ 1 tranh chấp về vấn đề tài chính có liên quan. Đây là một nội dung khá mới, nhưng cũng đã được áp dụng trong các cơ quan thanh tra cũng như các doanh nghiệp các cơ quan phi tài chính , ... Mục đích chủ yếu của kế toán điều tra là phát hiện gian lận trong lĩnh vực kế toán tài chính, khi các gian lận này ngày càng gia tăng. Bài báo này, tác giả trình bày một số thực trạng ứng dụng kỹ thuật kế toán điều tra tại phòng thanh tra quận 10, TP.HCM.

**Từ khoá:** Kỹ thuật kế toán điều tra, phòng thanh tra.

**104. Vai trò điều tiết của phân quyền quản lý trong hệ thống kế toán quản trị**/ Trần Nữ Vân Nhi, Nguyễn Phong Nguyên// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.92 - 94.

**Nội dung:** Nghiên cứu này trao đổi về những khái niệm liên quan kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán quản trị và vai trò điều tiết tiềm năng của phân quyền quản lý. Thông qua lý thuyết dự phòng, bài viết đưa ra một mô hình điều tiết về sự tương tác giữa sự tham gia của kế toán quản trị vào quá trình ra quyết định chiến lược đến mức độ sử dụng thông tin kế toán quản trị trong bối cảnh phân quyền quản lý. Kết quả kiểm định mô hình và các giả thuyết trong tương lai có thể đem lại những hàm ý quản trị cho các nhà quản lý nhằm nâng cao vai trò của hệ thống kế toán quản trị trong các doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Thông tin kế toán quản trị, quyết định chiến lược, phân quyền quản lý.

**105. Vai trò của Liên đoàn kế toán quốc tế trong việc ban hành các chuẩn mực kế toán quốc tế/** Chúc Anh Tú// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 22-26.

**Nội dung**: Bài viết sơ lược những vấn đề cơ bản liên quan đến Liên đoàn kế toán quốc tế cũng như quá trình hình thành và phát triển của kế toán quốc tế.

**Từ khóa**: Kế toán quốc tế, chuẩn mực kế toán quốc tế

**106. Vai trò của kế toán trong quản lý các công ty Cổ phần ở Việt Nam**/ Ngô Thị Thu Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 53-58.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm về công ty cổ phần, đặc điểm của công ty cổ phần, vai trò của kế toán trong quản lý công ty cổ phần và kết luận.

**Từ khóa:** Kế toán, quản lý

**107. Vai trò của tổ chức chuẩn mực kế toán quốc tế đến việc ban hành các chuẩn mực kế toán**/ Chúc Anh Tú// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 208+209 .- Tr. 18-23.

**Nội dung**: Trình bày cách IFRS Foundation thiết lập các tiêu chuẩn IFRS, cấu trúc tổ chức, áp dụng chuẩn mực IFRS, giải thích IFRIC; cách IFRS Interpretation committee giúp hỗ trợ việc áp dụng nhất quán, các tài liệu hỗ trợ chuẩn mực IFRS cho SMEs.

**Từ khoá**: Tổ chức chuẩn mực kế toán quốc tế, chuẩn mực kế toán

**108. Vấn đề đặt ra đối với ngành Kiểm toán trong bối cảnh đại dịch Covid–19**/ Nguyễn Thị Thanh Thắm, Trần Thị Phương Nhung, Ninh Thị Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 107-109.

**Nội dung**: Năm 2020, đại dịch Covid-19 lan rộng ra phạm vi toàn cầu. Dịch bệnh đã và đang tác động lớn đến mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội của các quốc gia. Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới đã, đang kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, dịch bệnh tác động đến sự phát triển kinh tế-xã hội toàn cầu nên ít nhiều cũng tạo ra những ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế Việt Nam. Tình hình đó đặt ra cho nền kinh tế nói chung và ngành Kiểm toán nói riêng nhiều vấn đề mới cần phải được xem xét và giải quyết.

**Từ khoá**: Kiểm toán, toàn cầu, đại dịch, Covid-19

**109. Vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro**/ Vũ Thị Thu Huyền, Trần Nguyễn Bích Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Bài viết khảo cứu các công trình trong và ngoài nước đánh giá về phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro, từ đó gợi ý các bước vận dụng hiệu quả phương pháp kiểm toán này vào trong thực tiễn.

**Từ khoá**: phương pháp kiểm toán, đánh giá rủi ro, cơ sở, báo cáo tài chính

**110. Vận dụng công cụ quản lý của kế toán quản trị trong các doanh nghiệp dệt may**/ Lê Thị Huyền Trâm/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.88 - 91.

**Nội dung:** Để giúp cho nhà quản trị đưa ra quyết định phù hợp, cung cấp các thông tin hữu ích về các nội dung trong kế toán quản trị như phân loại chi phí, kiểm soát chi phí, lập dự toán trong doanh nghiệp, phân tích thông tin thì cần phải vận dụng đúng đắn các công cụ quản lý của kế toán quản trị. Bài viết này bàn về việc vận dụng các công cụ quản lý của kế toán quản trị và đưa ra một số hạn chế khi vận dụng tại các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, nhằm đề xuất một số phương hướng, giải pháp vận dụng các công cụ quản lý của kế toán quản trị trong các doanh nghiệp này.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, công cụ quản lý, doanh nghiệp, dệt may

**111. Vận dụng công cụ quản lý của kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất sợi**/ Nguyễn Thị Hồng Sương// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.92 - 94.

**Nội dung:** Trong hệ thống thông tin phục vụ cho các quyét định kinh doanh tối ưu phải kể đến thông tin kế toán quản trị. Thông tin kế toán quản trị hữu ích là việc lựa chọn sử dụng các phương pháp kế toán quản trị phù hợp với đặc điểm từng doanh nghiệp sản xuất, đảm bảo hiệu quả kinh tế cao, giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu chiến lược. Tại Việt Nam, việc nghiên cứu, vận dụng phương pháp kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung và doanh nghiệp sản xuất sợi nói riêng hiện nay còn chưa thống nhất. Bài viết phân tích việc vận dụng các phương pháp kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất sợi tại Việt Nam nói riêng cho thấy rõ hơn thực tế này.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, vận dụng, doanh nghiệp sản xuất.

**112. Vấn đề ghi nhận chi phí và xử lý nợ phải thu khó đòi tại doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ Trần Kim Tuyến// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 100-103.

**Nội dung**: Thực tế tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho thấy, hiện nay, loại hình doanh nghiệp này chưa quan tâm đúng mức đến việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Vì bộ máy kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa khá đơn giản, tình trạng một người làm nhiều công việc, kiêm nhiệm nhiều vị trí diễn ra khá phổ biến, do nhà quản lý siết chặt quản lý và tiết kiệm chi phí thuê người.Để đảm bảo việc ghi nhận chi phí và xử lý nợ phải thu khó đòi tại doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt hiệu quả cần sớm có giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi, báo cáo tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**113. Yêu cầu thực tiễn về nghiên cứu kế toán điều tra**/ Nguyễn Thị Sương// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.95 - 97.

**Nội dung:** Kế toán điều tra là dịch vụ được thực hiện từ yêu cầu từ khách hàng, có thể là các cá nhân, doanh nghiệp hoặc các cơ quan pháp luật. Kế toán điều tra được sử dụng trong các trường hợp như đo lường thiệt hại kinh tế của các tổ chức trong các trường hợp tái cơ cấu, xảy ra tranh chấp hay kiện tụng, định giá tài sản, đo lường thiệt hại của các cá nhân... Tuy nhiên, kế toán điều tra vẫn là khái niệm khá mới tại Việt Nam, ngay cả các nghiên cứu học thuật cũng chưa nhiều, vì vậy, bài viết trao đổi về sự cần thiết phải nghiên cứu kế toán điều tra ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Kế toán điều tra, gian lận tài chính, báo cáo tài chính.

**114. Yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng thông tin kế toán quản trị và hiệu quả tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam**/ Võ Tấn Liêm// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 130-132.

**Nội dung**: Nghiên cứu này áp dụng lý thuyết quản trị cấp cao vào lĩnh vực kế toán quản trị, trình bày ý nghĩa về sự phù hợp giwuax đặc điểm tuổi của nhà quản trị cấp cao và hành vi sử dụng thông tin hệ thống kế toán quản trị sẽ nâng cao hiệu quả tài chính của tổ chức.

**Từ khoá**: Hệ thống kế toán quản trị, tuổi, hiệu quả tài chính

**115. Yếu tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn công ty kiểm toán của các doanh nghiệp**/ Phạm Thị Mộng Hằng// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.104 - 109.

**Nội dung:** Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để xem xét các yéu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn công ty kiểm toán Big4 của các doanh nghiệp. Để đạt được mục đích đề ra, bài viết nghiên cứu dữ liệu (gồm 214 quan sát) được thu thập từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp phi tài chính niên yết trên sàn Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội(HNX) trong năm 2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 02 yếu tố tác động đến việc lựa chọn công ty kiểm toán Big4 của các doanh nghiệp, đó là ""Qui mô doanh nghiệp"" và ""Doanh nghiệp có công ty con"". Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhiều hàm ý về chính sách liên quan đã được tác giả đề xuất.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, kiểm toán, tài chính.

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Ảnh hưởng của các nhân tố quản trị môi trường đến hiệu quả bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp**/ Trần Thị Thu, Đỗ Thị Hải Yến// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.81 - 83.

**Nội dung:** Nghiên cứu này kiểm tra ảnh hưởng của các nhân tố môi trường, sự thay đổi của môi trường và nhân thức của nhà quản trị (nhân tố trung gian) tới hiệu quả bảo vệ môi trường của doanh nghiệp. Thông qua phần mềm SmartPLS, nghiên cứu thực hiện khảo sát 107 công ty niên yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam cho thấy, có mối quan hệ tích cực giữa các nhân quản trị môi trường và hiệu quả bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khoá: Chiến lược môi trường, nhà quản trị, bảo vệ môi trường, doanh nghiệp.

**2. Ảnh hưởng của kinh doanh qua mạng đối với công tác quản lý thuế tại Việt Nam**/ Phạm Thị Thu Huyền// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.42 - 44.

**Nội dung:** Ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh, kinh doanh thông qua internet, các trang mạng xã hội là loại hình kinh doanh phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh những lợi ích mang lại như: làm giảm chi phí bán hàng, tiếp thị, giảm lượng hàng lưu kho, tăng khả năng cạnh tranh, chăm sóc khách hàng ... mô hình này cũng tạo ra một áp lực không nhỏ đối với công tác quản lý thuế, nhất là việc thanh tra, kiểm tra thuế. Trên cơ sở phân tích những đặc điểm việc kinh doanh qua mạng hiện nay, bài viết đưa ra một số kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thuế hiện nay đối với mô hình kinh doanh này.

**Từ khoá:** Kinh doanh online, thương mại điện tử, công nghệ số.

**3. Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp niêm yết ngành sản xuất, chế biến thực phẩm ở Việt Nam**/ Lê Thanh Huyền// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 35-42.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu tìm hiểu tác động của các nhân tố bên trong doanh nghiệp đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong bối cảnh một nền kinh kế đang phát triển. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, 30 doanh nghiệp niêm yết thuộc ngành sản xuất, chế biến thực phẩm đã được điều tra từ năm 2014 đến năm 2019. Số liệu được phân tích dựa trên sự hỗ trợ của phần mềm Stata 14. Các ước lượng cho dữ liệu bảng được sử dụng bao gồm ước lượng OLS, ước lượng FE, ước lượng RE, phương pháp GMM để kiểm định giả thuyết và tìm ra ước lượng phù hợp. Kết quả cho thấy, khả năng sinh lời của các doanh nghiệp chịu tác động dương bởi quy mô kinh doanh và tỷ suất tài sản cố định, trong khi đó, nó chị tác động ngược chiều bởi đòn bẩy tài chính.

**Từ khoá**: Các nhân tố bên trong doanh nghiệp, khả năng sinh lời, công ty sản xuất, chế biến thực phẩm

**4. Ảnh hưởng của chất lượng tích hợp kênh đến lòng trung thành khách hàng trong ngành khách sạn ở Việt Nam**/ Ngô Thị Khuê Thư, Trương Bá Thanh, Trần Triệu Khải// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 63-75.

**Nội dung**: Chất lượng tích hợp nhiều kênh rất quan trọng để tạo ra những trải nghiệm khách hàng liền mạch và nhất quán, giúp thúc đẩy khách hàng thực hiện hành vi mua hàng. Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định chất lượng tích hợp kênh truyền thống và trực tuyến ảnh hưởng như thế nào đến lòng trung thành của khách hàng trong môi trường mua sắm đa kênh trong ngành khách sạn tại Việt Nam. Một cuộc khảo sát định lượng được thực hiện với 544 khách du lịch nội địa ở khắp Việt Nam. Kết quả cho thấy chất lượng tích hợp kênh tác động gián tiếp đến lòng trung thành của khách hàng thông qua giá trị tích hợp kênh được nhận thức, sự tin tưởng và sự hài lòng khách hàng. Những phát hiện này mở rộng tài liệu du lịch liên quan đến phân phối đa kênh và đề xuất cách các chủ khách sạn có thể cải thiện chiến lược đa kênh.

**Từ khoá**: Marketing đa kênh; chất lượng tích hợp đa kênh; lòng trung thành; khách sạn; Việt Nam

**5. Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020**/ Trần Phương Thảo// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 101-106.

**Nội dung**: Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 có tác động đến tình hình xuất khẩu của VN, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chịu ảnh hưởng nhiều hơn, khiến cho kim ngạch xuất khẩu ở khu vực này giảm liên tục trong các tháng 4, 5, 6 và tháng 8 so với cùng kỳ năm ngoái. Điều đáng khích lệ là trước bối cảnh khó khăn chung do đại dịch COVID-19, khu vực kinh tế trong nước có kim ngạch xuất khẩu gia tăng liên tục trong 7 tháng (trừ tháng 1), cho thấy sự nỗ lực của khu vực kinh tế trong nước cũng như các chính sách của nhà nước đã có sự hỗ trợ, động viên mạnh mẽ, kịp thời cho các doanh nghiệp, ngành nghề xuất khẩu thuộc khu vực kinh tế trong nước nói riêng và các doanh nghiệp VN nói chung.

**Từ khoá**: Đại dịch Covid-19, Hiệp định thương mại, kim ngạch xuất khẩu, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

**6. Ảnh hưởng của hành vi mua sắm tìm kiếm đến sự gắn kết của khách hàng trong xu hướng bán lẻ hợp kênh: trường hợp các doanh nghiệp bán lẻ thời trang tại Đà Nẵng, Việt Nam**/ Trương Thị Hiếu Hạnh, Đặng Thị Thu Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 53-64.

**Nội dung**: Trong thời đại kỹ thuật số, khách hàng có xu hướng tận dụng cả kênh trực tuyến và truyền thống để tìm kiếm thông tin, đưa ra quyết định mua hàng cuối cùng cũng như thường chuyển kênh khi mua sắm. Tuy nhiên, tại Việt Nam có rất ít nghiên cứu về chủ đề này, đặc biệt là về mua sắm tìm kiếm. Thông qua nghiên cứu thực nghiệm, những tác động tích cực của hành vi mua sắm tìm kiếm đến sự gắn kết của khách hàng trong bối cảnh ngành bán lẻ thời trang tại Việt Nam, dưới tác động trung gian của biến số ý định khởi tạo nội dung người dùng đã được xác nhận. Ngoài ra, một số đặc điểm tâm lý của người tiêu dùng được nêu bật như những tiền đề dự báo hành vi mua sắm tìm kiếm. Không chỉ bổ sung khoảng trống lý thuyết trước đó, nghiên cứu kỳ vọng giúp doanh nghiệp có cái nhìn sâu sắc hơn về thiết kế các kênh bán hàng hiệu quả, quản lý thông điệp trực tuyến nhằm gia tăng sự gắn kết của khách hàng trong môi trường bán lẻ hợp kênh.

**Từ khoá**: Hành vi mua sắm, sự gắn kết của khách hàng, người dùng khởi tạo, bán lẻ hợp kênh

**7. Ảnh hưởng của hình ảnh, tác động và sự hài lòng thương hiệu đến sự trung thành thương hiệu: nghiên cứu trường hợp thương hiệu bánh kẹo truyền thống**/ Nguyễn Quốc Thịnh, Đặng Hồng Vương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Xác định và đo lường sự ảnh hưởng của yếu tố hình ảnh thương hiệu, tác động thương hiệu và sự hài lòng thương hiệu đến sự trung thành thương hiệu của người tiêu dùng đối với sản phẩm bánh kẹo truyền thống. Phương pháp nghiên cứu sử dụng bao gồm phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua việc thu thập và xử lý bộ số liệu từ 270 người tiêu dùng có thường xuyên sử dụng sản phẩm bánh kẹo truyền thống ít nhất 3 lần/tháng. Số liệu được thu thập, xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 20 và AMOS 20. Một mô hình cấu trúc SEM được thiết lập với kết quả của nghiên cứu là phù hợp với thực tế thị trường cho thấy rằng yếu tố hình ảnh thương hiệu ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến tác động thương hiệu, sự hài lòng thương hiệu và sự trung thành thương hiệu. Dựa trên những phát hiện, hàm ý quản trị được thảo luận. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế và hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khoá**: Sự hài lòng, sự trung thành, mô hình thương hiệu, bánh kẹo truyền thống

**8. Ảnh hưởng của quy mô, giá trị, beta tớ i hiệ u ứ ng momentum ngắn hạn trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Yến// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 78-87.

**Nội dung**: Nghiên cứu khảo sát hiệu ứng momentum ngắn hạn và ảnh hưởng của quy mô, giá trị, beta tới hiệu ứng này trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả cho thấy giá cổ phiếu có xu hướng đảo ngược trong tuần kế tiếp so với 4 tuần liền trước. Tuy nhiên trong nhiều tuần sau đó, xu hướng momentum trội hơn. Lợi nhuận của chiến lược momentum có tương quan âm với quy mô cổ phiếu. Trong các nhóm cổ phiếu phân chia theo hệ số giá trị sổ sách trên giá trị vốn hóa thị trường, chiến lược momentum thực hiện trên nhóm cổ phiếu tăng trưởng có lợi nhuận cao nhất. Trong các nhóm cổ phiếu phân chia theo beta, xu hướng momentum mạnh nhất trong nhóm cổ phiếu có rủi ro thị trường trung bình. Các rủi ro quy mô, giá trị và rủi ro thị trường không giải thích được lợi nhuận của các chiến lược momentum và chiến lược đảo ngược.

**Từ khoá**: Hiệu ứng momentum, hiệu ứng đảo ngược, hồi quy Fama-MacBeth, phân tích danh mục đơn biến, phân tích danh mục hai biến

**9. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái tới xuất nhập khẩu chè của VN sang Ba Lan**/ Nguyễn Thị Thơ, Nguyễn Văn Nghiến// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 47-52.

**Nội dung**: Bài viết phân tích dựa trên dữ liệu từ năm 1998 đến 2008, ước lượng mô hình VAR nhằm đahs giá tác động của tỷ giá hối đoái đến sự biến động xuất khẩu chè của VN sang Ba Lan và so sánh với tác động của thu nhập nước nhập khẩu. Kết quả cho thấy có mối tương quan thuận giữa tỷ giá hối ddoiais vfa xuất khẩu chè của VN. Mối quan hệ phù hợp với giả thuyết được đề cập trong bài viết này là tỷ giá có tác động thuận chiều tới giá trị xuất khẩu chè VN sang Ba Lan và tác động mạnh hơn so với biến động của thu nhập.

**Từ khoá**: Biến động, tỷ giá hối đoái, xuất khẩu chè, tỷ giá linh hoạt

**10. Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến sự hài lòng và cam kết gắn bó của nhân viên văn phòng SMEs tại TP. Hồ Chí Minh**/ Kiều Xuân Hùng, Lê Duy Minh, Phạm Văn Kiên// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 49-54.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng của văn hóa tổ chức đến mức độ hài lòng và cam kết công việc của nhân viên tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trên địa bàn TP. HCM. Dữ liệu được thu thập từ các nhân viên đang làm việc văn phòng. Tổng 240 nhân viên đã tham gia trả lời trả lời khảo sát. Nghiên cứu đề xuất mô hình 8 yếu tố với 35 thang đo. Kỹ thuật phân tích mô hình cấu trúc (SEM) được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên và cam kết của nhân viên. Nghiên cứu kết luận rằng văn hóa tổ chức có ảnh hưởng lớn đến sự hài lòng và cam kết của nhân viên vì nó quyết định cách mọi thứ được thực hiện. Và thực tế này cho thấy, có ba trong số sáu thành phần có ảnh hưởng cực kỳ lớn đến sự thỏa mãn của nhân viên là phong cách quản lý, giá trịdoanh nghiệp - đạo đức kinh doanh và thực tiễn. Như vậy, nghiên cứu đã cung cấp một cái nhìn thực tiễn về sự hài long và cam kết gắn bó của nhân viên. Từ đó, các nhà quản lý có thể đưa ra những chính sách nhân sự phù hợp cho tổ chức của mình.

**Từ khoá**: Văn hóa doanh nghiệp, sự hài lòng, cam kết gắn bó, SMEs

**11. Áp dụng quy định đấu thầu, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công: Thực trạng và giải pháp/** Nguyễn Lê Phương Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ công là một nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội mà trong đó đấu thầu, đặt hàng là một trong những phương thuốc hữu hiệu để góp phần giúp giải quyết những vấn đề đặt ra, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả và thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ công phục vụ cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Đấu thầu, dịch vụ công, thị trường sản phẩm, xã hội hóa

**12. Bài học quản trị tài chính tại một số công ty đa quốc gia**/ Lê Thị Thu Phương, Phạm Thanh Hà// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Cùng với xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế là sự ra đời và phát triển ngày càng nhiều của các công ty đa quốc gia. Các công ty này hoạt động thành công trên phạm vi quốc tế nhờ khả năng quản lý tốt của các nhà quản trị tài chính khi biết kết hợp sự đa dạng và dự đoán được những thay đổi đến từ yếu tố đa quốc gia để tạo nên giá trị tổng thể cao nhất. Bài viết này phân tích các vấn đề quản trị tài chính tại một số công ty đa quốc gia và rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam có thể tham khảo.

**Từ khoá**: Quản trị tài chính, công ty đa quốc gia, rủi ro

**13. Bán lẻ hợp kênh (omni - chanel) taị Việt Nam trong kỷ nguyên số**/ Lê Mạnh Hùng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.19 - 21.

**Nội dung:** Mặc dù hiện tại xu hướng bán lẻ đa kênh đang là lựa chọn của nhiều doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam nhưng định hướng bán lẻ hợp kênh đang là một vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp bán lẻ trước những xu hướng biến đổi nhanh chóng của môi trường và thị trường bán lẻ Việt Nam trong thời kỳ kỷ nguyên số. Hoạt động hợp kênh (omni - chanel) của doanh nghiệp bán lẻ giúp khách hàng có trải nghiệm liền mạch trong mua sắm hàng hóa ở mọi thời điểm, mọi nơi trong môi trường thực và cả trong môi trường ảo. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung vào làm rõ hơn về bán lẻ hợp kênh, những thuận lợi và khó khăn mà doanh nghiệp bán lẻ Việt nam gặp phải khi áp dụng kênh (omni - chanel), từ đó đưa ra những khuyến nghị cho việc áp dụng hợp kênh của các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp bán lẻ, kênh (omni - chanel).

**14. Bàn về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và của lãnh đạo doanh nghiệp**/ Từ thanh Hoài, Nguyễn Phong Nguyên// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 120-122.

**Nội dung**: Quan điểm chung về trách nhiệm xã hội và trách nhiệm lãnh đạo; lysthueets nền tảng; ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội và trách nhiệm của lãnh đạo đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, trách lãnh đạo doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động

**15. Báo cáo tích hợp và ngôn ngữ báo cáo kinh doanh mở rộng: Thông tin công bố trong thời đại 4.0**/ Trần Thị Thanh Thanh// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.69 - 72.

**Nội dung:** Báo cáo kinh doanh mở rộng (XBRL) là một ngôn ngữ được viết dựa trên chuẩn ngôn ngữ đánh dấu mở rộng (XML) được mô phỏng các thông tin tài chính kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, XBRL là hình thức ngôn ngữ báo cáo tài chính bắt buộc của một số quốc gia cũng như hệ thống công bố thông tin của các Sở giao dịch chứng khoán lớn trên thế giới. Tuy nhiên, ciệc tồn tại nhiều cách phân loại XBRL dựa trên các nguyên tắc kế toán khác nhau có thể gây ra rủi ro cho các mục tiêu tiêu chuẩn hoá, khả năng so sánh và khả năng tái sử dụng của thông tin được tìm kiếm với XBRL. Phân loại XBRL theo hướng dẫn của khuôn khổ chuẩn mực báo cáo tích hợp quốc tế được xem là xu hướng trong tương lai, bởi vai trò nổi bật của báo cáo tích hợp.

**Từ khoá:** Báo cáo tích hợp, XBRL, báo cáo tích hợp và XBRL, ngôn ngữ báo cáo kinh doanh mở rộng.

**16. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính : kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ PGS.TS. Kiều Hữu Thiện, TS. Nguyễn Thanh Nhàn, TS. Vũ Hải Yến// Ngân hàng .- 2021 .- Số 8(Tháng 04) .- Tr. 42-49.

**Nội dung**: Nhóm tác giả tập trung tìm hiểu về kinh nghiệm thiết lập khung pháp lý cũng như chiến lược phổ cập tài chính tại Hàn Quốc, Thái Lan và Philippines, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm nhằm tăng cường công tác bảo vệ người tiêu dùng tài chính tại Việt Nam

**Từ khoá**: người tiêu dùng, tài chính, ngân hàng, quy định tài chính, giáo dục tài chính

**17. Biến động của các yếu tố tác động đến xuất khẩu chè Việt Nam: Sử dụng mô hình thị phần không đổi (CMS)/** Ngô Thị Mỹ// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 85-92.

**Nội dung:** Việt Nam là quốc gia có nhiều lợi thế trong sản xuất và xuất khẩu chè với một số sản phẩm chè đã chiếm được vị trí nhất định tại các thị trường truyền thống như Pakistan, Đài Loan, Nga, Trung Quốc,... Bằng phương pháp phân tích thị phần không đổi (CMS), bài viết đã tập trung phân tích tác động của yếu tố cung, yếu tố cấu trúc và yếu tố cạnh tranh đến biến động về kim ngạch xuất khẩu chè tại các thị trường châu Á, châu Âu và Thế giới qua các thời kỳ khác nhau. Từ những thực tế của ngành chè hiện nay như chất lượng thấp, chủng loại chưa phong phú, chưa đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng tại các thị trường,… bài viết đã đưa ra 5 giải pháp chính nhằm phát triển ngành chè của Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Xuất khẩu chè, mô hình CMS, Việt Nam

**18. Các động lực nội tại ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Cảnh Chí Hoàng// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 78-87.

**Nội dung**: Hoạt động nghiên cứu khoa học là cần thiết và quan trọng để phát triển tri thức của con người, và điều đó còn quan trọng hơn khi được thực hiện trong bối cảnh các cơ sở giáo dục đại học, nơi có trách nhiệm nghiên cứu và đào tạo nguồn lực cho xã hội. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo đại học vẫn chưa tương xứng với kỳ vọng về cả số lượng lẫn chất lượng mặc dù các cơ sở đào tạo đã có các chính sách khen thưởng bằng vật chất. Nghiên cứu này chọn bối cảnh tại Thành phố Hồ Chí Minh, và mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các yếu tố động lực nội tại ảnh hưởng đến ý định nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học. Thông qua nghiên cứu định tính và định lượng, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra được năm yếu tố thuộc về động lực nội tại ảnh hưởng tích cực có ý nghĩa đến ý định nghiên cứu khoa học gồm: sự quan tâm đối với nghiên cứu khoa học, cảm nhận thành tích, cải thiện năng lực nghiên cứu khoa học, sự đóng góp, và quyền tự chủ; trong khi đó yếu tố trách nhiệm không có tác động ý nghĩa đến ý định nghiên cứu khoa học. Dựa trên kết quả, nghiên cứu cũng đề xuất một số hàm ý quản trị cho nhà quản lý tại các cơ sở giáo dục bậc cao nhằm nâng cao hiệu suất nghiên cứu khoa học.

**Từ khoá:** Nghiên cứu khoa học, giảng viên, động lực nội tại, ý định nghiên cứu khoa học

**19. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay tiêu dùng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phan Thị Linh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 83-86.

**Nội dung**: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại Việt Nam ngày càng trở nên khốc liệt, thì yếu tố chất lượng dịch vụ ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của các ngân hàng thương mại. Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với dịch vụ cho vay tiêu dùng của các ngân hàng thương mại tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 05 nhân tố có ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cho vay tiêu dùng gồm: Sự tin cậy; Sự đáp ứng; Sự đảm bảo; Sự cảm thông; Phương tiện hữu hình... Trong đó, nhân tố có mức độ tác động cao nhất là phương tiện hữu hình và thấp nhất là sự đảm bảo.

**Từ khoá**: Cho vay tiêu dùng, ngân hàng thương mại, sự hài lòng

**20. Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của người dân trong giai đoạn Covid-19 : nghiên cứu trên địa bàn TP.Đà Nẵng**/ Phạm Thị Thùy Miên// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 134-136.

**Nội dung**: Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, TP. Đà Nẵng đã thực hiện nhiều biện pháp cách ly nhằm đảm bảo an toàn cho người dân. Điều này dẫn đến sự thay đổi trong hành vi mua sắm của khách hàng, mở ra cơ hội cho doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến. Nghiên cứu này làm rõ các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này đến hành vi mua sắm trực tuyến của người dân trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 tại TP Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố tác động mạnh nhất đến quyết định mua sắm trực tuyến là Nhận thức tính hữu ích, tiếp đến là Chất lượng dịch vụ và cuối cùng là Nhận thức rủi ro tác động ngược chiều với mức độ thấp nhất.

**Từ khoá**: Mua sắm trực tuyến, Covid-19, Đà Nẵng

**21. Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh tại các doanh nghiệp điện niêm yết**/ Trần Thị Ngọc Thúy// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 37-40.

**Nội dung:** Hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra quyết định quản lý của nhà quản trị. Điều này đòi hỏi phái có một hệ thống chi tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh phản ánh một cách toàn diện, đầy đủ và chi tiết tính hình, kết quả kinh doanh, khả năng sinh lời của doanh nghiệp để các nhà quản trị có cái nhìn bao quát nhất, cũng như có được các giải pháp đúng đắn nhất giúp doanh nghiệp điện hoạt động có hiệu quả hơn. bài viết sẽ đi sâu phân tích về vấn đề này.

**Từ khoá**: Phân tích, hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp điện

**22.** [**Các nhân tố tác động đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/5.pdf) **Trần Thị Thanh Hải, Dương Thị Lan// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 24-31.**

**Nội dung: Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sơ thu thập dữ liệu từ 93 doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, trong 5 năm - từ năm 2014 đến năm 2018, nhằm xác định các nhân tố tác động đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Bài viết dùng phương pháp nghiên cứu định lượng, với kỹ thuật phân tích hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 nhân tố tác động đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp theo mức độ giảm dần là: tỷ số ROA, hành vi điều chỉnh lợi nhuận, tỷ số Nợ phải trả/Tổng tài sản, quy mô doanh nghiệp, tốc độ phát triển của doanh nghiệp và tỷ số giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu /Tổng tài sản. Đây chính là cơ sở góp phần giúp các bên liên quan, đặc biệt là các nhà đầu tư nhận định về khả năng hoạt động liên tục của các doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định kinh tế đúng đắn, kịp thời.**

**Từ khóa: Doanh nghiệp sản xuất, hoạt động liên tục**

**23. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ Khmer nghèo tỉnh Trà Vinh**/ Nguyễn Thị Hồng Nhi, Phước Minh Hiệp// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 67-72.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ Khmer nghèo ở tỉnh Trà Vinh. Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 172 hộ Khmer nghèo ở tỉnh Trà Vinh theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Mô hình hồi quy Binary Logistic được sử dụng để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố như: trình độ học vấn, số lao động, tham gia tổ chức đoàn thể ở địa phương, và mục đích vay vốn có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ Khmer nghèo ở tỉnh Trà Vinh. Ngược lại, yếu tố khoảng cách làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức.

**Từ khoá**: Khả năng tiếp cận, hồi quy Binary Logistic, hộ Khmer nghèo, tín dụng chính thức

**24. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tài chính của doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên HOSE/** Phan Minh Trí// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 76-79.

**Nội dung**: Phân tích 5 nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tài chính của doanh nghiệp bất động sản bao gồm: cơ cấu nợ, khả năng thanh toán, khả năng sinh lợi, hiệu quả hoạt động, cơ cấu vốn. Trong đó các yếu tố chính được chia làm 3 nhóm tác động đến rủi ro tài chính gồm các quan sát tác động cùng chiều ( 4 yếu tố), các quan sát tác động ngược chiều (5 yếu tố) và nhóm quan sát không có tác động gì đến rủi ro tài chính. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết kiến nghị giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bất động sản hiện nay.

**Từ khoá**: Rủi ro tài chính, doanh nghiệp, bất động sản, lợi nhuận

**25. Các nhân tố tác động đến dự định khởi nghiệp của sinh viên đại học tại TP. Hồ Chí Minh**/ Hà Thị Thùy Trang, Đoàn Minh Tân, Nguyễn Tấn Phát, Tô Thùy Duyên// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 63-68.

**Nội dung:** Nghiên cứu Các nhân tố tác động đến dự định khởi nghiệp của sinh viên đại học tại TP.HCM nhằm xác định các nhân tố thuộc môi trường đại học tác động đến dự định khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP.HCM. Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng được sử dụng trong nghiên cứu này. Dữ liệu nghiên cứu được tiến hành thu thập thông qua phương pháp lấy mẫu thuận tiện với kích thước mẫu là 991. Kết quả nghiên cứu chỉ ra có 6 nhân tố thuộc môi trường đại học tác động đến dự định khởi nghiệp: Khóa học khởi nghiệp, ý kiến người xung quanh, truyền cảm hứng, học qua thực tế, hoạt động ngoại khóa và chính sách hỗ trợ. Dựa trên kết quả nghiên cứu này, nhà quản trị tại các trường đại học đưa ra được các chính sách nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên.

**Từ khoá**: Dự định khởi nghiệp, môi trường đại học, sinh viên, TP.HCM

**26. Các nhân tố tác động tới hành vi ra quyết định cải thiện môi trường của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam**/ Lê Thanh Hà, Trần Thị Lan Phương// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 24-36.

**Nội dung**: Mặc dù doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng lớn trong các thành phần doanh nghiệp, nhưng họ vẫn hạn chế về kiến thức liên quan tới vấn đề môi trường (Hillary, 2000) và gặp nhiều khó khăn khi xử lý các vấn đề này (Leistner, 1999). Nghiên cứu này, vì vậy, sẽ hướng tới việc đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi thực hiện hoạt động đổi mới hướng tới cải thiện môi trường của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam. Chúng tôi sử dụng bộ khảo sát của Viện nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung Ương (CIEM) để xem xét đánh giá các nhân tố tác động đến hành vi ra quyết định cải thiện môi trường của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam giai đoạn 2011-2015. Kết quả cho thấy hoạt động đầu tư vào R&D, mạng lưới kết nối với các đối tác khác nhau có ảnh hưởng tới quyết định này của doanh nghiệp. Ngoài ra, các đặc điểm của nhà lãnh đạo như trách nhiệm môi trường, kiến thức, giới tính có tác động tích cực đến cải thiện môi trường. Phát hiện cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể trong cải thiện môi trường tùy thuộc vào quy mô và ngành khác nhau.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp vừa và nhỏ, đổi mới cải thiện môi trường, mạng lưới kết nối, vai trò lãnh đạo, Việt Nam

**27. Các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc kỳ hạn nợ của các doanh nghiệp ngành công nghiệp niêm yết/** Đỗ Thị Vân Trang, Phan Thùy Dương, Đinh Hồng Linh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 79-88.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc kỳ hạn nợ của các doanh nghiệp ngành công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2009 - 2019. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ Báo cáo tài chính của 133 doanh nghiệp ngành công nghiệp niêm yết trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội trong giai đoạn 2009 - 2019. Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc kỳ hạn nợ của các doanh nghiệp ngành công nghiệp, nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy GLS. Kết quả phân tích cho thấy, các yếu tố kinh tế nội tại của doanh nghiệp như cấu trúc vốn, cơ cấu tài sản, khả năng thanh khoản, quy mô doanh nghiệp là các yếu tố vi mô tác động đến cấu trúc kỳ hạn nợ của các doanh nghiệp ngành công nghiệp. Đồng thời, các yếu tố bên ngoài bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, tốc độ tăng trưởng tín dụng cũng tác động đến cấu trúc kỳ hạn nợ của các doanh nghiệp ngành này. Trên cơ sở kết quả thực nghiệm, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm giúp các nhà quản trị doanh nghiệp công nghiệp có thể xây dựng được cấu trúc kỳ hạn nợ hợp lý. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý về chính sách đối với Chính phủ trong việc điều hành các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Cấu trúc kỳ hạn nợ, ngành công nghiệp, doanh nghiệp niêm yết

**28. Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng vốn tín dụng ngân hàng với hộ nuôi tôm tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang**/ Nguyễn Huỳnh Ngọc Khanh, Bùi Văn Trịnh// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 79-86.

**Nội dung**: Nhằm nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lượng vốn nông hộ nuôi tôm từ các tổ chức tín dụng chính thức, tác giả khảo sát từ 150 hộ tại huyện Kiên Lương và sử dụng hồi qui để phân tích. Kết quả hồi qui tobit, có 6 yếu tố tác động đến lượng tiền vay ngân hàng của họ: Số năm sinh sống tại địa phương, trình độ học vấn, diện tích đất nuôi tôm, thu nhập trung bình hộ, quan hệ xã hội và giá trị tài sản thế chấp. Xuất phát từ kết quả phân tích, 3 hàm ý chính sách chính được đề xuất là nâng cao trình độ hộ nuôi tôm, cải thiện mức thu nhập của hộ và mở rộng diện tích đất sản xuất thông qua cơ cấu lại đất nuôi tôm.

**Từ khoá**: Hộ nuôi tôm, lượng tín dụng, yếu tố ảnh hưởng

**29.** [**Các yếu tố ảnh hưởng đến nghiên cứu thị trường tại doanh nghiệp/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/12.pdf)**Hoàng Trọng, Lê Hồng Đắc// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 80-89.**

**Nội dung: Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu tình hình thực hiện nghiên cứu thị trường và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện nghiên cứu thị trường tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn TP.HCM thông qua phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính phát hiện việc thực hiện nghiên cứu thị trường tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn khá hạn chế và bị ảnh hưởng bởi 11 yếu tố. Nghiên cứu định lượng xác nhận có 5 yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa, đó là kinh nghiệm từng thực hiện nghiên cứu thị trường, hiểu biết về nghiên cứu thị trường của doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp, tình hình kinh doanh và nguồn nhân lực của doanh nghiệp, trong đó kinh nghiệm là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất.**

**Từ khóa:** Nghiên cứu thị trường tại VN, doanh nghiệp vừa và nhỏ VN

**30. Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực làm việc của giảng viên tiếng Anh khoa Ngoại ngữ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân/** Phạm Thị Thành Thùy// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 32-37.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích các nhân tố khám phá (EFA) đối với các biến độc lập và phụ thuộc, tác giả đã tổng hợp kết quả nghiên cứu từ tất cả giảng viên tiếng ANh (58 người) đang giảng dạy tại khoa ngoại ngữ - NEU và phỏng vấn một số chuyên gia trong lĩnh vực nhân sự, để rút ra 9 yếu tố cụ thể ảnh hưởng đến động lực lao động của giảng viên tiếng Anh. Xuất phát từ 9 yếu cụ thể này, tác giả đề xuất các nhóm giải pháp cụ thể nhằm tăng động lực lao động cho những giảng viên tiếng ANh của Khoa Ngoại ngữ Kinh tế NEU.

**Từ khóa:** Nhân tố ảnh hưởng, động lực làm v iệc, Giảng viên tiếng Anh, khoa Ngoại ngữ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân

**31. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân tại TP. Hồ Chí Minh**/ Phạm Quốc Việt, Võ Công Tâm// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 113-116.

**Nội dung**: Khảo sát 960 quan sát thu được từ người lao động khu vực phi chính thức tại TP. HCM, kết quả nghiên cứu xác nhận ảnh hưởng của các nhóm yếu tố trên đến quyết định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân. Kết quả nghiên cứu này một mặt bổ sung bằng chứng thực nghiệm về hướng nghiên cứu liên quan, mặt khác là cơ sở choquyeets định điều chỉnh chính sách mở rộng bảo hiểm xã hội tự nguyện trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội tự nguyện, chính sách mở rộng, người dân

**32. Các yếu tố tác động đến quyết định phòng ngừa rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ngành khoáng sản niêm yết ở Việt Nam/** Đàm Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Hiên**//** Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 31-37.

**Nội dung:** Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định phòng ngừa rủi ro tài chính của các doanh nghiệp tài chính của các doanh nghiệp ở Việt Nam (DNKS), sử dụng dữ liệu bảng cân bằng từ 40 doanh nghiệp, giai đoạn 2013-2019. Bằng những kiểm định lựa chọn kỹ thuật hồi quy phù hợp với bộ dữ liệu, nghiên cứu phát hiện các yếu tố ảnh hưởng rủi ro tài chính của các doanh nghiệp tài chính của các doanh nghiệp là khả năng thanh toán tổng quát (IGS), tỷ suấy lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (ROA), hiệu năng hàng tồn kho (IT), cơ cấu nguồn vốn (ES), cơ cấu tài sản cố định (FAS), tuổi của doanh nghiệp (AGE), tỷ lệ nữ giới trong hội đồng quản tri (GEN). Trên cơ sở đó, khuyến nghị các chính sách thích hợp để phòng ngừa rủi ro tài chính tại các DN ngành khoáng sản niêm yết ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Rủi ro tài chính, doanh nghiệp khoáng sản, khả năng thanh toán, khả năng sinh lợi, hiệu năng hoạt động

**33. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự chấp nhận phương thức học tập trực tuyến của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và COVID19**/ Phạm Hồng Chương, Trần Quế Nhi, La Gia Long, Doãn Hà My, Vũ Tiến Đức, Phạm Thị Huyền// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 58-67.

**Nội dung**: Dịch Covid19 bùng phát đã tạo sức ép buộc các quốc gia, các tổ chức kinh tế xã hội và cá nhân thay đổi hành vi, trong đó có hành vi học tập. Bài viết được thực hiện với mục tiêu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận phương thức học tập trực tuyến của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh đó. Mô hình kết hợp giữa TPB và TAM được sử dụng để nghiên cứu. Các phân tích EFA, CFA và SEM trên nền cơ sở dữ liệu thu thập được từ khảo sát 913 sinh viên đến từ nhiều trường đại học trên toàn quốc, đã khẳng định cả 4 yếu tố trong mô hình nghiên cứu (hiệu chỉnh), gồm: những thay đổi của nhà trường, cảm nhận về giá trị, và thái độ của sinh viên với việc học trực tuyến đều có ảnh hưởng thuận chiều tới sự chấp nhận phương thức học tập trực tuyến của họ. Một số bình luận và kiến nghị đã được đề xuất để giúp cho việc học tập trực tuyến của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh bình thường mới hiệu quả hơn.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, học trực tuyến, phương thức học tập, sinh viên

**34. Các mô hình xác định chi phí dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) trên thế giới và kinh nghiệm áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Lê Thị Hiên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 51 – 53.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu các mô hình ABC đang được áp dụng trên thế giới, từ đó rút ra kinh nghiệm áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam, phù hợp với điều kiện nguồn lực và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mình, để có thể vừa tận dụng được lợi ích to lớn của phương pháp ABC vừa khắc phục được những tồn tại của phương pháp này. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trong quá trình luận giải và phân tích.  
**Từ khóa:** Hoạt động chi phí, doanh nghiệp, phuong pháp xác định chi phí

**35. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng thanh toán quốc tế của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại TP. Hồ Chí Minh**/ Trần Thị Minh Ngọc// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 137-142.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định lựa chọn ngân hàng thanh toán quốc tế của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại TP. Hồ Chí Minh và mối liên hệ giữa các yếu tố này. Trên 250 mẫu khảo sát cho thấy, các yếu tố (Uy tín - thương hiệu, giá cả, sự thuận tiện, tín dụng, chiêu thị, hiệu quả) giải thích được 80% sự lựa chọn ngân hàng thanh toán quốc tế của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quyết định này chịu tác động tích cực từ cao xuống thấp của 6 yếu tố

**Từ khoá**: Ngân hàng, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu

**36. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của người dân tại Bình Dương**/ Tạ Thị Thanh Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của người dân tại Bình Dương. Sử dụng phương pháp định lượng và định tính tác giả khảo sát 250 người dân tại tỉnh Bình Dương chưa và đã mua sắm trực tuyến. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp cần thiết phù hợp

**Từ khoá**: yếu tố ảnh hưởng, hành vi mua sắm, mua sắm trực tuyến

**37. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp Đồng Nai**/ Nguyễn Thị Vững// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.56 - 58.

**Nội dung:** Với việc sử dụng bảng hỏi được gửi đến 180 doanh nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, để thu nhập dữ liệu và sử dụng phần mềm SPSS 26 để phân tích dữ liệu. Nghiên cứu cho thấy 3 yếu tố cam kết chủ sở hữu/ quản lý, năng lực của người dùng và chất lượng của hệ thống thông tin kế toán có tác động cùng chiều đến sự thành công của việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, hệ thống, thông tin, kế toán.

**38. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc vận dụng BSC tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh Đắk Lắk**/ Nguyễn Thị Phương Thảo// Kế toán - Kiểm toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr.48 - 52.

**Nội dung:** Việc áp dụng kế toán quản trị nói chung và Bảng điểm cân bằng (BSC) trong các doanh nghiệp là rất quan trọng, để tăng cường khả năng quản lý và đánh giá kết quả hoạt động của các doanh nghiệp. Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm xác định và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng BSC của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Từ đó khuyến nghị các giải pháp nâng cao khả năng vận dụng BSC, để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Bảng điểm cân bằng, hiệu quả hoạt động, doanh nghiệp.

**39. Các yếu tố ảnh hưởng ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Trà Vinh**/ Trần Lợi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.16 - 18.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục dích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Trà Vinh. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 400 thanh niên tỉnh Trà Vinh trong độ tuổi từ 18 đến 34 tuổi. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá kết hợp hồi quy đa biến được ứng dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, tất cả 8 nhóm nhân tố có sự ảnh hưởng nhất định đến ý định khởi nghiệp của thanh niên bao gồm: Sự đam mê khởi nghiệp, sự sẵn sàng kinh doanh, kinh nghiệp kinh doanh, tâm thế khởi nghiệp, môi trường thể chế, giáo dục khởi nghiệp, động cơ khởi nghiệp, động lực khởi nghiệp và rào cản khởi nghiệp. Trong đó, yếu tố sự đam mê khởi nghiệp có sự tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Trà Vinh.

**Từ khoá:** Khởi nghiệp, thanh niên, khởi nghiệp thanh niên, EFA.

**40. Các yếu tố thành công chính của thanh toán di động**/ PGS.TS. Hà Nam Khánh Giao// Ngân hàng .- 2021 .- Số 10(Tháng 05) .- Tr. 28-38.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu đưa ra khung phân tích nhằm hướng dẫn các nhà nghiên cứu có cơ hội vận dụng thực tiễn để xem xét các yếu tố thành công chủ yếu của các hệ thống thanh toán qua internet, đặc biệt là thanh toán di động, từ đó đề xuất mô hình nghiên cứu lý thuyết để xem xét các yếu tố thành công chính của thanh toán di động đề xuất hệ thống thang đo đánh giá các yếu tố này

**Từ khoá**: thanh toán qua mạng, thanh toán di động, thang đo

**41. Cách mạng công nghiệp 4.0: cơ hội và thách thức đối với nông nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Văn Chung, Nguyễn Thanh Hiệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 10 – 12.

**Nội dung:**Trình bày vài nét về cách mạng công nghiệp 4.0 và cách mạng nông nghiệp 4.0; cơ hội và thách thức; đề xuất một số giải pháp để xây dựng và hoàn thiện.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, cách mạng nông nghiệp, Việt Nam

**42. Cạnh tranh thuế tại các quốc gia Đông Nam Á: Thực trạng và giải pháp**/ Trần Trung Kiên, Võ Thị Như Hạnh// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 15-21.

**Nội dung**: Bài viết kiểm định xu hướng cạnh tranh thuế tại các quốc gia Đông Nam Á trong bối cảnh hội nhập thông qua phân tích thực trạng và phương pháp kiểm định sự tương tác của các đơn vị chéo. Từ cơ sở này, nghiên cứu đánh giá tác động của cạnh tranh thuế đến số thu thuế tại các quốc gia phân tích. Phân tích cho thấy, tồn tại sự tương tác giữa số thu thuế giữa các quốc gia Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập. Trong khi đó, kết quả kiểm định chỉ ra những tác động tích cực của xu hướng cạnh tranh thuế đến chính sách thuế tại các quốc gia Đông Nam Á. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đề xuất một số khuyến nghị đối với chính sách thuế tại các quốc gia Đông Nam Á trong bối cảnh cạnh tranh thuế hiện nay.

**Từ khoá**: Cạnh tranh thuế, Đông Nam Á, hội nhập

**43. Chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Vai trò điều tiết của nữ giám đốc điều hành**/ Nguyễn Thị Kim Cúc, Nguyễn Thị Kim Loan// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 48 – 50.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan các nghiên cứu về chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư, mối quan hệ giữa chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư với vai trò điều tiết của CEO nữ giới và phát triển các giả thuyết nghiên cứu. Sau đó, thảo luận kết quả nghiên cứu và trình bày một số hạn chế và các quan điểm nghiên cứu trong tương lai.  
**Từ khóa:** Báo cáo tài chính, thị trường chứng khoán, giám đốc điều hành

**44. Chất lượng thu nhập làm giảm động lực nắm giữ tiền mặt của các công ty niêm yết ở Việt Nam/** Phạm Quốc Việt, Phạm Quang Hiếu// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 62-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm kiểm tra ảnh hưởng của chất lượng thu nhập đến hành vi nắm giữ tiền mặt của các doanh nghiệp phi tài chính ở Việt Nam. Với mẫu dữ liệu gồm 289 công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2013-2018, nghiên cứu tìm thấy bằng chứng về tác động ngược chiều của chất lượng thu nhập đến lượng tiền mặt mà công ty nắm giữ, nghĩa là những công ty có chất lượng thu nhập cao có thể giảm động lực nắm giữ tiền mặt. Ngoài ra, các đặc điểm của doanh nghiệp như quy mô, đòn bẩy tài chính, khả năng tăng trưởng và hiệu quả hoạt động có ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa chất lượng thu nhập và tiền mặt của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu này mang đến hàm ý cho các nhà quản trị trong công ty về đảm bảo tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Chất lượng thu nhập, giữ tiền măt, hành vi

**45. Chính sách đào tạo đại học theo nhu cầu xã hội: kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam**/Nguyễn Thị Thu Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.98 - 100.

**Nội dung:** Những năm gần đây đào tạo theo nhu cầu xã hội là một vấn đề rất được quan tâm nghiên cứu và có nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm của các quốc gia, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý về đào tạo đại học theo nhu cầu xã hội. Chính sách đối với đào tạo theo nhu cầu xã hội tương tự như các chính sách khác, cũng bao gồm mục tiêu, công cụ và biện pháp. điều kiện từ đó đảm bảo, hỗ trợ cũng như thúc đẩy các cơ sở đào tạo thực hiện theo nhu cầu xã hội.

**Từ khoá:** Chính sách, đào tạo đại học, nhu cầu xã hội

**46. Chính sách tài chính phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mỹ Hạnh// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Cách mạng công nghiệp 4.0 ảnh hưởng tới các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam. Cùng với tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0, một trong những cách thức ứng phó phù hợp được Việt Nam đưa ra là đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua việc ban hành khung khổ pháp lý, chính sách hỗ trợ. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ cho khởi nghiệp sáng tạo nói chung và chính sách tài chính nói riêng hiện nay còn khiêm tốn. Bài viết này phân tích kinh nghiệm các nước trên thế giới và thực trạng chính sách tài chính phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam, qua đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chính sách thuế

**47. Chính sách thuế đối với doanh nghiệp FDI ở Việt Nam**/ Hoàng Phương Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 77-82.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của chính sách thuế đối với doanh nghiệp FDI, từ đó gợi ý một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đối với doanh nghiệp FDI, nhằm đáp ứng mục tiêu thu hút và sử dụng hiệu quả vốn FDI.

**Từ khóa:** Chính sách thuế đối với doanh nghiệp FDI, tác động của Chính sách thuế đối với doanh nghiệp FDI

**48. Chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam**/ Vũ Thị Phượng, Trần Thị Mây// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Vấn đề đặt ra hiện nay là với sự phát triển bùng nổ của thương mại điện tử, hoạt động gian lận thương mại trên các sàn thương mại điện tử cũng tăng lên đáng kể cả về quy mô và số vụ. Bài viết trao đổi về thực trạng buôn lậu, gian lận trong thương mại điện tử tại Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp cho vấn đề này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: buôn lậu, gian lận thương mại, thương mại điện tử

**49. Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa: Loay hoay xoay vốn**/ Kim Dung// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 41-43.

**Nội dung**: Chuyển đổi số chính là cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể phát triển nhanh hơn. Tuy nhiên, 99% doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp khó khăn về vốn, nên chuyển đổi số vẫn chỉ là sự khao khát của khoảng 72% doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thống kê từ Tập đoàn hệ thống công nghệ Hoa Kỳ Cisco cho thấy, quá trình số hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam có thể đóng góp từ 24-30 tỷ USD vào GDP năm 2024. Tuy nhiên, vẫn còn hơn 70% doanh nghiệp nhó và vừa tại Việt Nam phản ứng thụ động với những thay đổi của thị trường. Gần 80% máy móc sử dụng trong các doanh nghiệp Việt Nam là nhập khẩu công nghệ cũ từ thập niên 1980-1990. Phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp nhiều rào cản trong chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, Doanh nghiệp nhỏ, Doanh nghiệp vừa, Vốn

**50. Chuyển đổi số với hoạt động marketing của doanh nghiệp Việt Nam**/ Bùi Phương Linh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 82 – 84.

**Nội dung:** Những thách thức từ quá trình hội nhập, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và đặc biệt là ảnh hưởng to lớn của đại dịch covid 19 đã khiến các doanh nghiệp phải hết sức nổ lực trong việc thay đổi và thích ứng. Bên cạnh đó, các thói quen tiêu dùng và hoạt động sản xuất kinh doanh cũng phát triển the hướng số hoá. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số nổi lên như một xu thế tất yếu trong thười đại mới, nhiều doanh nghiệp coi chuyển đổi số như một chiến lược quan trọng để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình trên thị trường.  
**Từ khóa:** Chuyển đổi số, hoạt động marketing, doanh nghiệp Việt Nam

**51.** [**Chuyển đổi mô hình quản lý thuế: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/7.pdf)**Đặng Thị̣ Bạch Vân// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 40-45.**

**Nội dung: Bài viết này tiến hành phân tích có hệ thống sự phát triển về lý thuyết cũng như các mô hình thực nghiệm về quản lý thuế trên thế giới. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá mức độ tương thích và hội tụ của cơ chế quản lý tuân thủ thuế ở VN với bình diện chung của thế giới. Kết quả nghiên cứu cho thấy xu hướng chuyển đổi mạnh mẽ của các cơ chế quản lý thuế hiện hành trên thế giới thiên về góc độ cải thiện, gia tăng niềm tin của người nộp thuế; thúc đẩy ý thức thuế, tinh thần thuế từ đó kích thích đạo đức thuế; đồng thời tăng cường triển khai các cơ chế hợp tác giữa người nộp thuế là các doanh nghiệp lớn với cơ quan thuế trong khi đó xu hướng này tại VN chưa được phát thảo rõ nét. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp cải cách và hoàn thiện công tác quản lý tuân thủ thuế tại VN.**

**Từ khóa:** Cơ chế quản lý tuân thủ thuế, niềm tin, tinh thần thuế, đạo đức thuế, cải cách thuê

**52. Cơ hội phát triển mô hình không gian làm việc chung tại Việt Nam trong điều kiện hiện nay/** Lê Xuân Đại, Hồ Mai Ly// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.7 - 9.

**Nội dung:** Mô hình không gian làm việc chung (Coworking place) xuất hiện tại Việt Nam từ năm 2012 đã và đang mang lại nhiều tác động tích cực, đặc biệt đối với doanh nghiệp khởi nghiệp và các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mô hình này giúp các doanh nghiệp không cần thiết phải lựa chọn giải pháp thuê văn phòng cố định thường phải trả tiền thuê theo quý hoặc năm và giá thuê cao, trước đây thường kiến các doanh nghiệp có nguồn lực hạn chế gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

**Từ khoá:** Không gian làm việc chung, doanh nghiệp khởi nghiệp, phát triển mô hình.

**53. Cơ hội và thách thức của chuỗi cung ứng thuỷ sản Việt Nam trong bối cảnh đại dịch covid-19**/ Dương Ngọc Hồng// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 104-108.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích hiện trạng xuất khẩu thủy sản tại Việt Nam, đồng thời chỉ ra những thách thức cũng như cơ hội trong chuỗi cung ứng thủy sản hậu đại dịch Covid-19.

**Từ khoá**: chuỗi cung ứng thuỷ sản, covid-19, phục hồi sản xuất

**54. Doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực/** Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu// Khoa học .- 2020 .- vol 6 (No.2) .- Tr. 7-13.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhằm xác định ảnh hưởng của các chính sách ngoại giao và hiệp định thương mại đến sức khỏe doanh nghiệp Việt Nam, dòng chảy vốn đầu tư và tổng thể nền kinh tế giai đoạn sau đổi mới 1986-2020. Doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tiếp cận nhiều thị trường tiềm năng với ưu đãi thương mai hấp dẫn.

**Từ khóa:** Hội nhập khu vực, Hiệp định thương mại, Doanh nghiệp, vốn đầu tư, nền kinh tế.

**55. Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 : nỗ lực vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19**/ Nguyễn Thị Thái Hưng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 5 (566) .- Tr. 20-25.

**Nội dung**: Bài viết chỉ rõ những tác động của dịch COVID-19 đến lĩnh vực, ngành kinh tế của nước ta, tìm hiểu các biện pháp đã thực hiện nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị anyhr hưởng bởi dịch, đồng thời nêu một số khuyến nghị để phát triển giai đoạn hậu COVID-19.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, chính phủ, đại dịch COVID-19, tác động

**56. Dòng tiền, chất lượng lợi nhuận và nắm giữ tiền mặt: Trường hợp tại Việt Nam**/ Đặng Ngọc Hùng// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 53-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của dòng tiền, chất lượng lợi nhuận ảnh hưởng đến việc nắm giữ tiền mặt của doanh nghiệp. Sử dụng các phương pháp hồi quy cho dữ liệu bảng bao gồm hồi quy OLS, FEM, REM, và OLS-Robust với tập dữ liệu nghiên cứu bao gồm các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Viêt Nam giai đoạn 2008- 2019, kết quả thực nghiệm cho thấy dòng tiền có quan hệ thuận chiều với mức độ nắm giữ tiền mặt, đồng thời đã chỉ ra sự bất cân xứng trong độ nhạy dòng tiền của việc nắm giữ tiền mặt. Mặt khác nghiên cứu cho thấy sự ảnh hưởng ngược chiều của chất lượng lợi nhuận đến nắm giữ tiền mặt. Trong bối cảnh Việt Nam, so với công ty không bị hạn chế tài chính, các công ty bị hạn chế tài chính có độ nhạy đối với việc nắm giữ tiền mặt nhỏ hơn, đồng thời chất lượng lợi nhuận phản ánh sự bất cân xứng thông tin rõ nét hơn đối với doanh nghiệp có hạn chế tài chính.

**Từ khoá**: Chất lượng lợi nhuận, dòng tiền, nắm giữ tiền mặt, hạn chế tài chính

**57. Đánh giá ảnh hưởng đại dịch Covid-19 đến hoạt động của các tổ chức tín dụng tại tỉnh Bình Dương/** Đào Lê Kiều Oanh// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 128-133.

**Nội dung**: Thị trường tài chính Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020 đã khép lại với rất nhiều sự kiện được ghi dấu ấn. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế - xã hội nói chung, thị trường tài chính, ngân hàng nói riêng, trong đó các ngân hàng tại tỉnh Bình Dương cũng không nằm ngoài tác động. Nghiên cứu này khái quát hoạt động của các tổ chức tín dụng tại tỉnh Bình Dương trong giai đoạn 2015-2020, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020.

**Từ khoá**: Họat động tổ chức tín dụng, đại dịch Covid-19, tỉnh Bình Dương

**58. Đánh giá cấu trúc vốn của các công ty ngành thực phẩm niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP.HCM**/ Trần Đức Tuấn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 117-120.

**Nội dung**: Qua sử dụng dữ liệu từ báo cáo tài chính của 20 công ty cổ phần ngành Thực phẩm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE) từ năm 2017 đến năm 2020, nghiên cứu này tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các công ty ngành Thực phẩm Việt Nam. Kết quả ước lượng dữ liệu bảng cho thấy, các yếu tố quy mô doanh nghiệp, tỷ suất lợi nhuận và khả năng thanh khoản đều có ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các công ty thực phẩm.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, tỷ lệ nợ, báo cáo tài chính, doanh nghiệp, tỷ suất lợi nhuận

**59. Đánh giá mức độ cạnh tranh thị trường tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Lê Thị Thoan, Võ Thị Ngọc Thúy// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Tổng quan các nghiên cứu về cạnh tranh thị trường, phân tích 625 công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian 2012-2019, từ đó đưa ra những nhận định về mức độ cạnh tranh thị trường tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa với hoạt động dự báo của nhà phân tích, cơ quan quản lý và doanh nghiệp niêm yết.

**Từ khoá**: Cạnh tranh thị trường, quản trị công ty, doanh nghiệp niêm yết

**60. Đánh giá nhân tố tác động đến quyết định đầu tư tại các cảng container ở Đồng Nai/** Lê Thị Hằng, Lê Tấn Phước, Nguyễn Quang Giáp// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 87-95.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá nhân tố tác động đến quyết định đầu tư tại các cảng container VN bằng phương pháp phân tích thứ bậc mờ từ quan điểm của nhà đầu tư. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Quyết định đầu tư tại các cảng container gồm 4 nhân tố và 16 tiêu chí, và (2) Bằng phương pháp phân tích thứ bậc mờ, kết quả cho thấy trọng số của các nhân tố như sau: Tỷ suất lợi nhuận (34%), Cơ chế điều hành cảng (29,88%), Lợi thế của cảng (26,55%), và Chi phí đầu tư và hoạt động (9,38%). Đối với tầng thứ 2 của mô hình cấu trúc thứ bậc, ba tiêu chí được nhà đầu tư đánh giá là quan trọng nhất gồm: Khung pháp lý rõ ràng (13%), Chính sách hỗ trợ nhà đầu tư (11%), Thuế doanh nghiệp (11%), và Tỷ lệ tăng trưởng hàng hóa qua cảng (9%). Dựa vào kết quả nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu có một số đề xuất như sau: tiếp tục áp dụng chính sách thuế như hiện tại, hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến việc thu hút đầu tư, đơn giản hóa thủ tục nhập khẩu trang thiết bị từ nước ngoài, tiếp tục áp dụng chính sách thuế như hiện tại, đặc biệt cần phải mở rộng các khu vực nước sâu để các tàu công suất lớn có thể cập bến, cải tạo các khu neo đậu tàu (berth length) để nâng cao hiệu suất xử lý hàng hóa tại các khu vực bốc dỡ hàng hóa (container terminal), khuyển khích và mở rộng sản xuất, đặt biệt khuyến khích hoạt động đầu tư sản xuất ở khu vực xung quanh và bên trong cảng.

**Từ khoá**: Quyết định đầu tư, phân tích thứ bậc mờ, nhân tố ảnh hưởng, khu bốc dỡ hàng hóa

**61. Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ công trực tuyến - Góc nhìn từ những người đã sử dụng dịch vụ**/ Hoàng Thanh Hạnh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 148-155.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông qua dữ liệu thu thập từ khảo sát trực tiếp người dân. Kết quả nghiên cứu cho thấy Chất lượng dịch vụ công trực tuyến, Nhận thức của người dân, Bảo mật và quyền riêng tư, Lòng tin và khả năng tiếp cận có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Dựa trên kết quả này, nghiên cứu cũng đưa ra một số bàn luận và hàm ý quản trị cho các nhà nghiên cứu cũng như các nhà làm chính sách trong việc nâng cao sự hài lòng của người dân cũng như thu hút thêm sự tham gia của họ đối với dịch vụ công trực tuyến tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Đánh giá sự hài lòng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến, Bảo mật và quyền riêng tư

**62. Đánh giá tác động của khái niệm pháp lý và chính sách liên quan lên khu vực doanh nghiệp xã hội**/ Trương Thị Nam Thắng, Bùi Đức Thọ, Vũ Hoàng Nam, Trần Hoài Nam, Đoàn Thanh Nga, Trương Tuấn Anh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 88-97.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu khám phá những thay đổi của khu vực doanh nghiệp xã hội 5 năm kể từ khi có quy định về doanh nghiệp xã hội trong Luật Doanh nghiệp 2014. Nghiên cứu sử dụng phương pháp so sánh trước-sau, nghiên cứu định tính kết hợp với phân tích hồi quy. Kết quả nghiên cứu khẳng định khái niệm pháp lý có tác động tích cực đến sự phát triển của khu vực doanh nghiệp xã hội về quy mô, kết quả tài chính và giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường địa phương. Bài báo đưa ra một số khuyến nghị giúp phát triển khu vực doanh nghiệp xã hội phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp xã hội, đánh giá chính sách, đo lường tác động xã hội

**63. Đánh giá vai trò và hiệu quả khai thác hệ thống cảng cạn Việt Nam**/ Nguyễn Cảnh Lam, Quách Thị Hà// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 75-83.

**Nội dung**: DĐánh giá vai trò và hiệu quả khai thác các cảng cạn hiện nay tại Việt Nam thông qua phương pháp phân tích dữ liệu, qua đó chỉ ra những vấn đề tồn đọng và đề xuất kiến nghị trong việc pát triển cảng cạn nhằm nâng cao hiểu quả khai thác.

**Từ khoá**: Cảng cạn, cảng biển, ICD, DEA, hiệu quả khai thác, phân tích dữ liệu

**64. Đánh giá năng lực làm căn cứ phân bổ phân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ ở các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng**/ Đồng Thị Phương Nga// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Bài viết xây dựng nhóm tiêu chí đánh giá, phương pháp đánh giá, quy trình đánh giá năng lực hoạt động khoa học và công nghệ của các học viện trực thuộc Bộ Quốc Phòng, từ đó đề xuất phương thức đánh giá năng lực hoạt động KH&CN làm căn cứ phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN ở các học viện trực thuộc BQP trong thời gian tới

**Từ khoá**: ngân sách nhà nước, kinh phí hoạt động, Khoa học và công nghệ

**65. Đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng điện tử**/ Phạm Văn Hùng, Phan Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 143-146.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua các sản phẩm điện tử trên địa bàn TP. Đà Nẵng. Mẫu khảo sát gồm 467 khách hàng đến tham quan, mua sắm tại các siêu thị điện máy trong thời gian từ tháng 1/2020 đến tháng 5/2020. Kết quả cho thấy, có 5 yếu tố có ảnh hưởng thuận chiều đến ý định mua sản phẩm điện tử của khách hàng gồm: Mong đợi về giá; nhận thức sự tiện lợi; nhận thức tính dễ sử dụng; cảm nhận sự thích thú; ảnh hưởng xã hội và một yếu tố có tác động ngược chiều đến ý định là nhận thức sự rủi ro khi sử dụng. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, các tác giả đưa ra một số gợi ý cho nhà quản trị trong việc hoàn thiện các chính sách trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Ý định mua, sản phẩm điện tử, Công ty Panasonic Sales, TP. Đà Nẵng

**66. Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công tại sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang**/ Lê Thành Lân, Trần Nguyên Tố Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 165-168.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công tại Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kiên Giang dựa trên số liệu thu thập từ 182 người dân đến giao dịch tại Sở. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân. Từ đó, đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công tại Sở Giao thông Vận tải Kiên Giang

**Từ khoá**: Mức độ hài lòng, người dân, dịch vụ công,

**67. Đào tạo nhân lực ngành Xây dựng đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0/** TS. Trần Hữu Hà// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 64-67.

**Nội dung:** Phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0; Đề xuất một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, nguồn nhân lực, ngành Xây dựng

**68. Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực cho Tây Nguyên trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Lê Xuân Đại, Hồ Mai Ly// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.31 - 33.

**Nội dung:** Ngoài những tác động đa chiều, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đã và đang làm thay đổi nhanh chóng thị trường lao động. Với hệ thống tự động hoá, máy móc và trí tuệ nhân tạo đang dần thay thế lao động thủ công và tác động đến mọi quy trình lao động, sản xuất. Nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao tăng lên trong khi nhu cầu sử dụng lao động kỹ năng thấp ngày càng giảm, từ đó, tạo áp lực lớn đối với thị trường lao động, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Bài viết phân tích các tác động chính của CMCN 4.0 đến thị trường lao động tại Thái Nguyên, những yêu cầu về giáo dục và đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn của CMCN 4.0 nhằm gợi ý các chính sách cho việc đào tạo và thu hút nguồn nhân lực tại khu vực này.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp 4.0, hệ thống tự động hoá, nguồn nhân lực.

**69. Định hướng phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong giai đoạn tới/** Nguyễn Hoàng Dương// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Thời gian qua, vấn đề khung khổ pháp lý về phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã được hoàn thiện khá đồng bộ phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường trong từng thời kỳ. Đặc biệt, các quy định mới tại Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 là cơ sở pháp lý quan trọng, định hướng cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển cả về quy mô và chiều sâu, phát huy tốt vai trò là kênh huy động vốn trung, dài hạn quan trọng cho các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, thị trường trái phieus, huy động vốn, ngân hàng, doanh nghiệp

**70. Định vị vốn tâm lý nhân viên trong công tác quản trị nguồn nhân lực**/ Bùi Thị Xuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 91 – 93.

**Nội dung:** Bài báo phân tích bốn thành phần của vốn tâm lý: Tự tin vào năng lực bản thân; niềm hy vọng; sự lạc quan; tính kiên trì và giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực từ góc đọ vốn tâm lý nhân viên.

**Từ khóa:** Quản trị nguồn nhân lực, vốn tâm lý

**71. Đổi mới hoạt động thương mại, thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước**/ Đặng Huy Du // Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Trình bày hoạt động thương mại, thực trạng hoạt động thương mại trong nước và giải pháp.

**Từ khóa**: Hoạt động thương mại, phát triển sản xuất trong nước

**72. Giải pháp giảm thiểu rủi ro bảo mật đối với dịch vụ Mobile banking tại Việt Nam**/ Lê Xuân Đại, Hồ Mai Ly// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.63 - 65.

**Nội dung:** Mobile banking hiện đang là xu hướng phát triển của ngành ngân hàng vì những lợi ích to lớn mà dịch vụ này mang lại cho cả ngân hàng và khách hàng. Tuy nhiên lại chưa có quá nhiều khách hàng lựa chọn sử dụng dịch vụ bởi tâm lý lo sợ việc phải tiếp cận công nghệ thông tin mà một trong những rào cản lớn nhất chính là rủi ro bảo mật. Bài báo nghiên cứu thực trạng hạ tầng và bảo mật của dịch vụ Mobile banking tại Việt Nam đồng thời chỉ ra những ưu điểm cũng như những lỗ hổng trong quy trình bảo mật. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp giảm thiểu rủi ro bảo mật đối với dịch vụ mobile banking nhằm nâng cao uy tín và thu hút thêm khách hàng lựa chọn dịch vụ; giúp các ngân hàng phát triển dịch vụ một cách tối ưu nhất.

**Từ khoá:** Mobile banking, bảo mật thông tin, dịch vụ ngân hàng.

**73. Giải pháp giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua khó khăn trong điều kiện kinh tế số**/ Trần Thị Vân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tình hình chung về các doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng những hạn chế, yếu kém của các doanh nghiệp khi tham gia vào nền kinh tế số. Từ đó, đưa ra định hướng giải pháp giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua các khó khăn trong điều kiện nền kinh tế số

**Từ khoá**: doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế số, giải pháp

**74. Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam**/ Nguyễn Tuấn Trung// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại phát triển, Hải quan Việt Nam đã chuyển đổi phương thức quản lý từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan phù hợp với cơ chế quản lý hải quan hiện đại. Gần 20 năm phát triển, kiểm tra sau thông quan đã khẳng định vai trò quan trọng, góp phần thực hiện cải cách và hiện đại hóa hải quan ở Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động này thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục để đáp ứng tốt nhất các mục tiêu, yêu cầu cải cách và hiện đại hóa trong bối cảnh mới. Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan giai đoạn 2011-2020 và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan số trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: Kiểm tra sau thông quan, hải quan, hiện đại hóa

**75. Giải pháp nâng cao chất lượng chỉ số PCI và PAPI : nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh**/ Khổng Văn Thắng// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 88-98.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích thực trạng các chỉ số chung cũng như các chỉ số thành phần của 2 chỉ số nói trên. Từ đó, tìm ra các hạn chế, tồn tại thông qua các chỉ số thành phần, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp điều chỉnh một cách đúng đắn, kịp thời để PCI và PAPI của Bắc Ninh được cải thiện trong thời gian tới

**Từ khoá**: Bắc Ninh, hành chính, doanh nghiệp, PCI, PAPI, cải cách thể chế, môi trường đầu tư cấp tỉnh

**76. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế**/ Vũ Khăc Hùng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa; cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay.

**Từ khóa:** Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hội nhập kinh tế

**77. Giải pháp nâng cao vai trò của nhà nước trong chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay**/ Lương Quang Hiển, Trương Văn Quý// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 9-11.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng, nguyên nhân hạn chế; đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm nâng caovai trò của nhà nước trong chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Hội nhập quốc tế, vai trò nhà nước, thể chế kinh tế

**78. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Công ty Xăng dầu Quảng Bình**/ Vũ Lê Trân, Phan Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 165-168.

**Nội dung**: Phát triển nguồn nhân lực và thực trạng phát triển nguồn nhân lực tại Petrolimex Quảng Bình; đánh giá công tác phát triển nguồn nhân lực tại Petrolimex Quảng Bình; đề xuất giải pháp.

**Từ khoá**: Phát triển nguồn nhân lực, Quảng Bình, Petrolimex

**79. Giải pháp phát triển bảo hiểm y tế bền vững tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân**/ TS. Bùi Sỹ Lợi// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 81-86.

**Nội dung**: Sau nhiều năm thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ về bảo hiểm y tế. Theo đó, chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ngày càng được cải thiện, người dân được tiếp cận dịch vụ kỹ thuật y tế hiện đại, thuốc mới, giúp nhiều người vượt qua ốm đau và các căn bệnh hiểm nghèo. Tuy nhiên, thực tế triển khai đã nảy sinh những khó khăn, hạn chế, cần có giải pháp khắc phục kịp thời để phát triển bảo hiểm y tế bền vững, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.

**Từ khoá**: bảo hiểm y tế, bảo hiểm y tế toàn dân, pháp luật về bảo hiểm y tế

**80. Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang trong bối cảnh đại dịch covid-19**/ Nguyễn Thị Hồng, Nông Thị Kim Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 109-111.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang trong giai đoạn 2016-2020; Từ đó, đưa ra những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang trong giai đoạn tiếp theo

**Từ khoá**: kinh tế, xã hội, tỉnh Hà Giang, đại dịch Covid-19

**81. Giải pháp tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại ở TP. Đà Nẵng**/ Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 148-150.

**Nội dung**: Thực trạng tiền gửi - tiền vay tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn TP. Đà Nẵng trong giai đoạn 2019-2020 và giải pháp thực hiện tăng tiền gửi - tiền vay năm 2021.

**Từ khoá**: Dịch Covid-19, tiền gửi, tiền vay, ngân hàng thương mại

**82. Giải pháp tạo động lực làm việc cho người lao động trong các ngân hàng tại TP. Đà Nẵng**/ Hồ Diệu Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 137-139.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố tác động đến động lực làm việc của người lao động tại các ngân hàng trên địa bàn TP. Đà Nẵng, từ đó, khuyến nghị giải pháp giúp các ngân hàng trên địa bàn TP. Đà Nẵng gia tăng động lực làm việc của người lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

**Từ khoá**: Tạo động lực, người lao động, ngân hàng, TP. Đà Nẵng

**83. Giải pháp xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm của tập đoàn Awila tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Quý, Trường Quang Đức // Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm và phương hướng khi xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm của Awila; giải pháp cụ thể cho chiến lược phát triển sản phẩm của Awila tại thị trường Việt Nam.

**Từ khóa**: Toàn cầu hóa, chiến lược phát triển sản phẩm, Tập đoàn Awila

**84. Giải pháp xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020**/ Trần Đình Thao, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Hương Giang// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 13-21.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới trên cả nước theo bộ tiêu chí nông thôn mới, theo đó hai mục tiêu cơ bản là số xã đạt chuẩn nông thôn mới và tiêu chí nông thôn mới bình quân một xã đã vượt kế hoạch trước thời hạn 1,5 năm. Bài viết đề xuất giải pháp hoàn thiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020

**Từ khoá**: nông thôn mới, hạn chế, giải pháp, bộ tiêu chí nông thôn mới

**85. Hải quan Việt Nam: Tiếp tục cải cách, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu**/ Nguyễn Văn Cẩn// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 56-60.

**Nội dung**: Đây là năm ngành Hải quan tập trung cao độ để thực hiện thành công các mục tiêu đặt ra trong Chiến lược. Song song với đó, ngành Hải quan tiến hành thực hiện đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược phát triển, trên cơ sở đó, xác định rõ những kết quả đạt được có tính bền vững, tạo sức lan tỏa lớn để tiếp tục duy trì và phát triển trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: Hải quan Việt Nam, xuất nhập khẩu, chiến lược phát triển

**86. Hạn chế gian lận thương mại quốc tế thông qua các biện pháp phòng vệ thương mại/** Cao Phương Thảo, Ngô Thị Việt Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 75-79.

**Nội dung**: Khái quát những nét cơ bản có liên quan đến gian lận trong thương mại quốc tế, bài viết sẽ tím hiểu một số công cụ phòng vệ của Việt nam nhằm hạn chế các gian lận thương mại quốc tế trong thời gian gần đây.

**Từ khóa**: Gian lận thương mại, phòng vệ thương mại

**87. Hành vi mua ngẫu hứng của người tiêu dùng Việt Nam theo độ tuổi, thu nhập và nghề nghiệp: Nghiên cứu sản phẩm quần áo may sẵn**/ Nguyễn Thị Phương Anh, Vũ Huy Thông// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 76-81.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm trả lời câu hỏi có tồn tại hay không sự khác biệt về hành vi mua ngẫu hứng của nữ giới theo độ tuổi, thu nhập và nghề nghiệp. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát phỏng vấn trực tiếp sử dụng bảng hỏi với 728 người tiêu dùng vào năm 2019. Nhóm tác giả đã tiến hành phân tích dữ liệu bằng kiểm định ANOVA, kết quả cho thấy tồn tại sự khác nhau về hành vi mua ngẫu hứng đối với sản phẩm quần áo may sẵn giữa những nhóm người tiêu dùng có độ tuổi và thu nhập khác nhau. Tuy nhiên, không tìm thấy sự khác nhau về hành vi mua này giữa những người tiêu dùng có nghề nghiệp khác nhau.

**Từ khoá**: Hành vi mua ngẫu hứng, quần áo may sẵn, nữ thanh niên

**88. Hành vi tránh thuế và chi phí sử dụng nợ: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam**/ Nguyễn Vĩnh Khương, Nguyễn Thùy Trang// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr.44-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mức độ tác động của hành vi tránh thuế đến chi phí sử dụng vôn của các công ty niêm yết Việt Nam. Dựa vào dữ liệu từ 125 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong khoảng thời gian 2010- 2016. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua mô hình tác động cố định và ngẫu nhiên. Kết quả cho thấy hành vi tránh thuế có tác động nghịch chiều đến chi phí sử dụng nợ thông qua tín hiệu rủi ro. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa đối với doanh nghiệp, cơ quan quản lý trong công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp và góp phần làm minh bạch thông tin báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Hành vi tránh thuế; chi phí sử dụng nợ

**89. Hệ sinh thái cho doanh nghiệp xã hội Hàn Quốc**/ Trương Thị Nam Thắng, Trần Hoài Nam// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.13 - 15.

**Nội dung:** Hàn quốc là quốc gia hàng đầu trong việc thúc đẩy sáng tạo xã hội, tinh thần kinh doanh xã hội ở Châu Á. Bài báo phân tích khung chính sách, pháp lý đối với doanh nghiệp xã hội (DNXH) ở Hàn Quốc, về thực trạng của khu vực DNXH, các cấu phần của hệ sinh thái hỗ trợ DNXH, rút ra các bài học cho Việt Nam từ việc phát triển khu vực DNXH ở Hàn Quốc. Kinh nghiệm của Hàn Quốc là bài học quý báu để Việt Nam học tập từ cách thức, nội dung, phương thức xây dựng chính sách, lộ trình phát triển khu vực DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội. Bài báo được thực hiện dựa trên nghiên cứu tại bàn, kết hợp với dữ liệu sơ cấp có được thông qua phỏng vấn, tham gia hội thảo quốc tế tại Hàn Quốc bởi thành viên nhóm nghiên cứu.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp xã hội, hệ sinh thái, Hàn Quốc.

**90. Hệ thống tiêu chí đánh giá chức năng quản trị đại học theo hướng tự chủ tại các trường khối ngành kỹ thuật/** PGS. TS. KTS. Nguyễn Đình Thi// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 233 .- Tr. 74-77.

**Nội dung:** Lựa chọn các trường khối ngành đào tạo kỹ thuật, trong đó có 24 trường đại học đào tạo ngành kiến trúc, xây dựng trên toàn quốc để nghiên cứu đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá quản trị đại học theo hướng tự chủ nhằm giúp các trường đại học khối ngành kỹ thuật đánh giá năng lực quản trị đại học đáp ứng yêu cầu cấp bách phải tự chủ đại học trong phát triển đào tạo tiên tiến hiện nay.

**Từ khóa:** Quản trị đại học, ngành kỹ thuật,tự chủ

**91. Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực : cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam/** Nguyễn Đình, Hoàn, Lê Thị Mai Anh, Nguyễn Thị Thảo Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 80-83.

**Nội dung**: Bài viết tổng quan về RCEP; phân tích những cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam; trên cơ sở đó gợi ý một số giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế từ RCEP.

**Từ khóa**: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực, cơ hội, thách thức, doanh nghiệp, Việt Nam, lợi ích kinh tế

**92. Hiệp Định EVFTA Tác Động Đến VN & Khuyến Nghị/ Trần Lê Anh Duy, nguyễn Đức Khánh// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 3-6.**

**Nội dung: Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu (EU) và VN (EVFTA) là hiệp định toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả VN và EU, đồng thời phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Bài viết này tác giả khái quát, phân tích những cam kết của các bên tham gia Hiệp định này, đồng thời đánh giá những tác động, từ đó tác giả có đề xuất khuyến nghị nhằm thực thi hiệu quả hiệp định này của VN.**

**Từ khóa: Hiệp định EVFTA, cam kết, hội nhập, thuế quan**

**93. Hiệp định EVFTA và thực trạng tác động tới các doanh nghiệp dệt may Việt Nam**/ Trần Thành Tho, Trần Thị Trà My// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.70 - 72.

**Nội dung**: Hiệp định EVFTA là một Hiệp định toàn diện thế hệ mới, và là FTA đầu tiên của EU với một số quốc gia có mức thu nhập trung bình như Việt Nam, có hiệu lực chính thức từ ngày 1/8/2020. Việc kí kết hiệp định này có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền kinh tế, đặc biệt có tác động mạnh mẽ đến ngành dệt may Việt nam. Xuất phát từ thực trạng tác động của EVFTA tới các doanh nghiệp dệt may, bài viết đưa ra một số giải pháp để các doanh nghiệp có thể tận dụng sớm các lợi thế từ hiệp định EVFTA.

**Từ khoá:** Hiệp định EVFTA, doanh nghiệp dệt may, doanh nghiệp.

**94. Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thủy sản Việt Nam niên yết**/ Mai Thị Diệu Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.55 - 57.

**Nội dung:** Các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam, điển hình là các DN thủy sản niên yết, đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế đất nước hiện nay. Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thủy sản niên yết có thể được biểu hiện qua những chỉ tiêu tài chính về khả năng sinh lời. Câu hỏi đặt ra là: trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp này thể hiện ra như thế nào? Những yếu tố nào có ảnh hưởng đến vấn đề đó? Các DN cần chú ý gì để tiếp tục phát triển bền vững, giữ được vai trò mũi nhọn của mình trong quá trình phát triển kinh tế của quốc gia? Bài báo thực hiện những phân tích đánh giá của mình trên dữ liệu thực tế từ các DN thủy sản niên yết để đề xuất một số khuyến nghị có liên quan.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, kinh tế, hiệu quả kinh doanh.

**95. Hiệu quả áp dụng chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM**/ Đào Tuyết Lan// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 50-62.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng chuẩn mực kế toán (CMKT) thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại các doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM thông qua phỏng vấn trực tiếp 255 đáp viên là các đối tượng khảo sát theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện bằng bảng câu hỏi chi tiết. Phương pháp phân tích độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach’s Alpha và phân tích yếu tố khám phá EFA (Exploratory factor analysis) được sử dụng. Kết quả phân tích nhân tố xác định 30 biến quan sát dùng để đo lường 08 nhân tố gồm biến phụ thuộc là hiệu quả áp dụng CMKT thuế TNDN và 7 nhân tố tác động đến hiệu quả áp dụng CMKT thuế TNDN. Mặt khác, kết quả phân tích hồi quy cho thấy hiệu quả áp dụng CMKT thuế TNDN của các doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM chịu tác động bởi 06 yếu tố theo thứ tự giảm dần bao gồm: trình độ nhân viên kế toán, hỗ trợ và tư vấn nghề nghiệp, quy mô các doanh nghiệp, hệ thống văn bản pháp luật kế toán thuế và chuẩn mực kế toán thuế, quan điểm và triết lý lãnh đạo của các doanh nghiệp và tuân thủ quy định kế toán thuế.

**Từ khoá**: Hiệu quả áp dụng chuẩn mực kế toán; Chuẩn mực kế toán thuế TNDN; Thuế TNDN

**95. Hiệu quả kỹ thuât trong sản xuất chè ở miền núi phía Bắc, Việt Nam**/ Tô Thế Nguyên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 73-77.

**Nội dung**: Bằng việc sử dụng hàm sản xuất biên ngẫu nhiên với dữ liệu thu thập ở 355 hộ sản xuất chè tai một số tỉnh miền núi phía Bắc. Kết quả chỉ ra rằng hiệu quả kỹ thuật bình quân của các hộ sản xuất chè là 72,5%. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kỹ thuật bao gồm: trình độ học vấn của chủ hộ, sự tham gia các lớp tập huấn khuyến nông và giông chè mới.

**Từ khoá**: Hiệu quả kỹ thuât, hàm sản xuất biên, sản xuất chè

**97. Hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trong thời kỳ hội nhậ**p/ Chu Thị Thuý Hằng, Nguyễn Thị Ngân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.10 - 12.

**Nội dung**: TPP mở ra cơ hội đầu tư, kinh doanh cho rất nhiều các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Làn sóng FDI đổ vào Việt Nam ngày càng nhiều. Tuy nhiên, bên cạnh một số đóng góp tích cực của các doanh nghiệp này vào kinh tế, xã hội của nước ta, khu vực này cũng bộc lộ rất nhiều hạn chế như tình trạng chuyển giá, trốn thuế, gây thất thu ngân sách, tác động không tốt đến môi trường đầu tư ở Việt Nam. Bài viết nhằm mực đích nghiên cứu thực trạng hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp FDI và vấn đề quản lý hoạt động này tại Việt Nam. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm kiểm soát chuyển giá cho phù hợp với thực tế hiện nay.

**Từ khoá**: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, chuyển giá, doanh nghiệp.

**98. Hợp tác quốc tế trong phát triển giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam**/ TS. Phạm Thị Thuý Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 169-170.

**Nội dung**: Bài viết phân tích hoạt động hợp tác quốc tế trong phát triển giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển giáo dục nghề nghiệp thời gian tới

**Từ khoá**: Giáo dục nghề nghiệp, Hợp tác quốc tế, dạy nghề, đầu tư nước ngoài

**99. Kênh bán lẻ hiện đại của doanh nghiệp bán lẻ trong nước: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp để phát triển**/ Nguyễn Trọng Tiến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.13 - 15.

**Nội dung:** Thị trường bán lẻ Việt Nam hiện nay chia làm 3 loại hình chính: Truyền thống, hiện đại, hình thức trực tuyến. Bán lẻ truyền thống ( bao gồm có chợ, cửa hàng tạp hoá ) , bán lẻ hiện đại( gồm có siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi ), bán lẻ trực tuyến (qua các sàn thương mại điện tử). Hiện nay kênh bán lẻ truyền thống vẫn đang đóp góp rất lớn, khoảng 83%, ở lĩnh vực hàng hoá tiêu dùng nhanh, trong khi kênh bán lẻ hiện đại chiếm khoảng 17%. Kênh bán lẻ hiện đại Việt Nam đã có sự tăng trưởng nhanh chóng. Hàng nghìn cửa hàng tiện lợi và chuyên doanh hiện đại hoạt động theo mô hình chuỗi đang phát triển nhanh ở các thành phố lớn. Hiện nay, kênh bán lẻ hiện đại của các doanh nghiệp (DN) trong nước cũng đang phải đối mặt với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp bán lẻ có vốn đầu tư từ nước ngoài tại Việt Nam. Bài viết này phân tích thách thức đối với kênh bán lẻ hiện đại của doanh nghiệp bán lẻ nội địa đối với áp lực cạnh tranh của DN bán lẻ có vốn đầu tư nước ngoài, từ đó đưa ra các giải pháp cho DN bán lẻ Việt Nam.

**Từ khoá:** Kênh bán lẻ hiện đại, doanh nghiệp bán lẻ, doanh nghiệp.

**100. Kho bạc nhà nước : đẩy mạnh cải cách, kiểm soát chi tiêu hiệu quả**// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr.52-53.

**Nội dung**: Trong năm 2020, hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã yêu cầu bổ sung các thủ tục cẩn thiết đối với gần 62.200 khoản chi và từ chối thực hiện thanh toán 39,6 tỷ đồng; triển khai nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ mới theo hướng đơn giản hóa các thủ tục thu, chi ngân sách thuộc lĩnh vực KBNN, tạo điểu kiện thuận lợi cho đơn vị giao dịch. Tính đến nay Hệ thống KBNN đã hoàn thành kết nối 100% đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc đối tượng giao dịch qua Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tỷ lệ lượng giao dịch chi NSNN tháng 11/2020 đi qua DVCTT đạt 98%. Trung bình mỗi ngày phát sinh khoảng 150.000 giao dịch, ngày cao điểm 200.000 giao dịch qua DVCTT.

**Từ khoá**: Kho bạc nhà nước, Đẩy mạnh cải cách, Kiểm soát chi tiêu, Hiệu quả

**101. Khó khăn trong quản lý rủi ro hoạt động tại ngân hàng thương mại Việt Nam/** Phan Thị Hoàng Yến // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 6 (567) .- Tr. 25-31.

**Nội dung:** Tập trung vào những khó khăn mà các ngân hàng thương mại gặp phải trong công tác quản lý rủi ro hoạt động, từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý rủi ro hoạt động tại NHTM.

**Từ khóa:** Quy trình quản lý rủi ro, rủi ro hoạt động, ngân hàng thương mại

**102. Kinh nghiệm phân tích hiệu quả kinh doanh ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Phạm Thị Thùy Vân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 86-90.

**Nội dung**: Nghiên cứu về kinh nghiệm phân tích hiệu quả kinh doanh ở một số nước như Anh, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc, ... Trên các khía cạnh: cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích kinh doanh,quy trình phân tích hiệu quả KD, phương pháp phân tích hiệu quả KD và nội dung phân tích hiệu quả KD. Từ đó, rú ra bài học kinh nghiệm về phân tích hiệu quả KD cho các DN Việt Nam.

**Từ khoá**: Hiệp định thương mại tự do, Việt Nam - EU, EVFTA, xuất khẩu, thủy sản

**103. Kinh tế chia sẻ và tiềm năng phát triển tại TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Ngọc Đức, Bùi Thái Hà, Nguyễn Thị Hà// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 73-78.

**Nội dung**: Hoạt động kinh tế chia sẻ vận hành theo phương thức kinh doanh mới, đang góp phần tích cực vào việc tái cấu trúc nhiều ngành nghề kinh tế, nhất là khu vực dịch vụ với nhiều ưu điểm như tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực, tạo nhiều cơ hội hơn cho người sử dụng, tăng tính minh bạch và sức cạnh tranh trên thị trường. Tại VN, mô hình kinh tế chia sẻ đang phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây, thu hút sự quan tâm tham gia của đông đảo doanh nghiệp và người dân.

**Từ khoá:** Kinh tế chia sẻ, mô hình kinh doanh, cạnh tranh, tiện ích

**104. Kinh nghiệm nâng cao sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ thư viện các trường đại học**/ Mai Thị Uyên, Trần Thị Bích Ngọc, Đào Thanh Bình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 22 – 24.

**Nội dung:** Bài báo trình bày cơ sở lý luận chung về chất lượng dịch vụ và chất lượng dịch vụ thư viện tại các trường đại học trong và ngoài nước về nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện và sự hài lòng của người dùng tin, đặc biệt là các sinh viên để gợi ý cho các thư viện đại học của Việt Nam áp dụng trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Sự hài lòng, dịch vụ thư viện, trường đại học, chất lượng dịch vụ

**105. Kinh nghiệm phát triển kỹ năng giáo dục nghề nghiệp tại một số nước**/ TS. Vũ Thị Như Quỳnh// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 171-172.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra kinh nghiệm phát triển kỹ năng giáo dục nghề nghiệp tại một số nước và rút ra bài học cho Việt Nam

**Từ khoá**: Kỹ năng nghề, giáo dục nghề nghiệp, giáo viên, giảng viên, cạnh tranh quốc gia

**106.** **Kinh nghiệm quản lý đội ngũ cán bộ nghiên cứu KH&CN tại một số nước trong khu vực và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ Lưu Minh Trung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dươn.- 2020 .- Số 573 .- Tr.107 - 109.

**Nội dung:** Trong thời đại cạnh tranh khốc liệt về trí tuệ, các nước mạnh trên thế giới đua nhau thu hút nhân tài bằng nhiều chính sách hấp dẫn. Nhiều quốc gia đã có những chính sách quản lý đội ngũ nghiên cứu KH&CN cần tham khảo. Việc nới lỏng qui định sẽ giúp các công ty và các viện nghiên cứu trong nước tuyển dụng được những lao động giỏi chuyên môn, thu hút ngày càng nhiều lao động nước ngoài có trình độ cao đến làm việc tại các quốc gia này.

**Từ khoá:** Quản lý, đội ngũ nghiên cứu, lao động.

**107. Kurt Lewin và phương pháp thay đổi theo kế hoạch trong quản lý sự thay đổi của tổ chức**/ Cao Quốc Việt// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 67-74.

**Nội dung**: Mô tả phương pháp thay đổi kế hoạch của Kurt Lewin qua những công trình quan trọng của ông từ năm 1946. Bài viết cung cấp 4 thành phần quan trọng của thay đổi theo kế hoạch, bắt đầu từ lý thuyết hiện trường, động lực nhóm, nghiên cứu hành động và mô hình ba bước thay đổi của Lewin. Một số tình huống minh họa xen kẽ giữa các phần mô tả và nhận xét về lý thuyết. Cuối cùng là phần hàm ý cho nghiên cứu tiếp theo và quản trị thay đổi.

**Từ khoá:** Kurt Lewin, quản trị tổ chức, quản trị thay đổi, kinh tế học hành vi

**108. Kỹ năng giải quyết tình huống lãnh đạo quản lý đối với người cán bộ chủ chốt cấp huyện hiện na**y/ Trần Thị Tú Quyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.58 - 60.

**Nội dung:** Cán bộ chủ chốt cấp huyện là người trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có quan hệ trực tiếp với quần chúng, với dân; gần dân nhất, giải quyết mọi vấn đề ở cơ sở, trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của nhân dân ... Kỹ năng giải quyết tình huống lãnh đạo quản lý đối với người cán bộ chủ chốt cấp huyện có vai trò to lớn để nghị quyết, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước thấm sâu vào nhận thức, suy nghĩ, tình cảm, niềm tin của quần chúng và đi vào cuộc sống.

**Từ khoá**: Cán bộ chủ chốt, giải quyết tình huống, lãnh đạo.

**109. Liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở Nhật Bản**/ Trần Anh Tài, Nguyễn Thu Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.55 - 57.

**Nội dung:** Bài viết nêu lên cuộc cách mạng về chính sách phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở Nhật Bản cũng như quá trình tạo lập môi trường pháp lý để tạo lập và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các trường đại học với doanh nghiệp qua đó thúc đẩy các trường chủ động tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. Bài viết cũng đưa ra một số ví dụ điển hình về kết quả sự hợp tác giữa các trường đại học hàng đầu của Nhật Bản như đại học Kyoto, đại học Keio, đại học Meiji với các ngành công nghiệp.

**Từ khoá**: Liên kết, chuyển giao công nghệ, hợp tác.

**110. Lừa đảo trong hoạt động thương mại quốc tế: thực trạng và khuyến nghị/** Vũ Ngọc Tuấn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 104-106.

**Nội dung:** Xu thế mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang mở ra nhiều cơ hội giao thương cho cộng đồng doanh nghiệp (DN) Việt Nam. Song song với đó cũng xuất hiện không ít tình trạng lừa đảo khiến DN Việt Nam bị thiệt hại nặng nề. Để tránh bị lừa đảo trong giao dịch thương mại quốc tế, các cơ quan chức năng khuyến cáo DN cần cẩn trọng hơn trong giao dịch với các doanh nghiệp và đối tác nước ngoài. Bài viết phân tích thực trạng lừa đảo trong giao dịch thương mại quốc tế, từ đó đưa ra một vài khuyến nghị trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nước, thương mại quốc tế, thủ đoạn lừa đảo

**111. Lý thuyết các bên liên quan và hiệu quả các công ty niêm yết tại Việt Nam**/ Đào Thị Thanh Bình, Thân Việt Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 74-78.

**Nội dung**: Bài báo góp phần làm rõ ảnh hưởng của các bên liên quan (bao gồm cổ đông, giám đốc điều hành, nhân viên, khách hàng và nhà cung cấp) đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, so với các nhân tố khác trong các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Lý thuyết các bên liên quan, lý thuyết người đại diện, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

**112. M&A 2021: Bất động sản và du lịch, nghỉ dưỡng là điểm sáng**/ Hương Liên// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 64-66.

**Nội dung:** Nhận định về xu hướng M&A tại thị trường Việt Nam trong thời gian tới, ông Nicolas Audier - Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) chia sẻ, nhờ vào Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã được ký kêt sẽ gián tiếp thúc đẩy các giao dịch M&A được thông qua. Những dự án từ châu Âu qua Việt Nam nhân dịp này sẽ bùng nổ.

**Từ khoá**: Bất động sản, Du lịch, Nghỉ dưỡng

**113. Mô hình chữ T trong đào tạo nguồn nhân lực cấp quản lý cho ngành Logistics tại Việt Nam**/ Bùi Duy Linh, Trần Thị Thu Hải// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 78-88.

**Nội dung**: Logistics hiện đang là một ngành dịch vụ tăng trưởng nhanh tại Việt Nam, mang lại rất nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế toàn quốc. Tuy nhiên, nhân lực ngành Logistics Việt Nam hiện tại còn bị đánh giá thấp, đặc biệt là về nhân sự cấp quản lý. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và dựa trên mô hình chữ T đã được xây dựng từ các nghiên cứu trước, bài viết đi vào tìm hiểu về những yêu cầu đòi hỏi từ phía doanh nghiệp đối với nhân sự quản lý các cấp làm việc trong ngành Logistics, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp cho các trường đại học để ứng dụng một cách hiệu quả mô hình chữ T trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao cho ngành dịch vụ Logistics tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Logistics, mô hình chữ T, nguồn nhân lực

**114. Mối quan hệ giữa biến động dòng tiền và việc sử dụng nợ của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam**/ Nguyễn Hải Yến// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 89-98.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của biến động dòng tiền đến việc sử dụng nợ của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam trong giai đoạn từ 2007 đến 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy biến động dòng tiền tăng có thể làm tăng đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có dòng tiền hoạt động ở mức bình thường hoặc thấp (ở mức phân vị dưới 75%, trung bình và thấp nhất của dòng tiền hoạt động), biến động dòng tiền tăng sẽ làm gia tăng việc sử dụng nợ của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Trong trường hợp doanh nghiệp có dòng tiền hoạt động ở mức phân vị cao nhất, biến động dòng tiền cao sẽ làm giảm việc sử dụng nợ của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Biến động dòng tiền, sử dụng nợ, phân vị, dòng tiền hoạt động, doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam

**115. Mối quan hệ giữa chất lượng với hiệu quả công việc của giảng viện đại học**/ Dương Minh Tú, Trương Đức Thao, Vũ Ngọc Thắng, Phan Thị Thuỳ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 85-87.

**Nội dung**: Nghiên cứu được tiến hành dựa trên việc tổng hợp và đánh giá các công trình nghiên cứu về chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động. Kết quả chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa chất lượng đầu vào với kết quả đầu ra thực hiện công việc, giúp cung cấp cơ sở lý luận cho việc đánh giá chất lượng của người lao động

**Từ khoá**: chất lượng người lao động, hiệu quả công việc

**116. Mối quan hệ giữa cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu trong quản lý tài chính doanh nghiệp**/ Đinh Thị Thu Hiền, Lê Thị Huyền Trâm// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 65-67.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến mối quan hệ giữa cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu nhằm giúp doanh nghiệp đánh giá thực chất hiệu quả đạt được khi sử dụng nguyên vật liệu.

**Từ khoá**: Nguyên vật liệu, doanh nghiệp, phân tích

**117. Mối quan hệ giữa hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng và hiệu suất công việc của nhân viên: Nghiên cứu các doanh nghiệp ngành dịch vụ tại Tp. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Tấn Minh// Khoa học & Công nghệ .- 2020 .- số 46 .- Tr. 190-206.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ giữa hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng (EBA) và hiệu suất công việc của nhân viên. Mẫu nghiên cứu gồm 412 nhân viên đang làm việc ở các doanh nghiệp dịch vụ tại Tp. HCM. Mục tiêu nghiên cứu nâng cao thái độ hành vi của nhân viên , điều chỉnh thúc đẩy quá trình quản lý nguồn nhân lực của tổ chức.

**Từ khóa**: Thương hiệu nhà tuyển dụng, hiệu suất công việc, nhà tuyển dụng.

**118. Mối quan hệ giữa hiệu quả kinh doanh với cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp**/ Lương Hoàng Giang// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 212 .- Tr. 83-87.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ bản chất của hiệu quả kinh doanh và mối quan hệ giữa hiệu quả kinh doanh với cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, hiệu quả kinh doanh, cơ cấu nguồn vốn

**119.** [**Mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo phục vụ và sự đổi mới của nhóm: Trường hợp nghiên cứu ngành sản xuất nông lâm thủy sản xuất khẩu**](https://ktpt.neu.edu.vn/tap-chi/so-285/muc-luc-247/moi-quan-he-giua-phong-cach-lanh-dao-phuc-vu-va-su-doi-moi-cua-nhom-truong-hop-nghien-cuu-nganh-san-xuat-nong-lam-thuy-san-xuat-khau.379466.aspx)**/** Cao Văn Tâm, Nguyễn Đông Phong, Lê Nhật Hạnh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 102-110.

**Nội dung:** Nghiên cứu này kiểm định các giả thuyết bằng cách tiến hành phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả cho thấy phong cách lãnh đạo phục vụ ảnh hưởng dương đến sự đổi mới của nhóm. Hơn nữa, sự chia sẻ kiến thức trong nhóm là trung gian một phần liên kết mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo phục và sự đổi mới của nhóm. Bên cạnh đó, động lực hướng đến xã hội của nhóm làm gia tăng ảnh hưởng của sự chia sẻ kiến thức trong nhóm lên sự đổi mới của nhóm. Bài báo này là một trong những nghiên cứu đầu tiên khám phá ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo phục vụ lên sự đổi mới của nhóm trực tiếp và gián tiếp thông qua sự chia sẻ kiến thức trong nhóm. Nghiên cứu cũng là một trong những nỗ lực đầu tiên kiểm định vai trò điều tiết của động lực hướng đến xã hội của nhóm trong việc củng cố ảnh hưởng của sự chia sẻ kiến thức trong nhóm lên sự đổi mới của nhóm.

**Từ khoá:** Sự chia sẻ kiến thức, động lực hướng đến xã hội, phong cách lãnh đạo phục vụ, sự đổi mới của nhóm

**120. Mối quan hệ giữa suất sinh lợi, độ biến thiên và khối lượng giao dịch tại thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**/ Lê Đình Nghi// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 43-49.

**Nội dung:** Bài báo phân tích mối quan hệ giữa suất sinh lợi (SSL), độ biến thiên và khối lượng giao dịch (KLGD) trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) trong giai đoạn 05/01/2015 đến 14/02/2020. Sử dụng kiểm định nhân quả Granger và mô hình GARCH, kết quả nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ hai chiều giữa SSL và KLGD trên HOSE. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra KLGD có tác động lên độ biến thiên trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM. Nghiên cứu đã cung cấp thêm bằng chứng về mối quan hệ giữa SSL, độ biến thiên và KLGD trên Thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời cung cấp các thông tin quan trọng cho nhà đầu tư và nhà hoạch định chính sách trong các quyết định đầu tư và quản lý.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán, khối lượng giao dịch, suất sinh lợi, độ biến thiên

**121. Mối quan hệ giữa tính sành điệu của sản phẩm thời trang, giá trị cảm nhận và ý định mua của người tiêu dùng trẻ tuổi tại Nha Trang**/ Nguyễn Hữu Khôi, Nguyễn Thị Nga, Bùi Hoàng Ngọc// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 137-147.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm thảo luận và khám phá vai trò quan trọng của tính sành điệu sản phẩm thời trang đối với giá trị cảm nhận và ý định mua của người tiêu dùng trẻ tuổi. Trong nghiên cứu này, tính sành điệu được giả thuyết có tác động trực tiếp đến giá trị cảm nhận và ý định hành vi cũng như có tác động gián tiếp đến ý định thông qua giá trị cảm nhận. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng giả thuyết tính sành điệu sản phẩm thời trang có tác động trực tiếp và gián tiếp đến ý định mua của người tiêu dùng trẻ tuổi thông qua giá trị cảm nhận. Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật bình phương bé nhất bán phần (PLSSEM) trên một mẫu gồm 270 sinh viên để kiểm định giả thuyết đề xuất. Kết quả cho thấy tính sành điệu của sản phẩm thời trang có tác động có ý nghĩa đến giá trị cảm nhận. Tuy nhiên, chỉ có tính sành điệu tiêu khiển có tác động có ý nghĩa đến ý định mua trong khi tính sành điệu tiện ích không thể hiện tác động có ý nghĩa đến biến số này. Bên cạnh đó, cả hai khía cạnh tiêu khiển và tiện ích của tình sành điệu đều có tác động gián tiếp đến ý định mua thông qua giá trị cảm nhận. Kết quả nghiên cứu thể hiện vai trò quan trọng của tính sành điệu đối với sự thành công của sản phẩm thời trang trong giới trẻ. Vì vậy, chiến lược marketing sản phẩm thời trang hướng đến giới trẻ cần tập trung vào tính sành điệu của sản phẩm.

**Từ khoá:** sành điệu tiêu khiển và tiện ích, giá trị tiêu khiển và tiện ích cảm nhận, ý định hành vi

**122. Một số giải pháp phát triển phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh** / Nguyễn Thị Hồng Trang/ Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 28 – 30.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích thực trạng của phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đưa ra các giải pháp phát triển phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh.

**Từ khóa:** Phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trường Đại học Hà Tĩnh

**123. Một số giải pháp phát triển thị trường dịch vụ môi trường ở Việt Nam**/ Phạm Thị Linh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 94-96.

**Nội dung**: Bài báo bàn về các giải pháp nhằm phát triển thị trường dịch vụ môi trường ở Việt Nam, đưa ra những giải pháp để đưa hoạt động chi trả dịch vụ môi trường tuân theo cơ chế thị trường

**Từ khoá**: phát triển thị trường, dịch vụ, dịch vụ môi trường

**124. Nâng cao chất lượng sản phẩm cho phát triển thương hiệu làng nghề : thực trạng và giải pháp**/ Đào Cao Sơn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Tiếp cận về phát triển thương hiệu làng nghề; Thực trạng nâng cao chất lượng sản phẩm của làng nghề; Một số giải pháp đề xuất

**Từ khoá**: chất lượng sản phẩm, thương hiệu, làng nghề

**125. Nâng cao doanh thu dịch vụ phi hàng không của Trung tâm thương mại và dịch vụ hàng không Đà Nẵng**/ Lê Ngô Ngọc Thu, Vòng Thình Nam// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 99-105.

**Nội dung**: Phần đầu khái quát số liệu thực tế doanh thu của Trung tâm và kết quả khảo sát sự hiệu quả của các dịch vụ dựa vào những ý kiến của khách hàng để tìm ra thiếu sót của dịch vụ đang có. Phần hai phân tích theo mô hình SWOT và kết hợp với ý kiến của khách hàng nhằm đề xuất gợi ý

**Từ khoá**: doanh thu, dịch vụ phi hàng không, cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng

**126. Nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ tại Phú Yên**/ Lê Thị Thanh Huyền, Nguyễn Võ Tuyết Trinh, Đinh Thị Mỹ Hạnh// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 150-153.

**Nội dung**: Khái quát lý thuyết kiểm soát nội bộ; Phương pháp nghiên cứu; Kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ tại Phú Yên; Giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ

**Từ khoá**: kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp, thương mại. dịch vụ, Phú Yên

**127. Nâng cao hiệu quả marking dịch vụ tại PTSC Quảng Ngãi**/ Huỳnh Văn Khải// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573 .- Tr.76 - 78.

**Nội dung:** Marking là một trong những hoạt động quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, nhất là đối với các doanh nghiệp dịch vụ. Tuy nhiên, hiện nay, theo nghiên cứu của tác giả, việc triển khai mô hình marking dịch vụ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi ( PTSC Quảng Ngãi ) vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Vì vậy, thời gian tới, công ty cần có giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong vấn đề này.

**Từ khoá:** Marking, doanh nghiệp dịch vụ, dịch vụ Dầu khí.

**128.** [**Nâng cao hiệu quả quản lý giám sát thương mại điện tử/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/11.pdf)**Đặng Trường Khánh, Lại Doãn Anh Tuấn, Nguyễn Đặng Minh Trí// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 75-79.**

**Nội dung: Với tốc độ phát triển nhanh chóng, hoạt động thương mại điện tử ngày càng quen thuộc với đa số người dân trên thế giới. Tại Việt Nam, hoạt động này đã có sự phát triển mạnh mẽ, dự báo đến năm 2020, có khoảng 30% dân số tham gia hoạt động thương mại điện tử. Song hành với những tiện ích mang lại, thực tiễn cũng đặt ra nhiều vấn đề trong công tác quản lý, kiểm soát giám sát hoạt động thương mại. Bài viết đánh giá thực trạng hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam hiện nay và đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát huy những lợi ích của hoạt động thương mại điện tử.**

**Từ khóa: Giám sát, thương mại điện tử, công nghệ, kinh doanh**

**129. Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Đỗ Phương Thảo, Đỗ Ngọc Khánh Linh, Nguyễn Minh Nhật Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 67-75.

**Nội dung:** Phân tích tác động của dịch Covid-19 đối với doanh nghiệp VN và nhận diện thực trạng quản trị tài chính doanh nghiệp VN hiện nay, từ đó đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản trị tài chính doanh nghiệp VN trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá:** Quản trị tài chính, doanh nghiệp, đại dịch Covid-19, khủng hoảng kinh tế

**130. Nâng cao khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên kế toán trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/** Tạ Văn Luận, Nguyễn Thu hà, Trần Thị Huyền, Dương Thị Hằng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 110-112.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên kế toán trong bối cảnh mới hiện nay.

**Từ khoá:** Nghề nghiệp, sinh viên, cách mạng công nghiệp 4.0, kế toán, kiểm toán

**131. Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam**/ Hồ Quế Hậu// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 59-69.

**Nội dung:** Việt Nam là một nước có tài nguyên tự nhiên và văn hóa dân tộc đặc sắc, có sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch, cho phép nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh của ngành du lịch. Bài viết này nhằm (i) Phân tích đánh giá năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam trong thời gian qua; (ii) tìm ra nguyên nhân hạn chế tồn tại và (iii) đề xuất những giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngành du lịch Việt Nam đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đóng góp ngày càng nhiều cho kinh tế- xã hội. Tuy nhiên du lịch Việt Nam vẫn chưa theo kịp các nước trong khu vực mà nguyên nhân là do chưa có chiến lược phát triển và các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch hiệu quả. Vì vậy trong thời gian tới phải thực thi những giải pháp khả thi để nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành du lịch.

**Từ khoá:** Du lịch, năng lực cạnh tranh, phát triển ngành

**132. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp phần mềm ứng dụng nhỏ tại TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Xuân Quyết, Bùi Thành Lộc// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 69-78.

**Nội dung:** Doanh nghiệp phát triển và cung cấp phần mềm ứng dụng (DNPMN) tại TP.HCM thường được xây dựng từ các chuyên gia đầu ngành, xuất thân từ các đơn vị công nghệ thông tin (CNTT) lớn, có mối quan tốt, sở hữu giải pháp, công nghệ, phần mềm ứng dụng ưu việt, như: Phần mềm nhân sự (JeeHR), siêu thị (JeeMarket), điều hành trực tuyến (JeeDoc), kho (JeeWMS)...và nhận diện bằng trí tuệ nhân tạo (JeeAI)...nhưng đang chịu áp lực cạnh tranh gay gắt do mới thâm nhập thị trường, không có lợi thế về năng lực cạnh tranh, như: Hệ thống phân phối yếu, dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc khách hàng chưa tốt, thương hiệu chưa có, năng lực quản trị còn hạn chế, thiếu vốn, chưa có chiến lược marketing và bán hàng... Từ nghiên cứu thực trạng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của DNPMN và sử dụng ma trận chiến lược hội nhập (QSPM), ma trận SWOT đề xuất các chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của DNPMN tại TP.HCM và VN.

**Từ khoá:** Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp phần mềm, ma trận QSPM, SWOT

**133. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thương mại dịch vụ**/ Ngô Thị Minh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Phân tích nội dung lý luận về ảnh hưởng của các nhân tố đến cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại dịch vụ. Qua đó, đề xuất ý kiến liên quan đến chính sách cho quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp thương mại dịch vụ.

**Từ khóa:** Nhân tố ảnh hưởng, cơ cấu nguồn vốn, doanh nghiệp sản xuất

**134. Năng lực cạnh tranh của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) qua hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp**/ Nguyễn Việt Hùng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.10 - 12.

**Nội dung**: Để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của người tiêu dùng về sản phẩm, các doanh nghiệp phải đi sâu nghiên cứu thị trường, phát hiện ra những nhu cầu mới để qua đó có thể lựa chọn phương án phù hợp với năng lực kinh doanh của doanh nghiệp. Mọi giả pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập vì thế rất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Bài viết này sẽ đi sâu nghiên cứu các nhân tố tác động đến năng lực cạnh tranh của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD qua hoạt động tái cơ cấu từ đó gợi ý một số giải pháp HUD nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, Đầu tư phát triển nhà và đô thị, doanh nghiệp."

**135. Nghiên cứu động cơ người tiêu dùng/** Nguyễn Thị Hải Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.42 - 44.

**Nội dung:** Để có hiệu quả trong kinh doanh thì một trong những điều quan trọng cần thiết đó là nắm rõ tâm lý của khách hàng theo đúng triết lý ""Biết người biết ta trăm trận trăm thắng"". Khách hàng luôn được đặt ở vị trí trung tâm của hoạt động kinh doanh, vì vậy, nghiên cứu khách hàng sẽ góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Việc nghiên cứu tâm lý khách hàng có nhiều yếu tố, trong đó yếu tố động cơ tiêu dùng là một trong những yếu tố quyết định, có ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả nghiên cứu về động cơ người tiêu dùng, vai trò và ứng dụng trong hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá:** Người tiêu dùng, khách hàng, hoạt động kinh doanh.

**136. Nghiên cứu giải pháp nâng cao công tác truyền thông của Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại Tp. Hồ Chí Minh/** ThS. Đặng Văn Ơn, ThS. Nguyễn Văn Quảng// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 183-186.

**Nội dung:** Đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao công tác truyền thông của Phân hiệu trong thời gian tới, đó là: làm truyền thông bằng cách nâng tầm chất lượng giáo dục; xây dựng bộ phận truyền thông chuyên biệt; sử dụng các công cụ digital marketing; lan truyền những thông tin review tốt; thúc đẩy hoạt động PR trực tuyến.

**Từ khóa**: Truyền thông, phân hiệu, giải pháp

**137.** [**Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Blockchain xây dựng nền tảng giáo dục và việc làm Jobchain/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/10.pdf)**Lê Duy Khánh, Nguyễn Hà Giang// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 66-74.**

**Nội dung: Bài báo nghiên cứu việc kết hợp mô hình học trực tuyến, quản lý chứng chỉ và nền tảng giới thiệu việc làm tích hợp các thông tin về chứng chỉ, kinh nghiệm…, từ đó ứng dụng công nghệ Blockchain để xây dựng và hoàn thiện hóa nền tảng giáo dục và việc làm Jobchain. Nền tảng cung cấp một môi trường học thuật năng động và tích cực bằng việc đổi mới phương pháp đào tạo, đồng thời hậu thuẫn người dùng trong quá trình xin việc và chuyển việc làm. Ngoài ra, các vấn đề xoay quanh về dữ liệu và bảo mật của người dùng cũng được giải quyết nhờ vào giao thức tập trung và chia sẻ dữ liệu được xây dựng và phát triển dựa trên công nghệ Blockchain.**

**Từ khóa:** Học trực tuyến, công nghệ Blockchain, việc làm Jobchain, môi trường học thuật, phương pháp đào tạo, giao thức tập trung, chia sẻ dữ liệu

**138. Ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại : xây dựng hệ thống hải quan hiện đại, thông minh/** Mai Hà// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 50-51.

**Nội dung:** Thành tích nổi bật của ngành Hải quan trong năm 2020 là công tác phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại. Mặc dù năm 2020 bối cảnh dịch COVID-19 nhưng hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, đặc biệt là vận chuyển trái phép các chất ma túy rất phức tạp. Lực lượng Hải quan đã chủ trì, phối kêt hợp các lực lượng phá thành công nhiều chuyên án, trong đó có nhiều chuyên án ma túy lớn. Để làm tốt công tác đấu tranh, phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại hiện Tổng cục Hải quan đang tái cấu trúc hệ thống công nghệ thông tin. Theo đó, dự kiến, chậm nhất đến năm 2025 sẽ xây dựng hệ thống Hải quan hiện đại, thông minh ngang tầm các nước trên thế giới.

**Từ khoá:** Ngăn chặn buôn lậu, Gian lận thương mại, Xây dựng hệ thống, Hải quan, Hiện đại, Thông minh

**139. Ngành Hải quan : thu ngân sách đạt mức cao, tạo thuận lợi thương mại hiệu quả**/ Phương Linh// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 47-49.

**Nội dung:** Được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Chính phủ và Bộ Tài chính với quan điểm kiên quyết không lùi bước trước khó khăn, thách thức, phát huy sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn, cùng với mục tiêu vừa đảm bảo triển khai quyết liệt các biện pháp chống dịch, vừa tích cực hỗ trợ khơi thông hoạt động xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan đã chỉ đạo các đơn vị tích cực, chủ động triển khai nhiều biện pháp phòng, chống dịch bệnh hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo công tác quản lý hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Ngành Hải quan, Thu ngân sách, Thuận lợi, Thương mại

**140. Nghĩa vụ thuế trong thương mại điện tử xuyên biên giới**/ Nguyễn Thị Thơm, Trần Thị Mây// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 97-99.

**Nội dung:** Cùng với sự bùng nổ của công nghệ số, trong nhiều năm trở lại đây, thương mại điện tử xuyên biên giới đã và đang phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam. Đặc biệt, từ năm 2020 đến nay, khi đại dịch Covid-19 lan rộng ra toàn cầu, cùng với sự dịch chuyển của xu hướng tiêu dùng, thương mại điện tử xuyên biên giới cũng trở nên phổ biến hơn. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để quản lý thuế hiệu quả đối với giao dịch xuyên biên giới? Nghiên cứu khuôn khổ pháp lý về nghĩa vụ thuế đối với hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới, bài viết gợi ý những cần giải quyết đối với công tác quản lý thuế trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Thương mại điện tử xuyên biên giới, thất thu thuế, quản lý thuế

**141. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến sự hài lòng của người sử dụng hệ thống thông tin kế toán/** Huỳnh Thị Hồng Hạnh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 110-120.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố tác động đến sự hài lòng của người sử dụng hệ thống thông tin kế toán thông qua mô hình đề xuất với bảy giả thuyết. Các thang đo của mô hình được thiết lập và kiểm định bằng hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố khẳng định. Cuối cùng, mô hình và các giả thuyết nghiên cứu được kiểm định bằng mô hình phương trình cấu trúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng thông tin chất lượng đội ngũ và chất lượng hệ thống xử lý thông tin là các nhân tố tác động đến sự hài lòng của người sử dụng. Nghiên cứu này không ghi nhận sự tác động của nhận thức người sử dụng đến sự hài lòng, tuy nhiên nhận thức của người sử dụng lại có tác động gián tiếp đến sự hài lòng thông qua nhân tố chất lượng hệ thống.

**Từ khoá:** Hệ thống thông tin kế toán; Sự hài lòng của người sử dụng; Nhân tố; Mô hình

**142. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ứng dụng du lịch thông minh của du khách đến Hà Nội/** Nguyễn Trần Hưng, Đỗ Thị Thu Hiền// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 123-136.

**Nội dung:** Trên cơ sở mô hình TAM mở rộng (Exteneded Technology Acceptance Model), bài nghiên cứu xây dựng mô hình giả thuyết nhằm nghiên cứu những nhân tố tác động đến quyết định sử dụng ứng dụng du lịch thông minh của du khách đến Hà Nội. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy những nhân tố: tính dễ sử dụng cảm nhận, tính hữu ích cảm nhận, ảnh hưởng xã hội, tính tự làm chủ, lo ngại về an toàn thông tin và chất lượng dịch vụ có ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ứng dụng du lịch thông minh của người dùng. Các nhận định trên được rút ra thông qua việc ứng dụng mô hình TAM mở rộng và các phân tích hồi quy được thực hiện trên phần mềm SPSS. Từ đó, bài viết đề xuất hàm ý định hướng một số giải pháp góp phần phát triển số lượng người dùng sử dụng các ứng dụng du lịch thông minh ở Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

**Từ khoá:** Mô hình TAM mở rộng; du lịch thông minh; quyết định sử dụng; các yếu tố ảnh hưởng; ứng dụng du lịch thông minh

**143. Nghiên cứu các yếu tố tác động đến lòng trung thành của khách hàng đến các khách sạn từ 3 sao đến 5 sao trên địa bàn Hà Nội**/ Nguyễn Minh Tuấn// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 33-41.

**Nội dung:** Tìm hiểu về lòng trung thành của khách hàng trong lĩnh vực khách sạn trên địa bàn Hà Nội. Phương pháp khảo sát được tiến hành để thu thập dữ liệu về đánh giá mức độ trung thành của khách hàng đối với hoạt động lưu trú tại khách sạn 3 đến 5 sao trên địa bàn Hà Nội. Kết quả của nghiên cứu cho thấy khách hàng ngày càng chú ý nhiều hơn đến chất lượng dịch vụ, mức giá và điều kiện thanh toán cũng như các chương trình khách hàng thân thiết. Vì vậy, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn cần chú ý đến hành vi và các yếu tố làm hài lòng khách hàng để duy trì và phát triển lòng trung thành của họ thông qua các yếu tố nêu trên.

**Từ khoá:** Lòng trung thành của khách hàng, khách sạn, Hà Nội

**144. Nghiên cứu doanh nghiệp học thuật Spin-offs từ các trường đại học trên thế giới và những vấn đề đặt ra đối với giáo dục đại học Việt Nam/** Đinh Văn Toàn// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 167-176.

**Nội dung:** Bài báo tập trung nghiên cứu về các công ty Spin-offs và các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp này từ các cơ sở giáo dục đại học ở một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu học thuật đã công bố và kết quả nghiên cứu thực trạng tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, bài viết đưa ra các vấn đề cần quan tâm về chính sách và cải cách thể chế đối với giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh yêu cầu cải cách thể chế và môi trường cho phát triển doanh nghiệp từ các trường đại học thì tự chủ toàn diện cho các trường để đổi mới tổ chức, khuyến khích khởi nghiệp và thúc đẩy hoạt động thương mại hóa là một vấn đề cấp bách được đặt ra.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp học thuật, Spin-offs, công ty Spin-off, đại học khởi nghiệp, giáo dục đại học

**145. Nghiên cứu đặc điểm của Hội đồng quản trị đến vấn đề quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đỗ Thị Vân Trang, Đinh Hồng Linh// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 46-54.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố thuộc về quản trị công ty với hành vi quản trị lợi nhuận của 200 doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2015-2019. Nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị đối với các nhà quản trị doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ quan quản lý thị trường trong việc quản trị công ty cũng như trong việc xây dựng các quy định liên quan đến quản trị công ty, để từ đó hạn chế tối đa những hành vi quản trị lợi nhuận, nhằm minh bạch các thông tin công bố trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết

**Từ khoá**: quản trị công ty, quản trị lợi nhuận, công ty niêm yết, chứng khoán Việt Nam

**147. Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả của người dân về giá dịch vụ quản lý vận hành chung cư**/ Trần Thị Minh Thư// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 35-39.

**Nội dung:** Trình bày cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu về mức sẵn lòng chi trả giá dịch vụ nhad chung cư; quy định pháp lý về xác định giá dịch vụ quản lý vận hành chung cư; thực trạng giá dịch vụ quản lý vận hành chung cư và mức sẵn lòng chi trả giá dịch vụ quản lý vận hành chung cư trên địa bàn Hà Nội, một số kiến nghị.

**Từ khoá:** Giá dịch vụ, chung cư, phí quản lý vận hành

**148. Nghiên cứu thực nghiệm mô hình đo lường chủ nghĩa hướng ngoại của người tiêu dùng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập**/ Chu Nguyễn Mộng Ngọc// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 99-109.

**Nội dung:** Nghiên cứu đã thực nghiệm mô hình C-COSMO của Riefler & cộng sự (2012) đo lường khái niệm chủ nghĩa hướng ngoại của người tiêu dùng trên dữ liệu thu thập từ hai mẫu đại diện người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM trong phân tích. Kết quả hai lần phân tích định lượng đã cung cấp bằng chứng kết luận mô hình đo lường khái niệm chủ nghĩa hướng ngoại của người tiêu dùng Việt Nam đạt yêu cầu về độ tin cậy, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt, và có tính tổng quát hóa. Nghiên cứu còn phát hiện rằng nếu một người tiêu dùng có thái độ chủ nghĩa hướng ngoại mạnh mẽ, họ sẽ đánh giá cao hàng ngoại; nhưng dựa trên so sánh về chất lượng giữa hàng hóa nội so với hàng hóa ngoại trong tình hình hiện tại, họ sẽ gia tăng tiêu dùng hàng nội. Nghiên cứu đóng góp không chỉ cho lĩnh vực marketing, mà còn cả văn hóa, xã hội, con người… có liên quan đến thuyết Bản sắc xã hội.

**Từ khoá:** Chủ nghĩa hướng ngoại, người tiêu dùng, tiêu dùng hàng nội, đánh giá hàng ngoại

**149. Nghiên cứu thực trạng chuẩn bị tài chính cho tuổi già của người dân tại Hà Nội/** Trịnh Thị Phan Lan, Vũ Thị Ngọc Hà// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2021 .- Số 10 (571) .- Tr. 29-36.

**Nội dung:** Tập hợp kết quả nghiên cứu khảo sát và phỏng vấn chuyen sâu chọn lọc nhằm tìm hiểu thực trạng việc chuẩn bị tài chính cho tuổi già của một bộ phận người dân tại Hà Nội, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị.

**Từ khoá:** Chuẩn bị tài chính cho tuổi già, người dân tại Hà Nội

**150. Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam**/ Phan Thị Thu Hiền, Bùi Thái Quang// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 14-24.

**Nội dung:** Trong bối cảnh hiện nay, khối lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tăng mạnh theo thời gian, các cơ quan quản lý nhà nước điển hình là ngành hải quan đang thực hiện phương thức quản lý dựa vào mức độ tuân thủ pháp luật của chủ thể là doanh nghiệp để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo tạo thuận lợi và an ninh thương mại, đồng thời giữ vững kỉ cương và công bằng của môi trường kinh doanh. Với phương thức quản lý tiên tiến này, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ý thức được tầm quan trọng của tuân thủ tốt pháp luật, đó vừa là nghĩa vụ cũng đồng thời là lợi ích được tạo thuận lợi thương mại. Bài viết nhằm mục đích phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa tại Việt Nam, đồng thời nhận diện được các khó khăn và đề xuất một số giải pháp nâng hạng doanh nghiệp theo mức độ tuân thủ pháp luật.

**Từ khoá:** An ninh, hải quan, ngoại thương, pháp luật, tuân thủ, thuế quan

**151. Nghiên cứu yếu tố tác động đến việc lựa chọn nhà cung ứng dịch vụ logistics của chủ hàng Việt Nam trong thời kỳ đại dịch Covid-19**/ Hà Minh Hiếu// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 115-122.

**Nội dung:** Dịch bệnh Covid-19 tác động rất lớn đến tình hình kinh tế cũng như hành vi lựa chọn nhà cung ứng dịch vụ logistics của chủ hàng Việt Nam. Thực tế cho thấy đang có sự chuyển dịch đáng kể lượng khách hàng từ các nhà cung ứng dịch vụ logistics trong giai đoạn hiện nay và ngày càng có xu hướng tăng trong thời kỳ đại dịch Covid -19. Vì vậy, mục tiêu nghiên cứu là xác định, đánh giá tác động của các yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà cung ứng dịch vụ logistics của chủ hàng Việt Nam trong thời kỳ đại dịch Covid - 19. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố bao gồm: Độ tin cậy, Khả năng đáp ứng, Hình ảnh thương hiệu, Chi phí, Thương hiệu Việt ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà cung ứng dịch vụ logistics của chủ hàng Việt Nam. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ logistics tại Việt Nam trong thời kỳ đại dịch Covid - 19.

**Từ khoá:** Covid - 19, chủ hàng Việt Nam, nhà cung ứng dịch vụ logistics

**152. Nguồn lực cho phát triển doanh nghiệp phần mềm Việt Nam/ Vũ Hải Thanh//** Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.4 - 6.

**Nội dung:** Các doanh nghiệp phần mềm (DNPM) vừa là mục tiêu, vừa là động lực chủ yếu của sự phát triển nền công nghiệp phần mềm của nước nhà. Thực tiễn phát triển DNPM ở nước ta những năm qua, cũng như doanh nghiệp của các nước trên thế giới đều chỉ ra yếu tố nguồn nhâ lực quyết định đến sự phát triển của các doanh nghiệp này. Điều đó đặt ra vấn đề vừa mang tính cơ bản xuyên suốt, vừa mang tính cấp bách hiện nay là đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển DNPM Việt Nam.

**Từ khoá:** Công nghệ phần mềm, doanh nghiệp phần mềm.

**153. Nhận diện điểm nghẽn trong chuỗi cung ứng hạt điều vùng Đông Nam Bộ**/ Nguyễn Hữu Tịnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.64 - 66.

**Nội dung:** Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm nhận diện những điểm nghẽn trong chuỗi cung ứng hạt điều vùng Đông Nam Bộ. Thông qua nghiên cứu số liệu thứ cấp và khảo sát 4 nhóm đói tượng trong chuỗi cung ứng hạt điều vùng Đông Nam Bộ gồm: hộ nông dân trồng điều; doanh nghiệp thu mua, chế biến; doanh nghiệp nhập khẩu và doanh nghiệp vận tải, nghiên cứu đã chỉ ra những điểm nghẽn chính trong chuỗi cung ứng hạt điều vùng Đông Nam Bộ là: (i) nguyên liệu đầu vào phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu, nguồn nguyên liệutrong nước không ổn định, chất lượng bấp bênh; (ii) thiếu sự liên kết giữa các mắt xích trong chuỗi cung ứng hạt điều; (iii) chưa có quy hoạch cụm công nghiệp sản xuất, chế biến tập trung của vùng; (iv) chi phí vận chuyển, kho bãi quá cao chiếm tới 1/3 chi phí; (v) vấn đề tiếp cận và vay vốn khó khăn. Những điểm nghẽn này cần được giải quyết sớm trong thời gian tớicho sự phát triển ngành công nghiệp hạt điều vùng Đông Nam Bộ

**Từ khoá:**  Điểm nghẽn, hạt điều, chuỗi cung ứng.

**154. Nhân diện các hành vi chuyển giá phổ biến trong các doanh nghiệp FDI hiện nay**/ Tô Văn Tuấn// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 16-19.

**Nội dung:** Tập trung nhận diện các hành vi chuyển giá chủ yếu của các doanh nghiệp FDI nhằm giúp các cơ quan quản lý có giải pháp kiểm tra, kiểm soát đầy đủ hơn, góp phần nâng cao hiệu quả của công tcas chống chuyển giá trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chuyển giá, Đầu tư trực tiếp nước ngoài, doanh thu, chi phí

**155. Nhận diện gian lận báo cáo tài chính của doanh nghiệp và giải pháp khắc phục**/ Trần Thị Vân// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 61-63.

**Nội dung:** Nghiên cứu này đề cập đến khái niệm gian lận báo cáo tài chính; các nhân tố ảnh hưởng đến gian lận báo cáo tài chính qua nghiên cứu của Cressey (1950) về tam giác gian lận. Đồng thời, bài viết dẫn chứng một số vụ việc về gian lận báo cáo tài chính do Hiệp hội các nhà điều tra gian lận thống kê. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả chỉ rõ những nguyên nhân dẫn tới hành vi gian lận báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp đồng bộ để khắc phục tình trạng này.

**Từ khoá:** Gian lận báo cáo tài chính, doanh nghiệp, báo cáo tài chính

**156. Nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong các trường đại học**/ Đỗ Anh Đức// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 95-106.

**Nội dung:** Bài viết này tổng quan các nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo, xây dựng và kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong các trường đại học. Nghiên cứu sử dụng mô hình phương trình cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS SEM) thông qua đánh giá mô hình đo lường và đánh giá mô hình cấu trúc bằng phần mềm SPSS 26 và Smart PLS 3.0. Kết quả khảo sát 303 sinh viên tại các trường đại học tại Hà Nội đã xác định được 5 nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên, trong đó nhân tố kỹ năng quản lý và kỹ năng xã hội có tác động đáng kể đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên.

**Từ khoá:** Đổi mới sáng tạo, năng lực, PLS SEM

**157. Nhân tố tác động đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Hà Minh Tâm, Vũ Thị Minh Hà, Trần Minh Tâm, Lê Thị Khuyên// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 93-96.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp ngành Xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Bài viết sử dụng số liệu của 94 doanh nghiệp ngành Xây dựng niêm yết trên cả hai Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE) và Hà Nội (HNX) trong giai đoạn 2010 – 2019. Bằng việc sử dụng phương pháp hồi quy FGLS và các kiểm định liên quan, kết quả cho thấy, khả năng sinh lời của các doanh nghiệp xây dựng có mối quan hệ cùng chiều với vòng quay khoản phải thu quy mô doanh nghiệp và có mối quan hệ ngược chiều với tỷ lệ nợ trên tổng tài sản.

**Từ khoá:** Nhân tố tác động, khả năng sinh lời, ngành xây dựng

**158. Nhân tố tác động đến việc trích nộp các khoản theo lương cho người lao động tại doanh nghiệp/** Nguyễn Thị Kim Phụng// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Trích nộp các khoản theo lương cho người lao động được xem là quy định bắt buộc đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhiều đơn vị vẫn cố tình né tránh, không chịu chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến các khoản trích nộp theo lương do sợ hao tổn chi phí. Kết quả là, việc chi trả các chế độ bảo hiểm cho người lao động gặp nhiều khó khăn, thậm chí nhiều lao động còn bị mất đi các quyền lợi mà đáng lẽ ra họ phải được hưởng. Nhằm góp phần bảo vệ phúc lợi có liên quan đến chế độ bảo hiểm cho người lao động, bài viết trao đổi về những nhân tố tác động đến ý thức chấp hành quy định trích nộp các khoản theo lương của các nhà quản lý doanh nghiệp. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về việc trích nộp các khoản theo lương tại doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, nhân tố ảnh hưởng, tham gia bảo hiểm, người lao động

**159. Nhân tố tác động đến ý định mua lại sản phẩm trực tuyến trong ngành hàng thời trang**/ Nguyễn Ngọc Hiếu, Trần Thị Thanh Phương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 65-77.

**Nội dung:** Xác định các nhân tố tác động đến ý định mua lại sản phẩm thời trang của người tiêu dùng trực tuyến tại TP.HCM. Dữ liệu khảo sát từ 327 người tiêu dùng có mua sản phẩm thời trang trên kênh trực tuyến trong năm 2019. Phương pháp dựa trên mô hình cấu trúc tuyến tính hiệp phương sai (CB-SEM). Kết quả nghiên cứu tìm ra 06 nhân tố tác động đến ý định mua lại sản phẩm thời trang trên kênh trực tuyến, bao gồm: i) Sự xác nhận chất lượng dịch vụ, ii) Nhận thức chất lượng sản phẩm, iii) Nhận thức giá cả cạnh tranh, iv) Nhận thức giá trị, v) Sự hài lòng và vi) Sự tin cậy. Trong đó sự hài lòng và sự tin cậy là hai yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định mua lại sản phẩm thời trang trên kênh trực tuyến. Những phát hiện của bài nghiên cứu giúp nhà quản lý doanh nghiệp có chiến lược phù hợp gia tăng lượng khách hàng mua sắm sản phẩm thời trang trực tuyến.

**Từ khoá:** Thương mại điện tử; Ý định mua lại trực tuyến; thời trang

**160. Nhân tố tác động tới sự không phù hợp giữa trình độ và việc làm của lao động Việt Nam/** Phạm Minh Hải// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 52-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ ra rằng, phương pháp đo lường trực tiếp về sự phù hợp giữa trình độ học vấn và công việc đang làm có kết quả thấp hơn đáng kể so với phương pháp đo lường gián tiếp; tuy nhiên, điểm chung là tỷ lệ lao động đang làm việc có trình đọ không phù hợp tương đối cao, trong đó có tới 40% đang thiếu trình độ so với công việc đang làm. Kết qura ước lượng từ mô hình heckprobit cho thấy, các yếu tooslamf tăng khả năng không phù hợp giwuax trình độ và công việc đang làm bao gồm là nam giới, đang sống với vợ (chồng), có bảo hiểm xã hôi, trình độ học vấn thấp hơn tring học phổ thông và làm việc trong các doanh nghiệp FDI.

**Từ khoá:** Trình độ khong phù hợp, điều tra lao động việc làm

**161. Nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên bán hàng xăng dầu**/ Lê Thị Anh Trang, Phan Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 133-136.

**Nội dung**: Khảo sát gồm 200 nhân viên bán hàng cho thấy có 4 nhân tố ảnh hưởng thuận chiều đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên bán hàng. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số gợi ý trong việc hoàn thiện các chính sách trong thời gian tới

**Từ khoá**: Sự hài lòng, nhân viên bán xăng dầu, xăng dầu, Quảng Bình

**162. Nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị sự nghiệp công lập**/ Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 68-70.

**Nội dung**: Nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng nhằm xây dựng cũng như kiểm định mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị sự nghiệp công lập ở TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 06 nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị gồm: Môi trường kiểm soát; Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Thông tin và truyền thông; Giám sát và Ứng dụng công nghệ thông tin. Qua đó, tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, đơn vị sự nghiệp công lập, TP. Hồ Chí Minh

**163. Nhiều dư địa phát triển cho thị trường bảo hiểm Việt Nam**/ Ngô Việt Trung// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 77-80.

**Nội dung**: Với tình hình kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19, Chính phủ đã và đang nỗ lực triển khai hàng loạt các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khôi phục sản xuất kinh doanh, thị trường bảo hiểm năm 2020 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ấn tượng. Trên cơ sở kết quả này, năm 2021, thị trường bảo hiểm được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng ổn định và bền vững.

**Từ khoá**: thị trường bảo hiểm, dịch bệnh Covid-19, doanh nghiệp

**164. Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của các bác sỹ ngành chẩn đoán hình ảnh**/ Nguyễn Văn Dư, Đinh Công Khải, Nguyễn Lê Hoàng Long, Võ Thị Thảo Nguyên// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 67-76.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường các yếu tố tác động đến hành vi chia sẻ tri thức của bác sĩ chuyên ngành chuẩn đoán hình ảnh tại các bệnh viện, từ tuyến Trung ương đến các địa phương, tác giả sử dụng mô hình phương trình cấu trúc để ước lượng. Kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng cho mối liên hệ giữa niềm tin xã hội, hệ thống thông tin, ý thức xây dựng mối quan hệ, sự tự tin vào tri thức cá nhân có ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức. Bên cạnh, nghiên cứu cũng đưa ra một số khuyến nghị dành cho các nhà quản trị bệnh viện

**Từ khoá**: hệ thống thông tin, tự tin vào tri thức cá nhân, ý thức xây dựng mối quan hệ

**166. Những yếu tố tác động tới quá trình ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ hiện nay**/ Nguyễn Đức Trí// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 82-84.

**Nội dung**: Phân tích các yếu tố cơ bản: yếu tố tự nhiên, sự phát triển khoa học - công nghệ và thị trường khoa học - công nghệ, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương, nguồn vốn đầu tư, hệ thống các cơ chế chính sách khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, nguồn nhân lực

**Từ khoá**: yếu tố tác động, nguồn vốn, nguồn nhân lực, kinh tế

**167.** [**Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu thành địa phương đáng sống/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/13.pdf)**Bùi Thị Mai Hoài// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 90-102.**

**Nội dung: Muốn phát triển bền vững cần phải đảm bảo sự hài hòa giữa mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội và bảo vệ môi trường. Việc khai thác bất kỳ nguồn vốn nào cho phát triển luôn phải hướng đến thực hiện mục tiêu cuối cùng này. Huy động được nhiều vốn, nhưng nếu thiếu đi tầm nhìn dài hạn, thiếu chiến lược đúng đắn, sử dụng vốn không hiệu quả thì không thể đảm bảo phát triển bền vững. Bài viết không những đưa ra các khuyến nghị trong việc khai thác các khoản thu đặc thù và đổi mới quản trị công hướng đến phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu thành một địa phương sạch đẹp, an toàn và đáng sống mà còn nhằm mục đích đưa một ví dụ minh họa để chuyển tải thông điệp “huy động bất kỳ nguồn vốn nào đều phải hướng đến thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chứ không chỉ đơn thuần là huy động vốn”.**

**Từ khóa:** Bà Rịa - Vũng Tàu, quản trị công, khoản thu đặc thù, địa phương đáng sống

**168. Phát triển cà phê đặc sản : tập trung thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu chất lượng/** [Thanh Liêm](https://sti.vista.gov.vn/Pages/danh-sach-tai-lieu-khcn-moi-nhat.aspx?datasearch=%5b%7b%22FieldSearch%22:%22TacGiaCaNhanNew%22,%22Keyword%22:%22Thanh%20Li%C3%AAm%22,%22Operator%22:%22AND%22%7d%5d&Type_CSDL=TAILIEUKHCN)// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 32-33.

**Nội dung**: Phát triển cà phê đặc sản phải gắn với cà phê chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường về chất lượng. Ở thị trường Việt Nam hiện nay, bình quân tiêu thụ 2 kg cà phê/người/năm. Do đó, phát triển cà phê đặc sản phải xác định được thị trường và coi trọng thị trường tiêu thụ nội địa. Phát triển theo chuỗi, tập trung áp dụng quy trình và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cà phê đặc sản của thế giới trong phát triển cà phê đặc sản cả xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

**Từ khóa:** Phát triển, Cà phê đặc sản, Thị trường nội địa, Nhu cầu, Chất lượng

**169. Phát triển công nghiệp trong tiến trình đổi mới và hội nhập của đất nước**/ Hoàng Thị Thuý, Nguyễn Thị Thu Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Nhìn lại quá trình phát triển công nghiệp của Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập thời gian qua cho thấy, ngành này đã đạt được những kết quả tương đối toàn diện, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, tạo dựng vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

**Từ khoá**: Ngành công nghiệp, chuỗi giá trị toàn cầu, xuất khẩu

**170. Phát triển dịch vụ Logistics tại Tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2020-2030**/ Ngô Xuân Viễn// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.124 - 128.

**Nội dung:** Quá trình hội nhập quốc tế mang lại cho Việt Nam nói chung, trong đó có Bình Thuận nói riêng nhiều cơ hội và cả những thách thức lớn trong phát triển dịch vụ Logistics nói riêng, phát triển kinh tế nói chung. Vấn đề đặt ra là làm sao để Bình Thuận phát huy được những lợi thế, tranh thủ được những điều kiện thuận lợi vào phát triển các loại dịch vụ logistics, trở thành trung tâm logistics của cả nước. Bài viết nêu lên những thuận lợi cũng như khó khăn trong quá trình phát triển hoạt động logistics tại Bình Thuận, từ đó đề xuất giải pháp để phát triển ngành du lịch này, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2020-2030.

**Từ khoá:** kinh tế, dịch vụ logistics, phát triển kinh tế.

**171. Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Argribank Bắc Quảng Bình**/ Trương Thị Thúy Nga, Phan Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 151-154.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Argribank Bắc Quảng Bình trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Dịch vụ ngân hàng điện tử, Bắc Quảng Bình, Argribank

**172. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội**/ Nguyễn Đình Luận// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Trong những năm qua, hệ thống các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ở VN đã phát triển mạnh mẽ. quá trình ấy, bên cạnh những đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, các doanh nghiệp cũng bộc lộ nhiều yếu kém bất cập. Bài viết này tác giả khái quát một số vấn đề đặt ra trong phát triển hệ thống doanh nghiệp VN trong những năm qua và những vấn đề cần giải quyết để phát triển có hiệu quả và bền vững các doanh nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý kinh tế.

**173. Phát triển hoạt động logistics ngược tại các doanh nghiệp thương mại điện tử Việt Nam**/ Trần Việt Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:**Trình bày vai trò, thực trạng và một số giải pháp phát triển hoạt động logistics ngược tại các doanh nghiệp thương mại điện tử Việt Nam.

**Từ khóa: L**ogistics ngược, phát triển hoạt động logistics ngược, doanh nghiệp thương mại điện tử, Việt Nam

**174. Phát triển hợp tác xã ở khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa : kết nối thị trường tiêu thụ nông sản đại phương**/ Ngô Chí Thành// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 212 .- Tr. 54-58.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng phát triển hợp tác xã ở khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phát triển hợp tác xã theo hướng phát huy vai trò kết nối thị trường, hỗ trợ tiêu thụ nông sản địa phương ở khu vực các huyện miền núi của tỉnh.

**Từ khoá:** Hợp tác xã, thương mại, nông sản địa phương, khu vực miền núi, Thanh Hóa

**175. Phát triển ngành dịch vụ logistics dưới tác động của đại dịch Covid-19**/ Vũ Đại Đồng// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 43-45.

**Nội dung:** Đề cập đế tác động của đại dịch Covid-19 đến dịch vụ ngành logistics VN; động lực tăng trưởng ngành logistics trong thời gian tới; đề xuất, kiến nghị.

**Từ khoá:** Ngành dịch vụ logistics, kim ngạch xuất khẩu, thương mại điện tử, dịch vụ kho bãi

**176. Phát triển nguồn nhân lực logistics đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế tại Tp. Hải Phòng/** TS. Mai Khắc Thành// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 174-177.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả để đưa ra bức tranh tổng thể và khái quát nhất về nhân lực trong lĩnh vực logistics tại Hải Phòng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khóa**: Logistics, nguồn nhân lực, hội nhập quốc tế

**177. Phát triển nguồn nhân lực TP. Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội**/ Thái Thị Hồng Nga, Nguyễn Hiếu Hòa// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 60-66.

**Nội dung:** Nguồn nhân lực luôn đóng vai trò là một trong những giải pháp đột phá trong quá trình phát triển của bất kỳ một quốc gia nào. Nhật Bản là một ví dụ điển hình, sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945) đất nước bị tàn phá nghiêm trọng, Nhật Bản đã có chiến lược đúng đắn phát triển đất nước trong đó phải kể đến chíến lược phát triển nguồn nhân lực và chỉ sau 30 năm Nhật Bản đã tạo ra được sự phát triển thần kỳ về kinh tế trong đó phải kể đến vai trò đóng góp rất to lớn của ngưồn nhân lực đặc biệt nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng. Nhìn họ và xem lại mình, bài viết này tác giả trình bày thực trạng và đề xuất khuyến nghị nhằm pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực, TP.HCM

**178. Phát triển thị trường bất động sản trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Phan Thị Thanh Trường, Đoàn Phan Thái// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 64-66.

**Nội dung:** Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế-xã hội của nhiều nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, trong đó có lĩnh vực bất động sản. Thị trường còn nhiều khó khăn, khiến không ít khách hàng và nhà đầu tư tỏ ra thận trọng trong các quyết định mua bán và đầu tư. Trước những tác động của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế và thị trường bất động sản, Chính phủ đã đưa ra những giải pháp phù hợp để hỗ trợ thị trường bất động sản nhanh chóng phục hồi. Nhờ đó, lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản cả nước nói chung vẫn chuyển biến tích cực, tạo động lực tăng trưởng cho thị trường bất động sản thời gian tới.

**Từ khoá:** Thị trường bất động sản, bất động sản thời Covid-19

**179. Phẩm chất, năng lực cần có đối với người lãnh đạo giáo dục trong nhà trường ở Việt Nam hiện nay**/ Lê Văn Gấm, Hồ Đức Hiệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.101 - 103.

**Nội dung:** Theo quan điểm của Chủ Tịch Hồ Chí Minh về nhà trường ở Việt Nam: "" Sự học tập trong nhà trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai thanh niên và tương lai của thanh niên là tương lai của đất nước mình. Vì vậy, cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước thương nòi ... phải dạy cho họ có chí tự lập tự cường quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ "". Do đó, phẩm chất, năng lực cần có đối với người lãnh đạo cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện nay là luôn biết hoàn thiện bản thân mình, luôn trao dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thường xuyên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

**Từ khoá:** Người lãnh đạo, năng lực lãnh đạo.

**180. Phân tích ảnh hưởng của nhận thức về trách nhiệm xã hội đến ý định mua của người tiêu dùng tại một số siêu thị tại Hà Nội**/ Nguyễn Thị Liên Hương, Lê Huyền Trang// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 77-87.

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ ra rằng các biến số trong 4 khía cạnh trách nhiệm xã hội của Carrol có mức ảnh hưởng khác nhau tới ý định mua của người tiêu dùng Việt Nam

**Từ khoá**: nhận thức về trách nhiệm xã hội, ý định mua, siêu thị Hà Nội, thị hiếu tiêu dùng

**181. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Bình Dương**/ Trần Văn Đạt, Nguyễn Hồng Thu// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 147-149.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sẽ tiến hành phân tích tình hình dòng vốn FDI vào Bình Dương thời gian qua và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường thu hút dòng vốn này trong tương lai.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, phát triển kinh tế, kinh tế trọng điểm

**182. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco Tiền Giang**/ Nguyễn Thanh Bình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.66 - 68.

**Nội dung:** Nghiên cứu tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco Tiền Giang. Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để xem xét mức độ tác động của các yếu tố rút ra được từ phân tích nhân tố khám phá động lực làm việc của nhân viên. Số liệu được sử dụng để phân tích qua phỏng vấn 300 nhân viên tại Công ty. Kết quả cho thấy có 06 yếu tố có tác động đến động lực làm việc của nhân viên, gồm: Lãnh đạo; Đào tạo và thăng tiến; Công việc thú vị; Đồng nghiệp; Thu nhập và phúc lợi; Khen thưởng và công nhận. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý quản trị tập trung 06 yếu tố đã nêu để có thể nâng cao động lực làm việc tại Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco Tiền Giang.

**Từ khoá:** Động lực làm việc, Công ty Dược phẩm, nhân viên.

**183.** [**Phân tích đánh giá phương pháp dạy xác suất ở các trường đại học/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/14.pdf)**Trương nhã Bình// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 103-106.**

**Nội dung: Xác suất thống kê là môn học có rất nhiều ứng dụng đến đời sống cũng như các khối ngành khác. Tuy nhiên làm sao để người học có thể thấy được cái hay, cái thực tiễn của môn học mang lại, vai trò của người dạy thật sự rất quan trọng. Cụ thể như kỹ năng, phương pháp, kiến thức và sự nhiệt huyết của người dạy tác động đáng kể đến kết quả học tập của người học. Vì vậy bài báo tập trung vào việc phân tích các ưu khuyết của các phương pháp đang giảng dạy xác suất thống kê ở các trường đại học hiện nay. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dạy được tốt hơn. Mục tiêu hướng đến của bài viết là tìm giải pháp để nâng cao chất lượng dạy và học của giảng viên, sinh viên UEF đối với môn học Xác suất thống kê.**

**Từ khóa:** Môn Xác suất thống kê, phương pháp dạy xác suất thống kê hiệu quả, chiến thuật học toán hiệu quả

**184. Phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt tại các công ty thép tại Việt Nam**/ Đinh Thị Thu Hiền// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.78 - 80.

**Nội dung:** Hiệu quả của từng hoạt động của doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc tối đa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đề ra, các doanh nghiệp thường xuyên theo dõi, quản lý các hoạt động sản xuất, lưu thông đến tiêu thụ ... Bên cạnh việc quan sát, theo dõi trên các báo cáo nội bộ, doanh nghiệp có thể sử dụng công cụ phân tích hiệu quả tài chính để đánh giá, đưa ra các góp ý hoàn thiện. Nội dung phân tích hiệu quả thường được doanh nghiệp chú trọng như: Phân tích quá trình sản xuất, phân tích hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh doanh ... Mỗi nội dung góp phần quan trọng vào định hướng và phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Bài viết phân tích hiệu quả kinh doanh cá biệt tại các công ty thép tại Việt Nam nhằm đánh giá thực trạng và đưa ra các giải pháp đề xuất hữu ích.

**Từ khoá:** Hiệu quả kinh doanh, công ty thép, phân tích, kinh doanh.

**185. Phân tích mối quan hệ giữa thương mại quốc tế và bảo vệ môi trường thông qua phân tích lý thuyết trò chơi**/ Võ Thùy Dung, Trần Mạnh Dũng// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 40-48.

**Nội dung:** Phân tích mối quan hệ giữa thương mại quốc tế và bảo vệ môi trường để làm rõ hơn hướng nghiên cứu mới về phối hợp phát triển của cả hai đối tượng nghiên cứu, đồng thời nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích sâu hơn những trở ngại của việc phát triển đồng bộ giữa thương mại quốc tế và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó sử dụng lý thuyết trò chơi để tiến hành phân tích mô hình giữa thương mại quốc tế và bảo vệ môi trường. Kết quả phân tích cho thấy lý thuyết trò chơi khiến hai đối tượng gồm thương mại quốc tế và bảo vệ môi trường rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, nhưng sự hợp tác hai bên có thể sẽ phá vỡ tình trạng tiến thoái lưỡng nan này. Ngoài ra, thông qua phân tích lý thuyết trò chơi giúp giải quyết được vấn đề bảo vệ môi trường và đạt được sự phát triển đồng bộ của tự do hóa thương mại quốc tế.

**Từ khoá**: Thương mại quốc tế, bảo vệ môi trường, lý thuyết trò chơi

**186. Phân tích tác động của các cơ chế bảo mật đối với thông lượng mạng WLAN**/ Huỳnh Đệ Thủ// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 38-42.

**Nội dung:** Mạng cục bộ không dây (WLAN) là một trong những công nghệ phát triển nhanh nhất trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông. Sự gia tăng lớn trong việc sử dụng công nghệ này đã mang đến cơ hội lớn cho tin tặc và kẻ lạm dụng. Những kẻ tấn công (hacker) ngày càng tinh vi hơn, dễ có được quyền truy cập vào dữ liệu nhạy cảm, đặc biệt là trong các mạng không dây. Để ngăn chặn sự truy cập trái phép này, vấn đề bảo mật cần phải được quan tâm thỏa đáng. Bên cạnh đó, mạng WLAN không chỉ cung cấp khả năng bảo mật tốt, mà hiệu suất cũng phải đảm bảo nhằm đáp ứng sự hài lòng của người dùng. Tuy nhiên, các cơ chế bảo mật thường gây cản trở hiệu suất mạng. Trong bài báo này, chúng tôi sẽ phân tích tác động của các cơ chế bảo mật đến hiệu suất thông lượng của mạng WLAN. Cụ thể, chúng tôi đã thiết lập một mạng WLAN và thực hiện các phép đo, phân tích trong khi thay đổi các phương thức bảo mật, từ đó đề xuất giải pháp tối ưu cho vấn đề bảo mật mạng WLAN.

**Từ khoá:** Bảo mật mạng, WLAN, WEP, WPA2

**187. Phân tích tác động của các nhân tố đến hiệu quả phân bổ của các doanh nghiệp ngành chế tác của Việt Nam**/ Vũ Thị Huyền Trang// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 67-75.

**Nội dung:** Hiệu quả phân bổ nguồn lực là rất quan trọng để giải thích cho năng suất gộp của mỗi quốc gia, mỗi ngành hay mỗi địa phương. Nghiên cứu này ước lượng hiệu quả phân bổ cấp tỉnh cho ngành chế biến, chế tạo của Việt Nam trong giai đoạn 2000-2018 theo phương pháp phân rã năng suất của Olley & Pakes (1996). Trong đó, TFP gộp được suy ra từ TFP cấp độ doanh nghiệp và ước lượng bằng phương pháp moment tổng quát của Wooldridge (2009). Đồng thời, nghiên cứu đã sử dụng hồi quy dữ liệu bảng và phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) để đánh giá tác động của các nhân tố đến hiệu quả phân bổ. Kết quả cho thấy các tỉnh có hiệu quả phân bổ cao nhất là Bà Rịa – Vũng Tàu, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hà Nội. Các nhân tố tác động mạnh đến hiệu quả phân bổ là mức độ tích tụ, sự đầu tư cho giáo dục của địa phương; tính minh bạch và tiếp cận thông tin, chính sách đào tạo lao động của địa phương và một số đặc điểm ngành của các doanh nghiệp ngành chế biến chế tạo.

**Từ khoá:** Mô hình dữ liệu mảng, hiệu quả phân bổ, phương pháp FGLS

**188. Quan niệm và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nguồn nhân lực khoa học công nghệ**/ Lưu Minh Trung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.96 - 97.

**Nội dung:** Theo UNESCO, nguồn nhân lực KH&CN là toàn bộ những người trực tiếp liên quan tới sự ra đời, hoạt động, phát triển, truyền bá và ứng dụng tri thức KH&CN trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học y dược và khoa học nông nghiệp. Theo định nghĩa này, nguồn nhân lực KH&CN không bao gồm những người hoạt động văn hoá nghệ thuật, những nhà hoạt động chính trị, tôn giáo ... Tuy rằng họ có thể được đào tạo qua các trường học chuyên nghiệp cao, các giáo viên phổ thông.

**Từ khoá:** Nguồn nhân lực - khoa học, tri thức KH&CN.

**189. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp quân đội: thực trạng và giải pháp** / Hoàng Lê Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.100 - 102.

**Nội dung:** Thực hiện chủ trương, đinh hướng và công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của cấp trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của cá doanh nghiệp quân đội hiện nay về cơ bản vẫn ổn định, đóng góp lớn cho ngân sách cũng như tiềm lực Quốc phòng; Quốc phòng an ninh tại các địa bàn trọng điểm nơi doanh nghiệp đứng chân được giữ vững; các sản phẩm trang thiết bị quân sự do doanh nghiệp sản xuất, nghiên cứu, chế tạo đáp ứng yêu cầu sử dụng. Tình hình tài chính của các doanh nghiệp từng bước được cải thiện, đi vào nề nếp, tuân thủ theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn bộc lộ các hạn chế như một số doanh nghiệp có xu hướng giảm doanh thu, lợi nhuận, tình trạng doanh nghiệp chậm nộp NSNN, trả chậm lương cho người lao động vẫn còn diễn ra ... Do đó, bài viết nghiên cứu phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc Phòng, từ đó đề xuất/ khuyến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh trực thuộc Bộ Quốc Phòng thời gian tới.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh.

**190. Quản lý hoạt động thương mại điện tử bằng công cụ thuế: kinh nghiệp quốc tế và tham khảo cho Việt Nam**/ Bùi Thị Thuỳ Nhi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573 .- Tr.104 - 106.

**Nội dung:** Ngày nay, các giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới và các giao dịch thương mại điện tử được thực hiện trên mạng xã hội phát triển ngày càng nhiều. Nhiều dịch vụ được cung ứng trong môi trường ảo nên việc nhận diện đúng bản chất giao dịch và sự tồn tại các giao dịch là vấn đề khó khăn trên thực tế hiện nay. Tình trạng các chủ thể có thực hiện giao dịch mua, bán hàng hoá, dịch vụ trong môi trường ảo nhưng không khai báo cho cơ quan quản lý nhà nước tồn tại khá phổ biến, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh online trên mạng xã hội. Thực trạng này dẫn đến các vấn đề trốn thuế, không thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế trong các giao dịch thương mại điện tử tồn tại ngày càng phổ biến gây thất thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời tạo sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các chủ thể trong nền kinh tế.

**Từ khoá:** Thương mại điện tử, kinh doanh online, công cụ thuế

**191. Quản lý, giáo dục văn hoá học đường sinh viên trong bối cảnh hiện nay**/ Trần Anh Tuấn, Trần Thị Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.37 - 38.

**Nội dung:** Văn hoá học đường (VHHĐ) là một môi trường hoạt động đặc biệt của con người, mang tính xã hội và lịch sử. Tuỳ theo triết lý giáo dục của từng thời đại hoặc của trừng quốc gia mà người ta có thể xây dựng những cấu trúc khác nhau của VHHĐ. Đó còn là hệ thống những giá trị, những chuẩn mực vật chất và tinh thần được tích luỹ qua quá trình phát triển của trường. Những giá trị, chuẩn mực đó tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ, hành vi của các thành viên nhằm tạo nên môi trường chuẩn mực, phù hợp với mục đích giáo dục và tạo nên bản sắc riêng cho mỗi tổ chức sư phạm.

**Từ khoá:** Văn hoá học đường, quản lý giáo dục.

**192. Quản lý chi ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản ở Quân chủng Phòng không - Không quân : thực trạng và một số khuyến nghị**/ Thái Doãn Hạnh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 23-28.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng chi NSNN cho đầu tư xây dựng cơ bản ở Quân chủng Phòng không - Không quân hiện nay, cùng một số thành tựu, hạn chế từ đó rút ra một số giải pháp, khuyến nghị nhằm quản lý chi đầu tư XDCB ở QCPKKQ một cách hợp lý nhất.

**Từ khoá:** Ngân sách nhà nước, quản lý chi ngân sách, chi tiêu công, đầu tư xây dựng cơ bản, ngân sách quốc phòng

**193. Quản lý điều hành chính sách tiền tệ và kết quả đạt được trong quý 1/2021**/ Thái Thị Thu Trang, Hoàng Mỹ Bình// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 50-52.

**Nội dung:** Tập trung nghiên cứu về kết quả nổi bật đạt được trong quý 1/2021 và định hướng điều hành chính sách tiền tệ , cũng như hoạt động ngân hàng trong những tháng tiếp theo của Ngân hàng Nhà nước.

**Từ khoá:** Ngân sách nhà nước, chính sách tiền tệ, điều hành, định hướng

**194. Quản lý nhà nước về thu bảo hiểm xã hội đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Trần Nguyễn Tịnh Đoan// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 56-58.

**Nội dung:** Trình bày tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về thu bảo hiểm xã hội đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; quản lý nhà nước về thu bảo hiểm xã hội đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại VN theo tiêu chí phù hợp; một số đề xuất, kiến nghị.

**Từ khoá:** Quản lý nhà nước, thu bảo hiểm xã hội, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kiểm tra

**195. Quản lý rủi ro về thuế : kết quả và yêu cầu sửa đổi, bổ sung**/ Phạm Thị Mai Huyên// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Rủi ro về thuế là nguy cơ không tuân thủ chính sách pháp luật thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của người nộp thuế dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước trong quản lý thu thuế. Để hạn chế tình trạng này, trong những năm qua, Luật Quản lý thuế của Quốc hội, các nghị định của Chính phủ, các thông tư của Bộ Tài chính đã được ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động trên. Hiện nay, để phù hợp với tình hình thực tiễn gắn với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số ngày càng mạnh mẽ, Bộ Tài chính tiếp tục xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn về quản lý rủi ro trong quản lý thuế.

**Từ khoá**: Luật quản lý thuế 2019, quản lý rủi ro, quản lý thuế, đăng ký thuế

**196. Quản lý, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tại tỉnh Hà Tĩnh**/ Lê Thị Thu Hoài// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 145-147.

**Nội dung:** Nghiên cứu tình hình quản lý, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tại tỉnh Hà Tĩnh những năm qua, từ đó gợi ý một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tại tỉnh Hà Tĩnh.

**Từ khoá:** Bảo hiểm xã hội tự nguyện, quản lý bảo hiểm xã hội

**197. Quản lý tài chính công đoàn tại Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**/ Nguyễn Hồng Chỉnh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Tập trung phân tích thực trạng thu, chi tài chính công đoàn trong giai đoạn vừa qua để đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công đoàn.

**Từ khóa:** Quản lý tài chính công đoàn

**198. Quản lý tài chính tại bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai**/ Phạm Khắc Dũng, Nguyễn Thị Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 76 – 78.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng quản lý tài chính tại bệnh viện Đa khoa và một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai.

**Từ khóa:** Quản lý tài chính, bệnh viện Đa khoa, Lào Cai

**199. Quản lý tài chính tại bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai**/ Phạm Khắc Dũng, Nguyễn Thị Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 76 – 78.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng quản lý tài chính tại bệnh viện Đa khoa và một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai.

**Từ khóa:** Quản lý tài chính, bệnh viện Đa khoa, Lào Cai

**200. Quản trị rủi ro tín dụng theo hiệp ước Basel - nghiên cứu trường hợp các ngân hàng thương mại nhà nước tại Việt Nam**/ Nguyễn Kim Quốc Trung// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 212 .- Tr. 79-82.

**Nội dung:** Nghiên cứu hướng đến xác định các nhân tố ảnh hướng đến quản trị rủi ro theo hiệp ước Basel II tại các ngân hàng thương mại nhà nước VN. Bằng việc kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng, tác giả đã xác định được năm nhân tố có ảnh hưởng đến quản trị RRTD theo Hiệp ước Basel II bao gồm: chính sách tín dụng, quy trình tín dụng, cán bộ tín dụng, kiểm soát nội bộ, hệ thống xếp hạng tín dụng.

**Từ khoá:** Quản trị rủi ro tín dụng, Ngân hàng thương mại Nhà nước, Basel II

**201. Quản trị rủi ro tín dụng và tính ổn định của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Quốc Anh, Tăng Mỹ Sang// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 28-35.

**Nội dung**: Quản trị rủi ro tín dụng (RRTD) là một trong những biện pháp giúp các ngân hàng không bị mất nguồn vốn. Nếu công tác này được thực hiện tốt, không những giúp các ngân hàng đạt hiệu quả cao trong kinh doanh mà còn giúp hệ thống ngân hàng hoạt động bền vững. Thông qua nguồn dữ liệu thứ cấp thu được từ các ngân hàng thương mại (NHTM) VN trong giai đoạn từ năm 2005 đến 2019, bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp Pooled OLS, FEM, REM và GMM để xử lý dữ liệu bảng. Kết quả thu được cho thấy dự phòng RRTD, dự phòng RRTD và tính ổn định của kỳ trước có tác động cùng chiều đến ổn định NH trong đó nợ xấu và dự phòng RRTD và có tác động rất mạnh. Nợ xấu và thu nhập ngoài lãi có tác động ngược chiều và rất mạnh đến ổn định NH. Từ các kết quả nghiên cứu trên đây, các giải pháp liên quan đến quản trị RRTD, quản trị nguồn vốn và tăng các khoản thu ngoài lãi được đề xuất nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, cải thiện tính ổn định NH.

**Từ khoá:** Quản trị RRTD, Basel II, tính ổn định, NHTM Việt Nam, hoạt động ngân hàng

**202. Quản trị tri thức trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**/ Hoàng Trung Đức, Phan Thị Xuân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 212 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Trình bày quản trị nhân lực và chức năng của quản trị nhân lực; quản trị tri thức trong thời đại 4.0; vai trò cuae quản trị tri thức đối với thu hút nhân lực; một số giải pháp quản trị nhân lực gắng với quản trị tri thức.

**Từ khoá:** Quản trị tri thức, cách mạng công nghiệp 4.0

**203. Rào cản đối với việc áp dụng quản trị chi phí liên tổ chức trong các doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Trọng Nghĩa// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 85-87.

**Nội dung:** Xác định các rào cản trong áp dụng quản trị chi phí liên tổ chức là rất cần thiết, từ đó tìm ra những giải pháp phù hợp thúc đẩy việc áp dụng quản trị chi phí liên tổ chức, giúp các doanh nghiệp cung cấp được nhiều thông tin đầy đủ.

**Từ khoá:** Quản trị chi phí, liên tổ chức, chuỗi cung ứng, rào cản, quản trị chi phí liên tổ chức

**204. Rủi ro tài chính và quản trị rủi ro tài chính trong doanh nghiệp**/ Vũ Thị Hằng Nga// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 212 .- Tr. 59-63.

**Nội dung:** Phương pháp quản trị rủi ro hợp lý sẽ giúp cho daonh nghiệp giảm thiểu thiệt hại về tài chính, tối ưu hóa lợi nhuận, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của DN diễn ra thuận lợi, tránh được những tổn hại đến thương hiệu của DN. Bài viết này nghiên cứu quản trị rủi ro và giải pháp quản trị rủi ro trong DN.

**Từ khoá:** Rủi ro tài chính, quản trị rủi ro tài chính

**205. So sánh hiệu quả sản xuất của đội tàu khai thác cá ngừ đại dương tại Khánh Hoà/** Nguyễn Trọng Lương, Vũ Kế Nghiệp, Phạm Thị Thanh Thuỷ// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 121-130.

**Nội dung:** Bài báo trình bày kết quả phân tích hiệu quả sản xuất của đội tàu khai thác cá ngừ đại dương tỉnh Khánh Hoà. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra và ghi chép nhật ký đánh bắt của 73 tàu câu trong năm 2018 (64 tàu cá do ngư dân tự đóng và 9 tàu được Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định 67). Nghiên cứu sử dụng kiểm định giá trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập để phân tích sự khác biệt có ý nghĩa thống kê của sản lượng và năng suất khai thác giữa nhóm tàu được hỗ trợ của Nhà nước theo Nghị định 67 và nhóm tàu không được hỗ trợ. Kết quả cho thấy, sản lượng khai thác và lợi nhuận của hoạt động khai thác có sự khác nhau nhưng không có ý nghĩa thống kê; trong khi sản lượng/chuyến biển và năng suất đánh bắt của nhóm tàu được hỗ trợ cao hơn nhóm tàu còn lại.

**Từ khoá:** Cá ngừ đại dương, Hiệu quả sản xuất, Khánh Hoà, Sản lượng khai thác

**206. Sự hài lòng bệnh nhân người cao tuổi với dịch vụ y tế ở Việt Nam**/ Nguyễn Hương Giang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.19 - 21.

**Nội dung:** Ở Việt Nam, dân số già (được gọi là người trên 60 tuổi trở lên) tăng mạnh do mức sinh và mức chết giảm, tuổi thọ được cải thiện. UNFPA (2011) cho biết tổng dân số Việt Nam tăng 1,6 lần; dân số trẻ giảm 50% nhưng dân số già tăng 2,12 lần từ năm 1979 đến năm 2009. Việt Nam bước vào giai đoạn già hoá (khi dân số già làm chiếm 10% tổng dân số) từ năm 2017. Do đó, Việt Nam phải đối mặt với câu hỏi làm thế nào để chăm sóc cho những người dân đã già đi cũng như tầm quan trọng của việc phát triển an ninh y tế đối với Việt Nam nói chung.

**Từ khoá:** Bệnh nhân, dân số, người cao tuổi, dịch vụ y tế.

**207. Sử dụng mô hình trọng lực đánh giá hoạt động xuất khẩu giữa ASEAN và Trung Quốc trong khuôn khổ ACFTA**/ Bùi Tiến Thịnh, Trần Văn Hùng// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 96-102.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng mô hình trọng lực thương mại để đánh giá tác động của ACFTA đến giá trị xuất khẩu của các thành viên ASEAN và Trung Quốc trong khuôn khổ ACFTA trong khoảng thời gian từ 2001 – 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy ACFTA mang đến hiệu ứng tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại tích cực lên thương mại hàng hóa xuất khẩu của các quốc gia thành viên. Cụ thể Các biến có tác động tích cực đến xuất khẩu của ASEAN và Trung Quốc là: GDP của nước xuất khẩu, GDP nước nhập khẩu, chung đường biên giới, chung ngôn ngữ, biến giả ACFTA. Các biến có tác động âm đến xuất khẩu của ASEAN và Trung Quốc là: Dân số của nước xuất khẩu, dân số nước nhập khẩu, khoảng cách hai quốc gia.

**Từ khoá:** ACFTA, Mô hình trọng lực, xuất khẩu

**208. Sự khác biệt giữa các nhóm người tiêu dùng Việt Nam về hành vi tiêu dùng bền vững**/ Hồ Huy Tựu// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 76-85.

**Nội dung:** Nghiên cứu này khám phá sự khác biệt về các hành vi tiêu dùng bền vững (tiêu dùng tiết kiệm, hành vi tốt cho sức khỏe và tuân thủ quy định môi trường) giữa các nhóm người tiêu dùng Việt Nam theo các đặc điểm nhân khẩu. Bên cạnh thu nhập, giới tính, tình trạng hôn nhân, học vấn được nhiều nghiên cứu quan tâm, nghiên cứu này bao gồm thêm các đặc điểm nghề nghiệp, cấu trúc gia đình, tôn giáo và nơi cư trú. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt đáng kể về các hành vi tiêu dùng bền vững giữa các nhóm. Từ đó, các hàm ý chính sách được đề nghị phù hợp với từng đặc điểm nhân khẩu của các nhóm người tiêu dùng khác nhau.

**Từ khoá:** Các nhóm người tiêu dùng, đặc điểm nhân khẩu, hành vi tiêu dùng bền vững

**209. Sự phát triển của thị trường phái sinh hàng hóa thế giới và tiềm năng phát triển của thị trường phái sinh hàng hóa tại Việt Nam**/ Trần Thị Phương Liên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 212 .- Tr. 93-96.

**Nội dung:** Cung cấp một cái nhìn tổng quan về sự phát triển của thị trường phái sinh hàng hóa ở khối các nước đang phát triển. Từ đó nhận định về tiềm năng phát triển và hàm ý chính sách cho thị trường phái sinh hàng hóa tại Việt nam.

**Từ khoá**: Thị trường phái sinh, công cụ phái sinh, hàng hóa

**210. Sự sẵn sàng tham gia và hành vi đồng sáng tạo của khách hàng: một nghiên cứu trong du lịch trực tuyến tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Trần Thị Tuyết Trinh, Nguyễn Mạnh Tuân// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 107-116.

**Nội dung**: Sự sẵn sàng tham gia vào quá trình đồng sáng tạo của khách hàng là một chủ đề quan trọng trong nghiên cứu dịch vụ. Từ bối cảnh của lĩnh vực du lịch trực tuyến, nghiên cứu này đề xuất một mô hình cấu trúc giữa sự sẵn sàng tham gia, hành vi đồng sáng tạo với tiền tố là hỗ trợ xã hội, và các hậu tố là trải nghiệm đồng sáng tạo, chất lượng cuộc sống và ý định tiếp tục mua của khách hàng. Phân tích cấu trúc tuyến tính trên 297 mẫu là khách hàng cá nhân của 8 công ty du lịch hoạt động tại Tp.HCM đã ủng hộ 11 trên tổng số 15 giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy, chỉ có thành phần hỗ trợ thông tin ảnh hưởng lên sự sẵn sàng tham gia; và hành vi đồng sáng tạo tác động đáng kể lên trải nghiệm đồng sáng tạo và chất lượng cuộc sống của du khách và chỉ có hai yếu tố sau góp phần giải thích đến 60% biến thiên của ý định tiếp tục mua gói du lịch của du khách.

**Từ khoá**: Chất lượng cuộc sống; du lịch trực tuyến; đồng sáng tạo; hỗ trợ xã hội; ý định mua lại

**211. Sự sáng tạo của người lao động: Vai trò của kỹ năng sáng tạo, động lực nội tại và môi trường tự chủ**/ Bùi Thị Thanh, Lê Công Thuận// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 283 .- Tr. 70-78.

**Nội dung**: Dựa vào mô hình khả năng – động lực – cơ hội và lý thuyết các thành phần của sự sáng tạo, nghiên cứu đề xuất rằng sự sáng tạo của lãnh đạo ảnh hưởng gián tiếp dương đến sự sáng tạo của cấp dưới thông qua kỹ năng sáng tạo của cấp dưới và động lực nội tại của họ. Hơn nữa, nghiên cứu khám phá vai trò điều tiết của môi trường tự chủ lên sự tác động của kỹ năng sáng tạo của cấp dưới và động lực nội tại của cấp dưới đến sự sáng tạo của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng sáng tạo của cấp dưới và động lực nội tại của cấp dưới là trung gian toàn phần liên kết mối quan hệ cùng chiều giữa sự sáng tạo của lãnh đạo và sự sáng tạo của cấp dưới. Thêm vào đó, môi trường tự chủ gia tăng tác động dương của kỹ năng sáng tạo của cấp dưới và động lực nội tại của cấp dưới lên sự sáng tạo của họ.

**Từ khoá**: Môi trường tự chủ, sự sáng tạo của cấp dưới, kỹ năng sáng tạo của cấp dưới, động lực nội tại của cấp dưới, sự sáng tạo của lãnh đạo

**212. Tác động của bãi bỏ trần lãi suất ngân hàng đến quyết định sử dụng tín dụng của doanh nghiệp**/ Vũ Trọng Hiển, Mai Đức Toàn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 87-89.

**Nội dung:** Trên cơ sở tiếp cận giả thí nghiệm thông qua các phương pháp: khác biệt trong khác biệt, phương pháp điểm xu hướng và phương pháp cận gần nhất, bài viết xem xét tác động của việc bãi bỏ trần lãi suất ngân hàng đến quyết định sử dụng tín dụng thương mại của các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc bãi bỏ trần lãi suất ngân hàng tác động khá lớn đến quyết định sử dụng tín dụng thương mại của các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhất là đối với các doanh nghiệp có chất lượng thấp.

**Từ khoá:** Bãi bỏ trần lãi suất ngân hàng, tín dụng ngân hàng, tín dụng thương mại, giả thí nghiệm, doanh nghiệp

**213. Tác động của bảo chứng thương hiệu dùng người nổi tiếng lên thái độ đối với thương hiệu và ý định mua sắm của khách hàng – một nghiên cứu trong ngành hàng tiêu dùng nhanh tại Tp. HCM**/ Phạm Xuân Kiên, Quách Nữ Phúc Vương// Khoa học & Công nghệ// .- 2020 .- số 46 .-Tr. 108-122.

**Nội dung**: Phân tích tác động bảo chứng thương hiệu của người nổi tiếng lên thái độ đối với thương hiệu và ý định mua hàng tiêu dùng nhanh của khách hàng tại TP. HCM. Kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu dựa trên bộ dữ liệu 311 mẫu cho thấy 7 yếu tố : sự đáng tin, tính chuyên môn, sự hấp dẫn, sự tương đồng, sự yêu thích, sự quen thuộc, sự yêu thích tác động tích cực lên thái độ của khách hàng đối với thương hiệu.

**Từ khóa**: Thương hiệu người nổi tiếng, hàng tiêu dùng, khách hàng.

**214. Tác động của các công cụ an toàn vĩ mô tín dụng đến rủi ro hệ thống tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Đỗ Thu Hằng, Phạm Thị Hoàng Anh// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 13-23.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu tác động của các công cụ an toàn vĩ mô tín dụng đến rủi ro hệ thống tại các ngân hàng thương mại niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn tháng 06 năm 2009 đến 2019. Nhóm tác giả sử dụng phương pháp SRISK để đo lường rủi ro hệ thống, đồng thời sử dụng phương pháp hồi quy bảng không cân bằng để đánh giá tác động của các công cụ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi sử dụng các công cụ riêng lẻ có thể không phát huy được hiệu lực nhưng khi kích hoạt đồng thời thì các công cụ này đã có tác động giảm thiểu rủi ro hệ thống tại các ngân hàng thương mại. Từ đó, các tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu lực của các công cụ vĩ mô này.

**Từ khoá:** Công cụ an toàn vĩ mô tín dụng, rủi ro hệ thống, SRISK, Việt Nam

**215. Tác động của chất lượng dịch vụ tới năng lực cạnh tranh của dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam**/ Lưu Thị Thùy Dương, Vũ Tuấn Dương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 2-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm đo lường mức độ tác động của các yếu tố chất lượng dịch vụ tới năng lực cạnh tranh dịch vụ ngân hàng bán lẻ của các ngân hàng thương mại theo quan điểm tiếp cận của khách hàng. Giả thuyết ban đầu là có 5 thành phần chất lượng dịch vụ tác động đến năng lực cạnh tranh của dịch vụ ngân hàng bán lẻ gồm: độ tin cậy, yếu tố hữu hình, sự đảm bảo, mức độ đáp ứng, sự đồng cảm. Số liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát 346 khách hàng cá nhân đã và đang sử dụng dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam. Các phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích khẳng định nhân tố (CFA) và mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả cho thấy các yếu tố có tác động mạnh nhất đến năng lực cạnh tranh của dịch vụ ngân hàng bán lẻ lần lượt là: mức độ tin cậy và bảo đảm, mức độ đáp ứng, và yếu tố hữu hình. Yếu tố đồng cảm không có tác động tích cực tới năng lực cạnh tranh của dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Từ những kết quả này, các thảo luận và một số hàm ý chính sách đã được đưa ra nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ ngân hàng bán lẻ của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ, dịch vụ ngân hàng bán lẻ

**216. Tác động của chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đến năng suất lao động nông nghiệp ở Việt Nam**/ Phùng Minh Đức// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 71-77.

**Nội dung:** Nhằm giảm thiểu các rủi ro đến từ sự thiếu hụt lương thực, Chính phủ đã triển khai các chính sách để bảo vệ quỹ đất dành cho trồng lúa. Những chính sách này có tác động rất lớn đến đời sống nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, bởi đã hạn chế quyền lựa chọn sản xuất của người nông dân. Bài viết nhằm đánh giá tác động của Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (RLPDP) đến năng suất lao động nông nghiệp Việt Nam, trong đó sử dụng số liệu điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình (VARHS), giai đoạn 2012-2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc chỉ định đất trồng lúa có tác động tiêu cực đến năng suất lao động của các hộ nông nghiệp. Do vậy, cần tính đến điều này trong thực thi Chính sách, cụ thể là cần tính toán lại diện tích đất nông nghiệp cần thiết để đảm bảo mục tiêu về an ninh lương thực, song cũng tạo cơ hội để người nông dân được chủ động trong sản xuất, qua đó cải thiện hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

**Từ khoá**: Nông nghiệp, năng suất lao động, Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, Việt Nam

**217. Tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến năng suất lao động tỉnh Hà Giang: Cách tiếp cận từ phương pháp chuyển dịch tỷ trọng**/ Đinh Hồng Linh, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Lan Anh// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 95-102.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm phân tích đặc điểm năng suất lao động và lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng trưởng năng suất lao động tỉnh Hà Giang trong giai đoạn 2015-2019. Sử dụng phương pháp phân tích chuyển dịch tỷ trọng, kết quả nghiên cứu cho thấy tăng trưởng năng suất lao động tỉnh Hà Giang là do hiệu ứng dịch chuyển tĩnh và tăng năng suất lao động nội ngành, khiến lao động dịch chuyển sang các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có năng suất lao động cao hơn. Trong khi đó, hiệu ứng dịch chuyển động có tác động ngược chiều, phản ánh sự thay đổi tỷ trọng lao động chưa tương xứng với mức gia tăng năng suất lao động của tỉnh. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số kiến nghị đã được đề xuất nhằm cải thiện chất lượng tăng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang.

**Từ khoá:** Tăng trưởng kinh tế, tỉnh Hà Giang, lao động, năng suất lao động, phân tích chuyển dịch tỷ trọng

**218. Tác động của công nghệ đến chuyển dịch cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến chế tạo Việt Nam**/ Vũ Thành Hưởng, Lê Phương Thảo// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 45-54.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm chỉ ra tác động của công nghệ đến chuyển dịch cơ cấu lao động ngành công nghiệp chế biến chế tạo Việt Nam giai đoạn 2012-2018. Bộ dữ liệu bảng được tích hợp từ bộ dữ liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm và bộ dữ liệu sử dụng công nghệ của doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê được sử dụng. Do tính động của chuyển dịch cơ cấu lao động hiện tại có thể bị ảnh hưởng bởi chuyển dịch cơ cấu lao động trong quá khứ, nghiên cứu đã chỉ định mô hình hồi quy với phương pháp ước lượng GMM để đánh giá tác động của yếu tố công nghệ đến chuyển dịch cơ cấu lao động. Chỉ số Lilien được sử dụng để đo lường chuyển dịch cơ cấu lao động. Kết quả cho thấy yếu tố công nghệ bao gồm giá trị mua công nghệ, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) có ảnh hưởng tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra việc mua công nghệ từ đâu sẽ có những tác động trái chiều tới quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động. Hơn nữa, nghiên cứu chỉ ra tác động của yếu tố công nghệ đến chuyển dịch ở các nhóm doanh nghiệp sử dụng công nghệ thấp hoặc công nghệ cao là khác nhau.

**Từ khoá**: Mua công nghệ, hoạt động R&D, chỉ số Lilien, chuyển dịch cơ cấu lao động

**219. Tác động của CPTPP đối với doanh nghiệp kinh doanh cà phê ở Tây Nguyên**/ Nguyễn Văn Đạt// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 79-84.

**Nội dung:** Hiệp định Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP) mở ra một sân chơi mới với quy mô thị trường chiếm khoảng 13,5% GDP toàn cầu và bao trùm thị trường gần 500 triệu dân. CPTPP chắc chắn sẽ mang lại cơ hội cho doanh nghiệp nào chủ động đáp ứng với những thay đổi về môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp cà phê ở Tây Nguyên vẫn chưa chủ động tìm hiểu thông tin, do đó thông tin về các thị trường tiềm năng còn mù mờ. Dự báo trong bối cảnh các điều kiện kinh tế căn bản được giữ nguyên, xuất khẩu của VN có thể sẽ tăng thêm 4,2%, mức tăng xuất khẩu sẽ là 6,9% vào năm 2030, xuất khẩu của VN sang các nước CPTPP sẽ tăng từ 54 tỷ̉ đô-la Mỹ lên 80 tỷ̉ đô-la Mỹ, chiếm 25% tổng lượng xuất khẩu. Đây chính là cơ hội tốt để các doanh nghiệp kinh doanh cà phê ở Tây Nguyên tham gia sâu hơn nữa vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, cà phê, Tây Nguyên, CPTPP

**220. Tác động của đại dịch Covid-19 đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty thuộc Tổng công ty Viglacera - CTCP**/ Phạm Duy Khánh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 43-46.

**Nội dung:** Đánh giá toàn diện về tác động của đại dịch Covid-19 đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty thuộc Tổng công ty Viglacera - CTCP và áp dụng giải pháp cần thiết để thích ứng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong bối cảnh mới.

**Từ khoá:** Hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty thuộc Tổng công ty Viglacera - CTCP

**221. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động Việt Nam: Đề xuất giải pháp tuyển dụng cho các doanh nghiệp hậu Covid/** Đặng Thanh Thủy// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 43-49.

**Nội dung:** Đại dịch Covid-19 đã gây ra sự sự xáo trộn kinh tế xã hội lớn đối với hầu hết các nước trên thế giới. Theo tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), các biện pháp phong tỏa một phần hoặc toàn diện đã ảnh hưởng tới 2,7 tỷ người lao động. Tại VN, khủng hoảng do đại dịch Covid-19 bắt đầu vào khoảng quý 1 năm 2020. Chính phủ đưa ra các biện pháp nhằm ngăn chặn và kiểm soát sự lây lan của Covid-19 đồng thời ảnh hưởng đến kinh tế xã hội cả nước mà đối tượng dễ bị tổn thương nhất chính là lực lượng lao động khi nguy cơ mất việc làm gia tăng. Nhưng bên cạnh đó, sự tác động của Covid-19 lại tạo ra những xu hướng việc làm mới nhằm thích ứng và đối phó khủng hoảng trong đại dịch. Dựa trên việc sử dụng phương pháp thống kê, thu thập dữ liệu thứ cấp, suy luận biện chứng để phân tích tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động VN, bài viết đưa ra thực trạng thị trường lao động VN, xác định xu hướng mới trong thị trường lao động. Từ đó, bài viết cũng đề xuất một số kiến nghị trong việc xây dựng chiến lược tuyển dụng hợp lý hậu Covid-19. Mục tiêu chính của bài viết nhằm góp phần bổ sung, hoàn thiện chính sách nhân sự cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp có cái nhìn tổng quát, rõ ràng về thị trường lao động và từ đó lựa chọn được những giải pháp tuyển dụng hơp lý nên được cân nhắc áp dụng trong giai đoạn phục hồi kinh tế.

**Từ khoá:** Đại dịch Covid-19, thị trường lao động

**222. Tác động của đại dịch covid-19 đến hoạt động xuất nhập khẩu tại tỉnh Hà Giang**/ Hoàng Cừ// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 112-114.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá hoạt động xuất nhập khẩu trong thời gian qua, từ đó kiến nghị một số giải pháp thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu trong bối cảnh dịch Covid-19.

**Từ khoá**: xuất nhập khẩu, ngân sách nhà nước, gian lận thương mại, hải quan

**223. Tác động của hệ thống thuế điện tử đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp Việt Nam**/ Đỗ Thị Hải Hà, Mạc Thị Hải Yến// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 55-65.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của hệ thống thuế điện tử đối với tuân thủ thuế của các doanh nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu dựa trên phương pháp định lượng và được tiến hành với mẫu gồm 435 doanh nghiệp. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy cho thấy hệ thống thuế điện tử có tác động tích cực với mức độ đáng kể tới tuân thủ thuế của các doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị để cải thiện hệ thống thuế điện tử nhằm củng cố và nâng cao tính tuân thủ thuế của doanh nghiệp nói riêng và người nộp thuế nói chung.

**Từ khoá:** Cơ quan thuế, doanh nghiệp, hệ thống thuế điện tử, thuế điện tử, tuân thủ thuế

**224. Tác động của hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đến chuyển dịch dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam**/ Hà Văn Sự, Nguyễn Thu Thủy// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 35-44.

**Nội dung:** Với những nỗ lực gia nhập một số Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó đặc biệt phải nói đến là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được kỳ vọng sẽ tạo ra làn sóng hội nhập mạnh mẽ đối với Việt Nam trong thời gian tới. Làn sóng này có thể tác động mạnh mẽ không chỉ đến hoạt động xuất, nhập khẩu mà cả đến khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Bài viết đã lựa chọn và sử dụng mô hình kinh tế lượng (Mô hình Knowlege – Capital mở rộng) để dự báo những tác động của Hiệp định CPTPP đến sự chuyển dịch của dòng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, qua đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả dòng vốn FDI ở Việt Nam thời gian tới.

**Từ khoá:** Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hiệp định thương mại tự do

**225. Tác động của hiệu quả quản lý môi trường đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp ở Việt Nam**/ Từ Thuý Anh, Chu Thị Mai Phương// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 22-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét tình trạng xả thải và xử lý chất thải của các doanh nghiệp ở Việt Nam thông qua sử dụng chỉ số tổng thể để đánh giá quản lý môi trường của doanh nghiệp: Chỉ số quản lý môi trường; đánh giá ảnh hưởng của hành động môi trường đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp ở Việt Nam

**Từ khoá**: hiệu quả quản lý môi trường, kết quả hoạt động, doanh nghiệp

**226. Tác động của một số yếu tố môi trường khởi nghiệp tới dự định khởi nghiệp**/ Nguyễn Thu Thủy// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 88-95.

**Nội dung:** Nghiên cứu này kiểm định tác động của một số nhân tố cảm nhận về môi trường khởi nghiệp tới dự định khởi nghiệp của sinh viên đại học chính quy tại Việt Nam. Mẫu nghiên cứu gồm 640 sinh viên ở 11 trường đại học gồm cả khối kỹ thuật và khối kinh tế - quản trị kinh doanh trên địa bàn Hà Nội. Kết quả khảo sát cho thấy các yếu tố môi trường gồm cảm nhận về rào cản trong môi trường khởi nghiệp, môi trường khuyến khích khởi nghiệp ở trường đại học và quan niệm xã hội về nghiệp chủ có ảnh hưởng đến dự định khởi nghiệp của sinh viên.

**Từ khoá:** Dự định khởi nghiệp, cảm nhận về rào cản trong môi trường khởi nghiệp, môi trường khuyến khích khởi nghiệp ở trường đại học, quan niệm xã hội về nghiệp chủ

**227. Tác động của nhân tố doanh thu và chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội**/ Nguyễn Thị Hường// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 39-43.

**Nội dung**: Trong kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại, có rất nhiều nhân tố tác động đến kết quả kinh doanh như lợi thế về địa điểm kinh doanh, lợi thế về môi trường kinh doanh, thương hiệu, uy tín của DN, trình độ chuyên môn của các nhà quản lý trong DN. Bài viết đi sâu nghiên cứu các nhân tố doanh thu và chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội.

**Từ khóa:** Nhân tố ảnh hưởng, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh

**228. Tác động của nợ công, tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế của các quốc gia thu nhập trung bình thấp**/ Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Văn Tình// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 115-117.

**Nội dung**: Bài viết tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm thông qua việc đánh giá tác động của nợ công, tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế của 22 quốc gia thu nhập trung bình thấp (giai đoạn 2001-2019), từ đó gợi ý về mặt chính sách trong dài hạn đối với các nước thu nhập trung bình thấp và củng cố thêm các lý thuyết trước đó.

**Từ khoá**: Nợ công, tham nhũng, tăng trưởng kinh tế, quốc gia, thu nhập trung bình thấp

**229. Tác động của thâm hụt ngân sách và cung tiền tới lạm phát tại một số nước châu Á**/ Hồ Thúy Trinh// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 55(65) .- Tr. 103-108.

**Nội dung**: Bài viết nhằm đánh giá sự tác động của các yếu tố thâm hụt ngân sách và cung tiền đến lạm phát tại một số các quốc gia châu Á. Bài viết đã sử dụng dữ liệu của một quốc gia châu Á, đó là: VN, Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Indonesia, Singapore, Hàn Quốc, Pakistan, Bangladesh, Cambodia, Ấn Độ giai đoạn 2004 – 2016. Bằng phương pháp ước lượng dành cho dữ liệu bảng, kết quả thực nghiệm cho thấy cung tiền tác động tiêu cực đến lạm phát, trong khi đó, biến thâm hụt ngân sách tác động không có ý nghĩa thống kê đến lạm phát.

**Từ khoá**: Thâm hụt ngân sách, cung tiền, lạm phát, các nước châu Á

**230. Tác động của tính thanh khoản cổ phiếu tới giá trị doanh nghiệp: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam**/ Lê Đức Hoàng, Trịnh Mai Vân, Đặng Quốc Hùng, Bùi Tú Uyên, Nguyễn Minh Châu// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr. 49-57.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá về tác động của tính thanh khoản cổ phiếu tới giá trị doanh nghiệp cho 606 doanh nghiệp phi tài chính niêm yết tại thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2018. Bài nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp ước lượng khác nhau, bao gồm ước lượng hồi quy bình phương nhỏ nhất gộp, ước lượng hồi quy các nhân tố cố định, và ước lượng hồi quy các nhân tố ngẫu nhiên, để kiểm tra mối quan hệ giữa tính thanh khoản cổ phiếu và giá trị doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng một sự gia tăng tính thanh khoản cổ phiếu sẽ làm tăng giá trị doanh nghiệp. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra các khuyến nghị các doanh nghiệp và những người làm chính sách tại Việt Nam nên có những phương pháp và chính sách làm tăng tính thanh khoản trong giao dịch cổ phiếu doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Thanh khoản cố phiếu, giá trị doanh nghiệp, Việt Nam

**231. Tác động của vốn xã hội đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp ngành dệt may tại khu vực phía Nam**/ Hồ Tiến Dũng, Bùi Văn Thời// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích xác định và đo lường tác động của vốn xã hội đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp thông qua các yếu tố trung gian là tiếp thu kiến thức và đổi mới sản phẩm ngành dệt may tại khu vực phía Nam, Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng kết quả kinh doanh của DN chịu tác động bởi vốn xã hội của doanh nghiệp thông qua hai yếu tố trung gian là tiếp thu kiến thức và đổi mới sản phẩm

**Từ khoá**: Kết quả kinh doanh, vốn, đổi mới sản phẩm

**232. Tác động liên kết của phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19: tiếp cận theo phương pháp bảng cân đối liên ngành**/ Trần Việt Thảo, Vũ Thị Thanh Huyền// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 3-13.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu sẽ đi vào xem xét vai trò thúc đẩy liên kết của ngành sản xuất công nghiệp hỗ trợ (CNHT) Việt Nam trong bối cảnh từ cuối năm 2019 đến nay, nền kinh tế thế giới và trong nước đang phải gánh chịu những tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19. Để đẩy lùi các thách thức, phát triển CNHT sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy sự liên kết giữa doanh nghiệp CNHT nội địa và doanh nghiệp lắp ráp, doanh nghiệp FDI,… nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm và cả nền kinh tế,… Dựa trên cách tiếp cận phương pháp bảng cân đối liên ngành (I/O), bài viết xác định các hệ số liên kết giữa ngành CNHT với các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế và với toàn bộ nền kinh tế, từ đó, kết luận của bài viết cho thấy rằng, ngành CNHT có vai trò quan trọng với tư cách là ngành cung ứng đầu vào cho các ngành sản xuất trong nền kinh tế và thúc đẩy liên kết sẽ có ý nghĩa lớn trong quá trình phát triển các ngành CN CBCT Việt Nam trong bối cảnh đại dịch.

**Từ khoá:** công nghiệp hỗ trợ, liên kết ngược, liên kết xuôi, bảng I/O, covid-19

**233. Tác động tiêu cực của phát triển du lịch đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương/** Đoàn Nguyễn Khánh Trân, Lại Phi Hùng// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 98-108.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét mức độ ảnh hưởng tiêu cực của phát triển du lịch đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương. Dựa trên lý thuyết trao đổi xã hội, phỏng vấn cộng đồng địa phương với một mẫu thuận tiện 400 đáp viên và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra có 4 nhân tố tác động tiêu cực đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương tại Nha Trang bao gồm: kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Từ đó, bài viết cũng đã đề xuất một số kiến nghị để giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các chiến lược phát triển nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển du lịch bền vững trong cộng đồng.

**Từ khoá**: Chất lượng cuộc sống, cộng đồng địa phương, tác động tiêu cực

**234. Tác động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến hành vi tiêu dùng - nghiên cứu trường hợp sản phẩm nước uống giải khát không cồn khu vực đồng bằng Sông Cửu Long**/ Nguyễn Hoàng Khởi, Dương Ngọc Thành// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 148 .- Tr. 42-52.

**Nội dung:** Nghiên cứu tác động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến hành vi tiêu dùng đối với trường hợp sản phẩm nước uống giải khát không cồn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về tác động của CSR đến hành vi tiêu dùng, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào thực hiện trong ngành hàng nước uống giải khát không cồn ở khu vực ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu sẽ bổ sung cơ sở luận về tác động trực tiếp và gián tiếp của CSR đến hành vi tiêu dùng, đồng thời đề xuất khuyến nghị cho doanh nghiệp ngành hàng nước uống giải khát không cồn khu vực ĐBSCL nâng cao việc thực hiện CSR.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hành vi tiêu dùng, nước giải khát không cồn

**235. Tăng cường hiệu quả liên doanh, liên kết tài sản tại các Trường Đại học Công lập Tự chủ tại Việt Nam**/ Nguyễn Thế Anh // Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 210 .- Tr. 59-62.

**Nội dung**: Đánh giá khái quát về kết quả thực hiện tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập và quản lý tài sản công sử dụng vào mục đích liên kết tại các trường đại học tựu chủ; giải pháp tăng cường hiệu quả liên doanh, liên kết tài sản tại các Trường Đại học Công lập Tự chủ tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Liên doanh, liên kết, tài sản, trường đại học công lập, tự chủ, Việt Nam

**236. Tăng cường khả năng đổi mới thanh đạm cho các doanh nghiệp Việt Nam: Vai trò của lãnh đạo chuyển đổi và khả năng quản trị tri thức của doanh nghiệp**/ Lê Ba Phong// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 286 .- Tr. 68-77.

**Nội dung:** Với vai trò quan trọng ngày càng tăng của khả năng đổi mới trong việc giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả hoạt động và đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững trước những biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, mục đích của nghiên cứu này là đánh giá ảnh hưởng của lãnh đạo chuyển đổi đối với khả năng đổi mới thanh đạm của doanh nghiệp. Nhằm mang lại những hiểu biết sâu sắc hơn về các cơ chế và điều kiện thích hợp để cải thiện khả năng đổi mới thanh đạm của các doanh nghiệp Việt Nam, nghiên cứu đã khám phá vai trò trung gian của năng lực quản lý tri thức trong mối quan hệ giữa lãnh đạo chuyển đổi và khả năng đổi mới thanh đạm. Nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) để kiểm tra các giả thuyết trong mô hình nghiên cứu đề xuất thông qua việc sử dụng dữ liệu khảo sát từ 271 người tham gia tại 90 doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy lãnh đạo chuyển đổi tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến khả năng đổi mới thanh đạm của doanh nghiệp thông qua vai trò trung gian của khả năng quản lý tri thức. Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng sẽ giúp các nhà quản trị nâng cao hiểu biết về con đường thích hợp nhằm cải thiện thành công khả năng đổi mới thanh đạm cho các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá:** Đổi mới thanh đạm, khả năng đổi mới, năng lực quản trị tri thức, lãnh đạo chuyển đổi

**237. Tăng cường kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty Cổ phần Khai khoáng Miền núi**/ Đỗ Thị Thuý Phương, Vũ Thị Thuý// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.97 - 99.

**Nội dung:** Kiểm soát nội bội là một bộ phận quan trọng giúp nhà quản lý kiểmtra, giám sát được quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Trong đó, kiểm soát chu trình bán hàng - thu tiền là nội dung quan trọng của các nhà quản lý doanh nghiệp. Hoạt động bán hàng - thu tiền là hoạt động xảy ra thường xuyên và dễ xảy ra gian lận, sai xót. Việc xây dựng kiểm soát nội bộ hữu hiệu với chu trình bán hàng sẽ bảo đảm thu được tiền từ khách hàng, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt ... từ đó nâng cao uy tín, hình ảnh và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

**Từ khoá:** Kiểm soát nội bội, doanh nghiệp, chu trình bán hàng và thu tiền.

**238. Tăng cường kiểm soát nội bộ hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại LienVietPostbank - Chi nhánh Thái Nguyên**/ Nguyễn Hương Trà, Nguyễn Thị Hồng Yến// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.114 -116.

**Nội dung:** Hoạt động tín dụng là hoạt động kinh doanh phức tạp nhất so với các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại, hoạt động này tuy thu nhiều lợi nhuận nhưng cũng có không ít rủi ro. Để hạn chế và ngăn ngừa rủi ro cho vay khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngoài các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ cho vay thì việc thiết kế quy trình kiểm soát nội bộ và tăng cường hiệu quả sử dụng dành cho hoạt động cho vay sẽ góp phần quan trọng trong việc kiểm soát, giám sát rủi ro tín dụng, đưa hoạt động này phát triển bền vững trong tương lai. Vì vậy, tăng cường kiểm soát nội bộ hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Thái Nguyên là vấn đề cần thiết được đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khoá:** Kiểm soát nội bộ, hoạt động cho vay, khách hàng, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**239. Tăng cường quản lý nhà nước đối với mô hình kinh tế chia sẻ tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thương Huyền, Nguyễn Thị Thuỷ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Bài viết phân tích những thách thức trong quản lý nhà nước đối với nền kinh tế chia sẻ tại Việt Nam từ đó đưa ra những định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế

**Từ khoá**: Quản lý nhà nước, kinh tế nhà nước, phát triển kinh tế

**240. Tăng cường quản lý nhà nước về phát triển kinh tế số ở Việt Nam**/ Phạm Thị Kim Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 5-9.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về những vấn đề xung quanh đến kinh tế số, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Tăng trưởng, kinh tế số

**241. Tạo động lực cho người lao động trong các đơn vị sự nghiệp tại Việt Nam**/ Tạ Quang Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.22 - 24.

**Nội dung:** Vấn đề mấu chốt, quyế định thành công của một tổ chức nói chung và đơn vị sự nghiệp nhà nước nói riêng là nguồn nhân lực, với cốt lõi là chính sách tạo động lực để huy động sự nỗ lực, không ngừng sáng tạo của đội ngũ viên chức và người lao động trong tổ chức đó. Hiện nay, có rất nhiều lý thuyết cũng như phương pháp tạo động lực cho người lao động trong tổ chức. Tuy nhiên, việc ứng dụng thành công lý thuyết tạo động lực vào tổ chức đòi hỏi sự tâm huyết và nỗ lực hết mình của nhà lãnh đạo. Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả làm rõ lý thuyết về động lực trong các đơn vị sự nghiệp nhà nước để có cơ sở vận dụng.

**Từ khoá:** Động lực làm việc, người lao động, đơn vị sự nghiệp, nguồn nhân lực."

**242. Tạo động lực cho người lao động trong cơ sở dịch vụ y tế ở Việt Nam** / Chu Anh Tuấn, Trần Đình Toàn, Trương Đức Thao// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 93-105.

**Nội dung**: Khảo sát ý kiến của 489 cán bộ y tế đang công tác tại 35 cơ sở dịch vụ y tế trên cả nước trong khoảng thời gian từ tháng 9-12/2019, số liệu thu thập về được xử lý trên phần mềm SPSS 20 và AMOS24, việc ước lượng mô hình và thẩm định các giả thuyết bằng phương trình cấu trúc tuyến tính(SEM). Nhóm tác giả chỉ thực hiện nghiên cứu tác động của công cụ tạo động lực tới động lực làm việc của người lao động trong cơ sở dịch vụ y tế ở Việt Nam nói chung để đề xuất một số gợi ý chính sách.

**Từ khoá:** Tạo động lực, người lao động, nhân viên y tế

**243. Thái độ đối với rủi ro của nông dân Đồng bằng Sông Cửu Long: Bằng chứng thực nghiệm với thang đo DOSPERT**/ Nguyễn Tuấn Kiệt, Hồ Hữu Phương Chi// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 104-114.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng thang đo DOSPERT của Weber và cộng sự (2002) để đo lường thái độ với rủi ro của 463 nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long về đạo đức, tài chính, sức khỏe, giải trí, xã hội. Kết quả cho thấy nông hộ có thái độ sợ rủi ro trong cả năm thành phần; trong đó, thái độ với rủi ro tài chính và thái độ với rủi ro giải trí tương quan có ý nghĩa thống kê với thu nhập của nông hộ ở mức 5%; bên cạnh đó, hành vi lựa chọn ứng phó đối với rủi ro cũng tương quan thuận thu nhập của nông hộ. Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng nông hộ có thái độ sợ rủi ro nhưng hành vi phản ứng trước rủi ro là tích cực, tức là nông hộ có động cơ ý định tự bảo vệ mình khỏi bị tổn hại trước rủi ro. Bài viết khuyến nghị lãnh đạo các địa phương cần hỗ trợ cho nông hộ những chiến lược ứng phó và phòng ngừa rủi ro tốt hơn.

**Từ khoá:** Nông hộ, thái độ đối với rủi ro, rủi ro, thu nhập

**244. Thành phố thông minh & công nghệ chuỗi khối/** Nguyễn Ngọc Định, Nguyễn Tiến Hùng// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Thành phố thông minh là khái niệm xuất hiện chưa đầy 2 thập niên gần đây trên thế giới và đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi xoay quanh nó. Tuy nhiên, có một điều gần như các nhà nghiên cứu đều thống nhất là công nghệ mới đóng vai trò như là động lực thúc đẩy cho việc tạo ra các thành phố thông minh. Một trong những đổi mới công nghệ gần đây, công nghệ blockchain hay còn gọi là công nghệ sổ cái phân tán được coi là có nhiều tiềm năng ứng dụng làm nền tảng cốt lõi cho việc xây dựng và phát triển các thành phố thông minh. Bài viết này có mục tiêu đúc kết các quan điểm trên thế giới về thành phố thông minh, về công nghệ chuỗi khối. Trên cơ sở đó, thảo luận về các ứng dụng tiềm năng của công nghệ này trong mô hình quản trị thành phố thông minh.

**Từ khoá**: Công nghệ chuỗi khối, thành phố thông minh, hợp đồng thông minh, nhận diện kỹ thuật số, bầu cử điện tử thông minh

**245. The emergence of mobile payment acceptance in Vietnam: An exploratory study** / Nguyen Ngoc Duy Phuong, Ly Thien Luan, Huynh Quoc Phong// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr. 107-112.

**Nội dung:** In a nation such as Vietnam where a larger part of clients still favors cash-ondelivery, it is difficult to fasten the pace of process of innovation diffusion such as electronic wallets. This generates research interest to study the readiness of people to use E-wallets and factors influencing the adoption of E-wallets. This research paper is aimed at examining the adoption of E-wallets as a mode of payment in Ho Chi Minh City. This paper also throws light on adjuvant issues like impact of various demographic factors on usage of E-wallets, reasons for not using E-wallets of customers, etc. The study is based on 276 valid responses who are mainly Vietnamese and millennials generation received through a structured questionnaire. Data collected was analyzed by using percentages, and cross tabulation. The results show that main reasons for low preference of E-wallet as mode of payment are tendency of those people who do not want to move out of comfort of using traditional mode of payments, privacy concerns and threat to security. Customers are becoming familiar with making payments by E-wallets in daily activities.

**Từ khoá:** E-wallet, mobile payment, smart phone users, mode of payment, Vietnam

**246. Thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam: Cơ hội và thách thức hậu khủng hoảng COVID-19** / Nguyễn Phúc Quỳnh Như, Vũ Ngọc Phương Trâm// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr.92-100.

**Nội dung**: Ngoài vai trò như một kênh huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân để phục vụ cho các dự án đầu tư dài hạn, bảo hiểm nhân thọ (BHNT) còn mang ý nghĩa vô cùng to lớn cho từng cá nhân, tổ chức thông qua việc đảm bảo tài chính trước những rủi ro về bệnh tật, tai nạn, thất nghiệp. Dù chỉ mới có mặt ở VN trong 20 năm nhưng ngành BHNT đã có nhiều đóng góp tích cực cho nền kinh tế và giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội. Bài viết với mục tiêu cung cấp một cái nhìn khái quát về thực trạng phát triển của thị trường BHNT VN trong giai đoạn 2015-2019 cũng như phân tích những cơ hội và thách thức mà những doanh nghiệp BHNT sẽ phải đối mặt hậu khủng hoảng Covid-19 để từ đó làm cơ sở cho những khuyến nghị và giải pháp.

**Từ khoá**: Bảo hiểm nhân thọ, kênh huy động vốn, khủng hoảng Covid-19

**247. Thị trường chứng khoán Việt Nam khẳng định kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế**/ Trần Văn Dũng// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 66-70.

**Nội dung**: Trải qua 20 năm hình thành và phát triển, thị trường chứng khoán Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện, khẳng định là kênh dẫn vốn quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bước sang tuổi 20, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tác động sâu rộng đến kinh tế - xã hội thế giới và Việt Nam, nhưng với những nỗ lực từ phía Chính phủ và các cơ quan quản lý, với sự tích lũy nội tại qua 20 năm, thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì hoạt động ổn định và phục hồi nhanh, tích cực.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, huy động vốn, kinh tế Việt Nam, dịch bệnh Covid-19

**248. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh mới**/ Lê Xuân Sang// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Thực trạng thu hút FDI vào Việt Nam; Vai trò của FDI đới với kinh tế Việt Nam; Bất cập và hạn chế trong thu hút và quản lý FDI; Định hướng thu hút FDI vào Việt Nam trong bối cảnh mới.

**Từ khoá**: FDI, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh tế Việt Nam

**249. Thu hút khách hàng trên sàn thương mại điện tử Việt Nam cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ**/ Phạm Thanh Bình// Tạp chí Tài chính.- 2021 .- Số 748 .- Tr.89 - 91.

**Nội dung:** Việt Nam hiện đang là một trong những thị trường thương mại điện tử phát triển năng động nhất trong khu vực. Với chủ trương thúc đẩy kinh tế số, Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2025, 55% dân số tham gia mua sắm trực tuyến; doanh số thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với khách hàng (B2C) tăng 25% năm, đạt 35 tỷ USD, chiếm 10% tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Trong bối cảnh đó, tham gia các sàn thương mại điện tử là một kênh để các doanh nghiệp nhỏ tiếp cận với lượng khách hàng lớn của các sàn thương mại điện tử.

**Từ khoá:** thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, mua bán trực tuyến.

**250. Thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Ả-rập Xê-út**/ Trịnh Thị Lan Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 78-81.

**Nội dung**: Thực trạng xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Ả-rập Xê-út; hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Ả-rập Xê-út; kết luận.

**Từ khoá**: Thương mại, xuất nhập khẩu, kim ngạch xuất nhập khẩu, Ả-rập Xê-út

**251. Thúc đẩy hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp trong khối ASEAN**/ Nguyễn Nhật Tân// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 140-142.

**Nội dung**: Bài viết tổng quát về quan điểm thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới giữa trường đại học và DN hiện nay; thảo luận về khuyến nghị của các bộ, ngành, cơ quan quản lý đối với vấn đề thúc đẩy hợp tác R&D giữa trường đại học và DN trong khối ASEAN, với 4 trọng tâm sau: (i) Chính sách, quy hoạch tổng thể; (ii) Trợ cấp và tài trợ; (iii) Chính sách ưu đãi thuế và (iv) Vai trò của các cơ quan quản lý. Trên cơ sở đó, gợi ý những giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động R&D; chuyển giao kỹ thuật, chuyển giao kiến thức và đổi mới công nghệ giữa trường đại học với DN trong khối ASEAN.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, chính sách, Asean, trường đại học

**252. Thúc đẩy phát triển tài chính số trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Thị Thanh Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 65-68.

**Nội dung**: Nhấn mạnh vai trò của dịch vụ tài chính và khẳng định tầm quan trọng của việc thúc đẩy tài chính số để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong bối cảnh bình thường mới. Cải thiện năng lực xử lý và phân tích dữ liệu này thông qua nền tảng điện toán đám mây và kỹ thuật phân tích dữ liệu lớn như trí tuệ nhân tạo; Tăng cường khả năng truyền thông tin và quản lý rủi ro.

**Từ khoá**: APEC, tài chính số, đại dịch Covid-19

**253. Thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam : Thực trạng và một số khuyến nghị, giải pháp**/ Trần Hoàng Minh, Nguyễn Thị Phương Thanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 46-48.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng quan các vấn đề liên quan đến tài chính toàn diện, từ đó xây dựng cơ sở lý luận làm tiền đề đánh giá thực trạng tài chính toàn diện và thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam trong giai đoạn 2011-2018

**Từ khoá**: Tài chính, dịch vụ tài chính, tài chính toàn diện

**254. Thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá Việt Nam sang thị trường Pakixtan**/ Ngô Xuân Bình, Nguyễn Lê Thy Thương// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 106-114.

**Nội dung**: Phân tích chính sách nhập khẩu của Pakixtan và thực trạng xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam vào Pakixtan, bài viết đề xuất những kiến nghị cho doanh nghiệp và chính phủ Việt Nam nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá vào Pakixtan và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp khi tiếp cận thị trường này

**Từ khoá**: chính sách nhập khẩu, hợp tác thương mại, Pakixtan

**255. Thực hiện các giao kết hợp đồng mua - bán trong nước và quốc tế trong tình huống đặc biệt như dịch Covid 19**/ Nguyễn Xuân Viễn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 45 – 47.

**Nội dung:** Qua các thông tin thời sự hiện nay, có thể nói cả nước đang nỗ lực triển khai các hoạt động hiệu quả để góp phần phòng và chống dịch viêm phổi cấp do covid 19. Việt Nam và một số quốc gia đã áp dụng một số biện pháp cần thiết như quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập khẩu một số vật tư, nguyên vật liêu gia công, chế biến sản xuất một số dụng cụ, thiết bị y tế; hạn chế hoạt động thông quan xuất khẩu, khuyến cáo hạn chế đi lại và du lịch quốc tế trong một số trường hợp, một số chặng bay tạm dừng hoạt động. Các quyết định đó của các cấp có thẩm quyền ở Việt Nam và ở một số quốc gia trong khu vực có ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Hợp đồng mua bán, doanh nghiệp, dịch Covid 19

**256. Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021**/ Vũ Sỹ Cường// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Năm 2020, mặc dù Việt Nam đối diện với những khó khăn, thách thức to lớn từ khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 nhưng nhờ những giải pháp kịp thời, phù hợp của Chính phủ, nước ta đã đạt được những kết quả nhất định trong cân đối ngân sách nhà nước. Bài viết này đánh giá khái quát về tình hình cân đối ngân sách nhà nước năm 2020 và đưa ra những vấn đề đặt ra khi thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

**Từ khoá**: ngân sách nhà nước, dịch bệnh Covid-19

**257. Thực trạng chất lượng dịch vụ hành chính công khu vực nông thôn tại tỉnh Bắc Ninh**/ Trần Tuấn Anh, Nguyễn Tiến Đạt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.94 - 96.

**Nội dung:** Nâng cao chất lượng dịch vụ công sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu chính đáng của người dân, doanh nghiệp và nâng cao chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX cấp Tỉnh. Đồng thời tạo thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, giảm chi phí đầu vào và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại. Bài viết tập trung phản ánh dịch vụ hành chính công khu vực nông và thực trạng chất lượng dịch vụ qua 5 yếu tố: Sự tin cậy, năng lực phục vụ; Cơ sở vật chất; Sự đồng cảm; Tính đáp ứng.

**Từ khoá:** Hành chính công, dịch vụ công, Bắc Ninh

**258. Thực trạng lao động nước ngoài ở Nhật Bản và dự báo đến năm 2025 và hàm ý chính sách cho xuất khẩu lao động của tỉnh Bình Định**/ Trần Minh Chương, Nguyễn Thị Kim Ánh, Đặng Hồng Vương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 109-111.

**Nội dung**: Phản ánh thực trạng và dự báo nhu cầu lao động nước ngoài của Nhật Bản trong thời gian tới

**Từ khoá**: lao động nước ngoài, xuất khẩu lao động

**259. Thực trạng liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa : nhìn từ góc độ ngành**/ Đào Hoàng Tuấn// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 512 .- Tr. 30-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tính toán 3 chỉ số về liên kết là liên kết dọc, liên kết ngang và liên kết ngược cung cho từng ngành để hiểu thêm về thực trạng liên kết giữa 2 khu vực kinh tế nhìn từ góc độ ngành, từ đó chỉ ra những nguyên nhân của hạn chế của thực trạng liên kết

**Từ khoá**: FDI, Linkage, liên kết, liên kết ngang, liên kết dọc, liên kết ngược, liên kết xuôi, liên kết ngược cung

**260. Thực trạng quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA ở Việt Nam và một số khuyến nghị**/ Nguyễn Văn Đạt, Trần Thị Cẩm Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 79 – 81.

**Nội dung:** Trong thời gian qua tổng nhu cầu huy động và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thời kỳ 2016 - 2020 lên tới khoảng 39,5 tỷ USD. Trong đó, chủ yếu tập trung vào kĩnh vực giao thông vận tải, phát triển đô thị, nông nghiệp và phát triển nông thôn, môi trường, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ. Căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình và dự án đã ký kết, tổng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi dự kiến giải ngân thời kỳ 2016 - 2020 đạt khoảng 25 -30 tỷ USD, bình quân năm đạt 5-6 tỷ USD, tăng 14% so với thời kỳ 2011 - 2015 và chiếm khoảng 55 - 66% vốn đầu tư phát triển huy động từ bên ngoài.

**Từ khóa:** Sử dụng nguồn vốn ODA, Việt Nam, thực trạng

**261. Thực trạng triển khai chương trình OCOP tại Việt Nam**/ Lê Hồng Lâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 88 – 90.

**Nội dung:** Bài báo phân tích thực trạng triển khai chương trình Ocop để từ đó đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả của chương trình.

**Từ khóa: C**hương trình OCOP, Việt Nam

**262. Thực trạng, triển vọng và một số khuyến nghị nhằm tăng cường quan hệ đối tác chiến lược Đức - Việt Nam**/ Lê Hồng Lâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 85 – 87.

**Nội dung:** Năm 2020 đánh dấu mốc kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Đức - Việt Nam với những tiến triển tích cực trong quan hệ song phương. Năm 2021, quan hệ đối tác chiến lược Đức - Việt Nam bước sang năm thứ 10, hứa hẹn tiếp tục phát triển tốt đẹp trên nền tảng tin cậy lẫn nhau, hợp tác cùng phát triển.

**Từ khóa:** Quan hệ đối ngoại, quan hệ chiến lược, quan hệ Đức - Việt Nam

**263. Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam**/ Đoàn Trọng Ninh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.25 - 26.

**Nội dung:** Thương mại điện tử ( TMĐT) hiện nay đang là xu hướng kinh doanh, tiêu dùng tất yếu gắn liền với sự phát triển của công nghệ, sự tiếp nhận dịch vụ từ doanh nghiệp đến người dân. Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Với sự phát triển và hội nhập mạnh mẽ đó, những tác động và xu hướng kinh tế thế giới đối với kinh tế Việt Nam là rất rõ nét. Trong đó, thì thương mại điện tử là một trong những xu hướng kinh doanh tất yếu đặc biệt với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**264. Thực trạng và giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội**/ Hoàng Bích Hồng// Tài chính .- 2021 .- Số 746+747 (Tháng 02/2021) .- Tr. 69-72.

**Nội dung**: Ở Việt Nam, chính sách bảo hiểm xã hội luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế theo hướng mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thực trạng phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; Giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội theo hướng bền vững.

**Từ khoá**: bảo hiểm xã hội, đối tượng tham gia bảo hiểm

**265. Thực trạng việc làm có năng suất ở Việt Nam**/ Vũ Hoàng Đạt, Phạm Minh Thái// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 112-114.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tỷ lệ việc làm năng suất ở Việt Nam nói chung và phân tách theo các chiều cạnh khác nhau trong giai đoạn nghiên cứu

**Từ khoá**: năng suất, lao động hiệu quả

**266. Thực trạng và giải pháp quản trị hiệu quả tại các cơ sở giáo dục đại học công lập Việt Nam**/ Phạm Quang Huy, Bùi Quang Hùng, Lương Đức Thuận, Vũ Minh Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 80-83.

**Nội dung:** Trình bày rõ nét nội dung liên quan đến những vấn đề về quản trị, điều hành trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, liên quan đến cách thức quản lý và đánh giá kết quả hoạt động trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Từ đó, đề xuất một số giải pháp về quản trị đại học nhằm thúc đẩy tự chủ đại học phát triển bền vuwngx và hiệu quả.

**Từ khoá:** Quản trị đại học, cơ sở giáo dục đại học công lập, tự chủ đại học

**267. Thuế thu nhập doanh nghiệp định hướng hội nhập : kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam/** Phạm Đức Anh, Đặng Thu Thủy// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 41-51.

**Nội dung**: Bài viết phân tích dđặc trưng của mô hình chính sách thuế định hướng hội nhập, làm rõ những bất cập trong chính sách thuế thu nhập hiện hành của Việt Nam, từ đó đưa ra định hướng cải cách thuế tới năm 2025.

**Từ khoá:** Thuế thu nhập doanh nghiệp, cải cách thuế, hội nhập kinh tế quốc tế

**268**. [**Thương mại quốc tế và tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu thị trường Đông Nam Á/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/9.pdf)**Phan Thị Lan Phương// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 59-65.**

**Nội dung: Mục tiêu của nghiên cứu là xem xét tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế tại các nước Đông Nam Á giai đoạn 20 năm từ 2000 – 2019. Bằng việc sử dụng các phương pháp ước lượng OLS, FEM, REM, FGLS đối với dữ liệu bảng. Kết quả thực nghiệm cho thấy nhập khẩu có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, trong khi xuất khẩu lại cho tác động ngược chiều. Điều này chứng tỏ, không phải quốc gia nào đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu cũng mang lại tăng trưởng cho nền kinh tế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số gợi ý cho chính sách ngoại thương tại các quốc gia này.**

**Từ khóa:** Đông Nam Á, thương mại quốc tế, tăng trưởng kinh tế

**269. Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế tài chính trong bối cảnh mới**/ Ngô Hữu Lợi// Tài chính .- 2021 .- Số 744+745 (Tháng 01/2021) .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Trong giai đoạn 2016-2020, thể chế tài chính tiếp tục được hoàn thiện vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng; vừa chủ động ngăn ngừa suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội. Đồng thời, thể chế tài chính trong những năm qua cũng đảm bảo tiếp cận được các thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần thúc đẩy hiện đại hóa quản lý tài chính, đảm bảo yêu cầu về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

**Từ khoá**: thể chế tài chính, tăng trưởng kinh tế

**270. Tìm hiểu về các loại tiền phi vật chất**/ TS. Lại Thị Thanh Loan// Ngân hàng .- 2021 .- Số 10(Tháng 05) .- Tr. 39-43.

**Nội dung**: Bài viết được thực hiện nhằm mang lại góc nhìn toàn diện hơn cho người đọc về các loại tiền phi vật chất nói chung, đánh giá về xu hướng phát triển các loại tiền kỹ thuật số và đề xuất một số khuyến nghị trong thời gian tới

**Từ khoá**: tiền kỹ thuật số, tiền phi vật chất, tiền điện tử

**271. Tình hình kinh tế vĩ mô và triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021**/ Hoa Nguyễn// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 67-69.

**Nội dung:** Phục hồi kinh tế tại Việt Nam chính thức được ghi nhận vào Quý 3/2020. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP 9 tháng đầu năm của Việt Nam ghi nhận mức 2,12% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,62%), đây là mức tăng trưởng tích cực, đáng ghi nhận về sự nỗ lực của Đảng và Nhà nước cũng như của toàn thể các doanh nghiệp trong nền kinh tế trong bối cảnh Việt Nam không chỉ ảnh hưởng bởi đại dịch toàn cầu mà đây cũng là một năm kỷ lục về số cơn bão nhiệt đới tàn phá Việt Nam. Dự kiến TTCK sẽ bớt hạ nhiệt khi những thông tin về tình hình kinh doanh của các tổ chức niêm yết trong năm 2020 sẽ được ban hành vào đầu Quý 2/2021 và phân hóa giữa những doanh nghiệp giữ vững được hoạt động kinh doanh hoặc bị ảnh hưởng ít trong năm 2020 và những doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề nhưng có giá cổ phiếu tăng phi mã thúc đẩy bởi dòng vốn nhàn rỗi dư thừa.

**Từ khoá:** Kinh tế vĩ mô, Triển vọng, Thị trường chứng khoán

**272. Tình hình kinh tế vĩ mô và triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam 2021**/ Hoa Nguyễn// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2/2021 .- Tr. 67-69.

**Nội dung**: Kinh tế đang hồi phục và triển vọng của nhiều ngành nghề, lĩnh vực trong năm 2021sẽ giúp thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng nóng khi dòng vốn nhàn rỗi chưa tìm được đường ra nào khác, khi lãi suất huy động tiếp tục ở mức thấp.

**Từ khoá**: kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán

**273. Tổng quan các mô hình nghiên cứu các yếu tố của dịch vụ bán lẻ trực tuyến ảnh hưởng tới hành vi của khách hàng**/ Trương Thị Thu Hường, Lê Quỳnh Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 64 – 66.

**Nội dung:** Bài báo cung cấp tài liệu tham khảo nhằm gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo trong việc kế thừa, lựa chọn và xây dựng mô hình phù hợp bối cảnh kinh doanh đặc thù.  
**Từ khóa:** Dịch vụ bán lẻ trực tuyến, khách hàng

**274. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp FDI**/ Lê Danh Lượng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 58 – 60.

**Nội dung:** Trách nhiệm xã hội (TNXH) của doanh nghiệp không phải là một khái niệm mới nhưng ngày càng trở nên phổ biến hơn trên toàn cầu. Các doanh nghiệp FDI đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc về môi trường và xã hội liên quan đến ô nhiễm môi trường, vi phạm đạo đức kinh doanh, thiếu trách nhiệm với an sinh an toàn của cộng đồng dân cư. Chính những vấn đề đó đang đòi hỏi các doanh nghiệp FDI cần ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của các quốc gia mà doanh nghiệp đó đầu tư vào. Doanh nghiệp FDI ngoài mục tiêu lợi nhuận còn cần phải gắn liền với thực hiện TNXH của mình với các bên liên quan như chính phủ, người lao động, khách hàng và cộng đồng địa phương.  
**Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp FDI

**275. Trao đổi về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**/ Nguyễn Khánh Thu Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Trình bày quy định về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn; các phương pháp kê khai thuế theo nhóm đối tượng; mức thuế khoán xác định doanh thu tính thuế.

**Từ khoá**: Quản lý thu thuế, hộ kinh doanh, nghĩa vụ thuế, cá thể kinh doanh

**276. Triển khai cung ứng ngắn sản phẩm nông nghiệp tại Italia và hàm ý cho Việt Nam**/ Hòa Hữu Cường// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 106-115.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng triển khai chuỗi cung ứng ngắn sản phẩm nông nghệp tại Italia. Kết quả số lượng các nông hộ và hợp tác xã tam gia ngày càng nhiều, người tiêu dùng ngày càng ưu chuộng và tăng cường mua các sản phẩm tai chuỗi cung ứng ngắn. Những kinh nghiemj của Italia sẽ là những hàm ý rất tốt cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuỗi cung ứng ngắn nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp, nông nghiệp Italia

**277. Triển vọng thương mại toàn cầu và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ Hoàng Thị Hoa, Phạm Thị Thanh Thanh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 71-73.

**Nội dung**: Đại dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới, cộng với căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và các nền kinh tế lớn trong thời gian qua là những yếu tố khiến thương mại toàn cầu năm 2020 sụt giảm mạnh nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Trong bối cảnh đó, năm 2021 và những năm tiếp theo được dự báo tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu. Những bất định về một đại dịch chưa có hồi kết, thị trường tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro… có thể tác động đến tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu. Bài viết trao đổi về triển vọng thương mại toàn cầu và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Thương mại toàn cầu, thị trường dầu mỏ, chính sách, Covid-19

**278. Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây trong cung cấp dịch vụ công của một số nước**/ Nguyễn Lan Hương, Nguyễn Quang Đồng// Tạp chí Tài chính .- 2021 .- Số 748 .- Tr.52 - 55.

**Nội dung:** Trong thập niên vừa qua, chuyển đổi số đã trở thành tiến trình chủ đạo và mang tính bắt buộc với các quốc gia, trong đó điện toán đám mây là một trong những công nghệ trụ cột của tiến trình này. Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đã, đang có những phản ứng nhanh và nổ lực để thúc đẩy chuyển đổi số trên toàn bộ các nghành, lĩnh vực, tuy nhiên lại chưa có nghiên cứu xác đáng trong ứng dụng công nghệ điện toán đám mây vào quản trị. Do đó, trong thời gian tới, Chính phủ Việt Nam cần xây dựng chiến lược dữ liệu quốc gia, chính sách ưu tiên điện toán đám mây để đáp ứng với bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá:** Điện toán đám mây, công nghệ, dịch vụ công, dữ liệu quốc gia.

**279. Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong trồng trọt : kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Nghệ An**/ Hồ Khánh Duy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 04-06.

**Nội dung**: Bài viết tập trung nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng công nghệ tự động hóa trong trồng trọt để đưa ra những khuyến nghị cần thiết giúp tỉnh Nghệ An có thể thúc đẩy phát triển trồng trọt theo hướng ứng dụng công nghệ cao một cách bền vững, thân thiện với môi trường và đem lại hiệu quả kinh tế cao

**Từ khóa**: tự động hóa, công nghệ cao, ứng dụng công nghệ

**280. Ứng dụng Entropy trong bài toán định giá tài sản tài chính – Trường hợp thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Mai Cẩm Tú, Nguyễn Hồng Nhật// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 284 .- Tr. 63-70.

**Nội dung**: Entropy gần đây được quan tâm nghiên cứu và áp dụng trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau ở nhiều nước trên thế giới. Trong lý thuyết thông tin, entropy là thước đo thông tin của một biến số. Trong lĩnh vực tài chính, entropy được sử dụng làm thước đo thông tin về mức độ phân tán của một chuỗi thời gian, do đó có thể ứng dụng entropy trong định giá tài sản nói chung và định giá cổ phiếu nói riêng. Bài viết này ứng dụng entropy để đo lường rủi ro của các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 26 tháng 4 năm 2019. Bài viết cũng so sánh và đi đến kết luận rằng khả năng giải thích cho tỷ suất sinh lời của cổ phiếu của entropy tốt hơn hẳn so với hệ số beta truyền thống.

**Từ khoá**: Entropy, định giá tài sản, độ đo rủi ro

**281. Ứng dụng hệ thống AIS trong hoạt động điều độ sản xuất tại doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Mai Trâm// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 123-125.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung vào ứng dụng giải thuật hệ thống miễn dịch nhân tạo (AIS) giải quyết bài toán điều độ flowshop đa mục tiêu: tối thiểu hoá chi phí thiếu hụt hàng (trễ hạn) và chi phí lưu kho (sớm hạn) tại doanh nghiệp hiện nay

**Từ khoá**: Hệ thống miễn dịch nhân tạo, điều độ flowshop, điều độ đa mục tiêu

**282. Ứng dụng OKR tạo động lực cho người lao động tại công ty cổ phần CNG tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Kim Ngân, Hoàng Trung Quân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.13 - 15.

**Nội dung:** Người lao động là yếu tố đầu vào quan trọng nhất của doanh nghiệp, chất lượng đội ngũ người lao động quyết định sự phát triển hay thụt lùi của doanh nghiệp. Vì vậy, công tác tạo động lực cho người lao động rất quan trọng, thúc đẩy người lao động nâng cao trình độ nghiệp vụ và cống hiến cho doanh nghiệp nhiều hơn. Mô hình OKR ( Objectives and Key Result) là một mô hình quản trị doanh nghiệp theo Mục tiêu và Kết quả, do vậy nó khá phù hợp trong việc đánh giá sự đóng góp của người lao động vào kết quả của doanh nghiệp. Bài báo đề xuất ứng dụng OKR để đánh giá sự đóng góp của người lao động tại công ty Cổ phần CNG Việt Nam, nhằm góp phần thúc đẩy tạo động lực cho người lao động làm việc hăng say, sáng tạo hơn giúp công ty Cổ phần CNG phát triển bền vững và trường tồn.

**Từ khoá:** Người lao động, doanh nghiệp, động lực làm việc.

**283. Ứng dụng thương mại điện tử trong phát triển du lịch**/ Nguyễn Tấn Trung// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Trình bày thương mại điện tử trong ngành du lịch và thực trạng ứng dụng.

**Từ khóa**: Thương mại điện tử, phát triển du lịch

**284. Ước lượng hiệu quả hoạt động ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Bình// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 38-42.

**Nội dung**: Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong giai đoạn 2009-2019, phần lớn các ngân hàng thương mại đạt được hiệu quả hoạt động khá cao và có xu hướng thay đổi tốt hơn. Quy mô hoạt động ngày càng tăng trưởng, đi kèm với đó là hiệu quả kỹ thuật được cải thiện đáng kể. Đặc biệt, hiệu quả quy mô hoạt động của ngân hàng thương mại đạt kết quả tốt hơn so với hiệu quả kỹ thuật.

**Từ khoá**: hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả hoạt động, DEA, ngân hàng thương mại

**285. Ước tính tác động của các yếu tố lên thời gian sống sót của khoản vay của khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại bằng mô hình LAPLACE**/ Đoàn Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Minh, Bùi Quốc Hoàn// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 66-75.

**Nội dung**: Việc ước lượng và dự báo thời điểm mà khoản vay bị vỡ nợ là bài toán quan trọng trong việc quản trị rủi ro của ngân hàng. Người ta thường sử dụng các mô hình Cox PH hay AFT để nghiên cứu bài toán này. Tuy nhiên, các mô hình này dựa trên giả định là tác động của các biến giải thích lên toàn bộ thời gian sống sót của khoản vay là đồng nhất và giả thiết này là không đúng trong nhiều trường hợp. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng mô hình Laplace được đề xuất bởi Bottai & Zhang (2010), là mô hình hồi quy phân vị trong phân tích sống sót. Kết quả hồi quy theo phân vị cho thấy tác động của nhiều biến giải thích như tuổi tác, học vấn, tài sản hay vị trí việc làm lên thời gian sống sót của khoản vay là khác nhau theo thời gian và trên các phân vị. Ngoài ra, chỉ số tài chính được đo bằng tỷ số giữa giá trị của khoản vay trên tổng thu nhập là đồng nhất theo thời gian và trên các phân vị.

**Từ khoá**: Hồi quy phân vị, hồi quy Laplace, mô hình Cox, mô hình AFT, phân tích sống sót

**286. Vai trò của nhân viên trong xây dựng thương hiệu nội bộ trong các ngân hàng Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Nga// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 70 – 72.

**Nội dung:** Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của nhân viên trong xây dựng thương hiệu nội bộ và từ đó giúp thu hút khách hàng của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.  
**Từ khóa:** Xây dựng thương hiệu nội bộ, ngân hàng Việt Nam, nhân viên

**287. Vai trò của trình độ học vấn và giới tính của chủ hộ trong cầu đại học của các hộ gia đình**/ Trương Nhật Hoa, Nguyễn Khắc Minh, Phùng Mai Lan// Kinh tế & Phát triển .- 2021 .- Số 287 .- Tr. 86-94.

**Nội dung:** Nghiên cứu trình bày một phân tích kinh tế vi mô về cầu đại học của các hộ gia đình sau khi con/em họ tốt nghiệp phổ thông. Sử dụng dữ liệu điều tra hộ gia đình 2018 của Tổng cục Thống kê Việt Nam, nghiên cứu ước lượng 3 mô hình logit (toàn mẫu, mẫu các hộ nghèo và mẫu các hộ thu nhập trên trung bình), được xem như một trường hợp đặc biệt của mô hình tổng quát về cực đại lợi ích để giải quyết vấn đề lựa chọn giáo dục đại học. Kết quả đã chỉ ra những phát hiện hết sức thú vị: (i) khoản chi tiêu dự tính trước cho giáo dục tương lai càng lớn hay trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì xác suất cầu vào đại học cho con/em càng lớn; (ii) trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì khoảng cách ra quyết định cầu đại học giữa của chủ hộ là nam và nữ càng giảm; (iii) với hộ nghèo, chủ hộ (dù nam hay nữ) có trình độ học vấn cao thì xác suất ra quyết định cầu đại học hầu như không có sự khác biệt.

**Từ khoá:** Cầu đại học, trình độ học vấn, giới tính, chủ hộ, mô hình logit

**288. Vận dụng các nguyên tắc quản lý chất lượng của Bộ Tiêu chuẩn ISO 9000 và sự phù hợp với hoạt động quản trị văn phòng**/ Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, Trần Hồng Thái// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 584 .- Tr.63 - 65.

**Nội dung**: Bài báo này tập trung phân tích sự phù hợp trong việc vận dụng những triết lý thể hiện thông qua các nguyên tắc của Bộ Tiêu chuẩn ISO 9000 trong hoạt động quản trị văn phòng của các cơ quan, tổ chức hay doanh nghiệp. Qua đó, khẳng định giải pháp áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000 vào hoạt động văn phòng nói chung và hoạt động quản trị văn phòng nói riêng là một trong những sự lựa chọn hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận quan trọng này.

**Từ khoá:** Bộ Tiêu chuẩn ISO 9000, quản lý chất lượng, quản trị văn phòng.

**289. Vận dụng marketing địa phương nhằm phát triển du lịch tỉnh Lào Cai**/ Phạm Thị Thu Hường, Phạm Thị Nga// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 2(513) .- Tr. 84-92.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực trạng marketing địa phương trong phát triển du lịch tỉnh Lào Cai, từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường vận dụng marketing địa phương nhằm phù hợp với hiện trạng ngành du lịch, góp phần phát triển du lịch của tỉnh Lào Cai trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Marketing địa phương, phát triển du lịch, du lịch tỉnh Lào Cai, du lịch

**290. Vận dụng quản trị tri thức cho doanh nghiệp Việt Nam**/ Lê Thị Hiền, Lê Kim Ánh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 67 – 69.

**Nội dung:** Bài viết khái quát về quản trị tri thức thông qua mô hình 4 phương thức chuyển đổi tri thức của Nonaka - Takeuchi cũng như một vài ví dụ về quản trị tri thức của các công ty Nhật Bản; từ đó đưa ra một vài gợi ý để các doanh nghiệp Việt Nam áp dụng hiệu quả quản trị tri thức trong doanh nghiệp của mình.

**Từ khóa:** Quản trị tri thức, doanh nghiệp Việt Nam

**291. Việt Nam trước xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu**/ Nguyễn Ngọc Hạnh, Nguyễn Văn Dần// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 5(214) .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Trình bày xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng; tình hình thu hút FDI của VN thời gian qua; hàm ý chính sách;một số lưu ý về lựa chọn ngành trong thu hút đầu tư.

**Từ khoá**: Chuỗi cung ứng, toàn cầu hóa, thương mại hóa

**292. Vốn đầu tư phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**/ Nguyễn Việt Đức// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Tập trung phân tích nguồn vốn tài chính để làm nổi bật được vai trò của đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội bền vững; những thách thức trọng yếu trong đầu tư khởi nghiệp địa phương cũng như hành trình giải pháp, bệ đỡ kiển tạo hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

**Từ khoá**: Khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp, vốn đầu tư, đổi mới sáng tạo

**293. Vướng mắc trong thực hiện quy định về mua bán và sáp nhập tại Việt Nam**/ Tạ Thị Bích Thuỷ// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 118-122.

**Nội dung**: Bài viết phân tích, đề cập cụ thể những vấn đề còn vướng mắc trong thực hiện các cam kết quốc tế về hoạt động mua bán và sáp nhập, để doanh nghiệp Việt Nam có cái nhìn bao quát về thực tiễn triển khai các cam kết quốc tế về mua bán và sáp nhập, từ đó có giải pháp, nâng cao ưu thế trong thực hiện các cam kết quốc tế về hoạt động mua bán và sáp nhập.

**Từ khoá**: mua bán và sáp nhập, doanh nghiệp, chủ sở hữu, thị trưởng

**294. Xác định yếu tố giá sản xuất tác động đến lợi thế so sánh của ngành sản xuất trà trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**/ Võ Hoàng Anh, Phan Vũ Duy Vân, Tạ Huy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 569 .- Tr.57 - 59.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp ước lượng chi phí nội nguồn bằng chi tiêu DRC để phân tích lợi thế so sánh và độ nhạy của DRC qua các kịch bản khác nhau nhằm xác định lợi thế so sánh của cây trà. Kết quả cho thấy, hiện tại sản xuất trà ở Lâm Đồng có lợi thế so sánh cao, cụ thể trong điều kiện hiện tại nếu bỏ ra 0,369 USD chi phí nội nguồn để sản xuất trà và xuất khẩu sẽ thu về một lượng giá trị ngoại tệ gia tăng là 1USD. Với các kịch bản: chi phí nội nguồn tăng 10%, 20%, 30%, chi phí ngoại nguồn tăng 10%, 20%, 30%; giá trà xuất khẩu giảm 10%, 20%, 30% thì các hệ số DRC vẫn nhỏ hơn 1, tức lợi thế sản xuất trà ở tỉnh Lâm Đồng vẫn được duy trì.

**Từ khoá:** Giá, sản xuất trà, chi tiêu DRC.

**295.** [**Xây dựng chiến lược Marketing Mix cho các sản phẩm tự hủy làm từ tinh bột khoai tây/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/8.pdf)**Nhan Cẩm Trí, Đặng Nguyễn Xuân Trọng, Nông Văn Phước, Trần Nguyễn Ánh Duyên, Vũ Thị Thùy Dung// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 46-58.**

**Nội dung: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm hoàn thiện dự án của nhóm sinh viên nghiên cứu về sản phẩm bao bì tự hủy làm từ tinh bột khoai tây - một dự án khởi nghiệp mang tính khả thi cao. Dựa trên nền tảng lý thuyết về hành vi tiêu dùng xanh và Marketing Mix 4Ps, nhóm tác giả đã phân tích thực trạng tiêu dùng xanh tại Việt Nam, đánh giá tiềm năng của các sản phẩm thân thiện bảo vệ môi trường. Thông qua việc sử dụng các công cụ như: ma trận SWOT, IFE, EFE, QSPM, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp Marketing Mix 4Ps cho các sản phẩm tự hủy được làm từ tinh bột khoai tây, đồng thời đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao ý thức sử dụng sản phẩm sanh, sạch bảo vệ môi trường đối với người tiêu dùng.**

**Từ khóa:** Tiêu dùng xanh, marketing xanh, sản phẩm bảo vệ môi trường

**296. Xây dựng công nghiệp điện tử Việt Nam có giá trị gia tăng cao trong bối cảnh mới/** Đặng Văn Sáng// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Số liệu thống kê cũng cho thấy, doanh thu ngành công nghiệp phần cứng và điện tử chiếm khoảng 90% toàn ngành công nghệ thông tin, nhưng trên thực tế giá trị được nắm giữ chủ yếu bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi các doanh nghiệp trong nước chỉ tập trung vào lắp ráp và thực hiện những dịch vụ thương mại. Trong bối cảnh đó, để phát triển ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam tương xứng với tiềm năng cần thay đổi năng lực sản xuất từ sản xuất lắp ráp đơn thuần sang sản xuất chế tạo, lắp ráp có giá trị gia tăng cao hơn.

**Từ khoá:** Công nghiệp điện tử, giá trị xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ

**297. Xây dựng mô hình ngân hàng số bền vững**/ An Phương Điệp, Nguyễn Thị Thuỳ Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 73 – 75.

**Nội dung:** Bài báo tập trung vào việc đưa ra những bài học, những vấn đề mà ngân hàng cần quan tâm để từng bước xây dựng một mô hình ngân hàng số ổn định và bền vững.  
**Từ khóa:** Mô hình ngân hàng số, phát triển bền vững

**298. Xây dựng nông thôn mới ở một số nước châu Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam**/ Hoàng Mai Chi, Trần Thùy Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 751 .- Tr. 110-112.

**Nội dung:** Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới là chủ trương, hướng đi đúng đắn, phù hợp nhằm nâng cao năng lực sản xuất cũng như đời sống của người dân nông thôn; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường, sinh thái của đất nước. Học hỏi kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của các nước sẽ giúp Việt Nam có thể đi tắt, đón đầu xây dựng nông thôn mới hiệu quả, phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững. Bài viết nghiên cứu thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở một số nước châu Á, qua đó gợi ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Quản lý nhà nước, phát triển kinh tế nông thôn, sản xuất, nông thôn mới

**299. Xây dựng phòng thực hành mô phỏng ngân hàng tại các Trường Đại học tại Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Ngọc Chánh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2021 .- Số 211 .- Tr. 58-61.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra các ưu điểm và tổng hợp các trường đại học tại Việt Nam hiện nay đã và đang ứng dụng mô hình phòng thực hành mô phỏng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học khi xây dựng mô hình này.

**Từ khóa:** Trường đại học, mô phỏng ngân hàng, ngân hàng hiện đại

**300. Xu hướng bảo hộ thương mại trên thế giới và kiến nghị đối với Việt Nam**/ Nguyễn Thị Lan Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 586 .- Tr. 40 – 42.

**Nội dung:** Trong nhiều thập kỷ qua, thương mại toàn cầu dựa trên lý thuyết về lợi thế so sánh cho thấy các quốc gia thường chỉ làm ra những mặt hàng mà mình có lợi thế so sánh cao nhất nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Lợi thế so sánh của mỗi nền kinh tế dựa vào các yếu tố như khoa học và công nghệ, khả năng sáng tạo, nhân công rẻ, nguyên liệu dồi dào, thậm chí cả các yếu tố mang tính can thiệp của chính quyền như chính sách bảo hộ, hàng rào thế quan.. Về bản chất đó là sự phân công lao động trong dây chuyền sản xuất toàn cầu.

**Từ khóa:** Bảo hộ thương mại, thế giới, Việt Nam

**301. Xu hướng marketing bằng video trên nền tảng số sử dụng Tiktok và vận dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Vũ Phương Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.67 - 69.

**Nội dung**: Tiktok là sự kết hợp giữa những video ngắn viral, Twitter và Instagram trong đó người sử dụng sẽ đóng vai trò như là nhà sản xuất, người sáng tạo thông qua việc chỉnh sửa và đăng tải các video sao cho có hiệu ứng âm thanh, hình ảnh thu hút, vui nhộn và hút người xem. Trong ứng dụng này là những đoạn video ngắn dưới 1 phút về hát nhép, nhảy, múa, hay thậm chí là những hành động có vẻ ngớ ngẩn đều trở nên đẹp và độc lạ. Chính đều này đã tạo nên nét đặc sắc của nền tảng video từ trước đến giờ, do đó ngay khi có mặt đã tạo nên xu hướng mới trong giới trẻ. Những video nhép môi là đặc trưng của Tiktok và hầu như người dùng nà cũng sử dụng và đăng tải những video kiểu này.

**Từ khoá:** Tiktok, doanh nghiệp, marketing số.

**302. Xu hướng sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt dưới tác động của đại dịch Covid-19**/ PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, TS. Phạm Mạnh Hùng, ThS. Trương Hoàng Diệp Hương, ThS. Phạm Đức Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 10(Tháng 05) .- Tr. 16-22.

**Nội dung**: Bài viết khái quát lại sự phát triển của hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt thời gian qua tại Việt Nam, đồng thời đưa ra những đánh giá về xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt dưới tác động của đại dịch Covid-19 dựa trên kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu Viện Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

**Từ khoá**: thanh toán không dùng tiền mặt, ngân hàng, covid-19

**303. Xu hướng tiêu dùng xanh: thời cơ và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Văn Lành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.16 - 19.

Nội dung: Xu hướng tiêu dùng xanh đang này càng phổ biến trên thế giới. Đối với Việt Nam, việc bắt kịp xu hướng này sẽ tạo ra cơ hội phát triển nhanh chóng, mở rộng thị phần, cũng như tranh thủ được sự hỗ trợ của Chính phủ dành cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, tiêu dùng xanh cũng gặp phải thách thức như: giải quết mối quan hệ giữa lợi nhuận và tăng trưởng xanh, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong việc thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng xanh. Do vậy, cần có giải pháp để thúc đẩy tiêu dùng xanh, bảo đảm phát triển bền vững, bắt kịp với xu thế của thế giới.

**Từ khoá:** Tiêu dùng xanh, doanh nghiệp, phát triển bền vững.

**304. Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ : Hợp chuẩn quốc tế, tập trung nhóm hàng có lợi thế cạnh tranh**/ Minh Nguyệt// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2/2021 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Ngành hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam có thể mạnh mẽ vươn ra thế giới, ngành thủ công mỹ nghệ cần xác định hướng chiến lược xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ giai đoạn 2021 - 2025 là nâng cao năng lực xuất khẩu chuỗi giá trị hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam trên cơ sở tập trung vào các nhóm mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, gia tăng giá trị sản phẩm, tăng cường hợp chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng được nhiều phân khúc thị trường khác nhau, trong đó tập trung vào phân khúc thị trường trung và cao cấp.

**Từ khoá**: Xuất khẩu,hàng thủ công mỹ nghệ, phân khúc thị trường

**305. Xuất khẩu qua sàn thương mại điện tử: Doanh nghiệp tự tin vào năng lực, sản phẩm**/ Hồng Loan// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 44-46.

**Nội dung:** Thương mại điện tử (TMĐT) xuyên biên giới phát triển mạnh và là cánh cửa mới cho các doanh nghiệp Việt xuất khẩu trực tuyến. Để không bỏ lỡ cơ hội lớn, doanh nghiệp xuất khẩu cần tự tin vào chính năng lực sản xuất, kinh doanh và chất lượng sản phẩm, đám bảo giao hàng đúng hẹn cho các đơn hàng lớn. Doanh nghiệp cũng cần quan tâm đến việc xây dựng lại việc nhận diện thương hiệu, cần có hình ảnh chỉn chu và thông tin nội dung của sản phẩm phù hợp, chính xác, đầy đủ và chi tiết... Từ đó giúp người mua tìm kiếm về sản phẩm tốt hơn, tin tưởng vào sản phẩm của doanh nghiệp nhiều hơn.

**Từ khoá**: Xuất khẩu, Thương mại điện tử, Doanh nghiệp, Năng lực, Sản phẩm

**306. Yếu tố ảnh hưởng đến chia sẻ tri thức của nhân viên ngân hàng BIDV tại TP.Hồ Chí Minh/ Phạm** Thị Kim Ngân// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 121-123.

**Nội dung:** Thông qua khảo sát nhân viên làm việc trong Hệ thống ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) trên địa bàn TP.HCM về chia sẻ tri thức, kết quả nghiên cứu cho thấy, co 6 yếu tố tác động đến chia sẻ tri thức nhân viên BIDV trên địa bàn TP.HCM bao gồm: niềm tiên, giao tiếp, lãnh đạo, khen thưởng, công nghệ thông tin, đào tạo. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị để các nhà quản trị ngân hàng có phương pháp quản trị điều hành làm gia tăng hiệu quả chia sẻ tri thức trong lĩnh vực ngân hàng.

**Từ khoá:** Hệ thống ngân hàng, nhân viên, tri thức

**307. Yếu tố tác động đến thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Đặng Thị Lan Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 749 .- Tr. 53-57.

**Nội dung**: Tác giả nghiên cứu tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài đến thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2015-2019. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, chi phí hoạt động và tỷ suất sinh lời trên tài sản có ảnh hưởng thuận chiều và có ý nghĩa thống kê đến thu nhập lãi cận biên. Thêm vào đó, hệ số cho vay trên tiền gửi có mối quan hệ ngược chiều với thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại trong giai đoạn này.

**Từ khoá**: thu nhập lãi cận biên, ngân hàng thương mại, cho vay, thu nhập

**308.** [**Yếu tố tác động năng lực cạnh tranh của Ngân hàng Đại chúng Việt Nam/**](https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2020-07-08-53/6.pdf)**Ngô Văn Tuấn, Nguyễn Thị yến Nhi// Phát triển và Hội nhập .- 2020 .- Số 53(63) .- Tr. 32-39.**

**Nội dung: Nghiên cứu năng lực cạnh tranh của PVcomBank dựa trên 8 yếu tố tác động gồm: Năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành, chất lượng nguồn lực, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, chất lượng phục vụ, chính sách marketing, khả năng cạnh tranh về giá và trình độ công nghệ của ngân hàng. Nghiên cứu sử dụng số liệu khảo sát thực tế và kiểm định mô hình qua các bước như kiểm định độ tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố EFA và phân tích hồi quy. Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các yếu tố trên đều tác động tích cực đến năng lực cạnh tranh của PVcomBank. Trong đó yếu tố năng lực tài chính có tác động mạnh nhất và yếu tố nguồn nhân lực tác động yếu nhất. Từ kết quả trên, nghiên cứu đã gợi ý một số giải phám nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của giúp PVcomBank khai thác triệt để các nguồn lực sẵn có nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh đạt được mục tiêu đề ra của PVcomBank trong thời gian tới.**

**Từ khóa: Ngân hàng, năng lực cạnh tranh**

**309. Yếu tố tác động đến quản trị nguồn nhân lực: hàm ý cho các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam**/ Hồ Minh Thế// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 573 .- Tr.67 - 69.

**Nội dung:** Quản trị nhân lực là cả một quá trình và có sự tác động từ nhiều phía. Hiện nay, có khá nhiều yếu tố tác động đến quản trị nguồn nhân lựcvà các yếu tố này thường xuyên thay đổi, có thể phân chia thành các nhóm yếu tố tác động cơ bản sau: Nhóm yếu tố thuộc môi trường bên trong như mục tiêu, chiến lược công ty, văn hoá doanh nghiệp, phong cách lãnh đạo của doanh nghiệp ... Bài viết tìm hiểu chi tiết nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực hiện nay.

**Từ khoá:** Quản trị nguồn nhân lực, doanh nghiệp tư nhân, nguồn nhân lực

**KIẾN TRÚC**

**1. Bảo tồn giá trị văn hóa kiến trúc nhà sàn truyền thống của người Tày tại huyện ATK Định Hóa (Thái Nguyên)/** TS. Tạ Quốc Khánh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 86-90.

**Nội dung:** Giá trị văn hóa kiến trúc ngôi nhà sàn truyền thống của người Tày ở Định Hóa; Thực trạng và đề xuất bảo tồn, phát huy giá trị nhà sàn truyền thống tại huyện Định Hóa, Thái Nguyên.

**Từ khóa:** Kiến trúc nhà sàn, di sản kiến trúc

**2. Bảo tồn và phát huy giá trị di tích cột cờ thủ ngữ thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. KTS. Trương Ngọc Quỳnh Châu, ThS. KTS. Vũ Chí Kiên, KTS. Lê Võ Trường Giang// Kiến trúc .- 2021 .- Số 310 .- Tr. 72-76.

**Nội dung:** Quá trình hình thành và biến đổi của cột cờ và cảnh quan xung quanh; Nhìn nhận giá trị di tích; Đinh hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích cột cờ thủ ngữ Tp. Hồ Chí Minh; Kết luận.

**Từ khóa**: Di tích cột cờ thủ ngữ

**3. Có thể xây dựng nền kiến trúc hiện đại – bản địa ở Việt Nam/** PGS. TS. KTS. Nguyễn Hồng Thục// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 26-29.

**Nội dung:** Kiến trúc như sản phẩm của xã hội và lịch sử; Kiến trúc chịu sự chi phối của thời đại nhưng lại có nguồn gốc dân tộc; Nắm bắt sự vận động của kiến trúc trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay; Những tiêu chí có thể xác định kiến trúc tốt hiện nay ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Kiến trúc hiện đại, bản địa

**4. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 : động lực mới cho ngành Kiến trúc/** PGS. TS. KTS. Nguyễn Anh Tuấn, ThS. KTS. Trần Anh Tuấn// Xây dựng .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 68-75.

**Nội dung:** Lịch sử các cuộc “Cách mạng công nghiệp” trong kiến trúc; Kiến trúc có vai trò trong xã hội ở kỷ nguyên 4.0; Những công nghệ đang nổi lên như tiềm năng cho ngành kiến trúc.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành Kiến trúc

**5. Đô thị thông minh bắt đầu từ tầm nhìn thông minh/** Đào Thị Như// Kiến trúc .- 2021 .- Số 309 .- Tr. 56-60.

**Nội dung:** Xem xét về khái niệm thông minh, bàn luận về tầm nhìn thông minh như một nền tảng quan trọng khi xem xét sự thông minh hay không thông minh của thành phố, qua đó đóng góp một nền tảng quan trọng để đạt được sự thông minh bền vững.

**Từ khóa**: Đô thị thông minh, đô thị

**6. Giải pháp hướng tới một không gian sống hiện đại và thân thiện với môi trường/** Nguyễn Thanh Bảo Nghi// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 80-82.

**Nội dung:** Thiết kế thông gió và chiếu sáng hợp lý; Thiết kế kiến trúc vỏ bao che giảm thiểu tác động của môi trường; Tối giản hóa nội thất; Chọn vật liệu bền vững và có những tính năng đặc biệt; Giải pháp về công nghệ.

**Từ khóa:** Kiến trúc nội thất, giải pháp

**7. Hiểu và nhận thức về tính bản địa trong kiến trúc/** ThS. KTS. Trần Mạnh Cường// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 233 .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Cách hiểu mới và biện chứng về nội hàm và ngoại diện của vấn đề bản địa trong kiến trúc là tiền đề để xây dựng hệ tiêu chí nhận diện các biểu hiện của tính bản địa, góp phần định hướng các dòng chảy “bản địa hóa” và “quốc tế hóa” tới chỗ gặp nhau và hội tụ thành những công trình kiến trúc tiên tiến và mang đậm bản sắc Việt Nam.

**Từ khóa:** Tính bản địa, kiến trúc

**8. Khai thác yếu tố đặc trưng trong kiến trúc cảnh quan công trình nghỉ dưỡng tại Châu Đốc/** ThS. KTS. Khâm Minh Phúc, TS. Vũ Thị Hồng Hạnh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 71-75.

**Nội dung:** Giới thiệu một số yếu tố đặc trưng của Châu Đốc và vận dụng thiết kế kiến trúc cảnh quan công trình nghỉ dưỡng tại khu vực này.

**Từ khóa:** Kiến trúc cảnh quan, kiến trúc công trình

**9. Kiến trúc miếu thờ của người Hoa ở Châu Đốc/** KTS. Vĩnh Thông// Kiến trúc .- 2021 .- Số 309 .- Tr. 79-82.

**Nội dung:** Phân tích những đặc điểm, hiện trạng và đánh giá giá trị các công trình kiến trúc miếu thờ của người Hoa ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**Từ khóa**: Kiến trúc miếu thờ, người Hoa, Châu Đốc

**10. Kiến trúc nhà trưng bày và bảo quản Mộc Bản tại chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bổ Đà, tỉnh Bắc Giang/** ThS. KTS. Nguyễn Thu Thủy, KTS. Dương Thành Nam, KTS. Hàn Phương Liên// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 233 .- Tr. 74-77.

**Nội dung:** Nghiên cứu về đặc điểm, yêu cầu bảo quản cùng với những kinh nghiệm truyền thống, từ đó đề xuất một số giải pháp kiến trúc nhà trưng bày và bảo quản Mộc Bản tại chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bổ Đà, tỉnh Bắc Giang.

**Từ khóa:** Kiến trúc nhà trưng bày, kiến trúc chùa

**11. Kinh nghiệm về định hướng và chính sách kiến trúc ở Châu Âu, Mỹ/** TS. Lý Văn Vinh// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 233 .- Tr. 22-27.

**Nội dung:** Chia sẻ kinh nghiệm và chính sách về kiến trúc ở một số nước châu Âu và Mỹ.

**Từ khóa:** Kiến trúc công trình, kinh nghiệm

**12. Mặt hình học hyperboloid một tầng tròn xoay và khả năng ứng dụng trong kiến trúc/** ThS. KTS. Phan Thị Hoàng Yến// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 233 .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Cung cấp khái niệm, các cách tạo mặt và phân loại các dạng mặt cắt của mặt hyperboloid một tầng tròn xoay, từ đó đề xuất những gợi ý ứng dụng mặt hyperboloid một tầng tròn xoay trong kiến trúc.

**Từ khóa:** Mặt hyperboloid một tầng tròn xoay, kiến trúc

**13. Nâng cao hiệu quả các giải pháp giảm thiểu tác hại của thiên tai đối với nhà ở trong vùng lụt bão/** Vũ Hồng Thủy// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 42-46.

**Nội dung:** Đánh giá và nghiên cứu thận trọng kết quả các giải pháp, lựa chọn, bổ sung những yếu tố mới, áp dụng công nghệ, sử dụng vật liệu mới làm cho việc xây dựng những ngôi nhà có khả năng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu một cách hiệu quả, tránh lãng phí các nguồn lực của xã hội kể cả nguồn lực tài trợ và vận động tài trợ.

**Từ khóa:** Kiến trúc nhà ở, vùng lụt bão, thiên tai

**14. Nghiên cứu tích hợp giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quy hoạch sử dụng đất đô thị/** ThS. Đào Hải Nam, TS. Trần Xuân Hiếu, ThS. Dương Quỳnh Nga, ThS. Trần Quốc Thái// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 47-50.

**Nội dung:** Đề cập tới xu hướng tích hợp giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quy trình quy hoạch sử dụng đất đô thị, được xem như một xu hướng tất yếu, giúp cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách định hình một tương lai bền vững cho các đô thị ở Việt Nam thông qua bài học kinh nghiệm của Philippines.

**Từ khóa:** Quy hoạch sử dụng đất, đô thị, thiên tai

**15. Quy hoạch đô thị vệ tinh và tác động đến thị trường bất động sản/** TS. KTS. Nguyễn Trung Dũng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 109+110 .- Tr. 30-33.

**Nội dung:** Trình bày xu hướng quy hoạch các đô thị vệ tinh tại một số đô thị lớn, một số yếu tố mới tác động đến hình thành thị trường nhà ở tại các đô thị vệ tinh, thị trương bất động sản tại các đô thị vệ tinh.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị vệ tinh, thị trường bất động sản

**16. Sự hội tụ của nghệ thuật kiến trúc & điêu khắc/** Lê Thanh Sơn, Nguyễn Ngọc Uyên// Kiến trúc .- 2021 .- Số 310 .- Tr. 64-68.

**Nội dung:** Trình bày về sự hội tụ của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc trong nghệ thuật đương đại.

**Từ khóa**: Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc

**17. Thiên nhiên và con người trong định hướng kiến trúc Việt Nam/** KTS. Nguyễn Trường Lưu// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 20-25.

**Nội dung:** Khái quát về định hướng kiến trúc từ năm 1945 đến nay; Môi trường tự nhiên và kiến trúc; Kiến trúc tiêu biểu cho thời kỳ từ năm 2000 đến năm 2020; Biến đổi khí hậu toàn cầu; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa:** Kiến trúc Việt Nam

**18. Tiến tới xây dựng định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam phù hợp phát triển kinh tế xã hội đất nước và hội nhập quốc tế/** TS. KTS. Phan Đăng Sơn, KTS. Nguyễn Tấn Vạn, KTS. Nguyễn Quốc Thông, KTS. Nguyễn Văn Tất// Kiến trúc .- 2021 .- Số 3(311) .- Tr. 17-19.

**Nội dung:** Phân tích đánh giá tình hình thực hiện định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam theo Nghị định số 112/2002/NĐ-CP. Kết hợp tổng hợp bức tranh toàn cảnh, thực trạng tình hình kiến trúc Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Kiến trúc Việt Nam, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế

**19. Vai trò và lợi ích của không gian học tập phi chính thức trong thiết kế trường học/** TS. Đặng Hoàng Vũ// Kiến trúc .- 2021 .- Số 310 .- Tr. 77-80.

**Nội dung:** Thiết kế trường học hiện nay ở Việt Nam và sự cần thiết phải thay đổi quan niệm và các quy định về thiết kế trường học; Không gian học phi chính thức.

**Từ khóa**: Thiết kế trường học, không gian gọc tập

**20. Văn hóa miền Trung với kiến trúc nhà thờ tộc họ : các giá trị cần được lưu giữ và bảo tồn/** Lê Minh Sơn, Phan Thanh Trung, Phan Bảo An// Kiến trúc .- 2021 .- Số 309 .- Tr. 73-78.

**Nội dung:** Nghiên cứu các nhà thờ văn hóa tộc họ của vùng đất Bảo An thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp trong thời gian đến để xử lý đúng mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, kinh tế với văn hóa, xem đây là một trong những động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Văn hóa Việt Nam, kiến trúc nhà thờ tộc họ

**21. Xác định các tiêu chí cơ bản của kiến trúc thế kỷ 21/** TSKH. KTS. Ngô Viết Nam Sơn// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 233 .- Tr. 28-33.

**Nội dung:** Xác định 8 tiêu chí cơ bản của kiến trúc làm nền tảng cho việc đề xuất một cách có hệ thống và khoa học, những vấn đề trọng tâm cần phải được các nhà quản lý quy hoạch kiến trúc quan tâm trong việc định hướng tương lai của kiến trúc Việt Nam.

**Từ khóa:** Kiến trúc Việt Nam, tiêu chí cơ bản

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1. Á Nam Trần Tuấn Khải – nhà thơ của buổi giao thời/** Vũ Thanh// Nghiên cứu văn học .- 2021 .- Số 4(590) .- Tr. 81-88.

**Nội dung:** Phân tích một cách lịch sử - cụ thể những đóng góp nghệ thuật của Á Nam chủ yếu dưới góc độ đề tài, chủ đề, việc xây dựng hình tượng nghệ thuật và thể loại tác phẩm, cho thấy vai trò lịch sử mang tính dấu nối của một nhà thơ trong buổi chuyển giao thời đại của văn học dân tộc.

**Từ khóa:** Á Nam Trần Tuấn Khải, loại hình tác giả Nho học – Tân học, văn học giao thời

**2. Các thiết chế và vai trò của chúng trong tiến trình văn học/** Trần Văn Toàn// Nghiên cứu văn học .- 2021 .- Số 5(591) .- Tr. 87-96.

**Nội dung:** Phân tích và làm sáng tỏ vai trò của các thiết chế trong sự vận động và biến đổi của lịch sử văn học Việt Nam, qua đó nhân thức rõ hơn một vấn đề lí thuyết văn học như một diễn ngôn.

**Từ khóa:** Diễn ngôn, quyền lực, thị trường văn học, văn học Việt Nam

**3.** **Để chống lại chủ nghĩa so sánh : (giải) điển phạm hóa qua phim cải biến truyện của Hồ Biểu Chánh (trường hợp Chúa tàu Kim Quy)/** Hoàng Cẩm Giang// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 3(589) .- Tr. 41-59.

**Nội dung:** Nghiên cứu về chủ nghĩa so sánh, điển phạm hóa trong cải biên học và “nebila”. Phân tích trào lưu cải biến truyện Hồ Biểu Chánh và sự tái điển phạm hóa; Chúa tài Kim Quy trong các vùng “nebulas”.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa so sánh, cải biên, văn hóa đại chúng

**4. Đi tìm cơ chế tư duy nghệ thuật trong quan hệ sinh thái và văn học, tham chiếu trường hợp sinh thái Văn học Nam Bộ/** Hồ Quốc Hùng// Nghiên cứu văn học .- 2021 .- Số 4(590) .- Tr. 89-95.

**Nội dung:** Tìm hiểu cơ chế tư duy nhận thức thế giới, cảm thụ nghệ thuật và diễn ngôn văn bản. Từ đó chỉ ra sự khác biệt sinh thái tự nhiên cùng Nam bộ đã tạo ra sức sống riêng cho văn học so với vùng văn học phía Bắc (Việt Nam) qua một số biểu hiện trong sáng tác của các nhà văn phía Nam.

**Từ khóa:** Cơ chế tư duy nghệ thuật, sinh thái văn học, Nam Bộ

**5.** **Dịch văn học từ góc nhìn thông diễn học/** Nguyễn Duy Bình// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 3(589) .- Tr. 22-32.

**Nội dung:** Từ góc nhìn ngôn ngữ, văn học và văn hóa, bài viết sẽ cố gắng làm rõ một số vấn đề về lý thuyết và thực tiễn dịch văn học qua các quan điểm thông diễn học của các nhà nghiên cứu Han-Geong Gadamer, Eric Donald Hirsch, Paul Ricoeur.

**Từ khóa:** Thông diễn học, dịch thuật, dịch văn học, Hirsch, Ricoeur, Gadamer

**6. “Người đọc” của Nguyễn Tuân trong tình thế cách mạng (tiếp cận xã hội học văn học về trường hợp Chùa Đàn)/** Hoàng Quang Tuấn// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 3(589) .- Tr. 103-118.

**Nội dung:** Từ góc nhìn xã hội học văn học, nghiên cứu này phác dựng định chế văn hóa văn nghệ những năm 1940 nhìn từ phương diện đáp ứng các yêu cầu kháng chiến và kiến quốc; đồng thời, thông qua việc phân tích những chuyển biến trong tu tưởng xã hội và quan niệm nghệ thuật chi phối các mối tương tác và thực hành nghệ thuật của nhà văn, xét qua trường hợp Nguyễn Tuân, tìm cách lí giải về một thời điểm quan trọng khởi sinh và định hình tính chất của nền văn nghệ nước Việt Nam mới.

**Từ khóa:** Văn hóa mới, tính thế cách mạng, xã hội văn học, trường văn học, Nguyễn Tuân

**7. Nguyễn Huy Cẩn – một số nét về cuộc đời và tác phẩm/** Phạm Văn Ánh// Nghiên cứu văn học .- 2021 .- Số5(591) .- Tr. 97-107.

**Nội dung:** Khái lược những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp, sáng tác của Nguyễn Huy Cẩn, làm cơ sở cho những nghiên cứu sâu hơn về tác giả này.

**Từ khóa:** Văn học trung đại, Nguyễn Huy Cận, Phương Am Nguyễn tiên sinh truyện

**8. Sự hình thành viễn tượng lịch sử và quy ước diễn giải văn học mới ở Việt Nam dân chủ cộng hòa 1945-1946 (trường hợp tạp chí Tiên Phong)/** Hoàng Quang Tuấn// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 3(589) .- Tr. 89-102.

**Nội dung:** Nghiên cứu và làm rõ mối quan hệ giữa viễn tưởng về lịch sử văn học và các quy ước diễn giải vă học ở Việt Nam Dân chủ cộng hòa từ 1945 đến 1946. Phân tích các diễn ngôn về lịch sử văn hóa và chỉ ra rằng các diễn ngôn này hình thành nên một bức tranh lịch sử mới về văn hóa và văn học, định hình các quy ước diễn giải. Cuối cùng, bài viết phác họa ảnh hưởng của các quy ước này đến nền phê bình và sáng tác văn học ở Việt Nam dân chủ cộng hòa đương thời và sau đó.

**Từ khóa:** Quy ước diễn giải, viễn tưởng lịch sử văn học, phê bình văn học

**9. Thân thế và văn học : hệ đề tài nghiên cứu/** Trần Ngọc Hiếu// Nghiên cứu văn học .- 2021 .- Số5(591) .- Tr. 108-119.

**Nội dung:** Lược thuật những luận điểm chính trong cuốn sách để thông tin về những chủ đề, những quan tâm chính của nghiên cứu thân thể. Từ đó đề xuất một cách “đọc” sự thể hiện thân thể trong tác phẩm văn chương.

**Từ khóa:** Thân thế, thân thế trong văn học, nghiên cứu văn hóa

**10. Tích tụ tư bản trong trường văn học đầu thế kỉ XX qua tiếp nhận vốn văn học nước ngoài/** Phùng Kiên// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 3(589) .- Tr. 76-88.

**Nội dung:** Bài viết xuất phát từ một thực tiễn là nổ lực dịch và giới thiệu các tri thức văn hóa và văn học vào Việt Nam những năm 1920-1930 được thực hiện bởi các tri thức đương thời. Từ góc độ quan hệ các trường lực của văn học thế giới được P. Casanova phát triển nhằm xem xét những mối quan hệ bất cân xứng giữa các khu vực có vốn văn học lớn mang tính thống trị với các không gian bị trị.

**Từ khóa:** Trường văn học, tiếp nhận văn học, văn học cận đại, Nam Phong tạp chí, Vũ Ngọc Phan

**11. Tư tưởng văn nghệ Diên An và tình hình tiếp nhận tại Việt Nam giai đoạn 1940-1960/** Ngô Viết Hoàn// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 3(589) .- Tr. 119-131.

**Nội dung:** Tập trung luận giải về tình hình tiếp nhận tư tưởng Mao Trạch Đông tại Việt Nam giai đoạn 1940-1960, qua đó phần nào liên hệ với sự dịch chuyển về tư tưởng văn nghệ tại Việt Nam qua hai giai đoạn 1930-1945 và 1945-1975.

**Từ khóa:** Tọa đàm văn nghệ Diên An, tiếp nhận văn học, văn học Việt Nam giai đoạn 1940-1960, tư tưởng văn nghệ Mao Trạch Đông

**12. Tương tác thể loại trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại**/ Đỗ Thị Cẩm

Vân// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 4(Tập 63) .- Tr.56-59.

**Nội dung**: Nêu sự tương tác thể loại trong tiểu thuyết lịch sử nói riêng và tiểu thuyết nói chung thể hiện xu thế vấn động tất yếu làm cho tiểu thuyết không ngừng được làm mới và luôn ở thì hiện tại chưa hoàn thành. Trong quá trình vận động và phát triển, các thể loại văn học không tồn tại một cách độc lập mà có sự tương tác với nhau. Các hình thức tiêu biểu của tương tác thể loại trong tiểu thuyết với đề tài lịch sử là tương tác giữa truyện ngắn với tiểu thuyết, giữa thơ và tiểu thuyết… Tương tác thể loại thể hiện ý thức sáng tạo và sự thể nghiệm của người sáng tác trước yêu cầu đổi mới của thực tiễn đời sống văn học.

**Từ khóa:** Liên thể loại, liên văn bản, tiểu thuyết lịch sử

**13. Vấn đề nữ quyền trong văn xuôi Việt Nam 1945-1975/** Phạm Ngọc Hiền// Nghiên cứu văn học .- 2021 .- Số 4(590) .- Tr. 33-41.

**Nội dung:** Giới thiệu khái niệm nữ quyền trong các nội dung: thể hiện nhu cầu, khát vọng của người phụ nữ và đấu tranh khẳng định vị trí quan trọng của người phụ nữ trong các lĩnh vực: tình yêu đôi lứa, quan hệ gia đình và công tác xã hội.

**Từ khóa:** Nữ quyền, tình yêu, hôn nhân, gia đình, văn xuôi, cách mạng

**14. Vấn đề xây dựng hệ giá trị văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện nay/** Hồ Sĩ Quý// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 3-16.

**Nội dung:** Bài viết bàn về giá trị và hệ giá trị, xác định hệ giá trị văn học nghệ thuật Việt Nam. Từ đó đề xuất một phương án hệ giá trị văn học, nghệ thuật Việt Nam giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Giá trị, hệ giá trị, hệ giá trị văn học và nghệ thuật

**15. Văn hóa ứng xử với bản thân ở Việt Nam : vấn đề và giải pháp/** Trần Thị Thúy Ngọc, Nguyễn Minh Nguyên// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 48-56.

**Nội dung:** Phân tích và chỉ ra một số vấn đề nổi cộm hiện nay về văn hóa ứng xử bản thân ở Việt Nam, trong đó có nguy cơ “đánh mất mình” trước các tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế thị trường, và “mất phương hướng” định vị bản thân trong bối cảnh xã hội nhiều áp lực và đòi hỏi mới. Từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển con người toàn diện dưới góc độ văn hóa ứng xử với bản thân từ góc độ nguyên lý triết học.

**Từ khóa:** Văn hóa ứng xử, văn hóa ứng xử với bản thân, Việt Nam

**16.** **Về một cách đọc Queer : Judith Butler đọc antigone của sophocles/** Nguyễn Thị Minh// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 3(589) .- Tr. 33-42.

**Nội dung:** Phân tích cách tiếp nhận độc đáo của Judith Butler đối với vở kịch antigone của Sophocles trong văn bản yêu sách của antigone. Bài viết chỉ ra các cách kết nối các yếu tố trong văn bản theo hành trình làm hiện thân ham này, và chỉ ra một phương thức đọc queer cùng các kết quả của nó.

**Từ khóa:** Cách đọc queer, chủ thể ham muốn, hành động biểu hành, yêu sách của Antigone

DU LỊCH

**1.** **Bàn về bảo hiểm du lịch thời đại dịch/** Bùi Thị Trang, Phạm Thị Nhạn// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 3 - 4.

**Nội dung:** Trước ảnh hưởng của dịch COVID 19, ngành du lịch thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu thiệt hại nặng nề. Cũng như nhiều ngành kinh tế khác, du lịch phải cùng lúc thực hiện “mục tiêu kép”: vừa bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe khách du lịch vửa duy trì hoạt động kinh doanh, không để đứt gãy chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch. Trong bối cảnh dịch bệnh còn có những diễn biến khó lường, yếu tố an toàn là điều kiện tiên quyết. Do vậy, bảo hiểm khi đi du lịch được khách du lịch quan tâm hàng đầu.

**Từ khóa**: Bảo hiểm du lịch, COVID-19, an toàn du lịch

**2.** **Chuyển đổi để nâng cao khả năng phục hồi của doanh nghiệp du lịch sau đại dịch//** Lê Thị Bích Hạnh, Phạm Trương Hoàng/ Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 11 - 13.

**Nội dung:** Đại dịch COVID 19 đã và đang gây ra khủng hoảng kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn cầu. Việt Nam là một trong những quốc gia kiểm soát rất tốt dịch bệnh. Tuy nhiên những tổn thất và thiệt hại do VOVID-19 gây ra vẫn rất nghiêm trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch. Làm thế nào để các doanh nghiệp có thể phục hồi và phát triển vẫn là mối trăn trở đối với các doanh nghiệm trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: COVID-19, du lịch, phục hồi du lịch

**3. Đặc tính, tiềm năng và cách thức triển khai một mô hình du lịch cộng đồng**/ Nguyễn Bảo Châu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.34 - 36.

**Nội dung:** Du lịch cộng đồng được coi là hình thức du lịch mang lại nhiều lợi ích về mặt phát triển kinh tế bền vững cho người dân bản địa, là động lực giúp người dân bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái cũng như bảo tồn và phát huy những nét văn hóa lâu đời của địa phương mình. Chính vì vậy, việc phát triển du lịch cộng đồng là phù hợp với xu thế thời đại, đáp ứng được nhu cầu tham quan và khám phá của khách du lịch trong và ngoài nước. Trong phạm vi bài viết, tác giả đã thu thập, xử lý thông tin tài liệu để tìm hiểu về những đặc điểm chung của du lịch cộng đồng, tiềm năng và du lịch cộng đồng mang lại, cũng như đề xuất cách thức triển khai một mô hình du lịch cộng đồng đặc sắc.

**Từ khoá:** Du lịch cộng đồng, kinh tế bền vững, du lịch.

**4. Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch các tỉnh Tây Bắc/** Nguyễn Xuân Hòa// Nghiên cứu địa lý nhân văn.- 2021 .- Số 01 (32) .- Tr. 79 – 89.

**Nội dung:** Các tỉnh Tây Bắc rất giàu tiềm năng về tài nguyên du lịch cả về du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn. Tuy nhiên, các dạng tài nguyên này vẫn nằm ở dạng tiềm năng do điều kiện giao thông gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật của khu vực như hạ tầng ngành cấp điện, nước, vệ sinh môi trường, cơ sở lưu trú…còn nhiều yếu kém. Trong đó, hệ thống giao thông được ví như huyết mạch kết nối các điểm du lịch của vùng vẫn còn nhiều khó khăn. Vì vậy, để có thể khai thác phát triển ngành du lịch các tỉnh Tây Bắc nhằm xóa đói, giảm nghèo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của vùng, trước hết cần sự đầu tư lớn về hệ thống giao thông đường bộ, đường không, đường thủy để du khách có thể đẽ dàng tiếp cận được các khu, điểm du lịch của địa phương.

**Từ khóa**: Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, du lịch, Tây Bắc

**5.** **Đánh giá tác động của COVID-19 đến các doanh nghiệp du lịch dịch vụ Đà Nẵng/** Võ Hữu Hòa, Bùi Kim Luận, Trần Nhật Nam// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 14 - 16.

**Nội dung:** Du lịch và các lĩnh vực liên quan là đối tượng chịu tác động sâu sắc nhất trong đại dịch COVID-19. Tại thành phố Đà Nẵng, hầu hết các chỉ tiêu được đưa vào khảo sát đánh giá đều cho thấy cụ thể những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 lên các doanh nghiệp du lịch dịch vụ. Nghiên cứu cũng phần nào cho thấy những biện pháp ứng phó của các doanh nghiệp trong nổ lực tái cấu trúc và quản trị nhằm duy trì hoạt động và công tác chuẩn bị cho quá trình phục hồi thời gian tới.

**Từ khóa**: Tác động của COVID-19, doanh nghiệp du lịch, Đà Nẵng

**6. Để phục hồi ngành khách sạn toàn cầu/** Lê Hải// Du lịch Việt Nam.- 2021 .- Số 04 .- Tr. 12 – 13.

**Nội dung:** Theo khả sát của Statista – Hãng nghiên cứu thị trường trên phạm vi toàn thế giới, năm 2020, ngành công nghiệp khách sạn toàn cầu bị thiệt hại nặng nề với mức doanh thu đạt 198,6 tỷ USD, giảm 46% so với năm 2019 và sẽ phải mất 3 năm để phục hồi sau ảnh hưởng của đại dịch COVID 19.

**Từ khóa**: Ngành khách sạn, toàn cầu, khôi phục, **COVID** 19

**7.** **Du lịch cộng đồng và những bài học kinh nghiệm/** Nguyễn Văn Đính// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 58 - 59.

**Nội dung:** Ngày nay, du lịch cộng đồng đang được đặt ra trong chiến lược phát triển du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới với mục tiêu mang lại lợi ích chung cho cộng đồng địa phương, đặc biệt cho cộng đồng các làng quê xa xôi ở nông thôn. Phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng là quan điểm phát triển đúng đắn ngày càng được xã hội quân tâm và khuyến khích. Tại Việt Nam, du lịch cộng đồng cũng đã đem lại nhiều lợi ích về mặt kinh tế, xã hội cho cộng đồng dân cư địa phương. Vì thế, việc hiểu về du lịch cộng đồng, có giải pháp phát triển du lịch cộng đồng đúng đắn là hết sức quan trọng.

**Từ khóa**: Du lịch cộng đồng, du lịch địa phương

**8.** **Du lịch cộng đồng và những bài học kinh nghiệm/** Nguyễn Văn Đính// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 58 - 59.

**Nội dung:** Ngày nay, du lịch cộng đồng đang được đặt ra trong chiến lược phát triển du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới với mục tiêu mang lại lợi ích chung cho cộng đồng địa phương, đặc biệt cho cộng đồng các làng quê xa xôi ở nông thôn. Phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng là quan điểm phát triển đúng đắn ngày càng được xã hội quân tâm và khuyến khích. Tại Việt Nam, du lịch cộng đồng cũng đã đem lại nhiều lợi ích về mặt kinh tế, xã hội cho cộng đồng dân cư địa phương. Vì thế, việc hiểu về du lịch cộng đồng, có giải pháp phát triển du lịch cộng đồng đúng đắn là hết sức quan trọng.

**Từ khóa**: Du lịch cộng đồng, du lịch địa phương

**9. Du lịch Hà Giang trong đại dịch COVID-19 : thực trạng và khả năng phục hồi**/ Lê Đình Tân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tới du lịch toàn cầu và Việt Nam; Du lịch tại Hà Giang trong đại dịch; Một số giải pháp khả năng phục hồi và phát triển ngành du lịch tỉnh Hà Giang.

**Từ khoá**: Du lịch, dịch Covid-19, phát triển du lịch

**10. Giải pháp phát triển ngành du lịch y tế tại TP. Hồ Chí Minh**/ Lý Thành Tiến// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Trình bày Khái quát về du lịch y tế; phát triển du lịch y tế tại TP Hồ Chí Minh; một số giải pháp.

**Từ khóa**: Giải pháp, phát triển du lịch, TP. Hồ Chí Minh

**11. “Hộ chiếu vaccine”: Nên áp dụng ở quy mô cho phép/** Phạm Hồng Long// Du lịch Việt Nam.- 2021 .- Số 04 .- Tr. 17 – 18.

**Nội dung:** “Hộ chiếu vaccine đang được nhiều quốc gia nghiên cứu áp dụng nhằm thúc đẩy thông thương, nối lại hoạt động du lịch sau thời gian dài “đóng bang” vì đại dịch COVID 19. Tín hiệu này được kỳ vọng tạo ra cú hích mạnh mẽ để khôi phục kinh tế, du lịch…

**Từ khóa**: Vaccine, COVID 19, du lịch

**12. Hoàn thiện quy trình kinh doanh lữ hành trong giai đoạn hiện nay**/ Nguyễn Viết Bình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Nội dung bao gồm : Một số khái niệm về kinh doanh lữ hành; Phân loại và vai trò của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; Quy trình kinh doanh lữ hành; Quy trình kinh doanh của đại lý lữ hành; Hoàn thiện quy trình kinh doanh lữ hành trong giai đoạn hiện nay; Một số yêu cầu trong hoạt động kinh doanh lữ hành hiện nay.

**Từ khoá**: Kinh doanh lữ hành, du lịch

**13.** **Khai thác di sản địa chất hệ thống hang động núi lửa KRông Nô, tỉnh Đăk Nông phục vụ phát triển du lịch/** Phạm Thị Trầm// Nghiên cứu địa lý nhân văn.- 2021 .- Số 01 (32) .- Tr. 40 – 47.

**Nội dung:** Trên cơ sở phân tích các giá trị di sản địa chất và một số điều kiện thúc đẩy phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hang động núi lửa, bài báo gợi mở một số giải pháp: quy hoạch hệ thống hang động núi lửa và tài nguyên du lịch khác, đa dạng hóa, phát triển các loại hình du lịch theo đặc điểm tính chất của từng loại hang, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ khai thác tài nguyên di sản địa chất cho phát triển du lịch, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch.

**Từ khóa**: Hang động núi lửa, di sản địa chất, công viên địa chất toàn cầu Đăk Nông, KRông Nô

**14.** **Khai thác khách du lịch Trung Quốc đến 7 tỉnh biên giới phía bắc/** Phan Anh Vũ// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 36 - 37.

**Nội dung:** Trung Quốc là một thị trường nguồn khách du lịch rất quan trọng và có tiềm năng khai thác vô cùng lớn đối với các quốc gia trong khu vực Châu Á, trong đó có Việt Nam. Thị trường khách du lịch Trung Quốc hiện nay vẫn luôn giữ vị trí số một trong các thị trường nguồn khách quốc tế đến Việt Nam. Cùng với đó, Việt Nam cũng là một trong top 10 điểm đến ưa thích của khách du lịch Trung Quốc khi đi du lịch nước ngoài.

**Từ khóa**: Khách du lịch Trung Quốc, biên giới phía bắc, khai thác du lịch

**15. Kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với đại dịch Covid - 19 trong ngành du lịch tàu biển và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Sâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 587 .- Tr.4 - 6.

**Nội dung:** Các đợt bùng phát Covid - 19 đã được báo cáo trên các tàu du lịch bắt đầu từ tháng 2 năm 2020 đưa ra những thách thức mới cho ngành du lịch biển. Khi đại dịch phát triển, chính phủ các nước và ngành công nghiệp du lịch trên toàn thế giới bao gồm các công ty du lịch tàu biển đã phát triển các kế hoạch ứng phó. Bài báo nghiên cứu 2 tình huống tàu thủy du lịch của Mỹ và Nhật Bản nhằm cung cấp tổng quát cao về phản ứng của chính phủ Hoa Kỳ và Nhật đối với đại dịch Covid - 19 cũng như đưa ra một số bình luận ngắn gọn về các bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho lĩnh vực tàu du lịch của Việt Nam trong tương lai.

**Từ khoá:** Du lịch tàu biển, Covid – 19

**16.** **Mô hình bảo tàng sinh thái cộng đồng Mường: Giải pháp cho phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy văn hóa tộc người vùng lòng hồ Hòa Bình/** Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Duy Thiệu// Nghiên cứu địa lý nhân văn.- 2021 .- Số 01 (32) .- Tr. 29 – 39.

**Nội dung:** Cộng đồng người Mường ở khu vực lòng hồ Hòa Bình đã tạo nên một nền văn hóa có bản sắc rõ nét với các đặc trưng cơ bản của nếp sống văn hóa. Trong những năm gần đây, loại hình bảo tàng sinh thái đang hình thành và phát triển mạnh gắn giữa bảo tồn và phát triển. Bài báo đã sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học và điều tra xã hội học để xây dựng mô hình Bảo tàng sinh thái cộng đồng Mường cho khu vực hồ thủy điện Hòa Bình. Đây là một mô hình bảo tàng mới về quan niệm, hình thức và nội dung tổ chức trưng bày cũng như các phương thức hoạt động. Mô hình bảo tàng được thiết kế đặt tại bản Ngòi, xã Ngòi Hoa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Đây là một mô hình bảo tàng mới về quan niệm, hình thức và nội dung tổ chức trưng bày cũng như các phương thức hoạt động.

**Từ khóa**: Bảo tàng sinh thái, Dân tộc Mường, Du lịch cộng đồng, hồ Hòa Bình

**17. Mô hình kinh doanh Luxstay đem lại nguồn tài chính cho ngành du lịch**/ Nguyễn Lam Hạnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Mô hình kinh doanh của Luxstay; Ảnh hưởng của dịch vụ home-sharing Luxstay đến ngành khách sạn Việt Nam; Giải pháp phát triển mô hình home sharing nói chung.

**Từ khoá**: Mô hình kinh doanh, nguồn tài chính, ngành du lịch

**18. Một số giải pháp phát triển du lịch di sản địa chất gắn với phát triển bền vững tại Việt Nam**/ Nguyễn Lan Hoàng Thảo, Nguyễn Thanh Thuỷ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.30 - 32.

**Nội dung:** Việt Nam có nhiều khu vực giàu di sản địa chất, có thể xây dựng thành sản phẩm du lịch có sức hút lớn đối với du khách. Tuy nhiên, hiện nay nguồn tài nguyên này chưa được đánh giá, quy hoạch, khai thác và phát triển tương xứng với tiềm năng sẵn có để mang lại lợi ích kinh tế và xã hội gắn với phát triển bền vững của đất nước. Bài báo tiến hành nghiên cứu thực trạng du lịch di sản địa chất Việt Nam, phân tích những cơ hội và thách thức của việc phát triển du lịch di sản địa chất của đất nước từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch di sản địa chất tại Việt Nam gắn với phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Du lịch, di sản địa chất, phát triển bền vững, Việt Nam

**19. Nâng cao sự tự tin của sinh viên khoa Du lịch – Khách sạn đối với yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp thời đại 4.0/** Nguyễn Thị Mộng Ngọc// 2020 .- Vol 6 (N0.2) .- Tr. 33-41.

**Nội dung:** Nghiên cứu xác định kỹ năng nghề nghiệp của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đối với lĩnh vực du lịch – khách sạn. Đưa ra đề xuất giúp sinh viên khoa DL-KS tại Huflit tự tin hơn với những kỹ năng nghề nghiệp và năm bắt cơ hội thành công.

**Từ khóa:** Kỹ năng mới, du lịch khách sạn, thời đại 4.0.

**20.** **Nghệ thuật công cộng nâng tầm giá trị điểm đến/** Đỗ Thị Thanh Hoa, Trần Phương Mai// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 31 - 35.

**Nội dung:** Với sự phát triển không ngừng của du lịch trong dòng chảy thời đại, những giá trị văn hóa phản ánh đời sống cộng đồng với cá tính thẩm mỹ đang ngày càng có sức hút mãnh liệt và chính nghệ thuật công cộng đã mang lại sức hút, sự lôi cuốn này. Nó lột tả được vẻ đẹp của văn hóa, lịch sử, vẻ đẹp tâm hồn và tri thức cộng đồng điểm đến. Nó mang lại những khoảnh khắc trải nghiệm và suy ngẫm trong sự vận động không ngừng của xã hội hiện đại, sự giao lưu, sẻ chia những luồng văn hóa, tư tưởng, sự thấu hiểu và gần gũi.

**Từ khóa**: Nghệ thuật công cộng, giá trị điểm đến, du lịch

**21. Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên với chương trình đào tạo đặc thù ngành du lịch**/ Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Vũ Tuấn Dương// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 82-91.

**Nội dung**: Nghiên cứu có mục tiêu xây dựng mô hình, thang đo và đánh giá tác động các yếu tố tới sự hài lòng của sinh viên theo học chương trình đào tạo đặc thù ngành du lịch tại một số trường đại học. Thông qua bộ dữ liệu thu thập từ 368 sinh viên từ 2 trường đại học bao gồm Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Đại Nam, bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu đã chỉ ra 5 biến độc lập bao gồm: Cơ sở vật chất; Mối quan hệ nhà trường và doanh nghiệp; Giảng viên; Chương trình học tập tại doanh nghiệp có tác động tích cực tới biến phụ thuộc là sự hài lòng của sinh viên theo học chương trình đào tạo ngành du lịch theo cơ chế đặc thù. Trong khi đó, sự tác động của chương trình đào tạo tới sự hài lòng của sinh viên là không rõ ràng. Từ những kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đưa ra nhằm giúp các trường đại học nâng cao sự hài lòng của sinh viên theo học chương trình đào tạo đặc thù ngành du lịch.

**Từ khoá**: Đào tạo; Cơ chế đặc thù; Sự hài lòng của sinh viên; Nhân lực ngành du lịch

**22. Nghiên cứu tài nguyên văn hóa biển phục vụ phát triển du lịch tỉnh Quảng Nam/** Lê Đức Thọ// 2020 .- Vol 6 (No.2) .- Tr. 55-60

**Nội dung:** Nghiên cứu về tài nguyên văn hóa biển phục vụ phát triển du lịch tỉnh Quảng Nam với các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Những tồn tại, khó khăn, giải pháp và hiệu quả trong quá trinh khai thác tài nguyên biển phát triển du lịch Quảng Nam.

**Từ khóa**: Tài nguyên văn hóa biển, phát triển du lịch biển, du lịch Quảng Nam.

**23. Phát triển bền vững điểm tham quan Suối Tiên ở Mũi Né - Phan Thiết**/ Chung Lê Khang// Phát triển & Hội nhập .- 2020 .- Số 54 (64) .- Tr.85-91.

**Nội dung**: Suối Tiên hay Suối Hồng với tài nguyên vô cùng thuận lợi nhưng khai thác du lịch kém hiệu quả, thiếu định hướng và vẫn còn rất nhiều những hoạt động tự phát, không xứng với tiềm năng vốn có của điểm đến. Bằng những dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, bài viết thể hiện các nội dung về tiềm năng, hiện trạng khai thác, chỉ ra những cơ hội và thách thức từ đó đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại và đưa ra những định hướng phát triển điểm tham quan suối Tiên trong liên kết vùng, khu vực.

**Từ khoá**: Suối Tiên, phát triển bền vững

**24. Phát triển bền vững kinh tế du lịch An Giang và những vấn đề đặt ra**/ Phan Thị Ánh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2021 .- Số 750 tháng 4 .- Tr. 124-126.

**Nội dung**: Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế tỉnh An Giang phát triển theo hướng chuyển dịch hợp lý từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại, dịch vụ; tăng chất lượng, giá trị lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ và du lịch. Trong đó, với vị trí tương đối thuận lợi và một nguồn tài nguyên du lịch phong phú, tỉnh An Giang có nhiều tiềm năng và điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chủ chốt trong cơ cấu kinh tế. Bài viết đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển kinh tế du lịch ở An Giang, qua đó đề xuất giải pháp phát triển kinh tế du lịch của Tỉnh trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh tế du lịch, bền vững, tiềm năng

**25.** **Phát triển du lịch cộng đồng : xóa đói giảm nghèo, bảo tồn tài nguyên và tự nhiên và văn hóa**/ Kim Hương// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Xuất hiện ớ Việt Nam khoảng 3 thập ký, mô hình du lịch cộng đồng đã khẳng định được vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch bền vững cũng như bảo tồn những giá trị vãn hóa, giá trị làng nghề và tạo việc làm cho cộng đồng địa phưong.

**Từ khóa**: Phát triển, Du lịch cộng đồng, Xóa đói giairm nghèo, Bảo tồn tài nguyên, Tự nhiên, Văn hóa

**26. Phát triển du lịch cộng đồng bền vững: điểm sáng từ du lịch ở Mai Châu, tỉnh Hoà Bình**/ Hà Anh Tuấn, Cao Thị Thu Trà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2021 .- Số 584 .- Tr.39 - 41.

**Nội dung:** Với bản sắc văn hoá độc đáo, Mai Châu trở thành điểm du lịch được Tạp chí uy tín của Mỹ Business Insider bình chọn là một trong 10 điểm đến thú vị nhất thế gới, mang lại cho khách những trải nghiệm khó quên sánh ngang với những địa danh nổi tiếng như Santiago ( Chi Lê ), Rio de Janeiro (Brazil)...

**Từ khoá:** Du lịch, bản sắc văn hoá, du lịch cộng đồng

**27. Phát triển du lịch cụm Cần Thơ - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau theo hướng liên kết mạng lưới các điểm du lịch**/ Phạm Lê Hồng Nhung, Nguyễn Nhật Minh, Nguyễn Thị Tú Trinh và Đinh Công Thành// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 149+150 .- Tr. 25-34.

**Nội dung**: Đề tài áp dụng lý thuyết mạng lưới cho việc phân tích bản chất và cấu trúc mạng lưới các điểm đến du lịch của cụm du lịch Cần Thơ - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau, từ đó đưa ra những hàm ý phát triển du lịch cụm theo hướng liên kết mạng lưới. Kết quả phân tích mạng lưới dựa trên dữ liệu là các chương trình du lịch được khai thác bởi công ty du lịch và lữ hành cho thấy mạng lưới điểm du lịch của cụm Cần Thơ - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau có sự liên kết rất yếu. Kết quả phân tích đã xác định điểm đến trung tâm chính (hub), điểm trung gian quan trọng, điểm bắt đầu, điểm kết thúc, điểm ngoại vi và điểm với vai trò lỗ hổng cấu trúc của mạng lưới. Kết quả của nghiên cứu là tài liệu tham khảo có ý nghĩa cho tổ chức quản lý điểm đến tại địa phương trong việc quy hoạch và phát triển du lịch cụm theo hướng liên kết mạng lưới.

**Từ khoá**: Mạng lưới du lịch, điểm đến du lịch, cụm du lịch Cần Thơ - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau

**28.** **Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh tại thành phố Hồ Chí Minh/** Hoàng Ngọc Hiền// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 40 - 42.

**Nội dung:** Du lịch thành phố Hồ Chí Minh đang phải đối mặt với những thách thức, khó khăn rất lớn từ đại dịch COVID-19 và các mối đe dọa tiềm ẩn khác trong tương lai. Thách thức này cũng chính là động lực thúc đẩy xây dựng các hướng đi mới hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững. Một trong những giải pháp đó là xây dựng và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Du lịch thông minh, thành phố Hồ CHí Minh, COVID-19

**29. Phát triển mô hình du lịch bền vững: Phân tích tiềm năng khu du lịch quốc gia Hồ Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình**/ Bùi Đức Hậu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 569 .- Tr.86 - 88.

**Nội dung:** Trong chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch từ cấp Trung ương tới địa phương đều khẳng định vai trò qua trọng của Hồ Hoà Bình. Đặc biệt, Quyết định số 201/QĐ-TTg xác định Hồ Hoà Bình nằm trong danh mục các địa điểm tiểm năng phát triển Khu du lịch quốc gia, là những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Tuy nhiên, trong những năm qua, việc khia thác du lịch còn nhiều hạn chế, phần nào còn mang tính tự phát, cơ sở vật chất du lịch còn ở mức khiên tốn, thiếu đồng bộ, các sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, kém hấp dẫn; đóng góp của du lịch vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn thấp ... Mặc dù, Quy hoạch phát triển du lịch Hồ Hoà Bình được phê duyệt từ năm 2006, song các định hướng phát triển chưa được hình thành rõ nét, các sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chưa phù hợp với xu thế và tình hình mới.

**Từ khoá:** Du lịch, du lịch bền vững, Hồ Hoà Bình

**30.** **Quản trị khủng hoảng trong ngành du lịch/** Võ Thị Kim Dung// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 24 - 25.

**Nội dung:** Trước những biến đổi về thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, hay những biến cố chính trị, kinh tế dẫn đến khủng hoảng, rủi ro trong ngành du lịch là không thể tránh khỏi. Với việc hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng, du lịch Việt Nam có thể phải đối mặt với tình trạng lạm phát, suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thảm họa, khủng bố…xảy ra trên phạm vi toàn cầu hay ở bất kỳ đâu trên thế giới. Vì vậy, việc xác định nguồn gốc và quản trị tốt nhằm giảm thiểu rủi ro, khủng hoảng trong hoạt động du lịch là một yêu cầu cấp thiết. Quản trị tốt rủi ro, khủng hoảng đồng nghĩa với việc doanh nghiệp kiểm soát tốt các tác động và khả năng xảy ra; hạn chế các tác động không lường trước và có khả năng triển khai các giải pháp ứng phó kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do rủi ro gây ra.

**Từ khóa**: Quản trị khủng hoảng, du lịch

**31. Quảng bá du lịch Trà Vinh trên điện thoại di động**/ Hồ Thị Diệu Hiền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.54 – 56.

**Nội dung:** Với sự phát triển vượt bậc của công nghệ, quảng bá du lịch trên điện thoại di động (ĐTDĐ) đã thực hiện trở thành một "" mỏ vàng "" đối với tất cả cá nhân và tổ chức. trước những thời cơ và thách thức hiện nay đối với tỉnh Trà Vinh trong quảng bá du lịch, bài viết này đề xuất một phương tiện quảng bá mới để thu hút du khách và phát triển du lịch thành ngành kinh tế ""mũi nhọn"": quảng bá trên điện thoại di động.

**Từ khoá:** Du lịch, di động, Trà Vinh.

**32. Tác động của giải marathon đối với việc phát triển kinh tế du lịch địa phương: Phân tích trường hợp thành công của giải Vietnam Mountain Marathon (VMM) tại Sapa**/ Nguyễn Xuân Thành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 584 .- Tr.36 - 38.

**Nội dung:** Sự kiện thể thao du lịch là một hình thức kết hợp giữa các yếu tố du lịch và thể thao. Giải chạy marathon là một điển hình của sử dụng thể thao, tạo ra sự kiện du lịch. Đây là một hình thức đã được nhiều nơi trên thế giới sử dụng tạo ra hình ảnh du lịch và là cơ hội phát triển kinh tế địa phương. Tại Việt Nam, dù phong trào chạy bộ mới chỉ hình thành vài năm gần đây, nhưng cũng có những trường hợp rất thành công của giải chạy marathon. Điển hình nhất là giải Vietnam Mountain Marathon (VMM) tại Sapa, đã trở thành một thương hiệu du lịch thể thao địa phương, trong nước và có tầm ảnh hưởng quốc tế. Bài nghiên cứu sẽ phân tích thành công của giải VMM, từ đó rút ra những bài học thành công để phát triển kinh tế du lịch thể thao bền vững.

**Từ khoá:** Du lịch, Vietnam Mountain Marathon

**33.** **Tài nguyên vị thế khu vực cửa song: Tư duy mới trong khai thác tài nguyên bền vững/** Nguyễn Song Tùng, Đoàn Thị Thu Hương// Nghiên cứu địa lý nhân văn.- 2021 .- Số 01 (32) .- Tr 3 - 9.

**Nội dung:** Tài nguyên vị thế ngày càng được coi là dạng tài nguyên đặc biệt, có tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng. Với 114 khu vực cửa song, lạch phân bố dọc theo lãnh thổ, nguồn tài nguyên vị thế khu vực cửa sông Việt Nam có giá trị và tiềm năng to lớn. Vì thế, việc định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên vị thế khu vực cửa sông là một hướng tiếp cận mới, một tư duy mới về khai thác tài nguyên bền vững.

**Từ khóa**: Tài nguyên vị thế, khu vực cửa sông, khai thác tài nguyên bền vững

**34. Thị trường khách du lịch : Tái cơ cấu, phát triển kinh tế ban đêm/** Trà My// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Dịch bệnh Covid-19 khiến thị trường du lịch quốc tế đóng cửa hoàn toàn, ngành Du lịch hiện chỉ trông vào sự phục hồi cua thị trường nội địa. Trong bối cảnh này, vấn đề chính đặt ra là cần đánh giá, xem xét lại cơ cấu ngành, trong đó có cơ cấu thị tường khách. Tổng cục Du lịch đề xuất việc cơ cấu lại thị trường khách du lịch tập trung vào một số giải pháp về nghiên cứu và phát triển sản phẩm du lịch; về cơ chế chính sách; về xúc tiến quảng bá; chuyển đổi số trong phát triển thị trường khách du lịch; tăng cường phát triển nguồn nhân lực nhằm hướng sang cơ cấu thị trường mới.

**Từ khóa**: Thị trường, Khách du lịch, Tái cơ cấu, Phát triển, Kinh tế ban đêm

**35. Thị trường khách du lịch : Tái cơ cấu, phát triển kinh tế ban đêm**/ Trà My// Tài chính doanh nghiệp .- 2021 .- Số 1+2/2021 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Dịch bệnh Covid-19 khiến thị trường du lịch quốc tế đóng cửa hoàn toàn, ngành Du lịch hiện chỉ trông vào sự phục hồi của thị trường nội địa. Trong bối cảnh này, vấn đề chính đặt ra là cần đánh giá, xem xét lại cơ cấu ngành, trong đó có cơ cấu thị trường khách.

**Từ khoá**: Thị trường du lịch, khách du lịch, kinh tế ban đêm, Dịch bệnh Covid-19

**36. Thực trạng phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Bình Định**/ Nguyễn Thị Bích Liễu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 585(Tháng 03) .- Tr. 106-108.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch và thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020.

**Từ khoá**: phát triển du lịch, du lịch bền vững, Bình Định

**37.** **Thực trạng phát triển du lịch có trách nhiệm ở huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang/** Nguyễn Trọng Nhân, Huỳnh Văn Đà, Phan Việt Đua// Nghiên cứu địa lý nhân văn.- 2021 .- Số 01 (32) .- Tr. 69 – 78.

**Nội dung:** Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng phát triển du lịch có trách nhiệm ở huyện Kiên Hải, kết quả cho thấy, còn một số tồn tại trong phát triển du lịch có trách nhiệm ở địa bàn nghiên cứu trên phương diện phát triển sản phẩm du lịch, quản lý hành vi của du khách , hoạt động cung cấp thông tin cho du khách, việc bảo đảm quyền lợi và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên lao động, quản lý giá cả dịch vụ, thug om và xử lý chất thải, an toàn trong tham gia giao thông, sử dụng nước ngọt trong du lịch.

**Từ khóa**: du lịch, du lịch có trách nhiệm, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

**38. Thực trạng quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hoá**/ Lê Thị Bình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.- 2020 .- Số 573.- Tr.32 - 34.

**Nội dung:** Trong những năm qua, ngành du lịch tỉnh Thanh Hoá đã phát triển khá nhanh, chính quyền tỉnh đã có nhiều biện pháp thúc đẩy phát triển du lịch, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý du lịch, tạo lập môi trường, điều kiện thuận lợi cho các chủ thể KDDL. Tuy nhiên, quản lý nhà nước (QLNN) đối với ngành phát triển du lịch bền vững (PTDLBV) tỉnh Thanh Hoá còn hạn chế như thiếu tầm nhìn tổng thế về phát triển du lịch nên sản phẩm du lịch còn đơn điệu, trùng lặp, kém hấp dẫn và không thể hiện được tính đặc thù. Quản lý và quy hoạch du lịch chưa hiệu quả, vấn đề liên kết phát triển du lịch chưa được chú ý.

**Từ khoá:** Du lịch bền vững, quản lý nhà nước, du lịch

**39. Thực trạng xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Vĩnh Phúc**/ Nguyễn Xuân Điền// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 169-172.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch tỉnh Vĩnh Phúc, trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch cho địa phương trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thương hiệu du lịch, xây dựng thương hiệu, điểm đến du lịch, Vĩnh Phúc

**40. Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng**/ Lê Quang Trực, Nguyễn Quang Phục, Nguyễn Đức Kiên, Trần Công Dũng, Đặng Trung Kiên// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 285 .- Tr.93-101.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đánh giá tiềm năng du lịch cộng đồng và đề xuất giải pháp phát triển loại hình du lịch này tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Phương pháp nghiên cứu bao gồm nghiên cứu tài liệu tại bàn, phỏng vấn sâu chuyên gia, khảo sát khách du lịch và thống kê kinh doanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy Phong Nha – Kẻ Bàng có tiềm năng lớn để phát triển du lịch cộng đồng, bao gồm: Tài nguyên thiên nhiên độc đáo, tài nguyên nhân văn đa dạng, sự phù hợp của nhu cầu thị trường và sự thuận lợi từ môi trường thể chế. Những giải pháp được gợi mở để phát triển du lịch cộng đồng bao gồm: Quy hoạch du lịch cộng đồng, thành lập Hiệp hội Du lịch cộng đồng, hoạch định chiến lược tiếp thị và quảng bá, đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường đối thoại giữa bên liên quan trong chuỗi giá trị du lịch cộng đồng.

**Từ khoá**: Du lịch cộng đồng, tiềm năng, giải pháp, Phong Nha – Kẻ Bàng

**41.** **Xây dựng thương hiệu điểm đến Bhutan và bài học kinh nghiệm cho di sản văn hóa Việt Nam/** Hoàng Ngọc Hiền/ Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 52 - 54.

**Nội dung:** Du lịch di sản văn hóa được coi là một trong 4 loại hình du lịch đang được du khách ưa chuộng ở Việt Nam. Để phát huy hơn nữa giá trị của các di sản đối với sự phát triển du lịch thì việc xây dựng thương hiệu cho di sản văn hóa là việc làm hết sức cần thiết. Bài viết phân tích kinh nghiệm xây dựng thương hiệu điểm đến Bhutan, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho du lịch Việt Nam.

**Từ khóa**: thương hiệu điểm đến, di sản văn hóa Việt Nam, Bhutan

**42.** **Xếp hạng thứ bậc nghề cho nhân lực Housekeeping/** Khải Bình// Du lịch.- 2021 .- Số 03 .- Tr. 16 - 17.

**Nội dung:** Để vực dậy ngành du lịch trong bối cảnh đại dịch COVID 19 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, một trong những biện pháp căn bản là nâng cao chất lượng lao động ngành du lịch. Để xứng đáng là một trong những lực lượng nòng cốt của ngành du lịch đáp ứng đúng, trúng yêu cầu của xã hội, nhân lực bộ phận buồng, phòng cần phải mạnh cả về số và chất lượng.

**Từ khóa**: nhân lực Housekeeping, du lịch, covid-19

**43. Yếu tố tác động đến ý định quay lại địa điểm du lịch của khách nội địa : khảo sát tại TP. Đà Nẵng**/ Vũ Thị Thanh Thương// Tài chính .- 2021 .- Số 752 .- Tr. 162-164

**Nội dung**: Hiện nay, dịch vụ du lịch là một trong những lĩnh vực góp phần tạo nên tăng trưởng cho các nền kinh tế. Việc thấu hiểu nhu cầu khách hàng thỏa mãn được sự hài lòng của họ là một trong những yếu tố cơ bản mang lại lợi ích lâu dài cho DN. Trên cơ sở đó, tác giả đã tiến hành lựa chọn Đà Nẵng làm địa điểm khảo sát về ý định quay lại của khách du lịch nội đị. Qua đó, đưa ra giải pháp giúp các DN nắm bắt nhu cầu của khách hàng, gia tăng năng lực cạnh trang.

**Từ khoá**: Địa điểm du lịch, ý định quay lại, sự hài lòng, năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp